

ERNEST HEMINGWAY

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỘC
ERNEST HEMINGWAY

LÊ HUY BẮC, ĐÀO THU HẰNG

Tuyển dịch

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC
ERNEST HEMINGWAY

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI GIỚI THIỆU

Ernest Hemingway sinh ngày 21.7.1899 tại Oak Park, Illinois. Cha ông là bác sĩ, mẹ là giáo viên dạy nhạc. Ông là con thứ hai trong số sáu chị em. Thuở nhỏ, Hemingway có năng khiếu âm nhạc nhưng lòng yêu thiên nhiên và tính hiếu động đã khiến ông gần gũi với những chuyến săn bắn, câu cá, đấm bốc... 18 tuổi, ông rời ghế nhà trường sau khi tốt nghiệp Trung học và đi làm phóng viên cho tờ *Kansas City Star*. 19 tuổi ông gia nhập đội Hồng thập tự sang lái xe bên chiến trường Italy trong chiến tranh Thế giới lần thứ nhất. 20 tuổi, Hemingway quay lại Mỹ với đôi nặng gỗ và tám huân chương do bị thương trên đất Italy.

Ông lấy vợ năm 22 tuổi rồi sang Pháp vừa làm báo vừa bắt đầu sự nghiệp sáng tác. Cũng trong năm này, ông cho ra mắt truyện ngắn đầu tay *Trên miệt Michigan* (1921). Nhưng mãi đến 1923, cuốn sách đầu tiên của ông – *Ba câu chuyện và mười bài thơ* – mới được xuất bản. Tính đến cuối đời, tổng số truyện ngắn của Hemingway là khoảng 100; hơn một phần ba trong số đó là những truyện chưa được in lúc ông còn sống. Hemingway được đánh giá

rất cao ở lĩnh vực truyện ngắn. Nhiều truyện của ông sánh ngang tầm Edgar Allan Poe, Anton Chekhov... và trở thành khuôn mẫu cho thể loại này. Ta có thể kể tên một vài trong số đó: *Cuộc đời hạnh phúc ngắn ngủi của Francis Macomber*, *Tuyết trên đỉnh Kilimanjaro*, *Rừng đồi tựa đàn voi trắng*, *Một nơi sạch sẽ và sáng sủa*, *Con mèo trong mưa*, *Những kẻ giết người...*

Năm 1926, khi tiểu thuyết *Mặt trời vẫn mọc* ra đời, Hemingway mới thực sự nổi tiếng trên văn đàn. Ông trở thành đại diện xuất sắc cho lớp nhà văn thuộc *Thế hệ vút đi* (Lost Generation): Có một cuộc chiến mà sự trả giá lại quá đắt. Có một thế hệ ra khỏi cuộc chiến ấy bỗng trở thành *Thế hệ lạc lõng*. Có một nhóm người đến với lễ hội để tìm lãng quên bởi người chồng của họ dở điên dở dại (Brett), bởi gia sản của họ bị mất (Mike), bởi họ không thể nào trưởng thành nổi (Cohn), bởi khả năng sinh lí của họ bị chiến tranh tước đoạt (Jake)... Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất không được miêu tả trực tiếp nhưng vẫn hiện lên trong *Mặt trời vẫn mọc*. Tháng tiếp tháng, năm lại năm, ngày ngày mặt trời mọc và lặn nhưng cuộc sống không còn yên bình, con người, nhân thế không còn nguyên vẹn sau cuộc chiến ấy.

Ba năm sau, *Giã từ vũ khí* xuất hiện. Cuốn sách kể về mối tình thơ mộng nhưng cực kì bi đát của chàng trung úy Henry và cô y tá Catherine. Một lần nữa, tên tuổi Hemingway lại vang dội. *Giã từ vũ khí* trở thành hiện tượng *bestseller* và đặc biệt sau khi bị chính quyền Mussolini cấm thì cuốn sách lại càng bán chạy. *Giã từ vũ khí* là câu chuyện tình yêu, chuyện chiến tranh thực cảm động. Chiến tranh bi đát

đã đành mà tình yêu cũng bị dạt nổi. Con người trong tác phẩm như bị ném vào thế giới thù nghịch. Một thế giới không còn luân lí đạo đức. Nên con người và cả tình yêu của họ khó có thể tồn tại. Do vậy âm hưởng chủ đạo của tác phẩm vẫn là giai điệu buồn chìm trong cơn-mưa-số-phận-bi-thảm cứ rả rích rơi suốt cả chiều dài tác phẩm.

Tuy nhiên, cũng như mọi nhân vật khác của Hemingway, nhân vật chính trong tác phẩm này cũng là người không chịu khuất phục số phận. Henry từng lê thân dưới làn mưa đạn, từng nhảy xuống sông chạy trốn cái chết và ta chắt trước cơn khủng hoảng tình cảm do cái chết của Catherine mang lại, anh vẫn can đảm vươn lên.

Năm 1937, *Có và không* ra đời, đánh dấu sự quan tâm của Hemingway đến vấn đề bức thiết của thời đại: cuộc đại khủng hoảng ở Mĩ. Và thông điệp cuối cùng của nhân vật chính Harry, “Con người không thể sống cô độc” như lời nhắn gửi, khẩn nguyện cho linh hồn của người nổi loạn cô độc. Nhưng về mặt nghệ thuật thì cuốn sách không được đánh giá cao.

Vào những năm 1930, Hemingway thường đến Tây Ban Nha. Năm 1939, sau nhiều năm theo dõi và tham dự cuộc chiến bảo vệ nền Cộng hòa của nhân dân Tây Ban Nha, Hemingway đã viết nên *Chuông nguyện hồn ai*: “Chẳng một ai tự thân là đảo riêng hoàn chỉnh, mỗi người là một mảnh của đại lục, một phần của toàn bộ đất liền; nếu một mẩu đất bị cuốn ra đại dương thì châu Âu sẽ nhỏ đi như khi một mũi đất, một ngôi nhà của bằng hữu mi hay của chính mi bị cuốn phăng đi. Cái chết của bất kì ai cũng làm ta nhỏ đi bởi ta kết liên khối với toàn nhân loại, vậy

nên đừng bao giờ khỏi chuông nguyện hồn ai. Chuông nguyện cho hồn ta đó” (John Donne). Lời thơ được dùng làm đề từ này đã toát lên tinh thần thông điệp của tác phẩm: sự tồn tại, vững mạnh không bao giờ nảy sinh từ loại trừ, hủy diệt. Con người cần phải nương vào nhau để mà sống, chiến đấu... Mặt khác, tác phẩm còn là bản bi hùng ca ngợi ca những chiến sĩ du kích Tây Ban Nha cùng với anh lính Mỹ tự nguyện Jordan can trường, bất khuất bảo vệ quyền tự do, dân chủ chính đáng của con người.

Nhưng *Qua sông vào rừng* (1950) lại là một thất bại nữa của Hemingway. Nhiều nhà phê bình xem ông đã hết thời. Không nản lòng, năm 1952 *Ông già và biển cả* ra đời. Trước khi in thành sách, tác phẩm được đăng tải nhiều kì trên tạp chí *Life*. Ngay khi mới phát hành, trong vòng bốn mươi tám tiếng, tờ *Life* đã bán được 5.318.650 bản, một con số kỉ lục trong lịch sử báo chí. Trong suốt ba tuần lễ sau khi *Ông già và biển cả* được in ra, bình quân mỗi ngày Hemingway nhận từ 80 đến 90 lá thư chúc tụng từ những người hâm mộ. Họ là những học sinh phổ thông, sinh viên đại học, các giáo sư, các nhà làm hợp tuyển văn học, bạn bè và những người chưa quen biết từ nhiều miền trên thế giới.

Tên tuổi của Hemingway được xếp vào hàng những nhà văn số một của thế giới. Năm 1953 ông nhận giải Pulitzer, giải thưởng văn chương nghệ thuật cao quý nhất nước Mỹ, và năm 1954 là Nobel văn chương.

Hemingway trải qua bốn cuộc hôn nhân. Ông có ba con trai. Và đây là nhà văn Mỹ nhưng hầu hết khoảng thời gian trong đời ông lại sống ở nước ngoài. Ông đi nhiều và được xem là thành viên của “Chủ nghĩa xê dịch”. Anh,

Pháp, châu Phi, Trung Quốc... đều có dấu chân ông. Ông đặc biệt yêu quý Cu Ba và ủng hộ Fidel Castro. Cu Ba như là quê hương thứ hai của ông. Tình cảm đó đã được ông gửi qua lời ông lão Santiago – một người sống ở Havana – khi cho lão phát biểu trong *Ông già và biển cả*, “Mình đang sống trong một thành phố nghèo tình”.

Tuy luôn sống xa Tổ quốc nhưng nhân vật trung tâm trong các tác phẩm của ông đa số là người Mĩ. Điều này phần nào đã cho thấy bóng dáng thực hay nét hư cấu *nguyên mẫu tác giả Hemingway* trong sáng tác của ông.

Cùng với William Faulkner, Ernest Hemingway được xem là người đã khai sinh ra nền văn xuôi hiện đại Mĩ. Tầm ảnh hưởng của ông càng về cuối thế kỉ càng rõ nét. Tên tuổi ông vang xa khắp năm châu. Marquez gọi ông là *thầy* và nhiều tác giả Mĩ đương đại suy tôn ông làm người khai sinh ra trường phái *Minimalism* (Chủ nghĩa cực hạn). Một trường phái văn học xuất hiện ở Mĩ từ những năm 1920 với phương châm sáng tạo cơ bản là tỉnh giản văn chương đến mức tối đa, kiệm lời và kiệm cả cảm xúc... Chuyện được phản ánh trong tác phẩm là chuyện của nhân vật. Các chi tiết, tình tiết phát triển theo nội tại khách quan của nhân vật. Nhà văn không còn là người hiểu biết tường tận mọi góc ngách tâm lí, hành động của đối tượng được miêu tả để chi phối, dẫn dắt họ theo chủ đích đã định trước...

Hemingway mất năm 1961 tại Ketchum, Idaho, tự sát như nhiều thành viên khác của gia đình: ông (chú), cha và cả cháu gái sau này.

Sau khi ông qua đời, bà Mary vợ ông đã biên tập và

cho ra mắt hai cuốn tiểu thuyết: *Đảo giữa dòng* (1970) và *Vườn Eden* (1986).

Ngoài truyện ngắn, tiểu thuyết, Hemingway còn sáng tác tập thơ 88 bài và các tác phẩm hồi kí, ghi chép... thuộc thể loại không hư cấu (nonfiction): *Những thác nước mùa xuân* (1926), *Chết trong chiều tà* (1932), *Những ngọn đồi xanh châu Phi* (1935), *Lễ hội không ngừng* (1964) và *Mùa hè nguy hiểm* (1985).

Hà Nội, tháng 12. 2004

PGS.TS LÊ HUY BẮC

ÔNG GIÀ TÔI

Bây giờ, lúc đang ngắm nhìn, tôi nghĩ ông già tôi được sinh ra để làm một người béo, một trong những người béo bình thường hơi tròn mà bạn thường gặp, nhưng chắc chắn ông chẳng bao giờ béo như thế trừ khoảng thời gian gần đây, và đó không phải là lỗi của ông, ông chỉ sắp cỡi ngựa vượt chướng ngại vật, ông có thể lên cân. Tôi nhớ cách ông trông chiếc sơ mi cao su ra ngoài hai cái áo chên, thêm một chiếc sơ mi vải bông rộng bên ngoài rồi rủ tôi cùng chạy trong cái nóng của mặt trời buổi sáng. Có lẽ ngay lúc vừa mới từ Torino đi xe ngựa thuê đến vào lúc bốn giờ sáng, ông đã cưỡi được một trong số những con ngựa của Razzo, rồi lúc sương mù hãy còn bao phủ mọi vật, mặt trời vừa mới bắt đầu nhô lên, tôi giúp ông tháo ủng, ông đi đôi giày vải và vận những cái áo ấy rồi chúng tôi lên đường.

“Đi thôi, nhóc”, ông nói lúc đang nhón chân đi tới đi lui phía trước căn phòng của nài ngựa, “chúng ta đi thôi”.

Một dạo, có lẽ sau khi chúng tôi chạy quanh sân quần ngựa, ông chạy trước, nhẹ nhàng; rồi rẽ ra cổng, chạy theo một trong những con đường được trồng cây hai bên trải dài

đến tận San Siro. Tôi vượt qua ông khi chúng tôi ra đến đường, tôi có thể chạy rất giỏi rồi khi nhìn lại, tôi thấy ông nhẹ nhàng bám sát và lát sau, nhìn lại, tôi thấy ông bắt đầu đổ mồ hôi. Mồ hôi đổ ròng ròng nhưng ông vẫn tiếp tục chạy, mắt nhìn vào lưng tôi, còn khi bắt gặp ánh mắt tôi đang nhìn, ông cười và nói, “Đổ mồ hôi nhiều chứ?” Khi ông già tôi cười, không ai có thể nín cười được. Chúng tôi tiếp tục chạy thẳng về phía núi và khi đó ông già tôi gọi, “Này, Joe!” tôi ngoái lại, thấy ông đã ngồi dưới bóng cây, cái khăn quấn quanh hông đã được quàng lên cổ.

Tôi bước lại ngồi xuống cạnh ông, ông rút trong túi ra sợi dây rồi bắt đầu nhảy trong ánh nắng, mồ hôi tuôn xuống mặt ông, sợi dây đang nhảy chìm trong đám bụi trắng, phát lên âm thanh xạch, xạch, xạch, xạch, xạch; mặt trời nóng hơn, ông nhảy hăng hơn, nhấp nhô trên đoạn đường. Quả thật thú vị khi trông ông nhảy. Ông có thể vung dây nhanh hoặc kìm chậm rất điêu luyện. Phải nói, bạn nên chứng kiến cảnh mấy người Italy, đang đi bộ vào thành phố bên cạnh chiếc xe do mấy chú ngựa non màu trắng kéo đến gần, thỉnh thoảng nhìn chúng tôi. Cái nhìn của họ như thể họ nghĩ ông già là một kẻ gàn. Ông vẫn tiếp tục nhảy vù vù trong lúc họ dừng hẳn để xem rồi thúc gậy, hét lũ ngựa đi tiếp.

Khi ngồi nhìn ông nhảy trong ánh mặt trời nóng bức, tôi rất tự hào về ông. Ông rất vui nhộn, luyện tập chăm chỉ, kết thúc buổi tập với bài nhảy dây như thường lệ, làm mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt; vắt sợi dây vào cây, ông bước đến ngồi xuống cạnh tôi rồi, quấn một cái áo cùng với cái khăn quanh cổ, tựa lưng vào thân cây.

“Làm nó giảm khó quá, Joe à”, ông nói lúc tựa người ra sau, nhắm mắt và hít sâu vào, “không giống như khi người ta còn trẻ”. Khi hồi sức, ông đứng dậy, chúng tôi chạy về trại ngựa. Đây là cách làm để sút cân. Lúc nào ông cũng lo. Đa số nài ngựa có thể làm giảm trọng lượng đến mức họ muốn. Mỗi lần đua, một nài ngựa sút khoảng một kilô, nhưng ông già tôi không giống họ và nếu không tập thì ông chẳng thể giảm đi kilô nào.

Tôi nhớ dạo ở San Siro, Regoli, một gã người Italy nhỏ con, đang cỡi đua cho Buzuni, băng qua bãi quây ngựa về phía quán bar để kiếm một ly nước mát, gã vung roi quất vào ửng sau khi cân; ông già tôi cũng vừa mới cân xong, cầm yên ngựa bước ra, mặt ông đỏ bừng, có vẻ mệt mệ vì cơ thể quá béo dưới làn áo lụa; ông đứng đó nhìn gã Regoli trẻ tuổi đang đứng cạnh quây rượu ngoài trời, trông tươi tắn và có vẻ con nít, tôi hỏi, “có chuyện gì vậy hả cha?” bởi lẽ tôi nghĩ chắc Regoli đã gây sự với ông hay làm điều gì đại loại như thế, nhưng ông chỉ nhìn Regoli và nói, “Ồ, quý tha ma bắt nó đi”, rồi đi vào phòng thay đồ.

Quả thực, chắc mọi chuyện sẽ êm đẹp nếu chúng tôi ở lại Milan và đua ở Milan và Torino, bởi lẽ nếu có những trường đua dễ thì hai nơi đó đáp ứng yêu cầu ấy. “Pianola, Joe”, ông già tôi nói khi xuống ngựa trong ngăn dành cho người thắng cuộc sau chặng đua mà người Italy là gọi cuộc chạy vượt rào kinh hoàng. Dạo nọ tôi đã hỏi ông. “Joe, kiểu đua này không đáng ngại. Chỉ có tốc độ người ta cần để vượt hàng rào mới nguy hiểm. Ở đây chúng ta không cần tốc độ và chướng ngại vật thì rõ ràng là không tồi. Nhưng

cuộc đua thì luôn cần tốc độ – không chỉ để vượt qua hàng rào – điều ấy mới là nguy hiểm”.

San Siro là trường đua tuyệt vời nhất mà tôi đã từng chứng kiến nhưng ông già tôi bảo nơi này khổ như chó. Suốt cả tuần, ngày nào chúng tôi cũng đua tới lui giữa Marafion và San Siro rồi cứ cách hai đêm lại phải đi xe lửa.

Tôi cũng phát rồ lên vì ngựa. Có cái gì tiềm ẩn trong chúng mỗi khi chúng lao ra, phi theo lối đua về vị trí xuất phát. Trông chúng có vẻ nhún nhảy, gồng cứng người bởi bị anh nài giữ chặt rồi có lẽ buông chúng tay một tí để chúng hơi dấn lên. Rồi khi chúng đứng xếp vào sau sợi dây chần, tôi cảm thấy hồi hộp hơn bất kỳ chuyện gì khác. Đặc biệt là ở San Siro, nơi có trường đua rộng, cỏ xanh rờn, núi ở đằng xa và có một người to béo ra hiệu xuất phát bằng cây roi lớn của mình rồi mấy tay nài làm chúng bồn chồn; khi sợi dây đứt phụt, tiếng chuông tắt, cả đoàn lao ra thành một mớ bùng nhùng rồi bắt đầu bút vượt lên. Bạn hẳn biết cách cả đàn ngựa khởi hành. Nếu là đứng trên bệ, nhìn qua ống nhòm, điều bạn thấy là những vó ngựa phi tới rồi khi tiếng chuông ngưng, nghe như thể đã vang suốt thời gian dài, chúng đã vòng qua khúc quanh. Đối với tôi chẳng có cảnh tượng nào có thể sánh bằng.

Nhưng ngày nọ, trong phòng thay đồ, lúc đang vận quần áo đi đường vào, ông già tôi nói, “chẳng có cái giống nào trong số ấy là ngựa cả, Joe. Ở Paris người ta hẳn sẽ thịt cả đàn nghèo ấy để lấy da và móng”. Đó là ngày ông đoạt giải cuộc đua Premio Commercio với con Lantorna lao vút trên một trăm mét cuối của trường đua giống như một cái nút bật ra khỏi chai.

Ngay sau giải Premio Commercio, chúng tôi thu xếp rời Italy. Ông già tôi, Holbrook và một gã Italy béo ự đội mũ rơm và lau mặt bằng khăn tay đã cài nhau bên bàn ở Galleria. Mọi người dùng tiếng Pháp, hai gã kia đang truy ông già tôi về chuyện gì đó. Cuối cùng ông không nói gì nữa, chỉ ngồi nhìn Holbrook, nhưng hai gã kia vẫn tiếp tục nói với ông, thoát tiên là gã này sau đó là gã khác; gã người Italy béo ự luôn ngắt lời Holbrook.

“Con ra ngoài mua hộ cha tờ Sportsman đi Joe?” ông già tôi nói và đưa cho tôi hai đồng *soldi* mà không rời mắt khỏi Holbrook. --

Thế là tôi rời Galleria đi đến trước Scala mua tờ báo rồi quay lại, đứng hơi xa bởi không muốn làm gián đoạn cuộc nói chuyện; ông già tôi ngồi tựa lưng vào ghế, nhìn tách cà phê và nghịch cái muỗng; Holbrook và gã Italy béo ự đang đứng, gã béo lau mặt và lắc đầu. Khi tôi bước đến, ông già tôi xử sự như thể hai gã kia không có mặt ở đó, ông nói, “ăn kem không, Joe?” Holbrook nhìn xuống ông già tôi rồi hạ giọng nói chậm rãi, “Đồ chó đẻ” rồi gã và gã béo lách qua mấy cái bàn bước ra.

Ông già tôi ngồi đó cố mỉm cười với tôi nhưng mặt ông trắng bệch, trông ông thật khổ sở, tôi đâm hoảng và cảm thấy trong lòng nhức nhối bởi biết điều gì đó đã xảy ra; tôi chưa từng thấy ai đó dám bảo ông già tôi là đồ chó đẻ rồi có thể bỏ đi. Ông già tôi giở tờ Sportsman, đọc mục những cuộc thi đấu có chấm điểm một lúc rồi nói, “Joe à, rồi con sẽ phải chịu vô vàn chuyện đáng cay trên thế gian này”. Ba ngày sau, chúng tôi dứt khoát rời Milan trên chuyến tàu từ Turin đến Paris sau khi bán đấu giá

tất cả mọi thứ không thể nhét vào rương hay valy ngay trước lò đua Turner.

Chúng tôi đến Paris vào lúc sáng sớm, tàu đỗ lại một cái ga bản và dài, ông già tôi bảo đây là ga Lion. So với Milan, Paris là một thành phố cực lớn. Nhưng ở Milan, mọi người dường như đi về một nơi nào đó và tất cả xe điện cũng chạy về hướng nào đó, còn Paris thì bát nháo cả lên mà người ta cũng chẳng thêm điều chỉnh nó lại. Nhưng dẫu sao thì, phải nói là tôi thích nó bởi lẽ đây là nơi có nhiều trường đua ngựa tốt nhất thế giới. Đây có lẽ là điều đã khiến thành phố sôi động, và điều duy nhất mà bạn có thể quan tâm là mỗi ngày xe buýt sẽ chạy đến bất cứ trường đua nào có tổ chức đua, chạy vượt qua mọi thứ để đến đó. Thực ra tôi chưa biết nhiều về Paris, bởi lẽ từ Maisons, cùng với ông già, tôi chỉ đến đó một hai lần trong tuần, ông luôn ngồi ở Cafe de la Paix bên phía Opera với mấy người bạn đến từ Maisons, tôi nghĩ đây là một trong những khu nhộn nhịp nhất của thành phố. Nhưng phải nói quả thật là buồn cười bởi một thành phố lớn như Paris mà lại không có lấy một Galleria, phải không?

Rồi, chúng tôi đến sống ở Maisons-Lafitte, nơi mọi người cùng sống, trừ nhóm ở Chantilly, trong khu nhà trọ của một bà Meyers nào đó. Maisons là nơi tuyệt vời nhất để sống mà tôi đã từng trải qua trong đời. Thành phố thì chẳng có gì đáng kể lắm, nhưng ở đó có một cái hồ và một khu rừng đẹp tuyệt, nơi chúng tôi thường lang thang suốt cả ngày, tôi cùng mấy đứa bạn; ông già tôi làm cho tôi cái ná, chúng tôi bắn được nhiều thứ bằng cái ná ấy nhưng món cừ nhất là một chú ác là. Ngày nọ, Young Dick

Atkinson dùng ná hạ được một con thỏ, chúng tôi đặt nó vào dưới tán cây rồi cả bọn ngồi vòng quanh, Dick hút thuốc rồi bỗng nhiên, con thỏ nhảy lên lao vào bụi, chúng tôi đuổi theo nhưng chẳng thể nào tìm thấy. Chà, ở Maisons chúng tôi rất vui. Bà Meyers thường trao bữa trưa cho tôi vào buổi sáng bởi tôi có thể đi suốt cả ngày. Tôi học nói tiếng Pháp khá nhanh. Thú tiếng ấy thật dễ.

Ngay khi chúng tôi đến Maisons, ông già tôi gọi đơn về Milan xin giấy phép và ông tỏ vẻ bồn chồn cho đến khi giấy được gọi đến. Ông thường ngồi uống ở Cafe de Paris ở Maisons với nhóm bạn; từ trước chiến tranh, lúc còn đua ở Paris ông đã quen nhiều người hiện đang sống ở Maisons và họ có nhiều thời gian để ngồi chơi bởi tính chất công việc của lò đua, đối với nài ngựa, công việc sẽ hoàn tất vào lúc chín giờ sáng. Họ đưa nhóm ngựa đầu tiên ra duyệt vào lúc năm giờ ba mươi sáng và nhóm thứ hai vào lúc tám giờ. Điều ấy nghĩa là họ sẽ phải thức dậy sớm và phải đi ngủ sớm. Nếu nài ngựa cỡi đua cho một ai đó thì anh ta không thể uống say túy lúy bởi lẽ huấn luyện viên luôn trông chừng nếu như anh ta còn trẻ; nhưng nếu anh ta không còn trẻ thì anh ta phải tự mình kiềm chế. Thế là khi nài ngựa không luyện tập thì anh ta ngồi ở Cafe de la Paris uống với bạn bè; họ có thể ngồi hai ba tiếng đồng hồ nhâm nhi cốc vang Vermouth hoặc Seltz; trò chuyện hoặc kể cho nhau nghe câu chuyện gì đấy hoặc chơi pool; lối sinh hoạt đó tựa như ở một câu lạc bộ hay tựa Galleria ở Milan. Chỉ có một điểm không giống Galleria bởi vì ở đó mọi người cứ đi tới đi lui còn ở đây thì mọi người ngồi bên bàn.

À, ông già tôi đã nhận được giấy phép. Họ gởi nó đến mà không ghi kèm lời nào và ông đã tham gia đua vài bận. Những cuộc đua nhỏ, nhưng dường như ông không kiếm được hợp đồng thuê đua nào cả. Mọi người đều quý ông, hễ bất cứ lúc nào tôi đến quán Cafe vào buổi sáng thì tôi thấy ông đang uống với ai đó bởi lẽ ông già tôi không keo giống số đông các nài ngựa thuộc thế hệ kiếm được đồng dollar đầu tiên khi tham gia đua ở Hội Chợ Quốc Tế tại St.Louis vào năm một chín không bốn. Đây là cách ông già tôi nói về trêu George Burns. Nhưng mọi người như thế tránh không muốn để ông già tôi dự đua.

Hằng ngày, đáp ô tô từ Maisons, chúng tôi đi đến bất cứ nơi nào người ta tổ chức đua, những chuyến đi ấy thật thú vị. Tôi lấy làm mừng khi lũ ngựa từ Deauville quay về và mùa hè đã hết. Thậm chí điều ấy có nghĩa đã chấm dứt những ngày lang thang trong rừng, bởi lẽ chúng tôi phải đến Enghien, Tremblay hoặc St. Cloud để xem các cuộc đua từ trên bệ dành cho huấn luyện viên và nài ngựa. Tôi chắc mình đã học được nhiều về đua ngựa, bằng việc đi với các tay đua ấy và những điều vui vẻ thì ngày nào cũng diễn ra.

Tôi nhớ dạo ở St. Cloud. Đây là cuộc đua lớn, tiền thưởng là hai trăm ngàn *franc* với bảy con ngựa tham dự và Kzar là con được hâm mộ. Cùng với ông già, tôi đi vòng quanh bãi quây để xem mấy con ngựa, bạn chưa bao giờ thấy nhiều ngựa như thế đâu. Kzar là con ngựa vàng to lực lưỡng, trông nó như thể được sinh ra để chạy đua. Tôi chưa từng thấy con ngựa nào như nó. Nó được dắt vòng quanh bãi quây, đầu cúi xuống và khi nó đến gần, tôi cảm thấy

xôn xao vô cùng bởi vẻ đẹp của nó. Chưa từng có một con ngựa nào tuyệt diệu, săn chắc, có hình dạng đẹp như thế. Khi đi vòng quanh bãi quây, nó đặt vó xuống đất nhẹ nhàng thận trọng, đầy tự tin và di chuyển dễ dàng như thể nó biết mình phải đi như thế mà không giật dây cương, chồm vó lên hay trợn mắt dạn dĩ như mấy con ngựa cà khổ bị tiêm thuốc kích thích. Người xem đứng đông nghịt, tôi không thể nhìn rõ nó, trừ mấy cái vó đang di chuyển và mảng da màu vàng, ông già tôi rẽ lối bước ra, tôi bám theo đến phòng thay đồ của nài ngựa phía sau rừng cây, nơi ấy cũng đông nghẹt người, người đàn ông đội mũ quả dưa đứng bên cửa gạt đầu chào ông già tôi, chúng tôi vào phòng, mọi người đang ngồi, thay đồ, áo sơ mi được kéo qua đầu, họ đi ủng vào, căn phòng nóng bức, sặc mùi mồ hôi, dầu xoa bóp, còn bên ngoài đám đông đang nhìn vào.

Ông già tôi đến ngồi xuống bên cạnh George Gardner, người đang vận quần và nói. “Có tin gì không, George?” bằng kiểu giọng bình thường bởi ông chẳng cần phải quan tâm đến xung quanh vì George có thể nói cho ông biết hoặc anh ta không nói.

“Nó không thắng đâu”, George nói rất khế lúc cúi về phía trước gài nút quần.

“Con nào sẽ” ông già tôi hỏi, dịch sát lại để không ai nghe được.

“Kircubbin”, George nói, “Nếu nó thắng thì hãy để dành tôi vài vé”.

Ông già tôi nói đôi lời bằng giọng bình thường với George rồi George nói, với vẻ bông đùa, “Đừng có cược vào bất cứ con nào tôi bảo ông”, chúng tôi rời phòng, rẽ lối qua

đám đông, vượt qua cái máy thu 100 *franc*. Tôi biết chuyện gì đó bởi George là người cỡi Kzar. Trên đường đi, ông già tôi ghé mua một tờ phiếu cá độ màu vàng với tỉ lệ cược ban đầu vào Kzar chỉ có 5 ăn 10, Cefisidote tiếp đó là 3 ăn 1, xếp thứ năm trong danh sách là Kircubbin với 8 ăn 1. Ông già tôi đặt năm ngàn franc vào bên thắng của Kircubbin và thêm một ngàn vào chỗ xếp hạng rồi chúng tôi đi vòng ra sau khán đài, lên cầu thang, tìm chỗ theo dõi cuộc đua.

Chúng tôi chen chúc nhau, chật như nêm rồi một người đàn ông vận áo khoác dài, đội mũ xám cao, cầm roi trong tay bước ra trước, lần lượt những con ngựa bước theo, nài ngựa ngồi trên yên, mấy chú bé học nghề nắm cương đi bên cạnh, cả đoàn bước theo sau người đàn ông có tuổi kia. Kzar, con ngựa vàng lực lưỡng đi trước. Thoạt nhìn bạn sẽ ngỡ nó không quá lớn, nhưng khi nhìn độ dài của chân, mình và dáng di chuyển thì bạn sẽ thấy tầm vóc độ sỗ của nó. Lạy Chúa, tôi chưa từng thấy một con ngựa nào như thế. George Gardner đang cỡi nó, người và vật di chuyển chậm, sau lưng ông già đội mũ xám cao trông như thể một ông bầu của gánh xiếc. Kế tiếp con Kzar, lưng vàng bước đi uyển chuyển trong ánh nắng là con ngựa toàn thân màu đen, cái đầu thật đẹp do Tommy Archibald cỡi, bám sát con ô là đoàn năm con ngựa nữa, tiến chậm theo hàng, đi qua khán đài và khu cân nài ngựa. Ông già tôi bảo con ngựa đen là Kircubbin và tôi nhìn kỹ nó, quả đúng là con ngựa đẹp thật nhưng nó không thể sánh với Kzar.

Mọi người hò reo khi Kzar đi ngang qua, nó đúng là một chú ngựa rất cừ. Đoàn diễu hành đi vòng qua phía bên kia trường đua rồi quay trở lại bên này, ông bầu bảo

mấy cậu bé học việc lần lượt buông dây cương từng con một để chúng có thể phi nước đại gần khán đài về vị trí xuất phát để mọi người chiêm ngưỡng rõ hơn. Đàn ngựa vừa mới đến điểm xuất phát thì tiếng cồng vang lên, bạn có thể thấy chúng lao vút qua trường đua, dồn dồn lại lúc quành qua khúc cua trông như thể mấy con ngựa đồ chơi cũ. Tôi đưa ống nhòm dõi nhìn chúng, Kzar đang chạy phía sau, một con trong đàn bứt lên phía trước. Chúng phi vùn vụt, quành qua khúc cong, vó nện rầm rầm, Kzar vẫn chạy phía sau; khi cả đàn phi qua chỗ chúng tôi, con Kircubbin nhẹ nhàng tung vó dẫn đầu. Trời đất! Quả thật là kỳ diệu khi chúng chạy xa, xa dần, nhỏ dần và nhỏ hơn nữa rồi dồn dồn lại qua đoạn đường vòng, vòng qua, tản ra trên các vạch kẻ và ta cảm thấy mồm miệng muốn chửi thề, lồng ngực tức căng vì quá hồi hộp. Cuối cùng vòng chạy chót cũng đến, chúng lao thẳng về phía trước, Kircubbin dẫn đầu. Mọi người trông thực buồn cười, họ luôn miệng gọi Kzar nhưng bằng kiểu giọng không được tự tin cho lắm, rồi khi lũ ngựa nện rầm rầm trên khoảng đường gần về đích, một vật gì đó vút lên ngay đầu ống nhòm của tôi tựa một vệt vàng hình đầu ngựa và mọi người bắt đầu gào lên “Kzar” như thể họ đang phát cuồng. Kzar phi nhanh hơn bất kì con ngựa nào tôi từng thấy trong đời, chớp mắt đã đuổi kịp Kircubbin đang phóng cắt lực như khả năng của bất kì một con ngựa ô nào cho phép, trong một giây, chúng chạy bằng nhau, cổ ngang nhưng Kzar với những bước rướn vững chắc dường như phi nhanh gấp đôi và đầu nó đã vượt lên – nhưng trong lúc cổ chúng ngang nhau thì chúng đã vượt qua vạch đích và khi

các con số được gắn lên bảng xếp hạng thì số hai về nhất, có nghĩa Kircubbin thắng.

Tôi cảm thấy run rẩy và hồi hộp trong lòng, khi chúng tôi cùng mọi người xuống cầu thang đứng trước tấm bảng nơi họ sẽ niêm yết số tiền cược thắng cho Kircubbin. Trời đất, lúc đang theo dõi cuộc đua tôi đã quên khuấy đi mất số tiền ông già tôi đặt cược vào Kircubbin. Tôi đã rất muốn Kzar thắng. Nhưng bây giờ, cuộc đua đã chấm dứt, thật là mừng khi biết chúng tôi thắng cuộc.

“Cha à, cuộc đua chẳng phải là diệu kì đó sao?” Tôi hỏi ông.

Ông nhìn tôi với vẻ khôi hài, cái mũ quả dưa hất ra sau đầu. “Quả đúng George Gardner là một tay nài cừ thật”, ông nói. “Phải một tay nài điêu luyện mới có thể ngăn được con Kzar ấy thắng cuộc”.

Dĩ nhiên tôi biết chuyện này thật khôi hài. Nhưng khi ông già tôi nói toạc ra như thế, nó đã làm tiêu tan hết cảm giác thích thú của tôi và tôi không có lại được cảm giác ấy thậm chí khi họ dán những con số lên bảng rồi chuông reo để chung tiền, chúng tôi thấy Kircubbin được trả 67,5 *franc* cho 10 *franc* tiền cược. Tất cả những người xung quanh đều nói, “Kzar xúi thật! Kzar xúi thật!” Tôi nghĩ giá mà mình là nài ngựa và có thể cỡi Kzar thay cho thằng chó đẻ ấy. Thật buồn cười khi nghĩ George Gardner là đồ chó đẻ bởi lẽ tôi rất ngưỡng mộ gã và hơn nữa gã đã cho chúng tôi biết con thắng cuộc, nhưng tôi chắc gã đúng là thế, rõ rồi.

Sau cuộc đua ấy, ông già tôi kiếm được nhiều tiền và thường xuyên về Paris. Nếu người ta đua ở Tremblay thì ông bảo họ thả ông xuống thành phố trên đường họ trở về

Maisons; ông cùng tôi ngồi phía trước tiệm Cafe de la Paix xem mọi người đi qua. Ngồi đấy thật buồn cười. Có cả dòng người đi qua và có đủ mọi hạng người đến gạ bán hàng cho bạn nhưng tôi thích ngồi đó cùng ông già tôi. Đấy là khoảng thời gian chúng tôi có nhiều chuyện vui nhất. Nhiều người đến bán những con thỏ ngộ nghĩnh, có thể nhảy nếu bạn bóp cái túi cao su, mấy người đó đến với chúng tôi và ông già tôi trêu đùa với họ. Ông có thể nói giỏi tiếng Pháp như tiếng Anh và tất cả những người ấy biết ông bởi người ta luôn nhận ra một nài ngựa – và hơn nữa chúng tôi luôn ngồi ở cái bàn ấy và họ thường thấy chúng tôi ở đó. Có nhiều gã bán giấy đăng ký kết hôn và những cô gái bán những quả trứng bằng cao su mà khi bạn bóp thì một chú gà trống nhảy vọt ra; và còn cả một gã luống tuổi tiểu tụy mang những tấm bưu thiếp Paris bán rong, đưa mời mọi người, và, dĩ nhiên chẳng có ai mua, nhưng khi ông ta trở lại, chìa cho xem mặt dưới của tập hàng, đấy là những tấm bưu ảnh tục tĩu thì rất nhiều người bới lên, chọn mua.

Trời đất, tôi nhớ những con người khôi hài thường đi qua đó. Những cô gái lẳng vẳng vào giờ ăn khuya hòng tìm ai đó đưa đi ăn, họ nói chuyện với ông già tôi, ông đùa mấy câu với họ bằng tiếng Pháp, họ xoa đầu tôi rồi đi. Một dạo, có bà người Mỹ ngồi với cô con gái bên cạnh bàn chúng tôi, cả hai người ăn kem, tôi chăm chú nhìn cô gái, cô ta mới đẹp làm sao, tôi cười với cô và cô mỉm cười với tôi, nhưng chuyện ấy chỉ có thế bởi lẽ dẫu tôi có ngóng mẹ cô và cô mỗi ngày, dẫu tôi đã nghĩ ra những lời lẽ để nói chuyện với cô rồi tự hỏi liệu mình làm quen được với cô thì mẹ cô có cho

phép mình đưa cô đến Auteuil hoặc Tremblay nhưng tôi chẳng hề gặp lại họ lần nào nữa. Dẫu sao, tôi nghĩ hẳn điều đó cũng chẳng tốt lành tí nào, chắc thế, bởi vì hồi tưởng lại chuyện ấy nên tôi nhớ cái cách tôi cho rằng tốt nhất để nói với cô ta là, “Thứ lỗi cho tôi, nhưng cho phép tôi nói cho cô biết con ngựa nào sẽ thắng ở Enghien hôm nay được chứ?” rồi sau đó có lẽ cô ấy nghĩ chắc tôi là một kẻ khoác lác thay vì thực lòng muốn báo cho cô biết con nào thắng.

Chúng tôi ngồi ở Cafe de la Paris, ông già tôi và tôi, chúng tôi có mối quan hệ thân thiết với anh bởi bởi ông già tôi uống whisky, giá năm *franc* một ly, điều đó có nghĩa khi thanh toán, món tiền bo sẽ lớn. Tôi thấy ông già tôi đang uống nhiều hơn bao giờ hết, nhưng bây giờ ông không đua nữa và hơn nữa ông bảo whisky sẽ làm ông giảm cân. Nhưng tôi thấy ông vẫn đang béo lên như trước. Ông tránh nhóm bạn cũ ở Maisons và dường như thích ngồi uống bên đường với tôi. Nhưng hằng ngày ông đều thua bạc ở trường đua. Nếu thua, ông buồn bã sau khi trận đua kết thúc mãi cho đến khi hai cha con đến cái bàn của chúng tôi, ông uống hết cốc whisky đầu tiên rồi mới vui trở lại.

Lúc đang đọc tờ Paris-Sport, ông nhìn về phía tôi và nói, “cô bé của con đâu rồi Joe?” để trêu tôi bởi tôi đã kể cho ông nghe về chuyện cô gái ngồi ở bàn bên hôm ấy. Tôi đỏ mặt nhưng lại thích bị trêu về chuyện cô gái. Nó mang lại cho tôi cảm giác dễ chịu. “Cứ chong mắt lên mà đợi cô bé Joe à”, ông nói, “cô ta sẽ quay lại”.

Ông hỏi tôi mấy câu và một trong những câu trả lời của tôi khiến ông phá lên cười. Và rồi ông bắt đầu nói về

mọi thứ. Về việc đua ngựa ở Ai Cập, hoặc ở St. Moritz trên mặt băng trước khi mẹ tôi qua đời, về thời gian chiến tranh khi người ta tổ chức những cuộc đua đều đặn ở miền Nam nước Pháp mà không có giải thưởng, cá độ, khán giả hay mọi thứ, chỉ để luyện ngựa mà thôi. Những cuộc đua định kỳ với những nài ngựa quần cho chúng bỏ hơi tai. Chà, tôi có thể nghe ông già tôi nói hàng tiếng đồng hồ, đặc biệt khi ông đã uống hết vài ly. Ông kể cho tôi nghe về thời thơ ấu của mình ở Kentucky và những lần đi săn gấu trúc, những ngày xa xưa ở Mỹ trước lúc mọi thứ trở nên tồi tệ. Rồi ông nói, “Joe à, khi nào cha con ta thắng một quả đậm, thì con sẽ quay lại Mỹ để theo học”.

“Con phải về đó học để làm gì một khi ở đó mọi thứ đang tồi tệ?” tôi hỏi ông.

“Việc ấy khác đấy”, ông nói và gọi bồi đến trả tiền rồi chúng tôi gọi tắc xi đến ga St. Lazare, đón tàu về Maisons.

Ngày nọ, ở Auteuil, sau cuộc bán ngựa đua vượt chướng ngại vật, ông già tôi đã mua được con ngựa thắng cuộc với giá 30.000 *franc*. Ông phải trả cao hơn một chút và cuối cùng thì chủ lò cũng đồng ý bán, trong vòng một tuần lễ, ông già tôi đã xin được giấy phép và màu áo. Chà, tôi cảm thấy tự hào khi ông già tôi sở hữu một chú ngựa. Ông đã thu xếp với Charles Drake một nơi ở trong lò luyện ngựa và thôi không đến Paris nữa mà lại chạy và ra mồ hôi, ông và tôi hai người duy nhất ở trại ngựa. Con ngựa của chúng tôi có tên là Gilford, dòng Ai Len và là một chú ngựa vượt rào đẹp, kiêu hùng. Ông già tôi dự định sẽ tập và tự mình cỡi nó, ông đang đầu tư một cách đúng đắn. Tôi tự hào về mọi thứ và tôi nghĩ Gilford kiêu hùng không kém gì Kzar. Nó là

chú ngựa đẹp, hùng dũng, một con nòi, có thể phóng như bay trên đất bằng nếu bạn muốn, thêm nữa đây còn là một con ngựa xinh xắn.

Chao ôi, tôi tự hào về nó lắm. Lần đầu tiên dự giải do ông già tôi cỡi, nó về thứ ba trong cuộc thi vượt rào dài 2500 mét, khi ông già tôi xuống ngựa, mồ hôi đổ đầm đìa và hạnh phúc khi đứng trong ngăn xếp hạng rồi đi vào căn, tôi cảm thấy rất tự hào về ông như thể đây là lần đầu tiên ông được xếp hạng. Bạn biết đấy, khi một người đã bỏ lâu không cỡi ngựa thì bạn không thể buộc mình tin được rằng người đó đã từng cỡi ngựa. Bây giờ chuyện ấy đã khác hoàn toàn, bởi vì ở Maisons, ngay những cuộc đua lớn cũng dường như chẳng khiến ông già tôi bận tâm mấy may, nếu thắng ông cũng chẳng tỏ vẻ bị kích động hay hưng phấn, còn giờ đây, đã khác rồi, tôi không thể ngủ trong đêm trước lúc cuộc đua diễn ra và tôi biết ông già tôi cũng bồn chồn dẫu ông không để lộ ra. Cỡi đua cho chính mình là một việc làm khác hẳn.

Lần thứ hai Gilford và ông già tôi dự đua là một ngày chủ nhật lất phất mưa tại Auteuil ở Prix du Marat, một cuộc đua vượt rào dài 4500 mét. Ngay khi ông ra sân, tôi đứng dậy trên khán đài dõi chiếc ống nhòm ông mới mua cho tôi để nhìn theo. Họ xuất phát ở phía cuối đường đua và có chuyện gì trục trặc ở dây chấn. Một con ngựa đeo lá che có tròng mắt kính đang hí vang, lồng lên làm đứt cả dây chấn nhưng tôi vẫn nhìn thấy ông già tôi mặc jacket màu đen có chữ thập trắng, đội mũ đen, ngồi trên lưng Gilford và đưa tay vỗ vỗ nó. Rồi cả đoàn phi tới, khuất sau rặng cây trong tiếng cồng ra hiệu xuất phát và tiếng các

công phụ đóng xuống. Lạy Chúa, tôi hồi hộp quá, tôi không dám nhìn họ nhưng tôi hướng ống nhòm vào vị trí họ sẽ chạy qua khi ra khỏi rừng cây và họ đã ra, chiếc jacket màu đen cũ chạy thứ ba, cả đoàn phóng qua chướng ngại vật tựa lũ chim. Rồi họ lại khuất khỏi tầm mắt rồi họ phóng rầm rầm lên, xuống ngọn đồi, cả đoàn di chuyển tuyệt đẹp, thoải mái, cùng dễ dàng vượt qua hàng rào, kết thành khối vững tiến về phía trước khi lao qua chỗ bọn tôi. Trông như thể bạn có thể bước băng qua lưng lũ ngựa, chúng dịch sát vào nhau và cứ thế lao lên. Khi bụng chúng vượt qua chướng ngại đồi cao vút Bullfinch, có ai đó ngã xuống. Tôi không thể nhìn rõ là ai, nhưng trong vòng một phút sau, con ngựa vùng dậy, tự do phi trên bầu trời, cả đoàn đua vẫn đều bước, lướt vòng qua khúc cua bên trái vào đường chạy thẳng. Họ nhảy qua bức tường đá và dồn đông lại trên đường đua hướng về phía chướng ngại vật là một hào nước rộng ngay trước khán đài. Tôi thấy họ đến và hò reo cổ vũ ông già tôi lúc ông phi qua, ông đang dẫn đầu, phi cách xa đoàn một khoảng, nhẹ nhàng như một chú khỉ rồi họ sắp vượt chướng ngại vật nước, cả đoàn lao qua chướng ngại vật cao vút bên cạnh hào nước rồi va vào nhau, rồi hai con ngựa được giàng cương tách ra, chạy tiếp trong lúc ba con khác vẫn đang dồn đông lên nhau. Tôi không thấy ông già tôi đâu nữa. Một con ngựa nữa đứng dậy, lắc lắc đầu phóng ra một mình, dây cương buông lỏng thòng còn anh nài thì lê bước về phía hàng rào bên cạnh đường đua. Rồi Gilford lăn người khỏi ông già tôi, đứng dậy chạy bằng ba chân, một móng chân trước của nó bong ra lủng lảng, ông già tôi nằm đó, bẹp dí trên cỏ, mặt ngựa lên,

máu chảy tràn khắp một bên đầu. Tôi chạy xuống khán đài, len qua đám khán giả đông nghịt đến hàng rào, một viên cảnh sát nắm giữ tôi lại, hai người to lớn mang cáng tiến về phía ông già tôi, từ phía bên kia trường đua tôi thấy ba con ngựa lao ra, lao ra khỏi cụm cây và vượt hàng rào.

Khi họ mang vào, ông già tôi đã chết, trong lúc bác sĩ đang nghe tim ông bằng dụng cụ có núm đút vào tai, tôi nghe một phát đạn nổ trên trường đua, có nghĩa người ta đã giết Gilford. Tôi ngã vật xuống bên cạnh ông rồi khi họ đưa cáng vào bệnh viện, tôi bám theo và cứ gào, gào thảm thiết, trông ông tái nhợt, xa cách vô cùng, ông chết thảm thương quá và tôi không thể ngăn được ý nghĩ rằng nếu ông già tôi đã chết thì lẽ ra người ta không cần phải bắn Gilford. Móng của nó có thể lành. Tôi không chắc. Tôi rất yêu ông già tôi.

Sau đó hai người vào phòng, một người vỗ vào lưng tôi rồi đến nhìn ông già tôi và kéo tấm vải khỏi giường đắp lên người ông, còn người khác thì gọi điện bằng tiếng Pháp bảo họ đưa xe cứu thương đến chở ông về Maisons. Tôi không thể cầm được nước mắt, khóc và ngất đi rồi cứ thế, George Gardner bước vào ngồi xuống cạnh tôi trên nền nhà, choàng tay vào người tôi và nói, “Bình tĩnh nào, Joe, anh bạn cũ. Đứng dậy đi, rồi ta ra ngoài đợi xe cứu thương”.

George và tôi ra cổng, tôi cố không thốn thức nữa. George lấy khăn tay của mình chùi mặt cho tôi, chúng tôi đứng hơi lùi lại phía sau trong lúc khán giả đang ra cổng; có hai gã đứng gần chúng tôi trong lúc đang đợi người xem ra hết, một trong hai đang đếm năm vé cá độ, gã ta nói, “này Butler đã nhận phần của hán, đúng thế”.

Gã kia nói, “Nếu hấn có nhận thì tao cũng chẳng thấy thương xót nước mẹ gì đâu, cái đồ lọc lừa. Hấn nhận phần dành cho hấn sau khi đã gieo nó ra”.

“Tao đoán là hấn sẽ phải nhận”, gã kia nói và xé nắm vé làm hai. George nhìn thử xem tôi đã nghe chưa và khi biết tôi nghe hết, gã nói, “Em chớ có tin những gì mấy thằng khốn đó nói, Joe. Ông già em là một người tuyệt vời”.

Nhưng tôi không biết. Tôi cảm nhận như thế khi người ta đã làm thì họ không phải không để lại cái gì đó cho người khác đâu.

LÊ HUY BẮC dịch

TRẠI NGƯỜI DA ĐỎ

Chiếc thuyền nữa ghé sát bờ hồ. Hai người da đỏ đứng đợi. Nick và ba cậu bước lên đàng sau thuyền, họ đẩy thuyền ra, một người leo lên chèo đi. Chú George ngồi đàng đuôi con thuyền của trại. Anh chàng da đỏ đẩy thuyền rồi bắt đầu chèo.

Hai chiếc thuyền lướt trong bóng tối. Qua màn sương, Nick nghe tiếng mái chèo của con thuyền kia khá xa ở phía trước. Hai người da đỏ thoăn thoắt bỏ mái chèo. Nick nằm ngửa trong vòng tay của ba cậu. Mặt hồ lạnh. Người da đỏ trên thuyền họ đang chèo cật lực nhưng chiếc thuyền kia vẫn luôn bỏ xa trong khối mù trước mặt.

“Chúng ta đang đi đâu hả ba? Nick hỏi.

“Đến trại người da đỏ. Có một phụ nữ da đỏ ốm nặng”.

“Ồ, Nick nói.

Qua vịnh, họ thấy con thuyền kia đã cập bến. Trong bóng tối, chú George đang hút cigar. Anh chàng da đỏ kéo thuyền vào bờ. Chú George rút cigar mời hai người da đỏ.

Theo anh chàng da đỏ mang đèn lồng, từ bờ hồ họ đi xuyên qua đồng cỏ đêm sương. Lát sau, họ đi vào rừng,

men theo lối mòn đến con đường chỗ gỗ chạy sâu vào rừng đồi. Trên đường chỗ gỗ, trời sáng hơn nhiều bởi rừng cây bị phát quang hai bên đường. Anh chàng da đỏ dừng lại, thổi tắt ngọn đèn rồi cả đoàn tiếp tục bước đi.

Lúc họ đi qua đoạn đường vòng, một con chó chồm ra sủa. Đằng kia, ánh đèn từ những căn lều nơi người da đỏ bóc vỏ cây sinh sống hắt ra. Thêm nhiều con chó nữa xô về phía họ. Hai người da đỏ đuổi chúng vào lại trong lều. Trong căn lều nằm gần đường nhất, có một ngọn đèn trên cửa sổ. Một bà lão cầm đèn đứng trên ngưỡng cửa.

Trong lều, một thiếu phụ da đỏ nằm trên chiếc giường gỗ. Đã hai ngày qua, chị cố sinh đứa bé trong bụng. Tất cả các bà lão trong khu trại đều đến giúp chị. Cánh đàn ông rời nhà, ra đường ngồi hút thuốc trong bóng tối mãi tận đằng kia để khỏi phải nghe tiếng gào thét của chị. Ngay khi Nick và hai anh chàng da đỏ theo sau cậu và chú George vào lều, chị ta cất tiếng thét. Chị nằm trên chiếc giường thấp hơn, lù lù dưới tấm chăn bông.

Đầu chị ngoẹo sang một bên. Chồng chị ở giường trên. Cách đây ba hôm, chiếc rìu của anh đã chặt phải bàn chân rất sâu. Anh ta đang phì phèo chiếc tẩu. Căn phòng ngập ngụa mùi hôi khó chịu.

Ba Nick bảo đun ít nước, trong lúc đợi nước nóng ông bảo Nick.

“Cô ấy sắp sinh em bé, Nick à”, Ông nói.

“Con hiểu”, Nick đáp.

“Con chưa hiểu, “Ông nói”. Nghe ba giải thích này. Những gì cô ấy phải chịu đựng được gọi là đau đẻ. Em bé muốn được sinh ra, còn cô ấy thì muốn sinh em bé. Cơ của

cô dồn hết sức để sinh em bé. Khi cô la hét là lúc cơ chế ấy diễn ra”.

“Con hiểu”, Nick nói.

Ngay lúc đó người đàn bà thét lên.

“Ôi, ba, ba không thể làm gì để cô ấy đừng kêu thét nữa sao?” Nick hỏi.

“Không thể. Ba chẳng có một chút thuốc mê nào cả”. Ba cậu nói. “Nhưng tiếng thét của cô ấy không quan trọng. Ba không nghe thấy bởi chúng chẳng đáng ngại”.

Anh chồng ở giường trên lăn tựa vào tường.

Người đàn bà trong bếp thừa với bác sĩ rằng nước đã nóng. Ba Nick vào bếp rót hết nửa ấm nước lớn vào chậu. Ông lấy nhiều dụng cụ từ chiếc khăn tay thả vào chỗ nước còn lại trong ấm.

“Những thứ ấy phải được đun sôi”, ông nói, và bắt đầu rửa tay trong chậu nước nóng với bánh xà phòng ông mang đến trại. Nick quan sát hai bàn tay cọ với nhau trong đám bọt. Lúc ba cậu đang cẩn thận kỳ rửa hai bàn tay, ông nói.

“Con biết đấy Nick, khi sinh, em bé thường chui đầu ra trước nhưng đôi khi lại không phải thế. Nếu thai không thuận thì chúng sẽ gây phiền toái cho mọi người. Có lẽ, ba sẽ phải mổ cho cô ấy. Lát nữa chúng ta sẽ rõ”.

Khi đã hài lòng với đôi tay, ông vào lều và bắt tay vào công việc.

“George, chú kéo giúp hai cái chần bông ấy được chứ?” Ông nói. “Tôi không đụng vào chúng được”.

Sau đó, ông chuẩn bị mổ, chú George và ba người đàn ông da đỏ giữ chặt người phụ nữ, cô ta cắn vào cánh tay chú George, chú George quát “Đồ chó cái da đỏ!”, anh

chàng da đỏ chèo thuyền chở chú George cười ngật nghèo, Nick giữ cái chậu cho ba cậu. Cuộc phẫu thuật khá lâu.

Ba cậu bỗng em bé lên, vỗ vào người để nó thở rồi trao cho bà lão.

“Xem này, một chú nhóc đó Nick”, ông nói. “Con thích làm một sinh viên y khoa nội trú chứ?”

Nick đáp, “Cũng được, thưa ba”. Cậu đang nhìn nơi khác để khỏi thấy những gì ba cậu làm.

“Đấy. Như thế để lấy nó”, ba cậu nói và đặt cái gì đó vào chậu.

Nick không nhìn.

“Bây giờ”, ông nói. “chỉ còn mấy mũi khâu nữa. Con có muốn xem hay không thì tùy, Nick – à. Ba sắp khâu vết mổ đây”.

Nick không nhìn. Sự hiếu kỳ của cậu đã tan biến từ lâu.

Ba cậu khâu xong rồi đứng thẳng dậy. Chú George và ba người đàn ông da đỏ cũng đứng lên. Nick mang cái chậu vào bếp.

Chú George nhìn cánh tay mình. Mũi anh chàng da đỏ phảng phất nụ cười.

“Chú George, tôi sẽ bôi ít peroxide vào đây”. Bác sĩ nói.

Ông cúi xuống người phụ nữ da đỏ. Bây giờ chị ta lặng im, mắt nhắm lại.

Trông chị nhợt nhạt. Chị không biết chuyện gì vừa xảy ra với đứa bé hay bất kỳ chuyện gì khác.

– “Tôi phải về trong sáng nay”, bác sĩ nói lúc đang đứng thẳng lên. “Khoảng trưa, cô y tá ở St. Ignace sẽ đến đây, cô ấy sẽ mang những thứ chúng ta cần”.

Ông cảm thấy mình được kính phục nên chuyện trò hân hoan như cánh cầu thủ bóng đá trong phòng thay quần áo sau trận đấu.

“Ca phẫu thuật này là cả công trình khoa học cho tập san y học đó George à”, ông nói. “Mổ tử cung bằng một con dao xếp, khâu chín mũi và nối các dây gân bụng.

Chú George đang đứng tựa vào tường, nhìn cánh tay mình.

– Ổ hử rồi, anh là người vĩ đại”, chú đáp.

– Ta hãy xem qua ông bố tử hào nào. Họ luôn là người chịu đựng ghê gớm nhất trong những chuyện đời thường như thế này”. Bác sĩ nói. “Tôi phải thần phục bởi anh ta khá im lặng khi chịu đựng”.

Ông kéo cái mền khỏi đầu người da đỏ. Bàn tay ông ướt đẫm. Ông đứng lên thành giường bên dưới, cầm ngọn đèn rọi xem. Người da đỏ nằm quay mặt vào tường. Cổ họng anh ta bị cắt từ tai này sang tai kia. Máu chảy thành vũng nơi cơ thể anh ta làm chiếc giường võng xuống. Đầu anh ta gối lên cánh tay trái. Con dao cạo vẫn mở, nằm dựng lưỡi trên trong mền.

“Đưa Nick ra khỏi lều ngay, George”, bác sĩ nói.

Không cần phải làm điều đó. Đang đứng trong cửa bếp, Nick nhìn rõ cảnh tượng ở giường phía trên khi ba cậu một tay cầm đèn, tay kia xoay đầu người da đỏ lại.

Trời đang dần sáng khi họ bước trên con đường chở gỗ quay ra hồ.

“Nick, ba rất ân hận vì đã cho con đi theo”, ba cậu nói, tất cả niềm vui sướng sau ca phẫu thuật của ông đã tan biến, “Cảnh tượng ấy quá tồi tệ để con chứng kiến”.

“Đàn bà có thường xuyên sinh con khó như vậy không?” Nick hỏi.

“Không. Đây là trường hợp cực kỳ hi hữu”.

“Tại sao chú ấy tự sát hả ba?”

“Ba không rõ Nick à. Ba nghĩ hẳn chú ấy không thể chịu đựng nổi mọi chuyện”.

“Có nhiều đàn ông tự sát không hả ba?”

“Không nhiều lắm đâu con, Nick”.

“Thế còn đàn bà?”

“Hầu như chẳng có ai”.

“Chẳng có ai hành động như thế cả sao?”

“À có đấy. Đôi khi họ cũng tự tử”.

“Đúng vậy không ba?”

“Đúng”.

“Chú George đâu nhỉ?”

“Chú sẽ đuổi kịp bây giờ”.

“Chết có khó không hả ba?”

“Không, ba nghĩ là khá dễ đó Nick. Nhưng việc ấy còn tùy”.

Họ ngồi trên thuyền, Nick đằng sau thuyền, ba cậu đang chèo. Mặt trời sắp vượt qua mấy ngọn đồi. Một con cá vượt phóng lên, tạo thành đường tròn gợn trên mặt hồ Nick nhúng tay xuống nước. Mặt nước ấm trong giá lạnh của buổi sớm.

Ngồi đằng sau thuyền với ba đang buông chèo xuống mặt hồ trong buổi sáng sớm hôm ấy, cậu bé đinh ninh rằng mình sẽ chẳng bao giờ chết.

LÊ HUY BẮC dịch

BÁC SĨ VÀ VỢ BÁC SĨ

Từ trại da đỏ, Dick Boulton đến cửa gỗ cho bố Nick. Hắn mang theo con trai Eddy và một người da đỏ nữa, tên là Billy Tabeshaw. Chúng băng qua rừng, vào bằng cửa sau. Eddy vác cái cửa xẻ dài. Cái cửa vát qua vai, phát lên tiếng nhạc khi nó bước đi. Billy Tabeshaw mang hai cái móc-cán lớn. Dick ôm ba cái rìu.

Hắn quay lại gài cổng. Hai đứa kia đi trước, xuống hồ nơi mấy cây gỗ vùi trong cát.

Đây là mấy cây gỗ lạc từ hàng rào gỗ nổi trên sông nơi con tàu Magic kéo từ hồ đến xưởng cửa. Chúng dạt vào bờ và nếu không xử lý kịp thì chẳng mấy nữa thủy thủ đoàn trên tàu Magic sẽ chèo thuyền dọc bờ, đánh dấu cây gỗ, đóng cái đinh có khoen sắt vào đầu cây gỗ rồi kéo chúng vào hồ để dựng hàng rào mới. Nhưng có thể cánh thợ ấy chẳng thèm đến kiểm bởi chỉ vài khúc gỗ thì không đáng để phái cả nhóm thủy thủ đi lôi về. Nếu chẳng có ai đến lấy thì chúng sẽ bị để ngấm nước đến mục trên bờ.

Bố Nick đã tiên liệu như thế và điều đó hẳn sẽ xảy ra, rồi ông thuê mấy người da đỏ ở trại đến cửa mấy cây gỗ,

dùng ném chẻ thành các loại củi lớn nhỏ cho lò sưởi. Dick Boulton đi vòng quanh ngôi nhà tranh xuống hồ. Có bốn cây gỗ sồi nằm vùi hẳn trong cát. Eddy móc tay cầm của cái cửa lên chạc cây. Dick đặt ba chiếc rìu xuống cụm cây chút chút. Dick là con lai nhưng nhiều nông dân quanh hồ cứ ngỡ hắn là người da trắng. Dầu rất lười nhưng một khi đã bắt tay vào công việc thì hắn là tay thợ cừ khôi. Hắn móc bánh thuốc lá ra khỏi túi, xé một ít nhai rồi nói với Eddy và Billy Tabeshaw bằng tiếng Ojibway.

Chúng cắm mũi của hai chiếc móc-can vào một đầu cây gỗ rồi lắc để bẩy nó lên mặt cát. Chúng dồn hết trọng lượng lên cái móc can. Cây gỗ di chuyển trong cát. Dick Boulton quay sang bố Nick.

“Này bác sĩ”, hắn nói, ông thường được mấy cây gỗ tốt đó”.

“Đừng nói thế, Dick, “Bác sĩ nói, “Đấy là gỗ dạt thôi mà”.

Eddy và Billy Tabeshaw bẩy được cây gỗ lên khỏi lớp cát ướt và lăn nó xuống nước.

“Để nó đấy”, Dick Boulton hét.

“Anh làm thế để làm gì?” bác sĩ hỏi.

“Rửa sạch nó. Rửa sạch cát trên vết cứa. Tau muốn biết ai là chủ cây gỗ”, Dick nói.

Cây gỗ được rửa sạch trong hồ. Trong ánh sáng Eddy và Billy Tabeshaw chống cây móc-can đứng, mồ hôi đầm đìa. Dick quỳ gối xuống cát xem xét dấu hiệu đóng vào đầu cây gỗ.

“Nó thuộc về White và McNally”, hắn nói rồi đứng dậy phủi gối quần.

Bác sĩ rất khó chịu.

“Tốt hơn là anh đừng có đếm xỉa đến chuyện đó Dick”, ông nói nhanh.

“Chớ có hợm mình, thưa bác sĩ”, Dick nói. “Đừng ngạo. Tôi chẳng thèm để ý đến việc ông ăn cắp của ai. Đấy không phải là việc của tôi”.

“Nếu mày nghĩ đấy là gỗ ăn cắp thì hãy để chúng đó, cầm lấy dụng cụ quay về trại đi”. Bác sĩ nói. Mặt ông đỏ gay.

“Đừng có nổi nóng như thế, thưa bác sĩ”, Dick nói. Hắn nhỏ nước thuốc lá lên cây gỗ. Nước bọt loang ra, tan trong nước. “Cả ông lẫn tôi đều biết đấy là gỗ ăn cắp. Với tôi thì đúng là thế đấy”.

“Thôi được. Nếu mày nghĩ đó là gỗ ăn cắp thì hãy cầm lấy đồ xéo mau”.

“Thôi nào, bác sĩ”.

“Cầm lấy đồ cút đi”.

“Nghe này, bác sĩ”.

“Nếu mày còn gọi ta là bác sĩ một lần nữa thì tao sẽ đánh gãy răng nanh của mày”.

“Ồ không, ông sẽ không, thưa bác sĩ”.

Dick Boulton nhìn bác sĩ. Dick là gã to con. Hắn biết hắn thuộc loại lớn xác. Hắn thích đánh nhau. Hắn luôn sẵn sàng. Eddy và Billy Tabeshaw chống móc-can nhìn bác sĩ. Bác sĩ cắn cắn mấy sợi râu dưới môi dưới và nhìn Dick Boulton. Sau đấy ông quay người, bước lên đồi về nhà. Nhìn lưng ông, chúng có thể biết được cơn giận dữ của ông lớn đến nhường nào. Cả bọn dõi theo ông bước lên đồi, vào nhà.

Dick nói gì đó bằng tiếng Ojibway. Eddy cười nhưng Billy trông rất căng thẳng. Anh ta không hiểu tiếng Anh

nhưng suốt thời gian hai người cãi nhau, anh toát cả mồ hôi. Anh ta béo, râu thưa như người Trung Quốc. Anh nhặt hai cái móc-can. Dick xách mấy cây rìu, còn Eddy lấy cửa từ chạc cây xuống. Chúng bước đi, vòng qua nhà ra cổng sau vào rừng. Dick không khép cổng. Billy Tabeshaw quay lại gài chặt. Chúng đi sâu vào rừng.

Trong nhà, bác sĩ ngồi trên giường trong phòng mình nhìn đồng tạp chí y học trên sàn, cạnh bàn làm việc. Chúng hãy còn nguyên trong lớp giấy quán. Ông đang cúi.

“Mình lại làm việc phải không, mình? nằm trong phòng có rèm che kín vợ bác sĩ hời”.

“Không”.

“Anh cãi nhau với Dick Boulton”.

“Ồ, vợ ông nói. “Henry, em nghĩ là mình không nổi nóng”.

“Không”, bác sĩ nói.

“Hãy nhớ, người nào chế ngự được bản thân thì còn vĩ đại hơn là khi người đó thống trị cả một thành phố”. Vợ ông nói. Bà là người tin vào liệu pháp Cơ đốc học. Cuốn Kinh thánh, tờ Khoa học và sức khỏe cùng với tờ Quarterly đang nằm trên bàn, trong bóng tối, cạnh giường bà.

Chồng bà không đáp. Bây giờ ông đang ngồi trên giường, chùi khẩu súng. Ông tháo băng lấp đầy những viên đạn màu vàng và đổ ra. Chúng văng khắp giường.

“Henry này”, vợ ông gọi. Rồi dừng một lát. Henry!”.

“Ừ”, bác sĩ nói.

“Mình không nói điều gì làm Boulton giận phải không?”

“Không”, bác sĩ đáp.

“Thế thì có chuyện gì rắc rối vậy mình?”

“Chẳng quan trọng lắm đâu”.

“Kể cho em nghe đi, Henry. Đừng cố giấu em nữa. Chuyện gì vậy?”

“Hừ, Dick nợ anh rất nhiều tiền trong việc chữa chạy cho vợ hần khỏi bệnh viêm phổi, anh đoán là hần cố gây chuyện để không phải làm việc trả nợ.

Vợ ông im lặng. Bác sĩ dùng mảnh vải chùi súng cẩn thận. Ông nhét đạn vào lại trong rãnh của băng đạn. Ông ngồi với khẩu súng đặt trên đùi. Ông rất quý nó. Rồi ông nghe giọng vợ nói trong phòng tối.

“Mình này, em không nghĩ, em thực sự chẳng thể nào hình dung nổi ai đó lại có thể làm một việc như thế”.

“Không thể tin sao?” bác sĩ nói.

“Đúng. Em chẳng thể nào tin được một ai đó lại rấp tâm làm như thế”.

Bác sĩ đứng dậy, dựng cây súng vào góc tường, đằng sau tủ.

“Mình định ra ngoài hay sao?” vợ ông hỏi.

“Anh muốn đi dạo”, bác sĩ nói.

“Nếu mình gặp Nick, em nhờ mình bảo con là em muốn gặp con, được chứ?” vợ ông nói.

Bác sĩ đi ra. Cánh cửa đóng sầm sau lưng ông. Ông nghe vợ thở dài khi cánh cửa đập mạnh.

“Xin lỗi”, ông nói lúc đứng bên ngoài cửa sổ có rèm che nơi phòng vợ.

“Không sao đâu mình”, bà nói.

Ông đi trong làn hơi nóng, ra khỏi cổng rồi men theo lối vào rừng sỏi. Trong rừng, không khí mát mẻ ngay cả

vào một ngày nóng như thế. Ông thấy Nick ngồi tựa lưng vào thân cây đọc sách.

“Mẹ muốn con về gặp mẹ”, bác sĩ nói.

“Con muốn đi với bố,” Nick nói.

Bố nhìn cậu.

“Thôi được, ta đi nào”, bố cậu nói, “Đưa quyển sách cho bố, bố sẽ đút nó vào túi”.

– Con biết nơi lữ sóc đen ở, bố à”, Nick nói.

“Được rồi”, bố cậu nói, “Ta hãy đến đó”.

LÊ HUY BẮC dịch

TRƯỢT TUYẾT VIỆT DÃ

Toa xe do cáp kéo giật thêm lần nữa rồi dừng lại. Chẳng thể đi thêm bởi tuyết rơi nghẽn đường. Cơn gió mạnh tràn qua đỉnh núi đã quét tuyết trải thành một vùng trắng bao la. Bôi xong sáp cho đôi giày trượt trong toa hành lý, Nick rút giày vào ngàm, khóa chặt. Cậu nhảy từ hông xe xuống mặt tuyết cứng, xoay người, cúi mình, rê gậy, trượt nhanh xuống sườn dốc.

Bên dưới, trên mặt tuyết, George lượn xuống, lượn lên rồi lượn xuống khuất khỏi tầm mắt. Cứ lao nhanh và sà xuống khuất khỏi tầm mắt. Cứ lao nhanh và sà xuống đột ngột khi lao xuống sườn núi dốc lượng sóng đã làm Nick mê với cảm giác bay bổng diệu kì. Cậu lượn lên và dưới chân, tuyết dường như bong ra khi cậu lao xuống, lao xuống, nhanh hơn, nhanh hơn nữa trong cơn lốc xuống bờ dốc dài cuối cùng. Người cúi thấp, cậu gần như ngồi dựa vào thanh trượt, cố giữ trọng lượng cơ thể sát mặt tuyết, tuyết bắn lên tựa cơn bão cát. Cậu biết rõ tốc độ trượt. Cậu kìm lại. Cậu không để bị cuốn đi và ngã nhào. Nhưng rồi, mảng tuyết mềm, bị gió khoét vỡ xuống đã làm cậu ngã

lăn quay, trông như thể một chú thỏ bị hạ, rồi chững lại, các thanh trượt va vào nhau, chân mắc treo, thanh trượt dựng thẳng lên, mũi và tai cậu dính đầy tuyết.

George đứng khá xa dưới dốc, đập mạnh tay phải tuyết bám trên áo gió.

“Cậu biểu diễn đẹp đấy, Mike”, nó nói với Nick. “Cái chỗ tuyết mềm ăn hại ấy. Nó cũng khiến mình lộn nhào như thế”.

“Cú trượt có giống như khi ta vượt qua hố không?” Nick xoay lại thanh trượt khi còn nằm ngửa rồi đứng dậy.

“Cậu phải nghiêng về phía bên trái, thanh trượt lao nhanh, rất êm rồi sẽ lướt lên khi xuống đến đáy hố”.

“Thử xem nào, ta cùng trượt đi”.

“Không cậu hãy trượt trước. Mình thích xem cậu trượt”.

Nick Adams vượt qua George, tấm lưng rộng và đầu tóc màu hạt dẻ hãy còn bám đầy tuyết, khi thanh trượt của cậu chạm mép hố, cậu lao xuống, thanh trượt miết trên lớp tuyết trắng như pha lê rồi cơ thể dường như dềnh lên dềnh xuống khi cậu lướt theo bề mặt lướt sóng. Cậu dồn trọng lượng về phía bên trái, kẹp cứng đầu gối vào nhau lúc lao gần sát hàng rào để thực hiện cú xoay người, như thể động tác siết một cái bù lông, quay ngoắt thanh trượt sang bên phải trong đám bụi tuyết rồi giảm tốc độ khi trượt lên sườn đồi song song với hàng rào.

Cậu quay lại nhìn. George đang trượt telemark xuống, đầu gối cong lại, một chân hơi gập đưa tới trước, chân kia rê sát, hai cây gậy chống xuống nom như thể mớ chân lông không của loài côn trùng nào đó; khi chạm mặt tuyết chúng làm bông tuyết tung mịt mù, rồi cuối cùng toàn bộ

tư thế hạ thấp lao xuống ấy kết thúc bằng cú xoay nhanh qua bên phải thật ngoạn mục, hạ thấp người, chân đẩy tới đẩy lui, người nghiêng tới để giữ thăng bằng, hai cây gậy ấn mạnh để đổi hướng tựa hai điểm phát sáng, tất cả chìm trong đám mây tuyết mịn mù.

“Minh sợ cú xoay người”, George nói, “Tuyết dày quá. Cậu thực hiện cú xoay thực tuyết vời”.

“Minh không thể choãi chân trượt telemark được”, Nick nói.

Nick dùng thanh trượt ấn hàng rào dây thép xuống để George trượt qua. Nick bám theo xuống đường. Hai đứa trượt dọc con đường qua rừng thông. Con đường là cả mặt băng bóng loáng điểm màu da cam và màu vàng thuốc lá do đội kéo gỗ để lại. Những người trượt tuyết đã mở rộng lối trượt ra cả lề đường. Con đường dốc thẳng xuống suối rồi chạy lên đồi. Nhìn qua rừng cây, chúng có thể thấy tòa nhà dài, cũ kĩ, mái thấp chìa ra. Qua tán lá, ngôi nhà ánh lên màu vàng nhợt nhạt. Nick đưa gậy tháo khóa buộc giày và rút chân khỏi thanh trượt.

“Bọn ta chỉ có thể trượt đến đây”, cậu nói.

Khoác thanh trượt lên vai, Nick đặt chân vào những bậc để chân trên con đường dốc đóng băng, leo lên. Hai đứa dựng thanh trượt tựa vào tường quán rượu, giúp nhau phủi tuyết bám trên quần, giậm chân giữ sạch giày rồi bước vào.

Bên trong hơi tối. Cái lò bằng sứ sáng rực trong góc phòng. Trần nhà thấp. Những chiếc ghế dài mềm mại kê dọc theo bốn phía tường đằng sau mấy cái bàn đen sẫm, ố rượu vang.

Hai người Thụy Sĩ ngồi trên hai thùng rượu và nhâm nhi hai cốc rượu vang vừa cất thơm lừng bên bếp lò. Hai đứa cởi áo khoác, ngồi tựa lưng vào tường phía bên kia bếp. Giọng hát ở phòng bên cạnh ngừng lại, một cô gái vận tạp dề màu xanh bước qua cửa hỏi xem các cậu muốn dùng gì.

“Cho một chai Sion”, Nick nói. “Được chứ, George?”

“Được đấy”, George đáp. “Cậu rành rượu vang hơn mình. Mình uống loại nào cũng được”.

Cô gái đi ra.

“Chẳng cái gì có thể sánh bằng trượt tuyết, phải không? Nick nói, “cái cảm giác nó tạo ra qua giấc ngủ đầu tiên sau khi trượt suốt cả khoảng đường dài ấy”.

“Đúng vậy”, George nói. “Thật dễ chịu khi nói về cảm giác đó”.

Cô gái mang rượu vào, chúng loay hoay với cái nút chai. Cuối cùng Nick mở được. Cô gái đi ra và chúng nghe cô hát bằng tiếng Đức ở phòng bên.

“Một tí nút chai còn sót lại chẳng sao đâu?”, Nick nói.

“Mình không biết cô ta có bánh không nhỉ?”

“Thử hỏi xem”.

Cô gái bước vào, Nick thấy chiếc tạp dề nhô lên trên cái bụng mang thai. Mình phân vân tại sao không nhận ra điều này khi cô ta mới bước vào, cậu nghĩ.

“Chị đang hát bài gì đấy”, cậu hỏi cô ta.

“Opera, opera Đức”. Cô ta không muốn nói rõ tên bài hát. “Chúng tôi có một ít bánh nhân táo nếu các cậu muốn dùng”.

“Cô ta bực mình, có phải không?” George hỏi.

“Ừ đúng đấy. Cô ấy không hiểu chúng ta, hẳn cô ấy nghĩ bọn ta định trêu cô về bài hát ấy. Cô ấy hẳn sinh trưởng trong vùng nói tiếng Đức, cô ấy chắc chẳng vui vẻ khi lên đây và rồi hẳn càng bức bối hơn khi mang thai mà chưa kết hôn”.

“Làm thế nào mà cậu biết cô ta chưa kết hôn?”

“Không có nhãn cưới. Trời đất, quanh vùng này chẳng có cô gái nào chịu cưới trước khi chưa mang thai”.

Cánh cửa mở ra, một toán thợ cửa từ ngoài đường bước vào, giẫm chân giũ giày, hơi nước tỏa khắp phòng. Cô bán hàng mang ba lít rượu vang mới ra cho họ, cả toán ngồi vào hai cái bàn, đầu không đội mũ, lưng tựa vào tường hay cúi người về phía trước, lặng lẽ hút thuốc. Bên ngoài, mấy con ngựa kéo xe chở gỗ thỉnh thoảng phát ra tiếng chuông khi lắc đầu.

George và Nick vui lắm. Hai đứa rất quý nhau. Chúng biết chúng sắp sửa quay về nhà.

“Khi nào cậu lại đến trường?” Nick hỏi.

“Tối nay”, George đáp. “Mình đã phải đứng thứ mười trên bốn mươi ở Montreux”.

“Mình ước giá mà cậu có thể ở lại để ngày mai bọn mình đến Dent du Lys”.

“Mình phải đi học”, George nói. “Mà này, Mike, sao cậu không ước bọn mình có thể đi lang thang cùng nhau? Này nhé, mang thanh trượt, lên tàu đến nơi có đường trượt tốt, rồi tiếp tục, tạt vào quán rượu, đi qua Oberland, đến Valais, tới Engadine rồi chữa dụng cụ, mua thêm áo lót và pyjama nhét vào túi mà chẳng màng quái gì đến trường học hay những thứ tương tự”.

“Được đấy, rồi theo đường ấy qua Schwarzwald. Chà, những chỗ tốt lành”.

“Đấy là nơi cậu đã đến câu cá và vào mùa hè năm ngoái phải không?”

“Phải.

Chúng ngồi ăn bánh và uống nốt chỗ rượu vang còn lại.

George tựa lưng vào tường, nhắm mắt lại.

“Rượu luôn khiến mình có cảm giác này”, cậu nói.

“Có mệt không”, Nick hỏi.

“Không. Mình thấy hưng phấn, nhưng buồn cười”.

“Mình hiểu”, Nick nói.

“Dĩ nhiên”, George nói.

“Ta gọi thêm chai nữa nhé!” Nick hỏi.

“Mình không uống nữa đâu”.

Chúng ngồi yên, Nick chống cùi tay lên bàn, George ngả lưng tựa vào tường. “Helen sắp sinh cháu à?” George hỏi lúc rời tường nghiêng về phía bàn.

“Ừ”.

“Khi nào?”

“Cuối hè tới”.

“Cậu vui chứ?”

“Ừ. Vào lúc này”.

“Cậu sẽ trở về Mỹ hả?”

“Mình tính thế”.

“Cậu có muốn có?”

“Không”.

“Thế còn Helen?”

“Không”.

George ngồi lặng im, nhìn cái chai rỗng và mấy cái ly đã cạn.

“Tệ quá, đúng không? George hỏi.

“Không hẳn thế” Nick nói.

“Tại sao không?”

“Mình không biết”, Nick nói.

“Các cậu dự định sẽ cùng nhau trượt tuyết ở Mỹ chứ?”

George hỏi.

“Mình chưa chắc lắm”, Nick nói.

“Núi không nhiều”, George nói.

“Ừ”, Nick nói. “Núi nhiều đá lắm. Và lại có quá nhiều cây cối và ở quá xa”.

“Ừ, Nick nói, “California cũng có kiểu núi ấy”.

“Đúng đó”, Nick nói, “Mình đến nơi nào cũng thấy kiểu núi ấy”.

“Ừ”, George nói, “núi như thế ở mọi nơi”.

Hai người Thụy Sĩ đứng dậy trả tiền rồi bước ra.

“Mình ước bọn mình là người Thụy Sĩ”, George nói.

“Họ đều bị bấu cổ”, Nick nói.

“Mình chẳng tin”, George nói.

“Mình cũng không tin”, Nick nói.

Chúng cười.

“Có lẽ bọn mình sẽ chẳng bao giờ trượt tuyết nữa Nick”, George nói.

“Bọn mình phải đi chứ”, Nick nói. “Nếu cậu không đi thì cuộc đời còn có ý nghĩa gì?”

“Đúng đấy, bọn ta sẽ phải đi”, George nói.

“Bọn ta phải đi”, Nick tán thành.

“Mình muốn hai đứa hứa với nhau về chuyện này”, George nói.

Nick đứng dậy. Cậu gài chặt chiếc áo jacket đi gió, cúi chồm qua người George lấy hai cây gậy trượt dựng tựa vào tường. Cậu cầm một cây xuống sàn nhà.

“Hứa hẹn cũng chẳng ích gì”, cậu nói.

Chúng mở cửa bước ra. Trời rất lạnh. Tuyết rơi nhiều. Con đường chạy lên ngọn đồi vào rừng thông.

Chúng nhặt mấy thanh trượt dựng tựa vào tường quán rượu. Nick đi găng. George đã sẵn sàng để lên đường, thanh trượt khoác trên vai. Bây giờ hai đứa sẽ cùng nhau về nhà.

LÊ HUY BẮC dịch

KẾT THÚC MỘT VẤN ĐỀ

Đạo ấy, Hortons Bay là thị trấn buôn bán gỗ. Chẳng một ai trong thị trấn thoát khỏi âm thanh của mấy cái cửa lớn trong xưởng bên bờ hồ. Rồi thì năm nọ, không còn gỗ để cửa nữa. Mấy chiếc tàu chở gỗ vào vịnh, những đồng gỗ trong sân xưởng cửa được xếp lên, chở đi. Xưởng cửa lớn cùng với tất cả máy móc, có thể tháo lắp, được tháo ra và cánh công nhân nhà máy đã bốc lên boong của một trong số những con tàu. Chiếc tàu rời khỏi vịnh tiến về phía lòng hồ mang theo hai cái cửa đồ sộ, cần di chuyển đưa gỗ vào trục quay, mấy lưỡi cửa tròn và cả mớ con lăn, bánh xe, dây đai và ngàn sát chất lên đồng gỗ trong tàu. Boong tàu được phủ bạt và chằng dây chặt, buồm tàu no gió rồi con tàu di chuyển về phía lòng hồ, chở theo những thứ đã chứng tỏ Nhà máy là một nhà máy cửa và Hortons Bay là một thị trấn.

Mấy ngôi nhà thấp một tầng, nhà ăn, nhà kho, văn phòng và cả Nhà máy cửa lớn đứng rải rác trên diện tích nhiều hecta phủ đầy mùn cửa đã bị đồng cỏ của đầm lầy cạnh bờ vịnh xâm lấn.

Mười năm sau, xưởng cửa chẳng còn gì ngoại trừ những tảng đá vôi trắng xây móng đã vỡ nhô lên trên lớp thực vật tái sinh của đầm lầy lúc Nick và Marjorie chèo dọc theo bờ. Chúng đang men theo rìa bờ kênh nơi đáy sục sâu xuống từ lòng cát nông đến bốn mét nước tối sẫm. Hai đứa đang trên đường đến mỏm đất để đặt cần câu cá hồi cậu vồng buổi tối.

“Tàn tích cũ của chúng ta kia kìa, Nick”, Marjorie nói.

Đang chèo, Nick nhìn phiến đá màu trắng trong đám cây xanh.

“Nó kia rồi”, cậu nói.

“Anh có nhớ đây là nhà máy cửa không”, Marjorie hỏi.

“Anh vừa chợt nhớ”, Nick đáp.

“Trông nó rất giống một tòa lâu đài”, Marjorie nói. Nick không nói. Chúng chèo khuất khỏi xưởng cửa men theo bờ. Lát sau Nick rẽ băng qua vịnh.

“Chúng sẽ không đớp đâu”, cậu nói.

“Có chứ”, Marjorie đáp. Cô chú ý cái cần câu trong lúc hai đứa chèo, thậm chí ngay cả khi cô nói. Cô thích câu cá. Cô thích đi câu cùng Nick.

Ngay cạnh thuyền, một con cá hồi lớn xé toang mặt nước. Nick đẩy mạnh mái chèo để con thuyền xoay lại hất mồi ra phía sau, đến nơi con cá đang kiếm mồi. Lúc con cá lại tung mình lên khỏi mặt nước, lũ cá tuế nhảy loạn xạ. Chúng đáp xuống như thể một nắm đạn được rải xuống nước. Một con cá hồi khác nhảy lên, nó đang kiếm mồi phía bên kia thuyền.

“Chúng đang kiếm mồi”, Marjorie nói.

“Nhưng chúng không cần câu đâu”, Nick nói.

Cậu chèo xoay thuyền để cần câu hướng qua phía hai con cá đang tìm mồi, rồi hướng mũi thuyền về phía mỏm đất. Marjorie không thả dây cho đến lúc con thuyền cập bờ.

Chúng kéo thuyền lên bờ, Nick nhấc xô đựng cá pecca ra. Lũ cá bơi trong xô. Nick thò tay bắt ba con, ngắt đầu, lột da chúng trong lúc Marjorie đưa tay đuổi theo mấy con trong xô, rồi cuộc cô tóm được một con, rồi cắt đầu lột da nó. Nick nhìn con cá của cô.

“Em đừng nên cắt vây bụng”, cậu nói. “Bỏ vây cũng chẳng sao nhưng để vây thì miếng mồi hấp dẫn hơn” Cậu móc lưỡi câu xuyên ra đuôi con cá pecca. Mỗi cần câu có hai lưỡi dính dưới thỏi chì. Rồi Marjorie chèo thuyền về phía bờ lở, cần dây câu trong miệng, mắt nhìn về phía Nick đang đứng trên bờ cầm cần để dây câu chạy ra khỏi guồng.

“Được rồi đấy”, cậu gọi.

“Em thả xuống nhé?” Marjorie hỏi lại trong lúc cầm dây câu trong tay.

“Được rồi. Thả đi”. Marjorie buông dây qua mạn thuyền và xem con mồi chìm xuống nước.

Cô chèo thuyền vào rồi buông mồi theo cách tương tự. Mỗi lần thả mồi xong, Nick chặn một khúc gỗ dẹt qua cán cần câu để giữ cho chắc và dựng nó tạo thành góc nhọn với phiến gỗ nhỏ ở bên dưới. Cậu buông chùng dây để dây chạy thẳng đến nơi con mồi nằm trên đáy cát của bờ lở và dính cái ngàm vào trục quay. Khi một con cá hồi, ăn dưới đáy, đớp mồi thì sợi dây sẽ chạy theo nó, kéo thêm sợi dây trong trục và khiến guồng quay phát ra tiếng lách cách nhờ cái ngàm.

Marjorie chèo lên phía trước cách mồm đất một đoạn để không làm rối dây. Cô hát mạnh mái chèo, con thuyền lao trượt lên bờ. Những đợt sóng nhỏ tràn theo. Marjorie bước khỏi thuyền và Nick kéo cao thuyền lên bờ.

“Có chuyện gì vậy hả Nick?” Marjorie hỏi.

“Anh không biết?” Nick đáp lúc kiểm củi nhóm lửa. Chúng nhóm lửa bằng củi dạt. Marjorie đến thuyền mang ra cái mền. Làn gió đêm nhẹ nhàng thổi khói bay về phía mồm đất, vì thế Marjorie trải cái mền ra giữa đồng lửa và hồ.

Cô ngồi trên mền, lưng quay về phía ngọn lửa và đợi Nick. Cậu đến ngồi cạnh cô trên mền. Sau lưng họ là rừng cây tái sinh mọc san sát trên mồm đất và phía trước là con vịnh với cửa sông Hortons. Trời không tối lắm. Ánh lửa chiếu xa trên mặt nước. Cả hai có thể nhìn thấy hai cần câu thép tạo thành góc nhọn trên mặt nước đen sẫm. Ánh lửa lấp lánh trong guồng.

Marjorie mở gói đồ ăn tối.

“Anh không cảm thấy thích ăn”, Nick nói.

“Thôi nào, ăn đi, Nick”.

“Thì ăn”.

Khi ăn, chúng không nói mà chỉ quan sát hai cần câu và nhìn ánh lửa lên mặt nước.

“Tối nay sẽ có trăng”, Nick nói. Cậu nhìn qua vịnh, về phía những ngọn đồi bắt đầu in hình trên nền trời. Bên kia rặng đồi, cậu biết mặt trăng đang lên.

“Em biết”, Marjorie hạnh phúc nói.

“Em biết mọi thứ”, Nick nói.

“Nick, xin anh đừng nói nữa! Xin anh, xin anh đừng nói theo kiểu ấy!”.

“Anh không thể kiểm chế”, Nick nói. “Em biết, Em biết mọi thứ. Rắc rối là ở đây. Em biết em biết”.

Marjorie không nói lời nào.

“Anh đã dạy em mọi thứ. Em biết em biết. Còn gì em không biết nữa nào?”

“Ôi, đừng nói nữa”, Marjorie nói. “Trăng lên rồi kìa”.

Chúng ngồi xa nhau trên mền, nhìn trăng mọc.

“Anh đừng nói ngớ ngẩn như thế”, Marjorie nói. “Thực ra có chuyện gì cơ chứ?”

“Anh không biết”.

“Chắc chắn anh biết”.

“Không anh không biết”.

“Thôi nào, nói đi”.

Nick nhìn mặt trăng đang vượt qua rặng đồi.

“Chẳng còn vui vẻ gì nữa”.

Cậu không dám nhìn Marjorie. Lát sau cậu nhìn cô. Cô ngồi quay lưng lại cậu. Cậu nhìn lưng cô. “Chẳng còn vui vẻ gì nữa. Chẳng còn tí nào”.

Cô không nói một lời. Cậu tiếp tục. “Anh cảm thấy như thể mọi thứ đã trở nên tồi tệ trong anh. Anh không hiểu, Marjorie à. Anh không biết phải nói gì”. Cậu nhìn lưng cô.

“Tình yêu không còn hấp dẫn nữa ư?” Marjorie hỏi.

“Không”, Nick đáp. Marjorie đứng dậy. Nick ngồi im, hai tay ôm đầu.

“Em sẽ lấy thuyền đi”. Marjorie bảo cậu. “Anh có thể đi vòng qua mỏm đất để về”.

“Cũng được”, Nick nói. “Để anh đẩy thuyền ra cho em”.

“Chẳng cần đâu”, cô nói. Cô bỗng bệnh cùng con thuyền trên mặt nước trong ánh trăng. Nick quay lại, nằm

úp xuống mền bên đống lửa. Cậu có thể nghe thấy tiếng Marjorie khua chèo trên mặt nước.

Cậu nằm im hồi lâu. Cậu nằm nghe tiếng chân Bill bước trên con đường sạch sẽ vắt qua rừng. Cậu cảm thấy Bill đến gần đống lửa. Bill cũng không đụng vào người cậu.

“Nàng đã đi rồi sao?” Bill hỏi.

“Đi rồi”, đang nằm vùi trong mền, Nick đáp.

“Cãi nhau phải không”.

“Không. Chẳng cãi vớ gì đâu”.

“Cậu cảm thấy thế nào”.

“Ồ, Bill, đi đi! Cậu hãy đi một lát đi”.

Bill lấy chiếc bánh sandwich từ túi đồ ăn trưa rồi bước đến nhìn mấy cái cần câu.

LÊ HUY BẮC dịch

CƠN GIÓ BA NGÀY

Mưa ngớt khi Nick rẽ xuống con đường chạy qua vườn cây. Trái cây đã được hái, gió mùa thu đang thổi qua vườn cây trụi lá. Nick dừng lại, cúi nhặt một quả táo Wagner, da ánh lên sau cơn mưa trong đám cỏ úa bên cạnh đường. Cậu dứt quả táo vào túi áo khoác Mackinaw.

Con đường rời khỏi vườn cây chạy lên đỉnh đồi. Có một ngôi nhà tranh, một cánh cửa xác xơ, khói lan ra từ ống khói. Đằng sau là gara, chuồng gà và rừng cây tái sinh trông như thể cái hàng rào ép sát vào cụm rừng ở đằng sau. Khi cậu nhìn, rừng cây rậm rạp ngả nghiêng theo chiều gió. Con bão thu đầu tiên.

Lúc Nick đi qua vạt đất trống phía trên vườn cây, cửa ngôi nhà mở, Bill bước ra. Nó đứng trên ngưỡng cửa nhìn xuống.

“Chào Wemedge”, nó nói.

“Chào Bill”, Nick nói lúc bước lên bậc thềm.

Chúng đứng cạnh nhau, nhìn ra vùng quê, nhìn xuống vườn cây, nhìn qua bên kia con đường, qua cánh đồng thấp hơn, qua rừng cây mọc trên mỏm đất trong hồ. Gió đang

thổi thẳng xuống hồ. Chúng có thể thấy những tấm ván trượt dọc theo mồm Ten Mile.

“Trời đang gió”, Nick nói.

“Sẽ gió như thế này trong vòng ba ngày”, Bill nói.

“Ba cậu có ở trong nhà không?” Nick hỏi.

“Không. Ba mang súng ra ngoài. Vào nhà đi”.

Nick đi vào nhà. Ngọn lửa rừng rực cháy trong lò sưởi. Gió làm lửa reo. Bill đóng cửa.

“Uống tí chứ?” nó hỏi.

Nó vào bếp mang ra hai cái ly và bình nước. Nick với tay lấy chai whisky từ giá trên lò sưởi.

“Ồn cả chứ?” cậu hỏi.

“Ồn”, Bill đáp.

Chúng ngồi trước lò sưởi, uống Whisky AiLen pha nước.

“Rượu ngon thật, nhưng có vị khói”, Nick nói lúc nhìn qua cái ly vào bếp lửa.

“Mùi than bùn đấy”, Bill nói.

“Người ta chẳng thể cho than bùn vào rượu”, Nick nói.

“Thì cũng chẳng có gì khác đâu”, Bill nói.

“Cậu đã thấy than bùn chưa?” Nick hỏi.

“Chưa”, Bill đáp.

“Mình cũng thế”, Nick nói.

Đôi giày của Nick, duỗi trên bệ lò sưởi, bắt đầu tỏa hơi trước ngọn lửa.

“Tốt hơn cậu nên cởi giày ra”, Bill nói.

“Mình không mang tất”.

“Cởi ra, hong khô trong lúc mình đi kiếm cho cậu một đôi”, Bill nói. Nó lên cầu thang vào gác xép, Nick nghe

tiếng bước chân trên đầu. Tầng sát mái bên trên là nơi Bill, ba nó và cậu – Nick, thỉnh thoảng vẫn ngủ. Đằng sau là buồng thay đồ. Chúng đã kéo mấy cái giường nhỏ khỏi chỗ mưa giọt và che chúng bằng tấm bạt cao su.

Bill cầm đôi tất len dày bước xuống.

“Đã đến lúc cậu mang tất khi ra ngoài rồi đó”, nó nói.

“Mình ghét khi mang tất trở lại”, Nick nói. Cậu xỏ tất vào, rút người tựa lưng vào ghế và đặt chân lên tấm kính trước lò sưởi.

“Cậu sẽ làm kính vỡ đấy”, Bill nói. Nick nhấc chân qua phía bên kia lò sưởi.

“Có gì độc không” cậu hỏi.

“Chỉ có báo”.

“Đội Card chơi thế nào?”

“Thua một quả đánh đầu trước đội Gian”.

“Kết quả này khiến họ nên chán chĩnh lại”.

“Để ợt”, Bill nói. “Nếu McGraw có thể mua hết các cầu thủ giỏi trong làng bóng thì chẳng còn gì để nói”.

“Ông ta không thể mua hết họ được”, Nick nói.

“Ông ta có thể mua tất cả những ai ông ta muốn”, Bill nói. “Hoặc ông ta làm họ bất mãn như thế người ta phải nhượng họ cho ông”.

“Giống như Heinie Zim”, Nick đồng ý.

“Cái đồ đàn ấy sẽ làm cho ông ta nhiều việc tốt đấy”.

Bill đứng dậy.

“Hắn cũng là người chặn bóng giỏi trong môn cri-kê”, Bill nói. “Nhưng lại kém về môn bóng”.

“Có thể đấy là điều mà McGraw muốn từ bỏ hắn”, Nick nói.

“Dĩ nhiên, nhưng đến nay chúng ta đã có nhiều dự đoán khá chính xác về mọi thứ”.

“Như lối đánh bạc: khi không thấy lũ ngựa thì người ta có thể chọn chúng tốt hơn”.

“Thế đây”.

Bill với lấy chai whisky. Bàn tay to bè của nó xoay quanh chai. Nó rót rượu vào cái ly Nick đưa ra.

“Chùng nào nước đây?”

“Bằng rượu”.

Nó ngồi xuống sàn nhà bên cạnh ghế Nick.

“Thật dễ chịu khi bão mùa thu đến, có phải không?” Nick nói.

“Rất tuyệt”.

“Đây là khoảng thời gian đẹp nhất trong năm”, Nick nói.

“Sống ở thị trấn không quá tồi chứ?” Bill hỏi.

“Mình thích xem đoàn World Series”, Nick nói.

“Ừ, bây giờ họ ở New York hoặc Philadelphia”, Bill nói. “Điều ấy cũng chẳng có lợi gì cho ta cả”.

“Mình không rõ liệu Card có đoạt danh hiệu vô địch không?”

“Không được trong thời chúng ta đâu”, Bill nói.

“Ừ, họ hẳn sẽ phát điên lên mất”, Nick nói.

“Cậu có nhớ một lần khi sắp đoạt danh hiệu ấy thì họ gặp sự cố xe lửa không?”

“Thật đáng tiếc!” Nick nói khi đang nhớ lại.

Bill đưa tay về phía bàn, dưới cửa sổ lấy cuốn sách nằm úp mặt nơi nó để xuống trước khi ra mở cửa. Một tay nó cầm ly, tay kia cầm cuốn sách, rồi dựa lưng vào ghế của Nick.

“Bạn đang đọc gì đó?”

“Richard Feverel”.

“Mình chẳng thể đọc nổi”.

“Không sao”. Bill nói. “Nhưng cuốn sách không tồi mà Wemedge”.

“Bạn còn cuốn nào mình chưa đọc không?” Nick hỏi.

“Bạn đã đọc *Đôi tình nhân trong rừng* chưa?”

“Chà. Đây là nơi mỗi tối khi đi ngủ họ đặt thanh gươm tuốt trần ở giữa”.

“Cuốn sách hấp dẫn đó Wemedge”.

“Đây là cuốn sách hay. Nhưng mình chẳng thể nào hiểu được thanh gươm đặt như thế phỏng có tác dụng gì. Nó phải dựng lưỡi lên suốt đêm bởi vì nếu có nằm bẹp xuống thì người ta có thể lăn qua mà chẳng hề gặp rắc rối”.

“Nó mang tính biểu tượng”, Bill nói.

“Đúng”, Nick nói. “Nhưng nó không thật”.

“Bạn đã từng đọc *Can đảm chịu đựng* chưa?”

“Hay lắm”, Nick nói. “Đây là cuốn sách thực sự. Kể lại chuyện khi nào ông già của bạn cũng ngó ngang đến bạn. Bạn có còn cuốn nào của Walpole nữa không?”

“Cuốn *Rừng rậm*”, Bill nói. “Viết về nước Nga”.

“Ông ta biết gì về nước Nga nhỉ?” Nick hỏi.

“Mình không rõ. Người ta chẳng thể biết hết về những nhà văn đó. Có thể ông ta ở đó lúc còn thơ ấu. Ông ta đã kể lại nhiều sự kiện trong cuốn sách”.

“Mình muốn gặp ông ấy”, Nick nói.

“Mình thì muốn gặp Chesterton”, Bill nói.

“Mình ước giá mà bây giờ có ông ta ở đây”. Nick nói.

“Ngày mai mình sẽ đưa ông ta đến Voix câu cá”.

“Mình chẳng biết ông ta có thích câu cá hay không?”
Bill nói.

“Chắc là thích”, Nick nói. “Ông ta hẳn là nhà văn cừ nhất. Cậu có còn nhớ bài thơ *Quán rượu* bay không?”

“Giả như có một thiên thần”.

Rồi thiên đường mang rượu tiên đến tặng

Thì bạn hồi hãy cảm ơn lòng tốt ấy

Nhưng nhớ mang rượu kia trút xuống chậu này”.

“Đúng đấy”, Nick nói. “Mình nghĩ ông ấy là nhà văn giỏi hơn Walpole”.

“Ồ, ông ấy chính là nhà văn giỏi hơn.”

“Nhưng Walpole cũng là nhà văn nổi tiếng.”

“Mình không biết”, Nick nói.

“Chesterton là nhà văn cổ điển”.

“Walpole cũng cổ điển”, Bill nhấn mạnh.

“Mình ước sao ta có cả hai ông ấy ở đây”. Nick nói.
“Ngày mai bọn mình sẽ đưa họ đi câu ở Voix”.

“Ta uống đi”, Bill nói.

“Nào”, Nick tán thành.

“Ba mình chẳng bận tâm đâu”, Bill nói.

“Cậu có chắc không?” Nick nói.

“Mình biết điều đấy”, Bill nói.

“Bây giờ mình đã hơi say”, Nick nói.

“Cậu chưa say đâu”, Bill nói.

Nó nhồm dậy lấy chai Whisky. Nick chìa ly ra, mắt dán vào ly khi Bill rót.

Bill rót nửa ly Whisky.

“Tự thêm nước vào”, nó nói. “Chỉ còn đủ một lượt nữa”.

“Còn chai nào không?” Nick nói.

“Còn nhiều nhưng ba chỉ muốn mình uống hết chai đã mở này thôi”.

“Chắc chứ?” Nick nói.

“Ba bảo nhiều chai mở sẽ có nhiều người say”, Bill giải thích.

“Thôi được”, Nick nói. Cậu đang bốc. Trước đây cậu chẳng bao giờ nghĩ như thế. Cậu luôn nghĩ nếu uống một mình thì dễ say.

“Ba cậu có khỏe không?” cậu kính cẩn hỏi.

“Ba mình khỏe”, Bill nói. “Thỉnh thoảng ba hơi ngồng”.

“Ba cậu là người tốt”, Nick nói. Cậu rót nước từ bình vào ly. Nó từ từ hòa lẫn với whisky. Lượng whisky nhiều hơn nước.

“Cậu có chắc là ba cậu không say không?” Bill hỏi.

“Ba mình khỏe”, Nick đáp.

“Cậu hoàn toàn tin ba cậu khỏe à?” Bill nói.

“Ba mình tuyên bố là chưa từng nếm lấy một giọt rượu trong đời”, Nick nói, “như thể công bố một phát kiến khoa học”.

“À, tại ba cậu là bác sĩ. Còn ba mình là họa sĩ. Đây là điểm khác nhau”.

“Ba mình đã để mất nhiều thứ”, Nick buồn bã nói.

“Con người ta chẳng thể được tất đâu”, Bill nói “Mọi thứ đều có giá của nó”.

“Ba mình bảo chính ông đã để mất nhiều thứ”, Nick thú nhận.

“Ừ, ba đã có thời gian vất vả”, Bill nói.

“Tất cả cứ đổ ập xuống,” Nick nói.

Chúng ngồi nhìn ngọn lửa và nghĩ về sự thực sâu xa này.

“Mình sẽ đi lấy củi ở đằng cửa sau”, Nick nói. Trong lúc nhìn lò sưởi cậu để ý thấy ngọn lửa đang yếu dần. Hơn nữa cậu cũng muốn chứng tỏ mình không say và là người thực tế. Thậm chí dẫu ba cậu chưa bao giờ đụng đến giọt rượu thì Bill cũng sẽ chẳng để cậu say trước lúc bản thân Bill say.

“Lấy một trong những khúc gỗ sồi lớn ấy”, Bill nói. Nó hãy còn rất tỉnh.

Nick mang khúc gỗ đi qua bếp, cây gỗ gạt đổ cái chảo trên bàn. Cậu đặt cây gỗ xuống, nhặt cái chảo. Trong chảo đựng quả mơ khô ngâm nước. Cậu cẩn thận nhặt hết số quả mơ trên sàn, cả mấy quả chui xuống dưới bếp, rồi bỏ chúng vào lại trong chảo. Cậu trút thêm ít nước vào chảo từ cái xô để cạnh bàn. Cậu cảm thấy tự hào về bản thân. Cậu hoàn toàn tỉnh táo.

Cậu mang cây củi bước vào, Bill rời ghế đứng dậy giúp cậu đặt nó vào lò sưởi.

“Khúc gỗ tốt đấy”, Nick nói.

“Mình để dành nó cho lúc thời tiết xấu”, Bill nói. “Một cây gỗ như thế sẽ cháy suốt đêm”.

“Rồi sẽ còn cả than để nhóm lửa vào buổi sáng nữa”, Nick nói.

“Đúng đấy”. Bill tán thành. Chúng đang nói về khúc gỗ cây tiêu huyền cao to.

“Ta uống nữa đi”, Nick nói.

“Mình nhớ trong tủ còn một chai nữa đã mở”, Bill nói.

Nó quỳ trong góc đằng trước tủ lấy ra một cái chai vuông.

“Rượu Scotth”, nó nói.

“Minh sẽ đi lấy thêm ít nước,” Nick nói. Cậu lại vào bếp, đổ đầy bình bằng cái ca mức trong xô nước suối lạnh. Trên đường quay lại phòng khách, cậu đi qua tấm gương treo trong phòng ăn và nhìn vào. Mặt cậu trông là lạ. Cậu mỉm cười với khuôn mặt trong gương và nó nhăn nhó lại với cậu. Cậu nháy mắt với nó và bước tiếp. Nó không phải mặt cậu nhưng nó cũng chẳng phải là mặt của ai khác.

Bill đã rót rượu ra ly.

“Ly rượu đầy quá”, Nick nói.

“Không phải vì chúng ta, Wemedge”, Bill nói.

“Thế thì ta uống vì cái gì”, tay nâng ly, Nick hỏi.

“Vì chuyện câu cá”, Bill nói.

“Được”, Nick nói. “Nào quý ông, tôi sẽ hiến cho ngài cuộc câu”.

“Tất cả những cuộc câu”, Bill nói. “Bất kỳ ở đâu”.

“Cho cuộc câu”, Nick nói. “Đấy là lý do ta nâng ly”.

“Tốt hơn môn bóng chày”, Bill nói.

“Chẳng thể sánh được đâu”, Nick nói. “Sao chúng ta lại nói về bóng chày nhỉ”.

“Đấy là do sơ suất”, Bill nói. “Bóng chày là môn thể thao cho những kẻ vụng về”.

Chúng uống cạn ly rượu.

“Bây giờ ta cụng ly vì Chesterton”.

“Và cả Walpole nữa”, Nick tiếp lời.

Nick rót rượu. Bill pha nước. Chúng nhìn nhau. Chúng cảm thấy rất hưng phấn.

“Nào quý ông”, Bill nói, “Tôi cùng ngài vì Chesterton và Walpole”.

Chúng uống cạn. Bill lại rót. Chúng ngồi vào chiếc ghế lớn trước lò sưởi.

“Cậu khôn thật đấy Wemedge,” Bill nói.

“Đúng đấy, xin mời”, Bill nói.

“Cậu muốn nói gì vậy?” Nick hỏi.

“Việc cắt đứt quan hệ với Marge ấy mà”, Bill nói.

“Mình cũng đoán cậu muốn nói chuyện ấy”, Nick nói.

“Đấy là việc làm đúng. Nếu cậu không từ bỏ thì bây giờ hẳn cậu đã phải quay về nhà làm việc kiếm tiền để lo đám cưới”.

Nick không nói gì.

“Một khi đã lấy vợ thì thằng đàn ông sẽ hoàn toàn mất tự do”, Bill tiếp tục nói. “Hắn chẳng còn gì nữa. Chẳng còn gì. Dầu chỉ một thứ. Hắn phải phục tùng. Cậu đã thấy mấy thằng có vợ rồi đó”.

Nick không nói gì.

“Người ta có thể bảo”, Bill nói, “cuộc sống hôn nhân của hắn mới tệ nhạt làm sao. Hắn bị sai khiến”.

“Chắc thế”, Nick nói.

“Chia tay hẳn là buồn”, Bill nói. “Nhưng cậu dễ dàng yêu một cô khác rồi mọi chuyện sẽ qua đi. Cứ yêu nhưng chớ để họ làm hỏng mình”.

“Ừ”, Nick nói.

“Nếu cậu cưới cô ấy thì cậu sẽ phải cưới toàn bộ gia đình ấy. Hãy nhớ đến mẹ cô ấy và cái gã bà ta đã lấy làm chồng”.

Nick gật đầu.

“Thử tượng tượng, bất cứ lúc nào họ cũng ngó nghiêng ngôi nhà và chủ nhật nào cũng phải đến ăn tối ở nhà họ rồi

phải mời lại họ đến ăn tối rồi bà ta luôn mồm dạy bảo Marge phải làm gì và xử sự ra sao". Nick ngồi im lặng.

"Câu dứt ra được là cực kỳ tốt đấy", Bill nói. "Bây giờ cô ấy có thể lấy một người hợp với mình rồi an phận và hạnh phúc. Cậu chẳng thể trộn dầu với nước cũng như cậu chẳng thể trộn đời mình trong cuộc tình ấy được, giống như nếu mình lấy Ida, đang làm việc cho hãng Strattons, cô ấy hẳn cũng muốn như thế".

Nick không nói gì. Hơi men đã không còn nữa, cậu cảm thấy trở lại. Bill không còn ở đó. Cậu không còn ngồi trước lò sưởi, không đi câu cá với Bill vào ngày mai, không nhớ đến ba hay bất kì chuyện nào khác. Cậu không say, rượu đã tan hết cả rồi. Những gì còn đọng trong tâm trí cậu là một lần trong đời đã có Marjorie và rồi cậu đã đánh mất nàng. Nàng bị chối bỏ và cậu là người xua đuổi nàng. Tất cả nỗi ưu tư từ đấy mà ra. Có thể cậu sẽ chẳng bao giờ gặp lại nàng lần nữa. Chắc sẽ chẳng bao giờ. Tất cả đã hết, thực sự chấm dứt.

"Ta uống nữa đi", Nick nói.

Bill rót rượu. Nick pha thêm ít nước.

"Nếu cậu cứ giữ mối quan hệ ấy thì bây giờ bọn ta sẽ không còn ở đây", Bill nói.

Điều ấy đúng đấy. Kế hoạch ban đầu của cậu là quay về nhà kiếm việc làm. Rồi cậu dự định đến ở Charlevoix suốt mùa đông để có thể gần gũi với Marge. Giờ đây cậu không biết sẽ phải làm gì.

"Có lẽ ngày mai chúng ta đừng nên đi câu", Bill nói. "Cậu cần phải quên thật đấy".

"Mình không thể tự chủ", Nick nói.

“Mình hiểu. Đây là cách nổi buồn biểu lộ”, Bill nói.

“Bất thành linh, mọi chuyện chấm dứt”. Nick nói.
“Mình chẳng hiểu tại sao cơ sự lại như thế. Mình chẳng thể tự chủ. Chỉ giống như bây giờ khi trận bão ba ngày tràn đến, rút trụi lá rừng”.

“Đúng đã chấm dứt. Đây là cốt lõi của vấn đề”, Bill nói.

“Đây là lỗi của mình”, Nick nói.

“Lỗi của ai thì cũng chẳng có gì khác cả đâu”, Bill nói.

“Không mình không nghĩ thế”, Nick nói.

Điều đáng bàn là Marjorie đã bị đưa đi xa và có lẽ Nick sẽ chẳng bao giờ gặp lại nàng lần nữa. Nick đã từng bàn với nàng việc hai đứa sẽ đi Italy và những phút giây hạnh phúc họ có bên nhau. Những nơi họ dự định đến. Giờ đây tất cả đã hết.

“Nếu mọi chuyện chấm dứt thì sẽ rắc rối đấy”, Bill nói.
“Wemedge này, mình đã lo lắng khi sự thể diễn ra như thế. Cậu xử sự nghiêm túc. Mình biết mẹ cô ấy ranh như quỷ. Bà ta nói với nhiều người rằng cậu đã hứa hôn”.

“Bọn mình đã hứa hôn gì đâu”, Nick nói.

“Người ta đồn rằng bọn cậu đã ăn hỏi”.

“Mình không thể tin điều đó”, Nick nói. “Bọn mình chưa đâu”.

“Bọn cậu sẽ không lấy nhau chứ?” Bill hỏi.

“Không. Và bọn mình cũng không hứa hôn”, Nick đáp.

“Có gì khác nhau nhỉ?” Bill hỏi với vẻ phán xét.

“Mình không biết. Nhưng có khác nhau đấy”.

“Mình chẳng biết”, Bill nói.

“Thôi được”, Nick nói. “Ta uống say đi”.

“Thôi được”, Bill nói. “Ta uống cho thật say”.

“Uống say rồi ta đi bơi”, Nick nói.

Cậu dốc cạn ly mình.

“Mình thật xót xa cho cô ấy nhưng mình còn biết làm sao đây?” cậu nói. “Cậu biết mẹ cô ấy là hạng người như thế nào rồi!”

“Bà ta thật kinh khủng”, Bill nói.

“Đột nhiên, mọi chuyện đã chấm dứt”, Nick nói. “Lẽ ra mình không nên nói về chuyện ấy”.

“Cậu không nói”, Bill nói. “Mình khơi ra và bây giờ mình dừng lại. Bọn mình sẽ không nói chuyện này nữa. Cậu không muốn nghĩ về nó nghĩa là có thể cậu lại nhớ về nó”.

Nick không nghĩ về chuyện ấy. Điều đó dường như là chắc chắn. Đây chỉ là một ý tưởng. Nó khiến cậu cảm thấy đỡ buồn hơn.

“Chắc thế”, cậu nói. “Luôn luôn xảy ra khả năng nguy hiểm đó”.

Bây giờ cậu thấy hạnh phúc. Chẳng còn gì có thể thay đổi được nữa. Có lẽ cậu về thành phố vào tối thứ bảy. Hôm nay là thứ năm.

“Sẽ luôn có cơ hội”, cậu nói.

“Cậu sẽ phải thật nghiêm khắc với bản thân mình”, Bill nói.

“Mình sẽ cẩn thận”, cậu nói.

Cậu cảm thấy hạnh phúc. Chẳng có gì kết thúc. Chẳng có gì mất mát cả. Cậu sẽ về thành phố vào thứ bảy. Cậu cảm thấy vui hơn, như trạng thái tâm lý của cậu trước lúc Bill gọi ra chuyện ấy. Sẽ luôn có cách giải quyết.

“Ta lấy súng, xuống mỏ đất tìm ba cậu đi”, Nick nói.

“Được thôi”.

Bill lấy hai khẩu súng ngắn từ giá trên tường xuống. Nó mở hộp đạn. Nick mặc áo khoác Mackinaw và đi giày. Giày cậu cứng ngắc do bị hong khô. Cậu hơi say nhưng đầu óc thì tỉnh táo.

“Cậu cảm thấy thế nào?” Nick hỏi.

“Tốt. Mình vẫn chưa say”. Bill đang gài nút áo lên.

“Uống say chẳng tốt lành gì đâu”.

“Đúng đấy. Ta nên ra ngoài”.

Chúng bước ra cửa. Gió đang cuộn thành cơn lốc. “Lũ chim sẽ bị thổi rạp xuống cỏ bởi cơn lốc này”, Nick nói.

Chúng đi xuống phía vườn cây.

“Sáng nay mình thấy một chú gà rừng”, Bill nói.

“Có thể chúng ta sẽ hạ được nó”. Nick nói.

“Cậu không thể bắn trong gió bão này”, Bill nói.

Giờ đây, ra ngoài, chuyện Marge không còn quá đổi bi đát nữa. Nó không thực quá quan trọng. Gió bão cuốn mọi thứ, tựa cuộc tình ấy, bay xa.

“Gió đang thổi từ hồ lớn đến”, Nick nói.

Qua gió, chúng nghe một tiếng súng.

“Ba đấy”, Bill nói. “Ba đã xuống đầm lầy”.

“Bọn ta sẽ xuống đấy”, Nick nói.

“Ta sẽ đi băng qua đồng cỏ thấp để xem có thể bắn được thứ gì không”, Bill nói.

“Được đấy”, Bill nói.

Bây giờ, chẳng có gì quan trọng. Cơn gió đã cuốn chuyện ấy bay khỏi tâm trí cậu. Hơn nữa cậu lại có thể về thành phố vào tối thứ bảy. Đây là suy nghĩ đúng đắn để tiết kiệm thời gian.

LÊ HUY BẮC dịch

ĐẤU SĨ

Nick đứng dậy. Cậu chẳng hề gì. Cậu nhìn dọc đường tàu dõi theo ánh sáng của cái bếp lò khuất khỏi tầm mắt, sau khúc cua. Nước ngập hai bên đường tàu, bên kia là đầm lầy đầy lác điệp từng.

Cậu sờ gối. Chiếc quần rách, da xước. Bàn tay cậu cũng xây xát, cát và tro bám đầy móng tay. Cậu bước đến mép đường tàu, xuống con dốc nhỏ đến bờ nước rửa tay. Cậu rửa cẩn thận trong làn nước lạnh, cạy bụi bẩn ra khỏi móng. Cậu ngồi xổm xuống rửa đầu gối.

Thằng cha trực thăng tàu khốn kiếp ấy, có ngày cậu sẽ tìm ra hắn. Đến lúc ấy thì hắn biết tay cậu. Phải cho hắn một vố.

“Lại đây, nhóc”, hắn nói. “Tao có cái này cho mày”.

Cậu đã ngã vì cái ấy. Đúng là ngốc thật. Chúng sẽ chẳng bao giờ lừa được cậu theo cách ấy nữa đâu.

“Lại đây, nhóc, ta có cái này cho mày đây”. Rồi thì rầm, cậu rớt nằm xoài người bên cạnh đường ray,

Nick dụi mắt. Một cục u lớn đang sưng. Thôi rồi, hắn mất cậu bị bầm. Rõ thật, nó đau. Cái thằng trực thăng ác độc.

Cậu đưa mấy ngón tay sờ cục u trên mắt.Ồ, được, chỉ một con mắt bầm thôi. Đây là tất cả những gì cậu thiệt trong vụ này. Rẻ chán, Cậu ước giá mà mình có thể nhìn thấy. Dẫu sao thì cũng không thể soi nó trên mặt nước. Trời tối mà cậu thì đang lơ lửng trên đường. Cậu chúi tay vào quần rồi đứng dậy, leo lên lối dẫn đến đường ray.

Cậu đi dọc đường ray. Nó được rải đá ba-lát cẩn thận nên dễ đi, cát và sỏi được lèn chặt giữa những thanh đỡ tà vẹt làm lối đi rắn chắc. Lòng đường phẳng tựa con đường tôn cao trải dài về phía trước, xuyên qua đầm lầy. Nick bước dọc theo. Cậu phải đến một nơi nào đó.

Nick bám con tàu chở hàng khi nó giảm tốc độ bởi các bãi chắn nuôi gia súc bên ngoài Walton Junction. Đoàn tàu Nick bám theo chạy qua Kalkaska lúc trời bắt đầu tối. Bây giờ hẳn nó gần đến Mancelona, cách đầm lầy ba bốn dặm. Cậu đi dọc đường ray tiếp tục bước trên lớp đá ba-lát giữa hai thanh tà vẹt, trong làn sương mù đương giăng, đầm lầy trông thực ma quái. Mắt cậu đau, còn bụng thì đói. Cậu vẫn tiếp tục bước, để lại đằng sau mấy dặm đường. Hai bên đường tàu, đầm lầy vẫn giữ nguyên diện mạo cũ.

Trước mặt có một cây cầu. Nick vượt qua, đôi ủng khua rầm rầm trên lớp sắt. Bên dưới, mặt nước đen ngòm qua khoảng hở giữa hai thanh tà vẹt. Nick đá một cái đinh tà vẹt bị long, nó rơi xuống nước. Bên kia cầu là rặng đồi. Chúng vươn cao và tối sẫm hai bên đường tàu. Đằng sau, Nick thấy ánh lửa.

Thận trọng, cậu bước dọc đường tàu về phía ngọn lửa. Nó nằm cạnh đường tàu, bên dưới lối lên xuống. Cậu chỉ thấy ánh sáng tỏa ra từ nó. Đường tàu vẫn vươn dài sau

đoạn phân nhánh và nơi ngọn lửa đang cháy, vùng đất mở rộng, trải dài đến tận rừng. Nick từ từ bước xuống các bậc cấp, băng qua rừng về phía ngọn lửa lấp lánh sau rừng cây. Đây là rừng sồi, những quả sồi rụng kêu lao xao dưới gót giầy khi cậu bước giữa rừng cây. Bây giờ, đồng lửa nằm ngay sát bìa rừng hiện rõ hơn. Có một người đàn ông ngồi bên cạnh. Nick nấp sau rừng cây, quan sát. Trông người đàn ông thật cô đơn. Ông ta đang ngồi trong tư thế tay ôm đầu, nhìn ngọn lửa. Nick bước ra, đi vào vùng ánh sáng.

Người đàn ông ngồi đó nhìn ngọn lửa. Khi Nick đứng ngay bên cạnh, ông ta cũng không động đậy.

“Chào ông!” Nick nói.

Người đàn ông ngược nhìn.

“Sao mắt mày sưng bầm vậy?” ông ta hỏi.

“Thằng trực thăng tàu xô tôi ngã”.

“Khỏi đoàn tàu chở hàng vừa chạy qua đó à?”

“Vâng”.

“Tao thấy thằng con hoang đó”, người đàn ông nói.

“Hắn vừa qua đây độ tiếng rưỡi rồi. Hắn đi ngật ngưỡng trên nóc toa xe, vỗ tay và hát”.

“Đúng thằng con hoang ấy!”

“Lừa tổng được mày ra khỏi tàu hắn làm hắn khoái chí”, người đàn ông nói nghiêm túc.

“Tôi sẽ tấn lại hắn”.

“Đợi cơ hội cho nó một hòn đá khi tàu đi qua”, người đàn ông khuyên.

“Tôi sẽ choảng hắn”.

“Mày là đứa nóng nảy, phải không?”

“Không” Nick trả lời.

“Tất cả bọn nhóc chúng mày đều nóng nảy”.

“Con người ta đôi khi cũng phải nổi nóng”, Nick nói.

Người đàn ông nhìn Nick và mỉm cười. Trong ánh lửa, Nick thấy mặt người đàn ông biến dạng. Mũi ông ta lõm vào, mí mắt sụp xuống, đôi môi trông thật kỳ cục. Nick không nhận ra tất cả ngay lập tức, cậu chỉ thấy khuôn mặt người đàn ông méo mó, đầy thương tật. Da mặt trông tựa màu mát tít, đầy vẻ chết chóc khi nhìn trong ánh lửa.

“Mày không thích mặt tao sao?” người đàn ông hỏi Nick bối rối.

“Chắc thế”, cậu đáp.

“Nhìn đây!” Người đàn ông bỏ mũ ra.

Ông ta chỉ còn một vành tai. Nó dày và ép chặt vào đầu. Chỗ vành tai bên kia chỉ còn một rẻo thịt.

“Từng thấy ai như thế này chưa?”

“Chưa”, Nick đáp. Nó làm cậu hơi sợ.

“Tao có thể chịu đựng”, người đàn ông nói. “Mày không nghĩ tao có thể chịu đựng được nó hả nhóc?”

“Chắc rồi.”

“Tay của tất cả bọn chúng đều đập vào người tao”, người đàn ông nhỏ con nói. “Chúng chẳng thể làm tao tổn thương”. Ông ta nhìn Nick. “Ngồi xuống”, ông nói. “Muốn ăn không?”

“Đừng bận tâm”. Nick đáp. “Tôi sẽ đi đến thị trấn”.

“Nghe này!” người đàn ông nói. “Gọi tao là Ad”.

“Được thôi!”

“Nghe này!” người đàn ông nhỏ con nói. “Tao không hoàn toàn tỉnh táo đâu”.

“Chuyện gì vậy?”

“Tao điên”.

Ông ta đội lại mũ. Nick cảm thấy buồn cười.

“Ông hoàn toàn khỏe mạnh”. cậu nói.

“Không, tao không khỏe. Tao điên. Nghe này, mày đã từng điên chưa?”

“Chưa”, Nick nói. “Sao ông điên?”

“Tao không biết”. Ad đáp “Khi điên, người ta chẳng biết mình điên. Mày hiểu tao chứ, phải không?”

“Hiếu”.

“Tao là Ad Francis”.

“Thế có Chúa chứ?”

“Mày không tin hả?”

“Tin chứ”.

Nick nghĩ chuyện đó chắc là thực.

“Mày biết cách tao đâm chúng chưa?”

“Chưa”, Nick nói.

“Nhịp tim của tao chậm. Chỉ bốn mươi nhịp một phút. Sờ xem”.

Nick lưỡng lự.

“Sờ đi”, người đàn ông nắm tay cậu. “Giữ cổ tay tao. Đặt mấy ngón tay của mày vào đây”.

Cổ tay người đàn ông nhỏ con dày dặn, các bắp thịt cuộn lên trên xương tay. Nick cảm thấy mạch máu đập chậm dưới mấy ngón tay mình.

“Có đồng hồ không?”

“Không”.

“Tao cũng không”, Ad nói. “Thực vô tích sự nếu mày không có đồng hồ”.

Nick buông cổ tay ông ta ra.

“Nghe này”, Ad Francis nói. “Năm lại đi. Mà đếm trong lúc tao đếm đến sáu mươi”.

Nhận thấy nhịp đập mạnh, chậm dưới ngón tay, Nick bắt đầu đếm. Cậu nghe người đàn ông nhỏ con từ từ đếm một, hai, ba bốn, năm, và tiếp tục, giọng lớn đều.

“Sáu mươi”, Ad kết thúc. “Đấy là một phút. Mà đếm được bao nhiêu”

“Bốn mươi” Nick đáp.

“Đúng đấy”, Ad hạnh phúc nói. “Nó chẳng hề tăng nhịp”.

Một người đàn ông bước xuống đường tàu, đi qua khoảng đất trống về phía đồng lửa.

“Chào Bugs!” Ad nói.

“Xin chào, Bugs đáp. Đấy là giọng của một người da đen. Nick biết anh ta là người da đen qua dáng đi. Anh ta đứng quay lưng về phía họ, cúi người trên ngọn lửa. Rồi anh ta đứng thẳng dậy.

“Đây là Bugs, bạn tao”. Ad nói. “Hắn cũng điên”.

“Hắn hạnh được gặp ông”, Bugs nói. “Ông từ đâu đến?”

“Từ Chicago”, Nick nói.

“Đó là thành phố đẹp”, anh da đen nói. “Tôi chưa được biết tên ông”.

“Adams, Nick Adams”.

“Bugs à, hắn bảo hắn chẳng bao giờ điên”, Ad nói.

“Hãy còn nhiều chuyện đợi ông ấy ở phía trước”, anh da đen nói. Anh ta đang mở gói đồ cạnh ngọn lửa.

“Khi nào chúng ta ăn hả Bugs?” Ad hỏi.

“Ngay bây giờ”.

“Mày có đói không Nick?”

“Đói chết đi được”.

“Nghe chưa Bugs?”

“Tôi nghe tất cả những gì đang diễn ra”.

“Đó không phải là điều tao hỏi mày”.

“Vâng. Tôi nghe những gì quý ông này nói”.

Anh ta đặt mấy lát thịt vào chảo. Khi chảo nóng, mỡ kêu xèo xèo và Bugs, trên đôi chân dài của người da đen cúi mình lên ngọn lửa, trở mấy miếng thịt rồi đập trứng vào chảo, nghiêng tròn từ bên này sang bên kia để trứng đều trứng với mỡ nóng.

“Ông vui lòng cắt hộ mấy chiếc bánh mì trong túi kia được không, thưa ông Adams”. Bugs quay lại từ ngọn lửa.

“Được thôi”.

Nick đưa tay vào túi lấy ra một ổ bánh mì. Cậu cắt làm sáu lát. Ad nhìn cậu và chồm người về phía trước.

“Đưa tao con dao của mày, Nick”, ông ta nói.

“Đừng, Ông đừng đưa”, anh da đen bảo. “Hãy giữ con dao, thưa ông Adams”.

Nhà vô địch ngồi xuống.

“Đưa hộ tôi chỗ bánh mì, thưa ông Adams”, Bugs đề nghị. Nick chuyển bánh mì sang.

“Ông có thích chấm bánh mì với nước mỡ rán thịt không?” Anh da đen hỏi.

“Hẳn rồi!”

Có lẽ chúng ta nên đợi lát nữa thì tốt hơn. Món ấy ăn cuối bữa ngon hơn. Nào xin mời”.

Anh da đen lấy miếng thịt đặt lên trên một lát bánh mì rồi để miếng trứng lên trên cùng.

Làm ơn kẹp dùm chiếc sandwich lại rồi đưa hộ cho ông Francis”.

Ad cầm chiếc sandwich rồi bắt đầu ăn.

“Coi chừng trứng rơi đấy”, anh da đen nhắc. “Chiếc này phần ông, thưa ông Adams. Chiếc còn lại là của tôi.

Nick ngọam một miếng sandwich. Anh da đen ngồi cạnh Ad, đối diện với cậu. Thịt và trứng rán nóng ngon tuyệt.

“Ông Adams quả là rất đỗi”, anh da đen nói. Người đàn ông nhỏ con, Nick biết tên. là cựu võ sĩ quyền Anh, vẫn im lặng. Ông ta chẳng mở miệng từ lúc anh da đen nhắc nhở về con dao.

“Tôi có thể mời ông một miếng bánh mì chấm nước mỡ rán thịt chứ?” Bugs nói.

“Cảm ơn nhiều”.

Người đàn ông da trắng nhỏ con nhìn Nick.

“Ông dùng thêm ít nữa chứ, thưa ông Adolph Francis” Bugs cầm cái chảo, hỏi.

Ad không trả lời. Ông ta đang nhìn Nick.

“Ông Francis này?” giọng anh da đen dịu dàng.

Ad không trả lời. Ông ta đang nhìn Nick.

“Tôi gọi ông, thưa ông Francis”, anh da đen nói nhẹ nhàng.

Ad vẫn nhìn Nick. Ông ta kéo sụp mũ xuống tận mắt. Nick cảm thấy hồi hộp.

“Mày xử sự như thế để làm cái mẹ gì?” lạnh lùng phát ra từ dưới vành mũ về phía Nick.

“Mày nghĩ mày là cái giống chết tiệt gì hả? Mày là đồ con hoang bản thủ. Mày đến đây khi chẳng có ai mời, ăn

thức ăn của một người mà khi người ấy hỏi mượn con dao thì mày lộ tâm địa xấu xa ra”.

Ông ta trừng mắt nhìn Nick, mặt ông trắng bợt và đôi mắt gần như khuất hẳn dưới vành mũ.

“Mày là đồ do thám xấu xa. Thằng chó chết nào bảo mày vác xác đến đây?”

“Chẳng có ai”.

“Chẳng có ai phái cái ngữ mày. Cũng chẳng có ai mời mày ngồi lại. Mày đến đây hỗn láo nhìn mặt tao, hút cigar của tao, uống rượu của tao rồi ăn nói xác xược. Mày nghĩ mày chui ra từ cái xó chết rấp nào?”

Nick không đáp. Ad đứng dậy.

“Tao báo cho mày biết, đồ con hoang Chicago hèn nhát kia. Cái sọ bần thiú nhà mày sắp bị đánh vỡ đầu. Mày hiểu chứ?”

Nick bước lùi lại. Người đàn ông nhỏ con từ từ tiến đến, bàn chân rê tới vững chắc, chân trái lên trước, chân phải kéo theo.

“Đánh tao đi”, ông ta lắc lắc đầu. “Thử đánh tao đi”.

“Tôi không muốn đánh ông”.

“Mày sẽ không giải quyết được sự việc theo cách đó đâu. Mày sẽ phải nhận một cú đấm, hiểu chứ? Đến đây đánh tao đi”.

“Thôi đừng nữa”, Nick nói.

“Được rồi, vậy thì, đồ con hoang mày”.

Người đàn ông nhỏ con nhìn xuống chân Nick. Khi ông ta nhìn xuống, anh da đen bám sát từ lúc ông ta rời đồng lửa, chồm người lên đánh vào gáy. Ông ta ngã chúi về phía trước, Bugs thả chiếc dùi cui bọc vải xuống đám cỏ. Người đàn ông nhỏ con nằm đó, mặt vùi trong cỏ. Anh da đen đỡ

ông ta dậy, đầu ông ta ngoẹo xuống, rồi bỗng ông ta đến bên đồng lửa. Mặt ông ta trông thật tội, mắt mở trừng trừng. Bugs nhẹ nhàng đặt ông ta xuống.

“Ông đưa hộ tôi chỗ nước đằng xô ấy, ông Adams?” anh ta nói. “Tôi sợ đã đánh ông ấy hơi mạnh”.

Anh da đen lấy tay vẩy nước lên mặt người đàn ông và nhẹ nhàng kéo tai ông. Đôi mắt nhắm lại.

Bugs đứng lên.

“Ông ấy không sao”, anh ta nói. “Không có gì đáng lo cả đâu. Tôi lấy làm tiếc, thưa ông Adams”.

“Chẳng sao đâu”, Nick đang nhìn xuống người đàn ông nhỏ con. Cậu thấy chiếc dùi cui nằm trên cỏ và nhặt nó lên. Cán của nó thon, vừa vặn trong tay cậu. Nó được làm bằng loại da đen đã cũ với một chiếc khăn tay quấn quanh đầu mũi nặng.

“Tay cầm được dẻo từ xương cá voi”, anh da đen mỉm cười. “Người ta chẳng sản xuất chúng nữa. Tôi không rõ khả năng tự vệ của ông giỏi đến mức nào, dẫu sao thì tôi cũng chẳng muốn ông làm tổn thương ông ấy hay làm ông ấy khốn khổ hơn cảnh ngộ bây giờ”.

Anh da đen lại mỉm cười.

“Nhưng anh lại đánh ông ấy”.

“Tôi không biết phải xoay xở ra sao nữa. Ông ấy sẽ chẳng nhớ bất kỳ chuyện gì cả đâu. Tôi phải hành động như thế để bảo vệ lúc ông ấy lên cơn”.

Nick vẫn nhìn người đàn ông nhỏ con đang nằm nhắm mắt trong ánh lửa. Bugs cho thêm củi vào bếp.

“Ông đừng lo nghĩ về ông ấy, thưa ông Adams. Trước đây, tôi đã chứng kiến cảnh ấy vô khối lần”.

“Sao ông ấy điên?” Nick hỏi.

“Ồ, cả mớ chuyện”. Từ bên đồng lửa, anh da đen trả lời. “Ông uống cà phê nhé, thưa ông Adams?”

Anh ta đưa Nick cái tách rồi vuốt phẳng chiếc áo khoác đặt dưới đầu người đàn ông bất tỉnh.

“Một trong những nguyên nhân là ông ấy đã chịu quá nhiều cú dấm”, anh da đen uống một ngụm cà phê. “Nhưng đấy chỉ là chuyện vặt. Song khi cô em gái làm quản lý cho ông ấy, báo chí luôn viết về họ như chuyện trai gái lãng nhăng rằng nàng yêu anh trai mình ra sao, rằng chàng yêu em gái mình đến mức nào, rồi họ cưới nhau ở New York, rồi chuyện ấy gây ra rất nhiều điều phiền toái”.

“Tôi nhớ chuyện ấy”.

“Chắc thế. Dĩ nhiên họ có phải là anh em ruột thịt cái cóc khô gì đâu, nhưng quả là có nhiều người không thích cuộc hôn nhân ấy nên họ bình luận lung tung để rồi ngày nọ cô ấy phải bỏ đi mà không bao giờ quay lại”.

Anh ta uống cà phê rồi đưa lòng bàn tay hồng hồng của mình lên chùi miệng. “Thế là ông ấy điên. Ông uống thêm tí cà phê nữa nhé, thưa ông Adams?”

“Cảm ơn”.

“Thỉnh thoảng tôi gặp cô ấy”, anh da đen tiếp tục. “Cô ấy là người đàn bà tuyệt đẹp. Giống hệt ông ấy như cặp song sinh. Ông ấy không xấu nếu khuôn mặt chưa bị tàn phá dữ dội”.

Anh ta dừng lại. Câu chuyện dường như đã hết.

“Anh gặp ông ấy ở đâu?” Nick hỏi.

“Tôi gặp ông ấy trong tù”, anh da đen đáp. “Sau khi cô ấy bỏ đi, ông thường gây sự tấn người ta nên họ tống ông vào tù. Tôi ở đó vì đã chém một gã”.

Anh ta mỉm cười, rồi tiếp tục kể bằng giọng dịu dàng:

“Ngay lập tức tôi mến ông và khi ra khỏi tù tôi đi tìm ông. Ông thích nghĩ tôi điên còn tôi thì chẳng bận tâm. Tôi thích sống với ông bởi tôi thích lang thang mà không phải đi ăn cắp nữa để có tiền thực hiện ước vọng. Tôi muốn sống như một người tử tế”.

“Thế hai người làm gì?” Nick hỏi.

“Ồ chẳng làm gì. Chỉ lang thang. Ông có tiền”.

“Ông ấy chắc đã kiếm được nhiều tiền”.

“Đúng. Nhưng ông đã xài hết. Hoặc bọn chúng cướp của ông. Cô ấy gởi tiền nuôi”.

Anh ta khơi lửa lên.

“Cô ấy là người đàn bà cực kỳ tử tế”, anh ta nói. “trông cô ấy giống hệt ông như thể hai anh em sinh đôi”.

Anh ta đen nhìn người đàn ông nhỏ con, đang nằm thở nặng nề. Mái tóc bạch kim của ông ta rũ xuống trán. Trong giấc ngủ, khuôn mặt biến dạng của ông ta như thể mặt của một cậu bé con.

“Giờ thì tôi có thể đánh thức ông ấy dậy bất kỳ lúc nào, thưa ông Adams. Nếu có thể, tôi xin ông rời khỏi nơi này. Tôi không thích phải ra tay với ông ấy nhưng đây là điều duy nhất để làm một khi ông ấy nổi điên. Tôi phải giữ ông ấy cách xa mọi người. Ông không phiền chứ phải không thưa ông Adams? Đừng, đừng cảm ơn tôi, ông Adams ạ. Lẽ ra tôi phải báo trước với ông về bệnh tình của ông ấy. Nhưng dường như ông ấy rất hài lòng về ông và tôi nghĩ sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra. Cứ theo đường tàu độ hai dặm, ông sẽ đến thị trấn Mancelona ấy mà. Tạm biệt. Tôi ước giá mà chúng tôi có thể mời ông ở lại đây qua đêm

nhưng bây giờ thì chẳng được nữa rồi. Ông có muốn mang theo ít thịt và bánh mì không? Không à? Ông mang một chiếc sandwich thì tốt hơn”, tất cả được anh da đen nói bằng giọng lịch sự, nhẹ nhàng và nho nhỏ.

“Ồn rồi. Thôi xin chào ông Adams. Tạm biệt và chúc may mắn!”.

Nick rời đồng lửa, băng qua khoảng đất trống đến đường tàu. Khi đã cách xa ngọn lửa, cậu nghe giọng mềm mại, nho nhỏ của anh da đen đang nói:

“Ông sẽ thấy dễ hơn, thưa ông Francis”, giọng anh da đen dịu dàng, “sau khi uống tách cà phê nóng này”.

Đến lối lên xuống đường tàu, Nick leo lên mặt đường rồi bước đi. Thấy mình đang cầm chiếc bánh sandwich trong tay, cậu đút nó vào túi. Quay nhìn lại, nhìn đoạn dốc cao trước khi đoàn tàu lượn qua rặng đồi, cậu có thể nhìn thấy ánh lửa trên vạt đất trống.

LÊ HUY BẮC dịch

NHÀ CỦA LÍNH

Krebs đến với chiến tranh từ ngôi trường Tin Lành ở Kansas. Có một tấm hình chụp hấn đứng giữa đám bạn học, tất cả cùng mặc một kiểu cổ áo có độ cao bằng nhau. Hấn tham gia hải quân từ 1917 và đã không trở lại Mỹ cho đến khi sư đoàn hai từ Rhine quay về vào mùa hè 1919.

Có một tấm ảnh chụp hấn ở Rhine cùng với hai cô gái người Đức và một hạ sĩ khác. Krebs và gã bạn quá lớn trong bộ quân phục. Các cô gái Đức không đẹp. Quang cảnh vùng Rhine không được phản ánh trong bức hình.

Vào khoảng thời gian Krebs quay về thị trấn quê hương ở Oklahoma, sự ngưỡng mộ các người hùng đã chấm dứt. Hấn trở về quá trễ. Cánh đàn ông của thị trấn, những người gia nhập quân đội, đã được đón chào nồng nhiệt khi họ quay về. Thị trấn cực kỳ náo động. Bây giờ mọi chuyện đã bình thường trở lại. Nhiều người nghĩ rằng dường như Krebs thật ngốc khi hồi hương quá muộn, sau nhiều năm kể từ ngày chiến tranh chấm dứt.

Thoạt tiên Krebs, người từng ở Belleau Wood, Soissons, Champagne, St. Mihiel và Argonne đã không muốn dấn động

đến chiến tranh. Về sau hắn cảm thấy cần phải nói nhưng chẳng một ai muốn nghe. Thị trấn của hắn đã nghe quá nhiều những câu chuyện giạt gân, đã hồi hộp trước những anh hùng bản địa. Krebs nhận ra rằng, để mọi người chú ý, câu chuyện của hắn phải được bịa đặt hoàn toàn. Nhưng sau khi thực hiện điều ấy được hai lần, trong hắn bỗng trỗi lên sự phản ứng: chống chiến tranh và chống luôn cả việc nói về nó. Cảm giác vô nghĩa trước mọi thứ mà đã từng đến với hắn trong thời gian chiến tranh, bây giờ hắn sâu trở lại bởi những lời dối trá. Cuộc sống nơi đã từng khiến hắn ngất ngây mỗi khi nghĩ về nó, nhưng rồi một lần, đã lâu rồi, khi hắn làm một điều, điều duy nhất để một người đàn ông phải làm, dễ dàng và thoải mái, giá mà hắn có thể chọn một lối khác, để bây giờ trong hắn cảm xúc đã trở nên trở lị, những phẩm chất đầy giá trị của cuộc sống cũng không còn nữa và sau rốt, chính cuộc sống đã tự đánh mất đi bản thân mình.

Những lời nói dối của hắn hoàn toàn không quan trọng. Bởi chúng tương tự như những gì mà đám quân nhân khác từng chứng kiến, từng hành động, từng nghe và từng khoác lác dưới dạng các mẫu chuyện không thực nào đó. Tuy nhiên, lối bịa đặt của hắn cũng không gây được sự chú ý ngay cả trong phòng chơi pool. Nhiều người quen của hắn – những người đã từng nghe từng chi tiết của câu chuyện kể về những người phụ nữ Đức bị xích vào máy khâu súng máy ở cánh rừng Argonne và đã không thể hiểu hoặc họ bị xích bởi những người yêu nước của họ hoặc do họ tự nguyện tử chiến – nếu khi nghe kể về bất kỳ tay súng người Đức nào, không bị xích thì trong họ sẽ chẳng dấy lên chút hứng thú nào.

Krebs buồn nôn trước câu chuyện không thực đây phóng đại ấy. Thỉnh thoảng, khi dự một cuộc khiêu vũ, hắn gặp mấy gã đàn ông, người đã từng là quân nhân, và chuyện trò vài phút với nhau trong phòng thay quần áo, thì hắn dễ rơi vào vị thế của một quân nhân từng trải so với nhiều gã khác: bằng cách bộc lộ nỗi hoảng sợ khủng khiếp, đau đớn và những ám ảnh triền miên. Do vậy, hắn đã mất mọi thứ.

Suốt thời gian vào độ cuối hè ấy, hắn ngủ muộn, thức dậy rồi đi bộ xuống thư viện thị trấn, mượn cuốn sách, ăn trưa ở nhà, ngồi đọc ở hiên ngoài cho đến khi mệt mỏi rồi lại đi bộ qua thị trấn đến phòng chơi pool tối, lạnh, để tránh khoảng thời gian nóng nhất trong ngày. Hắn thích chơi pool.

Buổi tối, hắn tập kèn clarinet, lang thang trong thị trấn, đọc, đi ngủ. Đối với hai cô em, hắn vẫn là người hùng. Nếu hắn muốn, mẹ hắn sẽ sẵn sàng mang bữa sáng đến cho hắn ở trên giường. Bà thường tạt vào khi hắn đã lên giường và yêu cầu hắn kể chuyện chiến tranh nhưng đầu óc của bà không tập trung. Ba hắn thì chẳng quan tâm.

Trước lúc Krebs đi trận, hắn chẳng bao giờ được phép sử dụng chiếc xe của gia đình. Ba hắn kinh doanh bất động sản. Ông thường xuyên cần nó để đưa khách hàng về miền quê xem nhà cửa, ruộng vườn. Chiếc xe luôn đỗ bên ngoài tòa nhà Ngân hàng Quốc gia số I, nơi ba hắn có một văn phòng trên tầng hai. Bây giờ, sau chiến tranh nó vẫn là chiếc xe ấy.

Thị trấn chẳng có gì thay đổi ngoại trừ các cô gái đã trưởng thành. Nhưng họ đang sống trong một thế giới đã

được định tính hoàn toàn: dễ thay đổi và phức tạp đến độ Krebs không có đủ dũng khí cũng như ham muốn để dấn thân vào. Dẫu sao, hắn cũng thích nhìn họ. Có rất nhiều thiếu nữ xinh đẹp. Hầu hết bọn họ đều để tóc ngắn. Ngày hắn đi, chỉ có rất ít các cô gái cắt tóc ngắn mà phần lớn trong số đó là những cô hoang đường. Họ mặc cùng một kiểu áo len bên ngoài, bên trong là áo sơ mi chèn eo với kiểu cổ tròn Hà Lan. Tất cả cùng một khuôn. Hắn thích nhìn họ từ mái hiên khi họ đi trên lề đường phía bên kia. Hắn thích xem họ bước đi dưới bóng của hàng cây. Hắn thích những chiếc cổ áo sơ mi tròn kiểu Hà Lan bông bênh trên áo len của họ. Hắn thích những đôi tất lụa và dáng giầy gót phẳng. Hắn thích mái tóc cắt quá ngắn và dáng đi của họ.

Khi ở ngoài phố, ngoại diện của họ chẳng hấp dẫn hắn nhiều. Hắn không ưa gặp họ ở hiệu kem Greek. Thực sự hắn không ham muốn họ. Họ quá phức tạp. Lại còn nhiều vấn đề khác. Tuy rất mơ hồ, nhưng hắn ý thức được mình cần một cô gái mà lại không muốn phải mất thời gian để tán tỉnh cô ta. Hắn thích có bạn gái nhưng không muốn phải làm gì để được nàng. Hắn chẳng muốn dây dưa vào những mưu mô, xảo kế. Hắn không muốn phải buông ra bất kỳ lời tán tỉnh nào nữa. Hắn không muốn nói dối thêm nữa. Chẳng có lợi ích gì.

Hắn không muốn gánh chịu bất kỳ hậu quả nào. Hắn chẳng muốn chịu đựng bất kỳ hậu quả nào nữa. Hắn muốn sống bình đẳng. Ngoài ra, tình thực, hắn không cần bạn gái. Quân đội đã dạy hắn điều ấy. Cứ làm ra vẻ như thể mày rất cần đàn bà, ổn đấy. Hầu hết mọi người đều làm như thế. Nhưng chuyện này không thực. Mày không cần

gái. Thật buồn cười. Thoạt tiên, một gã ba hoa rằng đàn bà chẳng có ý nghĩa gì đối với y. rằng y chẳng bao giờ nghĩ về họ, rằng họ chẳng làm y khát khao. Tiếp đó một gã khác lại khoác lác rằng gã không thể sống mà không có đàn bà. rằng gã phải luôn có họ bên cạnh, rằng gã không thể ngủ khi thiếu đàn bà.

Tất cả đều giả dối. Cả hai đều nói dối. Con người ta không cần phụ nữ chỉ khi nào trong đầu không có hình bóng họ mà thôi. Hắn biết được điều ấy trong quân đội. Chẳng chóng thì chầy, sau đó mày luôn cặp với một cô. Khi mày thực sự phải lòng một cô gái thì mày luôn tơ tưởng đến nàng. Mày không phải bận tâm về điều ấy. Sớm hay muộn gì rồi nó cũng đến. Hắn học được điều ấy trong quân ngũ.

Bây giờ hắn chỉ thích một cô gái nếu nàng đến mà không nói gì cả. Nhưng ở nơi này, ở nhà, tất cả thực phức tạp. Hắn biết hắn chẳng thể nào hòa đồng với mọi người. Không đáng bỏ công. Đây là điểm gọi nhớ lại các cô gái Pháp và những cô gái Đức. Chẳng phải đông dài. Mày không nói nhiều và mày cũng không cần nói. Thực đơn giản rồi tụi mày trở thành bè bạn. Hắn nghĩ về Pháp rồi sau đó hắn bắt đầu nhớ về Đức. Hắn không muốn trở lại nhà. Nhưng, hắn đã về nhà. Hắn đang ngồi ngoài hiên.

Hắn thích những cô gái đang đi bộ bên kia lề đường. Hắn thích hình dáng của họ, đẹp hơn nhiều so với các thiếu nữ Pháp và Đức. Song thế giới họ đang sống không phải là thế giới của hắn. Hắn thích cặp bồ với một trong số đó. Nhưng chẳng hoài công. Họ khá đông dạnh. Hắn thích sự duyên dáng ấy. Thực hấp dẫn. Nhưng hắn chẳng thể nào

chịu đựng nỗi cung cách chuyện trò. Hấn không muốn vấp phải một cô quá tồi. Dẫu sao thì hấn chỉ thích ngắm họ. Chẳng nghĩa lý gì. Không phải bây giờ, chỉ khi nào mọi việc trở nên tốt đẹp trở lại.

Hấn ngồi đó, trên hiên nhà, đọc quyển sách viết về chiến tranh. Một cuốn sách lịch sử và hấn đang dõi mắt theo tất cả các trận đánh mà hấn đã từng tham dự. Đây là lần đọc sách thú vị nhất đời hấn. Hấn ước giá mà có nhiều bản đồ. Với tâm trạng say mê, hấn khát khao được đọc những cuốn sử thật hay có kèm theo nhiều bản đồ chi tiết. Bây giờ hấn thực sự thấu hiểu cuộc chiến. Hấn đã từng là một quân nhân tốt. Điều ấy mang lại cảm giác khác biệt.

Sáng nọ, sau ngày hấn trở về độ một tháng, mẹ hấn vào phòng ngủ và ngồi xuống giường. Bà vuốt chiếc tạp dề.

“Tôi qua mẹ đã nói chuyện với ba, Harold”, bà nói, “và ba đã bằng lòng để con sử dụng xe vào buổi tối”.

“Vậy à?” Krebs – vẫn chưa hết ngái ngủ – nói. “Đánh xe đi chơi? Vậy sao?”

“Ừ. Ba con đôi lúc nghĩ rằng, con có thể dùng xe đi chơi vào buổi tối bất kỳ lúc nào con muốn và ba mẹ đã đồng ý với nhau tối qua”.

“Con đoán mẹ thuyết phục ba”, Krebs nói.

“Không. Tự ba con gợi ý rồi ba mẹ bàn bạc với nhau”.

“Vậy sao. Con vẫn nghĩ là mẹ thuyết phục ba”, Krebs ngồi dậy trên giường.

“Con sẽ xuống ăn sáng chứ. Harold?” mẹ hấn hỏi.

“Ngay sau khi con mặc xong áo quần”, Krebs đáp.

Mẹ hấn ra khỏi phòng và hấn có thể nghe bà rán món gì đó ở tầng dưới trong lúc cạo râu, rửa mặt rồi mặc quần

áo để xuống phòng ăn, dùng bữa sáng. Khi hắn đang ăn, cô em gái mang bưu phẩm vào.

“Chào Hare”, cô nói. “Cái đầu ngài ngủ đáng thương. Anh thức dậy để làm gì?”

Krebs nhìn cô. Hắn quý cô. Cô là đứa em gái dễ thương nhất của hắn. “Em nhận được báo chưa?” hắn hỏi.

Cô đưa cho hắn tờ Kansas City Star, hắn bóc mẫu giấy nâu quần ngoài, gỡ đến trang thể thao rồi gấp đôi tờ báo, dựng tựa vào bình nước, dùng đĩa thức ăn giữ nó để có thể vừa ăn vừa đọc.

“Harold, mẹ hắn đứng ở ngưỡng cửa bếp, “Harold”, đừng làm bẩn tờ báo. Ba sẽ không đọc được nếu con làm bẩn”.

“Con sẽ không làm bẩn”, Krebs trả lời.

Em gái hắn ngồi cạnh bàn, quan sát khi hắn đang đọc.

“Chiều nay, sau buổi học, tụi em sẽ thi đấu trong nhà,” cô nói, “em sẽ ném bóng”.

“Tốt” Krebs lên tiếng. “Cầu thủ cũ ra sao rồi?”

“Em có thể ném giỏi hơn rất nhiều đứa trong bọn con trai. Em bảo chúng rằng anh đã dạy em. Những nữ sinh khác chơi không tốt bằng em”.

“Thế hả?” Krebs âm ừ.

“Em kể cho tất cả bọn chúng biết rằng anh là bạn của em. Anh có phải là bạn của em không, Hare?”

“Em nói đúng”.

“Có phải anh em trai thường là bạn của nhau vì họ là con trai?”

“Anh không biết”.

“Chắc chắn anh biết. Anh sẽ không là bạn của em hay sao hở Hare nếu em trưởng thành và nếu anh muốn kết bạn?”

“Chắc chắn. Em là bạn của anh bây giờ”.

“Em có thực sự là bạn của anh không?”

“Hẳn rồi”.

“Anh quý em chứ?”

“Rõ rồi”.

“Anh sẽ đến xem em thi đấu?”

“Có thể”.

“Ồ, Hare, anh không quý em. Nếu anh quý em thì anh đã muốn đến xem em chơi bóng”.

Mẹ Krebs từ bếp bước vào phòng ăn. Bà mang chiếc đĩa đựng hai quả trứng rán, mấy miếng thịt lợn muối và một đĩa bánh làm bằng bột kiều mạch.

“Con đi chơi đi, Helen”, và nói. “Mẹ muốn nói chuyện với Harold”.

Bà đặt đĩa trứng và thịt trước mặt hần, đi lấy lọ mùt mặn để ăn với bánh rồi ngồi vào bàn, đối diện với Krebs.

“Mẹ muốn con dừng đọc một lát, Harold”, bà nói.

Krebs gấp tờ báo và đặt xuống.

“Con đã quyết định sẽ làm gì chưa. Harold?” mẹ hần hỏi, trong lúc đang bỏ kính ra.

“Chưa”, Krebs đáp.

“Con không nghĩ là đã đến lúc rồi chứ?” mẹ hần nói không có chút ngụ ý nào. Bà dường như lo lắng.

“Con không nghĩ về điều đó”, Krebs trả lời.

“Chúa có sẵn công việc cho mọi người”, mẹ hần nói.

“Chẳng một ai có thể ngồi không trên Đất Của Người”.

“Con không ở trên Đất Của Người”, Krebs nói.

“Tất cả chúng ta đều sống trên Vương Quốc Của Người”.

Krebs cảm thấy khó chịu và bức bối như mọi khi.

“Mẹ lo nhiều về con, Harold”. mẹ hắn tiếp tục. “Mẹ biết những cảm dỗ mà con hắn đã bị lôi cuốn vào. Mẹ hiểu sự yếu ớt của cánh mày râu. Mẹ vẫn nhớ những gì ông ngoại kính yêu của con đã kể cho chúng ta nghe về cuộc Nội chiến và mẹ đã cầu nguyện cho con. Suốt ngày mẹ đã cầu nguyện cho con, Harold”.

Krebs nhìn xuống miếng mỡ lợn muối đang cứng lại trên đĩa của hắn.

“Ba cũng lo nhiều”, mẹ hắn nói. “Ba nghĩ con đã đánh mất tham vọng của mình, con đã không có mục tiêu xác định trong đời. Charley Simmons, người chỉ trạc tuổi con, đã có việc làm chắc chắn và sắp sửa đám cưới. Tất cả bạn bè của con đã ổn định cuộc sống. Chúng khẳng định được chỗ đứng của mình. Con có thể thấy đó, những đứa giống như Charley Simmons đang trên đường phấn đấu để mang lại lợi ích thực sự cho cộng đồng”.

Krebs chẳng hé răng.

“Đừng nhìn theo kiểu ấy, Harold”, mẹ hắn tiếp tục. “Con biết mọi người yêu con và mẹ muốn bàn luận để giải tỏa những vướng mắc trong con. Ba không muốn chạm đến tự do của con. Ba nghĩ con đã đến lúc có thể lái xe. Nếu con muốn đưa một cô bé xinh đẹp nào đó đi chơi thì điều ấy chỉ làm ba mẹ hài lòng. Ba mẹ muốn con vui. Nhưng con sẽ phải ổn định công việc, Harold. Ba không quan tâm con chọn nghề gì. Với ba, mỗi nghề đều cao quý. Nhưng con phải bắt đầu. Ba biểu mẹ nói chuyện với con vào sáng nay và sau đó con tự quyết định rồi đến gặp ba ở văn phòng”.

“Xong cả chưa?” Krebs nói.

“Rồi. Con không yêu mẹ sao, cưng?”

“Không”, Krebs đáp.

Mẹ nhìn hấn từ phía bên kia bàn. Mắt bà chớp chớp. Bà khóc.

“Tôi chẳng yêu một ai cả”, Krebs nói.

Thật tồi tệ. Hấn không thể giải thích được cho mẹ. Hấn chẳng có cách nào để làm mẹ hiểu. Nói ra điều đó thực là ngu ngốc. Hấn chỉ làm mẹ khổ tâm. Hấn bước đến nắm tay mẹ. Bà đang úp mặt vào tay khóc.

“Con không nghĩ thế”, hấn lên tiếng. “Con chỉ bực mình vì một việc khác. Con không nói là con không yêu mẹ”.

Mẹ hấn vẫn cứ nức nở. Krebs choàng tay lên vai bà.

“Mẹ. Mẹ không tin con sao?”

Mẹ hấn lắc đầu.

“Đừng, đừng, mẹ. Hãy tin con”.

“Được”, mẹ hấn nghẹn ngào đáp. Bà ngược nhìn hấn. “Harold, mẹ tin con”.

Krebs hôn lên tóc bà. Bà úp mặt vào hấn.

“Mẹ là mẹ của con”, bà nói. “Mẹ nâng niu con trong lòng khi con hãy còn thơ dại”.

Krebs cảm thấy khó chịu và gần như buồn nôn.

“Con hiểu, thưa mẹ”, hấn đáp. “Con sẽ cố gắng làm đứa con ngoan”.

“Con hãy quý và cầu nguyện với mẹ chứ, Harold?” mẹ hấn đề nghị.

Họ quý xuống cạnh bàn phòng ăn và mẹ của Krebs nguyện cầu.

“Nào con cầu nguyện đi, Harold”, bà bảo.

“Con không thể”, Krebs đáp.

“Hãy cố gắng, Harold”.

“Con không thể”.

“Con có muốn mẹ nguyện cầu cho con?”

“Vâng”

Thế là mẹ nguyện cầu cho hắn. Khi họ đứng dậy, Krebs hôn mẹ rồi bước ra ngoài. Hắn cố giữ cuộc sống của mình sao cho không bị cuốn vào vòng rối rắm. Đến nay hắn vẫn thành công. Hắn lấy làm tiếc cho mẹ vì bà đã buộc hắn nói dối. Hắn sẽ đến thành phố Kansas kiếm việc rồi mẹ sẽ cảm thấy an tâm. Hắn sẽ còn màn kịch nữa xảy ra trước lúc hắn ra đi. Hắn muốn đời mình trôi trong bình lặng. Nó chỉ tồn tại theo cách ấy. Ừ, dầu sao thì bây giờ mọi việc đã chấm dứt. Hắn sẽ đến sân trường xem Helen chơi bóng chày trong nhà.

LÊ HUY BẮC dịch

CON MÈO TRONG MƯA

Chỉ có hai người Mỹ dừng lại ở khách sạn. Họ không biết bất kỳ ai, những người họ gặp trên cầu thang khi từ phòng ra hay quay lại. Phòng của họ ở tầng hai, quay mặt ra biển, đối diện với công viên và tượng đài chiến tranh. Có nhiều cây cọ lớn và những chiếc ghế màu xanh trong công viên. Những khi trời đẹp, tay họa sĩ với giá vẽ thường xuyên xuất hiện ở đó. Cảnh họa sĩ thích hình dáng của những cây cọ, thích màu sáng chói của các khách sạn hướng mặt về phía công viên và biển cả. Người Italy từ khắp mọi nơi đến để chiêm ngưỡng tượng đài chiến tranh. Nó được đúc bằng đồng và được rửa sạch bởi những cơn mưa. Trời đang mưa. Nước mưa giọt xuống từ những cành cọ. Nước đọng thành vũng trên các lối đi rải sỏi. Mặt biển vỡ thành những vệt dài trong mưa, gợn lăn tăn nối nhau trườn vào bờ. Những chiếc xe ca đang rời công viên, bên cạnh tượng đài. Đằng kia, trên ngưỡng cửa quán cà phê một người bồi đứng nhìn ra công viên không một bóng người.

Người vợ Mỹ đứng cạnh cửa sổ nhìn ra. Bên ngoài, ngay dưới cửa sổ của họ, một con mèo đang bị nhốt dưới

chiếc bàn màu xanh bởi cơn mưa. Nó cố gắng xoay xở, tránh không để mưa giọt trúng mình.

“Em sẽ xuống giúp con mèo ấy”, người vợ Mỹ nói.

“Để anh làm cho”, chồng nàng gợi ý từ trên giường.

“Không, em sẽ giúp nó. Con mèo đáng thương đang loay hoay để khỏi bị ướt dưới cái bàn”.

Người chồng tiếp tục đọc, nằm gối lên hai chiếc gối ở cuối chân giường.

“Đừng để bị ướt đấy”, gã nói.

Người vợ đi xuống cầu thang, chủ khách sạn đứng dậy cúi đầu chào khi nàng bước qua văn phòng. Bàn của ông ta đặt tận cuối phòng. Ông ta là một người đàn ông đã già, rất cao.

“Trời mưa”, người vợ nói. Nàng mếu ông chủ khách sạn.

“Vâng vâng, thưa bà, mưa mù trời. Thời tiết rất tồi”.

Ông ta đứng đằng sau bàn, trong góc xa của căn phòng mờ mờ tối. Người vợ thích ông ta. Nàng thích dáng điệu rất nghiêm túc khi ông ta nhận bất kỳ điều phàn nàn nào. Nàng thích thái độ chững chạc của ông, thích cách ông muốn phục vụ nàng. Nàng thích lối suy nghĩ và hành động của ông như một chủ khách sạn. Nàng thích khuôn mặt nặng nề già và đôi bàn tay lớn của ông.

Đang thích ông, nàng mở cửa nhìn ra. Trời mưa lớn hơn. Một người đàn ông trong tấm choàng ni lông đang băng qua công viên vắng ngắt, đi về hướng quán cà phê. Con mèo hẩn quanh quần áo đó bên phía tay phải. Có lẽ nàng nên đi dọc theo mái che. Khi đang đứng lưỡng lự trên ngưỡng cửa, một chiếc dù được giương trên đầu nàng. Đây là cô hầu, người phục vụ phòng họ.

“Bà đừng để bị ướt”, nó mỉm cười, nói bằng tiếng Italy. Dĩ nhiên, ông chủ khách sạn sai nó làm việc ấy.

Với cô hầu mang dù, nàng đi bộ dọc theo con đường rải sỏi cho đến khi đứng ngay dưới cửa sổ phòng mình. Chiếc bàn vẫn ở đó, ánh lên màu xanh sạch sẽ sau cơn mưa, nhưng con mèo đã đi. Nàng hoàn toàn thất vọng. Cô hầu ngược nhìn nàng.

“Bà tìm gì vậy, thưa bà?”

“Có con mèo”, cô gái Mỹ đáp.

“Một con mèo?”

“Ừ, một con mèo”.

“Con mèo?” cô hầu cười lớn. “Con mèo trong mưa?”

“Ừ, nàng trả lời, “dưới cái bàn”. Rồi nói tiếp, “Ồ, tôi rất cần nó. Tôi muốn có một con mèo”.

Khi nàng nói tiếng Anh, mặt đứa hầu gái nghiêm trang trở lại.

“Đi thôi, thưa bà”, nó nói. “Chúng ta phải quay vào trong. Bà sẽ bị ướt đấy”.

“Tôi nghĩ thế”, cô gái Mỹ nói.

Họ quay lại dọc theo con đường rải sỏi và bước qua cửa. Cô hầu dừng lại bên ngoài gấp dù. Khi cô gái Mỹ đi qua văn phòng, ông chủ cúi chào từ sau bàn làm việc. Một cảm xúc nhỏ nhoi đang rạo rực trong lòng nàng. Ông chủ khiến nàng cảm nhận được điều gì đó tuy rất mong manh nhưng vô cùng quan trọng. Trong khoảnh khắc, hồn nàng trào dâng cảm giác về nỗi khao khát mơ hồ vô cùng tận. Nàng lên lầu. Nàng mở cửa phòng. George vẫn nằm trên giường, đang đọc.

“Em đã bắt được con mèo chưa?” gã hỏi, rồi đặt cuốn sách xuống.

“Nó đã đi”.

“Nó đi đâu nhỉ?” gã nói, trong lúc vẫn đang nhìn vào cuốn sách.

Nàng ngồi xuống giường.

“Em rất cần nó,” nàng nói. “Em không hiểu tại sao em rất muốn có nó. Em thích con mèo đáng thương ấy. Thật chẳng buồn cười tí nào khi làm một con mèo đáng thương lang thang trong mưa”.

George đang đọc trở lại.

Nàng bước đến, ngồi trước tấm gương ở bàn trang điểm, tự ngắm mình với chiếc gương nhỏ có tay cầm. Nàng nhìn mình trong tư thế ngồi nghiêng. Thoạt tiên là bên này rồi sau đó là bên kia. Tiếp đấy nàng quan sát phía sau đầu và cổ mình.

“Anh có nghĩ nếu em để tóc dài thì tốt hơn chứ?” nàng hỏi rồi ngắm mình theo dáng ngồi nghiêng lần nữa.

George ngược nhìn vào gáy nàng, nơi tóc cắt quá ngắn, giống như đầu của một đứa con trai.

“Anh thích kiểu tóc như bây giờ của em”.

Em đã chán ngấy nó”, nàng nói. “Em quá mệt mỗi khi trông như thể một gã đàn ông”.

George chuyển mình trên giường. Gã không rời mắt khỏi nàng kể từ khi nàng bắt đầu nói.

“Trông em rất đẹp”, gã nói.

Nàng đặt chiếc gương xuống bàn rồi đi về phía cửa sổ nhìn ra. Trời đang tối.

“Em muốn để tóc dài, mềm mại và búi thành búi lớn ở sau gáy,” nàng nói. “Em muốn có một con mèo để ôm vào lòng và nghe tiếng prù khi vuốt ve”.

“VẬY sao?” George lên tiếng từ trên giường.

“Và em muốn ăn ở bàn với bộ đồ ăn bằng bạc của chính mình, em cần những ngọn nến. Và em muốn thời tiết mùa xuân, em muốn chải tóc trước gương, em muốn một con mèo và vài bộ đồ mới”.

“Thôi đừng nói nữa, kiểm cuốn gì đó đọc đi,” George nói. Gã đang ngón ngấu quyển sách trở lại.

Vợ gã đứng cạnh cửa sổ. Bây giờ trời đã tối om và mưa vẫn rơi trên những tán lá cọ.

“Dẫu sao thì em vẫn muốn một con mèo”, nàng nói. “em muốn có một con mèo. Bây giờ em muốn một con mèo. Nếu em không có mái tóc dài hoặc cái gì để tiêu khiển thì em phải có một con mèo”.

George không nghe. Gã đang miệt mài với cuốn sách. Vợ gã nhìn ra cửa sổ nơi những ngọn đèn được bật sáng trong công viên.

Có ai đó gõ cửa.

“Mời vào”, George nói. Gã rời quyển sách.

Trên ngưỡng cửa, đứa hầu gái đang đứng. Nó ôm một con mèo nhí thể có bộ lông vàng pha đen. Con mèo nép chặt và dung đưa trong lòng cô hầu.

“Xin lỗi”, nó nói, “Ông chủ sai tôi mang con mèo lên cho bà”.

LÊ HUY BẮC dịch

SÔNG LỚN HAI LÒNG

PHẦN I

Đoàn tàu tiếp tục lặn bánh vòng qua một trong những ngọn đồi cháy, khuất khỏi tầm mắt. Nick ngồi trên đồng vải bạt, sắp xếp lại hành lý mà người trực toa xe lẳng xuống. Thị trấn đã biến mất, chẳng còn chút dấu vết nào ngoại trừ đường ray xe lửa và miền quê bị cháy trụi. Mười ba quán rượu nằm tiếp giáp với nhau trên cùng một con phố ở Seney không để lại chút dấu vết gì. Nền khách sạn Mansion House trơ trọi trên mặt đất. Lửa làm những phiến đá nứt nẻ. Những gì còn sót lại của thị trấn Seney là chỉ thế. Thậm chí cả mặt đất của thị trấn cũng bị đốt thành tro.

Nick nhìn qua sườn đồi trải dài, cháy sém. Anh hi vọng sẽ tìm thấy những ngôi nhà cách xa thị trấn rồi bước xuống đường ray, đi về phía chiếc cầu bắc trên sông. Dòng sông hãy còn đó. Nước vỗ vào các trụ cầu gỗ. Nick nhìn xuống làn nước màu nâu sạch sẽ ánh lên từ lớp đá cuội ở dưới đáy để xem những chú cá hồi đang vẫy vẫy vì, giữ thăng bằng trong dòng nước. Khi quan sát, anh thấy chúng

đổi vị trí rất nhanh rồi lại đứng im trong dòng nước chảy xiết. Nick ngấm rất lâu.

Nick nhìn chúng giữ tư thế hướng mũi về phía dòng chảy, nhiều con ở dưới đáy, nước chảy mạnh, hơi xoáy lúc anh nhìn qua bề mặt của vũng nước, mặt nước dồn đến, từ từ nhô lên khi chạm phải những trụ cầu gỗ, mấy chú cá hồi lớn đang bơi dưới đáy của vũng nước. Thoạt tiên, Nick không thấy. Khi anh phát hiện ra, những chú cá ấy đang cố bám lấy đáy sông đầy sỏi nhiều kích cỡ lẫn trong cát, để khỏi bị dòng nước cuốn đi.

Đứng trên cầu Nick nhìn xuống vũng nước. Hôm ấy trời nóng. Một con bói cá bay là là trên sông. Đã lâu lắm rồi Nick không có dịp nhìn xuống dòng nước và quan sát lũ cá hồi. Chúng sống rất thư thái. Khi bóng của con chim bói cá in trên mặt nước, một chú cá hồi lớn tung mình lên, bóng nó tạo thành hình vòng cung rồi biến mất khi rơi trở lại mặt nước lấp lánh ánh mặt trời và lúc đã chìm sâu trong dòng nước thì hình bóng chú, dường như chẳng hề bị ngăn cản, cũng chìm xuống theo dòng chảy đến tận nơi chú nằm dưới chiếc cầu và đang cố cưỡng lại sức chảy của dòng sông.

Tim Nick ngừng đập khi chú cá hồi chuyển di. Anh cảm nhận được tất cả những xúc cảm của ngày trước.

Anh quay nhìn lại dòng sông. Dòng sông vươn xa, đầy đầy cuội, những viên cuội lớn, những chỗ nông và một vũng sâu nơi nước vòng quanh chân bờ dốc đứng.

Nick trở lại nơi anh đặt túi xách trên lớp tro cạnh đường ray. Anh hạnh phúc. Anh chỉnh lại dây đeo, kéo căng rồi khoác lên vai, tay anh luồn vào dây đeo, trán cúi thấp tì vào bờ dốc cạnh đường ray để xốc chiếc túi lên cao

hơn. Nhưng nó quá nặng. Nó thật nặng quá. Tay anh cầm chiếc hộp da đựng cần câu, người cúi nghiêng về phía trước để giữ trọng lượng của túi xách dồn lên trên vai khi bước dọc theo con đường song song với đường xe lửa, để lại đằng sau thị trấn cháy tàn cùng không khí oi bức của nó rồi đổi hướng đi quanh ngọn đồi; nơi rìa đằng kia là ngọn đồi cao hơn, nhăm nhở những tàn tích của lửa, theo lối dẫn về miền quê. Anh bước trên đường, thể xác chịu đựng nỗi đau của túi đồ nặng trên vai. Con đường khá dốc. Leo lên sườn đồi dốc quả là việc khó nhọc. Các bắp cơ tê cứng, trời thì nóng nhưng Nick vẫn thấy hạnh phúc. Anh thấy mình cảm nhận trở lại mọi thứ để suy nghĩ, để viết, để phục vụ cho mọi nhu cầu khác. Tất cả đang trở về với anh.

Kể từ lúc anh xuống tàu và người trực hành lý ném trả túi xách của anh khỏi cánh cửa để ngỏ thì mọi chuyện đã khác rồi. Seney bị thiêu trụi, miền quê cũng thành tro và đổi thay, nhưng điều ấy chẳng hề gì. Người ta không thể đốt cháy hết tất cả. Anh biết. Anh bước trên đường, người đắm mồ hôi trong ánh nắng, leo bằng qua rặng đồi thông cách xa đường xe lửa.

Lối mòn trải dài, thỉnh thoảng lượn xuống nhưng hầu như chỉ vươn lên. Nick vẫn bước. Sau cùng, lối mòn chạy song song với sườn đồi cháy ấy đưa Nick lên đến đỉnh. Nick dựa lưng vào gốc cây, tháo dây đeo túi xách ra khỏi vai. Trước mặt, trong tầm mắt Nick, là rừng thông. Miền cháy bị cản lại phía bên trái bởi rặng đồi. Trên những hòn đảo phía trước, rừng thông xanh đen in hình trên thung lũng. Phía bên trái, đằng xa kia là dòng sông. Nick dõi nhìn theo cho đến lúc mắt anh gặp những gợn nước lấp lánh ánh mặt trời.

Không gian quanh hieu ngoại trừ rừng thông trước mặt trải dài đến tận những ngọn đồi vươn cao, nơi ấy là hồ Superior. Anh không thể nhìn mãi chúng, phần vì khoảng cách khá xa, phần vì bầu không khí oi bức trong ánh nắng phủ xuống cánh rừng. Nếu anh chăm chú nhìn, rừng đồi như thể đang chuyển động. Nhưng khi chỉ nhìn lướt qua, chúng vẫn ở đấy, bất động, nhô cao trên nền đất.

Nick ngồi tựa lưng vào gốc cây đã cháy thành than và hút thuốc. Túi xách của anh nằm ngay ngắn trên đầu gối cây, dây đeo chưa bị chùng, lưng anh làm biến dạng chiếc túi. Nick ngồi hút, dõi mắt nhìn cánh rừng. Anh không cần xem bản đồ. Anh biết rõ vị trí của mình bên cạnh dòng sông.

Lúc hút thuốc, chân duỗi ra phía trước, anh thấy con châu chấu đang bò trên mặt đất, trườn lên đôi tất len của anh. Con châu chấu màu đen. Khi đi trên con đường dốc, anh đã làm rất nhiều con châu chấu giật mình nhảy lên trong lớp bụi. Hết thấy bọn chúng đều màu đen. Chúng không phải là những con châu chấu lớn có cánh màu vàng pha đen hay đỏ pha đen, đang ra khỏi lớp cánh màu đen bên ngoài khi chúng bay. Những con châu chấu này thuộc loài bình thường, nhưng chúng bị tro than làm đổi màu. Nick nghĩ về chúng khi bước đi, nhưng không bận tâm nhiều lắm. Bây giờ, lúc quan sát con châu chấu màu đen đang nhảy nhay sợi len của chiếc tất bằng đôi môi chẻ tủa của nó, anh nhận ra rằng màu đen của ngoại hình ấy là sản phẩm của miền đất cháy. Anh biết hỏa hoạn xảy ra từ năm ngoái nhưng đến nay loài châu chấu vẫn hăng bị nhuộm đen. Anh thầm nhủ, liệu chúng sẽ kéo dài được sự sống của mình trong bao lâu nữa.

Thận trọng, anh lần tay xuống chộp lấy cánh con châu chấu. Anh nhắc lên nhìn vào bụng, chân nó hươ hươ trong không khí. Ủ, bụng nó cũng đen, lưng và đầu nó lấp lánh nhiều màu sắc sau lớp vỏ bóng.

“Bay đi, châu chấu”, lần đầu tiên Nick nói thành tiếng. “Hãy bay đến đâu đó”.

Anh tung con châu chấu lên trời rồi dõi theo đường bay đến gốc cây đã bị cháy thành than phía bên kia đường.

Nick đứng dậy luồn tay vào quai xách, nghiêng người nâng chiếc túi đặt ngay ngắn trên gốc cây lên. Túi xách đã quàng chắc vào vai, Nick đứng trên đỉnh đồi nhìn qua cánh rừng về phía dòng sông ở đằng kia, rồi rời lối mòn, bước xuống đồi. Dưới chân, mặt đất dễ chịu khi anh bước đi. Cách sườn đồi hai trăm yard (1 yard = 0,914 mét) ngọn lửa chững lại. Vùng đất ngạt ngào hương dương xỉ, cao quá mắt cá khi bạn giẫm lên, còn trên đầu là những tán thông; cả miền rừng nhấp nhô trong màu xanh, cát mềm dưới chân, xứ sở hồi sinh.

Nick đi thẳng hướng mặt trời. Anh biết nơi mình muốn đến nghỉ cạnh dòng sông, rồi tiếp tục đi xuyên qua rừng thông, leo lên những ngọn đồi nhỏ để đến những ngọn đồi cao hơn phía trước và đôi khi, trên đỉnh đồi, một cụm thông dày đặc nhô cao ở phía bên trái hoặc bên phải anh. Nick bẻ vài cây dương xỉ hoang thơm ngát, lót dưới dây đeo của túi xách. Lá cây bị dập, anh ngửi mùi nó trong lúc bước đi.

Anh mệt và rất nóng bởi đi qua rừng thông gỗ ghê, lắt léo. Nhiều lần, anh biết mình có thể gặp dòng sông nếu rẽ trái. Đoạn đường ấy không dài hơn một dặm. Nhưng anh

vẫn bước đều về hướng bắc để đến dòng suối đầu nguồn nơi anh phải mất cả ngày đi bộ.

Nhiều lần, trong lúc bước đi, Nick nhìn thấy một trong những đồi thông lớn, vươn lên trên miền rừng lượn sóng. Anh xuống dốc, chậm rãi leo lên đỉnh đồi, rồi chuyển hướng bước về phía rừng thông.

Chẳng có bụi cây thấp nào mọc trong cụm thông ấy. Thân cây mọc thẳng đứng hoặc nghiêng theo chiều của nhau. Những cây thông màu nâu, thẳng tắp. Tán cây chỉ tỏa ra mãi tít bên trên. Cụm cây đan cành với nhau tạo thành khối vững chắc trên nền rừng nâu sạm. Quanh cụm rừng nhỏ là khoảng không trần trụi. Nền đất màu nâu, xộp dưới chân Nick, bởi lớp lá thông trải xuống từ những cành cây bên trên. Cụm rừng mọc cao, cành cây vươn lên tỏa bóng xuống vùng đất xung quanh. Ngay sát rìa đất của cụm rừng ấy, những cây dương xỉ thơm phức mọc lên. Nick tháo túi xách, nằm trong bóng mát. Anh nằm ngửa, nhìn lên tán thông. Cổ và lưng của anh thư giãn khi anh duỗi thẳng người. Mặt đất mềm mại dưới lưng. Anh nhìn xuyên qua cành cây lên bầu trời, lát sau nhắm mắt. Rồi mở nhìn trở lại. Gió lượn qua tán cây cao. Anh nhắm mắt chìm vào giấc ngủ.

Nick thức dậy trong tư thế co người và tê cứng. Mặt trời sắp lặn. Chiếc túi nặng và dây đeo cửa vào người đau điếng khi anh nhấc lên. Vai mang túi, anh cúi nhặt hộp cần câu, bước khỏi đồi thông, băng qua thảm dương xỉ ngọt ngào về phía dòng suối. Anh biết đoạn đường còn lại dài chưa đến một dặm.

Anh rời sườn đồi nhiều cây cối đi về phía đồng cỏ. Ngay rìa cỏ là dòng suối. Nick rất vui khi đến bờ suối. Anh

bước trên thảm cỏ về phía đầu nguồn. Chiếc quần dài dẫm sương khi anh bước đi. Sau một ngày nóng bức, sương đọng nhanh và nặng hạt. Dòng suối chảy không một tiếng động, nhanh và lặng lẽ. Đầu mép cỏ, ngay trước khi Nick bước lên mô đất nhỏ để cắm trại, anh nhìn thấy những chú cá hồi tung mình lên trên dòng suối. Trong hoàng hôn, chúng đang kiếm mồi trôi ra từ đầm lầy phía bên kia suối. Đàn cá nhảy lên đớp côn trùng. Lúc Nick bước qua vệt cỏ nhỏ dọc theo bờ suối, lũ cá nhảy loạn xạ. Bây giờ, khi Nick nhìn xuống dòng suối, đám côn trùng hẳn đã rơi hết xuống suối bởi lẽ đàn cá chỉ lặng lẽ ăn dưới nước. Nhưng mãi tận đằng kia, Nick thấy đàn cá khác vẫn đang tung mình khỏi làn nước, thân hình chúng vẽ những đường cầu vồng trên mặt nước như thể dấu hiệu báo trời sắp mưa.

Gò đất phủ cát mọc đầy cây cối nhô cao trên đồng cỏ, trên bờ suối và đầm lầy. Nick thả túi và hộp đựng cần câu xuống, rồi đưa mắt tìm khoảng đất bằng. Đất rất ẩm nhưng anh muốn cắm xong trại trước khi nhóm bếp. Mặt đất giữa hai cây thông khá bằng phẳng. Anh lôi chiếc rìu ra khỏi túi xách và chặt hai cột chống. Khoảng đất ấy rộng vừa đủ cho một người ngủ. Anh lấy tay san bằng lớp đất cát và nhổ bật gốc tất cả những bụi dương xỉ ngạt ngào. Tay anh thơm mùi dương xỉ. Anh thoa bằng mặt đất nơi các bụi cây bị nhổ. Anh không thích bất kỳ vật gì làm lớp mền nhô lên. Khi mặt đất đã phẳng lì, anh trải chồng ba chiếc mền lên. Chiếc trải sát đất, anh gấp đôi lại. Hai chiếc còn lại anh trải lên trên.

Anh dùng rìu chẻ hai mẫu gỗ từ gốc thông để đẽo thành hai chiếc cọc căng trại. Anh muốn làm hai chiếc cọc

dài và cứng để đóng xuống đất. Lúc tấm bạt được lấy ra, trải rộng trên mặt đất; chiếc túi xách, được đặt tựa vào gốc thông, trông nhỏ hơn nhiều. Nick buộc đầu dây làm nóc trại vào thân một cây thông, rồi kéo tấm bạt lên khỏi mặt đất bằng cách buộc căng đầu kia của sợi dây vào thân cây thứ hai. Tấm bạt vắt trên sợi dây như thể một cái mền được kéo ra trên dây phơi áo quần. Nick đóng mỗi chiếc cọc mình đã chuẩn bị vào đầu góc phía dưới của tấm bạt, rồi dựng lều lên bằng cách kéo căng hai đầu phía sau của tấm bạt. Anh vừa kéo, vừa dùng sống rìu đóng cọc sâu xuống đất cho đến khi các múi dây lún sâu và tấm bạt đã căng hoàn toàn.

Trước cửa trại, Nick treo tấm vải mỏng để chống muỗi. Nick bò qua rèm ngăn muỗi vào bên trong cùng với nhiều thứ trong túi xách để đặt ở phía đầu nằm theo chiều nghiêng của tấm bạt. Ánh sáng xuyên qua tấm bạt màu nâu vào trong trại tỏa mùi dễ chịu của lớp vải bạt. Rõ ràng, có điều gì bí ẩn hay cảm giác tựa như lúc ở nhà đang lơ lửng nơi ấy. Nick hạnh phúc khi anh bò vào trại. Tâm trạng bứt rứt suốt cả ngày trong anh không còn nữa. Dầu sao thì chuyện này cũng khác hẳn. Giờ đây mọi thứ đã được thực hiện. Chỉ cần làm nốt việc này. Bây giờ nó đã xong. Chuyến đi thực vất vả. Anh rất mệt. Nhưng đã đến đích. Anh dựng xong trại. Anh đã yên vị. Chẳng chuyện gì có thể quấy rầy anh. Đây là nơi tốt lành để hạ trại. Anh ở đó, tại nơi tốt lành. Anh ở chính ngôi nhà của mình, tại nơi cắm trại. Bây giờ, anh đói.

Anh bò ra ngoài dưới tấm vải chống muỗi. Bên ngoài, trời sắp tối. So với trong trại, trời hãy còn sáng hơn.

Nick đi về phía túi đồ đưa tay lục tìm cái đinh dài trong túi giấy để dưới đáy túi. Anh mang đến một cây thông, giữ nó và từ từ dùng sống rìu đóng sâu vào. Anh treo túi xách lên cây đinh. Tất cả lương thực của anh đều ở trong xách. Bây giờ chúng được treo lên khỏi mặt đất và được che đậy.

Nick đói. Anh không nghĩ trước đây mình lại có thể có cảm giác đói như thế. Anh mở và trút hết một hộp thịt lợn, hộp đậu và hộp mì ống vào cái chảo rán.

“Nếu chủ định mang theo thì mình có quyền ăn kiểu thức ăn này”, Nick nói. Giọng anh nghe là lạ trong rừng tối. Anh không nói nữa.

Anh nhóm lửa bằng mấy mẫu gỗ thông được chẻ từ góc cây. Anh lấy chiếc vỉ nướng bằng thép, dựng bốn chân xuống đất, đặt lên bếp lửa. Nick đặt chiếc chảo rán lên vỉ, trên ngọn lửa. Anh cảm thấy đói hơn. Chỗ đậu và mì ống ấm lên. Nick khuấy đều, trộn lẫn chúng với nhau. Chảo thức ăn bắt đầu kêu xèo xèo, gợn những bong bóng nhỏ, khó khăn lắm những bong bóng ấy mới thoát lên khỏi bề mặt. Mùi thức ăn thơm phức. Nick lấy ra một chai nước sốt cà chua và cắt bốn lát bánh mì. Bây giờ, những bong bóng nhỏ tỏa lên mặt chảo nhanh hơn. Nick ngồi xuống cạnh bếp lửa, nhắc chảo ra. Anh đổ một nửa thức ăn vào chiếc đĩa thiếc. Chúng chậm chậm bò lan trên đĩa. Nick biết hãy còn quá nóng. Anh thêm vào ít nước sốt cà chua. Anh biết đậu và mì ống vẫn còn quá nóng. Anh nhìn ngọn lửa rồi nhìn trại, anh không muốn làm hỏng bữa ăn bởi lưỡi sẽ bị bỏng khi thức ăn còn rất nóng. Đã nhiều năm, anh chưa hề biết hương vị của chuối rán bởi anh chẳng bao giờ đủ kiên nhẫn

dội chúng nguội. Lưỡi của anh rất nhạy cảm. Anh thì đang rất đói. Đầm lầy nằm bên kia dòng suối, trong bóng đêm chập choạng, anh thấy mù đang dâng lên. Anh nhìn lại trại thêm lần nữa. Ổn rồi. Anh ăn một thìa đầy thức ăn.

“Lạy chúa”, Nick nói, “Geezus Chrise”, anh hạnh phúc thốt lên.

Anh ăn hết thức ăn trên đĩa rồi mới nhớ đến bánh mì. Nick ăn đĩa thứ hai với bánh mì, chiếc đĩa nhãn trơn. Anh chưa ăn tí gì ngoại trừ cốc cà phê và cái bánh Sandwich ở nhà hàng St. Ignace tại ga. Bữa ăn thật ngon miệng. Trước đây anh cũng đã từng đói như thế, nhưng chưa bao giờ anh có thể làm dịu cơn thèm khát. Nhiều giờ trước đây, nếu muốn, anh đã có thể cầm trại. Có rất nhiều nơi tốt lành để dựng trại. Nhưng chỗ này thật tuyệt.

Nick cho thêm hai thanh củi thông lớn vào dưới vỉ nướng. Ngọn lửa bùng lên. Anh quên không nấu nước pha cà phê. Anh lấy chiếc gàu, bằng vải bạt gấp được, ra khỏi túi xách, đi xuống đồi, băng qua thảm cỏ đến dòng suối. Bờ bên kia chìm trong làn sương trắng. Cỏ ướt và lạnh lúc anh quỳ gối trên bờ vục gàu xuống suối. Dòng suối đầy nước chảy xiết. Nước lạnh như đá. Nick xách gàu mang về trại. Không khí không lạnh lắm lúc Nick cách bờ một khoảng xa.

Nick đóng một cái đinh lớn khác rồi treo chiếc xô đầy nước lên. Anh vục ấm pha cà phê vào xô mức nửa ấm, cho thêm củi vào bếp rồi đặt ấm nước lên vỉ nướng. Anh không thể nhớ cách pha cà phê, Anh chỉ nhớ mình có lần đã cãi nhau với Hopkins về chuyện ấy, nhưng vẫn không nhớ được cách pha của mình. Anh quyết định đun sôi. Bây giờ, anh nhớ đây là phương pháp pha của Hopkins. Trong khi

đội cà phê sôi, anh mở một hộp nước mơ. Anh thích mở hộp. Anh dốc hết hộp nước nhỏ ra chiếc cốc thiếc. Lúc quan sát bình cà phê trên bếp, anh uống cốc nước mơ, thoát tiên anh cẩn thận để khỏi bị đổ ra ngoài, ngậm trong miệng rồi mới nuốt xuống. Cốc nước có vị ngon hơn mơ tươi.

Khi anh nhìn, cà phê đã sôi. Nắp ấm bị đẩy lên, cà phê tràn xuống, Nick nhấc khỏi bếp. Hopkins đã thắng. Anh cho ít đường vào cốc nước mơ đã uống cạn rồi rót cà phê vào để nguội. Quai ấm cà phê nóng bỏng, Nick phải dùng mũ lót để cầm rót cà phê, anh không để cà phê ngậm trong ấm quá lâu. Không phải chỉ cốc đầu tiên. Đúng là cách của Hopkins. Hop làm như thế. Hắn là người uống cà phê rất sành. Hắn là người đàn ông đứng đắn nhất mà Nick từng biết. Không kiểu cách, chỉ trang trọng. Chuyện ấy đã từ lâu lắm rồi. Hopkins không bao giờ mấp máy môi khi nói. Hắn chơi môn polo. Hắn kiếm hàng triệu dollar ở Texas. Hắn mượn tiền xe để đi đến Chicago, khi nhận được điện báo người đỡ đầu lớn thứ nhất của hắn đã đến. Hắn có thể đánh điện xin tiền. Làm thế sẽ quá chậm. Họ gọi bạn gái của Hop là Vệ nữ tóc hoe. Hop không phật lòng bởi nàng không phải là cô gái thực sự của hắn. Hopkins nói một cách rất tự tin rằng chẳng một ai trong đám đó có thể mang người trong mộng thực sự của hắn ra đùa. Hắn đúng. Khi bức điện đến, Hopkins đã đi xa. Chuyện diễn ra trên dòng sông Black. Tám ngày sau, bức điện mới đến tay hắn. Hopkins tặng Nick khẩu Colt tự động cỡ 22 của mình. Hắn biếu Bill chiếc camera. Đây là cách để luôn nhớ đến hắn. Họ hẹn mùa hè sau sẽ cùng đi câu cá. Gia đình Hop rất giàu. Hắn có thể mua một chiếc thuyền buồm để cả bọn có

thể lượn dọc theo bờ bắc của hồ Superior. Hấn hào hứng song vẫn nghiêm túc. Chúng chào tạm biệt và cảm thấy buồn. Chuyến đi đã hỏng. Chúng chẳng bao giờ gặp lại Hopkins. Chuyện ấy xảy ra đã lâu lắm rồi trên dòng Black.

Nick uống cà phê theo kiểu Hopkins. Cốc cà phê đắng. Nick cười. Câu chuyện có đoạn kết thật hay. Tư duy của anh đang bắt đầu hoạt động. Anh biết mình có thể nén lại được bởi lẽ quá mệt. Anh rót hết cốc cà phê trong ấm rồi lắng cạn đổ vào bếp. Anh châm thuốc rồi chui vào lều. Ngồi trên mền, anh tháo giày, cởi quần dài, cuộn đôi giày trong quần làm gối và đặt xuống dưới mền.

Nhìn ra phía trước lều, anh quan sát các đốm lửa bùng lên trong làn gió đêm. Đêm yên tĩnh. Đầm lầy cực kỳ tĩnh lặng. Nick thoải mái duỗi người dưới tấm mền. Một con muỗi vo ve bên tai. Anh ngồi dậy bật diêm. Con muỗi đậu trên tấm bạt. Nick di nhanh que diêm vào nó. Ngọn lửa đốt con muỗi cháy xèo. Que diêm cháy hết. Nick đắp mền nằm trở lại. Anh nghiêng người rồi nhắm mắt. Anh buồn ngủ. Anh thấy giấc ngủ đang đến. Anh co người trong mền rồi chìm vào giấc ngủ.

LÊ HUY BẮC dịch

SÔNG LỚN HAI LÒNG

PHẦN II

Buổi sáng, mặt trời mọc, trại đang bắt đầu nóng. Nick trườn người dưới tấm màn muỗi treo ngang cửa, ra nhìn bình minh. Lúc ra ngoài, cổ ướt chạm vào tay anh. Anh mang theo quần dài và giấy. Mặt trời chỉ vừa mới nhô lên khỏi ngọn đồi. Có thảm cỏ, dòng suối và đầm lầy. Bên bờ kia của dòng suối, khóm bu lô hòa trong sắc xanh của đầm lầy.

Vào lúc sáng sớm, dòng suối sạch sẽ và lặng lẽ xuôi nhanh. Cách hai trăm yard về phía dưới, ba cây gỗ lớn vắt ngang qua dòng chảy. Dòng nước khi qua chúng lặng lẽ chui sâu xuống. Lúc Nick đang ngắm nhìn, một con chồn chạy trên các cây gỗ ấy để qua sông về phía đầm lầy. Nick vui. Bình minh và dòng sông đã làm anh phấn chấn. Dầu biết mình có rất ít thời gian để ăn sáng nhưng anh hiểu mình phải ăn. Nick nhóm lửa rồi đặt ấm cà phê lên.

Trong lúc nước đang nóng dần lên trong ấm, Nick cầm cái chai không, bước khỏi gò đất, đi về phía thảm cỏ. Cỏ đầm sương và Nick muốn bắt châu chấu làm mồi trước lúc mặt trời hong khô thảm cỏ. Anh tìm thấy rất nhiều con

châu chấu mỗi ngon lành. Chúng đậu tận gốc cỏ. Vài con bám trên thân. Sương làm chúng ướt lạnh, không thể nhảy cho đến khi mặt trời sưởi ấm. Nick nhét chúng, chỉ chọn những con màu nâu cỡ trung bình, đút vào chai. Anh lật một khúc gỗ và thấy bên dưới chỗ nắp ấy hàng trăm con châu chấu. Đây là nhà của chúng, Nick cho khoảng năm mươi con màu nâu cỡ trung bình vào chai. Trong khi Nick đang chọn, những con khác, được mặt trời sưởi ấm, bắt đầu nhảy đi. Chúng xòe cánh khi nhảy. Thoạt tiên chúng bay một đoạn rồi nằm bất động lúc đậu xuống, trông như thể đã chết.

Nick biết trong lúc anh ăn sáng, đàn châu chấu sẽ tỉnh táo trở lại. Nếu cỏ không dẫm sương, anh phải mất cả ngày mới bắt đầy chai châu chấu, anh sẽ phải làm nhiều con xây xát, phải dùng mũ chụp chúng. Anh rửa tay trong dòng nước. Anh rất hưng phấn khi đứng cạnh con suối. Lát sau, anh về trại. Lũ châu chấu đang nhảy loạn xạ trên cỏ. Còn trong chai, lúc được mặt trời sưởi ấm, chúng cũng chen lấn lung tung. Nick nhét một miếng gỗ thông che miệng chai. Miếng gỗ lớn đủ để không khí lọt vào và đủ để không cho châu chấu bò ra.

Anh lần khúc gỗ trở lại và biết hàng ngày mình có thể bắt châu chấu ở đây. Nick dựa cái chai đầy ấp châu chấu đang chen chúc nhau vào thân cây. Anh nhanh chóng trộn bột mì với nước và khuấy bột tan đều theo tỷ lệ một cốc bột, một cốc nước. Anh cho một ít cà phê vào ấm, xắt một thìa mỡ lớn ra khỏi hộp cho vào chảo, rán nóng. Lúc chảo bốc khói, anh từ từ đổ bột mì trộn nước vào. Bột mì chảy tựa nham thạch, mỡ bắn tung tóe. Xung quanh rìa chiếc bánh,

bột bắt đầu cứng lại, chuyển sang màu nâu rồi chín giòn. Bong bóng lỗ đỗ nổi lên mặt bánh. Nick dùng phiến thông tươi dẻo mỏng ấn xuống đáy chảo. Anh lắc nghiêng, chiếc bánh bong ra. Minh đừng lắc nữa mà trở nó lại, anh nghĩ. Anh đẩy hết que gỗ sạch trên đáy chảo, dưới chiếc bánh và lật ngược nó lại. Chiếc bánh kêu xèo xèo.

Lúc rán bánh, Nick cho thêm mỡ vào chảo. Anh rán hết cả chỗ bột nhào. Chiếc bánh thứ hai lớn hơn và chiếc bánh thứ ba thì nhỏ hơn hai chiếc trước.

Nick ăn chiếc lớn nhất và chiếc nhỏ nhất với bơ táo. Anh phết bơ lên chiếc thứ ba, gấp nó lại làm đôi, quán ngoài bằng mẩu ni lông rồi để nó vào trong túi áo sơ mi. Anh đặt lọ bơ táo vào lại trong xách, rồi cắt bánh mì làm hai chiếc sandwich.

Anh lấy trong xách ra một củ hành lớn, bổ ra làm hai, lột lớp vỏ lụa bên ngoài. Sau đó anh cắt nhỏ nửa miếng để làm bánh sandwich hành. Anh quán giấy bóng bên ngoài rồi đút vào túi khác của chiếc sơ mi khaki. Anh lật úp chảo lên vỉ nướng trên bếp, uống cốc cà phê sữa màu nâu vàng và dọn dẹp trại. Nó là trại tốt lành.

Nick lấy chiếc cần câu bay của mình ra khỏi hộp da, nối lại rồi mang chiếc hộp trở vào trong trại. Nick cầm guồng câu, xỏ dây qua bánh xe. Khi luồn dây anh phải luôn dùng tay giữ nếu không nó sẽ tuột trở lại bởi cái đế nặng của nó. Đây là sợi dây dành cho câu bay, nặng, được bện đôi. Cách đây khá lâu, Nick mua nó với giá tám dollar. Độ nặng và sự săn chắc của loại dây này nhằm để khi quăng tới hoặc kéo lui không bị chùng và không cần độ nặng ở phần đầu lưỡi câu. Nick mở hộp đựng chì. Những lá chì

được quần giữa các tấm đệm bằng vải Flanel ấm. Nick đã thấm ướt các lớp vải trên chuyến tàu đến St. Ignace. Trong lớp vải ấm, chì trở nên mềm hơn. Nick mở một lá, quần chặt nó vào cạnh chiếc đai dính ở cuối dây câu. Anh buộc chặt lưỡi câu phía dưới cuộn chì. Nó là một lưỡi câu nhỏ, mỏng và đàn hồi.

Nick lấy lưỡi câu trong hộp lúc đang đặt chiếc cần câu ngang lòng mình. Anh kiểm tra các mối buộc và độ đàn hồi của cần câu bằng cách kéo mạnh sợi dây. Cảm giác thật diệu kỳ. Anh cẩn thận không để lưỡi câu đâm vào tay.

Anh mang cần câu đi về phía suối, chai châu chấu khoác qua cổ bằng sợi dây buộc theo kiểu thắt thông lưng quanh cổ chai. Chiếc vợt móc vào thắt lưng. Cái bao đựng bột dài, hai góc được cột chặt, quàng lên vai anh. Sợi dây buộc vắt chéo qua cổ. Chiếc bao đập đập vào chân anh.

Nick cảm thấy kỳ quặc nhưng hài lòng với vẻ đam mê nghề nghiệp về tất cả dụng cụ trên người. Chai châu chấu đựng đưa đập đập vào ngực. Trong túi áo sơ mi là bữa ăn trưa và hộp lưỡi câu.

Anh bước xuống suối, chột rùng mình. Chiếc quần dài dính chặt vào chân. Giày anh đặt trên lớp đá cuội. Làn nước là cả khối lạnh ghê người đang truyền lên.

Vội vã, dòng nước vỗ vào chân anh. Nơi anh bước xuống, nước cao quá đầu gối. Anh lội theo con suối. Sỏi trượt dưới đế giày, anh nhìn xoáy nước dưới chân rồi cầm chai để lấy mồi.

Con châu chấu đầu tiên nhảy một cú ra khỏi cổ chai, rơi xuống nước. Nó bị quần chìm theo xoáy nước cạnh chân phải của Nick rồi nhô lên cách đấy một khoảng. Nó vùng

vẩy, trôi nhanh. Nhanh như chớp, một vòng nhỏ xé toạc mặt nước bình lặng, nó biến mất. Một con cá hồi đã đớp nó.

Con châu chấu khác thò đầu ra khỏi chai. Râu vẩy vẩy. Nó thò chân trước ra khỏi chai chực nhảy. Nick tóm lấy đầu, giữ chặt và xuyên lưỡi câu mảnh từ dưới cầm qua họng ra đến phần bụng cuối. Con châu chấu dùng mấy chân trước của mình đẩy đẩy lưỡi câu. Nick nhổ nước thuốc lá vào nó rồi thả xuống nước.

Giữ cần câu trong tay phải, anh nới dây theo độ kéo của con châu chấu trên dòng nước. Tay trái anh cầm chiếc guồng để dây tự do bung ra. Chiếc cần cong lại bởi cú giật, một con cá hồi tung mình lên khỏi mặt nước. Nick biết đây là chú cá nhỏ. Anh giật thẳng cần câu lên trời. Nó rít lên khi bị kéo.

Anh thấy con cá hồi đang lắc lắc đầu, cong người cưỡng lại sợi dây đang kéo nó trong dòng nước.

Tay trái Nick nắm sợi dây, kéo con cá đang vẩy vùng tuyệt vọng lên mặt nước. Lưng nó lốm đốm màu đá cuội sạch trơn trong nước, mình nó lấp lánh ánh mặt trời. Kẹp cần câu vào nách, Nick cúi người đưa tay phải xuống nước. Anh nhẹ nhàng giữ con cá trong bàn tay dầm nước, tháo lưỡi câu ra khỏi miệng rồi thả nó trở lại dòng suối.

Chú cá loạng choạng trong nước rồi bơi xuống nằm bên cạnh phiến đá dưới đáy suối. Nick đưa tay về phía nó, nước ngập quá khuỷu tay. Chú cá nằm lặng im trong dòng nước chảy, sát những viên cuội và gần phiến đá. Khi mấy ngón tay lạnh của Nick khẽ chạm nó, anh cảm thấy nó bơi đi, bơi lặng lẽ qua đáy của dòng suối.

Nó bình yên, Nick nghĩ. Nó chỉ mệt.

Anh đã nhúng ướt tay trước khi giữ con cá để không làm tổn thương lớp nhầy mỏng bên ngoài da nó. Nếu một con cá hồi bị bàn tay khô đụng phải thì một loài nấm trắng sẽ tấn công những chỗ bị chạm ấy. Nhiều năm trước, khi đến câu tại đoạn suối nhiều cá cùng với những người khác, Nick thường thấy những con cá hồi chết loét vì nấm trắng, trôi dạt vào bờ đá hay trương bụng lên trong các vũng nước. Nick không thích đi câu cùng với người lạ trên sông. Một khi họ không cùng cánh với bạn thì họ sẽ làm hỏng cuộc câu.

Anh lội trong dòng nước ngập quá gối, đi hết năm mươi yard trên khoảng nước nông phía trên mấy cây gỗ vất ngang qua suối. Anh không móc lại môi mà vẫn giữ trong tay khi di chuyển, Anh biết chắc mình sẽ tóm được nhiều chú cá hồi nhỏ tại chỗ nước nông, nhưng anh không muốn. Thời điểm này trong ngày, cá hồi lớn sẽ không vào chỗ nước nông.

Bây giờ, dùi anh đã chìm trong làn nước lạnh. Trước mặt là cả dòng nước diềm tĩnh lùi dần đến bên trên các cây gỗ. Mặt nước tĩnh lặng và tối, bên trái là triền thấp của thảm cỏ, còn bên phải là đầm lầy!

Nick hơi ngửa người ra sau để bắt một con châu chấu trong chai. Anh ấn nó vào lưỡi câu rồi nhổ nước bọt lên môi để cầu may. Sau đó anh thả rất nhiều dây ra khỏi guồng rồi quăng con mồi về phía trước trên dòng nước sạm đen, chảy xiết. Nó trôi về phía mấy cây gỗ rồi độ nặng của sợi dây kéo con mồi chìm xuống. Nick giữ cần câu bằng tay phải, dây câu chạy xuyên qua kẽ tay. Có một cú giật mạnh. Nick giật, cần câu suýt tuột ra, nó cong oằn, dây câu căng cứng; từ dưới nước, độ căng, sức nặng, mối nguy hiểm

không hề giảm đi. Ngay lúc ấy chợt hiểu dây câu sẽ đứt nếu sự trì kéo vẫn tăng lên, Nick bèn nói thêm dây.

Chiếc guồng quay nhanh trong trục khi sợi dây cứ tuồn tuột bị kéo ra. Nhanh quá. Nick không thể kiểm soát được, dây câu tuồn ra, guồng quay cứ nẩy lên khi sợi dây bị kéo mạnh.

Lúc lõi của chiếc guồng gần lộ ra, tim anh dường như ngừng đập bởi hồi hộp; hơi nghiêng người ra phía sau dòng nước lạnh băng ngập đến đùi, tay trái Nick giữ chặt guồng quay. Lúc đó, quả là rất nguy hiểm nếu anh đứt ngón cái vào trong guồng.

Khi anh cố trì lại một chút, sợi dây bị kéo căng bởi cú giật bất thành linh và bên kia mấy cây gỗ, một con cá hồi khổng lồ lao lên khỏi mặt nước. Lúc nó nhảy, Nick hạ thấp đầu cần câu xuống. Nhưng ngay lúc hạ cần câu để giảm độ căng vào thời khắc mạnh nhất, anh cảm thấy sức kéo hẫy còn quá mạnh. Dĩ nhiên lõi chì đã bị vỡ. Cảm giác ấy chẳng thể sai khi tất cả độ đàn hồi của sợi dây không còn nữa, nó trở nên giòn và cứng. Lát sau, sợi dây chùng xuống.

Miệng anh khô đắng, tim đập chậm lại, Nick quay guồng thu dây. Anh chưa từng thấy một con cá hồi nào lớn như thế, cả độ nặng, sức mạnh không thể giữ và sau đây là cú giật khi nó nhảy lên. Trông nó đích thực là chú cá kiêu hùng.

Bàn tay Nick run run. Anh thu dây chậm chậm. Sự hồi hộp quá lớn. Anh mơ hồ cảm thấy hơi bị choáng và rồi, tốt hơn cả là nên ngồi xuống.

Cuộn chì bị đứt ngay nơi lưỡi câu buộc vào. Nick đưa tay cầm xem. Anh hình dung con cá hồi đang ở đâu đó dưới

đáy suối, nép mình chặt xuống lớp cuội, trong bóng tối, dưới mấy cây gỗ, lưỡi câu đang mắc trong hàm. Nick biết rằng cá hồi có thể cắn đứt phăng sợi dây buộc lưỡi câu. Lưỡi câu sẽ nằm im trong miệng nó. Anh đoán con cá sẽ giận dữ. Với kích cỡ đó cơn giận sẽ lớn biết nhường nào. Một con cá hồi đúng nghĩa. Nó đã bị lưỡi câu móc chặt. Không thể gỡ nổi. Trước lúc rời đi, anh cảm nhận như thể chính mình nuốt phải lưỡi câu ấy. Lạy Chúa, đây là con cá lớn. Lạy Chúa, đây là con cá lớn nhất mà con đã từng nghe nói.

Nick leo lên bờ cỏ và đứng lại, nước từ quần anh chảy xuống tràn qua giày, đôi giày sũng nước. Anh bước đến ngồi lên cây gỗ. Anh không muốn đánh mất xúc cảm của mình.

Anh cử động ngón chân trong đôi giày đầy nước và rút ra một điều thuốc từ túi áo phía trên ngực. Anh châm thuốc rồi quăng que diêm xuống dòng nước đang chảy xiết qua bên dưới cây gỗ. Một con cá hồi nhỏ xíu ngoi lên đớp que diêm khi nó xoay tròn trên mặt nước hồi hả. Nick cười. Anh hút hết điều thuốc.

Anh ngồi trên cây gỗ, hút thuốc, đợi mặt trời hong khô, mặt trời rọi ấm lưng anh, dòng suối cạn dần trước khi vào rừng, lượn trong rừng, nông, ánh sáng lấp lánh, những mỏm đá lớn ngập trong làn nước mềm mại, những cây tuyết tùng mọc dọc bờ và những cây bu lô trắng; cây gỗ ẩm trong ánh nắng, ngồi lên thật dễ chịu, không làm xước da hay bắn tay khi chạm phải; dần dần cảm giác thất vọng không còn trong anh. Nó từ từ bỏ đi, nỗi thất vọng mà đã ập đến ngay sau cú giật làm vai anh đau điếng. Bây giờ, nó không còn nữa. Cần câu của anh được đặt nằm trên mấy

cây gỗ, Nick buộc lưỡi câu mới vào cuộn chì, kéo chỗ nối thật chặt cho đến khi nút thắt rắn cứng lại.

Anh móc mồi, cầm cần câu đi về đằng cuối cây gỗ, bước xuống nước, nơi ấy, không sâu quá. Bên dưới và bên kia mấy cây gỗ là vùng nước sâu. Nick đi vòng quanh chỗ cạn gần bờ đầm cho đến lúc anh bước ra lòng suối cạn.

Bên trái, nơi thảm cỏ dừng lại và rừng tiếp nối, một cây du lớn bị lật gốc. Con bão đi qua, nó ngã rạp trong rừng, gốc vẫn bám đầy đất, cỏ mọc lên, cao trên bờ dốc đứng, cạnh dòng suối. Dòng suối cắt phần ngọn của thân cây bật gốc. Từ nơi đứng của mình, Nick có thể nhìn thấy nhiều lạch nhỏ, sâu tựa vết bánh xe hằn nơi đáy nông của dòng suối, bởi luồng nước chảy. Nơi anh đứng, đá cuội rải đầy và phía bên kia cũng đầy đá cuội và sỏi, chỗ dòng lượn gần những gốc cây, đáy của nó đầy bùn và dưới mấy lạch nước sâu, đám lá dương xỉ hình răng lược đung đưa theo dòng nước.

Nick vung cần câu qua vai về phía trước, sợi dây vạch một đường cong đưa con châu chấu chìm xuống một trong những rãnh nước sâu phủ đầy lá. Một chú cá hồi đập lấy và mắc câu.

Đưa cần câu về phía cây du trốc gốc rồi giật ngược dòng nước, Nick hì hục với con cá, chiếc cần câu cong oằn lại lúc Nick kéo con cá ra khỏi đám lá về phía bờ nông. Giật cần câu ngược dòng nước, Nick kéo con cá vào. Nó cưỡng lại, nhưng luôn phải nhích vào, cần câu nảy lên sau mỗi lần kéo, thỉnh thoảng con cá lộn vòng dưới nước, song Nick vẫn đưa được nó vào. Những cú giật làm Nick phấn kích. Nâng cần câu lên quá đầu, Nick dùng vợt vớt con cá rồi nhấc nó lên.

Chú cá trũ nặng trong vợt, lưng lõm đõm, lườn ánh bạc qua mắt lưới. Nick tháo lưới câu; lườn cá rất mập, thật dễ chịu khi giữ, hàm nó lớn; rồi thả con cá nặng, trượt nhanh xuống chiếc bao dài có dây đeo qua vai, chìm trong nước.

Nick mở miệng bao ghé xuống để nước chảy đầy vào. Anh kéo lên, đáy bao nằm trong suối, nước tràn ra qua các lỗ trên mình bao. Bên trong, dưới đáy bao, chú cá hồi lớn bơi trong nước.

Nick đi xuôi con suối. Cái bao đầy nước trôi phía trước giật giật vai anh.

Nick bắt được con cá hồi tử tế. Anh không quan tâm đến số lượng. Bây giờ dòng suối trải rộng và nông hơn. Cây cối mọc nhiều hai bên bờ. Trong ánh mặt trời lúc chưa đến trưa, rặng cây bên bờ trái tỏa bóng ngắn trên dòng nước. Vào buổi chiều, sau khi mặt trời khuất sau dãy đồi, cá hồi sẽ tìm vào bóng mát ở phía bên kia.

Những chú cá lớn nhất hẳn nằm cạnh bờ. Bạn có thể thường xuyên câu chúng ở vị trí ấy trên dòng Black. Khi mặt trời lặn, cả bầy chuyển dần ra xa bờ. Nhưng chỉ vào đúng lúc mặt trời làm dòng nước sẫm đen bằng vài tia nắng yếu ớt trước lúc lặn, bạn có thể câu một con cá hồi lớn tại bất kỳ nơi nào trên dòng nước. Nhưng việc bắt nó thì gần như không thể được bởi vào lúc ấy mặt nước tối đen như tấm gương đặt dưới nắng. Dĩ nhiên, bạn có thể bắt cá ngược theo dòng chảy, song tại những con suối như Black hoặc suối này, bạn phải ngấm mình trong nước và ở những nơi sâu nước sẽ ngập đầu bạn. Chẳng vui vẻ gì mà đi câu theo kiểu lội ấy trong những dòng suối sâu như thế.

Nick đi dọc triền nước nông, quan sát hai bên bờ để tìm những vũng nước sâu. Một cây sồi mọc gần mép nước đến nỗi cành cây nhúng cả xuống suối. Suối chảy qua tán lá. Cá hồi rất thích sống ở những nơi như thế.

Nick chưa có ý định câu cá nơi ấy. Anh biết chắc lưỡi câu sẽ bị vướng vào đám cành cây.

Dẫu sao thì trông nó cũng quyến rũ. Anh buông mồi, dòng nước cuốn trôi đến dưới tán cây. Sợi dây bị kéo mạnh và Nick giật câu. Con cá hồi vùng mạnh nhô nửa mình lên khỏi đám lá. Dây câu bị vướng. Nick kéo mạnh, con cá rơi xuống. Anh cuốn dây, nắm lưỡi câu trong tay, đi xuôi dòng suối.

Đằng trước, bên bờ trái, có một cây gỗ lớn. Nick thấy nó bị nước bào lõm, nhô đầu nhọn lên giữa dòng, nước bình lặng chảy qua trong tiếng rì rào rất khẽ khi chạm vào cây gỗ. Nơi ấy, mực nước sâu. Phần đầu của khúc gỗ lõm màu xám và khô cứng. Thân của nó nằm trong bóng râm.

Nick mở nút chai châu chấu, một chú bò ra. Nick tóm lấy, móc câu, thả xuống. Anh đưa cần câu ra xa để con châu chấu rơi đúng luồng nước chảy về phía cây gỗ. Nick hạ cần câu, con châu chấu đáp xuống mặt nước. Một cú giật mạnh xuất hiện. Nick vung cần câu lên rồi kéo. Chiếc cần nặng như thể đã móc vào cây gỗ nếu phía đầu lưỡi không có sự cưỡng lại.

Nick cố kéo con cá ra khỏi dòng chảy. Nó nặng nề nhích vào bờ.

Sợi dây chùng xuống, Nick nghĩ, con cá đã thoát. Lát sau anh nhìn thấy nó ngay cạnh mình, đang lắc lắc đầu trong suối, cố hất lưỡi câu ra. Miệng nó ngậm chặt. Nó đang ráng hết sức kéo sợi dây về phía dòng chảy.

Quấn sợi dây vào bàn tay trái. Nick nâng cần câu để kéo căng dây và hướng con cá vào vợt, nhưng nó bơi ra, khuất tầm mắt, sợi dây bị rút mạnh. Nick thấy mình đứng giữa dòng suối, con cá vùng vẫy trong nước theo độ đàn hồi của cần câu. Anh chuyển cần câu sang tay trái, xoay xở với con cá, giảm độ nặng, điều khiển cần câu đưa nó vào vợt. Anh nhấc hẳn nó lên khỏi mặt nước, nó cuộn thành nửa vòng tròn nặng trong vợt, vợt rỏ nước, anh tháo lưỡi câu rồi úp con cá vào bao.

Anh mở miệng bao, quan sát hai con cá hồi lớn bơi bơi trong nước

Băng qua chỗ nước sâu, Nick lội đến cây gỗ lồm. Anh cúi đầu nhắc dây buộc bao qua người, hai con cá quẫy mạnh khi nước chảy khỏi bao rồi anh treo sao cho chúng chìm sâu trong dòng nước. Sau đó anh đu mình lên khúc gỗ, ngồi xuống, nước trong quần và giày chảy xuống suối. Anh đặt cần câu xuống, lặn về phía bóng mát tỏa trên cây gỗ rồi lấy bánh sandwich ra khỏi túi. Anh ăn bánh rồi vục mủ mủ nước uống, nước chảy tràn ra lúc anh uống.

Trong bóng râm, trời lạnh khi Nick ngồi trên cây gỗ. Anh lấy một điếu thuốc rồi quẹt diêm châm lửa. Que diêm vạch một rãnh nhỏ khi lún sâu vào thân cây gỗ xám. Nick cúi người trên thân cây, tìm nơi cứng để quẹt diêm. Anh ngồi hút thuốc và ngắm dòng suối.

Đằng kia, dòng suối hẹp lại, chảy vào đầm lầy. Con suối trở nên sâu và bình lặng, còn đầm lầy thì trông oai nghiêm với những cây tuyết tùng mọc san sát, cành của chúng đan chặt vào nhau. Khó có thể đi qua một đầm lầy như vậy. Cành cây mọc rất thấp. Người ta phải luôn cúi

mình trên mặt đất khi di chuyển. Người ra không thể rẽ lối xuyên qua các cành cây. Đây là nguyên nhân giải thích tại sao những loài vật sinh sống ở đầm lầy có dáng vóc của riêng chúng, Nick nghĩ.

Anh ước giá mình mang theo sách để đọc. Anh thấy thèm đọc sách. Anh không có cảm giác muốn đi vào đầm lầy. Anh nhìn xuống suối. Một cây tuyết tùng lớn nghiêng mình tỏa bóng trùm cả dòng nước. Vượt qua cây ấy, dòng suối chảy vào đầm lầy.

Bây giờ, Nick không muốn đi vào đây. Anh cảm nhận được sự phản ứng của cơ thể trước việc lội xuống dòng nước sâu đến ngực để câu cá ở nơi mà chẳng thể nào kéo được chúng lên. Quanh đầm lầy, mặt đất trụi trần, những cây tuyết tùng to lớn đan cành vào nhau ở trên cao không cho ánh nắng xuyên qua, có chăng thì chỉ vài tia yếu ớt len được xuống đất; còn trong vùng nước đen ngòm chảy xiết, trong vùng chập choạng tối, việc câu cá hẳn là cả tấn thảm kịch. Trong đầm lầy, câu cá là một cuộc phiêu lưu đầy bi kịch. Nick không muốn điều đó. Hôm nay, anh không thích đi xa xuống phía dưới suối thêm tí nào nữa.

Anh lấy dao bật lưỡi, cắm vào thân cây. Sau đó anh kéo cái bao, mở miệng bắt một con cá hồi. Nắm gần đuôi, thực khó nắm bởi chú cá cứ vẫy vùng, anh quật đầu nó vào thân cây. Con cá run rẩy, nằm bất động. Nick đặt nó lên thân cây trong bóng mát rồi quật chết con còn lại theo cách ấy. Anh để chúng nằm cạnh nhau. Những con cá ngon tuyệt.

Anh rửa sạch, rồi rạch một đường từ đít lên đến miệng chúng. Tất cả nội tạng, mang và lưỡi được kéo ra thành

một chùm. Cả hai là cá đục, túi tinh của chúng trắng xám, dài, mềm mại và sạch sẽ. Gan ruột bị Nick lấy hết ra, Nick quăng bộ lông lên bờ làm mồi cho lũ chồn.

Anh rửa cá trong suối. Lúc thả xuống nước, trông chúng như thể còn sống. Màu da vẫn chưa đổi. Anh rửa tay và phơi khô cá trên khúc gỗ, rồi quăn lại, bó chặt để vào trong vọt. Con dao của anh vẫn còn găm đứng trên thân cây. Anh chùi sạch nó lên cây gỗ, gấp lại cho vào túi.

Nick đứng trên cây gỗ, tay cầm cần câu và chiếc vọt trĩu nặng rồi bước xuống dòng nước lội vào bờ. Anh leo lên bờ, rẽ lối qua rừng về phía gò đất. Anh đang về trại. Anh ngoái nhìn lại. Dòng suối thấp thoáng sau rừng cây. Phải vài hôm nữa anh mới có thể đến câu cá trong đầm lầy.

LÊ HUY BẮC dịch

NGƯỜI BẤT KHẢ BẠI

Manuel Garcia lên cầu thang đến văn phòng Don Miguel Retana. Anh đặt vali xuống rồi gõ cửa. Không có tiếng trả lời. Nhưng dẫu đứng ngoài hành lang, Manuel vẫn cảm thấy có ai đó trong phòng. Anh cảm nhận qua cánh cửa.

“Retana”, anh gọi rồi lắng nghe.

Không có tiếng trả lời.

Lão ở trống, đúng rồi, Manuel nghĩ.

“Retana”, anh đập cửa gọi.

“Ai đó?” tiếng người hỏi từ trong phòng.

“Tôi đây, Manolo”, Manuel đáp.

“Anh cần gì?” giọng ấy hỏi.

“Tôi cần công việc”.

Trong cánh cửa, cái gì đó lách cách vài tiếng rồi cửa mở. Manuel xách vali bước vào.

Một gã quắt người ngồi sau bàn títt đằng kia căn phòng. Phía trên đầu gã là cái đầu bò, được nhồi bởi tay thợ ở Madrid. Nhiều tấm ảnh và áp phích quảng cáo trận đấu lồng khung treo trên tường.

Gã quát người ngồi ngấm Manuel.

“Tôi nghĩ chúng đã giết anh rồi”, hắn nói.

Manuel gõ các đốt tay xuống bàn. Từ bên kia, gã quát người ngồi nhìn sang.

“Năm nay anh đã đấu bao nhiêu trận?” Retana hỏi.

“Một”, anh trả lời.

“Chỉ một thôi ư?” gã quát người hỏi.

“Thế thôi”.

“Tôi đã đọc trận ấy trên báo”, Retana nói. Gã tựa người ra sau ghế nhìn Manuel.

Manuel ngược nhìn cái đầu bò nhồi. Trước đây anh thường xuyên ngấm nó. Anh cảm nhận được xúc cảm gần gũi mơ hồ nào đó với nó. Khoảng chín năm trước, nó đã giết anh trai anh, một đấu sĩ đầy triển vọng. Manuel vẫn nhớ rõ cái ngày ấy. Mảnh đồng dính trên tấm bảng sồi gắn cái đầu bò đã mờ đi. Manuel chẳng thể đọc nổi. Nhưng anh vẫn hình dung được đây là lời tưởng niệm anh trai anh. Ủ, anh ấy là một đấu sĩ cừ.

Tấm bảng viết: “Con bò “Mariposa” của Công tước Veragua, đã nhận chín mũi lao từ bảy đấu sĩ cầm lao và đã gây ra cái chết của Antonio Garcia, Novillero, 27-4-1909”.

Retana quan sát lúc anh nhìn cái đầu bò nhồi.

“Đàn bò Công tước gởi cho tôi để đấu vào Chủ nhật hẳn gây sự bàn tán”, gã nói. “Chân cả đàn bị đau. Người ta nói gì về chúng ở tiệm cà phê vậy?”

“Tôi không biết”, Manuel nói. “Tôi vừa mới đến đây”.

“Ừ”, Retana nói. “Anh vẫn còn mang vali”.

Ngả người ra xa chiếc bàn lớn, gã nhìn Manuel.

“Ngồi xuống”, gã nói. “Bỏ mũ ra đi”.

Manuel ngồi xuống; khi cái mũ được cởi ra, khuôn mặt anh đổi khác. Trông anh nhợt nhạt, đuôi tóc cặp trên đầu để không thò ra khỏi mũ, tôn thêm vẻ kỳ lạ ở anh.

“Trông anh không được khỏe”, Retana nói.

“Tôi vừa mới ra viện”, Manuel nói.

“Tôi nghe bảo họ đã cưa chân anh”, Retana nói.

“Không”, Manuel nói. “Nó vẫn bình thường”.

Retana cúi người qua bàn, đẩy hộp gỗ đựng thuốc lá về phía Manuel.

“Hút đi”, gã nói.

“Cảm ơn”.

Manuel đốt thuốc.

“Hút chứ?” anh hỏi rồi đưa que diêm cho Retana.

“Không”, Retana xua tay, “tôi chẳng hề hút”.

Retana nhìn anh hút.

“Sao anh không kiếm việc làm đi?” gã hỏi.

“Tôi không muốn đi làm”, Manuel đáp. “Tôi là đấu sĩ”.

“Chẳng còn một móng đấu sĩ nào nữa đâu,” Retana nói.

“Tôi là một đấu sĩ,” Manuel nói.

“Ừ, chừng nào anh còn ở đó”, Retana nói.

Manuel bật cười.

Retana ngồi lặng im nhìn Manuel.

“Tôi sẽ ghi tên anh vào nhóm đấu đêm nếu anh muốn”, Retana đề nghị.

“Khi nào?” Manuel hỏi.

“Tối mai”.

“Tôi không thích đấu thay cho ai cả”, Manuel nói. Đây là cách bọn họ bị giết. Salvador chết trong trường hợp ấy. Anh gõ mấy đốt tay lên bàn.

“Tôi chỉ thu xếp được vậy thôi”, Retana nói.

“Sao ông không để tôi đấu vào tuần tới”, Manuel gợi ý.

“Anh chẳng còn hấp dẫn nữa”, Retana nói. “Những người họ hâm mộ là Litri, Rubio và La Torre. Mấy tay ấy đấu tốt lắm”.

“Họ hãy đến để xem tôi trở tài”, Manuel nói đầy hy vọng.

“Không. Họ không thích. Người ta chẳng còn biết anh là ai nữa rồi”.

“Tôi vẫn còn nhiều ngón độc”, Manuel nói.

“Tôi đang đề nghị bố trí anh đấu vào tối mai”, Retana.” Anh có thể đấu cùng anh chàng Hernandez, hạ hai con bò vừa trưởng thành sau nhóm Charlot”.

“Mấy con bò ấy của ai?” Manuel hỏi.

“Tôi chẳng biết. Bất kỳ nguồn gốc con bò nào họ có trong bãi quây. Những con mà cánh thú y sẽ không cho ra đấu trường vào ban ngày”.

“Tôi không thích đấu thay”, Manuel nói.

“Anh có thể nhận hoặc không”, Retana nói. Gã cúi xuống đóng giầy tờ. Gã chẳng còn hứng thú tranh luận. Sự mỉa mai mà Manuel gợi lại trong khoảnh khắc, khi gã nhớ về những ngày cũ, đã không còn nữa. Hẳn gã thích chọn anh đấu thế cho Larita bởi lẽ gã có thể trả anh rẻ hơn. Gã cũng có thể trả cho những đấu thủ khác rẻ hơn. Đấu sao thì gã có vẻ muốn giúp anh. Nhưng gã đã cho anh cơ hội. Nó phụ thuộc vào anh.

“Tôi được trả bao nhiêu?” Manuel hỏi. Anh vẫn đang nuôi ý định từ chối. Nhưng anh biết mình không thể.

“Hai trăm năm mươi peseta”, Retana đáp. Gã đã nghĩ năm trăm nhưng khi nói, miệng gã bảo hai trăm năm mươi.

“Ông trả cho Villalta bảy ngàn”, Manuel nói.

“Anh không phải là Villalta”, Retana nói.

“Tôi hiểu”, Manuel nói.

“Tay ấy hấp dẫn mà, Manolo”, Retana nói với hàm ý giải thích.

“Hắn rồi”, Manuel nói. Anh đứng dậy. “Trả tôi ba trăm đi, Retana”.

“Thôi được”, Retana đồng ý. Gã đưa tay vào ngăn kéo tìm giấy tờ.

“Tôi có thể nhận năm mươi ngay bây giờ chứ?” Manuel hỏi.

“Được” Retana đáp. Gã lấy tờ năm mươi peseta ra khỏi ví, đặt nó lên bàn, trải ra.

Manuel nhặt lấy đút vào túi.

“Thế còn nhóm đấu sĩ?” anh hỏi.

“Có mấy đứa thường làm cho tôi vào buổi tối”, Retana nói. “Bọn chúng đấu khá đấy”.

“Còn mấy tay cỡi ngựa, đâm giáo dụ bò thì sao?” Manuel hỏi.

“Chúng chẳng thạo lắm”, Retana thú nhận.

“Tôi phải kiếm một tay dụ tốt”, Manuel nói.

“Vậy thì hãy tự kiếm lấy”, Retana nói. “Đi kiếm hắn đi”.

“Không phải từ khoản này”, Manuel nói. “Tôi sẽ không thể trả cho bất kỳ tay kỵ mã nào dưới sáu mươi duro”.

Retana không nói, chỉ nhìn Manuel từ phía bên kia bàn.

“Ông biết tôi cần phải có một kỵ mã giỏi”, Manuel nói.

Retana im lặng, lơ đãng nhìn Manuel.

“Thực bất công,” Manuel nói.

Retana vẫn ngả người ra sau ghế nhìn anh, nhìn anh từ một khoảng xa.

“Có nhiều kỹ mã chuyên nghiệp đấy”, gã gợi ý.

“Tôi hiểu”, Manuel nói. “Tôi biết những kỹ mã chuyên nghiệp của ông”.

Retana không cười, Manuel hiểu câu chuyện đã chấm dứt.

“Những gì tôi cần là một cơ hội thực sự”, Manuel trầm tư nói. “Khi tôi xuất hiện ở đó, tôi muốn mình có thể cắm ngập mũi kiếm vào con bò. Điều ấy thực hiện chỉ khi có một kỹ mã giỏi”.

Anh đang nói với người chẳng còn lắng nghe tí nào nữa.

“Nếu anh muốn ai đó trợ giúp”, Retana nói, “thì hãy tự đi tìm lấy. Một kỹ mã chuyên nghiệp sẽ có mặt ở đó. Anh muốn đưa đến bao nhiêu kỹ mã của riêng mình thì cứ việc đưa. Mục trình diễn của nhóm Charlot sẽ kết thúc vào lúc mười giờ ba mươi”.

“Được rồi,” Manuel nói. “Nếu đấy là cách ông đồng ý”.

“Tôi đồng ý,” Retana nói.

“Tôi sẽ gặp ông vào tối mai”, Manuel nói.

“Tôi sẽ đến đó”, Retana nói.

Manuel xách va li bước ra

“Đóng hộ cánh cửa”, Retana nhờ.

Manuel nhìn lại. Retana đang cúi xuống xem xét đồng giấy tờ. Manuel kéo mạnh cánh cửa cho đến lúc nó kêu đánh cách.

Anh đi xuống cầu thang, ra khỏi cửa bước xuống đường phố sáng rực và nóng bức. Ngoài phố, trời rất nóng, ánh sáng phản chiếu từ tòa nhà màu trắng rọi vào mắt

anh đau nhức. Anh bước xuôi vào phía khuất của con đường dốc, về tiệm Peurta del Sol. Bóng mát như thể kết thành khối và hơi mát tựa như dòng nước đang chảy. Cái nóng bất thành linh ập đến lúc anh băng qua ngã tư. Trong số những người chạm mặt, Manuel không thấy ai là người quen cả. Ngay lúc đến trước Puerta del Sol, anh rẽ vào quán cà phê.

Quán im ắng. Mấy gã đang ngồi cạnh bàn, lưng tựa vào tường. Quanh bàn nọ, bốn người đang chơi bài. Phần đông khách tựa lưng vào tường hút thuốc; những tách cà phê uống cạn và mấy ly rượu đặt trên bàn, trước mặt họ. Manuel bước qua căn phòng dài đi ra gian phòng nhỏ phía sau. Trong góc phòng, một người đàn ông ngồi cạnh bàn đang ngủ. Manuel ngồi vào bàn.

Một người bồi bước vào đứng cạnh bàn Manuel.

“Mày có thấy Zurito không?” Manuel hỏi hần.

“Ông ấy ở đây trước bữa trưa”, anh bồi trả lời. “Ông ấy sẽ không quay lại trước năm giờ tối”.

“Mang cho tôi một cốc cà phê sữa và một ly rượu”, Manuel bảo.

Anh bồi quay lại mang khay đựng tách lớn uống cà phê và một cái ly uống rượu. Tay trái anh ta cầm chai rượu mạnh. Anh ta đặt những thứ ấy xuống bàn, cậu bé đi theo rót cà phê và sữa vào tách từ hai chiếc bình sáng bóng có vòi và tay cầm dài.

Manuel bỏ mũ ra, anh bồi nhìn cái đuôi sam được cài gọn lên đầu. Anh ta nháy mắt với cậu bé mang cà phê lúc rót rượu vào cái ly nhỏ đặt bên cạnh tách cà phê. Cậu bé tò mò quan sát khuôn mặt tái nhợt của Manuel.

“Ông sẽ đấu ở đây à?” anh bồi hỏi lúc đẩy nút chai.

“Ừ”, Manuel nói. “Ngày mai”.

Anh bồi đứng dậy, tay cầm cổ chai rượu.

“Ông thuộc nhóm Charlie Chaplin?” anh ta hỏi.

Cậu bé mang cà phê xấu hổ quay nhìn nơi khác.

“Không, đấu sĩ thường thôi”.

“Tôi tưởng họ sẽ có Chaves và Hernandez”, anh bồi nói.

“Không phải. Tôi và một người khác”.

“Ai vậy? Chaves hay Hernandez?”

“Chắc là Hernandez”

“Chuyện gì xảy ra với Chaves vậy?”

“Anh ấy bị thương”

“Ông nghe tin ấy từ đâu?”

“Từ Retana”.

“Này Looie”, anh bồi gọi với sang phòng bên cạnh, “Chaves bị thương”.

Manuel mở bọc đường cho vào cà phê. Anh khuấy rồi uống cạn tách cà phê thơm ngọt, nóng và ấm ấm trong cái dạ dày trống rỗng. Anh uống hết ly rượu.

“Cho tôi suất rượu nữa”, anh bảo anh bồi.

Anh bồi mở nút chai, rót đầy ly, tràn cả ra đĩa. Anh bồi khác đứng trước bàn. Cậu bé mang cà phê ra ngoài.

“Chaves bị thương có nặng không?” anh bồi thứ hai hỏi Manuel.

“Tôi không rõ”, Manuel đáp, “Retana không nói”.

“Lão ấy gây ra cơ man nào là chuyện”, anh bồi cao nói. Ban này Manuel chưa nhìn thấy anh ta. Chắc anh ta vừa mới đến.

“Trong thành phố này, nếu anh hòa với Retana thì anh sẽ có cơ hội”, anh bồi cao nói. “Còn nếu anh không ăn cánh với lão thì hoặc anh nên bỏ đi hoặc phải tự sát”.

“Mày đã nói chuyện ấy”, anh bồi nữa vừa đến, nói “Mày đã nói chuyện ấy rồi”.

“Mày đúng đấy, tao đã nói chuyện ấy”, anh bồi cao nói. “Tao hiểu những gì mình đang nói khi tao nói về lão ấy”.

“Nhìn xem lão đối xử với Villalta ra sao kia”, anh bồi thứ nhất nói.

“Nhưng ngần ấy chưa đủ”, anh bồi cao nói. “Xem cách lão đối xử với Marcial Lalanda. Hãy nhìn lão đã làm gì với Nacional”.

“Chính mày đã nói chuyện ấy”, anh bồi thấp tán thành.

Manuel nhìn họ đang đứng tranh luận trước bàn mình. Anh đã uống hết ly rượu thứ hai. Bọn họ quên băng, chẳng để ý đến anh.

“Hãy nhìn bây lạc đà ấy”, anh bồi cao tiếp tục.

“Bọn mày đã bao giờ xem gã Nacional II này chưa?”

“Tao chẳng bảo là mình đã xem gã vào chủ nhật tuần trước rồi đó sao?” anh bồi đầu tiên nói.

“Gã là một con hươu cao cổ”, anh bồi thấp nói.

“Tao đã nói gì với mày nhỉ?” anh bồi cao nói. “Mấy ngữ ấy là môn đệ của Retana”.

“Này, cho tôi một suất nữa”, Manuel gọi. Anh đã trút chỗ rượu tràn ra đĩa vào ly và uống trong lúc bọn họ đang nói chuyện.

Anh bồi đầu tiên hấp tấp rót đầy ly rượu rồi cả ba vừa ra khỏi phòng vừa nói chuyện.

Trong góc đằng kia, người đàn ông vẫn còn ngủ đầu tựa vào tường, ngáy nhỏ khi hít không khí vào. Manuel

uống ly rượu. Anh cảm thấy buồn ngủ. Trời quá nóng để rời quán ra phố. Thêm nữa chẳng có việc gì làm. Anh muốn gặp Zurito. Trong khi đợi anh sẽ chợp mắt một lát. Anh đã vào vali dưới bàn để biết chắc nó còn ở đó. Có lẽ tốt hơn là đặt nó ra sau, dưới ghế, tựa vào tường. Anh cúi xuống kéo rồi gục đầu lên bàn, ngủ.

Khi anh thức giấc, có người đang ngồi phía bên kia bàn. Một người đàn ông to lớn có khuôn mặt màu nâu nặng nề giống như người da đỏ. Hẳn ông ta đã ngồi đấy một lát rồi. Ông ta xua tay bảo bọn bồi lui ra, ngồi đọc báo và thỉnh thoảng nhìn xuống Manuel đang ngủ gục trên bàn. Ông ta đọc tờ báo một cách chăm chú, môi mấp máy theo từng chữ. Khi nào mỏi mắt, ông nhìn Manuel. Ông ta ngồi yên trên ghế, cái mũ Cordoba màu đen của ông kéo sụp về phía trước.

Manuel ngẩng dậy nhìn ông ta.

“Chào Zurito”, anh nói.

“Chào anh bạn”, người to lớn nói.

“Tôi nghĩ chắc anh ở đây”.

“Công việc thế nào?”

“Ồn. Thế còn anh?”

“Không được tốt lắm”

Cả hai lặng im. Zurito, tay kị mã, nhìn sắc mặt tái tái của Manuel. Manuel thì nhìn xuống bàn tay to bè của người kị mã đang xếp tờ báo đút vào túi. “Tôi muốn nhờ anh một việc, Manos à”, Manuel nói.

Manosduros là tên gọi thân mật của Zurito. Ông chẳng bao giờ nghe nó mà không nghĩ đến bàn tay to lớn của mình. Rất ý thức, ông đặt chúng lên bàn.

“Tụi mình gọi gì uống đi”, ông nói.

“Đương nhiên”, Manuel đáp.

Anh bồi đến và đi rồi lại đến. Anh ta quay nhìn hai người đàn ông ngồi ở bàn khi ra khỏi phòng.

“Chuyện gì vậy Manolo?” Zurito đặt cốc xuống.

“Anh có thể dụ hai con bò cho tôi vào tối mai không?” Manuel hỏi lúc đang nhìn Zurito qua bàn.

“Không được đâu”, Zurito nói. “Tôi không đấu nữa rồi”.

Manuel cúi nhìn ly của mình. Anh đã hình dung được câu trả lời ấy, và bây giờ anh đã nghe thấy. Đúng, anh đã nghe thấy.

“Tôi lấy làm tiếc, Manolo à, nhưng tôi đã giải nghệ”, Zurito nhìn hai bàn tay mình.

“Chẳng sao đâu”, Manuel nói.

“Tôi đã già khom”, Zurito nói.

“Tôi chỉ đề nghị anh”, Manuel nói.

“Có phải trận đấu ngày mai không?”

“Phải. Tôi tính là nếu có một kỵ mã giỏi giúp mình thì tôi sẽ thành công”.

“Anh nhận được bao nhiêu?”

“Ba trăm peseta”.

“Tôi kiếm được nhiều hơn thế trong mỗi trận đấu”.

“Tôi biết”, Manuel nói. “Tôi không có quyền ép anh”.

“Anh tiếp tục theo đuổi nghề này để làm gì?” Zurito hỏi. “Sao anh không cắt phớt cái bím tóc của mình đi hả Manolo?”

“Tôi không biết”, Manuel nói. “Nhưng tôi phải đấu. Nếu thành công trong trận này thì tôi sẽ nghỉ ngơi thực sự, đấy là tất cả ước nguyện của tôi. Tôi phải thực hiện, Manos”.

“Đừng, anh đừng.”

“Không, tôi thực hiện. Tôi đã từng cố giữ bỏ.”

“Tôi hiểu tâm trạng của anh. Song nó chẳng đúng đâu. Anh nên từ bỏ và tránh xa”.

“Tôi không thể làm như thế. Hơn nữa gần đây tôi đã khá hơn”.

Zurito nhìn mặt anh.

“Anh vừa mới ra viện”.

“Nhưng tôi đã lừng danh sau khi bị thương”.

Zurito không nói gì nữa. Ông đổ chỗ Cognac ngoài đĩa vào ly.

“Báo chí viết họ chưa hề thấy một pha kết thúc nào của đấu sĩ ngoạn mục cả”.

Zurito nhìn anh.

“Anh biết đấy, càng trưởng thành tôi càng đấu giỏi”, Manuel nói.

“Anh già quá rồi”, kỳ mã nói.

“Không”, Manuel nói. “Anh hơn tôi mười tuổi”.

“Với tôi đấy là chuyện khác”.

“Tôi không quá già”, Manuel nói.

Họ ngồi lặng im, Manuel quan sát nét mặt của người kỳ mã.

“Tôi bị thương lúc sắp sửa trở nên vĩ đại”, Manuel nói.

“Anh nên xem tôi đấu Manos à”, Manuel hờn dỗi nói.

“Tôi không muốn xem anh,” Zurito nói. “Nó làm tôi căng thẳng”.

“Gần đây anh đã không thấy tôi đấu”.

“Tôi đã xem anh nhiều lần”.

Zurito nhìn Manuel, người đang tránh cái nhìn của ông.

“Anh nên từ bỏ nó, Manolo”.

“Tôi không thể”, Manuel nói. “Tôi cho anh hay là tôi đang sung sức”.

Zurito nghiêng người ra trước, đặt tay lên bàn.

“Nghe này. Tôi sẽ dụ bò cho anh và nếu tối mai trận đấu của anh chẳng mỹ mãn lắm thì anh cũng phải từ bỏ. Hiểu chứ? Anh có thực hiện điều ấy không?”

“Là cái chắc”.

Zurito tựa người ra sau, hài lòng.

“Anh phải già từ”, ông nói. “Đúng, chỉ là trò hề. Anh phải cắt bỏ bím tóc đi”.

“Tôi sẽ không phải già từ”, Manuel nói. “Anh sẽ thấy. Tôi có kỹ xảo”.

Zurito đứng dậy. Ông cảm thấy mỗi một vì tranh luận.

“Anh phải từ bỏ”, ông nói. “Chính tay tôi sẽ cắt bím tóc của anh”.

“Không, anh sẽ không”, Manuel nói. “Anh chẳng có cơ hội đâu”.

“Đi thôi”, Zurito nói “Ta về nhà đi”.

Manuel đưa tay xuống dưới ghế lấy vali. Anh hạnh phúc. Anh biết Zurito sẽ dụ bò cho mình. Anh ấy là người cưỡi ngựa dùng giáo dụ bò giỏi nhất còn sống. Giờ thì mọi chuyện đơn giản.

“Đến nhà rồi chúng ta ăn”, Zurito bảo.

*

Manuel đứng trong sân phía sau đợi tiết mục Charlie Chaplin kết thúc. Zurito đứng cạnh anh. Sân chìm trong bóng tối. Cánh cửa cao dẫn đến trường đấu được khóa chặt. Họ nghe một tiếng thét vọng ra từ phía trên rồi sau đấy là

cả tròng cười ha hả. Rồi thì tất cả lặng im. Manuel thích mùi chuồng bò tỏa khắp sân. Trong bóng tối, mùi nó vương nồng.

Một tiếng rống nữa vọng ra từ đấu trường rồi sau đó là tiếng vỗ tay, tiếng vỗ tay không dứt, tràn hết đợt này đến đợt khác.

“Anh chưa từng xem mấy gã ấy phải không?” Zurito dáng người to lù lù bên cạnh Manuel trong bóng tối, hỏi

“Chưa”, Manuel đáp.

“Chúng thực buồn cười”, Zurito nói. Ông cười thâm trong bóng tối.

Hai cánh cửa cao, sít chặt dẫn vào đấu trường mở ra, Manuel nhìn thấy đấu trường trong ánh sáng chói mắt của mấy ngọn cao áp; khán đài xung quanh nhô cao trong bóng tối; quanh rìa trường đấu, hai người đàn ông ăn vận theo lối những mục dân bà đi thỏa vừa chạy vừa cúi mình chào, theo sau là một gã vận đồng phục của người trực tăng khách sạn cúi nhặt mũ, gậy quăng xuống nền cát; ném trả lại vào bóng tối.

Đèn điện sân trong bật sáng.

“Trong lúc anh đi tập hợp bọn ấy, tôi sẽ thu xếp cỡi lên một trong những chú ngựa non ấy”, Zurito nói.

Đằng sau họ văng vẳng tiếng nhạc la đi ra đấu trường để kéo xác bò.

Thành viên của nhóm đấu sĩ, đứng xem phần biểu diễn các tiết mục hài trên lối đi giữa tường chắn và dãy ghế ngồi, bước lùi ra sân sau, đứng thành nhóm nói chuyện dưới ánh đèn cao áp. Một anh chàng đẹp trai mặc bộ đồ màu da cam phớt bạc bước đến gần Manuel và mỉm cười.

“Tôi là Hernandez”, cậu ta nói và chìa tay ra.

Manuel đưa tay bắt.

“Tôi nay chúng ta có những con voi thú thật đấy”, chàng trai vui vẻ nói.

“Chúng to dùng và có sừng”, Manuel phụ họa.

“Thăm anh rút tẹt lăm”, chàng trai nói.

“Không sao”, Manuel nói. “Chúng càng to bao nhiêu thì càng có nhiều thịt cho người nghèo bấy nhiêu”.

“Anh học câu ấy ở đâu vậy?” Hernandez cười phô cả hàm răng.

“Đây là một câu nói cũ”, Manuel đáp. “Anh tập hợp nhóm đấu của mình đi, để tôi có thể biết tôi có những ai”.

“Anh có mấy tay cừ đấy”, Hernandez nói. Cậu ta rất hào hứng. Trước đây cậu đã từng đấu hai lần vào buổi tối và đã bắt đầu thu hút sự ngưỡng mộ của người xem ở Madrid. Cậu đang rạo rức bởi chỉ vài phút nữa trận đấu sẽ bắt đầu.

“Các đấu sĩ đâu?” Manuel hỏi.

“Họ đang ở sau bãi quây, giành nhau mấy con ngựa đẹp”, Hernandez há miệng cười.

Lũ la vội vã đi nhanh qua cổng, tiếng roi vút, tiếng chuông leng keng và con bò non đang cày một cái rãnh trên cát.

Họ đứng vào vị trí để chờ trình diễn ngay khi con bò ra khỏi.

Manuel và Hernandez đứng trước. Các đấu sĩ trẻ trong nhóm đứng sau, mấy tấm áo choàng nặng vắt trên tay. Đằng sau, bốn kỵ mã đứng im, cầm giáo hướng mũi lên khoảng trời mờ mờ sáng của bãi quây.

“Thật kỳ lạ, Retana chẳng bố trí đủ ánh sáng để bọn ta thấy rõ mấy con ngựa”, một kỵ mã nói.

“Lão biết bọn mình sẽ hạnh phúc hơn nếu không nhìn thấy rõ những bộ da bọc xương ấy”, kỵ mã khác trả lời.

“Vật này chỉ đủ để nâng tao lên khỏi mặt đất”, tay kỵ mã thứ nhất nói.

“Ồ, chúng là ngựa đấy”.

“Chứ lị, ngựa mà”.

Ngồi trên lưng mấy con ngựa gầy còm trong bóng tối, họ chuyện trò.

Zurito lặng im. Ông chọn được con ngựa khỏe nhất trong đàn. Ông đã vất vả đuổi theo nó trong bãi và bị nó chống lại bằng những cú đá và dõp. Ông đã bỏ miếng che mắt phải của nó và cắt bớt mấy sợi dây họ dùng buộc chặt tai nó vào đầu. Nó là con ngựa hay và vững chãi, vững chãi trên chân của nó. Đây là tất cả ông cần. Ông dự định cỡi nó trong suốt trận đấu. Từ lúc leo lên ngựa, ngồi trên cái yên lớn lót vải, trong bóng mờ mờ tối đợi trình diễn, ông đã hình dung toàn bộ diễn biến trận đấu trong đầu. Những tay kỵ mã khác vẫn tiếp tục trò chuyện cạnh ông. Ông không nghe tiếng họ.

Hai đấu sĩ đứng cạnh nhau trước ba người phụ đấu, áo choàng của họ vắt trên cánh tay trái theo cùng kiểu. Manuel đang nghĩ về ba chàng trai đứng phía sau mình,. Cả ba là người Madrid; giống Hernandez, chúng mười chín tuổi. Một đứa là người Gypsy; anh thích vẽ mặt ngăm đen, nghiêm túc và bình thản của cậu ta. Anh quay lại.

“Tên cậu là gì, anh bạn?” anh hỏi gã Gypsy.

“Fuentes”, gã Gypsy đáp.

“Tên hay đấy”, Manuel nói.

Gã Gypsy cười, để lộ cả răng.

“Cậu hãy đón con bò rồi cho nó chạy quanh vài vòng”.
Manuel nói.

“Sẵn sàng”, gã Gypsy đáp. Trông vẻ mặt hần nghiêm trang. Hần đang nghĩ xem mình sẽ làm gì.

“Đẩy nó đã ra rồi kìa”, Manuel bảo Hernandez.

“Tốt. Chúng ta đi thôi”.

Đầu ngẩng cao, chân bước theo tiếng nhạc, cánh tay phải đánh xa tự do, họ bước ra dưới ánh đèn cao áp, đi qua đấu trường rải cát, nhóm đấu sĩ bám theo, các kỵ mã cầm cương nổi tiếp, đằng sau là đám giúp việc ở đấu trường và bấy la leng keng. Kiêu hùng, tự tin, họ nhìn thẳng về phía trước khi diễu hành. Khán giả vỗ tay hoan hô Hernandez khi đoàn người đi qua đấu trường. Họ cúi đầu chào vị chủ tịch rồi nghi lễ tiếp tục với các phần đặc trưng riêng của nó. Các đấu sĩ đi đến hàng rào, đổi tám choàng nặng của họ bằng những tám choàng giao đấu nhẹ hơn. Bấy la ra khỏi. Mấy tay kỵ mã phóng nước đại rầm rầm quanh sân, hai người ra khỏi sân bằng lối ban nãy họ phi vào. Những người phục vụ quét cát phẳng lại.

Manuel uống ly nước người đại diện của Retana rót đưa, gã này hiện diện với tư cách là người trao gươm và là ông bầu của anh. Hernandez bước đến sau khi nói chuyện với ông bầu của mình.

“Cậu được hâm mộ đấy, anh bạn trẻ”, Manuel khen hần.

“Họ thích tôi”, Hernandez hạnh phúc nói.

“Cuộc diễu hành trông thế nào?” Manuel hỏi người của Retana.

“Tựa một đám cưới”, người trao gương nói. “Tuyệt. Các anh xuất hiện như thể Joselito hoặc Belmonte”.

Zurito cuôi ngựa đi qua bên cạnh họ như một bức tượng kỵ mã lớn. Ông thúc ngựa, quay mặt về phía lối ra vào ở bên kia sân nơi con bò sẽ xuất hiện. Dưới ánh đèn cao áp, quang cảnh thực kỳ lạ. Ông đã tham gia dụ bò trong nhiều buổi chiều nóng bức để nhận những khoản tiền lớn. Ông chẳng thích đấu dưới ánh cao áp này. Ông ước họ bắt đầu đi cho rồi.

Manuel đến bên cạnh ông.

“Hãy dụ nó, Manos”, anh nói. “Làm nó kiệt sức cho tôi”.

“Tôi sẽ dụ nó, anh bạn”, Zurito nhổ xuống cát. “Tôi sẽ khiến nó phải lồm lộn trên đấu trường”.

“Cho nó biết tay, Manos”, Manuel nói.

“Tôi sẽ cho nó biết”, Zurito. “Sao nó lâu ra thế?”

“Nó sắp ra đấy”, Manuel đáp

Zurito đứng đó, chân dút vào bàn đạp, đôi chân đồ sộ của ông xỏ trong lớp giáp bọc da, quặp chặt lưng ngựa, tay trái nắm dây cương, tay phải cầm giáo dài, chiếc mũ rộng vành kéo sụp xuống tận mắt để che ánh sáng rọi vào mắt lúc nhìn cánh cửa trên bức tường chắn ở đằng xa. Tai chú ngựa run rẩy. Ông đưa tay trái vỗ nhẹ nó.

Cánh cửa mở của lối vào được kéo ra, từ phía bên này đấu trường Zurito nhìn một lúc vào lối đi trống rỗng. Lát sau con bò lao ra, bốn chân chững lại khi nó đến dưới mấy ngọn đèn rồi chuyển sang phi nước đại, di chuyển nhẹ nhàng bằng những bước phi nhanh, đấu trường im phăng phắc trừ tiếng phi phò thoát ra khỏi hai cánh mũ rộng khi nó phi nhanh, sung sướng bởi tự do sau khi thoát khỏi chuồng tối.

Trên dãy ghế thứ nhất, tay bình luận trận đấu bò tạm thời của tờ El Heraldo, không mấy hào hứng, cúi người ti lên bệ xi măng trước đầu gối, viết, “Campagnero, màu đen, số 12, lao ra với tốc độ 90 dặm một giờ, tung bụi mù trời”.

Tựa lưng vào hàng rào, Manuel quan sát con bò, vẫy tay và gã Gypsy chạy ra, vung tấm choàng. Đang phi nước đại, con bò quay ngất lại, đầu cúi thấp, đuôi dựng lên, lao vào tấm choàng. Gã Gypsy di chuyển zigzag, nhưng khi vượt lên, con bò nhìn thấy hấn bèn bỏ tấm choàng xông tới. Gã Gypsy chạy thục mạng, nhảy vọt qua hàng rào đỏ của bức ngăn vừa kịp lúc con bò cắm sừng vào. Nó đâm sừng vào cây gỗ hai lần rồi điên cuồng húc loạn xạ vào hàng rào.

Bình luận viên tờ El Heraldo châm điếu thuốc, quảng que diêm về phía con bò rồi viết lên cuốn sổ tay, “Đồ sộ với đôi sừng đủ nguy hiểm để thỏa mãn những bạn hàng giàu có, con Campagnero biểu diễn một cú cắt qua địa hình của đấu sĩ”.

Manuel bước ra nền cát cứng, lúc con bò húc chí tử vào hàng rào. Liếc mắt, anh thấy Zurito cỡi con ngựa trắng đứng gần bờ tường, cách một phần tư của đoạn đường quanh đấu trường về phía bên trái. Hai tay Manuel giữa tấm choàng sát trước người và thét gọi con bò. “Hu! Hu!” Con bò quay ngoắt lại, cong mình theo chiều của hàng rào, hấp tấp chuyển hướng tấn công vào tấm choàng khi Manuel bước sang một bên, xoay tròn trên gót chân theo đà tấn công của con bò để giữ tấm choàng ngay trước sừng nó. Tấm choàng đi hết một vòng, anh lại đối mặt với con bò mà vẫn giữ tấm choàng ở cùng tư thế ngay trước ngực rồi quay

tiếp vòng nữa lúc con bò lại tấn công. Mỗi lần anh vung tấm choàng, khán giả không ngừng hò reo tán thưởng.

Bốn lần anh vung tấm choàng, giữ nó căng trước mặt con bò là mỗi lần kích thích con bò lao vào vòng tấn công. Sau đó, cuối vòng thứ năm, anh đưa tấm choàng vào sát hông và xoay tròn, tấm choàng xòe ra tựa chiếc váy của vũ nữ ballet còn con bò cứ chạy quanh như bị hấp hồn vào đó; từ từ, anh bước lui, để con bò đối mặt với Zurito đang ngồi trên lưng con ngựa trắng tự tin tiến tới; giáp mặt con bò, tai chú ngựa dựng lên, môi nó giật giật; Zurito, chiếc mũ sụp xuống tận mắt, người nghiêng về phía trước, tay phải cầm giữa ngọn giáo, chĩa mũi nhọn hình tam giác vào con bò, đoạn giáo phía sau, tạo thành góc nhọn với cánh tay.

Tay bình luận viên của tờ El Heraldo, rút điều thuốc, mắt vẫn nhìn con bò, viết: “Cựu đấu sĩ Manolo biểu diễn một loạt những động tác tung áo choàng ngoạn mục, kết thúc theo phong cách Belmonti, khán giả hâm mộ tán thưởng, chúng ta cùng sang màn đấu của các kỵ sĩ”.

Ngồi trên lưng ngựa, Zurito ước khoảng cách giữa con bò và mũi giáo. Khi anh nhìn, con bò gồng mình, dán mắt vào ngực chú ngựa và tấn công. Lúc nó hạ thấp đầu để húc, Zurito đâm mũi giáo vào cái bướu đầy cơ trên vai con vật, dốc hết sức tì lên cán giáo, tay trái giật dây cương để con ngựa trắng chồm đứng lên, hai chân trước hươ hươ trong không khí, và quành nó sang phải trong lúc đang ghì con bò lại để sừng của nó húc vào khoảng không dưới bụng ngựa rồi chú ngựa đứng xuống, run rẩy; đuôi con bò quét qua ngực nó lúc xông vào tấm choàng nhũ của Hernandez.

Hernandez chạy theo hàng rào dùng tấm choàng dụ con bò ra xa, về phía gã kỵ mã khác. Cậu giữ nó đứng đối diện ngay trước con ngựa và kỵ mã bằng một động tác vung tấm choàng rồi bước lùi lại. Ngay lúc nhìn thấy con ngựa, chú bò liên tấn công. Mũi giáo của đấu sĩ trượt dọc theo lưng nó và khi sức mạnh của cú húc nhắc bổng con ngựa thì tay kỵ mã đã gần trượt ra khỏi yên, chân phải gã rời bàn đạp lúc đâm trượt con bò và nhào người về phía bên trái để giữ con ngựa giữa gã và con bò. Con ngựa, bị húc và hất ngã, đang bị con bò kềm chặt và tiếp tục húc, tay kỵ mã đập úng vào con ngựa, nằm im, đợi người đến lôi đi, đỡ dậy.

Manuel để con bò húc chú ngựa ngã, anh không vội, gã kỵ mã bình yên; hơn nữa nó sẽ cho tay kỵ mã ấy một bài học. Trận đấu tới, gã phải cầm cự lâu hơn. Đồ kỵ mã kém cỏi! Anh nhìn qua đấu trường về phía Zurito đang ngồi vững vàng trên yên ngựa, gần hàng rào, chờ đợi.

“Hu” anh gọi con bò, “Tomar!” trong lúc hai tay đang giữ tấm choàng dụ nó. Con bò rời con ngựa lao vào tấm choàng; Manuel chạy dọc theo lề đấu trường, giữ tấm choàng trải rộng, đứng lại, xoay tròn trên gót chân đưa con bò vòng qua đối diện ngay với Zurito.

“Campagnero nhận hai mũi giáo để đổi lấy mạng của con ngựa, Hernandez và Manolo đấu khá”, bình luận viên tờ El Heraldito viết. “Nó hăng máu với mùi thép và hoàn toàn chúng tỏ chẳng ưa thích gì lũ ngựa. Cựu đấu sĩ Zurito làm sống lại những đường thương cũ của mình, đáng lưu ý là kỹ xảo tránh né”.

“Olé! Olé” người đàn ông ngồi phía sau gã gào lên. Tiếng thét lọt thỏm vào tiếng gào của đám đông, ông ta vỗ

vào lưng tay bình luận. Gã đưa mắt nhìn Zurito, lúc này đang đứng ngay phía dưới gã, chồm khỏi con ngựa, ngọn giáo vươn ra thành góc nhọn dưới nách, nắm chặt cán giáo ở một điểm, dùng hết trọng lượng cơ thể, giữ con bò cách xa, con bò cố truồn tới, nhằm vào con ngựa và Zurito ở đầu kia, bên trên nó, cố giữ nó rồi từ từ đưa con ngựa ra khỏi vòng nguy hiểm đứng vững trở lại. Zurito cảm nhận được khoảnh khắc lúc con ngựa bình an, con bò phóng sượt qua, độ chùng của cán giáo thoát ra khỏi sức nặng và cả tiếng rách của mũi giáo nhọn bằng thép hình tam giác cửa vào cái bướu trên vai con bò lúc nó giăng ra để quay sang tấm choàng Hernandez đưa nhử trước mặt. Nó mù quáng tấn công tấm choàng và cậu ta nhử nó ra giữa đấu trường.

Zurito vỗ vỗ con ngựa của mình và nhìn con bò đang lao vào tấm choàng Hernandez vung ra phía trước dưới ánh đèn sáng rực trong lúc đám đông đang reo hò ầm ĩ.

“Anh thấy pha ấy chứ?” ông hỏi Manuel.

“Thực tuyệt hảo”, Manuel đáp.

“Ban nãy tôi đã đâm nó”, Zurito nói. “Nhìn nó kìa”.

Với đà quay ngoắt theo tấm choàng, con bò trượt chân khuỵu xuống. Ngay lập tức nó vùng đứng dậy, nhưng từ bên kia đấu trường, Manuel và Zurito vẫn nhìn thấy dòng máu từ từ chảy, ánh lên trên bờ vai đen.

“Vừa rồi tôi đã đâm nó”, Zurito nói.

“Chú bò cừ đấy”, Manuel nói.

“Nếu chúng để tôi đâm phát nữa, tôi sẽ giết nó mất”, Zurito nói.

“Họ sắp đổi sang màn thứ ba”, Manuel nói.

“Nhìn nó kìa”, Zurito nói.

“Tôi phải đến đó”, Manuel nói rồi chạy qua phía bên kia dấu trường nơi mấy người giúp việc đang nắm dây cương và dùng roi quất vào chân để đưa con ngựa tiến về phía con bò, lúc này đang đứng, đầu cúi thấp, chân cào cào trên nền cát và không có ý định tấn công.

Zurito giục ngựa tiến đến, nheo mắt nhìn không bỏ sót một cử động nào.

Rốt cục con bò tấn công, mấy người dắt ngựa bỏ chạy về phía hàng rào, gã kỵ mã đâm trượt ra phía sau và con bò húc vào bụng ngựa nâng lên, đưa bổng trên lưng.

Zurito quan sát. Mấy người giúp việc vịn sơ mi đỏ chạy ra kéo tay kỵ mã vào. Gã kỵ mã đứng dậy, chửi thề và lắc lắc cánh tay. Manuel và Hernandez đứng chờ sẵn với tấm choàng của họ. Còn con bò, chú bò đen dũng mãnh, mang con ngựa trên lưng nhảy chồm lên lắc lắc, sợi dây cương vướng vào sừng. Con bò đen mang con ngựa trên lưng bước những bước ngắn loạn choạng, rồi gồng cong cổ hát lên, húc mạnh cổ hất con ngựa, con ngựa trượt xuống. Nó điên tiết lao vào tấm choàng Manuel tung ra.

Bây giờ Manuel thấy con bò chậm chạp hơn. Nó đang mất nhiều máu. Cả vạt máu ánh lên trên sườn nó.

Manuel vung tấm choàng lần nữa. Kìa nó lao đến, mắt mở to, cắn hận nhìn tấm choàng. Manuel bước sang một bên, nâng cao cánh tay giữ chặt tấm choàng ngay trước mặt con bò và biểu diễn động tác xoay tròn người.

Bây giờ anh đang đối diện với con bò. Vâng, đầu nó hơi cúi xuống. Anh hạ tấm choàng thấp hơn. Zurito kia rồi.

Manuel giữ giữ tấm choàng; kìa nó xông tới, anh bước sang một bên rồi thực hiện kỹ xảo xoay tròn người một lần

nữa. Nó tấn công thật chính xác, anh nghĩ. Giao đấu đã thấm mệt nên bây giờ nó quan sát. Bây giờ nó đã bị thương. Mắt nó nhìn mình. Nhưng mình luôn chia tám choàng cho nó.

Anh dứ dứ tám áo choàng trước mặt con bò; kia rồi, nó đến, anh bước sang một bên. Lần này rất sát. Mình không nên quá gần với nó.

Rìa tám choàng đâm máu do quét lên lưng bò lúc nó vượt qua.

Tốt rồi, đây là lần cuối.

Manuel đứng đối diện với con bò đang hướng theo mỗi động tác từ tám choàng trong tay anh. Con bò nhìn anh. Mắt quan sát, sừng chìa về phía trước, nó nhìn anh, chỉ quan sát.

“Hu” Manuel gọi, “Toro!” rồi ngã người ra sau, tung tám choàng về phía trước. Đây rồi, nó lao tới. Anh bước sang bên, vung tám choàng ra sau lưng rồi xoay vòng, con bò chạy theo đường xoay tròn của tám choàng rồi như bị hấp hồn, theo quán tính cứ chạy quanh lúc tám choàng bị thu lại. Manuel dùng một tay phẩy tám choàng trước mũi nó để chứng tỏ con bò đã bị chế ngự rồi bước xa ra.

Không có tiếng vỗ tay tán thưởng.

Manuel bước qua đấu trường rải cát đi về phía hàng rào trong lúc Zurito cỡi ngựa ra khỏi đấu trường. Tiếng kèn trumpet thổi lên báo hiệu giờ đổi sang mục của các tay cầm lao trong lúc Manuel đang biểu diễn trước con bò. Anh không biết được điều đó. Mấy người giúp việc đang đập vải bạt lên hai con ngựa chết và rải mùn của quanh chúng.

Manuel bước đến hàng rào uống nước. Người của Retana trao cho anh cái bình xộp nặng.

Fuentes, gã Gypsy cao, đứng cầm đôi lao, mũi nhọn như lưỡi câu, cán sơn đỏ, tròn lẳn. Gã nhìn Manuel.

“Ra đi”, Manuel bảo.

Gã Gypsy chạy ra. Manuel đặt bình nước xuống, quan sát. Anh lấy khăn lau mặt.

Bình luận viên tờ El Heraldo lấy chai sâm banh ẩm đặt giữa hai chân, uống một ngụm rồi kết thúc đoạn văn.

“Manolo luống tuổi không được hoan hô bởi một loạt cú xoay tảo choàng quen thuộc và chúng ta bắt đầu mục cảm lao”.

Con bò một mình đứng đực ra giữa đấu trường. Fuentes cao lồng không hiên ngang tiến về phía nó hai cánh tay dang ra, bàn tay cầm hai ngọn lao đỏ, tròn lẳn chìa mũi nhọn về phía trước. Fuentes bước tới. Bám sát bên gã là người phụ đấu mang tấm choàng. Con bò nhìn gã và thoát khỏi trạng thái dờ dẫm. Mắt nó nhìn Fuentes đang đứng lại. bây giờ gã uốn ngực ra, khiêu khích gọi. Fuentes múa hai ngọn lao, ánh sáng từ mũi thép hút cái nhìn của con bò.

Đuôi cong lên, nó tấn công.

Con bò lao thẳng tới, mắt dán vào gã đàn ông. Fuentes đứng yên, ngã người ra sau, mũi lao hướng về phía trước. Lúc con bò cúi đầu xuống chuẩn bị húc, Fuentes ngửa người, hai cánh tay đưa theo và từ từ nâng lên, hai bàn tay nắm chặt, ngọn lao vạch thành những đường đỏ; rồi chồm người về phía trước đâm vào vai con bò, rướn cao thêm tí nữa tránh sừng bò, cầm thẳng hai mũi lao xuống. Chân gã

kẹp chặt vào nhau, người uốn cong về một bên để con bò vượt qua.

“Olé” đám đông gào lên.

Con bò húc một cú chí tử, nhảy chồm lên như một chú cá hồi, cả bốn chân rời khỏi mặt đất. Cán lao màu đỏ nảy lên khi nó nhảy.

Đứng cạnh hàng rào, Manuel nhận thấy con bò luôn thuận bên phải.

“Bảo cậu ấy cầm đôi tiếp theo lên vai phải”, Manuel nói với chú bé sắp chạy ra trao cho Fuentes đôi lao mới.

Một bàn tay nặng đặt lên vai anh. Đây là Zurito.

“Anh thấy thế nào, anh bạn?” ông hỏi.

Manuel đang nhìn con bò.

Zurito cúi chồm qua hàng rào, dồn trọng lượng cơ thể lên cánh tay. Manuel quay nhìn.

“Anh đang đấu tốt đấy”, Zurito nói.

Manuel lắc đầu. Bây giờ anh chẳng phải làm gì cho tới mục thứ ba. Gã Gypsy cầm lao rất cừ. Con bò lao vào gã trong đợt tấn công thứ ba rất hùng dũng. Nó là con bò kiêu hùng. Đến giờ mọi chuyện đều suôn sẻ. Màn cuối cùng với thanh kiếm sẽ khiến tất cả nỗi lo âu của anh chấm dứt. Thực ra anh chẳng hề sợ. Thậm chí anh cũng không nghĩ về nó. Song lúc đang đứng đó, trong anh bỗng trỗi dậy cảm giác lo sợ nặng nề. Anh nhìn con bò, dự tính các thao tác hạ gục nó bằng gươm, trù liệu công việc của mình với tấm choàng màu đỏ để khiến con bò mỏi mệt, dễ điều khiển.

Gã Gypsy bước về phía con bò lần nữa, đôi chân nhún nhảy dẩy về xem thường, thoải mái như thể đang khiêu vũ,

cán lao đổ lấp lánh theo nhịp chân. Con bò theo dõi gã, giờ thì nó không đứng im mà sẵn sàng xóc tới song nó đợi đối thủ đến vừa tầm để chắc rằng mình sẽ không chế, sẽ đâm ngập sừng vào hần.

Lúc Fuentes tiến đến, con bò liền tấn công. Fuentes chạy cắt ngang qua một phần tư đường tròn để tránh cuộc truy đuổi, song ngay lúc con bò vừa vượt qua, gã đứng lại, chồm về phía trước, nhón chân, cánh tay vươn ra, cầm chặt ngáp mũi lao xuống tảng cơ vai của con bò.

Đám đông phát rồ lên với pha ấy.

“Cậu ấy sẽ chẳng ở lâu trong đấu trường tối này đâu”, người của Retana nói với Zurito.

“Hần giỏi đấy”, Zurito nói.

“Nhìn hần kia”.

Họ nhìn.

Fuentes đứng dựa lưng vào hàng rào. Hai người trong nhóm đấu ở sau anh, cầm sẵn tấm choàng để phát qua hàng rào dụ con bò.

Con bò, lười thè ra, cơ thể nặng nề, đang nhìn gã Gypsy. Nó nghĩ bây giờ nó sẽ hạ gục cái gã tựa lưng vào hàng rào gỗ đỏ. Khoảng cách chỉ một tầm húc ngắn mà thôi. Con bò nhìn gã.

Gã Gypsy ngả người ra sau, cánh tay kéo theo, mũi lao hướng vào con bò. Gã giậm chân gọi. Con bò ngạc nhiên. Nó cần gã kia. Chẳng bận tâm gì đến mấy mũi lao trên lưng, Fuentes bước đến gần con bò hơn. Ngả người ra sau. Gọi thêm lần nữa. Có ai đó trong khán giả thét lên nhắc nhở.

“Hần đến gần quá”, Zurito nói.

“Nhìn hấn kia”, người của Retana nói.

Uốn ngực, hươu lao trên tức con bò, Fuentes nhảy lên, hai chân rời khỏi mặt đất. Lúc anh nhảy, tai con bò dựng đứng, nó tấn công. Fuentes đáp xuống trên đầu ngón chân, cánh tay vung ra, toàn bộ cơ thể cúi về phía trước, đâm thẳng ngọn lao xuống lúc chồm người ngay trên sừng bên phải của con bò.

Con bò húc vào hàng rào nơi mấy tấm choàng phát phơ hút cái nhìn của nó rồi nó mất gã ấy.

Gã Gypsy chạy dọc hàng rào về phía Manuel và đón nhận tràng pháo tay tán thưởng của khán giả. Áo gilê của gã bị rách nơi gã chạm nhẹ vào sừng bò. Gã tự hào về chuyện đó và phô nó cho khán giả xem. Gã chạy quanh đấu trường. Zurito thấy gã, mỉm cười chỉ vào chiếc gilê. Gã mỉm cười.

Một đấu sĩ nào đấy đang cầm cặp lao cuối cùng. Song chẳng ai buồn để ý.

Người của Retana đặt cây gậy vào giữa tấm choàng bằng vải màu đỏ, xếp lại rồi chuyển qua hàng rào cho Manuel. Hấn tìm hộp đựng gươm cầm lấy một thanh, nắm ngoài vỏ da, đưa qua hàng rào cho Manuel. Manuel rút kiếm ra, chiếc vỏ mềm đi.

Anh nhìn Zurito. Người đàn ông to lớn thấy anh đang toát mồ hôi.

“Bây giờ anh hạ nó, anh bạn”, Zurito nói to.

Manuel gạt đầu.

“Nó còn đẹp mã đấy”, Zurito nói to.

“Đúng như anh muốn”, người của Retana động viên.

Manuel gạt đầu.

Ngay dưới mái che, người thổi trumpet báo hiệu màn cuối, Manuel bước ra đấu trường, đi về phía khán đài chìm trong bóng tối nơi vị chủ tịch đang ngồi.

Trên hàng ghế phía trước, tay phê bình tạm thời về trận đấu của tờ El Heraldo hóp một ngụm sâm banh ấm. Hắn quyết định chẳng đại gì mà viết đuối theo câu chuyện, hắn sẽ viết bài tường thuật lúc về văn phòng. Dẫu sao thì có hề hắn quái gì chứ? Chỉ một đêm. Nếu hắn có quên chi tiết nào thì sẽ chép lại mấy tờ báo buổi sáng. Hắn chiêu một ngụm sâm banh nữa. Hắn có một cuộc hẹn ở Maxim vào lúc 12 giờ. Máy gã đấu bò này là cái thá gì chớ? Lũ chíp hôi và đám vô công rồi nghề. Một bọn vô tích sự. Hắn dứt tập giấy vào túi và nhìn Manuel đang đứng lẻ loi trên đấu trường, đưa mũ chào về phía khán đài nhô cao trong bóng tối mà hắn không thấy rõ. Giữa trường đấu, con bò đứng lặng im, chẳng nhìn ai.

“Tôi xin hiến con bò này đến ngài, thưa ngài Chủ tịch và đến tất cả dân chúng ở Madrid, những người thông minh và hào phóng nhất thế giới”, là những lời Manuel đang nói. Đây là nghi thức. Anh nói một mạch. Nó hơi dài trong một trận đấu ban tối như thế này.

Anh cúi gập người trong bóng tối, đứng thẳng lên, hất mũ ra sau vai, mang tấm choàng trong tay trái, tay phải cầm thanh gươm, tiến về phía con bò.

Manuel tiến về phía con bò. Con bò nhìn anh, mắt nó đảo nhanh. Manuel chú ý mấy ngọn lao bám lủng lẳng trên vai trái nó và vết máu sẫm dày từ vết đâm của Zurito. Anh để ý thế đứng của con bò. Lúc anh bước tới trước, tay trái cầm tấm choàng và tay phải cầm gươm, anh đã quan sát

chân nó. Con bò sẽ không tấn công chừng nào chưa chum chân lại. Bây giờ, nó đứng ì ra, đần độn.

Manuel vừa theo dõi bốn cái chân và tiến về phía nó. Trận đấu này ổn thôi. Anh có thể thực hiện được. Anh phải dụ con bò cúi đầu xuống để có thể chồm qua sừng và giết nó. Anh không nghĩ về thanh gươm và cũng chẳng nghĩ đến việc giết con bò. Anh nghĩ về chuyện khác cơ. Đẫu sao thì những việc đang đến đã ám ảnh anh. Bước về phía trước, dõi theo chân con bò, anh liếc nhìn vào mắt nó, cái bướu ượt của nó và cái đôi sừng rộng, nhọn hoắt chìa về phía trước của nó. Con bò có những đường tròn mảnh quanh mắt. Đôi mắt theo dõi Manuel. Nó biết nó sẽ hạ con người bé nhỏ có khuôn mặt trắng bệch này.

Bây giờ, lúc đứng lại, tay trái cầm kiếm, dùng mũi khều trái tám choàng bằng vải Flanel đỏ như thể ai đó đang trở buồm của một con thuyền, Manuel lưu ý đến mũi sừng nhọn của con bò. Một sừng đã bị toe do húc vào hàng rào. Sừng kia nhọn như lông nhím. Trong khi trái tám choàng, Manuel thấy gốc sừng trắng của con bò vậy đó. Lúc quan sát những điều đó, Manuel vẫn không rời mắt khỏi chân con bò. Nó đứng im nhìn Manuel.

Giờ thì chú chàng đã thận trọng rồi, Manuel nghĩ. Chú mày không tốn nữa. Mình phải đưa nó ra khỏi trạng thái đó và buộc nó cúi đầu xuống. Luôn khiến nó cúi đầu. Một lần Zurito đã bắt nó cúi đầu, song nó lại ngẩng lên. Nó sẽ mất máu khi mình bắt nó nhảy nhót vài vòng và nó sẽ kiệt sức.

Tay trái cầm gươm, anh vung tám choàng ra trước mặt, cất tiếng gọi con bò.

Con bò nhìn anh.

Anh uốn người ra rất khiêu khích và vung tấm vải Flanel rộng hơn.

Con bò nhìn tấm choàng. Dưới ánh đèn cao áp, tấm vải màu đỏ thẫm sáng lên. Chân con bò vẫn bất động.

Nó đến đây. Hu! Manuel quay người khi con bò lao tới nâng tấm choàng vượt qua rừng và quét dọc theo lưng rộng từ đầu cho đến đuôi. Cú tấn công đã làm con bò nhảy chồm lên không trung. Manuel vẫn không dịch chuyển người.

Ngay khi húc trượt, tựa chú mèo lượn qua góc nhà, con bò quay ngoắt lại đối diện với Manuel.

Nó diên tiết lại rồi. Dáng vẻ nặng nề không còn nữa. Manuel để ý đến dòng máu tươi óng ánh trườn xuống chiếc vai màu đen rồi nhỏ giọt dưới chân bò. Anh tuốt gươm ra khỏi tấm choàng cầm nó trong tay phải. Tay trái hạ thấp tấm choàng nghiêng người về phía bên tay trái, anh gọi con bò. Chân nó bất động, mắt nhìn vào tấm choàng. Nào nó đến đây, Manuel nghĩ. Hu!.

Anh lạng người theo cú húc, kéo rê tấm choàng trước mặt con bò, đôi chân làm trụ, lưỡi kiếm rê theo đường tròn, lóe sáng dưới ánh cao áp.

Con bò lại tấn công khi cú húc kết thúc và Manuel nâng cao tấm choàng để biểu diễn đường xoay người tránh né. Bằng sự tính toán chính xác, con bò lượn qua ngực anh dưới tấm choàng được nâng cao. Manuel ngửa đầu ra sau tránh mấy cán lao cắm lên mình bò. Con bò màu đen, nóng hổi chạm vào ngực anh khi nó vượt qua.

Gần quá, Manuel nghĩ. Cúi mình qua hàng rào, Zurito bảo nhanh gã Gypsy mang tấm choàng chạy về phía

Manuel. Zurito kéo sụp mũ xuống, theo dõi Manuel ở bên kia đấu trường.

Manuel đang đối diện trở lại với con bò, tấm choàng hạ thấp, về phía trái. Đầu con bò cúi xuống khi nó nhìn tấm choàng.

“Nếu Belmonte thực hiện pha này thì khán giả đã phát cuồng lên”, người của Retana nói.

Zurito lặng im. Ông đang dõi theo Manuel ở giữa đấu trường.

“Ông chủ đào đâu ra gã này vậy?” người của Retana hỏi.

“Từ bệnh viện”, Zurito đáp.

“Đấy là nơi hắn sẽ chóng quay lại thôi”, người của Retana nói.

Zurito quay sang hắn.

“Gõ vào đó”, ông nói, tay trở về phía hàng rào.

“Tôi chỉ đùa thôi, anh bạn”, người của Retana nói.

“Gõ vào thanh gỗ”.

Người của Retana chồm về phía trước, gõ ba lần vào hàng rào.

“Nhìn ra đấu trường”, Zurito nói.

Ngay chính giữa đấu trường, dưới ánh đèn, Manuel đang quỳ gối, đối mặt con bò; rồi khi hai tay anh nâng tấm choàng lên, đuôi con bò cong lại, nó tấn công.

Manuel vận nhanh người và lúc con bò tấn công trở lại tấm choàng theo đường cong của nửa vòng tròn, nó khụy gối.

“Này, tay kia thật đúng là một đấu sĩ vĩ đại”, người của Retana nói.

“Không, anh ta không phải,” Zurito nói.

Tay trái giữ tấm choàng, tay phải cầm gươm, Manuel đứng dậy nghiêng người đáp lại tiếng vỗ tay hoan hô trên khán đài tối.

Con bò nhồm dầy, đầu cúi thấp, đứng chờ.

Zurito bảo hai trong số những kỵ mã, mang tấm choàng chạy ra đứng phía sau Manuel. Bây giờ đã có năm người sau lưng anh. Hernandez vẫn theo anh kể từ lúc anh mang tấm choàng bước ra. Fuentes đứng bình tĩnh quan sát, tấm choàng ép sát vào thân hình cao lớn, khỏe mạnh. Giờ thì hai người nữa đến, Hernandez bảo họ đứng cạnh nhau. Manuel đứng một mình, đối diện con bò.

Manuel vẫy đám người mang tấm choàng lùi lại. Lúc thận trọng bước lui, họ thấy mặt anh tái nhợt, đầm mồ hôi.

Sao bọn chúng không hiểu phải lùi lại nhỉ? Chúng có muốn con bò để ý đến mấy tấm choàng sau khi mình đã chế ngự được nó và sẵn sàng? Không có chuyện ấy anh cũng đã có quá nhiều điều để lo lắng.

Con bò đang đứng, bốn chân bất động, nhìn tấm choàng. Tay trái Manuel phẩy nhẹ tấm choàng. Mắt con bò dán vào. Cơ thể nó nặng nề. Đầu cúi thấp nhưng không quá thấp.

Manuel vung tấm choàng về phía nó. Con bò không nhúc nhích. Chỉ đôi mắt dõi theo.

Hắn hóa chì, Manuel nghĩ. Hắn vuông rồi. Hắn bị đóng khung, Hắn sẽ chống vó.

Anh tư duy bằng ngôn ngữ đấu trường. Thỉnh thoảng anh nảy ra một ý tưởng song vì lớp tiếng lóng nghề nghiệp không bắt kịp nên anh không thể định hình ý tưởng ấy.

Bản năng và tri thức của anh hoạt động một cách máy móc, đầu óc anh vận động chậm chạp để tìm kiếm từ ngữ. Anh quá hiểu lũ bò. Anh không phải nghĩ nhiều về chúng. Anh chỉ làm một việc đúng đắn. Mắt anh quan sát mọi chuyển đổi và cơ thể anh thực hiện những động tác cần thiết mà không cần suy nghĩ. Nếu phải suy nghĩ thì anh đã đi dút.

Bây giờ, đối diện con bò, trong cùng một lúc, anh ý thức được nhiều thứ. Đây là cặp sừng, một chiếc đã bị toe, đập; chiếc còn lại nhọn hoắt, phía sừng trái là bên có lợi cho anh, đâm một nhát thần tốc và quyết định, hạ thấp mảnh vải để con bò cúi theo, chồm qua sừng, cắm ngáp lưỡi gươm vào một điểm chỉ lớn bằng đồng năm peseta ngay trên gáy, giữa khoảng gầy oằn trên vai con bò. Anh phải thực hiện tất cả các động tác này và phải thoát ra khỏi cặp sừng. Anh biết mình phải làm tất cả và ý tưởng duy nhất trong anh lúc này là: "*Corto y derecho*"⁽¹⁾.

"*Corto y derecho*". Anh nghĩ lúc đang phát tấm choàng. Thần tốc và quyết định. *Corto y derecho*, anh tuốt gươm ra khỏi vỏ, dự định tấn công bên phía sừng trái đã bị đập, đưa chéo tấm choàng sang phía bên kia, tay phải cầm gươm di chuyển theo hướng ánh mắt dõi tìm điểm cắm xuống, và nhón chân lên nhìn dọc theo lưỡi kiếm hướng mũi xuống một điểm ở phía cao trên vai bò.

Corto y derecho anh lao người lên con bò.

Có một cú sốc rồi anh thấy mình bị hất tung lên trời. Thanh kiếm được kéo theo khi anh bị tung lên rồi trượt khỏi

(1) Thần tốc và quyết định.

tay anh. Anh rơi xuống đất. con bò bên trên anh. Nằm trên mặt đất. Manuel dùng chân đá vào mõm bò. Đá, đá mãi, con bò bám sát anh, do điên cuồng nên húc trượt. đầu nó bổ vào người anh, sừng cắm phập xuống cát. Tiếp tục đá vào con bò như một cầu thủ giữ quả bóng trong không khí, Manuel cầm chân con bò ở khoảng cách, không để húc được anh.

Manuel cảm thấy tiếng gió sau lưng từ mấy tấm choàng phất nhủ con bò, rồi con bò bị dụ. vội vã lao vượt qua anh. Bóng tối, lúc bụng nó vượt qua. Không chạm phải người Manuel mấy may.

Manuel đứng dậy nhặt tấm choàng. Fuentes trao anh thanh gươm. Nó bị cong khi đâm phải xương vai. Manuel dùng gối uốn thẳng rồi chạy về phía con bò lúc bấy giờ đang đứng cạnh một trong những con ngựa chết. Lúc anh chạy, chiếc áo của anh vỗ vỗ dưới nách nơi bị sừng bò xé rách.

“Đưa nó ra khỏi đó”, Manuel hét gọi gã Gypsy, Con bò đánh hơi được mùi máu từ xác ngựa chết và húc rách tấm bạt. Nó quay sang tấn công tấm choàng của Fuentes với một mảnh bạt rách bám vào đầu sừng đập, đâm đông hò reo.

Trên đầu trường, con bò lắc lắc đầu để hất mảnh vải. Hernandez, chạy vượt lên từ phía sau, chop một đầu mảnh vải và nhẹ nhàng nhấc ra khỏi sừng.

Con bò lao theo mấy bước rồi đứng im. Nó bình tĩnh lại. Manuel cầm gươm và tấm choàng bước về phía nó. Anh vùng tấm choàng. Con bò không tấn công.

Manuel tranh thủ tiếp cận con bò, mắt nhìn theo lưỡi kiếm hạ xuống. Con bò bất động như thể đã chết đứng, không còn khả năng tấn công.

Manuel nhón chân, liếc nhìn ánh thép và đâm xuống.

Một lần nữa, có cú sốc và lập tức anh thấy mình văng ra sau, đập mạnh người xuống cát. Lần này không còn cơ hội để đá nữa. Con bò đã cúi trên người anh. Manuel nằm ôm đầu vờ chết, con bò húc anh, húc vào lưng, vùi mặt anh trong cát. Anh cảm nhận chiếc sừng len qua cánh tay gấp lại của anh, cắm phập xuống cát. Con bò húc vào chỗ thắt lưng. Mặt anh vùi sâu vào trong cát. Cái sừng đâm thủng cánh tay áo và xé rách. Manuel bị ném lên rồi con bò lại đuổi theo mấy tấm choàng.

Manuel đứng dậy, tìm gươm và tấm choàng, dùng ngón tay cái thử mũi kiếm rồi chạy về phía hàng rào đối thanh kiếm khác.

Người của Retana đưa kiếm qua hàng rào cho anh.

“Lau mặt đi”, hắn nói.

Manuel, trong lúc chạy lại phía con bò, dùng khăn mùi xoa lau khuôn mặt đầy máu của mình. Anh không trông thấy Zurito, Zurito đâu nhỉ?

Nhóm đấu sĩ rời con bò, cầm tấm choàng chờ đợi. Sau đợt tấn công vừa rồi con bò đứng nặng nề và dần dần.

Manuel mang tấm choàng tiến về phía nó. Anh dừng lại, vung lên. Con bò không phản ứng. Anh đưa tấm vải từ phải sang trái rồi từ trái sang phải trước mõm nó. Con bò nhìn tấm vải và lắc sừng song nó chẳng tấn công. Nó đang đợi Manuel.

Manuel đâm ngại. Chẳng còn cách nào khác ngoài việc lao vào. *Corto y derecho*. Anh tiến sát con bò, đưa chéo tấm choàng qua người rồi tấn công. Khi phóng gươm đâm, anh nhảy sang trái tránh cái sừng. Con bò vượt qua anh,

thanh kiếm lao thẳng lên không trung, lấp lánh trong ánh đèn cao áp rồi rơi nằm phơi cái chuôi đỏ trên cát.

Manuel chạy vội đến, nhặt lên. Cây kiếm bị cong, anh tì lên đầu gối uốn thẳng lại.

Khi chạy về phía con bò đang đứng lặng lẽ trở lại, anh vượt qua Hernandez đứng với tấm choàng của mình.

“Nó là cả khối xương”, cậu ta nói để động viên.

Manuel gật đầu, chùi mặt. Anh dứt chiếc khăn tay dẫm máu vào túi.

Con bò còn đó. Bây giờ nó đứng gần hàng rào. Đồ chết tiệt. Có lẽ là cả khối xương. Có lẽ chẳng còn kẻ hờ nào để cắm mũi gươm vào. Mẹ kiếp! Anh sẽ cho bọn chúng thấy.

Anh cố đưa tấm choàng ra dụ nhưng con bò không cử động. Manuel liên tục đưa tấm choàng qua lại trước mặt con bò. Chẳng hề động đậy.

Anh cuộn tấm áo choàng, tuốt kiếm, tiến đến lao thẳng vào con bò. Anh cảm thấy lưỡi kiếm oằn lại lúc đâm xuống, cảm thấy cả sức mạnh của cơ thể dồn hết lên đốc kiếm rồi thanh kiếm bắn thẳng lên trời, rơi xuống khán giả. Manuel bị đẩy lùi lại khi thanh kiếm nảy lên.

Từ trong bóng tối, những chiếc đệm đầu tiên quăng vào anh bị trượt. Rồi thì một chiếc đã ném trúng mặt anh, khuôn mặt dẫm máu đang ngược nhìn đám đông. Những chiếc đệm được ném xuống nhanh hơn. Rải nhiều trên mặt cát. Từ dãy ghế gần hàng rào, ai đó còn ném cả vỏ chai sâm banh. Nó đập vào chân Manuel. Anh đứng đó ngược mắt nhìn vào bóng tối nơi nhiều thứ vẫn tiếp tục được liệng xuống. Rồi thì có tiếng của vật gì đó rít trong không gian, rơi xuống cạnh anh. Manuel cúi nhặt lên. Đây là thanh

kiếm của anh. Anh bẻ thẳng nó trên đầu gối rồi đưa lên phác một điệu bộ với đám đông.

“Cảm ơn các bạn”, anh nói “Xin cảm ơn”.

Ôi, đồ con hoang nhơ nhuốc! Đồ con hoang bẩn thỉu! Mày, đồ chó đẻ thối tha! Anh đá một tấm đệm khi đang chạy.

Còn bò đứng đó. Điềm nhiên như trước. Được rồi, đồ chó đẻ thối tha kia!

Manuel vung tấm choàng trước cái mồm đen của con bò.

Chẳng buồn nhúc nhích.

Mày không hả! Đợi đấy. Anh bước lại gần và chọc đầu nhọn của tấm choàng vào chiếc mồm ướt của con bò.

Con bò chồm lên người anh lúc anh nhảy lùi trượt chân vào tấm đệm; anh cảm nhận chiếc sừng đâm vào người, phía mạn sườn. Anh chộp lấy cái sừng bằng cả hai tay, nắm chặt và cố trườn người ra. Con bò hất tung, anh thoát khỏi cái sừng. Anh nằm im. Ổn rồi, con bò đã bị dụ đi.

Anh đứng dậy, ho và cảm thấy xương bị gãy, vỡ. Đồ con hoang bẩn thỉu!

“Đưa tôi thanh kiếm”, anh thét gọi. “Đưa tôi thanh kiếm”.

Fuentes mang tấm choàng và thanh kiếm bước đến.

Hernandez quàng tay qua người anh.

“Đến nhà thương đi, anh bạn”, cậu ta nói. “Đừng có ngốc như thế nữa”.

“Tránh tội ra” Manuel nói. “Cút xa khỏi tôi”.

Anh vùng ra, Hernandez nhún vai. Manuel chạy về phía con bò.

Con bò đứng đó, nặng nề chôn chân lặng lẽ.

Được rồi, đồ con hoang! Manuel tuốt kiếm khỏi tấm choàng, liếc nhìn trong lúc di chuyển rồi lao thẳng vào con bò. Anh cảm thấy lưỡi kiếm đi ngọt một đường. Ngập đến tận chuôi. Bốn ngón tay và cả ngón cái lún vào mình bò. Dòng máu nóng tràn đến mắt cá tay, anh chồm lên con bò.

Con bò lão đảo, kéo theo anh lúc ngã, rồi như thể chìm xuống, anh vẫn đứng vững. Anh nhìn con bò từ từ ngã nghiêng rồi bất thình lình chống bốn vó lên trời.

Anh phác cử chỉ chào khán giả, bàn tay ẩm máu bò.

Xong rồi, đồ con hoang! Anh muốn nói điều gì đó nhưng anh bắt đầu ho. Cơn ho nóng hổi và ngọt ngọt. Anh nhìn xuống tìm tấm choàng. Anh phải đến đằng kia chào vị chủ tịch. Cút mẹ mày đi Chủ tịch! Anh đang ngồi xuống nhìn vật gì đó. Đây là con bò. Bốn chân chống ngược. Cái lưỡi dày thè ra. Máu còn gì đang bò trên bụng và chân của nó. Bò trên khoảng lông thưa. Con bò chết. Con bò chết tiệt! Cả họ hàng chết tiệt nhà bay! Anh đứng dậy và bắt đầu ho. Anh ngồi xuống lần nữa, ho rũ rượi. Ai đó đến đỡ anh dậy.

Họ đưa anh qua đấu trường, đến bệnh viện, họ chạy bên anh trên cát, bị kẹt ở cổng lúc đàn lừa vào rồi đi vòng dưới hành lang tối, mấy người ấy cầu nhàu khi đưa anh lên cầu thang, rồi đặt anh xuống.

Bác sĩ và hai người vận đồ trắng đang đợi. Họ đưa anh lên bàn. Áo sơ mi bị cắt bỏ. Manuel cảm thấy mệt mỏi. Toàn bộ lồng ngực bên trong của anh bỏng rát. Anh bắt đầu ho và họ đút cái gì đó vào miệng anh. Mọi người rất bận rộn.

Ánh điện rọi vào mắt anh. Anh nhắm lại.

Anh nghe bước chân ai đó nặng nề lên cầu thang. Rồi anh không nghe rõ nữa. Rồi anh nghe tiếng ồn ào từ xa vọng lại. Đây là đám đông. Ừ, ai đó sẽ phải thay anh giết con bò kế tiếp. Họ đã cắt bỏ hết chiếc sơ mi của anh. Bác sĩ mỉm cười với anh. Retana đứng đó.

“Chào Retana!” Manuel nói. Anh không thể nghe nổi giọng mình.

Retana mỉm cười và nói điều gì đó. Manuel không nghe rõ.

Zurito đứng cạnh bàn, cúi nhìn nơi bác sĩ xem xét. Ông vận đồ kỵ mã nhưng không đội mũ.

Zurito nói gì đó với anh. Anh không nghe được giọng ông.

Zurito đang nói với Retana. Một người vận đồ trắng mỉm cười và đưa Retana cái kéo. Retana chuyển cho Zurito. Zurito nói gì với Manuel. Anh không thể nghe nổi.

Cái bàn phẫu thuật chết tiệt này. Trước đây anh đã từng lên bàn mổ nhiều lần. Anh sẽ không chết. Nếu anh sắp chết thì hẳn phải có một linh mục ở đây.

Zurito đang nói gì đó với anh. Tay cầm cái kéo.

À ra thế. Họ sắp cắt búi tóc của anh. Họ sẽ cắt bím tóc của anh.

Manuel ngồi bật dậy trên bàn mổ. Bác sĩ giận dữ bước lại. Ai đó nắm giữ lấy anh.

“Anh không thể làm thế, Manos”, anh nói.

Đột nhiên, anh nghe rõ ràng giọng Zurito.

“Được rồi”, sẽ nói. “Mình sẽ không làm như thế. Mình chỉ đùa thôi”.

“Tôi sẽ bình phục”, Manuel nói. “Tôi chỉ không gặp may thôi mà. Tất cả chỉ có thế”.

Manuel nằm xuống. Họ đặt cái gì đó lên mặt anh. Nó rất quen. Anh hít sâu vào. Anh thấy rất rã rời. Anh thật quá mệt. Họ mang vật ấy khỏi mặt anh.

“Tôi sẽ bình phục”, Manuel nói yếu ớt. “Tôi sẽ lừng danh”.

Retana nhìn Zurito rồi bước về phía cửa.

“Tôi ở lại với cậu ấy”, Zurito nói.

Retana nhún vai.

Manuel mở mắt nhìn Zurito

“Tôi sẽ không bình phục hay sao hử Manos?” anh hỏi để củng cố niềm tin.

“Chắc rồi”, Zurito nói. “Cậu sẽ lừng danh”

Tay phụ tá của bác sĩ úp một vật hình nón lên mặt Manuel, anh hít sâu vào. Zurito đứng nhìn, bối rối.

LÊ HUY BẮC dịch

NƠI XỨ LẠ

Mùa thu, chiến tranh vẫn đang tiếp diễn nơi ấy, nhưng chúng tôi không tham dự. Ở Milan, trời lạnh vào mùa thu và tối rất sớm. Khi đèn được bật sáng, thật dễ chịu lúc đi dọc phố ngắm các tủ kính bày hàng. Có rất nhiều thú săn treo bên ngoài các cửa hàng, tuyết rắc trắng trên những bộ lông cáo và gió vờn đuôi của chúng. Xác hươu đông cứng, nặng nề và rỗng ruột. Những con chim nhỏ đung đưa theo làn gió và gió thổi xù lông chúng. Gió từ những ngọn núi cao tràn xuống trong mùa thu lạnh.

Buổi chiều, cả bọn đều ở bệnh viện. Vào lúc hoàng hôn, có nhiều lối khác nhau để đi từ thị trấn về bệnh viện. Hai trong những lối ấy là đi dọc theo những con kênh, song chúng khá xa. Dẫu sao thì bạn cũng phải băng qua chiếc cầu bắc trên kênh để vào bệnh viện. Có ba chiếc để bạn chọn. Một chiếc có người đàn bà bán hạt dẻ rang. Bạn sẽ cảm nhận được hơi ấm khi đứng trước lò than hồng của bà. Còn hạt dẻ thì vẫn ấm rất lâu khi bạn đút vào túi. Bệnh viện đã cũ nhưng rất đẹp. Bạn đi vào cổng, băng qua sân và có thể ra ngoài bằng cửa khác. Nhiều người chết ở bệnh

viện. Tang lễ thường được cử hành ở trong sân. Đằng kia bệnh viện cũ kỹ là khu nhà mới lợp ngói. Nơi đó, một buổi chiều, chúng tôi gặp nhau, mọi người rất lịch sự và hào hứng trước bất kỳ chuyện gì, cả bọn ngồi vào những cỗ máy được thiết kế để điều trị những vết thương khác nhau.

Bác sĩ đến cỗ máy nơi tôi đang ngồi và hỏi: “Trước chiến tranh, anh thích làm gì nhất? Anh có chơi thể thao không?”

Tôi đáp, “Có, bóng đá”.

“Tốt”, ông ta nói. “Anh có thể chơi bóng trở lại, tốt hơn xưa”.

Dầu gối của tôi không gập được. Chân tôi không có bắp. Nó cứ thẳng đơ từ gối cho đến mắt cá. Chiếc máy giúp tôi co duỗi. Động tác của nó y hệt như lúc tôi ngồi đạp xe ba bánh⁽¹⁾. Nhưng tôi vẫn chưa co được dầu cho chiếc máy lắc lư khi cố gập dần cái chân. Bác sĩ bảo: “Tất cả sẽ ổn. Anh là người may mắn. Anh có thể đá bóng trở lại như một nhà vô địch”.

Trên cỗ máy bên cạnh là thiếu tá, người có bàn tay nhỏ xíu giống như tay của một đứa trẻ. Gã nháy mắt với tôi khi bác sĩ khám tay. Bàn tay được đặt giữa hai sợi dây da mà có thể làm nó nảy lên nảy xuống và giúp những ngón tay cứng cử động. Gã hỏi: “Và tôi cũng có thể đá bóng chứ, thưa đại úy bác sĩ?” Gã là một tay kiếm cừ khôi, trước chiến tranh, gã là người đấu kiếm giỏi nhất Italy.

Bác sĩ quay vào văn phòng ở phía sau rồi mang ra bức ảnh chụp một bàn tay trước đây cũng quắt nhỏ như tay của

(1) Loại xe có một bánh trước và hai bánh sau.

thiếu tá, nhưng sau khi được điều trị bằng máy, bàn tay ấy có nhỉnh hơn chút xíu. Thiếu tá giữ nó trong bàn tay lạnh, quan sát kỹ lưỡng. “Vết thương hả?” gã hỏi.

“Tai nạn công nghiệp”, bác sĩ nói.

“Thật thú vị, thật thú vị”, thiếu tá nói, và trao nó lại cho bác sĩ.

“Anh tin chứ?”

“Không”, thiếu tá đáp.

Có ba gã trạc tuổi tôi, đều đến đây hàng ngày. Bọn họ gốc người Milan. Một trong ba sắp là luật sư. Người nữa sẽ là họa sĩ. Gã còn lại dự định sẽ trở thành quân nhân. Sau thời gian điều trị trong ngày bằng máy, thỉnh thoảng, bọn tôi cùng nhau đi đến tiệm cà phê Cova, sát bên cạnh Scala. Do cả bốn đứa cùng đi, nên chúng tôi rẽ tắt qua khu cộng sản. Mọi người ghét chúng tôi bởi vì chúng tôi là sĩ quan. Từ quán rượu, ai đó hét với ra: “*A basso gli ufficiali!*”⁽¹⁾ khi chúng tôi đi qua. Cũng còn một gã nữa, đôi khi nhập hội với bọn tôi và nhờ buộc chiếc khăn mùi xoa lụa màu đen che ngang mặt bởi mũi của hắn chẳng còn. Mặt hắn đang được chỉnh hình. Từ học viện quân sự, vừa đến mặt trận thì hắn liền nhận ngay một cú vào mặt trong vòng một tiếng đồng hồ ngay lần đầu tiên đặt chân lên tuyến trước. Người ta đã tiến hành phẫu thuật thẩm mỹ cho hắn, nhưng do xuất thân từ một gia đình có quan niệm cổ hủ nên họ chẳng bao giờ chỉnh được cái mũi cho vừa ý hắn. Hắn đến Nam phi, làm việc ở một nhà băng. Song đấy lại là thời trước cơ. Lúc ấy, chẳng một ai trong bọn tôi biết

(1) “Hạ bệ bọn sĩ quan!” (Tiếng Italy).

được điều gì sẽ xảy ra. Chúng tôi chỉ hay sẽ thường xuyên có chiến tranh nhưng chúng tôi sẽ chẳng bao giờ tham gia.

Bọn tôi đều được tặng huy chương, trừ gã mang chiếc băng lụa đen trên mặt vì gã chẳng ở tiền tuyến đủ lâu để được tặng huy chương. Gã cao lêu nghêu, có khuôn mặt tái nhợt, người trước đây suýt thành luật sư, là trung úy lục quân Arditi. Gã đã nhận ba huy chương các loại mà mỗi đứa chúng tôi chỉ có một. Gã đã sống một thời gian dài bên cạnh cái chết và là kẻ hơi cách biệt. Tất cả bọn tôi, cũng đều hơi giữ khoảng cách. Chẳng có gì ràng buộc bọn tôi với nhau ngoại trừ mỗi buổi chiều chúng tôi tập trung ở bệnh viện. Mặc dầu khi đi tắt qua khu vực “nóng nhất” của thị trấn trong bóng tối, nơi vài tia sáng và tiếng hát vọng ra từ các quầy rượu, để đến Cova; thỉnh thoảng bọn tôi phải bước xuống lòng đường vì có nhiều đàn ông, đàn bà đứng đông nghẹt trên lề đường đến nỗi chúng tôi sẽ phải len qua họ để đi qua, lúc ấy chúng tôi cảm nhận được sự đoàn kết của cả bọn bởi chúng tôi ý thức được điều gì đó xảy ra mà những người thù hận bọn tôi không hiểu.

Cả bọn thích Cova. Nơi đó trông dễ chịu, ấm áp và không quá sáng; khói và tiếng ồn chỉ xảy ra ở vào những thời điểm nhất định. Các cô phục vụ luôn có mặt ở cạnh bàn. Những tờ báo có hình minh họa được xếp vào giá treo trên tường. Các cô gái ở Cova rất yêu nước. Tôi nghĩ những người yêu nước nhất ở Italy là các cô gái bán cà phê và tôi tin họ mãi vẫn còn yêu nước.

Ban đầu, những gã ấy rất kính trọng các huy chương của tôi và hỏi tôi đã làm gì để được tặng thưởng. Tôi cho chúng xem những giấy tờ được viết bằng kiểu chữ rất đẹp,

đây rẫy những *fratellanza* và *abnegazione*⁽¹⁾. Song nếu bỏ hết những tính từ hoa mỹ ấy, thực sự mà nói, người ta tặng tôi huân chương chỉ vì tôi là người Mỹ. Sau chuyện đó, cái nhìn của họ về tôi có hơi khác, mặc dù họ vẫn xem tôi là bạn để chống lại những người bên ngoài. Tôi là bạn nhưng sẽ chẳng bao giờ thực sự là thành viên trong nhóm, sau khi họ đọc được lời tuyên dương công trạng của tôi; bởi vì nó khác với họ, họ phải làm những điều khác hẳn để được tặng huy chương. Tôi bị thương, chuyện ấy có thực, nhưng bọn tôi biết rằng vết thương theo kiểu đó rõ ràng chỉ do sự tình cờ. Dẫu sao tôi cũng chẳng bao giờ xấu hổ về những tấm huy chương ấy và đôi lúc, sau nhiều giờ uống cốc-tai, tôi tưởng bản thân mình cũng đã làm tất cả mọi thứ như họ để được nhận huy chương; nhưng buổi tối khi quay về nhà dọc theo các con phố vắng, qua những cơn gió lạnh và các quầy hàng đã đóng cửa, cố đi gần những ngọn đèn đường, tôi biết mình đã chẳng bao giờ làm được điều đó vì tôi rất sợ chết và thường xuyên mất ngủ bởi sợ chết và tự hỏi mình sẽ ra sao nếu phải trở lại chiến tuyến một lần nữa.

Ba gã được tặng huy chương trông rất hiếu chiến. Tôi không phải là người hiếu chiến. Dẫu cho tôi có thể bị xem là hiếu chiến khi so với những người chả bao giờ đi săn. Bọn chúng, cả ba, đều ý thức được điều ấy và như thế chúng tôi chia tay nhau. Nhưng tôi vẫn còn chơi với một gã, người bị thương ngay trong ngày đầu tiên ra trận. Bởi vì giờ đây hẳn chẳng hề biết mình sẽ trở thành kiểu người nào; như thế hẳn cũng chẳng được thừa nhận và tôi mẫn

(1) Hữu nghị và xả thân (tiếng Italy).

hắn còn bởi lẽ tôi nghĩ chắc hẳn hắn sẽ không trở thành một kẻ hiếu chiến.

Thiếu tá, người đã từng là tay kiếm nổi tiếng, không tin lòng dũng cảm, đã dành nhiều thời gian khi chúng tôi điều trị trên máy để chữa ngữ pháp cho tôi. Gã khen khả năng tiếng Italy của tôi. Chúng tôi nói chuyện với nhau rất dễ dàng. Ngày nọ tôi bảo tiếng Italy dường như là ngôn ngữ cực dễ đối với tôi và tôi không cần phải mất nhiều thời gian cho nó; mọi thứ quá dễ để nói. “À. Ừ”, Thiếu tá lên tiếng. “Vậy thì tại sao anh không học ngữ pháp?” Thế là tôi bắt đầu nghiên cứu ngữ pháp, và chẳng mấy chốc tôi nhận thấy tiếng Italy quả là một ngôn ngữ cực khó và tôi ngại đối thoại với gã cho đến khi tôi sử dụng thành thạo ngữ pháp.

Thiếu tá đến bệnh viện rất đều đặn. Tôi không nghĩ gã đã bỏ một buổi nào, mặc dù tôi chắc gã chẳng tin gì vào những chiếc máy. Đã có lần chẳng một ai trong bọn tôi tin vào những cỗ máy ấy, và đã có lần thiếu tá gọi chúng là đồ vô tích sự. Lúc ấy, những chiếc máy mới được đưa về và chúng tôi trở thành công cụ để chứng minh giá trị của chúng. “Một ý tưởng ngu ngốc”, gã nói, “một lý thuyết thì luôn giống như mọi lý thuyết”. Khi tôi không chịu học ngữ pháp, gã mắng tôi là một kẻ bất lực dốt nát và gã cũng là thằng ngu mới phí thời giờ với tôi. Gã nhỏ con, luôn ngồi ngay ngắn trên ghế, bàn tay phải dút vào máy, nhìn thẳng về bức tường trước mặt trong khi những sợi dây da xát nhẹ, làm nẩy những ngón tay.

“Mày sẽ làm gì khi chiến tranh chấm dứt, giả dụ như nó chấm dứt,” gã hỏi. “Nói đúng ngữ pháp vào!”

“Tôi sẽ về Mỹ”.

“Mày đã lập gia đình chưa?”

“Chưa, nhưng tôi sẽ”.

“Thế thì mày là thằng đại ngốc”, gã nói. Gã dường như rất giận. “Đàn ông không nên lấy vợ”.

“Tại sao, thưa *signor Maggiore*”⁽¹⁾.

“Đừng gọi tao là *signor Maggiore*”.

“Tại sao đàn ông không nên lấy vợ?”

“Hắn không thể cưới vợ. Hắn không thể cưới vợ”, gã giận dữ nói. “Nếu hắn sẽ mất mọi thứ, hắn đừng nên đặt bản thân vào vị trí mất đó. Hắn đừng nên đặt bản thân vào vị trí mất mát. Hắn nên tìm những gì mà hắn không thể mất”. Gã giận dữ và cay đắng, mắt nhìn thẳng về phía trước trong khi nói.

“Nhưng tại sao hắn lại để mất nó?”

“Hắn sẽ mất nó”, thiếu tá nói. Gã đang nhìn bức tường. Sau đó gã nhìn xuống cổ máy, giật bàn tay nhỏ của gã ra khỏi những sợi dây rồi đập mạnh nó xuống đùi. “Hắn sẽ mất nó”, gã gằn như thét lên. “Đừng cãi tao!” Gã gọi người điều khiển máy. “Tắt cái đồ chết tiệt này đi”.

Gã quay vào phòng khác để chiếu điện và xoa bóp. Lát sau tôi nghe tiếng gã hỏi xin phép bác sĩ sử dụng điện thoại rồi gã đóng cửa. Khi gã quay trở lại phòng, tôi đang ngồi trên cổ máy khác. Gã mặc áo khoác, đội mũ, đi thẳng về phía máy của tôi và đặt tay lên vai tôi.

“Xin lỗi”, gã nói, và vỗ vào vai tôi bằng bàn tay lạnh. “Đáng lẽ tôi không nên thô lỗ. Vợ tôi vừa mới mất. Anh thứ lỗi cho”.

(1) Ngài thiếu tá.

“Ồ”, tôi thốt lên, cảm thấy xót xa cho gã. “Tôi lấy làm tiếc”.

Gã đứng đó, đang cắn cắn môi dưới. “Quả thật là khó”, gã nói. “Tôi không thể tự chủ”.

Gã nhìn thẳng qua tôi ra cửa sổ rồi bật khóc. “Tôi hoàn toàn không thể để mặc cho số phận”. Gã nói, cố nuốt nước mắt rồi lại khóc. Đầu gã thẳng đứng, mắt nhìn vào khoảng không, thân hình đứng thẳng theo tác phong của lính, nước mắt chảy dài trên má, cắn chặt môi, gã bước qua những cỗ máy, đi ra ngoài.

Bác sĩ nói với tôi rằng vợ của thiếu tá còn rất trẻ và người mà gã mới cưới sau khi bị thương đã chết vì bị viêm phổi. Cô ta chỉ ốm có mấy ngày. Chẳng ai ngờ cô ta chết. Thiếu tá không đến bệnh viện suốt ba ngày liền. Sau đấy gã đến vào một giờ đều đặn, chiếc băng đen luôn đeo trên tay áo bộ quân phục. Khi gã trở lại, có nhiều bức ảnh lớn được đóng khung treo trên tường. Những bức ảnh chụp các vết thương trước và sau khi được điều trị bằng máy. Trước cỗ máy thiếu tá sử dụng là ba bức ảnh chụp những bàn tay, giống như tay của gã đã được phục hồi hoàn toàn. Tôi không biết bác sĩ kiếm nó ở đâu. Tôi luôn nhớ bọn tôi là những người đầu tiên sử dụng máy. Những bức ảnh không gây nhiều ấn tượng cho thiếu tá bởi lẽ gã chỉ luôn nhìn ra cửa sổ.

LÊ HUY BẮC dịch

RẶNG ĐÔI TỰA ĐÀN VOI TRẮNG

Rặng đôi vắt qua thung lũng Ebro dài và trắng. Suối bên này không có bóng mát, không cây cối, trong ánh nắng, nhà ga nằm giữa hai tuyến đường xe lửa. Ngay sát cạnh ga, một ngôi nhà đang tỏa bóng mát và bức rèm tre, được kết bằng nhiều chuỗi hạt, treo ngang cửa để giữ ruồi. Một người Mỹ cùng với một cô gái đang ngồi ở chiếc bàn đặt trong bóng mát, bên ngoài tòa nhà. Trời nóng. Chuyến tàu tốc hành từ Barcelona sẽ đến trong vòng bốn mươi phút nữa. Đoàn tàu dừng ở ga hai phút rồi sẽ đi Madrit.

“Ta uống gì nhỉ?” cô gái hỏi. Nàng tháo mũ và đặt nó lên bàn.

“Trời hơi bức”, người đàn ông nói.

“Chúng mình uống bia đi”.

“*Dos cervezas*”⁽¹⁾ người đàn ông gọi với vào trong bức rèm.

“Cốc lớn chứ?” từ ngưỡng cửa, một người đàn bà hỏi.

“Vâng. Hai cốc lớn”.

(1) “Hai bia”.

Người đàn bà mang ra hai cốc bia và hai miếng đệm nỉ. Bà đặt đệm lót với bia lên bàn rồi nhìn người đàn ông và cô gái. Cô gái đang ngấm rặng đồi. Chúng trắng lên dưới ánh nắng còn miền quê thì chuyển sang màu nâu và khô ráo.

“Trông chúng tựa đàn voi trắng”, nàng nói.

“Anh chẳng từng thấy con nào cả”, người đàn ông uống bia đáp.

“Đúng, anh chẳng thấy”.

“Anh có thể thấy”, người đàn ông nói. “Nhưng nếu em bảo là anh không nhìn thấy thì cũng chẳng sao”.

Cô gái nhìn bức rèm tre: “Người ta vẽ hình gì nhỉ?” nàng nói. “Có nghĩa gì vậy?”

“*Anis del Toro*. Một loại nước giải khát”.

“Chúng mình uống thử nhé?”

Người đàn ông gọi qua bức rèm “Bà chủ”. Người đàn bà bước ra.

“Bốn xu”.

“Chúng tôi muốn hai cốc *Anis del Toro*”.

“Có dùng nước không?”

“Em muốn uống với nước chứ?”

“Em không biết”. Cô gái đáp. “Pha thêm nước có ngon không?”

“Ngon”.

“Ông bà muốn dùng với nước chứ?” người đàn bà hỏi.

“Vâng, với nước”.

“Vị của nó giống như mùi cam thảo”, cô gái nói rồi đặt cốc xuống.

“Mọi thứ đều có vị ấy”.

“Vâng” cô gái nói. “Mọi thứ đều có vị cam thảo. Đặc biệt là tất cả những thứ khiến người ta chờ đợi quá lâu, chẳng hạn như *absinthe*”.

“Thôi, đừng nói nữa”.

“Anh gọi ra mà”, cô gái nói. “Em chỉ đùa chơi. Em đang có những phút giây thoải mái”.

“Ừ, chúng mình hãy cố có thời gian thoải mái”.

“Được rồi. Em đang cố. Em bảo những ngọn đồi trông giống những con voi trắng. Điều ấy chẳng vui sao?”

“Ý tưởng vui đấy”.

“Em muốn ném thử thức uống mới này. Đây là tất cả những gì chúng mình làm, nó chẳng – ngấm quang cảnh và ném những loại nước giải khát mới hay sao?”

“Anh nghĩ thế”.

Cô gái nhìn xuyên về phía rừng đồi.

“Chúng là những quả đồi đáng yêu”, nàng nói. “Thực ra trông chúng chẳng giống những con voi trắng. Em chỉ muốn nói đến màu da của chúng toát lên qua rừng cây”,

“Chúng mình uống thêm chứ?”

“Được thôi”.

Làn gió ấm đưa bức rèm tre lại gần bàn.

“Bia ngon và mát”, người đàn ông nói.

“Đáng yêu thật”, cô gái nói.

“Thực ra, đó chỉ là một ca phẫu thuật cực kỳ đơn giản thôi mà, Jig”, người đàn ông nói. “Thậm chí cũng chẳng phải là một ca phẫu thuật nữa”.

Cô gái nhìn xuống đất, chỗ chân bàn đặt lên.

“Anh biết, em đừng nên bận tâm, Jig. Nó chẳng hề gì đâu. Chỉ để không khí vào thôi”.

Cô gái không nói lời nào.

“Anh sẽ đi với em và lúc nào anh cũng ở bên em. Họ chỉ để không khí vào và rồi tất cả sẽ trở lại bình thường”.

“Sau đó ta sẽ làm gì?”

“Ta sẽ thoải mái, như trước đây”.

“Cái gì khiến anh nghĩ như vậy?”

“Đấy là điều duy nhất làm phiền chúng ta. Điều duy nhất khiến chúng ta bất hạnh”.

Cô gái nhìn bức rèm tre, rồi đưa tay nắm hai sợi rèm.

“Rồi anh nghĩ sau đó chúng ta sẽ ổn và hạnh phúc?”

“Anh biết chúng ta sẽ. Em không phải sợ. Anh biết rất nhiều người đã làm điều đó”.

“Em cũng thế”, cô gái nói. “Rồi sau đó tất cả họ đều hạnh phúc?”

“Ừ”, người đàn ông nói, “Nếu em không muốn thì em không cần phải. Anh không ép nếu em không muốn. Nhưng anh biết nó cực kỳ đơn giản.”

“Và anh thực sự muốn?”

“Anh nghĩ đấy là giải pháp tốt nhất. Nhưng anh không muốn em thực hiện nếu em thực sự không muốn”.

“Nhưng nếu em làm điều đó thì anh sẽ hạnh phúc, mọi thứ sẽ như trước. Và anh sẽ yêu em chứ?”

“Bây giờ anh yêu em. Em biết anh yêu em”.

“Em biết. Nhưng nếu em làm điều đó, rồi mọi chuyện tốt đẹp trở lại, nếu em nói những chuyện giống chuyện voi trắng, thì anh có thích không?”

“Anh sẽ thích. Bây giờ anh thích điều đó song anh chỉ không thể nào nghĩ về nó. Em biết, khi lo lắng thì anh như thế nào rồi”.

“Nếu em làm điều ấy thì anh sẽ chẳng bao giờ lo lắng nữa chứ?”

“Anh không lo về điều ấy, bởi nó cực kỳ đơn giản”.

“Vậy thì em sẽ làm. Bởi vì em không quan tâm đến bản thân mình”.

“Em nói gì vậy?”

“Em không quan tâm đến bản thân mình”.

“Chẳng sao, anh sẽ chăm sóc em”.

“Ồ, vâng. Nhưng em không nghĩ về bản thân mình. Em sẽ làm điều đó rồi sau đấy mọi chuyện sẽ tốt đẹp”.

“Anh không muốn em làm điều ấy nếu em nghĩ như thế”.

Cô gái đứng dậy, đi đến cuối nhà ga. Đằng kia, cánh đồng ngũ cốc và rừng cây trải dọc theo bờ của dòng Ebro. Cách dòng sông một khoảng khá xa là những ngọn núi. Bóng của đám mây bông bênh trên cánh đồng ngũ cốc; nàng thấy dòng sông xuyên qua rừng cây.

“Lẽ ra chúng ta có thể có tất cả cái kia”, nàng nói “Chúng ta có thể có tất cả nhưng mỗi ngày chúng ta lại khiến nó càng không thể”.

“Em nói gì vậy?”

“Em nói chúng ta có thể có mọi thứ”.

“Chúng ta có thể có mọi thứ”.

“Không, chúng ta không thể”.

“Chúng ta có thể có cả thế giới”

“Không, chúng ta không thể”.

“Chúng ta có thể đi mọi nơi”.

“Không, chúng ta không thể. Nó chẳng còn là của chúng ta nữa rồi”.

“Nó là của chúng ta.”

“Không nó không. Một khi người ta phá bỏ nó thì anh sẽ chẳng bao giờ có nó nữa.”

“Nhưng họ không bỏ nó”.

“Chúng ta hãy chờ xem”.

“Quay vào trong bóng râm đi”, hấn nói. “Em chớ nghĩ như thế”.

“Em chẳng nghĩ gì cả”, cô gái đáp. “Em chỉ biết thế”.

“Anh không muốn em làm bất kỳ việc gì mà em không muốn”.

“Chẳng phải điều ấy không tốt cho em”, nàng nói. “Em biết. Ta gọi thêm bia nữa chứ?”

“Ừ. Nhưng em phải biết”.

“Em biết,” cô gái nói. “Nhưng chẳng nhẽ chúng ta không thể ngừng nói được nữa sao?”

Họ ngồi vào bàn rồi cô gái nhìn ra phía những ngọn đồi bên cạnh thung lũng khô ráo, còn người đàn ông thì hết nhìn nàng rồi lại nhìn cái bàn.

“Em phải hiểu”, hấn nói, “rằng anh không muốn em làm điều ấy nếu em không muốn. Anh sẽ hoàn toàn vui lòng với chuyện đó nếu nó có ý nghĩa gì đây đối với em”.

“Vậy nó không có chút ý nghĩa nào với anh sao? Chúng ta có thể thỏa thuận”.

“Dĩ nhiên là có. Nhưng anh không muốn bất kỳ ai ngoài em. Anh không muốn bất kỳ một ai khác. Vả lại anh biết nó cực kỳ đơn giản”.

“Vâng, anh biết nó cực kỳ đơn giản”.

“Nói thế chỉ có tốt cho em, bởi anh quá hiểu nó”.

“Bây giờ anh có thể làm gì đó cho em được không?”

“Anh sẽ làm bất cứ việc gì vì em”.

“Em xin anh xin anh xin anh xin anh xin anh xin anh xin anh im đi có được không?”

Hắn chẳng nói lời nào nữa mà chỉ nhìn mấy chiếc túi đặt tựa vào tường nhà ga. Nhiều nhãn dính lên chúng từ tất cả các khách sạn họ đã ngủ lại.

“Nhưng anh không muốn em”, hắn nói, “anh chẳng quan tâm chút nào về chuyện đó”.

“Tôi sắp hết lên đây”, cô gái nói.

Người đàn bà bước ra khỏi tấm rèm. Bà mang hai cốc bia rồi đặt chúng lên những miếng đệm nỉ đã ướt. “Năm phút nữa tàu sẽ đến”, bà nói.

“Bà ta nói gì vậy?” cô gái hỏi.

“Rằng tàu sẽ đến trong vòng năm phút nữa”.

Cô gái mỉm cười rạng rỡ với người đàn bà rồi cảm ơn bà ta.

“Tốt hơn là anh mang mấy cái túi đến đằng kia nhà ga”, người đàn ông nói. Nàng mỉm cười với hắn.

“Anh làm đi, rồi quay lại và chúng ta sẽ cạn cốc”.

Hắn nhấc hai chiếc túi nặng, mang chúng vòng qua nhà ga, đi đến tuyến đường kia. Hắn nhìn theo đường ray nhưng không thấy tàu. Hắn đi tắt qua quán bar, nơi những người đợi tàu đang ngồi uống, để quay trở lại. Hắn uống một cốc Anis ở quầy và nhìn mọi người. Tất cả bọn họ đang bình thần đợi tàu. Hắn bước qua bức rèm, ra ngoài. Nàng đang ngồi bên bàn và mỉm cười với hắn.

“Em cảm thấy đỡ hơn chứ, hắn hỏi.

“Em thấy dễ chịu”, nàng đáp. “Ổn rồi. Em cảm thấy dễ chịu”.

LÊ HUY BẮC dịch

NHỮNG KẺ GIẾT NGƯỜI

Cửa quán Henry mở, hai người đàn ông bước vào. Họ ngồi cạnh quầy.

“Thưa, các ông dùng gì? George hỏi.

“Tau không biết”, Al nói. “Tau chẳng biết mình muốn ăn gì?”

Bên ngoài trời dần tối. Đèn đường bật sáng ngoài cửa sổ. Cạnh quầy, hai gã đàn ông đọc thực đơn. Đàng cuối quầy, Nick Adams quan sát chúng. Cậu đang nói chuyện với George lúc chúng bước vào.

“Cho tau đĩa thần lợn quay với nước sốt táo và khoai tây nghiền”, gã thứ nhất nói.

“Món ấy chưa có”.

“Thế thì bọn mày đưa vào cái thực đơn chết tiệt này để làm gì?”

“Đấy là món tối”, George giải thích. “Ông có thể gọi vào lúc sáu giờ”.

George ngược ra sau quầy nhìn đồng hồ tường.

“Mới năm giờ”.

“Đồng hồ chỉ năm giờ hai mươi rồi đó”, gã thứ hai nói.

“Nó nhanh hai mươi phút”.

“Hả, cái đồng hồ chết rập”, gã thứ nhất nói. “Bọn mày có gì ăn đấy?”

“Tôi có thể phục vụ các ông bất cứ loại bánh sandwich nào”, George nói. “Các ông có thể gọi giăm bông-trứng, thịt lợn muối trộn trứng, gan với thịt lợn muối, hoặc bít tết”.

“Mang cho tau mấy chiếc bánh rán nhồi thịt gà với đậu xanh, nước sốt kem và khoai tây nghiền”.

“Đấy là món tối”.

“Những món bọn tau gọi đều là món tối cả sao, hả? Đấy là cách chúng mày phục vụ hả?”

“Tôi có thể phục vụ ông giăm bông trộn trứng, thịt lợn muối với trứng, gan”.

“Tau sẽ ăn giăm bông và trứng”, gã tên Al nói. Hắn đội mũ quả dưa, vận áo khoác đen cài nút đến tận cổ. Mặt hắn choắt và tái, môi mím chặt. Hắn quàng khăn lụa và đeo găng.

“Mang cho tau thịt lợn muối và trứng”, gã khác nói. Khổ người hắn bằng Al. Nét mặt tuy khác nhau, nhưng chúng ăn mặc tựa cặp song sinh. Hai chiếc áo khoác quá chật đối với chúng. Chúng ngồi chồm tới trước, khuỷu tay đặt lên quầy.

“Có gì uống?” Al hỏi.

“Bia Silver, bevo, nước gừng”, George đáp.

“Ý tau là mày có thứ gì uống?”

“Chỉ mấy loại tôi vừa nói.

“Đây là một thị trấn nóng”, gã kia nói. “Họ gọi nó là gì nhỉ?”

“Summit”.

“Đã từng nghe thấy chưa?” Al hỏi bạn gã.

“Chưa”, gã bạn đáp.

“Buổi tối người ta làm gì ở đây?” Al hỏi.

“Họ ăn tối”, bạn gã đáp. “Tất cả bọn kéo đến đây chén bữa tối ê hề”.

“Đúng đấy”, George nói.

“Mày nghĩ việc ấy đúng à?” Al hỏi-George.

“Chắc rồi”.

“Mày là anh chàng khá thông minh đấy, có phải không?”

“Hẳn rồi”.

“Ồ, mày không”, gã quắt người nói. “Cái thằng nhóc đó, Al?”

“Hắn là đồ ngu xuẩn”, Al đáp. Gã quay sang Nick. “Tên mày là gì?”

“Adams”.

“Một chú nhóc thông minh nữa”, Al nói. “Hắn có phải là đứa thông minh không hả Max?”

“Thị trấn này đầy rẫy những thằng thông minh”, Max đáp.

George đặt hai đĩa thức ăn lên quầy, một đựng giăm bông trộn trứng, đĩa kia là thịt lợn muối với trứng. Nó để thêm hai đĩa khoai tây rán ăn kèm xuống rồi đóng cánh cửa thông sang bếp.

“Đĩa nào của ông?” nó hỏi Al.

“Mày chẳng nhớ sao?”

“Giăm bông và trứng”.

“Đúng là anh chàng thông minh”, Max nói. Gã cúi tới trước lấy đĩa đựng giăm bông và trứng. Hai gã vẫn đeo găng tay trong khi ăn. George nhìn chúng ăn.

“Việc gì mà ý đến nó?” Max nhìn George.

“Chẳng sao cả”.

“Đồ chết tiệt. Mà quan sát tau”.

“Có lẽ thằng nhóc tưởng đó là trò đùa, Max”, Al nói.

George cười.

“Mày không được cười”, Max bảo nó. “Mày phải ngậm miệng lại, hiểu chưa?”

“Được rồi”, George đáp.

“Như thế hẳn nghĩ chuyện ấy được”. Max quay sang Al. “Hẳn nghĩ chuyện ấy được, thằng bé khá đấy”.

“Ồ, hẳn là một triết gia”, Al nói. Chúng tiếp tục ăn.

“Tên đứa thông minh đằng kia quây là gì?” Al hỏi Max.

“Này anh chàng thông minh kia”, Max gọi Nick. “Đi vòng qua quây lại chỗ bạn mày đi”.

“Để làm gì?” Nick hỏi.

“Chẳng để làm gì cả”.

“Tốt hơn là mày qua đi, anh chàng thông minh”, Al nói. Nick đi vòng ra sau quây.

“Để làm gì vậy?” George hỏi.

“Không phải việc của mày”, Al nói. “Ai ở trong bếp?”

“Anh da đen”.

“Mày nói thằng da đen là có nghĩa gì?”

“Anh da đen làm bếp”.

“Gọi hẳn ra đây”.

“Để làm gì?”

“Gọi hẳn ra đây”.

“Các ông nghĩ mình ở đâu đấy?”

“Bọn tau biết rõ tiết nơi bọn tau ở”, gã tên Max nói.

“Trông bọn tau dần lẩm sao?”

“Mày nói vớ vẩn”, Al bảo gã. “Mày tranh luận với thằng nhóc này làm cái quái gì? Nghe đây”, gã bảo George, “bảo thằng mọi kia ra ngay đây”.

“Các ông sẽ làm gì anh ấy?”

“Chẳng làm gì. Hãy dùng đầu của mày. Anh chàng thông minh. Bọn tau sẽ làm gì với thằng mọi đen kia chứ?”

George mở cánh cửa thông sang bếp. “Sam”, nó gọi. “Lên trên này một lát”. Cánh cửa trở vào bếp mở ra, gã da đen bước vào. “Chuyện gì vậy?” hấn hỏi. Hai gã đứng cạnh quầy nhìn hấn.

“Chẳng gì cả, thằng đen. Mày đứng ngay đó”, Al nói.

Sam, anh da đen đang vận tạp dề đứng nhìn hai gã ngồi bên quầy. “Vâng, thưa ngài”, anh nói. Al ngồi xuống ghế của gã.

“Tau sẽ vào bếp với thằng da đen và một anh chàng thông minh”, gã nói. “Quay trở lại bếp, thằng đen. Mày đi cùng hấn, anh chàng thông minh”, gã quát người bước sau Nick và Sam đầu bếp, đi vào bếp. Cánh cửa đóng lại sau lưng họ. Gã tên Max ngồi bên quầy, đối diện với George. Gã không nhìn George mà nhìn vào tấm gương treo phía sau quầy. Tiệm ăn Henry được cải tạo từ một quán rượu.

“Này, anh chàng thông minh”, Max gọi lúc đang nhìn vào gương. “Sao mày không nói điều gì đi?”

“Rốt cuộc thì chuyện này là thế nào?”

“Ê, Al”, Max gọi, “anh chàng thông minh muốn biết rốt cuộc chuyện này là thế nào”.

“Sao mày không kể cho hấn nghe?” Giọng của Al vọng ra từ bếp.

“Mày nghĩ là chuyện gì?”

“Tôi không biết”.

“Mày nghĩ gì?”

Max vẫn dán mắt vào gương lúc đang nói.

“Tôi sẽ không nói”.

“Ê, Al, anh chàng thông minh bảo hấn sẽ không nói ra điều hấn đoán về vụ này”.

“Được rồi. Tau có thể nghe rõ mày”, Al nói từ trong bếp. Hấn dùng chai nước sốt cà chua chống ô cửa nhỏ dùng để chuyển bát đĩa vào bếp. “Nghe này, anh chàng thông minh”, từ bếp hấn nói với George. “Đứng nhích ra một tí dọc theo quầy. Mày dịch sang trái một chút, Max”. Gã như thể tay thợ ảnh đang bố trí chụp một bức ảnh tập thể.

“Nói tau nghe, anh chàng thông minh”, Max nói. “Mày nghĩ chuyện gì sắp xảy ra?”

George không mở miệng.

“Tau sẽ kể cho mày”, Max nói. “Bọn tau sẽ khử một gã Thụy Điển. Mày có biết gã Thụy Điển cao to tên là Ole Andreson không?”

“Biết”.

“Buổi tối hấn đều đến ăn ở đây phải không?”

“Thỉnh thoảng ông ấy đến”.

“Hấn đến vào lúc sáu giờ phải không?”

“Nếu ông ấy đến”.

“Bọn tau biết cả, anh chàng thông minh này”, Max bảo. “Hãy nói chuyện khác đi. Từng đi xem phim chứ?”

“Đôi khi”.

“Mày nên thường xuyên đi xem phim. Phim ảnh rất bổ ích cho những chú nhóc thông minh như mày”.

“Các ông giết Ole Andreson để làm gì? Ông ấy đã từng gây chuyện gì với các ông sao?”

“Hắn chẳng có cơ hội để làm bất cứ điều gì với bọn tau. Thậm chí hắn chưa hề biết mặt bọn tau”.

“Và duy nhất hắn sẽ chỉ gặp bọn tau một lần”, Al nói từ trong bếp.

“Vậy thì làm sao các ông lại giết ông ấy?” George hỏi.

“Vì một người bạn, bọn tau sẽ giết hắn. Chỉ vì bốn phần với bạn bè, anh chàng thông minh”.

“Câm miệng”, Al nói từ trong bếp. “Mày phun quá nhiều chuyện hay hóm đấy”.

“Ồ, tau phải làm thằng bé vui chứ. Phải không, anh chàng thông minh”.

“Mày nói thật quá nhiều”, Al nói. “Thằng đen và anh chàng thông minh tự trêu đùa lấy. Tau để chúng ôm nhau như thể một đôi bạn gái trong tu viện”.

“Tau nghĩ mày đã từng ở tu viện nữ”.

“Mày biết cái quái gì?”

“Mày đã sống trong tu viện ăn kiêng của lũ Do Thái. Đó là nơi mày từng ở”.

George ngược nhìn đồng hồ.

“Nếu bất kỳ ai đến mày bảo họ đầu bếp đi vắng, và nếu họ cứ đòi ăn thì mày bảo họ, tự mày sẽ ra sau bếp nấu. Mày làm được việc ấy chứ hả anh chàng thông minh?”

“Được”, George đáp. “Sau đó các ông sẽ làm gì bọn tôi?”

“Chuyện ấy còn tùy”, Max đáp. “Đấy là một trong những điều mày chẳng bao giờ biết vào thời điểm ấy”.

George ngược nhìn đồng hồ. Lúc ấy đã sáu giờ mười lăm. Cánh cửa hướng ra đường mở ra. Tay tài xế xe điện bước vào.

“Chào George”, anh ta nói. “Tôi có thể ăn tối chứ?”

“Sam đi vắng”, George đáp. “Độ nửa giờ nữa anh ta mới về”.

“Tốt hơn là tôi lên phố trên”, tay tài xế nói. George nhìn đồng hồ, đã sáu giờ hai mươi.

“Đôi đáp khá đầy, anh chàng thông minh”, Max nói. “Mày quả là một quý ông lịch sự đúng mực”.

“Hắn biết tau sẽ bắn vỡ sọ hắn”, Al nói từ trong bếp.

“Đừng”, Max nói. “Đừng làm thế. Anh chàng thông minh này cừ đấy. Hắn là cậu bé dễ thương. Tau thích hắn”.

Lúc sáu giờ năm mươi lăm. George nói: “Ông ấy sẽ không đến”.

Hai người nữa vào quán. Một lần George xuống bếp làm bánh sandwich “mang đi” theo yêu cầu của ông khách. Trong bếp, nó thấy Al hất mũ quả dưa ra sau, đang ngồi trên cái ghế gần cửa, hòng của khẩu súng cưa nòng đặt trên gờ tường. Nick và tay đầu bếp mồm bị nhét khăn, người bị trói áp lưng vào nhau ở góc bếp. George làm chiếc sandwich, quấn trong tờ giấy dầu, đặt vào túi mang vào; người đàn ông trả tiền, đi ra.

“Anh chàng thông minh có thể làm mọi việc”, Max nói. “Hắn có thể nấu và làm mọi thứ. Này, anh chàng thông minh, mày có thể chim một cô gái xinh xắn nào đó để cưới làm vợ”.

“Vậy à?” George nói. “Bạn các ông, Ole Andreson, sẽ không đến”.

“Bọn tau sẽ đợi hắn thêm mười phút nữa”, Max nói.

Max nhìn tấm gương rồi nhìn đồng hồ. Kim đồng hồ chỉ bảy giờ, rồi bảy giờ năm.

“Đi thôi, Al”, Max nói. “Tốt hơn là đi thôi. Hấn đếch đến đâu”.

“Cứ đợi thêm năm phút nữa”, Al nói từ trong bếp.

Trong năm phút ấy một người đàn ông bước vào, và George giải thích rằng đầu bếp bị ốm.

“Tiên sư nhà anh, sao lại không thuê đầu bếp khác?” người ấy nói. “Anh không quản lý nổi cái quán này à?” Ông ta bỏ đi.

“Đi thôi, Al”, Max giục.

“Còn hai đứa thông minh và thẳng đên thì sao?”

“Để chúng yên”.

“Mày nghĩ thế à?”

“Đứt rồi. Bọn mình chấm dứt chuyện này”.

“Tau không muốn”, Al nói. “Thật bất cần. Mày nói quá nhiều”.

“Ồ, chuyện nhảm ấy”, Max nói. “Bọn mình chỉ đùa chơi thôi mà, có phải không?”

“Đầu sao thì mày cũng đã nói quá nhiều”, Al nói. Gã đi ra khỏi bếp. Nòng súng bị cửa gợn vết nhô nhỏ phía dưới hông của chiếc áo khoác quá chặt. Hấn dùng đôi tay đeo găng kéo thẳng chiếc áo.

“Tạm biệt, anh chàng thông minh”, hấn chào George. “Mày có nhiều may mắn đấy”.

“Thật đấy”, Max nói. “Mày nên chơi cá ngựa, anh chàng thông minh”.

Hai đứa bước ra khỏi cửa. Qua cửa sổ, George thấy chúng đi dưới ánh đèn cao áp, băng qua đường. Mặc áo khoác chặt và đội mũ quả dưa, trông chúng như thể đội tạp kỹ. George quay ra sau, qua cánh cửa tự đóng, vào bếp cỏi trối cho Nick và tay đầu bếp.

“Tôi chẳng muốn bị trối như thế này thêm chút nào”, Sam, đầu bếp nói. “Tôi chẳng khoái chuyện này tí nào”.

Nick đứng dậy. Trước đây cậu chưa từng bị nhét khăn vào mồm bao giờ.

“Nói đi”, cậu giục. “Chuyện quái quỷ gì vậy?” cậu đang cố hiểu sự việc.

“Chúng sẽ giết Ole Andreson”, George nói. “Chúng sẽ bắn khi ông ấy bước vào quán.”

“Ole Andreson?”

“Đúng”.

Tay đầu bếp dùng mấy ngón cái sờ hai bên khoe miệng.

“Chúng đi cả chưa?” anh ta hỏi.

“Rồi”, George nói. “Giờ thì chúng đi rồi”.

“Tau ngán chuyện này”, tay bếp nói. “Tau ngán đến tận cổ”.

“Nghe này”, George bảo Nick. “Cậu đến gặp Ole Andreson thì tốt hơn”.

“Được rồi”.

“Tốt hơn là chúng mày đừng có dây vào việc đó”, đầu bếp Sam nói. “Chúng mày nên tránh xa thì tốt hơn”.

“Đừng đi nếu cậu không muốn”, George nói.

“Nhúng mũi vào chuyện này rồi cũng chẳng đến đâu đâu”, tay bếp nói. “Chúng mày quên nó đi”.

“Mình sẽ đến gặp ông ấy”, Nick bảo George. “Ông ta sống ở đâu?”

Tay bếp quay đi.

“Bọn nhóc mày phải hiểu chúng muốn gì”, anh ta nói.

“Ông ấy ở nhà trọ của Hirsch”, George bảo Nick.

“Mình sẽ đến đấy”.

Bên ngoài, đèn cao áp chiếu xuyên qua đám cành của cái cây trụi lá. Nick bước trên lề con phố lớn, đến cột đèn cao áp kế theo, cậu rẽ xuống con đường hẹp. Ba ngôi nhà vươn cao cạnh đường là nhà trọ của Hirsch. Nick bước lên hai bậc thềm và kéo chuông. Một người đàn bà ra cửa.

“Thưa Ole Andreson có ở đây không?”

“Cháu muốn gặp ông ấy hả?”

“Vâng, nếu ông ấy có nhà”.

Nick theo người đàn bà lên cầu thang tầng hai rồi đi đến cuối hành lang. Bà ta gõ cửa.

“Ai đấy?”

“Có người cần gặp, thưa ngài Andreson”, người đàn bà nói.

“Cháu là Nick Adams”.

“Mời vào”.

Nick mở cửa đi vào phòng. Ole Andreson vận nguyên áo quần nằm trên giường. Từng là võ sĩ quyền Anh hạng nặng, ông ta quá dài so với cái giường. Ông ta nằm gối đầu lên hai chiếc gối, không nhìn Nick.

“Chuyện gì vậy?” ông ta hỏi.

“Cháu từ quán Henry đến đây”, Nick đáp, “hai gã vào trối cháu với đầu bếp rồi chúng bảo chúng sẽ giết bác”.

Cách diễn đạt của cậu nghe thật ngớ ngẩn. Ole Andreson không nói lời nào. “Chúng đẩy bọn cháu vào bếp”, Nick tiếp tục. “Chúng sẽ bắn bác lúc bác đến ăn tối”.

Ole Andreson nhìn bức tường, không nói lời nào.

“George nghĩ tốt hơn cả là cháu đến đây báo cho bác biết”.

“Bác chẳng thể xoay xở được gì nữa về việc này”, Ole Andreson nói.

“Cháu sẽ tả chúng cho bác”.

“Bác không muốn biết diện mạo chúng”, Ole Andreson nói. Ông ta nhìn vào tường. “Cám ơn vì đã đến báo tin”.

“Có gì đâu bác”.

Nick nhìn người đàn ông to lớn đang nằm trên giường.

“Bác không muốn cháu đi báo cảnh sát sao?”

“Đừng”, Ole Andreson đáp, “chẳng ích gì”.

“Cháu chẳng thể làm một việc gì nữa ư?”

“Chẳng còn. Không còn gì để làm nữa đâu”.

“Có thể đấy chỉ là trò đùa”.

“Không, chuyện này không đùa đâu”.

Ole Andreson dịch người về phía bức tường.

“Khốn nỗi là”, ông ta nói, giọng hướng về phía bức tường, “bác chỉ không thể có đủ nghị lực để ra ngoài. Suốt ngày bác ở trong này”.

“Bác chẳng thể trốn khỏi thị trấn này hay sao?”

“Chẳng thể”, Ole Andreson đáp. “Bác phát ngấy đến tận cổ với việc lẩn trốn rồi”.

Ông ta nhìn bức tường.

“Giờ thì chẳng còn bất cứ điều gì nữa để làm”.

“Bác không thể nghĩ ra cách nào đó hay sao?”

“Không, bác đã cùng đường”. Ông ta nói bằng một kiểu giọng đều đều. “Chẳng còn gì để làm. Lát nữa bác sẽ lấy lại tinh thần để ra ngoài”.

“Tốt hơn là cháu về gặp George”, Nick nói.

“Tạm biệt”, Ole Andreson nói. Ông ta không nhìn Nick. “Cám ơn vì đã đến”, Nick bước ra. Khi khép cửa, cậu

thấy Ole Andreson vẫn mặc nguyên áo quần, nằm trên giường, nhìn bức tường.

“Ông ấy ở lì trong phòng suốt ngày”, bà chủ nhà nói lúc xuống cầu thang. “Cô chắc ông ấy không được khỏe. Cô khuyên: “Ông Ole Andreson ơi, ông nên ra ngoài đi dạo vào một ngày thu đẹp như hôm nay, nhưng ông ấy không thích”.

“Ông ấy chẳng muốn ra ngoài đâu”.

“Cô buồn vì ông ấy không được khỏe”, người đàn bà nói. “Ông ấy là một người đàn ông cực kỳ dễ mến. Cháu có biết ông ấy đã từng lên đài?”

“Cháu biết”.

“Cháu chẳng bao giờ biết ngoại trừ quan sát khuôn mặt của ông ấy”, người đàn bà nói. Họ đứng nói chuyện ngay bên trong cánh cửa mở ra đường. “Ông ấy thực tử tế”.

“Thôi tạm biệt bà Hirsch”, Nick nói.

“Cô không phải là bà Hirsch,” người đàn bà nói. “Bà ấy là chủ nhân.” Cô chỉ trông nhà cho bà ấy. Tên cô là Bell.

“Vâng, chào bà Bell,” Nick nói.

“Tạm biệt”, người đàn bà đáp.

Nick đi trên đường tối đến góc phố dưới ánh đèn cao áp rồi bước dọc theo con phố lớn về quán ăn Henry, George ngồi sau quầy trong quán.

“Cậu gặp Ole rồi chứ?”

“Rồi” Nick đáp. “Ông ta ở trong phòng, không ra ngoài”.

Tay bếp mở cửa khi nghe giọng Nick.

“Tau chẳng nghe thấy gì đâu nhé”, anh ta nói rồi đập cửa lại.

“Cậu đã kể hết cho ông ấy rồi phải không?” George hỏi.

“Rồi. Mình kể nhưng ông ấy đã biết trước”.

“Ông ấy định làm gì?”

“Chẳng làm gì cả”.

“Chúng sẽ giết ông ấy”.

“Mình chắc thể”.

“Hắn ông ấy có liên quan đến vụ gì đó ở Chicago”.

“Mình nghĩ thế”, Nick nói.

“Thật nghiêm trọng,” Nick nói.

Chúng lặng im. George với tay lấy cái khăn lau quây.

“Mình không rõ ông ấy đã làm gì nhỉ?” Nick nói.

“Phản lại ai đó. Đây là lý do để bọn chúng tìm giết”.

“Mình sẽ đi khỏi thành phố này”, Nick nói.

“Ừ”, George nói. “Đây là điều tốt để làm”.

“Mình chẳng thể chịu đựng nổi khi nghĩ lại cảnh ông ấy đợi trong phòng và biết sẽ bị giết. Cảnh tượng ấy thực tồi tệ”.

“Thôi nào”, George nói. “Tốt hơn là cậu đừng nghĩ về nó nữa”.

LÊ HUY BẮC dịch

TỔ QUỐC NÓI GÌ VỚI MÀY?

Vào lúc sáng sớm, con đường cứng, phẳng lì, chưa có bụi. Bên dưới, những ngọn đồi phủ đầy cây sồi và cây hạt dẻ, biến thấp mãi tận dưới xa. Phía bên kia là những ngọn đồi phủ đầy tuyết.

Chúng tôi xuống đèo, chạy qua rừng. Bên đường, những bao than củi chất thành đống, nhìn qua những thân cây, chúng tôi thấy lều của mấy người đốt than. Hôm nay chủ nhật, còn con đường, hết dốc lên lại lượn xuống, nhưng luôn giảm độ cao so với con đèo, chạy vào truông rậm rồi xuyên qua nhiều ngôi làng.

Nhiều cánh đồng nhỏ bao quanh các khu làng. Những cánh đồng màu nâu, còn nhỏ thì mọc chằng chịt, rậm rì. Những ngôi nhà quét vôi trắng, trên đường, cánh đàn ông trong trang phục ngày chủ nhật đang chơi ki. Sát tường của vài ngôi nhà, mấy cây lê tỏa cành lên những bức tường trắng. Khóm lê được phun thuốc và hơi thuốc đã làm những bức tường lốm đốm nhiều vết xanh lơ, óng ánh. Những cánh đồng rộng bao quanh các khu làng đều được trồng nhỏ, tiếp đấy là rừng.

Tại một làng nọ cánh Spezia chừng hai mươi kilômét, có một nhóm người đang đứng trên bãi đất, một người trẻ tuổi xách va li bước đến cạnh xe và đề nghị chúng tôi đưa hấn tới Spezia.

“Chỉ còn hai chỗ nhưng đã có người ngồi rồi” tôi nói. Chúng tôi đang đi chiếc Ford cũ, loại có hai cửa.

“Tôi sẽ bám ở bên ngoài”.

“Anh sẽ không thoải mái”.

“Chuyện vặt ấy mà. Tôi phải đến Spezia”.

“Bọn mình cho hấn đi không?” tôi hỏi Guy.

“Dẫu sao thì hấn cũng dường như đã sẵn sàng,” Guy đáp. Gã trai trẻ dứt bọc hành lý qua cửa sổ.

“Trông hộ cái này”, hấn nói. Hai người đàn ông buộc vali của hấn vào sau xe, bên trên vali của chúng tôi. Hấn bắt tay từng người và giải thích rằng đối với một thành viên phát xít và đối với người thường đi đó đi đây như hấn thì chẳng có gì là bất tiện, rồi hấn leo lên bậu cửa phía bên trái xe, choàng cánh tay phải qua cửa xe đã hạ kính, bám vào bên trong.

“Các anh có thể đi”, hấn nói. Nhóm người kia vẫy tay. Hấn đáp lại bằng cánh tay còn rảnh.

“Hấn nói gì vậy?” Guy hỏi tôi.

“Rằng bọn ta có thể đi”.

“Hấn nói dễ thương nhỉ?” Guy nói.

Con đường men theo dòng sông. Bên kia sông là những ngọn núi. Mặt trời làm sương đọng trên cỏ tan đi. Trời trong vắt và lạnh, gió lùa vào xe qua cửa kính đã hạ xuống.

“Mày nghĩ hấn có bất tiện khi bám ngoài đó không?” Guy đang nhìn đường. Tầm nhìn của Guy bị vị khách của

chúng tôi che mắt một phía bên xe. Gã trai trẻ bám chặt vào một bên xe như thể một biểu tượng hình người bằng gỗ gắn đầu mũi tàu. Hắn đã dựng cổ áo lên, kéo sụp mũ xuống nhưng cái mũi của hắn lạnh ngắt bởi những cơn gió thốc vào.

“Có lẽ hắn sẽ lãnh đủ”, Guy nói. “Bên ấy là phía lớp xe hơi xẹp”.

“Ồ hắn sẽ bỏ ta nếu xe bị nổ lốp”, tôi nói. “Hắn sẽ không chịu để bản bộ quần áo du lịch kia đâu”.

“Hừ, tao chẳng bận tâm đến hắn”, Guy nói, “trừ lúc hắn nghiêng người qua mỗi khúc cua”.

Rừng đã hết; con đường tách khỏi dòng sông, xe leo dốc, bộ phận tản nhiệt sôi sùng sục; gã trai trẻ trông có vẻ khó chịu và nghi hoặc khi nhìn nước rỉ và hơi nước bốc lên; tiếng động cơ rít mạnh. Cả hai chân Guy dận lên bàn ga, chiếc xe trườn lên, cứ nhích dần, trông tránh tới lui rồi bỏ lên, rồi cuộc cũng lên đến đỉnh dốc. Tiếng rú của động cơ không còn, trong bầu không khí yên tĩnh, tiếng vỗ của bong bóng nước sôi trong bầu tản nhiệt kêu xèo xèo. Chúng tôi đã lên đỉnh của ngọn đồi cuối cùng án ngữ giữa Spezia và biển. Con đường đổ dốc với những khúc cua ngắn, khúc khuỷu. Vị khách của chúng tôi lệch người sau mỗi khúc cua khiến cho đầu xe càng nặng thêm, suýt lật nhào.

“Mày không thể bảo hắn đừng làm như thế sao”, tôi nói với Guy.

“Đấy là bản năng tự vệ của hắn”.

“Bản năng tự vệ vĩ đại của người Italy”.

“Bản năng vĩ đại nhất của dân tộc Italy”.

Chúng tôi đi xuống, qua nhiều khúc lượn, thụt xuống lớp bụi dày, bụi bốc cao, phủ đầy lên các cây ô liu. Phía dưới,

Spezia trải dài dọc theo bờ biển. Bên ngoài thành phố, con đường đỡ dốc. Vị khách của chúng tôi thò đầu vào cửa.

“Tôi muốn dừng lại”.

“Dừng xe”, tôi bảo Guy.

Chúng tôi từ từ tạt xe vào mé đường. Gã trai trẻ bước xuống, đi về phía sau xe tháo cái va li.

“Tôi xuống đây, để các anh khỏi gặp rắc rối vì chỗ hành khách”, hắn nói. “Cái túi của tôi”.

Tôi đưa hắn túi đồ. Hắn thò tay vào túi.

“Tôi trả các anh bao nhiêu đây?”

“Không cần”.

“Tại sao lại không?”

“Tôi không biết”, tôi nói.

“Vậy thì cảm ơn”, gã trai trẻ nói, mà không nói theo kiểu, “xin cảm ơn các anh”, hoặc, “cảm ơn các anh rất nhiều,” hoặc “ngàn lần cảm ơn các anh,” tất cả các cụm từ này thường được người Italy trang trọng sử dụng để cảm ơn người đã đưa giúp họ bằng giờ tàu hay chỉ đường cho họ. Gã trai trẻ chỉ lí nhí thốt ra từ “cảm ơn” rồi nghi ngờ nhìn theo chúng tôi lúc Guy lái xe đi. Tôi vẫy tay từ biệt hắn. Hắn quá cao quý để vẫy tay chào lại. Chúng tôi đi vào Spezia.

“Thằng nhãi ấy sẽ tiến xa ở Italy này đấy”, tôi nói với Guy.

“Dẫu sao”, Guy nói, “hắn cũng đã đi cùng bọn ta hai mươi kilômét”.

BỮA ĂN Ở SPEZIA

Chúng tôi vào Spezia tìm quán ăn. Đường phố rộng rãi, nhà cửa cao vút, quét vôi vàng. Chúng tôi men theo đường xe điện vào trung tâm thành phố. Trên tường của

những ngôi nhà, nhiều bức chân dung của Mussolini mất
lỗi được tô đậm kèm theo dòng chữ “Muôn năm” viết bằng
tay với hai chữ “M” từ chữ “Muôn” và mấy giọt sơn đen rõ
lem nhem ra cả bức tường. Mấy con phố đâm ngang dẫn
xuống biển. Trời sáng sủa, mọi người đều ra khỏi nhà vào
ngày chủ nhật. Lề đường lát đá được phun nước, nhiều vệt
nước còn đọng trong các kẽ đá. Chúng tôi nép sát vào lề
đường để tránh tàu điện.

“Bọn ta ăn ở nơi nào đơn giản thôi”, Guy nói.

Chúng tôi dừng trước mặt hai biển hiệu nhà hàng.
Chúng tôi đứng phía bên này đường. Tôi mua mấy tờ báo.
Hai tiệm ăn sát vách nhau. Một người đàn bà đứng trên
ngưỡng cửa của một tiệm ăn mỉm cười với chúng tôi, chúng
tôi qua đường, vào quán.

Trong quán, trời tối; đằng cuối phòng, ba cô gái đang
ngồi với một bà già bên cái bàn. Đối diện với chúng tôi, ở
bàn kia, là tay thủy thủ. Gã chỉ ngồi, không ăn cũng không
uống. Đằng xa hơn, một người đàn ông trẻ vận đồ màu
xanh đang cúi viết trên bàn. Tóc y chải sắp bóng nhẫy,
cách ăn mặc của y thật bảnh bao.

Ánh sáng rọi qua cửa ra vào và cửa sổ nơi rau, quả, bít
tết, sườn được bày trong tủ kính. Một cô gái bước đến ghi
các món gọi còn cô khác thì đứng trên ngưỡng cửa. Chúng
tôi thấy thân hình cô ta tổng ngồng sau lần váy mặc trong
nhà. Còn cô gái, người đang ghi các món ăn, thì choàng tay
qua cổ Guy trong lúc chúng tôi đọc thực đơn. Cả thầy có ba
cô, họ thay phiên nhau ra đứng trấn nơi cửa. Bà già, ngồi
cạnh cái bàn đằng cuối phòng, cất tiếng gọi, mấy cô gái
quay lại ngồi bên bà ta.

Căn phòng không còn cửa nào khác, trừ cửa dẫn ra bếp. Một tấm rèm treo ngang cánh cửa ấy. Cô gái ghi món ăn của chúng tôi, mang món mì ống từ bếp bước vào. Cô ta đặt xuống bàn, lấy một chai vang đỏ rồi ngồi luôn vào bàn. “Này”, tôi bảo Guy, “mày muốn ăn ở nơi đơn giản đấy”.

“Quán này chẳng đơn giản tí nào. Nó thực rắc rối!”

“Các anh nói gì vậy?” Cô gái hỏi, “Các anh là người Đức à?”

“Người Nam Đức”, tôi đáp. “Người miền Nam nước Đức rất lịch sự và đáng yêu”.

“Em không hiểu gì cả”, cô gái nói.

“Cách phục vụ của tiệm ăn này là như vậy ư?” Guy hỏi. “Tao phải để cho cô ta cứ quàng tay mãi qua cổ thế này à?”

“Chắc thế”, tôi nói. “Mussolini đã quét sạch các nhà chứa. Nhưng đây lại là nhà hàng”.

Cô gái vận chiếc váy một mảnh. Cô ta cúi người ti vào bàn, đặt tay lên vú và mỉm cười. Nụ cười của cô ta nhìn từ phía bên này đẹp hơn ở phía bên kia, cô ta quay cái phía tử tế ấy sang chúng tôi. Sức hấp dẫn của phía tử tế được tôn lên bởi chất liệu gì đó mà nó làm bẹp phía mũi bên kia của cô ta, tựa như sáp nóng, có thể nắn. Mũi của cô ta, dĩ nhiên, không giống như sáp chảy. Nó lạnh và rắn, chỉ có điều là lõm vào.

“Anh thích em chứ?” cô ta hỏi Guy.

“Anh ấy tôn thờ em đấy”, tôi nói, “nhưng không nói được tiếng Italy”.

“Thì em nói tiếng Đức vậy”, cô ta nói, rồi vuốt tóc Guy.

“Các anh từ đâu đến? Cô gái hỏi.

“Từ Potsdam”.

“Và bây giờ các anh sẽ nghỉ lại đây một lát chứ?”

“Trong thành phố Spezia thân thương này ư?” tôi hỏi.

“Bảo cô ấy bọn ta phải đi”, Guy nói. “Bảo cô ta tự mình ốm lăm và không có tiền”.

“Anh bạn của tôi đây là người ghét đàn bà”, tôi nói, “một gã Đức già ghét đàn bà”.

“Nói với anh ấy rằng em yêu anh ấy”.

Tôi nói lại cho hắn.

“Mày có cảm miệng rồi bọn ta ra khỏi đây ngay không?” Guy nói.

Cô gái quàng luôn cánh tay kia lên cổ Guy.

“Nói với anh ấy rằng anh ấy là của em”, cô gái nói. Tôi thuật lại.

“Em có tha cho bọn anh không?”

“Các anh đang cãi nhau”, cô gái nói. “Các anh chẳng yêu thương nhau”.

“Bọn anh là người Đức”, tôi tự hào nói, “những người Đức cổ ở miền Nam.

“Nói với anh ấy, anh ấy là một chàng trai xinh xắn”, cô gái nói. Guy đã ba mươi tám và thỉnh thoảng tỏ vẻ tự hào bởi ở Pháp người ta tưởng nhầm hắn là một nhân viên giao dịch thương mại.

“Anh là một chàng trai xinh xắn”, tôi nói.

“Ai bảo thế?” Guy hỏi, “mày hay cô ta?”

“Cô ta. Tao chỉ là người phiên dịch. Đấy chẳng phải là lý do để mày gọi tao đi chuyến này à?”

“Tao lấy làm mừng bởi đấy là lời của cô ta”, Guy nói.

“Tao không muốn phải bỏ mày ở lại đây”.

“Tao cũng chẳng hiểu nữa. Spezia là một thành phố đáng yêu”.

“Spezia”, cô gái nói. “Các anh đang nói về Spezia”.

“Một nơi đáng yêu”, tôi nói.

“Quê em đấy”, cô ta nói. “Spezia là nơi chôn nhau cắt rốn của em, còn Italy là tổ quốc của em”.

“Cô ta bảo Italy là tổ quốc của cô ta”.

“Nói với cô ta nó như thể là tổ quốc của cô ấy”, Guy nói.

“Em có món gì tráng miệng?” Tôi hỏi.

“Hoa quả”, cô ta nói. “Bọn em có chuối”

“Chuối được đấy,” Guy nói. “Chúng có vỏ”.

“Ôi, anh ấy gọi chuối”, cô gái nói. Cô ta ôm chầm lấy Guy.

“Cô ta bảo gì vậy?” hấn hỏi lúc ngoảnh mặt đi.

“Cô ta hài lòng bởi lẽ mà gọi chuối”.

“Bảo cô ta tao không ăn chuối đâu”.

“Quý ông đây không ăn chuối?”

“À”, cô gái tiu nghỉu nói, “anh ấy không ăn chuối”.

“Nói với cô ta là tao sáng nào cũng tắm nước lạnh”, Guy bảo.

“Sáng nào quý ông đây cũng tắm nước lạnh”.

“Chẳng hiểu gì cả”, cô gái nói.

Trước mặt bọn tôi, tay thủy thủ cô đơn ngồi im. Không một ai trong quán chú ý đến anh ta.

“Bọn anh muốn thanh toán”, tôi nói.

“Ồ, không. Các anh phải ở lại đã”.

“Này,” người đàn ông trẻ ăn vận bảnh bao cất tiếng nói từ cái bàn nơi y đang ngồi viết, “Để họ đi. Hai vị này chẳng đáng phải bỏ công đâu”.

Cô gái nắm tay tôi. “Anh sẽ không đi chứ? Anh hãy đề nghị anh ấy ở lại nhé?”

“Bọn anh phải đi”, tôi nói. “Bọn anh phải đến Pisa hoặc có thể thì sẽ đến Firenze tối nay. Vào buổi tối bọn anh mới có thể vui chơi trong những thành phố ấy, còn ban ngày, bọn anh phải đi”.

“Này”, anh chàng bánh bao nói. “Đừng có phí thời gian kéo nài mấy vị ấy. Tao đã bảo mày họ chẳng đáng đâu, tao quá biết”.

“Mang hoá đơn cho chúng tôi”, tôi nói. Cô gái mang hóa đơn thanh toán từ bà già đến rồi quay lại ngồi xuống bàn. Cô gái khác từ bếp bước vào. Cô ta bước qua phòng, ra đứng trấn ở cửa.

“Tao bảo đừng phí nhời với mấy vị ấy”, anh chàng bánh bao, nói với vẻ mệt mỏi. “Đi chén thôi. Chẳng nước non gì đâu”.

Chúng tôi trả tiền rồi đứng dậy. Mấy cô gái, bà già và gã bánh bao cùng nhau ngồi vào bàn. Tay thủy thủ đưa tay ôm đầu gối ngồi im. Chẳng ai nói tới anh ta suốt cả thời gian chúng tôi ăn trưa. Cô gái mang trả chúng tôi số tiền thừa từ bà già rồi trở lại chỗ ngồi của mình bên bàn. Chúng tôi để lại ít tiền bo rồi bước ra. Lúc hai đứa đã ngồi trong xe và chuẩn bị khởi hành, một cô gái bước ra đứng trấn bên cửa. Chúng tôi rời đi, tôi vẫy tay chào tạm biệt. Cô ta không đáp lại, chỉ đứng đấy nhìn theo.

SAU CÒN MƯA

Trời mưa lớn khi chúng tôi đi qua vùng ngoại ô xứ Genoa, chiếc xe bò rất chậm sau mấy chiếc xe điện, xe tải; bùn lỏng bắn tung tóe lên lề đường nhiều đến nỗi mọi người bước ra cửa nhìn khi thấy chúng tôi đi qua. Ở San

Pier d' Arena, vùng ngoại ô công nghiệp bên ngoài Genoa, con lộ mở rộng với hai làn đường, chúng tôi lái xe ra giữa đường để tránh vấy bùn vào những người đang trở về nhà từ nơi làm việc. Bên trái chúng tôi là Địa Trung Hải. Mặt biển bao la đang chuyển động, sóng tung bọt và gió mang hơi nước phả vào xe. Lòng sông rộng đầy đá cuội và khô ráo khi chúng tôi băng qua để vào đất Italy này đã chuyển thành dòng sông vàng nhờ, mệnh mông sắp tràn bờ. Dòng nước vàng ấy làm phai màu nước biển; khi những con sóng dồn đến, yếu dần rồi mất hẳn, ánh sáng chiếu qua làn nước màu vàng và, bọt sóng bị gió cuốn đi, đưa vào bờ, tràn qua con đường.

Một chiếc xe lớn rô ga vượt qua, dải nước bùn tung lên rơi trúng kính chắn gió và cả bộ tản nhiệt trên xe chúng tôi. Cái gạt nước tự động, gạt qua gạt lại chùi sạch chỗ bùn vấy lên kính. Chúng tôi dừng lại ăn trưa ở Sestri. Nhà hàng không có lò sưởi nên hai đứa mặc nguyên áo khoác và đội mũ. Qua cửa sổ, hai đứa có thể nhìn thấy chiếc xe đỗ bên ngoài. Chiếc xe bị bùn phủ đầy, đỗ cạnh mấy chiếc thuyền được kéo lên để tránh sóng. Trong nhà hàng, người ta có thể thấy luồng hơi thở của mình.

Món *pasta asciuta* (canh miến) thật ngon, nhưng rượu vang có vị phèn, chúng tôi pha thêm nước. Tiếp đó, người bồi mang ra món bít tết bò và món khoai tây rán. Một người đàn ông và một người đàn bà ngồi phía cuối nhà hàng. Ông ta ở vào độ tuổi trung niên, người đàn bà còn trẻ, vận đồ đen. Suốt cả bữa ăn, chị ta cứ thở mạnh vào bầu không khí lạnh, ẩm ướt. Người đàn ông ngồi nhìn và lắc đầu. Họ không trò chuyện khi ăn rồi người

dàn ông nắm tay chị ta ở dưới bàn. Chị ta trông xinh xắn, hai người có vẻ buồn. Họ mang theo một cái túi du lịch.

Chúng tôi mang báo theo, tôi đọc to bài tường thuật trận đánh ở Thượng Hải cho Guy nghe. Sau bữa ăn, Guy đi cùng người bồi tìm cái nơi mà không có trong nhà hàng, còn tôi thì dùng giẻ lau kính chắn gió, đèn và biển số. Guy quay lại, chúng tôi lùi xe ra rồi lên đường. Người bồi đã đưa Guy băng qua đường vào một ngôi nhà cũ. Người trong nhà tỏ vẻ nghi ngờ, còn anh bồi thì cứ đứng đấy trông chừng đồ đạc kẻ sợ Guy đánh cắp.

“Tao chẳng phải là kẻ cắp và dấu sao thì tao cũng chẳng biết đường ăn cắp mà họ lại cứ sợ tao thối mất cái gì đó”, Guy nói.

Khi chúng tôi leo lên đỉnh ngọn đồi bên ngoài thành phố, một cơn gió cuốn mạnh, suýt làm xe lật nhào.

“Nó có thể thổi phăng chúng ta xuống biển”, Guy nói.

“Ừ”, tôi đáp, “chúng làm Shelley chết đuối đầu đấy dọc đây thôi”.

“Ồ dưới kia, gần Viareggio cơ”, Guy nói. “Mày còn nhớ mục đích của bọn ta đến đây là để làm gì chứ?”

“Nhớ”, tôi trả lời, “nhưng bọn ta vẫn chưa làm được?”

“Tối nay bọn ta sẽ vượt qua nơi đó”.

“Nếu ta có thể đi quá Ventimiglia”.

“Ta sẽ thử xem. Tao không thích lái xe suốt đêm dọc bờ biển như thế này đâu”. Mới đầu giờ chiều nhưng mặt trời đã khuất hẳn. Bên dưới, biển xanh sẫm, nhấp nhô những con sóng bạc đầu nối đuôi nhau trườn về hướng Savona. Bên kia mũi đất, mặt nước đen sẫm nơi hai dòng

nước vàng và xanh hòa vào nhau. Tít đằng kia, một chiếc tàu chở hàng đang hướng mũi vào bờ.

“Bọn ta còn có thể nhìn thấy Genoa nữa không?” Guy hỏi.

“Ồ, thấy chứ”.

“Mỏm đất lớn kế tiếp hẳn sẽ che khuất Genoa?”

“Bọn ta sẽ còn thấy nó một lúc lâu nữa. Tao có thể trông rõ mỏm Portofino đằng sau nó”.

Lát sau, chúng tôi không nhìn thấy Genoa nữa. Tôi quay nhìn khi chúng tôi đi khuất thì chỉ thấy mặt biển, bên dưới, phía trong vịnh những chiếc thuyền câu được xếp thành hàng trên bờ, còn phía trên là thị trấn men theo sườn đồi và những mỏm đất từ bờ vươn dài ra.

“Giờ thì nó khuất hẳn rồi”, tôi nói.

“Ồ, nó đã khuất từ lâu rồi chứ”.

“Nhưng bọn ta không thể dám chắc cho đến lúc khuất hẳn”.

Có một biển hiệu mang hình chữ S và dòng chữ Svolta Pericolosa (có nghĩa: Đường vòng nguy hiểm). Con đường lượn quanh ngọn đồi, gió thổi qua khe hở của kính chắn gió. Phía dưới, mỏm đất bằng phẳng trải dọc theo biển. Gió thổi khô bùn, bánh xe bắt đầu tung bụi. Trên con đường bằng phẳng, chúng tôi vượt qua gã phát xít đang đi xe đạp, khẩu súng lục nặng, đút trong bao, đeo bên hông. Gã cứ đạp xe đi chính giữa đường, chúng tôi phải vòng xe tránh. Gã ngược mắt nhìn khi chúng tôi vượt qua. Phía trước là đường tàu cắt, khi chúng tôi đến, đường bị chắn lại.

Chúng tôi đợi, gã phát xít đạp xe đến. Tàu chạy qua, Guy khởi động xe.

“Đợi đã”, gã đi xe đạp hét từ phía sau. “Số xe các anh bị bắn”.

Tôi cầm giẻ lau bước ra. Biển số đã được chùi lúc trưa.

“Ông có thể đọc được”, tôi nói.

“Anh tưởng thế sao?”

“Thì cứ đọc đi”.

“Tôi không thể nào đọc được. Nó bị bắn”.

Tôi lấy giẻ chùi sạch.

“Giờ thì thế nào?”

“Hai mươi lăm lire”.

“Cái gì?” tôi hỏi. “Ông có thể đọc được nó cơ mà. Nó bắn chỉ tại tình trạng đường sá”.

“Các anh không thích đường sá Italy hả?”

“Nó bắn lắm”.

“Năm mươi lire”. Gã khạc nhổ lên đường. “Xe của các anh bắn và bản thân các anh cũng bắn thủ nốt”.

“Thôi được. Cho tôi xin giấy biên lai có tên ông”.

Gã móc cuốn biên lai, gồm những tờ giấy kép có đục lỗ để có thể xé một nửa đưa cho người nhận còn nửa kia được giữ lại như cuống phiếu. Chẳng cần có giấy các bon để ghi đúng tiêu chuẩn như yêu cầu của một tờ biên lai.

“Đưa tôi năm mươi lire”.

Gã viết bằng bút chì không thể tẩy, xé ra rồi đưa cho tôi. Tôi đọc.

“Biên lai chỉ viết hai mươi lăm lire”.

“Nhầm đấy”, gã nói, rồi chừa hai mươi lăm thành năm mươi.

“Còn nửa kia. Ghi đúng năm mươi lire vào phần giấy ông giữ”.

Gã nở một nụ cười Italy thật quyến rũ rồi viết gì đó lên cuống biên lai trong lúc che để tôi không thể nhìn thấy.

“Cứ đi đi”, gã nói. “Trước lúc biến số của các anh lại bản”.

Sau khi trời tối, chúng tôi đi thêm hai tiếng đồng hồ nữa rồi ngủ lại Menton. Thành phố dường như nhộn nhịp, sạch sẽ, vui vẻ và đáng yêu. Chúng tôi đã đi từ Ventiniglia qua Pisa đến Florence, vượt Romagna tới Rimini; rồi quay về theo lộ Forli, Imola, Bologna, Parma, Piacenza đến Genoa rồi lại về Ventiniglia. Toàn bộ hành trình chỉ mất có mười ngày. Thực ra, đây chỉ là một chuyến đi ngắn, chúng tôi không có cơ hội để tìm hiểu xem xứ ấy và con người của xứ ấy ra sao.

LÊ HUY BẮC dịch

NĂM MƯƠI NGÀN DOLLAR

“Mày sao rồi, Jack?” tôi hỏi hắn.

“Mày thấy gã Walcott này chưa?” hắn nói.

“Chỉ mới ở phòng tập”.

“Ô”, Jack nói, “tao sẽ cần nhiều may mắn với gã đó”.

“Nó không thể đâm được mày đâu, Jack”, Soldier nói.

“Giá mà hắn không thể”.

“Hắn không thể hạ mày bằng những cú móc nhẹ tênh như thế”.

“Cú móc nhẹ thì chẳng sao”, Jack nói. “Tao chẳng đếm xỉa đến những cú móc ấy tí nào”.

“Trông hắn dễ hạ đấy”, tôi nói.

“Hắn rồi”, Jack nói, “hắn sẽ chẳng trụ lâu nổi đâu. Hắn không dẻo dai như mày và tao, Jerry. Nhưng hiện tại, hắn có mọi thứ”.

“Mày đâm chết hắn bằng cú tay trái”.

“Có thể”, Jack đáp. “Có thể. Tao có cơ hội”.

“Quần hắn như mày đã quần Lid Lewis.”

“Kid Lewis”, Jack nói.

“Cái đồ Do Thái!”

Cả ba đứa, Jack Brennan, Soldier Barlett và tôi đang ngồi trong tiệm Hanley. Hai ả điếm ngồi cạnh bàn bọn tôi. Chúng đang uống.

“Mày ám chỉ gì với từ Do Thái ấy?” một đứa hỏi.

“Do Thái, mày nói vậy là có nghĩa gì hả cái đồ bị thối Ai Len kia?”

“Tất nhiên”, Jack nói. “Thế đấy”.

“Đồ Do Thái”, ả ấy vẫn tiếp tục nói. “Lũ bị thối Ai Len này luôn chì chiết người Do Thái. Mày nói, đồ Do Thái là có nghĩa gì vậy?”

“Biến. Bọn mình đi khỏi đây thôi”.

“Đồ Do Thái”, ả ấy vẫn tiếp tục. “Đã có ai từng thấy mày đái rệu người khác chưa? Mỗi buổi sáng, con vợ mày khêu hần hầu bao của mày lại. Quân Ai Len này và cả đám Do Thái của chúng mày thật là! Giá mà Ted Lewis tấn cho mày một trận”.

“Đương nhiên”, Jack nói. “Còn mày thì luôn cho không mọi thứ có phải không?”

Bọn tôi bước ra. Jack ấy mà, hần có thể nói bất kỳ thứ ngôn ngữ nào nếu hần muốn.

Sau đó, Jack tập luyện tại trại của Danny Hogan ở Jersey. Nơi ấy thật dễ chịu nhưng Jack không thích lắm. Hầu hết thời gian, Jack bực bội và cáu kỉnh bởi hần không muốn sống xa vợ con. Hần thích tôi bởi từ lâu hai đứa đã là bạn của nhau; hần thích Hogan, còn Soldier Bartlett thì thỉnh thoảng làm hần cáu. Một người ưa châm chọc sẽ trở thành cái gai ở trại một khi hần quá trớn. Soldier thường xuyên trêu Jack. Lúc nào hần cũng có thể đùa. Như thế, với Jack nó không còn là chuyện đùa và chẳng còn hay hóm

gì nữa. Kiểu đùa tựa như: Lúc Jack ngừng tập tạ, đám bao rồi đeo găng vào.

“Mày muốn vượt chứ?” hắn đề nghị Soldier.

“Chắc rồi. Mày muốn tao đấu thế nào đây?” Soldier hỏi. “Muốn tao tấn như mày ra như Walcott hả? Muốn tao cho mày nốc ao vài bận chứ gì?”

“Được rồi”, Jack đáp. Nhưng hắn chẳng thích tí nào.

Sáng nọ cả bọn ra đường. Bọn tôi chạy khá xa rồi quay lại. Bọn tôi cứ chạy nhanh trong vòng ba phút, đi chậm một phút rồi lại chạy nhanh ba phút. Jack không phải là típ người mà bạn có thể gọi là người chạy nước rút. Nhưng lúc thượng đài, vào thế bắt buộc thì hắn lại có khả năng di chuyển rất nhanh, còn trên đường thì hắn không thể chạy nhanh được. Hễ lúc nào bọn tôi đi chậm thì Soldier trêu hắn. Bọn tôi đi lên ngọn đồi, về trại.

“Này”, Jack nói, “tốt hơn là mày trở về thành phố đi, Soldier”.

“Mày muốn nói gì vậy?”

“Mày quay lại thành phố và ở đó thì tốt hơn”.

“Chuyện gì vậy?”

“Tao phát ngáy khi nghe mày nói”.

“Thật sao?” Soldier nói.

“Thật”, Jack đáp.

“Mày sẽ ngáy hơn nữa một khi bị Walcott hạ”.

“Đúng thế”, Jack nói, “Có thể tao sẽ. Nhưng tao biết mình đang phát ốm vì mày”.

Thế là sáng hôm ấy, Soldier đáp tàu lửa về thành phố. Tôi tiễn hắn lên tàu. Hắn tử tế và tỏ vẻ buồn.

“Tao chỉ đùa chơi thôi”, hắn nói. Bọn tôi đang đợi trên sân ga. “Hắn không thể xử sự như thế với tao, Jerry”.

“Hắn căng thẳng và cầu khẩn”, tôi nói. “Hắn là đứa tốt đấy, Soldier”.

“Đồ khốn nạn thì có. Mẹ kiếp, hắn chưa bao giờ là đứa tốt”.

“Thôi”, tôi nói, “tạm biệt Soldier”.

Tàu đã đến. Hắn mang túi xách leo lên.

“Tạm biệt Jerry”, hắn nói. “Mày sẽ đến thành phố trước trận đấu chứ?”

“Tao không nghĩ thế”.

“Tạm biệt”.

Hắn vào toa, người soát vé phát tay, tàu chuyển bánh. Tôi trở lại trại bằng xe ngựa. Jack ngồi ngoài hiên viết thư cho vợ. Bưu phẩm tối, tôi nhặt mấy tờ báo mang đến đầu hiên đằng kia đọc. Hogan bước ra cửa, đi về phía tôi.

“Hắn cãi nhau với Soldier à?”

“Không phải cãi”, tôi đáp. “Hắn chỉ bảo anh ta quay về thành phố”.

“Tao đã đoán trước chuyện này”, Hogan nói. “Hắn chẳng ưa gì Soldier lắm”.

“Đúng. Hắn không ưa nhiều người”.

“Hắn là người khá lạnh lùng”, Hogan nói.

“Ừ. Hắn chỉ luôn tử tế với tao”.

“Cả tao nữa”, Hogan nói. “Tao chẳng hề trêu hắn. Nhưng dẫu sao thì hắn cũng là kẻ lạnh lùng”.

Hogan bước qua rèm cửa, tôi ngồi xuống hiên đọc báo. Đã chớm thu, cả miền quê Jersey tươi đẹp trải dài đến tận những ngọn đồi, đọc xong tờ báo, tôi ngồi ngắm miền quê và con đường men theo bìa rừng bên dưới nơi xe cộ qua lại, tung bụi mù. Thời tiết thật đẹp, cả vùng quê trông thực

tuyệt vời. Hogan ra cửa, tôi nói, “Hogan này, ở đây có gì dễ sẵn không?”

“Không”, Hogan đáp. “Chỉ có chim sẻ thôi”.

“Đã đọc báo chưa?” tôi hỏi Hogan.

“Có tin gì vậy?”

“Hôm qua Sande thắng ba trận”.

“Tôi qua tao đã nhận được tin đó qua điện thoại”.

“Mày theo dõi chúng sát sao nhỉ, Hogan?” tôi hỏi.

“Ồ, tao luôn theo sát chúng”, Hogan đáp.

“Còn Jack thì sao?” tôi nói. “Hắn vẫn đánh chứ?”

“Hắn ấy hả?” Hogan nói. “Mày thấy hắn đang chơi à?”

Ngay lúc ấy, Jack cầm bức thư bước qua góc nhà. Hắn vận áo thun, quần cộc và đi giày dấm bốc đã cũ.

“Có tem không, Hogan?” hắn hỏi,

“Đưa thư đây”, Hogan nói. “Tao sẽ gửi giùm cho”.

“Này Jack”, tôi nói. “Mày thường đánh cá ngựa phải không?”

“Đúng đấy”.

“Tao biết mày chơi. Tao nhớ đã thường gặp mày tại Sheepshead”.

“Sao mày không chơi nữa?” Hogan hỏi.

“Mất tiền”.

Jack ngồi xuống cạnh tôi trên hiên. Hắn tựa lưng vào cột. Trong ánh nắng, hắn nhắm mắt lại.

“Ngồi ghế không?” Hogan hỏi.

“Không”, Jack đáp. “Thế này thoải mái rồi”.

“Một ngày tuyệt đẹp”, tôi nói. “Miễn quê thật tuyệt vời”.

“Tao muốn ở lại thành phố với vợ hơn”.

“Ồ, mày chỉ còn mỗi một tuần nữa”.

“Ừ,” Jack nói. “Thế đấy”.

Bọn tôi ngồi ngoài hiên. Hogan vào văn phòng.

“Mày nghĩ gì về phong độ của tao?” Jack hỏi tôi.

“Ừ, khó nói đấy”, tôi đáp. “Mày còn một tuần để lấy lại phong độ”.

“Đừng quanh co nữa”.

“Ừ”, tôi nói, “Mày không được khỏe”.

“Tao mất ngủ”, Jack nói.

“Vài hôm nữa mày sẽ ngủ được”.

“Không”, Jack nói, “Tao bị bệnh mất ngủ”.

“Mày vương vấn gì trong đầu vậy?”

“Tao nhớ vợ”.

“Gọi cô ấy đến”.

“Không. Tao quá già với chuyện ấy”,

“Bọn mình sẽ dạo quanh trước lúc mày đi ngủ để cơ thể mệt mỏi và thần kinh thư giãn”.

“Mệt mỏi ư?” Jack nói. “Lúc nào tao cũng mệt mỏi”.

Hắn sống trong trạng thái ấy suốt cả tuần nay. Buổi tối, hắn không ngủ được nên lúc ra khỏi giường vào sáng hôm sau, hắn có cảm giác ấy, bạn biết đó, cảm giác sẽ xuất hiện khi bạn không tự chủ được.

“Hắn nhăn nhó như thể ngọam phải miếng bánh ôi”, Hogan nói. “Hắn chẳng còn gì”.

“Tao chưa bao giờ gặp Walcott”, tôi nói.

“Nó sẽ giết hắn”, Hogan nói. “Nó sẽ xé xác Jack ra làm hai mảnh”.

“Ừ”, tôi nói, “trong đời ai rồi cũng sẽ gặp chuyện đó”.

“Dẫu sao thì không giống trường hợp này”, Hogan nói. “Họ sẽ nghĩ là hắn đã không được tập luyện. Điều đó gây tai tiếng cho trại”.

“Mày có nghe cánh nhà báo bình luận gì về hấn?”

“Lại còn nghe nữa! Họ bảo hấn mất phong độ. Họ bảo lẽ ra ban tổ chức không nên cho hấn đấu”.

“Ồ”, tôi nói, “bọn chúng thì thường nói sai có phải không?”

“Phải”, Hogan đáp. “Nhưng lần này thì họ đúng”.

“Làm cái quái nào mà chúng biết được một người còn phong độ hay mất”.

“Này”, Hogan nói, “Họ chẳng phải là lũ gốc cả đâu”.

“Những gì chúng làm là chế giễu Willard ở Toledo. Cái gã Lardner ấy mà, giờ thì hấn đã sáng mắt ra rồi, hãy hỏi hấn về việc giễu Lardner ở Toledo”.

“Ồ, hấn chẳng đến đâu”, Hogan nói. “Hấn chỉ viết về những trận đấu lớn”.

“Tao không quan tâm chúng là ai”, tôi nói. “Chúng biết quái gì? Chúng có thể bình luận, được thôi, nhưng chúng biết cái cóc xái gì?”

“Mày không cho là Jack còn phong độ phải không?” Hogan hỏi.

“Không. Hấn chỉ chán nản. Trạng thái ấy sẽ hết khi Corbett chọn hấn, hấn chỉ cần thế”.

“Ừ, Corbett sẽ chọn hấn”, Hogan nói.

“Là cái chắc. Lão ta sẽ chọn hấn”.

Tối hôm đó, Jack chẳng chợp mắt được tí nào. Hôm sau là ngày cuối cùng trước lúc trận đấu diễn ra. Ăn sáng xong, bọn tôi lại ra hiên.

“Khi không ngủ được mày nghĩ về chuyện gì hả Jack?” Tôi hỏi.

“Ồ, tao sợ”, Jack đáp. “Tao lo về khoản tài sản tao có ở Bronx, tao lo về tài khoản ở Florida. Tao lo cho bọn trẻ. Tao

lo về vợ. Đôi khi tao nghĩ về các trận đấu. Tao nghĩ về gã Do Thái Ted Lewis rồi tao thấy nhức nhối. Tao có vài cổ phần và tao lo về chúng. Tao chẳng còn biết nghĩ về cái quái nào khác”.

“Ừ,” tôi bảo, “tôi mai mọi chuyện sẽ chấm dứt”.

“Di nhiên”, Jack nói. “Ý nghĩ đó sẽ hữu ích nhiều phải không? Tao nghĩ nó sẽ làm dịu đi mọi chuyện. Đúng rồi”.

Hắn uể oải suốt cả ngày. Bọn tôi chẳng làm gì. Jack chỉ chạy vài vòng để thư giãn. Hắn đâm vài hiệp trước gương. Trông hắn chẳng hào hứng gì ngay cả khi thực hiện các động tác đó. Hắn nhảy dây một lát. Hắn không thể đổ mồ hôi.

“Tốt hơn là hắn đừng làm gì cả”, Hogan nói. Bọn tôi đang đứng nhìn hắn nhảy dây. “Hắn không đổ một tí mồ hôi nào nữa sao?”

“Hắn không thể ra mồ hôi”.

“Mày có nghĩ hắn đang giở trò gì đây chẳng? Hắn chẳng hề gặp rắc rối với số cân phải không?”

“Không, hắn chẳng hề giở bất kỳ mảnh lối nào. Hắn chỉ chẳng còn bụng dạ tập tành gì nữa thôi”.

“Hắn cần phải ra mồ hôi”, Hogan nói.

Jack vừa nhảy dây vượt qua. Hắn đang nhảy trước mặt bọn tôi, tiến tới rồi lùi lại, cứ ba bước nhảy, hắn lại chéo cánh tay.

“Này”, hắn nói. “Bọn mày đang nói chuyện gì đó?”

“Tao nghĩ mày đừng nên tập nữa”, Hogan nói. “Mày sẽ bị mệt đấy”.

“Bất lợi phải không?” Jack nói và nhảy qua, sợi dây đập mạnh xuống sàn.

Chiều hôm ấy, John Collins đến trại. Jack đang ở trong phòng. Chiếc xe từ thành phố đưa John đến. Hấn có mấy gã bạn đi cùng. Xe dừng lại, chúng bước ra.

“Jack đâu?” John hỏi tôi.

“Đang nằm trên phòng”.

“Nằm sao?”

“Ừ”, tôi đáp.

“Hấn thế nào?”

Tôi nhìn hai gã đi với John.

“Chúng là bạn hấn”, John nói.

“Hấn hơi kém”, tôi nói.

“Chuyện gì vậy?”

“Hấn không ngủ được”.

“Trời đất”, John nói. “Thằng Ai Len đó có thể không cần ngủ”.

“Hấn kém phong độ”, tôi nói.

“Ồi dào”, John nói. “Hấn chưa hề khỏe. Suốt mười năm làm việc với hấn tao chẳng hề thấy hấn khỏe bao giờ”.

Hai gã đi cùng hấn cười vang.

“Giới thiệu với anh đây là ông Morgan và ông Steinfelt”, John nói. “Còn đây là ông Doyle, người đang huấn luyện Jack”.

“Hân hạnh được làm quen”, tôi nói.

“Bọn ta lên gặp hấn đi”, gã tên Morgan nói.

“Chúng ta thăm hấn xem”, Steinfelt nói.

Cả đoàn lên gác:

“Hogan đâu?” John hỏi.

“Trong phòng tập với hai khách hàng của hấn”, tôi đáp.

“Đạo này có nhiều người tập ở đây không?” John hỏi.

“Chỉ hai đứa”.

“Khá yên tĩnh chứ nhỉ?” Morgan nói.

“Ừ”, tôi đáp. “Trại khá yên tĩnh”.

Chúng tôi đứng bên ngoài phòng Jack. John gõ cửa. Không có tiếng trả lời.

“Có lẽ hấn ngủ”, tôi nói.

“Hấn ngủ ngày làm cái quái gì cơ chứ?”

John vặn nắm đấm, cả bọn đi vào. Jack đang nằm ngủ trên giường. Hấn nằm sấp, mặt vùi trong gối. Hai cánh tay choàng qua gối.

“Này Jack!” John gọi.

Đầu Jack hơi nhúc nhích trên gối.

“Jack!” John cúi người xuống gọi.

Jack vùi sâu đầu vào gối. John sờ vai hấn. Jack ngồi dậy nhìn bọn tôi. Râu hấn không cạo, trên người vẫn chiếc áo thun cũ.

“Lạy chúa! Sao bọn mày không để tao ngủ?” hấn bảo John.

“Đừng nóng”, John nói. “Chẳng phải vô cố mà tao thức mày dậy”.

“Ồ không”, Jack nói. “Dĩ nhiên là không”.

“Mày biết Morgan và Steinfeld”, John nói.

“Hân hạnh được làm quen”, Jack nói.

“Mày cảm thấy thế nào hả Jack?” Morgan hỏi.

“Ồn”, Jack đáp. “Trông tao tệ lắm sao?”

“Trông mày khỏe đấy”, Steinfeld nói.

“Ừ, đúng thế”, Jack nói. “Này”, hấn gọi John. “Mày là ông bầu của tao. Mày đã vớ bẫm. Tại sao mày không lộ mặt

đến đây khi bọn nhà báo đến? Mà muốn Jerry và tao nói chuyện với chúng sao?”

“Tao kẹt Lew đấu ở Philadelphia”, John nói.

“Việc đó quan hệ quái gì đến tao?” Jack nói. “Mày là ông bầu của tao. Mày đã vớ bẫm phải không? Mày chẳng kiếm cho tao một xu nào ở Philadelphia có phải không? Tại sao mày không ló mặt ở đây lúc tao cần mày?”

“Có Hogan rồi”.

“Hogan”, Jack nói. “Hogan cũng dần như tao”.

“Thỉnh thoảng Soldier Batlett đến đây đấu tập với mày chứ?” Steinfeld nói để đổi đề tài.

“Ừ, hần có đến”, Jack đáp. “Đúng là hần đã đến đây”.

“Này, Jerry”, John gọi tôi. “Mày vui lòng đi tìm Hogan và bảo hần bọn tao cần gặp hần sau nửa tiếng nữa được chứ?”

“Được tôi đáp”.

“Tại sao hần không ở lại đây?” Jack nói. “Ở lại đây, Jerry”.

Morgan và Steinfeld nhìn nhau.

“Bình tĩnh nào, Jack”, John bảo hần.

“Tốt hơn là để tao đi tìm Hogan”, tôi nói.

“Nếu mày muốn đi thì chẳng sao”, Jack nói. “Nhưng đích thẳng nào có quyền bắt mày phải đi cả”.

“Tao sẽ đi tìm Hogan”, tôi nói.

Hogan ở trong phòng thể dục của nhà tập. Hai võ sinh của hần đang đeo găng. Chẳng đứa nào dám đâm bởi sợ phải nhận cú đòn đâm trả.

“Thế nhé”, Hogan nói khi thấy tôi bước vào. “Các anh có thể nghỉ, đi tắm rồi Bruce sẽ xoa bóp”.

Chúng leo qua dây thừng, Hogan đi về phía tôi.

“John Collins đưa hai gã bạn đến gặp Jack”, tôi nói.

“Tao thấy chúng trong xe”.

“Hai gã đi với John là ai vậy?”

“Chúng là hạng mà mày có thể gọi là những thằng lọc lõi”, Hogan nói. “Mày không biết hai đứa đó à?”

“Không”, tôi đáp.

“Đấy là Happy Steinfeld và Lew Morgan. Chúng có một trung tâm cá độ”.

“Tao đã đi vắng khá lâu”, tôi nói.

“Hèn chi”, Hogan nói. Thằng Happy Steinfeld là kẻ cá độ thứ thiệt”.

“Tao mới nghe tên hần”, tôi nói.

“Hần là đứa thủ đoạn”, Hogan nói. “Cả hai hợp thành một cặp ranh ma lắm”.

“Thảo nào”, tôi nói. “Họ muốn gặp bọn mình sau nửa tiếng nữa”.

“Mày bảo là chúng không gặp ta trong vòng nửa giờ nữa à?”

“Thế đấy”.

“Ta vào văn phòng đi”, Hogan nói. “Mặc thầy mấy thằng xô lá ấy”.

Chừng ba mươi phút sau, Hogan và tôi lên gác. Bọn tôi gõ cửa phòng Jack. Chúng đang nói chuyện bên trong.

“Đợi một lát”, ai đó nói.

“Vứt mẹ cái việc ấy đi”, Hogan nói. “Khi nào bọn mày cần gặp, tao ở văn phòng”.

Bọn tôi nghe tiếng khóa xoay. Steinfeld mở cửa.

“Vào đi, Hogan”, hần mời. “Bọn mình sẽ uống một chầu”.

“Ừ”, Hogan nói. “Được đấy”.

Bọn tôi vào. Jack đang ngồi yên trên giường. John và Morgan ngồi trên hai chiếc ghế. Steinfeld đứng.

“Chào những con người đầy bí mật,” Hogan nói.

“Xin chào Danny”, Morgan nói và bắt tay.

Jack không mở miệng. Hắn ngồi yên trên giường. Hắn xa lạ với mấy gã đó. Hắn cô độc. Hắn đã vận quần dài, áo len màu xanh cũ, chân đi giày da đen bết. Hắn cần phải cạo râu. Steinfeld và Morgan ăn vận diêm dúa. John cũng khá bảnh bao. Jack ngồi đó, trông rất Ai Len và bút rút.

Steinfeld lấy chai rượu ra, Hogan tìm ly rồi cả bọn cùng uống. Jack và tôi chỉ uống một ly, Jack không nhấp thêm tí nào nữa. Hắn đứng dậy, nhìn bọn chúng. Morgan ngồi xuống giường, chỗ Jack vừa đứng lên.

“Thêm ly nữa, Jack”, John nói rồi đưa hắn chai rượu và cái ly.

“Không,” Jack nói, “Tao không hề có ý noi gương bọn mày”.

Cả bọn cùng cười. Jack không cười.

Bọn chúng vui vẻ khi chia tay. Jack đứng ngoài hiên lúc cả bọn lên xe. Chúng vẫy tay chào hắn.

“Tạm biệt”, Jack nói.

Chúng tôi ăn bữa ăn muộn. Suốt bữa Jack chẳng nói gì ngoại trừ, “Chuyển hộ tao cái này” hay “Đưa giùm tao cái kia”. Hai võ sinh của trại ngồi ăn cùng bàn với chúng tôi. Chúng rất ngoan. Ăn xong bọn tôi ra hiên. Trời chóng tối.

“Muốn đi dạo không Jerry?” Jack hỏi.

“Đi”, tôi đáp.

Bọn tôi mặc áo khoác, bước ra. Chặng đường nối với con lộ chính khá dài, lúc đến lộ, bọn tôi đi thêm một dặm

rượu nữa. Nhiều chiếc xe chạy qua, bọn tôi phải tránh lên lề đợi chúng. Jack không nói lời nào. Mãi đến khi bước vào lùm cây để tránh chiếc xe tải lớn, Jack nói, “Vút mẹ cái cuộc đi dạo này. Về trại Hogan thôi”.

Bọn tôi men theo con đường đi tắt qua ngọn đồi, băng qua cánh đồng về trại Hogan. Bọn tôi có thể nhìn thấy ánh đèn của khu trại trên đồi. Hai đứa vòng ra phía trước, Hogan đang đứng trên ngưỡng cửa.

“Dạo chơi thoải mái chứ?” Hogan hỏi.

“Ồ, tốt”, Jack đáp. “Này, Hogan. Có rượu không?”

“Có”, Hogan đáp. “Uống hả?”

“Đưa lên phòng”, Jack nói. “Tối nay tao sẽ ngủ”.

“Mày là bác sĩ chắc”, Hogan nói.

“Lên phòng tao nghe Jerry”, Jack nói.

Đến phòng, Jack ôm đầu ngồi xuống giường.

“Đời chó má thật!” Jack nói.

Hogan mang một chai lít với hai cái ly vào.

“Có muốn uống *ginger ale*⁽¹⁾ không?”

“Mày nghĩ gì đấy, tao ốm à?”

“Tao chỉ thử đề nghị thôi”.

“Uống chứ?” Jack mời.

“Không, cảm ơn”, Hogan đáp. Hắn bước ra.

“Mày uống không Jerry?”

“Tao sẽ uống với mày một ly”, tôi đáp.

Jack rót ra hai ly. “Xin mời”, hắn nói, “tao muốn uống từ từ thôi”.

“Pha thêm ít nước vào”, tôi nói.

(1) Nước gừng.

“Ừ”, Jack nói. “Tao nghĩ như thế ngon hơn”.

Bọn tôi uống cạn hai ly rượu, không chuyện trò, Jack sắp rót ly nữa cho tôi.

“Đừng”, tôi nói, “tao chỉ uống chừng ấy”.

“Thôi được”, Jack nói. Hắn rót cho mình một ly đầy, pha thêm nước. Hắn vui lên một chút.

“Lũ hồi chiều đến đây khá đấy”, hắn nói. “Chúng chẳng dám liều, hai cái thằng đồ”.

Rồi lát sau, “Ừ”, hắn nói, “chúng đúng. Tốt lành cái gì khi mạo hiểm?”

“Mày không muốn uống thêm nữa sao Jerry?” hắn hỏi. “Lại đây uống với tao”.

“Tao chẳng muốn uống, Jack”, tôi nói. “Tao cảm thấy đủ rồi”.

“Chỉ một cốc nữa thôi mà,” Jack nói. Rượu đang làm hắn dịu đi.

“Thôi được”, tôi nói.

Jack rót cho tôi một ly và ly nữa cho hắn.

“Mày biết không”, hắn nói, “Tao rất thích uống. Nếu tao không đắm bốt thì hắn đã túy lúy suốt ngày”.

“Chắc thế”, tôi nói.

“Mày biết đấy”, hắn nói. “Tao đã mất nhiều thú, chỉ còn đắm bốt”.

“Mày kiếm được nhiều tiền”.

“Đương nhiên. Đấy là điều tao theo đuổi. Mày thấy đấy, tao mất nhiều thú Jerry à.”

“Mày muốn nói gì vậy?”

“Ừ”, hắn nói, “Chẳng hạn như vợ. Và cảnh sống xa gia đình quá nhiều. Nó chẳng tốt lành gì với các con gái tao.

“Bố em là ai?” mấy thằng ranh sẽ hỏi đúng như thế, “Bố em là Jack Brennan”. Cái tên đó chẳng mang lại điều gì tốt lành cho chúng.”

“Mặc kiếp”, tôi nói. “Chẳng hề hấn gì đâu nếu chúng có tiền”.

“Ừ”, Jack nói, “tao đã để dành tiền cho chúng”.

Hắn rót thêm ly nữa. Chai rượu gần cạn.

“Cho thêm nước vào”, tôi nói. Jack rót vào ít nước.

“Mày biết đấy”, hắn nói, “mày chẳng thể nào hiểu nổi cảm giác nhớ vợ của tao”.

“Đương nhiên”.

“Mày không thể hiểu. Mày chẳng thể nào có được cảm giác như thế”.

“Hóa ra ở vùng quê thì lại tốt hơn là ở thành phố”.

“Bây giờ với tao”, Jack nói, “sống ở đâu cũng chẳng có gì khác. Mày không thể hình dung nổi nó như thế nào đâu”.

“Uống nữa đi”.

“Tao đang say à? Tao nói năng có buồn cười không?”

“Mày vẫn tỉnh đấy”.

“Mày chẳng thể hình dung được nó như thế nào đâu. Chẳng một ai có thể hình dung nổi nó đâu”.

“Ngoại trừ vợ mày”, tôi nói.

“Cô ấy biết”, Jack nói. “Cô ấy biết rõ. Cô ấy biết. Mày biết cô ấy biết”.

“Cho thêm nước vào đi”, tôi nói.

“Jerry”, Jack nói, “mày chẳng tưởng tượng nổi nó sẽ như thế nào đâu?”

Hắn đã say và rất thành thật. Hắn đang chăm chăm nhìn tôi. Mắt hắn không chớp.

“Mày sẽ ngủ ngon”, tôi nói.

“Nghe này, Jerry”, Jack nói. “Mày muốn kiếm tiền không? Mày đặt cược vào Walcott.”

“Cái gì?”

“Nghe này, Jerry”, Jack đặt ly xuống. “Giờ thì tao không say đâu, hiểu chứ? Mày biết tao đặt cược vào hán bao nhiêu không? Năm mươi ngàn dollar”.

“Số tiền lớn đấy”.

“Năm mươi ngàn”, Jack nói, “với hai ăn một. Tao sẽ có được hai mươi lăm ngàn đô. Hãy cược tiền vào hán, Jerry”.

“Nghe hấp dẫn đấy”, tôi nói.

“Tao làm sao thắng được nó chứ?” Jack nói. “Đâu phải chuyện đùa. Làm sao tao hạ được nó? Vậy thì sao không đặt tiền vào đó?”

“Thêm nước vào”, tôi nói.

“Sau trận này tao sẽ giải nghệ”, Jack nói. “Tao đã phát ngáy với nó. Tao phải chịu một trận. Sao tao lại không đặt tiền vào đấy?”

“Tất nhiên”.

“Cả tuần nay tao không ngủ được”, Jack nói. “Suốt đêm tao mở mắt nằm lo về trách nhiệm của mình. Tao không thể ngủ, Jerry. Mày chẳng thể hình dung nỗi cảm giác như thế nào khi người ta không thể ngủ.”

“Chắc thế”.

“Tao chẳng thể ngủ. Thế đấy. Tao chỉ không ngủ được. Khi người ta không thể ngủ được thì việc giữ gìn sức khỏe suốt bao tháng năm ròng phổng có ích lợi gì?”

“Tệ thật”.

“Mày chẳng thể hình dung nó ra sao đâu, Jerry, một khi người ta không thể ngủ”.

“Cho thêm nước vào”, tôi nói.

Đến khoảng mười một giờ, Jack say mèm, tôi đặt hấn lên giường. Rốt cuộc thì lúc say hấn không thể cưỡng lại cơn buồn ngủ. Tôi giúp cởi áo quần, đỡ hấn nằm xuống.

“Mày sẽ ngủ ngon đó Jack”, tôi nói.

“Chắc thế”, Jack đáp, “tao ngủ ngay đây”.

“Tạm biệt Jack”, tôi nói.

“Tạm biệt Jerry”, Jack nói. “Mày là thằng bạn duy nhất của tao”.

“Thôi ngủ đi”, tôi nói.

“Mày là thằng bạn duy nhất của tao”, Jack nói, “tao chỉ có mỗi mình mày”.

“Ngủ đi”, tôi bảo.

“Tao sẽ ngủ”, Jack đáp.

Hogan ngồi đọc báo bên bàn trong văn phòng ở tầng dưới. Hấn ngẩng đầu lên. “Thế nào, thằng bạn mày đã ngủ chưa?”, hấn hỏi.

“Ngủ rồi”.

“Như vậy thì tốt cho hấn hơn là không ngủ được”, Hogan nói.

“Đúng thế”.

“Dẫu sao thì mày cũng đã mất thì giờ giải thích chuyện ấy cho cánh nhà báo”, Hogan nói.

“Ừ, tao đi ngủ đây”, tôi nói.

“Tạm biệt”, Hogan nói.

Khoảng tám giờ sáng hôm sau, tôi xuống ăn sáng. Hogan và hai võ sinh của hấn đang tập thể dục trong phòng. Tôi đến xem.

“Một! Hai! Ba! Bốn!” Hogan đang đếm cho chúng. “Chào Jerry”, hấn nói. “Jack dậy chưa?”

“Chưa. Hấn hãy còn ngủ”.

Tôi trở lên phòng thu xếp đồ đạc chuẩn bị về thành phố. Khoảng chín giờ ba mươi, tôi nghe Jack thức dậy ở phòng bên cạnh. Khi nghe hấn xuống cầu thang, tôi xuống theo. Jack ngồi vào bàn ăn điếm tâm. Hogan vào, đứng cạnh bàn.

“Mày cảm thấy thế nào, Jack?” tôi hỏi hấn.

“Không quá tệ”.

“Ngủ ngon chứ?” Hogan hỏi.

“Tao ngủ bí tí”, Jack đáp. “Lưỡi tao bị rộp nhưng không đau đâu”.

“Tốt,” Hogan nói. “Rượu ấy cực kỳ đấy”.

“Ghi cả vào hóa đơn”, Jack bảo.

“Bọn mày về thành phố vào lúc mấy giờ?” Hogan hỏi.

“Trước bữa trưa”, Jack đáp. “Chuyến tàu mười một giờ”.

“Ngồi xuống đi, Jerry”, Jack nói. Hogan đi ra.

Tôi ngồi xuống bàn, Jack đang ăn buổi. Khi gặp hạt, hấn nhả ra thìa rồi gạt vào đĩa.

“Tối qua tao say quá phải không?” hấn bắt đầu.

“Mày uống nhiều rượu”.

“Tao chắc đã nói nhiều điều ngớ ngẩn”.

“Mày chưa say lắm”.

“Hogan đâu?” hấn hỏi. Hấn đã chán món buổi.

“Hấn ở văn phòng phía trước”.

“Tao có nói gì về chuyện cá độ trong trận đấu không?” Jack hỏi. Hấn đang cầm cái muỗng chọc chọc vào quả buổi.

Cô giúp việc mang trứng và giấm bông vào rồi bưng đĩa buổi đi.

“Cho tôi ly sữa nữa”, Jack bảo cô ta. Cô bước ra.

“Mày bảo mày cược năm mươi ngàn dollar vào Walcott”, tôi nói.

“Đúng đấy”, Jack nói.

“Một món tiền lớn”.

“Tao không cảm thấy hoàn toàn yên tâm về nó”, Jack nói.

“Vẫn có thể xảy ra chuyện gì đó”.

“Không”, Jack nói. “Hắn điên lên vì danh vọng. Họ sẽ thu xếp cho hắn được”.

“Mày không thể nói trước được đâu”.

“Được chứ. Hắn khao khát cái danh. Với hắn đấy là cả gia tài lớn”.

“Năm mươi ngàn dollar là khoản tiền lớn”, tôi nói.

“Một phi vụ làm ăn”, Jack nói. “Tao chẳng thể thắng. Dầu sao cũng không có khả năng giành chiến thắng”.

“Nếu mày đấu được, mày còn cơ hội”.

“Không”, Jack nói. “Tao hết thời rồi. Bây giờ chỉ còn chuyện kiếm chác”.

“Mày cảm thấy thế nào”.

“Khá tốt”, Jack đáp. “Một giấc ngủ là những gì tao cần”.

“Có thể mày sẽ đấu tốt đấy”.

“Tao sẽ trình diễn cho khán giả một trận ngoạn mục”, Jack nói.

Ăn sáng xong, Jack gọi điện đường dài cho vợ. Hắn đang ở trong buồng điện thoại.

“Kể từ lúc đến đây, đây là lần đầu tiên hắn gọi cho vợ”, Hogan nói.

“Hắn viết thư cho cô ấy mỗi ngày”.

“Dĩ nhiên”, Hogan nói, “gửi thư chỉ mất có hai xu”.

Hogan chào tạm biệt bọn tôi lúc Bruce – tay da đen xoa bóp – đưa chúng tôi đến ga bằng xe ngựa.

“Tạm biệt ông Brennan”, Bruce nói trên sân ga. “Tôi rất hi vọng ông sẽ quật ngã thằng cha đó”.

“Tạm biệt”, Jack nói. Hắn đưa Bruce hai dollar. Bruce đã vất vả nhiều với hắn. Anh ta lộ vẻ thất vọng. Jack thấy tôi nhìn Bruce cầm tờ hai dollar.

“Hóa đơn đã tính cả rồi”, hắn nói. “Hogan tính luôn tiền xoa bóp”.

Jack im lặng trên đoạn đường về thành phố. Hắn ngồi thu người trong góc ghế. Vé đút vào dây băng mũ, mắt nhìn qua cửa sổ. Chỉ duy nhất một lần hắn nói với tôi.

“Tao bảo vợ, tối nay tao thuê phòng ở Shelby”, hắn nói. “Nó chỉ cách Garden một góc phố. Sáng mai tao có thể đi thẳng về nhà”.

“Tính vậy đúng đó”, tôi nói. “Vợ mày chưa bao giờ xem mày đấu phải không Jack?”

“Chưa”, Jack đáp. “Cô ấy chẳng hề xem tao đấu”.

Nếu hắn không muốn trở về nhà ngay sau trận đấu, tôi nghĩ, thì hắn đang tính chuyện nhận một trận ra trò. Vào thành phố, bọn tôi đón taxi đến Shelby. Người phục vụ ra mang túi xách, chúng tôi đến bàn đăng ký.

“Giá phòng bao nhiêu?” Jack hỏi.

“Chúng tôi chỉ có phòng đôi”, người trực nói. “Tôi có thể dành cho các ông một phòng đôi xinh xắn giá mười dollar.

“Quá đắt”.

“Tôi có thể cho ông thuê một phòng đôi giá bảy dollar”.

“Có phòng tám chứ?”

“Dĩ nhiên”.

“Mày có thể ở với tao, Jerry”, Jack nói.

“Thôi”, tôi nói, “tao định ngủ ở nhà ông anh rể”.

“Tao không có ý bắt mày chia tiền đâu”, Jack nói. “Tao chỉ muốn tiêu cho đúng giá trị của đồng tiền”.

“Các ông sẽ ở chứ?” tay trực hỏi. Gã nhìn vào sổ đăng ký. “Phòng số 238, thưa ông Brennan”.

Bọn tôi lên bằng thang máy. Căn phòng đẹp, rộng, có hai giường và cửa thông sang phòng tắm.

“Nơi này được đấy”, Jack nói.

Tay bồi đưa bọn tôi lên, kéo rèm rồi mang hành lý vào. Jack đứng yên, thế là tôi trả cho anh ta hai lăm xu. Rửa ráy xong, Jack bảo tốt hơn là hai đứa nên ra phố ăn.

Bọn tôi ăn trưa tại tiệm Jimmy Hanley. Có nhiều người quen ở đó. Chúng tôi ăn được nửa bữa thì John vào ngồi cùng. Jack không nói nhiều.

“Số cân của mày sao rồi Jack?” John hỏi hần. Jack đang chén một bữa trưa ngon lành.

“Tao có thể mặc áo quần để cân”, Jack nói. Hần chẳng bao giờ phải lo vượt quá số cân. Bẩm sinh hần là võ sĩ hạng lông, hần chẳng bao giờ béo. Nhưng hần đã giảm cân lúc ở trại Hogan.

“Phải, đấy là điều mày chẳng bao giờ phải lo”, John nói.

“Đúng thế”, Jack nói.

Sau bữa trưa, bọn tôi đến Garden cân. Trận đấu sẽ diễn ra vào lúc ba giờ chiều với mức cân quy định là một

trăm bốn mươi bảy pound. Jack bước lên cân, cái khăn quấn quanh lưng. Cán cân không di chuyển. Walcott vừa mới cân xong và đang đứng giữa đám người vây quanh.

“Để tao xem số cân của mày Jack”, ông bầu của Walcott là Freedman nói.

“Được thôi, cân hấn sau”, Jack hát hàm về phía Walcott.

“Bỏ khăn ra”, Freedman nói.

“Bao nhiêu?” Jack hỏi mấy gã đang cân.

“Một trăm bốn mươi ba pound”, gã béo xem cân nói.

“Mày sọt ký đó Jack”, Freedman nói.

“Cân hấn đi”, Jack bảo.

Walcott bước đến. Mái tóc hấn màu vàng, vai rộng, cánh tay của đám võ sĩ hạng nặng. Chân hấn thấp. Jack cao hơn hấn nửa cái đầu.

“Chào Jack”, hấn nói. Mặt hấn nhiều sẹo.

“Xin chào”, Jack nói. “Khỏe chứ?”

“Khỏe”, Walcott đáp. Hấn bỏ chiếc khăn choàng quanh hông rồi đứng lên cân. Vai và lưng hấn được xếp vào loại rộng nhất mà người ta từng thấy.

“Một trăm bốn mươi sáu pound, mười hai ounce”.

Walcott bước xuống ngạo nghễ cười với Jack.

“Này”, John bảo hấn. “Jack sẽ chấp mày chừng bốn pound”.

“Anh bạn, số cân sẽ tăng thêm khi tôi quay lại”, Walcott nói. “Bây giờ tôi đi ăn đây”.

Bọn tôi quay lại, Jack vận đồ. “Hấn khá nóng nảy đấy”, Jack bảo tôi.

“Trông hấn như thể đã bị tấn nhiều lần rồi”.

“Ừ, đúng đấy”, Jack nói. “Hắn không khó đâm đâu”.

“Mày định đi đâu?” John hỏi lúc Jack vận xong áo quần.

“Về khách sạn”, Jack đáp. “Mày thu xếp mọi thứ xong cả rồi chứ?”

“Rồi”, John đáp. “Mọi thứ đã xong”.

“Tao sẽ đi nằm một lát”, Jack nói.

“Tao sẽ đến phòng mày vào khoảng bảy giờ kém mười lăm rồi chúng ta đi ăn tối”.

“Được”.

Về đến khách sạn, lên phòng, Jack cởi giày, áo khoác và nằm nghỉ một lát. Tôi viết thư. Một đôi lần, tôi liếc nhìn, Jack vẫn không ngủ. Hắn nằm yên nhưng thỉnh thoảng lại mở mắt ra. Cuối cùng hắn ngồi dậy.

“Chơi bài đi Jerry?” hắn nói.

“Ừ”.

Hắn đến va li lấy ra bộ bài kipbi và bàn chơi. Bọn tôi chơi, hắn ăn ba dollar của tôi. John gõ cửa bước vào.

“Làm vài ván kipbi đi John?” Jack đề nghị hắn.

John đặt mũ xuống bàn. Nó ướt sũng. Áo khoác hắn cũng ướt.

“Trời đang mưa hả?” Jack hỏi.

“Mưa như trút”, John đáp. “Chiếc taxi tao thuê bị kẹt nên tao phải cuốc bộ đến đây”.

“Nào, ta chơi đi”, Jack nói.

“Mày nên đi ăn đi chứ”.

“Khoan đã”, Jack nói. “Tao chưa muốn ăn”.

Thế là họ chơi bài thêm nửa tiếng nữa và Jack ăn của hắn một dollar rưỡi. “Thôi, bọn mình đi ăn đi”, Jack nói. Hắn đến cửa sổ, nhìn ra.

“Vẫn còn mưa hay sao?”

“Ừ”.

“Bọn mình ăn ở khách sạn vậy”, John nói.

“Cũng được”, Jack nói. “Tao và mày chơi ván nũa để xem ai phải trả tiền ăn”.

Lát sau Jack đứng dậy nói, “Mày trả đấy, John”; chúng tôi xuống tầng dưới, ngồi ăn trong phòng ăn rộng.

Ăn xong bọn tôi lên phòng. Jack lại chơi kípbi với John và thắng hai dollar ruồi nũa. Jack đang hưng phấn. John mang theo chiếc túi đựng dụng cụ đấu. Jack mở nút cổ, cởi sơ mi, mặc áo thun và áo len vào để không bị lạnh khi ra ngoài; rồi đút quần áo võ sĩ và áo choàng vào một cái túi.

“Sẵn sàng chưa?” John hỏi hấn. “Tao bảo chúng gọi taxi”.

Ngay sau đó chuông reo, nhân viên khách sạn báo taxi đã đến.

Bọn tôi xuống bằng thang máy, qua hành lang, vào taxi đến trường đấu Garden. Trời mưa lớn nhưng đường phố vẫn đông người. Vé vào cửa Garden đã bán hết. Trên đường đến phòng thay quần áo, tôi thấy khán đài chật ních. Cả nửa dặm người dồn quanh đấu trường. Tất cả chìm trong bóng tối. Đấu trường sáng trong ánh đèn.

“Mưa thế này hóa ra lại tốt, họ chẳng thể nào bố trí trận đấu ngoài công viên được”, John nói.

“Họ có nhiều người hâm mộ”, Jack nói.

“Trận đấu này thu hút lượng khán giả lớn ngoài sức chứa của Garden”.

“Người ta không đoán trước được thời tiết”, Jack nói.

John bước đến cửa phòng thờ đầu vào. Jack vận áo choàng ngồi đó, khoanh tay nhìn sàn nhà. Hai chăm sóc viên đi cùng John. Họ nhìn qua vai hắn. Jack nhìn lên.

“Hắn ra chưa?” hắn hỏi.

“Hắn vừa ra”, John đáp.

Bọn tôi đến đài. Walcott vừa mới thượng đài. Khán giả vỗ tay hoan hô hắn. Hắn chui qua hai sợi dây thừng, nắm hai tay lại với nhau, mỉm cười và lắc lắc tay trước mặt khán giả, đầu tiên là phía bên này đài, sau đó là phía bên kia rồi ngồi xuống. Jack cũng nhận sự hoan hô từ phía khán giả. Jack là người Ai Len mà người Ai Len thì luôn được cổ vũ. Một người Ai Len thì không được hâm mộ ở New York bằng một người Do Thái hay Italy nhưng họ luôn nhận được sự khích lệ. Jack leo lên, cúi xuống lách qua mấy sợi dây và từ góc ngồi của mình, Walcott bước đến đề sợi dây xuống để Jack chui qua. Khán giả nghĩ hành động đó thực tuyệt vời. Walcott đặt tay lên vai Jack, chúng đứng như thế một lát.

“Thế là mày sắp trở thành một trong những nhà vô địch lòng danh theo kiểu ấy”, Jack bảo hắn. “Cất cái bàn tay chết tiệt của mày ra khỏi vai tao”.

“Bình tĩnh”, Walcott nói.

Với khán giả, tất cả hành động đó thật là tuyệt vời. Hai võ sĩ mới lịch sự làm sao trước trận đấu. Họ đang chúc nhau may mắn.

Solly Freedman đi về góc chúng tôi lúc Jack quấn vải bàn tay, còn John thì đi lại góc của Walcott. Jack rút ngón tay cái vào cuộn vải rồi quấn bàn tay gọn gàng, đẹp đẽ. Tôi quấn vải quanh cổ tay và cuộn hai vòng qua các kẽ tay.

“Này”, Freedman”, Jack hỏi. “Thằng Walcott quốc tịch gì vậy?”

“Tao không biết”, Solly nói. “Hình như nó là người Đan Mạch”.

“Nó là người Bohemian”, gã mang găng nói.

Trọng tài gọi họ ra giữa đài, Jack bước ra. Walcott vừa đi vừa mỉm cười. Họ gặp nhau, trọng tài đặt tay lên vai hai gã.

“Chào người hùng”, Jack nói với Walcott.

“Bình tĩnh”.

“Walcott có nghĩa gì?” Jack nói. “Mày không biết đây là tên của thằng mọi đen à?”

“Nghe đây”, trọng tài mở miệng rồi lơ đãng với chúng những quy chế thi đấu cũ rích. Một lần Walcott ngắt lời lão. Hắn chop cánh tay Jack và nói, “Tôi có thể đánh khi hắn nắm như thế này không?”

“Bỏ tay khỏi tao”, Jack nói. “Chẳng cần phải diễn kịch ở đây đâu”.

Họ trở về góc của mình. Tôi cúi tấm choàng khỏi người Jack, hắn trần người vào dây, nhún gối vài lần rồi miết đế giày vào nhựa thông. Tiếng cồng vang lên, Jack trở nên nhanh nhẹn, bước ra. Walcott tiến về phía hắn, chúng chạm găng và ngay khi Walcott hạ tay xuống thì lập tức Jack vung tay trái đâm vào mặt hắn hai cú. Chưa từng có bất kỳ võ sĩ nào đâm giỏi hơn Jack. Walcott bám vào hắn, đầu cúi về trước, cầm quặt chặt xuống ngực. Hắn giơ đầu đâm móc, hắn giữ tay hơi thấp. Hắn hiểu đấu pháp là tiếp cận và tung cú móc. Nhưng hễ khi nào hắn đến gần, Jack đều đâm tay trái vào mặt hắn. Cú đâm như thế hoàn toàn

tự động. Jack chỉ vung tay trái lên thì Walcott liền nhận ngay một quả vào mặt. Ba hoặc bốn lần Jack đấm tay phải nhưng hoặc Walcott cúi đầu tránh hoặc quả đấm rơi vào vai. Hấn đấu giống tất cả các võ sĩ đấm móc khác. Điều duy nhất hấn sợ là giao đấu với cùng kẻ đấm móc. Hấn thủ kín mọi chỗ để tránh bị thương. Hấn không quan tâm đến cú tay trái vào mặt.

Gần hết hiệp bốn, Jack đấm hấn chảy máu đầm đìa, mặt hấn bị đấm nát, nhưng mỗi lần Walcott xáp gần, hấn đấm mạnh đến nỗi ngay dưới xương sườn Jack, hai lần đỏ hiện lên hai bên. Mỗi lần hấn xáp vào, Jack khóa hấn lại, bằng một tay, tay kia tự do đấm vào hấn, nhưng khi Walcott gỡ ra được, hấn đấm vào người Jack mạnh đến nỗi ngoài phố cũng nghe thấy tiếng. Hấn là võ sĩ đấm móc.

Ba hiệp tiếp theo, tình thế trận đấu vẫn giữ nguyên. Chúng chẳng mở miệng. Chúng mãi miết đấm. Giữa hai hiệp, bọn tôi cũng chăm sóc Jack cẩn thận. Trông hấn không thật khỏe, hấn chẳng vận động nhiều trên đài. Hấn không di chuyển lung tung còn bàn tay trái thì hệt như cái máy. Như thể nó được gắn với mặt Walcott còn nếu Jack muốn đấm thì chỉ cần nảy ra ý định bất cứ lúc nào. Jack luôn bình tĩnh khi xáp vào, hấn không lãng phí sức. Hấn nắm mọi kỹ xảo khi đánh gần và hấn có rất nhiều thế để thoát ra. Trong lúc chúng dịch về góc bọn tôi, tôi quan sát thế hấn khóa Walcott; buông chùng tay phải, xoay lại đấm bằng sống găng, thực hiện một cú bào qua mũi Walcott. Walcott đang mất nhiều máu, hấn dụi mũi vào vai Jack để người Jack cũng dính đầy máu, rồi Jack làm một động tác

hất vai, hích vào mũi hắn rồi hạ tay phải thực hiện cú đấm lần nữa.

Walcott đã điên tiết. Lúc đấu xong năm hiệp, hắn đã lộn ruột lên vì Jack. Jack không cầu, bởi lẽ hắn chẳng thể nào cầu hơn bản chất cầu kinh của hắn. Nhưng chắc chắn hắn sử dụng đòn ấy để khiến những gã đấu với hắn phải kiêng món đấm bốc. Đó là lý do để hắn ghét Kid Lewis nhiều đến thế. Hắn không hề trêu gan được Kid. Kid Lewis luôn sử dụng ba mẹo vặt mà Jack không thể chấp nhận. Nếu Jack khỏe thì hắn sẽ đứng vững trên đài như một tòa thánh đường. Chắc chắn hắn sẽ tấn như xương Walcott. Điều buồn cười trông Jack như thể một võ sĩ thời xưa. Nói điều này bởi hắn đã phối hợp sử dụng thành thạo các kỹ xảo thượng đài cổ điển.

Sau hiệp bảy, Jack nói, “Tay trái của tao đang nặng dần”.

Từ lúc đó hắn bắt đầu bị đánh. Cục diện trận đấu không còn như trước. Thay vì hắn điều khiển thì bây giờ Walcott điều khiển, thay vì luôn che chắn kín kẽ thì nay hắn đang gặp rắc rối. Hắn không thể sử dụng tay trái để đẩy gã kia ra. Trận đấu trông vẫn như trước duy chỉ thay vì những quả đấm của Walcott thường trượt thì nay lại trúng hắn. Hắn bị tấn tới tấp.

“Hiệp mấy rồi?” Jack hỏi.

“Mười một”.

“Tao không trụ nổi nữa”, Jack nói. “Chân tao bắt đầu yếu”.

Walcott vẫn tiếp tục tấn hắn mãi hồi lâu. Cảnh tượng như thể một người bắt bóng chày, tạt quả bóng và nhận sự va chạm. Từ bây giờ Walcott làm chủ trận đấu. Hắn như

thể một cái máy dăm. Hiện tại, Jack chỉ còn biết cố che chắn mà thôi. Nhưng hắn chưa nhận cú nào nguy hiểm cả. Giữa hai hiệp, tôi xoa bóp chân hắn. Những múi cơ giãn giật dưới tay tôi. Hắn đau quá.

“Thế nào?” hắn quay lại hỏi John, khuôn mặt sưng vù.

“Trận đấu là của hắn”.

“Tao nghĩ mình có thể trụ được”, Jack nói. “Tao không muốn bị thằng Bohemian này hạ”.

Sự việc diễn ra theo hướng hắn chờ đợi. Hắn biết hắn chẳng thể hạ nổi Walcott. Hắn đâu còn khỏe nữa. Hắn đã thực sự chấm hết. Món tiền của hắn đã chắc ăn rồi và giờ thì hắn muốn kết thúc ngay trận đấu để thân xác đỡ nhọc nhằn. Hắn không muốn bị nốc ao.

Tiếng công vang lên, bọn tôi đẩy hắn ra. Hắn từ từ bước tới. Walcott xông vào ngay. Jack vung tay trái, Walcott bị đánh ngay vào mặt; rồi hắn cúi xuống, bắt đầu bổ vào người Jack. Jack cố kìm hắn lại, động tác ấy như thể ai đó đang cố hãm một cái cửa tròn đang chạy. Jack bị hất văng, tay phải hắn dăm trượt. Walcott tung cú móc tay trái, Jack ngã xuống. Hắn chống tay, khuỵu gối nhìn bọn tôi. Trọng tài bắt đầu đếm. Jack nhìn bọn tôi và lắc đầu. Đến tám, John ra hiệu cho hắn. Người ta chẳng thể nào nghe rõ bởi số khán giả đông ngấn ấy. Jack đứng dậy. Trọng tài đưa tay giữ Walcott trong lúc đếm.

Khi Jack đứng lên, Walcott tiến về phía hắn.

“Cẩn thận Jimmy”, tôi nghe Solly Freedman thét.

Walcott bước tới, Jack đang nhìn hắn. Jack dăm một cú tay trái vào mặt hắn. Walcott chỉ lắc lắc đầu. Hắn dồn Jack vào sát dây, đo, móc nhẹ một cú tay trái vào bên đầu

Jack rồi lấy hết sức tống một cú tay phải vào người Jack, ngay điểm thấp nhất mà cánh tay có thể. Hắn đâm dưới thắt lưng Jack độ năm inch. Tôi ngỡ đôi mắt sắp bật khỏi Jack. Nó lồi hẳn ra ngoài. Mồm hắn há hốc.

Trọng tài chộp tay Walcott. Jack bước về phía trước. Nếu hắn ngã, năm mươi ngàn dollar sẽ đi tong. Hắn bước như thể cả lực phủ ngũ tạng sắp tung bắn ra ngoài.

“Không thấp đâu”, hắn nói. “Chỉ sơ ý thôi”.

Khán giả thét gào lớn đến nỗi chẳng ai nghe được gì cả.

“Tôi không sao”, Jack nói. Chúng đứng ngay trước mặt bọn tôi. Trọng tài nhìn John rồi lắc đầu.

“Lại đây, đồ Ba Lan thôi thúc kia”, Jack nói với Walcott.

John đang chồm lên dây thừng. Hắn cầm sẵn khăn để ném cho Jack. Jack chỉ đứng cách vòng thừng một tí. Hắn bước một bước về phía trước. Tôi thấy mồ hôi tràn trên mặt hắn như thể ai đó đang vắt đầu hắn. Một giọt mồ hôi lớn chảy xuống mũi.

“Tiếp tục đấu”, Jack bảo Walcott.

Trọng tài nhìn John và vẫy tay cho Walcott.

“Lại đây, thẳng đều”, hắn nói.

Walcott tiến đến. Hắn không biết phải làm gì. Hắn chẳng thể nào hình dung Jack lại chịu nổi cú đòn đó.

Jack đâm tay trái vào mặt hắn. Tiếng hò hét điên cuồng vẫn tiếp tục. Chúng đến trước mặt bọn tôi. Walcott đâm lại hắn hai cú. Mặt Jack là cả khối méo mó kinh dị nhất mà tôi từng chứng kiến – khủng khiếp quá! Hắn đang cố gượng đứng, mặt hắn biểu lộ điều đó. Suốt cả thời gian suy nghĩ và gượng đứng, cơ thể hắn như sắp nổ tung ra.

Rồi hắn bắt đầu đâm móc. Mặt hắn vẫn giữ vẻ kinh hoàng. Tay hạ thấp bên sườn, hắn tung cú móc vào người Walcott. Walcott co người tránh, Jack điên cuồng bổ vào đầu hắn. Rồi hắn vung tay trái đâm vào hàm Walcott, tay phải giáng một cú vào ngay nơi Walcott đâm hắn. Bên dưới thắt lưng, Walcott đổ sập xuống, ôm bụng quằn quại trên sàn.

Trọng tài giữ Jack lại, đẩy về góc hắn. John nhảy lên đài. Tiếng gào thét vẫn tiếp tục. Trọng tài nói gì đó với giám khảo rồi một gã xướng ngôn xách loa lên đài, tuyên bố, “Walcott bị phạm lỗi”.

Trọng tài nói gì đó với John và hắn bảo, “Tôi còn biết làm gì nhỉ? Jack không chịu nhận đã bị kẻ khác chơi sai luật. Rồi sau đó đến lượt hắn lại phạm lỗi với kẻ đã phạm lỗi với hắn”.

“Dầu sao thì hắn cũng đã thua”, John nói.

Jack ngồi xuống ghế. Tôi tháo găng, hắn ôm bụng cúi xuống. Khi tựa lên vật gì đó, nét mặt hắn không còn quá khùng khiếp nữa.

“Đến xin lỗi đi”, John nói vào tai hắn. “Sẽ tốt hơn đấy.”

Jack đứng dậy mồ hôi túa khắp mặt. Tôi khoác áo choàng vào người hắn, một tay ôm bụng trong tấm choàng, hắn đi qua sàn đấu. Họ đỡ Walcott dậy và chăm sóc hắn. Có nhiều người ở phía góc của Walcott. Chẳng một ai mở miệng với Jack. Hắn cúi xuống Walcott.

“Tao xin lỗi”, Jack nói. “Tao không cố ý phạm lỗi với mày”.

Walcott chẳng nói gì. Trông hắn quá đau đớn.

“Này, bây giờ mày đã là nhà vô địch rồi đó”, Jack bảo hắn. “Tao hy vọng nó sẽ mang lại cho mày vô khối niềm vui”.

“Để nó yên”, Solly Freedman nói.

“Chào Solly”, Jack nói. “Tao biết là đã chơi xấu thằng bé của mày”.

Freedman chỉ nhìn hần.

Jack quay về góc của mình bằng những bước đi giần giật trông thực buồn cười, bọn tôi dìu hần qua dây, xuyên qua dây bàn phóng viên, xuống lối đi. Nhiều người muốn vỗ vào lưng Jack. Hần khoác áo choàng đi qua đám đông đến phòng thay áo. Một trận thắng oanh liệt cho Walcott. Đây là cách tiền được đặt cược ở Garden.

Ngay khi bọn tôi vào phòng thay đồ, Jack nằm xuống nhắm mắt lại.

“Chúng ta phải về khách sạn và gọi bác sĩ”, John nói.

“Bụng tao bị nát cả rồi”, Jack nói.

“Tao ân hận quá Jack”, John nói.

“Ổn cả rồi”. Jack nói.

Hần nhắm mắt nằm im.

Chúng đã cố thực hiện một quả lật lọng”, John nói.

“Hai thằng bạn Morgan và Steinfeld của mày đấy”, Jack nói. “Mày có mấy thằng bạn quý hóa quá”.

Bây giờ đang nằm, hần mở mắt ra. Nhưng khuôn mặt vẫn hần nổi đau vô cùng tận.

“Thực buồn cười, con người ta tư duy mới nhanh làm sao khi dính đến món tiền lớn như thế”, Jack nói.

“Mày cừ đấy Jack”, John nói.

“Không”, Jack nói. “Chẳng nghĩa lý gì đâu”.

LÊ HUY BẮC dịch

MƯỜI NGƯỜI DA ĐỎ

Hết ngày mồng bốn tháng bảy⁽¹⁾, từ thành phố, Nick trở về nhà muện trên chiếc xe lớn của chú Joe và gia đình, vượt qua chín người da đỏ trên đường. Cậu nhớ chỉ có chín bởi chú Joe lúc đang đánh xe trên con đường bụi, vội dừng ngựa, nhảy xuống kéo một anh chàng da đỏ ra khỏi lòng đường. Người da đỏ ấy ngã úp mặt xuống cát. Chú Joe lôi anh ta vào bụi rồi quay lại leo lên xe.

“Hèn chi chỉ có chín”, chú Joe nói, “chỉ mới từ đây đến bìa thành phố”.

“Cái quân da đỏ này”, cô Garner nói.

Nick ngồi ghế sau với hai cậu bé nhà Garner. Từ chỗ ấy, cậu nhìn ra quan sát anh chàng da đỏ được chú Joe kéo vào lề đường.

“Có phải Billy Tabeshaw đấy không?” Carl hỏi.

“Không”.

“Quần của anh ta trông giống hệt như của Billy”.

“Những người da đỏ đều mặc cùng một kiểu quần”.

(1) Ngày quốc khánh của Hoa Kỳ.

“Em chưa kịp nhìn anh ta”, Frank nói. “Bố bước xuống đường rồi quay lên xe trước lúc em kịp hiểu ra chuyện gì. Em cứ tưởng bố xuống giết một con rắn”.

Tối nay, rất nhiều người da đỏ sẽ giết rắn, bố chắc thế”, chú Joe nói.

“Cái quân da đỏ này”, cô Garner nói.

Họ đi tiếp. Con đường rời khỏi lộ chính, leo lên rặng đồi. Lũ ngựa rất mệt nên bọn trẻ xuống đi bộ. Con đường đầy cát. Trên đỉnh đồi cạnh trường học, Nick quay nhìn lại. Cậu thấy mấy ngọn đèn ở Petoskey và ánh sáng từ cảng Springs hắt qua vịnh Little Traverse. Chúng lại leo lên xe.

“Lẽ ra người ta nên rải sỏi con đường này” chú Joe nói. Chiếc xe chạy theo con đường xuyên qua rừng. Trên chiếc ghế trước, chú Joe và cô Garner ngồi cạnh nhau. Nick ngồi giữa hai đứa trẻ. Con đường đổ ra vùng đất trống.

“Bố đã cán một con chồn hôi ngay chính chỗ này đây”.

“Ồ đằng kia kìa”.

“Chỗ nào thì cũng chẳng có gì khác”, chú Joe nói, không quay đầu lại. “Khi cán chết một con chồn thì chỗ này cũng như chỗ kia mà thôi”.

“Tôi qua đó thấy hai con chồn”, Nick nói.

“Ồ đâu?”

“Bên cạnh hồ. Chúng đang tìm cá chết dọc hồ”.

“Có lẽ chúng là lũ gấu trúc”, Carl nói.

“Chồn đấy. Tôi biết giống chồn mà”.

“Có lẽ cậu đúng”, Carl nói: “Cậu đã chim được một con nòng da đỏ”.

“Đừng nói năng theo kiểu đó, Carl”, cô Garner bảo.

“Vội lại, mùi của chúng thì gần như nhau”.

Chú Joe cười lớn.

“Anh đừng cười nữa, Joe”, cô Garner nói. “Em không muốn Carl ăn nói theo kiểu ấy”,

“Cháu quen một cô gái da đỏ hả Nick?” Chú Joe hỏi.

“Dạ không”.

“Anh ấy có đó, bố”, Frank nói “Bạn gái anh ấy là Prudence Mitchell”.

“Cô ta không phải”.

“Ngày nào anh cũng đi gặp cô ấy”.

“Anh không”. Ngồi giữa hai cậu bé trong bóng tối, Nick cảm thấy hơi giả dối và rồi hạnh phúc trào dâng trong hồn khi cậu được trêu về Prudence Mitchell. “Cô ấy không phải là cô gái của tớ”, cậu nói.

“Nghe cậu ta nói kia”, Carl nói. “Con thấy họ ngày nào cũng xoắn xuýt lấy nhau”.

“Carl thì chẳng có bạn gái”, mẹ cậu ta nói, “Thậm chí chỉ là một thiếu nữ da đỏ”.

Carl lặng im.

“Anh Carl không giỏi tán gái”, Frank nói.

“Mày im đi”.

“Chẳng sao đâu con Carl,” chú Joe nói: “Lũ con gái thiếu con trai còn đây rầy ra đó. Cứ nhìn bố mày đây này”.

“Vâng, ông đã nói hết chưa”, cô Garner dịch sát vào chú Joe khi chiếc xe nảy lên. “Này, hồi còn trai trẻ, ông có cơ man nào là bạn gái”.

“Con nghĩ chắc bố không bao giờ có bạn gái là người da đỏ”.

“Cháu đừng tin như thế”, chú Joe nói. “Tốt hơn là cháu nên để mắt đến Prudie, Nick à”.

Vợ chú thì thăm gì đó rồi chú Joe bật cười.

“Bố cười gì vậy?” Frank hỏi.

“Anh chớ nói, Garner”, vợ chú đe. Joe lại cười.

“Nick có thể có Prudence”, chú Joe nói. “Còn tôi thì đã có một cô tử tế”.

“Nói thế mà cũng nói”, cô Garner nói.

Lũ ngựa nặng nhọc kéo xe trên cát. Chú Joe vươn tay vút roi vào đêm tối.

“Cố lên, cố lên nữa nào. Ngày mai bọn mày còn phải kéo nặng hơn”.

Chúng chạy xuống sườn đồi dài, cỗ xe xóc xóc. Đến trại, mọi người bước xuống. Cô Garner mở khóa cửa vào nhà mang ra cây đèn. Carl và Nick tháo đồ xuống từ phía sau xe. Frank ngồi lên ghế trước đánh xe đến chuồng buộc ngựa. Nick bước lên bậc cấp và mở cửa bếp. Cô Garner đang nhóm lửa trong lò. Cô ngoảnh lại lúc đang tưới dầu lên củi.

“Tạm biệt cô Garner”, Nick nói. “Cảm ơn cô vì đã cho cháu đi nhờ”.

“Không có chi, Nickie”.

“Chuyến đi thật tuyệt vời”.

“Chúng tôi vui khi có cháu đi cùng. Cháu ở lại ăn tối với cô?”

“Cháu về thì tốt hơn. Bố cháu hẳn đang đợi ở nhà”.

“Thôi được, cháu về đi. Bảo Carl vào đây hộ cô được chứ?”

“Dạ được”.

“Thôi chào Nickie”.

“Tạm biệt, cô Garner”.

Nick ra sân, đi đến chuồng ngựa – chú Joe và Frank đang vắt sữa.

“Tạm biệt chú và em”, Nick nói. “Cháu đã có một chuyến đi tuyệt vời”.

“Tạm biệt cháu, Nick”, chú Joe nói. “Sao cháu không ở lại ăn tối cùng gia đình?”

“Cảm ơn chú, cháu không thể. Chú bảo Carl vào gặp cô giùm cháu với?”

“Được rồi, Nick, tạm biệt”.

Nick đi chân trần theo lối mòn vắt qua đồng cỏ bên dưới chuồng ngựa. Lối mòn bằng phẳng, sương bám lạnh đôi chân. Cậu leo qua hàng rào cuối đồng cỏ, vượt qua cái khe, đôi chân vấy bùn nhão rồi leo lên bờ đi qua rừng sồi khô ráo cho đến lúc nhìn thấy ánh đèn trong ngôi nhà tranh. Cậu leo qua hàng rào, đi vòng ra cửa trước. Nhìn qua cửa sổ, cậu thấy bố đang ngồi bên bàn, đọc sách dưới ánh sáng của ngọn đèn bàn lớn. Nick mở cửa bước vào.

“À, Nick đó hả con”, bố cậu nói, “Đi chơi vui chứ?”

“Vui lắm bố à. Ngày mồng bốn tháng bảy tuyệt vời”.

“Con đói phải không?”

“Đúng đó bố”.

“Giấy đâu rồi?”

“Con quên trên xe chú Garner”.

“Vào bếp đi con”.

Bố Nick cầm đèn đi trước. Ông dừng lại mở nắp thùng đá. Nick vẫn bước vào bếp. Bố cậu lấy ra miếng thịt gà ướp lạnh đặt trên đĩa, bình sữa rồi mang đặt lên bàn, trước mặt Nick. Ông để cây đèn xuống.

“Có cả bánh nữa”, ông nói. “Con thấy thế nào?”

“Thực tuyệt bố à”.

Bố cậu ngồi xuống ghế bên cạnh cái bàn trải vải dầu. Bóng ông in lớn lên tường bếp.

“Đội bóng nào thắng hả bố?”

“Đội Petoskey. Tỷ số năm ba”.

Bố cậu ngồi nhìn cậu ăn rồi lấy bình rót đầy ly sữa cho cậu. Nick uống rồi chùi miệng bằng khăn ăn. Bố cậu với tay lên giá lấy bánh. Ông cắt cho Nick một miếng lớn. Đây là cái bánh nhân dâu tây.

“Bố đã làm gì hả bố?”

“Buổi sáng bố đi câu”.

“Bố có bắt được con nào không?”

“Mỗi một con cá rô”.

Ông ngồi nhìn Nick ăn bánh.

“Thế chiều nay bố làm gì?” Nick hỏi.

“Bố đi dạo cạnh khu trại da đỏ”.

“Bố có gặp ai không?”

“Người da đỏ đã đổ hết xuống thành phố ăn nhậu túy lúy cả mà”.

“Bố chẳng gặp một ai cả sao?”

“Bố gặp bạn con, Prudie ấy mà”.

“Cô ấy ở đâu?”

“Ở trong rừng với Frank Washburm. Bố đi qua chúng. Chúng chơi với nhau khá lâu”.

Ông không nhìn cậu.

“Chúng đang làm gì?”

“Bố không đứng lại xem”.

“Nói cho con hay chúng đang làm gì?”

“Bố không biết”, bố cậu nói. “Bố chỉ nghe tiếng chúng thôi”.

“Thế làm sao bố biết đây là chúng nó?”

“Bố nhìn thấy”.

“Bố đã bảo với con là bố không thấy chúng mà”.

“À, ừ, bố thấy chúng”.

“Cô ấy với ai?” Nick hỏi.

“Với Frank Washburn”.

“Chúng có – chúng có –”

“Chúng có gì?”

“Chúng có vui không?”

“Bố cho là thế”.

Bố cậu rời bàn đứng dậy ra khỏi cửa bếp có rèm che. Khi ông quay lại, Nick nhìn đĩa thức ăn. Cậu đang khóc.

“Ăn thêm tí nữa đi con?” bố cậu lấy dao cắt bánh.

“Đừng”, Nick nói.

“Tốt hơn là con ăn thêm miếng nữa”.

“Không, con không muốn ăn”.

Bố cậu chùi bàn.

“Chúng ở đâu trong rừng vậy?” Nick hỏi.

“Phía sau trại”. Nick nhìn đĩa của mình. Bố cậu nói.
“Tốt hơn là con nên đi ngủ đi Nick”.

“Vâng ạ”.

Nick vào phòng mình, cởi đồ leo lên giường. Cậu nghe tiếng chân bố loạng quanh trong phòng khách. Nick nằm trên giường, úp mặt xuống gối.

“Tim mình tan vỡ”, cậu nghĩ. “Nếu mình cảm nhận theo cách này thì trái tim chắc tan vỡ mất”.

Lát sau cậu nghe bố tắt đèn rồi đi qua phòng riêng. Cậu nghe tiếng gió luồn qua rặng cây bên ngoài rồi cảm thấy nó len qua rèm che vào căn phòng lạnh lẽo. Cậu nằm

vùi mặt trong gối hồi lâu rồi sau đó không còn nghĩ về Prudence nữa, cuối cùng cậu chìm vào giấc ngủ. Khi thức giấc trong đêm, cậu nghe tiếng gió trong rừng thổi cạnh nhà và cả tiếng sóng hồ đang vỗ vào bờ rồi cậu lại chìm vào giấc ngủ. Vào buổi sáng, cơn gió mạnh ào đến, sóng hồ dựng cao xô vào bờ và, cậu tỉnh dậy hồi lâu trước lúc chợt nhớ rằng trái tim mình đã tan vỡ.

LÊ HUY BẮC dịch

CHIM BẠCH YẾN CHO AI

Tàu hỏa chạy rất nhanh qua ngôi nhà xây bằng đá màu đỏ với vườn cây, qua bốn cây cọ rậm rạp tỏa bóng mát lên những dãy bàn bên dưới. Phía bên kia là biển. Rồi một con đường cắt ngang qua vùng đá đỏ và đất sét; biển chỉ còn thấp thoáng mãi xa bên dưới bờ đá.

“Tôi mua nó ở Palermo”, phu nhân người Mỹ nói. “Vào buổi sáng chủ nhật đó, chúng tôi chỉ được ở trên bờ trong vòng một tiếng đồng hồ. Gã đàn ông muốn trả bằng đôla và tôi đã trả hần một đô rưỡi. Nó hát rất hay”.

Xe lửa rất nóng và ngay cả toa dành cho khách quý cũng hầm hập. Không có lấy một chút gió nhẹ thổi qua ô cửa sổ để ngỏ. Phu nhân Mỹ hạ rèm cửa sổ xuống, chúng tôi không còn thấy biển nữa, ngay cả thấp thoáng. Phía bên kia là tấm kính, tiếp đến là hành lang, ô cửa sổ để ngỏ và bên ngoài là rừng cây phủ đầy bụi bặm, một con đường rải nhựa, những cánh đồng nho bằng phẳng trải dài đến những ngọn đồi đầy đá xám.

Khói tuôn lên từ những ống khói cao – đang chạy vào Marseilles, xe lửa giảm dần tốc độ, chạy trên tuyến đường

xuyên qua nhiều tuyến đường khác vào sân ga. Xe lửa đỗ lại ga Marseilles hai mươi lăm phút, phu nhân Mỹ mua một tờ "The daily Mail" và nửa chai nước Evian. Bà ta đi dạo trên sân ga nhưng chỉ quanh quẩn bên toa xe bởi vì ở Cannes, nơi tàu dừng lại mười hai phút rồi rời đi mà không báo hiệu khởi hành và bà ta may con kẹp bấm lên cửa toa. Phu nhân Mỹ hơi bị điếc nên bà ta nghĩ rằng có lẽ người ta đã kéo còi hiệu khởi hành nhưng bà ta lại không nghe thấy.

Tàu hỏa rời sân ga Marseilles, quay nhìn lại ta thấy không chỉ những tuyến đường nối toa, cơ xưởng đang tỏa khói mà còn cả thị trấn Marseilles, bên cảng với những đồi đá phía sau và ánh hoàng hôn đang động trên mặt nước. Khi trời dần tối, tàu vượt qua một ngôi nhà đang bốc cháy trên cánh đồng. Ô tô bị nghẽn lại dọc theo con đường, ổ rơm, đồ đạc từ trong nhà được khuân quẳng khắp nơi trên cánh đồng. Nhiều người đang đứng xem ngôi nhà cháy. Sau khi trời tối, tàu đến Avignon. Hành khách lên và xuống tàu. Tại quây báo, một người Pháp đang mua mấy tờ báo bằng tiếng Pháp phát hành trong ngày hôm đó. Trên sân ga có nhiều binh lính da đen. Họ mặc đồng phục màu nâu, vóc người cao, gương mặt sáng bóng do đứng sát ánh đèn cao áp. Da mặt họ rất đen và chiều cao của họ khiến người ngồi trên toa khó có thể nhìn thấy mặt. Tàu rời Avignon, toán lính da đen vẫn đứng đó. Một trung sĩ người da trắng thấp hơn đang đứng với họ.

Bên trong toa dành cho khách quý, nhân viên phục vụ kéo ba chiếc giường tựa sát vách xuống, chuẩn bị cho hành khách ngủ. Trong đêm, phu nhân người Mỹ nằm, không

ngủ được bởi đây là chuyến tàu tốc hành, chạy rất nhanh mà bà ta lại sợ tốc độ trong đêm tối. Giường của phu nhân người Mỹ gần cửa sổ. Chim bạch yến mua từ Palermo được phủ khăn treo bên ngoài khu vực hành lang dẫn vào buồng vệ sinh. Bên ngoài toa, ánh đèn màu xanh đang tỏa sáng, suốt đêm tàu chạy rất nhanh còn bà ta thì cứ thức nơm nớp sợ tàu trật bánh.

Đến sáng, tàu tới gần Paris, sau khi phu nhân người Mỹ ra khỏi buồng vệ sinh, trông bà ta rất tươi tắn, rất đứng đắn và rất Mỹ dấu suốt đêm không ngủ, bà ta gỡ chiếc khăn khỏi lồng chim, treo nó ra chỗ có ánh nắng rồi đến toa ăn để ăn sáng. Khi bà ta trở lại toa dành cho khách hạng một, mấy chiếc giường đã được đẩy vào sát vách để lấy chỗ ngồi, chim bạch yến đang rũ lông trong ánh mặt trời chiếu qua cửa sổ, tàu đến gần Paris hơn.

“Nó thích mặt trời”, phu nhân người Mỹ nói. “Chỉ lát nữa thôi nó sẽ hót”. Chim bạch yến rũ lông rồi đưa mỏ rỉa. “Tôi rất thích loài chim”, phu nhân nói. “Tôi mang nó về cho con gái út. Đây – nó sắp hót đấy”.

Bạch yến hót líu lo, lông trên cổ nó dựng lên, sau đó nó hạ mỏ xuống rồi lại rỉa lông. Đoàn tàu băng qua một con sông và từ từ hướng tới cánh rừng. Tàu đi qua nhiều cánh rừng bên ngoài Paris. Có nhiều xe điện trong thành phố, nhiều quảng cáo đồ sộ cho Belle Jardinière, Dubonnet và Pernod trên những bức tường chạy ngược với tàu hỏa. Hình như tàu hỏa đã chạy qua những vùng ấy trước bữa ăn sáng. Trong vài phút, tôi đã không lắng nghe lời của phu nhân người Mỹ đang nói chuyện với vợ tôi.

“Chồng chị là người Mỹ à?” bà ta hỏi.

“Vâng”, vợ tôi đáp. “Cả hai chúng tôi đều là người Mỹ”.

“Tôi cứ nghĩ chị là người Anh cơ chứ?”

“Ồ, không”.

“Có lẽ là bởi vì tôi mang dây đeo quần”, tôi nói. Tôi định nói là dây treo quần nhưng khi mở miệng lại nói thành dây đeo quần, theo cách diễn đạt sặc mùi Anh của tôi. Phu nhân người Mỹ không nghe rõ. Bà ta thực sự hơi điếc; bà ta hiểu bằng cách quan sát môi của người đối thoại, tôi không nhìn bà ta nữa. Tôi nhìn ra cửa sổ. Bà ta tiếp tục nói chuyện với vợ tôi.

“Tôi rất lấy làm mừng vì các bạn là người Mỹ. Đàn ông Mỹ là những người chồng tốt nhất”, phu nhân Mỹ tiếp tục nói. “Đó là lý do tại sao chúng ta rời bỏ châu Âu. Chị biết không, con gái tôi đã phải lòng một gã ở Vevey”. Bà ta dừng một lát. “Chúng đang phát điên lên vì yêu”, bà ta dừng lại. “Tôi đã tách cháu ra, tất nhiên”.

“Cô bé có chịu đựng nổi không?” vợ tôi hỏi.

“Tôi không cho là thế”, phu nhân người Mỹ đáp. “Nó chẳng ăn, chẳng ngủ gì cả. Tôi cố hết sức xoay xở nhưng dường như nó không quan tâm gì cả. Nó chẳng quan tâm đến bất kỳ thứ gì nữa. Tôi không thể để nó lấy một người ngoại quốc được”. Bà ta nghỉ một lát. “Một người, một người bạn rất tốt có lần đã bảo tôi chẳng có thằng cha ngoại quốc nào lại có thể trở thành một người chồng tốt cho một cô gái Mỹ”.

“Không” vợ tôi nói. “Tôi không cho là như thế?”

Phu nhân người Mỹ tỏ ý thán phục chiếc áo khoác du lịch của vợ tôi và hóa ra là đã hai mươi năm nay, phu nhân người Mỹ đã đặt mua quần áo tại một cửa hiệu ở đại lộ

Sain Honoré. Họ giữ số đo của bà ta rồi một thợ may khéo tay, người biết và hiểu sở thích của bà ta đã cắt may quần áo rồi gửi sang Mỹ. Số quần áo ấy được chuyển đến bưu điện gần nơi bà ta sống, ở khu dân cư của New York. Thuế má chẳng phải là cao quá bởi vì chúng được mở ra ở bưu điện để người ta định giá, các kiểu quần áo ấy luôn đơn giản, không viền đăng ten bằng vàng, không đính những đồ trang sức có giá trị để làm cho chúng trông sang trọng hẳn lên. Trước cô thợ may bây giờ, tên là Thésèse, đã có một người khác, tên là Amélie. Tối lui chỉ có hai người đó trong suốt gần hai mươi năm trời nay. Mẫu mã thì cũng chỉ bấy nhiêu thôi.

Giá cả thì dù sao cũng nhỉnh chút ít. Nhưng chuyển qua hồi đoái thì chẳng hơn được một xu so với trước đây. Bây giờ họ cũng giữ số đo của con gái bà. Cô ta đã trưởng thành nhưng mẫu mã quần áo của họ đến nay cũng chẳng thay đổi nhiều.

Bây giờ đoàn tàu đang đi vào Paris. Hệ thống phòng thủ đã được san phẳng nhưng cỏ chưa mọc lên. Có rất nhiều toa xe đang đỗ trên đường ray – những toa xe bán đồ ăn bằng gỗ màu nâu, những toa dùng để ngủ cũng màu nâu sẽ đi ỳ vào lúc năm giờ tối hôm ấy, nếu chuyến tàu đó vẫn khởi hành vào lúc năm giờ; những toa có kẻ chữ Paris – Rome và những toa có chỗ ngồi trên nóc, vào những giờ nhất định, sẽ khởi hành về các vùng ngoại ô, chở đầy hành khách trên các dãy ghế và cả trên nóc – nếu hiện tại người ta vẫn duy trì cách phục vụ ấy – sẽ vượt qua nhiều bức tường trắng và cửa sổ của những ngôi nhà. Bữa sáng thì chẳng có gì để ăn.

“Đàn ông Mỹ là những người chồng tốt nhất”, phu nhân người Mỹ nói với vợ tôi. Tôi đang lấy những chiếc túi xuống. “Trên thế gian này đàn bà chỉ nên lấy đàn ông Mỹ”.

“Chị đã rời Vevey bao lâu rồi?” vợ tôi hỏi.

“Hai năm trước cuộc tình này. Chị hiểu chứ, tình yêu của con gái tôi ấy mà, tôi mang chim bạch yến về cho nó”.

“Con gái chị yêu một anh chàng Thụy Sĩ à?”

“Vâng”, phu nhân người Mỹ đáp. “Thằng bé ấy là con của một gia đình gia giáo ở Vevey. Nó sắp trở thành kỹ sư. Chúng quen nhau ở Vevey. Hai đứa thường đi dạo với nhau”.

“Tôi biết Vevey”, vợ tôi nói. “Chúng tôi đã hưởng tuần trăng mật ở đó”.

“Thật vậy sao?” Chuyện này thật kỳ diệu. Ý tôi là, dĩ nhiên, không phải nói chuyện con bé nhà tôi phải lòng thằng bé”.

“Đó là một nơi rất dễ thương”, vợ tôi nói.

“Đúng đấy”, phu nhân người Mỹ nói. “Nó mà chẳng dễ thương sao? Anh chị đã ở đâu?”

“Chúng tôi ở Trois Couronnes”, vợ tôi đáp.

“Một khách sạn cổ xưa và đẹp tuyệt vời”, phu nhân người Mỹ nói.

“Vâng”, vợ tôi đáp. “Chúng tôi đặt một phòng rất xinh xắn, vào mùa thu, miền ấy thật tuyệt vời”.

“Anh chị đã ở đó vào mùa thu ư?”

“Vâng”, vợ tôi đáp.

Chúng tôi vượt qua ba toa xe hồng. Chúng vỡ tung, nóc lún hẳn vào.

“Nhìn kìa”, tôi nói. “Một vụ đâm tàu”.

Phu nhân người Mỹ nhìn ra chỉ thấy toa xe cuối cùng.

“Tôi đã sợ điều đó suốt cả đêm”, bà ta nói. “Đôi khi tôi có linh cảm về những điều khủng khiếp. Tôi sẽ không bao giờ đi du lịch bằng tàu tốc hành vào ban đêm nữa. Hẳn có những chuyến tàu khác đầy đủ tiện nghi mà không chạy quá nhanh”.

Khi tàu đi vào trong bóng tối của ga Lyons, dừng lại rồi những phu khuân vác đến bên cửa sổ. Tôi chuyển mấy cái túi xách qua cửa sổ rồi chúng tôi ra sân ga rộng rãi mờ mờ tối, phu nhân người Mỹ đang hoạnh hộc một trong số ba nhân viên hỏa xa, anh ta nói: “Thưa bà, chỉ một lát thôi, tôi sẽ tìm ra tên bà ngay”.

Người phu khuân vác đẩy chiếc xe kéo tới, chất hành lý lên, vợ tôi và tôi chào tạm biệt phu nhân người Mỹ, tên bà đã được anh nhân viên tìm thấy trên tờ giấy đánh máy nằm trong tập giấy mà anh ta đã dúi nhầm vào túi.

Chúng tôi đi theo người phu kéo chiếc xe dọc hành lang dài dúc bằng xi măng bên cạnh con tàu. Cuối cùng hành lang là cổng ra vào, một nhân viên đứng ở đây thu vé.

Chúng tôi quay lại Paris để thu xếp sống mỗi đứa một nơi.

ĐÀO THU HẰNG dịch

HÔM NAY THỨ SÁU

Ba người lính La Mã ngồi trong quán rượu vào lúc mười một giờ tối. Nhiều chiếc thùng được xếp quanh tường. Tay bán rượu người Do Thái ngồi sau quầy gỗ. Ba người lính La Mã hơi say.

Lính La Mã thứ nhất – Mày đã thử vang đỏ chưa?

Lính thứ hai – Chưa, tao chưa thử.

Lính thứ nhất – Mày nên thử thì tốt hơn.

Lính thứ hai – Thôi được, George cho bọn tao một châu vang đỏ.

Tay bán hàng người Do Thái – Xin mời quý ông. Các ông sẽ thích cho mà xem. [Y đặt cái bình gốm đã được rót đầy từ một trong mấy cái thùng xuống]. Đây là loại vang nhẹ, tuyệt hảo.

Lính thứ nhất – Mời mày uống một ly. (Anh ta quay sang người lính La Mã thứ ba đang gục lên thùng rượu). Mày có chuyện gì vậy?

Lính La Mã thứ ba – Tao bị đau bụng.

Lính thứ hai – Mày đã uống phải nước lã rồi.

Lính thứ nhất – Ném tí vang đỏ xem.

Lính thứ ba – Tao không thể nào uống được cái thứ chết tiệt ấy. Nó khiến bụng tao bị chua.

Lính thứ nhất – Mà đã xa đây quá lâu.

Lính thứ ba – Mẹ kiếp, tao chẳng biết có phải thế không?

Lính thứ nhất – Này George, mà không thể kiếm cho quí ông đây thứ gì để xoa dịu cái dạ dày ấy được sao?

Tay bán hàng người Do Thái – Tôi có ngay đây.

(Người lính La Mã thứ ba ném cốc nước mà tay bán hàng pha cho anh ta).

Lính thứ ba – Này, mà pha cái gì trong này vậy, khoai tây rán vàng hả?

Tay bán hàng – Ông uống ngay đi, thưa trung úy. Cái ấy sẽ khiến ông hết đau.

Lính thứ ba – Nhưng, tao chưa từng ném thứ nào tệ hơn.

Lính thứ nhất – Cứ thử xem. Hôm nọ, George đã chữa cho tao hết đau.

Tay bán hàng – Ông bị nặng lắm, thưa trung úy. Tôi biết cách chữa lành chứng đau dạ dày nặng này.

(Người lính La Mã thứ ba uống cạn cốc nước).

Lính thứ ba – Lạy Chúa. (Anh ta nhăn mặt).

Lính thứ hai – Thật khéo vờ!

Lính thứ nhất – Ô, tao không biết. Hôm nay trông hấn rất cừ ở đấy đấy.

Lính thứ hai – Tại sao hấn không rời khỏi thập tự giá nhỉ?

Lính thứ nhất – Hấn chẳng muốn rời khỏi thập tự giá đâu. Bởi nơi khác không phải là cuộc chơi của hấn.

Lính thứ hai – Chỉ tao xem cái gã không muốn rời khỏi thập tự giá ấy nào.

Lính thứ nhất – À, mẹ kiếp, mày chẳng hiểu tí nào về chuyện ấy. Hỏi George xem. Hắn có muốn rời bỏ thập tự giá không hả George?

Tay bán hàng – Thưa ông, tôi không ra ngoài ấy. Và lại, đấy là điều mà tôi chẳng quan tâm mấy may.

Lính thứ hai – Nghe này, tao đã từng thấy cả đám chúng nó – ở nơi này và nhiều nơi khác. Nếu mày chỉ cho tao cái đứa không muốn rời khỏi thập tự giá thì bất cứ lúc nào khi có cơ hội – khi cơ hội đến, ý tao là – tao sẽ leo tuốt lên đấy với hắn.

Lính thứ nhất – Tao nghĩ hôm nay hắn rất dũng cảm đấy.

Lính thứ ba – Hắn ta, rõ rồi.

Lính La Mã thứ hai – Bọn mày chẳng hiểu điều tao đang nói. Tao không bình luận hắn can đảm hay hèn nhát. Những gì tao muốn nói là, nếu cơ hội đến. Khi bọn chúng đóng cái đinh đầu tiên vào hắn, thì chẳng một đứa nào trong đám ấy, dẫu có thể, cũng không tài nào dùng lại được.

Lính thứ nhất – Mày không nghe chuyện à George.

Tay bán hàng – Không, tôi chẳng quan tâm gì đến nó thưa trung úy.

Lính thứ nhất – Tao kinh ngạc bởi cách hắn xử sự.

Lính thứ ba – Món mà tao không thích là lúc chúng đóng đinh vào. Bọn mày biết đó, điều ấy hắn làm người ta đau đớn lắm.

Lính thứ hai – Đấy chưa phải là điều quá tệ, cái làm người ta đau đớn nhất khi họ bắt đầu dựng cây thập tự lên.

(Anh ta ngửa hai bàn tay phác điệu bộ bị kéo lên). Rồi trọng lượng bắt đầu kéo xuống. Hai bàn tay sẽ nhúc nhối.

Lính La Mã thứ ba – Nó làm vài người trong số chúng đau lắm.

Lính thứ nhất – Tao mà không hiểu điều ấy sao? Tao đã từng chứng kiến cả lô cả lốc bọn chúng. Tao bảo mày, hôm nay hấn rất cừ ở đấy.

(Người lính La Mã thứ hai mỉm cười với tay bán hàng người Do Thái).

Lính thứ hai – Mày là một tín đồ Thiên Chúa giáo chính hiệu, anh chàng lớn xác à.

Lính thứ nhất – Đương nhiên, cứ tiếp tục giễu hấn đi. Nhưng hãy lắng nghe trong lúc tao đang nói cái gì đó. Hôm nay ở đây hấn cừ thật.

Lính thứ hai – Ta dùng thêm tí rượu nữa chứ?

(Tay bán rượu nhìn với vẻ hi vọng. Người lính La Mã thứ ba ngồi gục đầu xuống. Trông anh ta không được khỏe).

Lính thứ ba – Tao chẳng uống nữa đâu.

Lính thứ hai – Chỉ hai suất, George.

(Tay bán rượu lấy ra một bình rượu vang, cỡ nhỏ hơn cái bình lần trước. Y cúi người qua quây rượu bằng gỗ).

Lính La Mã thứ nhất – Mày đã thấy cô gái của hấn chưa?

Lính thứ hai – Tao không từng đứng cạnh cô ta rồi đó sao?

Lính thứ nhất – Trông cô ấy thực dễ thương.

Lính thứ hai – Tao quen cô ta trước lúc hấn quen (Anh ta nháy mắt với tay bán rượu).

Lính thứ nhất – Tao thường thấy cô ấy loanh quanh trong thành phố.

Lính thứ hai – Cô ta có nhiều tiền lắm. Hấn chớ nên bám cô ta, chẳng may gì đâu.

Lính thứ nhất – Ô, hấn xúi lắm. Nhưng đối với tao, hôm nay trông hấn rất cừ.

Lính thứ hai – Thế còn nhóm của hấn.

Lính thứ nhất – Ô, cả một lũ chết rấp. Chỉ có phụ nữ mới chịu đựng được cùng hấn.

Lính La Mã thứ hai – Chúng là một lũ vàng như nghệ. Khi chúng thấy hấn lên đây, chúng chẳng muốn tí nào.

Lính thứ nhất – Phụ nữ chịu đựng rất giỏi.

Lính thứ hai – Đương nhiên, họ chịu đựng giỏi lắm.

Lính La Mã thứ nhất – Mà có thấy tao đâm ngọn giáo cũ vào hấn không?

Lính La Mã thứ hai – Rồi có ngày mà sẽ gặp rắc rối vì hành động như thế.

Lính thứ nhất – Đây là ơn huệ cuối cùng tao có thể làm cho hấn. Tao đã bảo mà, đối với tao hôm nay ở đây hấn cừ thật.

Tay bán rượu vang người Do Thái – Xin lỗi các ông, đã đến giờ tôi phải đóng cửa.

Lính La Mã thứ nhất – Bọn tao sẽ còn uống thêm một châu nữa.

Lính La Mã thứ hai – Phỏng có ích gì? Cái thứ này chẳng đưa mà đến đâu đâu. Thôi nào, ta đi thôi.

Lính thứ nhất – Thêm một châu nữa.

Lính La Mã thứ ba – (Đang rời thùng rượu đứng dậy). Thôi đừng uống nữa. Ta đi thôi. Tối nay tao cảm thấy tồi tệ quá.

Lính thứ nhất – Chỉ một châu nữa thôi.

Lính thứ hai – Không, đi thôi. Bọn tao đi đây. Tạm biệt George. Ghi cả vào hóa đơn.

Tay bán hàng – Tạm biệt các ông (Y có vẻ hơi lo lắng). Ông không thể trả tôi một ít được sao, thưa trung úy?

Lính La Mã thứ hai – Quái quỷ thật, George! Thứ tư là ngày phát lương.

Tay bán hàng – Thôi được, thưa trung úy. Tạm biệt quý ông.

(Ba người lính La Mã ra khỏi cửa, xuống đường).

(Đứng trên đường).

Lính La Mã thứ hai – George là một tên Do Thái giống hệt như cả tập đoàn Do Thái nhà nó.

Lính La Mã thứ nhất – Ô, George dễ thương đấy chứ?

Lính thứ hai – Tối nay với mày ai mà lại chẳng dễ thương.

Lính La Mã thứ ba – Đi thôi, bọn ta về trại đi. Tối nay tao cảm thấy ốm quá.

Lính thứ hai – Mày đã đi khỏi nơi này quá lâu.

Lính La Mã thứ ba – Không, không chỉ vì thế đâu. Tao cảm thấy ốm quá.

Lính thứ hai – Mày đã đi khỏi đây lâu quá. Tất cả chỉ có thế.

MÀN HẠ

LÊ HUY BẮC dịch

BÂY GIỜ TÔI NẪM NGHỈ

Đêm hôm đó chúng tôi nằm trên sàn, trong căn phòng và tôi lắng nghe tiếng tầm ăn. Những chú tầm ăn lá trong máng; cả đêm người ta có thể nghe thấy chúng gặm đều đều lên lá. Chính tôi không muốn ngủ bởi vì tôi phải sống trong một thời gian dài với ý nghĩ rằng – nếu bao giờ tôi phải nhắm mắt trong bóng đêm và nếu tôi không tự kiểm chế được thì linh hồn tôi sẽ rời bỏ thể xác. Tôi đã phải thức như thế trong một thời gian dài, kể từ khi bị bom vùi trong đêm và cảm thấy linh hồn đi ra khỏi thể xác mình, biến mất rồi sau đó quay trở lại. Tôi cố không nghĩ đến điều đó nhưng hằng đêm nó lại cứ chực ra đi, vào lúc giấc ngủ vừa thiu thiu đến và tôi chỉ có thể ngăn nó lại bởi một sự cố gắng phi thường. Đến bây giờ tôi đã hoàn toàn chắc chắn rằng linh hồn sẽ không ra đi nữa; nhưng lúc ấy, vào mùa hè đó, tôi chẳng đại gì mà đi làm thí nghiệm về chuyện ấy.

Tôi có nhiều cách khác nhau để chế ngự bản thân trong khi nằm thức. Tôi sẽ nghĩ về dòng suối cá hồi nơi tôi đã từng câu thuở còn là một chú nhóc và cá là toàn bộ những gì còn lại rất rõ rệt trong ký ức tôi; thậm trọng câu

cá bên dưới các khúc gỗ, quanh những bờ lượn cong, những vũng nước sâu, những dải đất nông sạch sẽ, đôi khi tôi bắt được cá hồi, nhưng thỉnh thoảng lại để mất. Đến trưa tôi ngừng câu để ăn trưa; thỉnh thoảng ngồi trên một khúc gỗ vắt trên dòng suối, có lúc lại ngồi trên bờ suối cao dưới một gốc cây, tôi thường ăn trưa rất chậm và trong khi ăn tôi ngắm dòng suối bên dưới. Tôi thường thiếu mỗi buổi vì khi đi tôi chỉ mang theo có mười con giun đựng trong vỏ bao thuốc lá. Khi dùng hết số đó, tôi phải tìm thêm giun và đôi khi rất khó đào vào bờ đất của con suối, ở đó những cây tuyết tùng che khuất ánh mặt trời, không có cỏ mọc, chỉ có mặt đất trống không, ẩm ướt và tôi thường không kiếm được giun. Tuy thế, tôi vẫn hay tìm được vài loại mồi khác, vậy mà có dạo ở đầm lầy tôi đã không kiếm được chút mồi nào nên phải cắt nhỏ một chú cá hồi mà tôi đã bắt, để làm mồi câu.

Thỉnh thoảng tôi tìm thấy côn trùng ở trong đám cỏ đầm lầy, trong cỏ hoặc dưới những cây dương xỉ, và dùng chúng. Đó là những con bọ cánh cứng hay lũ côn trùng, có những cái chân như cọng cỏ và những ấu trùng ở trong khúc gỗ cũ đã mục nát; đám ấu trùng trắng với những cái đầu màu nâu ngọ ngoạy đó không bám lưỡi câu bởi ruột chúng sẽ bị tan trong làn nước lạnh; cả những con ve gỗ ở dưới khúc cây nơi mà thỉnh thoảng tôi tìm thấy giun mồi nhưng chúng chui vào trong lòng đất ngay khi khúc gỗ vừa được nâng lên. Một lần tôi đã bắt một con kỳ giông ở dưới một khúc cây mục làm mồi. Chú kỳ giông đó rất nhỏ, sạch sẽ, linh lợi và có màu rất dễ thương. Chú đưa bàn chân bé xíu, cố giữ chặt lấy lưỡi câu, sau lần ấy tôi chẳng

dùng mỗi kỳ giông nữa mặc dù tôi thường xuyên tìm thấy chúng. Tôi không dùng để bởi vì cái cách chúng cưỡng lại chiếc lưới câu.

Đôi chỗ, dòng suối chạy xuyên qua bãi cỏ rộng, trên bãi cỏ khô ráo ấy tôi bắt châu chấu và lấy chúng làm mồi nhưng thỉnh thoảng tôi bắt châu chấu để rồi ném xuống dòng suối, xem chúng bơi lênh bênh dọc theo con suối, xoáy tròn trên mặt nước khi dòng nước cuốn đi và sau đó biến mất bởi một chú cá hồi đã ngoi lên đớp. Thỉnh thoảng trong đêm, tôi còn đi câu ở bốn năm dòng suối khác nhau; bắt đầu từ nơi gần nguồn suối nhất, tôi câu cá xuôi theo dòng. Khi tôi đi hết đoạn suối và thời gian vẫn còn, tôi sẽ lại câu tiếp, bắt đầu từ nơi dòng suối đổ ra hồ rồi câu ngược lên, cố tìm lại số cá hồi mà tôi đã để tuột mất. Nhưng cũng có nhiều đêm, tôi mừng tượng ra quá nhiều suối, vài con suối trong số đó rất sống động, nó như thể hiện lên giữa cảm giác thực và trạng thái mơ hồ. Tôi vẫn còn nhớ một trong số các dòng suối đó và nghĩ rằng tôi đã từng câu cá ở đấy, rồi những con suối lẫn lộn với các con suối khác mà tôi biết rõ. Tôi đã đặt tên cho tất cả những dòng suối và đi đến chỗ chúng bằng tàu hỏa, nhưng thỉnh thoảng tôi đi bộ nhiều dặm để đến đó.

Nhưng nhiều đêm tôi không thể câu cá, vào những đêm đó tôi thức trắng, đọc đi đọc lại bài kinh cầu nguyện cho mình và cố gắng cầu nguyện cho tất cả những người tôi quen biết. Điều đó chiếm một khoảng thời gian rất lớn, vì rằng nếu bạn cố nhớ tất cả những người mà bạn từng biết, trở lại với những kỷ niệm xa xưa nhất mà bạn còn nhớ – cái đó, đối với tôi, là căn phòng áp mái của ngôi nhà nơi tôi

đã được sinh ra và cha mẹ tôi đặt bánh cưới trong chiếc hộp thiếc treo trên rui nhà, và, trong căn phòng đó, những chiếc bình đựng răn, những mẫu vật thí nghiệm khác mà cha tôi sưu tầm từ khi hầy còn là một cậu bé và đã bảo quản chúng trong cồng, cồng được đổ đầy bình nên những cái lưng của các con răn và những mẫu vật xét nghiệm bị chuyển sang màu trắng – nếu bạn nghĩ về khoảng thời gian xa xưa như thế thì bạn sẽ nhớ được rất nhiều người. Nếu bạn cầu nguyện cho tất cả bằng cách đọc lời kinh Hail Mary và Ourfather cho mỗi người, thì sẽ mất nhiều thời gian và cuối cùng trời sẽ sáng, rồi bạn có thể ngủ; nếu bạn ở một nơi mà có thể ngủ ngày.

Vào những đêm đó, tôi cố nhớ tất cả những gì đã xảy ra đối với tôi, bắt đầu từ trước khi tôi đi chiến đấu và hồi tưởng từ việc này tới việc kia. Tôi thấy tôi chỉ có thể nhớ lại đến cái phòng áp mái ở nhà ông nội tôi. Rồi tôi bắt đầu từ đó và nhớ lại những hình ảnh ấy một lần nữa cho tới khoảng thời gian tôi tham gia chiến đấu.

Tôi nhớ sau khi ông tôi mất, chúng tôi rời ngôi nhà đó, chuyển đến một ngôi nhà mới, được mẹ tôi thiết kế và xây dựng. Nhiều thứ ở đó không chuyển đi được đã được đốt ở sân sau và tôi còn nhớ những chai lọ ở căn phòng áp mái ấy đã được quăng vào lửa, chúng nổ lộp bộp bởi hơi nóng và bốc cháy bởi cồng. Tôi còn nhớ cả những con răn bị cháy trong lửa ở sân sau. Không có ai ở đó, chỉ có đồ đạc. Tôi không thể nhớ ai đã đốt những thứ đó, rồi tôi tiếp tục hồi tưởng cho đến con người và dừng lại, cầu nguyện cho họ.

Về nhà mới, tôi nhớ cách mẹ tôi luôn lau chùi đồ đạc và làm cho chúng sáng bóng lên. Một lần, khi cha tôi lên

đường trong một chuyến đi săn, mẹ đã làm một cuộc tẩy rửa hoàn hảo bên trong tầng hầm và đốt tất cả những thứ không còn dùng được nữa. Khi cha tôi về đến nhà, bước xuống khỏi chiếc xe độc mã của ông và giật mạnh con ngựa, ngọn lửa vẫn còn đang cháy ở con đường bên cạnh nhà. Tôi đi ra đón ông. Ông đưa cho tôi khẩu súng săn của mình và nhìn vào đồng lửa.

“Cái gì vậy?” ông hỏi.

“Em đã dọn dẹp tầng hầm đấy, anh yêu ạ”, mẹ tôi nói từ hành lang. Bà đứng đó, mỉm cười đón ông. Cha tôi nhìn vào đồng lửa và sững người vì cái gì đó. Rồi ông cúi xuống bôi một vài thứ ra ngoài đồng tro.

“Nick lấy cái cào ra đây”, ông nói với tôi. Tôi vào tầng hầm, mang cái cào ra, cha tôi đã cào rất cẩn thận trong đồng tro. Ông cào ra ngoài những chiếc rìu đá, những con dao lột da bằng đá, những dụng cụ để làm đầu mũi tên, những mẫu gốm và những đầu mũi tên. Tất cả đã bị xém đen và sứt mẻ vì lửa. Cha tôi cào những thứ đó ra ngoài rất cẩn thận và trải chúng lên bãi cỏ bên đường. Khẩu súng săn của ông trong bao da và mấy cái túi săn nằm trên cỏ, nơi ông đã để lại khi xuống xe ngựa.

“Nick cầm súng, túi vào trong nhà, và mang cho bố tờ báo nhé”, ông nói. Mẹ tôi đã vào trong nhà. Tôi lấy súng – nó quả là nặng để mang và cứ đập vào chân tôi – và cầm cả chiếc túi săn đi về hướng ngôi nhà. “Mang mỗi lần một thứ thôi”, cha tôi nói. “Đừng có mang quá nhiều trong một lần như vậy” Tôi đặt hai cái túi săn xuống, cầm súng vào và đem ra tờ báo từ chồng báo trong văn phòng của cha tôi. Cha tôi trải tất cả những dụng cụ bằng đá đã bị xém đen và

sút mẻ lên tờ báo rồi gói lại. “Những đầu mũi tên tốt nhất đã bị vỡ cả rồi”, ông nói. Ông đi vào nhà với gói giấy ấy và còn tôi ở ngoài, trên bãi cỏ với hai cái túi sắn. Lát sau tôi mang chúng vào. Trong dòng ký ức ấy, tôi nhớ ở đó chỉ có hai người nên tôi cầu nguyện cho cả hai.

Tuy vậy, có nhiều đêm, thậm chí tôi cũng không thể nhớ nổi những bài kinh của mình. Tôi chỉ có thể đọc được cho đến “trên mặt đất cũng như trên thiên đàng” rồi phải bắt đầu trở lại mà hoàn toàn không thể vượt qua được chỗ đó. Khi ấy tôi đành phải chấp nhận rằng mình không thể nhớ được và đành từ bỏ việc cầu nguyện của mình vào đêm đó và cố gắng nhớ những thứ khác. Cứ thế trong nhiều đêm, tôi cố nhớ tên của tất cả các loài vật trên thế giới, những loài chim, loài cá, rồi các quốc gia, thành phố, các loại thức ăn, tên của tất cả các đường phố ở Chicago mà tôi có thể nhớ được, và khi không thể nhớ thêm được một cái gì nữa, tôi chỉ lắng nghe. Và tôi không nhớ một đêm nào đó, người ta lại không thể nghe thấy gì. Nếu có một chút ánh sáng, tôi sẽ không sợ ngủ bởi vì tôi biết linh hồn tôi chỉ rời bỏ thể xác nếu tôi ngủ trong bóng tối. Tuy thế nhiều đêm, tất nhiên là tôi cũng có một chút ánh sáng và thế là tôi ngủ, bởi tôi gần như luôn luôn mệt mỏi và thường xuyên buồn ngủ. Và tôi chắc rằng, những lúc quá buồn ngủ tôi đã ngủ mà không biết đến điều đó, như đêm nay, tôi lắng nghe những chú tắc. Người ta có thể nghe tiếng tắc ăn rất rõ trong đêm, tôi nằm mở mắt chong chong và lắng nghe chúng ăn.

Chỉ có một người nữa ở trong phòng và anh ta cũng thức. Tôi nghe anh ta thức giấc đã lâu. Anh ta không thể

nằm yên được như tôi, có lẽ bởi vì anh ta chưa có kinh nghiệm thức. Chúng tôi nằm trên tám mền trải lên ổ rơm và khi anh ta trở mình, ổ rơm kêu lạo xạo, nhưng những chú tầm không hề sợ, nên bất cứ tiếng động nào chúng tôi gây nên, chúng vẫn ăn đều đều. Có những tiếng động bên ngoài của đêm hậu tuyến, cách mặt trận bảy kilômét nhưng chúng khác biệt với những tiếng động nhỏ trong phòng trong bóng đêm. Người đàn ông kia ở trong phòng đang cố nằm yên lặng. Sau đó anh ta lại trở mình. Tôi cũng trở mình, thế là anh ta biết tôi còn thức. Anh ta đã sống mười năm ở Chicago. Người ta gọi anh nhập ngũ năm 1914 khi anh về thăm nhà, rồi họ chuyển anh đến chỗ tôi để làm lính liên lạc bởi vì anh biết nói tiếng Anh. Tôi thấy anh lắng nghe nên tôi lại dịch người trong chăn.

“Anh không ngủ được sao, thưa trung úy?” anh ta hỏi.

“Phải”.

“Tôi cũng không ngủ được”.

“Anh cảm thấy ổn chứ?”

“Vâng, tôi thấy dễ chịu. Chỉ có điều là tôi không ngủ được”.

“Anh có muốn nói chuyện một lúc không?” tôi hỏi.

“Có chứ. Anh nói đôi điều về cái nơi đáng nguyên rủa này đi”.

“Nơi này thật dễ chịu”, tôi nói.

“Chắc rồi”, anh ta bảo. “Nó được lắm”.

“Nói với tôi về Chicago đi,” tôi bảo.

“Ồ”, anh ta nói. “Tôi đã nói tất cả với anh một lần rồi”.

“Kể tôi nghe chuyện anh lập gia đình đi”.

“Tôi đã kể cho anh rồi”.

“Lá thư anh nhận được vào thứ hai – của cô ấy phải không?”

“Phải. Cô ấy luôn viết thư cho tôi. Cô ấy kiếm bộn tiền với cái chỗ ấy”.

“Anh sẽ có một nơi để chịu khi trở về”.

“Chắc thế. Cô ấy điều hành tốt lắm. Cô ấy kiếm được rất nhiều tiền”.

“Anh không nghĩ chúng ta nói chuyện sẽ làm họ thức giấc chứ?” Tôi hỏi.

“Không. Chúng chẳng nghe thấy đâu. Dầu sao thì chúng cũng ngủ như lợn ấy”. Tôi thì khác, anh ta bảo. “Tôi căng thẳng lắm”.

“Nói khê thôi”, tôi nói. “Có hút thuốc không?”

Chúng tôi hút một cách tài tình trong bóng tối.

“Anh đừng hút nhiều, trung úy ạ”.

“Ừ. Tôi vừa mới bỏ bớt rồi”.

“Đúng đấy”, anh ta nói. “Nó không tốt chút nào hết, tôi cho rằng nếu bỏ được thì anh sẽ chẳng nhớ nó nữa đâu. Anh đã bao giờ nghe nói về người mù không hút được thuốc vì anh ta không thấy khói bay ra chưa?”

“Tôi không tin điều đó”.

“Chính tôi cũng nghĩ đó là sự khoác lác”, anh ta nói. “Tôi vừa nghe điều ấy ở đâu đó. Con người ta biết cách nghe mọi chuyện”.

Cả hai chúng tôi cùng yên lặng và tôi lắng nghe tiếng tầm ăn.

“Anh có nghe thấy những con tầm chết tiệt ấy không?” Anh ta hỏi. “Anh có thể nghe thấy tiếng chúng nhai”.

“Thật buồn cười”, tôi nói.

“Nói đi thưa trung úy, có điều gì thực sự quan trọng làm anh không ngủ vậy? Tôi chưa bao giờ thấy anh ngủ cả. Anh chẳng hề ngủ đêm nào kể từ khi tôi ở đây với anh”.

“Tôi không biết, John ạ”, tôi nói. “Tôi rơi vào tình trạng khá tồi tệ suốt từ đầu mùa xuân trước và ban đêm nó làm tôi khó chịu”.

“Tôi cũng vậy”, anh ta nói. “Tôi không muốn lâm vào cuộc chiến tranh này. Tôi quá căng thẳng”.

“Có lẽ điều đó sẽ tốt đấy”.

“Hãy nói đi, thưa trung úy, anh tham dự dự cuộc chiến này để làm gì?”

“Tôi không biết, John à. Lúc ấy tôi muốn”.

“Muốn gì”, anh ta nói. “Đó là lý do tồi tệ”.

“Chúng ta không nên nói to như thế”, tôi nói.

“Chúng ngủ như lợn”, anh ta bảo. “Dù sao chúng cũng không thể hiểu được tiếng Anh. Chúng có thể biết quái gì đâu. Anh sẽ làm gì khi hết chiến tranh và chúng ta trở về Mỹ?”

“Tôi sẽ làm nghề giấy bút”.

“Ở Chicago?”

“Có thể”.

“Anh đã bao giờ đọc cái gì của anh bạn Brisbane viết chưa? Vợ tôi cắt ra và gửi cho tôi đấy”.

“Đọc rồi”.

“Đã bao giờ anh gặp anh ấy chưa?”

“Chưa, nhưng tôi đã nhìn thấy anh ấy”.

“Tôi thích gặp anh chàng đó. Anh ta là một tay viết khá. Vợ tôi không đọc được tiếng Anh nhưng cô ấy vẫn đặt báo như khi tôi còn ở nhà rồi cắt những bài xã luận, những trang thể thao gửi cho tôi”.

“Sắp nhỏ của anh thế nào?”

“Chúng khỏe cả. Một trong mấy đứa con gái bây giờ đã học lớp bốn. Anh biết không, trung úy, nếu không có sắp nhỏ đó thì tôi sẽ không trở thành lính liên lạc của anh như bây giờ. Người ta luôn bắt tôi ở tuyến trước”.

“Tôi rất mừng vì anh có sắp nhỏ đó.”

“Tôi cũng thế. Chúng là những đứa bé dễ thương nhưng tôi muốn có một đứa con trai. Ba đứa con gái mà không có một thằng con trai nào cả. Đó là một điều tệ hại”.

“Tại sao anh không cố ngủ đi?”

“Không, bây giờ tôi không thể ngủ được. Hiện tại tôi đang tỉnh táo, trung úy ạ. Này, dẫu sao thì tôi cũng lấy làm lo lắng về cái việc không ngủ của anh đấy”.

“Có gì đâu, John”.

“Thử tưởng tượng một anh chàng trẻ tuổi như anh mà lại không ngủ được”.

“Chẳng sao đâu. Nó chỉ là chốc lát thôi”.

“Anh sẽ phải ngủ. Một người đàn ông thì không thể cứ vương vấn mãi một điều gì đó để mất ngủ. Anh lo lắng điều gì vậy? Anh có điều gì bận tâm chăng?”

“Không đâu, John. Tôi không nghĩ thế”.

“Anh nên cưới vợ đi, trung úy ạ. Rồi anh sẽ không phải lo lắng nữa”.

“Tôi không biết”.

“Anh nên cưới vợ. Tại sao anh không chọn vợ trong số mấy cô nàng người Ý xinh đẹp, lắm tiền. Anh có thể chọn bất cứ ai mà anh muốn. Anh là người trẻ tuổi, có nhiều huy chương và trông lại ưa nhìn. Anh đã bị thương đôi lần”.

“Tiếng của tôi chưa đủ khá để nói”.

“Anh nói tốt. Cần quái gì phải nói bằng lời. Anh không phải nói với họ. Hãy cười họ”.

“Tôi sẽ suy nghĩ về điều này”.

“Anh có biết vài cô gái, phải không?”

“Phải”.

“Vậy thì anh hãy cưới một cô nhiều tiền nhất. Với cái cách dạy dỗ ở đây, cô gái nào cũng sẽ trở thành một người vợ tử tế của anh”.

“Tôi sẽ suy nghĩ về điều đó”.

“Đừng nghĩ nữa, trung úy. Hãy làm đi”.

“Được rồi”.

“Đàn ông nên có vợ. Anh sẽ không bao giờ phải hối tiếc điều đó. Tất cả đàn ông nên lấy vợ”.

“Thôi được”, tôi nói. “Ta sẽ cố ngủ đi một lát”.

“Vâng, thưa trung úy. Tôi sẽ cố ngủ lại. Nhưng anh phải nhớ những gì tôi đã nói đấy nhé”.

“Tôi sẽ nhớ”, tôi nói. “Bây giờ ta hãy ngủ đi một lát, John ạ”.

“Vâng”, anh ta nói. “Tôi hy vọng anh cũng ngủ, trung úy ạ”.

Tôi nghe anh cuộn trong tấm chăn của mình trên ổ rơm và rồi anh hoàn toàn yên lặng, tôi nghe anh thở đều đều. Rồi anh bắt đầu ngáy. Tôi nghe anh ngáy một hồi lâu và tôi ngừng nghe anh ngáy để nghe tiếng tăm ăn. Chúng ăn đều đều, gặm từng miếng vào lá. Tôi đã có một việc mới để nghĩ, tôi nằm trong bóng tối, mắt mở chong chong, nghĩ về tất cả các cô gái mà tôi từng biết và hình dung các kiểu vợ mà họ sẽ là. Đó là điều rất thú vị để nghĩ và trong một lát nó tiêu diệt toàn bộ việc câu cá hồi và gây trở ngại cho

việc cầu kinh của tôi. Dù sao, cuối cùng tôi cũng trở lại với việc câu cá hồi, bởi tôi thấy rằng tôi có thể nhớ tất cả các con suối và luôn luôn có một điều gì đó mới về chúng, trong khi các cô gái, sau khi tôi đã nghĩ về họ vài phút, đã mờ đi và tôi không thể gọi họ lại trong tâm trí, rốt cục, tất cả họ nhòa đi, tất cả trở nên đúng như cũ, tôi không nghĩ gì về họ nữa. Nhưng tôi vẫn tiếp tục cầu kinh và cứ mãi cầu nguyện trong nhiều đêm cho John và nhóm của anh đã được giải ngũ trước cuộc tấn công vào tháng mười. Tôi rất mừng bởi anh không có ở đấy bởi anh sẽ phải lơ lửng nhiều về tôi. Anh đến bệnh viện Milan để gặp tôi vào tháng sau đó và rất thất vọng về việc tôi không cưới vợ và tôi chắc anh sẽ cảm thấy rất kinh khủng nếu biết rằng đến nay tôi vẫn chưa lấy vợ. Anh sắp trở lại Mỹ và rất tin tưởng ở hôn nhân bởi biết rằng nó sẽ làm mọi thứ dễ chịu.

ĐÀO THU HẰNG dịch

SAU CƠN BÃO

Chẳng có gì, chẳng có gì đáng để đâm nhau cả, thế mà chúng tôi lại xông vào nhau, tôi trượt chân, bị hắn quật ngã, hắn chèn gối lên ngực tôi, dùng hai tay bóp cổ như thể muốn giết chết tôi, còn tôi thì cứ cố rút dao ra khỏi túi để cắt, buộc hắn buông tôi ra. Mọi người quá say để kéo hắn khỏi tôi. Hắn làm tôi nghẹt thở và đập đầu tôi xuống sàn, tôi lấy được con dao ra, bật lưỡi và cắt đứt bắp cơ trên cánh tay hắn; hắn buông tôi ra. Nếu hắn có muốn thì cũng chẳng thể nào giữ được cổ tôi nữa. Rồi hắn ôm tay lẫn lộn và gào lên; tôi nói:

– Mà mày muốn bóp tao chết nghẹt để làm cái mẹ gì?

Suýt nữa tôi đã giết hắn. Tôi không thể nuốt suốt cả tuần lễ. Hắn làm cổ tôi bị thương tổn.

À, tôi ra ngoài đó và nhiều đứa đi cùng hắn, có vài đứa rượt theo tôi, còn tôi rẽ hướng đi xuống cạnh cầu cảng, ở đây tôi gặp một gã và gã nói ai đó đã giết người trên phố. Tôi hỏi, – ai giết hắn? – gã đáp – tôi không rõ là ai giết hắn nhưng hắn đã chết thẳng cẳng rồi. Trời đã tối và nước đang ngập lên đường; không có ánh sáng, cửa sổ vỡ và thuyền bè

ngập thành phố, cây cối bị gió thổi gãy và mọi thứ đều bị thổi tung lên; tôi lấy xuống ngòi vào chèo ra và tìm thấy con thuyền của tôi ở nơi tôi neo bên trong quần đảo nhỏ Mango; nó vẫn còn nguyên vẹn duy chỉ bị nước ngập tràn. Thế là tôi kéo nó lên bơm nước ra. Đêm có trăng nhưng nhiều mây và sóng còn mạnh nhưng tôi vẫn đưa thuyền ra; và khi trời sáng tôi đã rời khỏi cảng Eastern.

Này, người anh em, đây là một cơn bão. Thuyền của tôi là chiếc đầu tiên ra khơi và chắc bạn chưa bao giờ nhìn thấy dòng nước nào như thế. Nó trắng như thùng chứa dung dịch kiềm và chảy từ cảng Eastern đến Sou'west Key, bạn không thể xác định được bờ. Có một dòng nước lớn chảy xuyên qua chính giữa bãi biển. Cây cối và mọi thứ bị cuốn đi, một dòng nước cắt ngang và mặt nước trắng như phấn, kể cả mọi thứ nổi trên nó: cành và thân cây, những con chim chết và tất cả mọi thứ đang trôi lềnh bềnh. Bên trong quần đảo, lũ bò nông trên khắp thế giới và tất cả những loài chim đang di cư qua vùng ấy đã quy tụ lại. Chúng hẳn đã tìm lánh vào trong này khi biết bão sắp đến.

Tôi nằm lại ở Sou'west Key một ngày và chẳng có ai đuổi theo tôi. Thuyền của tôi là chiếc đầu tiên rời khỏi bến, bỗng tôi thấy xa xa chơi vơi một cái cột buồm, tôi hiểu chỗ ấy hẳn có một con tàu đắm và tôi bắt đầu hành trình tìm kiếm nó. Tôi đã tìm thấy. Đây là chiếc thuyền có ba buồm dọc và tôi chỉ nhìn thấy ba đỉnh cột buồm nhô khỏi mặt nước. Chiếc thuyền chìm ở chỗ nước sâu quá do vậy tôi không thể vớt được thứ gì trên thuyền. Thế là tôi tiếp tục tìm kiếm thứ khác. Tôi đã xem xét đủ mọi thứ và tôi biết

tôi nên vớt lấy bất cứ thứ gì được trong tầm tay. Tôi đã bỏ qua ba cồn cát tính từ chỗ chiếc thuyền ba cột buồm dọc chìm, nhưng tôi chẳng tìm thấy thứ gì và tôi tiếp tục đi thêm một khoảng xa. Tôi đã đi khá xa, tiến về phía bãi cát lầy và cũng không tìm thấy gì cả nên tôi vẫn tiếp tục. Rồi khi đi vào trong tầm của vùng sáng Rebecca, tôi thấy đủ loại chim – và quả thật là cả một đàn chim – đang lượn vòng trên thứ gì đó và tôi hướng mũi thuyền về phía ấy để xem đấy là cái gì.

Tôi có thể nhìn thấy một vật giống như chiếc cột buồm nhô lên mặt nước và khi tôi đến gần, lũ chim bay vọt lên lượn vòng quanh tôi. Ở đó nước trong, phần đầu của vật gì đó mấp mô trên mặt nước còn khi đến gần hơn tôi thấy nó đen sẫm dưới nước tựa cái bóng dài và tôi đến ngay bên trên nó: dưới nước là một chiếc tàu, chìm nghiêng, lớn như thể một toà nhà dài. Tôi thả thuyền trôi qua. Con tàu nằm nghiêng, đuôi tàu chìm sâu trong nước. Tất cả các ô cửa sổ đều được đóng chặt, tôi chỉ có thể nhìn thấy mặt kính ánh lên trong nước và toàn bộ con tàu, con tàu lớn nhất mà tôi đã từng thấy trong đời đang nằm đó và tôi lái thuyền dọc theo hết cả chiều dài của nó. Khi đi hết, tôi buông neo rồi kéo chiếc xuống trên khoang thuyền ra phía trước, đẩy nó xuống nước và chèo tới trong lúc đàn chim vẫn bay dày đặc xung quanh.

Tôi có một cái kính lặn có thể nhìn rõ dưới nước nhưng tay tôi run đến nỗi khó có thể giữ được nó. Tất cả các cửa sổ trên tàu đều đóng kín, bạn có thể thấy được điều đó khi nhìn dọc theo các dây cửa nhưng ở phía dưới, gần đáy tàu hẳn có một lỗ hổng nào đó bởi lẽ những mẫu đồ vật không

ngừng nổi lên. Bạn không thể nói chúng là gì. Chỉ là những mẩu nhỏ. Đây là thứ lũ chim đang săn đuổi. Bạn chẳng thể nào thấy chim nhiều đến thế. Cả đàn bay quanh tôi, gào thét điên cuồng.

Tôi có thể nhìn thấy mọi thứ thật rõ ràng. Tôi có thể thấy con tàu bị lật nghiêng và dưới nước trông nó dài đến cả dặm. Nó nằm trên dải cát trắng sạch sẽ và phần nhô lên ấy là cái cột buồm phía trước hay thiết bị gì đó bị bong ra khi con tàu chìm nghiêng xuống. Mũi tàu không chìm sâu trong nước. Tôi có thể đứng trên dòng chữ, tên con tàu, ở đầu mũi mà vẫn nhô được đầu lên khỏi mặt nước. Nhưng cái cửa sổ gần nhất thì lại chìm sâu đến gần bốn mét. Tôi không thể đưa cây sào đến cửa sổ mà tôi định đập vỡ kính. Tấm kính rất cứng. Thế là tôi phải chèo xuống quay lại thuyền để lấy cái cờ lê buộc vào đầu cây sào nhưng tôi cũng không thể nào đập vỡ nó. Tôi đứng nhìn qua mặt kính vào con tàu với mọi thứ bên trong, tôi là người đầu tiên tìm ra nó nhưng tôi không thể vào bên trong. Con tàu hẳn chứa một khối lượng hàng hóa trị giá năm triệu dollar.

Ý nghĩ về giá trị của con tàu khiến tôi phát run lên. Bên trong cửa sổ gần nhất tôi nhìn thấy cái gì đó nhưng không thể xác định rõ qua lớp kính. Tôi chẳng thể nào xoay sở được với cây sào, tôi cởi đồ, đứng hít mấy hơi thật sâu, cầm cái cờ lê rồi đuôi xuống lặn xuống. Tôi có thể lặn trong vòng một giây là đã đến được gờ cửa sổ, tôi nhìn vào và thấy một người đàn bà, tóc xõa bênh bồng bên trong. Tôi có thể thấy cô ta rất rõ rồi tôi dùng cờ lê gõ thật mạnh hai lần vào cửa kính, tôi nghe tiếng động dội vào tai nhưng kính vẫn chưa vỡ, tôi phải ngoi lên.

Tôi bám vào xuống để thở, rồi leo lên thở thêm vài hơi nữa rồi lại lặn xuống. Tôi lần đến nắm lấy gờ cửa sổ, mấy ngón tay bám chặt lấy còn tay kia vung cờ lê giả thật lực xuống tấm kính. Nhìn qua cửa kính, tôi có thể thấy người đàn bà đang lênh bênh trong khoang ngập nước. Có lẽ trước đó tóc cô ta được cặp vào đầu nhưng bây giờ nó đã xõa tung. Tôi có thể thấy mấy chiếc nhẫn trên bàn tay của cô ta. Cô ta lập lòe sát cửa sổ, tôi đập vào lớp kính hai lần nhưng cũng chưa làm nó nứt. Khi ngoi lên, tôi nghĩ hẳn mình sẽ không thể phá vỡ được nó trước lúc phải bơi lên để thở.

Tôi lặn xuống thêm lần nữa và đập rạn tấm kính, nhưng chỉ rạn thôi rồi khi trôi lên, mũi tôi chảy máu, tôi đứng trên mũi tàu, đôi chân trần giẫm lên dòng chữ, đầu tôi nhô lên, nghỉ một lát rồi tôi bơi tới xuống, đu người lên, ngồi đợi cái đầu hết đau rồi nhìn qua kính lặn nhưng máu mũi tôi rỏ xuống nên tôi phải chùi cái kính. Sau đó tôi nằm ngửa trên xuống, ấn tay vào dưới mũi để cầm máu và tôi nằm đó, ngửa đầu nhìn lên cả triệu con chim đang bay lượn xung quanh.

Khi hết chảy máu, tôi lại nhìn qua lớp kính rồi chèo đến thuyền để tìm xem có vật gì nặng hơn cái cờ lê nhưng tôi không thể kiếm được cái nào; thậm chí chỉ là một cái móc bọ biển. Tôi quay lại, mặt nước dần dần trong hơn, bạn có thể nhìn thấy mọi thứ trôi trên dải cát trắng ấy. Tôi ngại cá mập nhưng không có bóng dáng một con nào. Bạn có thể nhìn thấy cá mập từ xa. Nước thì trong còn nền cát thì trắng. Có một cái móc sắt để làm neo trên xuống, tôi cắt nó ra, mang khỏi xuống và lặn xuống. Nó kéo tôi thẳng

xuống, vượt qua cửa sổ, tôi chộp lấy gờ cửa nhưng không thể bám vào nên cứ bị lôi tuột đi, trượt qua sườn cong của con tàu. Tôi buộc phải buông tay khỏi chiếc móc. Tôi nghe nó đánh sầm một tiếng và tôi có cảm giác như thể mình phải mất cả năm mới trôi lên được mặt nước. Chiếc xuồng bị thủy triều cuốn đi, mang cái mũi đang chảy máu vào trong nước, tôi bơi đến xuồng và lấy làm mừng là trong lúc bơi, chẳng có con cá mập nào xuất hiện; nhưng tôi đã mệt lử.

Đầu tôi như thể sắp nổ tung, tôi nằm trên xuồng nghỉ một lát rồi chèo quay lại. Chiều đang dần trôi. Tôi cầm cái cờ lê lặn xuống một lần nữa nhưng chẳng làm được gì. Cái cờ lê ấy quá nhẹ. Có lặn thêm nữa cũng chẳng lợi ích gì nếu không có một cái búa lớn hoặc thứ gì đó đủ nặng để phá vỡ lớp kính. Rồi tôi lại buộc cái cờ lê vào cây sào, nhìn qua mắt kính lặn, tôi động mạnh xuống mặt kính, rồi cứ thế già cho đến lúc cái cờ lê tuột ra, tôi thấy rõ nó trên tấm kính rồi trượt xuống theo sườn tàu, rơi ra, chạm mặt cát lầy rồi chui tụt xuống. Đến lúc ấy, tôi chẳng còn làm được trò trống gì nữa. Cờ lê đã mất và trước đó thì cái móc sắt cũng đã chìm, thế là tôi đành chèo xuồng quay lại thuyền. Do quá mệt nên tôi không thể kéo chiếc xuồng lên khoang thuyền, mặt trời đã xuống rất thấp. Đàn chim sắp bỏ đi, rời khỏi con tàu còn tôi thì hướng mũi thuyền vào Sou'west Key, kéo theo chiếc xuồng, đàn chim bay phía trước và cả phía sau. Tôi rất mệt.

Tối ấy trời tiếp tục nổi gió và kéo dài suốt cả tuần. Người ta không thể ra khơi tìm con tàu ấy được. Từ thành phố, có mấy thằng đến báo tôi biết là cái gã bị tôi bắt vẫn

bình yên, trừ cánh tay của gã, khi tôi quay lại thành phố chúng phạt tôi năm trăm dollar. Đây là món tiền thu xếp bởi vài đứa trong chúng, bạn của tôi ấy mà, đã thể sống thể chết là gã ấy đã xách rìu rượt theo tôi; nhưng rồi lúc bọn tôi quay lại con tàu thì cánh Hy Lạp đã dùng thuốc nổ phá lối vào con tàu và quét sạch. Chúng lấy được két sắt. Chẳng ai biết chúng kiếm được bao nhiêu. Con tàu chở vàng và chúng lấy sạch. Chúng vét không còn một móng. Tôi đã tìm thấy nó trước nhưng tôi chẳng kiếm được một xu.

Rõ là một vố chết tiệt. Người ta bảo chiếc tàu vừa đến bên ngoài cảng Havana thì cơn bão ập đến, nó không thể vào cảng hoặc những ông chủ không cho phép thuyền trưởng đưa tàu vào; họ bảo ông ta muốn thử; như thế con tàu phải ra đi. Trong đêm tối, họ cố đưa tàu xuyên qua vịnh giữa Rebecca và Tortugas thế là con tàu đã đâm phải cát lầy. Có lẽ bánh lái của nó đã bị cuốn đi. Có lẽ nó bị bỏ mặc, không tay lái. Nhưng dẫu sao thì chắc thủy thủ đoàn không biết có cát lầy rồi khi bị mắc kẹt, thuyền trưởng hẳn đã ra lệnh mở các khoang giữ thăng bằng để con tàu nằm yên. Nhưng nó đã va phải cát lầy, khi các khoang được mở thì phần đuôi bị chìm trước rồi cả con tàu lật nghiêng sang một bên. Có bốn trăm năm mươi hành khách và thủy thủ đoàn trên tàu và khi tôi tìm thấy thì họ chắc hẳn còn trong ấy. Hẳn họ đã mở các khoang cấp cứu ngay khi con tàu đâm phải cát, nhưng ngay lúc ấy cát lầy đã nhấn chìm nó. Sau đó hẳn các nồi hơi nổ tung, nó đã làm cho nhiều thứ ở trong tàu nát nhừ, nổi lên thành nhiều mảnh trên mặt nước. Dẫu sao thì điều đáng buồn cười là chẳng có con cá mập nào.

Không có lấy một con. Tôi có thể nhìn thấy chúng trên nền cát trắng sạch sẽ ấy.

Nhưng giờ đây thì có nhiều cá lăm; những con cá mú, loài lớn nhất. Hầu như con tàu đã ngập trong cát nhưng chúng vẫn sống trong đấy, các loại cá mú lớn nhất ấy. Vài con cân nặng từ 130 đến 150 kg. Thỉnh thoảng bọn tôi ra đấy bắt mấy con. Từ chỗ tàu chìm bạn có thể nhìn thấy ánh điện của Rebecca. Bây giờ người ta đã cắm một cái phao nơi ấy. Con tàu chìm cuối vùng cát lầy, ngay mép vịnh. Nó chỉ chạy chệch hướng chừng 100 mét. Trong đêm mưa bão, họ không thấy đường bởi màn mưa ngăn không cho họ xác định được Rebecca. Thêm nữa, họ chưa đủ kinh nghiệm với kiểu cát lầy. Thuyền trưởng không quen xử lý tình huống đó. Họ đã vạch sẵn hành trình và người ta cho tôi hay họ có loại la bàn tự điều khiển bánh lái. Có lẽ họ không biết mình ở đâu khi bị gió bão thổi bạt đành phải ghé sát bờ để định hướng. Có lẽ họ đã bị mất bánh lái. Dầu sao thì trên hành trình đến Mexico, con tàu không còn cơ hội đâm phải thứ gì khác một khi đã nằm trong vịnh đó. Nhưng người ta cũng còn hồ nghi việc con tàu đã hút phải cát lầy trong đêm mưa gió ấy và thuyền trưởng ra lệnh mở các khoang cứu hộ. Không một ai có thể lên boong trong mưa bão. Mọi người chắc phải ở bên dưới. Họ không thể sống trên boong. Nhưng thế hẳn sẽ còn những cảnh tượng kinh hoàng nào đó bên trong tàu bởi bạn biết con tàu đã chìm rất nhanh. Như cái cách tôi thấy cái cò lê chìm xuống. Thuyền trưởng chỉ không biết con tàu đã đâm vào cát lầy một khi ông ta không am hiểu vùng biển này. Ông ta chắc biết đấy không phải là đá. Ông hẳn có thể nhìn thấy rõ từ

trên đài chỉ huy. Ông ta chắc biết chuyện gì sẽ xảy ra khi tàu chìm. Tôi không rõ nó chìm có nhanh không. Tôi thăm hỏi liệu có ai ở đó với ông ta không. Bạn có nghĩ là họ ở trong đài chỉ huy hay là bạn nghĩ họ điều khiển ở bên ngoài. Người ta chẳng thấy cái xác nào. Không có lấy một cái. Không có xác nào nổi cả. Họ cũng không dạt xa với phao cứu đuối. Hẳn họ đã ở bên trong. Chà, bọn Hy Lạp đã cuỗm sạch. Tất cả mọi thứ. Rõ là bọn chúng nhanh tay thật. Chúng quét sạch con tàu. Thoạt tiên là lũ chim, tiếp đến là tôi rồi bọn Hy Lạp sau đó, nhưng thậm chí lũ chim còn có thể kiếm được nhiều hơn tôi.

LÊ HUY BẮC dịch

LỊCH SỬ TỰ NHIÊN CỦA CÁI CHẾT

Đối với tôi dường như chiến tranh luôn là mảnh đất hoang chưa được các nhà nghiên cứu tự nhiên quan sát. Chúng ta có những trang miêu tả đầy ấn tượng và hấp dẫn về hệ thực-động vật ở Patagonia trong ấn phẩm gần đây của W. H. Hudson, Đức giám mục Gilbert White đã kể rất hay về hành trình viếng thăm thừa thốt, không đều đặn của loài chim riu đến Selborne, còn linh mục Stanley đã tặng chúng ta một quyển sách rất giá trị và không kém phần thông dụng, Lịch sử họ hàng của loài chim. Nhưng liệu chúng ta có thể hy vọng cung cấp cho độc giả những sự kiện thú vị và hiếm thấy về cái chết không? Tôi hi vọng là có thể.

Khi Mungo Park, vị du khách kiên nhẫn đang đi theo lộ trình của mình bỗng ngất đi giữa cái hoang vắng rợn người của hoang mạc châu Phi, trần trụi và cô độc, tin rằng thời gian còn sống của mình đã được đánh số, chẳng có gì xuất hiện để gợi trong gã khao khát sống ngoại trừ việc nằm xuống đợi chết thì một bông hoa rêu nhỏ đẹp tuyệt vời đập vào mắt gã. “Mặc dù toàn bộ cái cây kia”, gã nói,

“chẳng nhỉnh hơn một ngón tay của ta nhưng ta không thể ngấm mà không ngưỡng mộ sự kiên định tuyệt vời của bộ rễ, lá và quả nang của nó. Liệu tạo hóa, người có thể gieo trồng, chăm tưới và nuôi dưỡng hoàn hảo trên vùng âm u của thế giới này một sinh thể quá ư nhỏ bé, trông như thể bị bỏ rơi trên mặt đất và phải chịu đựng những sinh vật ra đời sau nó không? Chắc chắn là không. Những cảnh tượng như thế này hẳn không cho phép ta tuyệt vọng; ta phải gượng dậy bất chấp cái bụng đói và cơn choáng váng, tiến về phía trước, với niềm tin rằng sự cứu rỗi sắp đến trong tâm tay, ta không được tuyệt vọng”.

Ở vào vị trí đáng để ngưỡng mộ và hoài nghi của kiểu tính cách này như Linh mục Stanley nói thì bất kỳ ngành nghiên cứu Lịch sử tự nhiên nào cũng có thể không tán dương sự kiên định, tình yêu và hy vọng mà mỗi một ai trong chúng ta cũng cần trong hành trình của riêng mình để vượt qua sự mông muội của cõi đời chẳng? Vậy nên ta hãy cùng xem xét thứ cảm hứng nào mà ta có thể nhận được từ những cái chết.

Trong chiến tranh, giống đực của loài người thì luôn luôn chết mặc dù điều này không đúng với các loài vật, tôi thường thấy những con ngựa cái chết giữa đám ngựa nghèo. Một khía cạnh thú vị nữa của chiến tranh, và là điều duy nhất mà các nhà nghiên cứu tự nhiên gặp may là kết quả rút ra qua việc quan sát cái chết của đám lừa. Suốt hai mươi năm theo dõi trong cuộc sống bình thường, tôi chưa hề nhìn thấy một con lừa chết và đã bắt đầu nảy sinh trong lòng mối nghi hoài rằng cái giống vật này chưa bao giờ chết thật cả. Đôi khi tôi cũng bắt gặp những cảnh tượng

gọi trong đầu hình ảnh những chú lừa chết nhưng khi đến gần, những con vật ấy hãy còn sống, cái chết của chúng chỉ là sự phản hồi của quá trình thư giãn hoàn toàn. Nhưng trong chiến tranh những con vật ấy cũng chết hết như cách lũ ngựa gục xuống hay giãy dụa trong cơn hấp hối.

Phần lớn những con lừa chết mà tôi nhìn thấy đều nằm dọc theo đường núi hay nằm dưới chân dốc nơi chúng bị đẩy xuống để tránh làm nghẽn con đường. Chúng dường như hài hoà trong cảnh quan rừng núi nơi mỗi con được người ta làm cho thích nghi với tình huống thực tại và lúc đó trông chúng ít phi lý hơn sau này ở Smyrna, những người Hi Lạp đập gãy chân của những con vật thô hàng của họ rồi đẩy chúng ra khỏi cầu cảng xuống vùng nước cạn cho chết đuối. Số lượng lừa và ngựa chết đuối chỗ nước cạn đã kêu đòi Goya vẽ về chúng. Mặc dù theo nghĩa đen thì ta khó có thể nói chúng kêu đòi Goya bởi vì chỉ có một Goya duy nhất đã chết từ lâu, và người ta lại càng nghi ngờ hơn khi dám súc vật ấy lại có thể kêu đòi, tái hiện cảnh ngộ của chúng trong tranh nhưng rất có thể nếu chúng phát âm được rõ ràng thì ai đó hẳn sẽ nghe được tiếng nói ấy để làm nguôi ngoai phần nào thảm cảnh của chúng.

Đề cập đến giới tính của cái chết thì còn có điều này, con người ta quen nhìn tất cả các cái chết là của đàn ông còn khi thấy xác chết của một phụ nữ thì họ lại khá sững sốt. Lần đầu tiên tôi chứng kiến sự đảo lộn cái chết thông thường là ở vụ nổ xuống sản xuất đạn ở ngoại vi Milan, Italy. Chúng tôi lái xe tải đến khu vực thảm hoạ trên con đường phủ bóng bạch dương, men theo những con mương

có nhiều sinh vật phù du mà tôi chẳng thể nào nhìn rõ bởi xe tải đang khuấy tung những đám bụi lớn. Đến khu vực trước đây là xưởng đạn, trong lúc vài đứa trong bọn tôi được phân đi kiểm tra mấy kho đạn lớn chưa nổ vì một lí do nào đó thì một toán được cử đi dập lửa lúc này đang lan sang cánh đồng lân cận; bọn tôi còn nhận thêm lệnh lập tức phải tìm kiếm xác chết trên cánh đồng và vùng phụ cận. Chúng tôi tìm thấy và mang đến nhà xác đã chiến một số lượng lớn những xác chết và tôi phải thẳng thắn thừa nhận rằng mình đã bị sốc khi thấy trong số tử thi ấy, xác của phụ nữ nhiều hơn xác đàn ông. Đạo ấy phụ nữ chưa có một cắt tóc ngắn như họ cắt mãi nhiều năm sau này ở châu Âu và Mỹ, nhưng lúc đó điều bực mình nhất, có lẽ tại vì quá lạ lẫm, là kiểu tóc và càng chướng tai gai mắt hơn khi nó xuất hiện trong thời tóc dài đang ngự trị này. Tôi nhớ sau khi gom hết các tử thi còn nguyên vẹn, chúng tôi bắt đầu nhặt nhạnh các mảnh vụn. Nhiều mảnh bám trên hàng rào dây thép gai dày bao xung quanh xưởng, từ những mẫu thịt bất động ấy chúng tôi có thể kéo lên cả chuỗi bấy nhầy, một sự kiểm nghiệm hữu hiệu cho sức công phá ghê gớm của loại thuốc nổ cực mạnh. Nhiều mẫu chúng tôi tìm thấy cách xa ngoài đồng, chúng bị đẩy đi xa hơn bởi độ nặng của chúng.

Trên đường quay trở lại Milan, tôi nhớ một hoặc hai người trong số chúng tôi tranh luận về điều vừa xảy ra và đồng ý rằng cái khung cảnh hoang tàn và thực trạng chẳng có ai bị thương hẳn đã làm giảm đi nhiều nỗi kinh hoàng của thảm họa mà lẽ ra chắc đã khủng khiếp hơn nhiều. Khung cảnh đó cũng cho thấy vụ nổ diễn ra rất đột ngột, vì

thể xác chết vẫn không gây khó chịu lắm khi mang đi và việc làm đó như thể đang diễn ra trên chiến trận. Mặc dù bụi bặm nhưng cảm giác dễ chịu khi đánh xe đi qua nhiều miền quê Lombard xinh đẹp lại là sự bù đắp cho nhiệm vụ khó chịu vừa rồi và trên đường về, trong lúc luận bàn về cảm giác, cả bọn đồng ý rằng đây là điều thực sự may mắn bởi ngọn lửa mới bùng lên ngay khi chúng tôi vừa đến đã nhanh chóng bị dập tắt trước lúc kịp lan đến mấy kho đạn khổng lồ còn sót lại. Bọn tôi cũng đồng ý rằng việc gom nhặt những mẩu tử thi là công việc kỳ lạ; nó gây nên sự kinh ngạc rằng thay vì nổ tung theo từng bộ phận thì cơ thể con người chẳng bị tung ra theo các đường mở phẫu thuật thường làm mà bị cắt nát tùy hứng dưới sự tác động của loại đạn có sức công phá mạnh.

Một nhà nghiên cứu tự nhiên, muốn thu lượm độ chính xác thì có lẽ chỉ nên giới hạn sự quan sát của mình vào một giai đoạn và tôi trước tiên sẽ đưa anh ta đến với cuộc tấn công quân Áo vào tháng 6-1918 ở Italy. Bởi đây là cuộc chiến mà cái chết đã hiện diện với số lượng khổng lồ nhất của nó, một cuộc rút lui bị chặn lại và một cuộc tấn công sau đó nhằm tái chiếm trận địa đã bị thất thủ để các vị trí sau khi trận đánh kết thúc cũng giống hệt như trước đó, ngoại trừ sự hiện diện xác chết. Kể cho đến khi người chết được chôn cất thì hình hài chúng mỗi ngày một thay đổi. Sắc da của các tộc người Cáp-ca từ trắng chuyển sang vàng, đến xanh vàng rồi đen kịt. Nếu bị để lâu dưới cái nóng thì da thịt chuyển sang dạng giống hệt nhựa than đá; đặc biệt là ở những chỗ bị bắn nát hay bị gãy vụn thì chúng phát ngửi sắc hệt như màu than đá. Xác chết trương lên

hàng ngày mãi cho đến khi thỉnh thoảng chúng trở nên chật chội trong bộ quân phục, cứ nén chặt cho đến khi sắp nổ tung. Những xác chết riêng lẻ có thể trương phình đến một kích cỡ to lớn không thể nào tin được còn những khuôn mặt thì căng phồng tròn vành như mấy quả bóng. Điều kinh ngạc, tiếp theo sự to béo dị thường, là khối lượng giấy tờ vương vãi quanh xác chết. Vị trí sau cùng của chúng, trước lúc tử thi được chôn cất phụ thuộc vào vị trí mấy cái túi của bộ quân phục. Với quân áo, những cái túi nằm phía sau quần và kẻ chết, sau một thời gian ngắn, tất cả đều nằm úp mặt xuống, hai cái túi bên hông bị lộn ra, giấy tờ chĩa bên trong rải đều trên đám cỏ quanh chúng. Cái oi bức, ruồi và vị trí hiển thị của tử thi trên cỏ cùng với đám giấy tờ bao quanh để lại những ấn tượng mạnh trong ký ức của con người. Mùi chiến trận dưới tiết trời oi nồng là thứ mùi không thể nào quên. Bạn có thể nhớ rằng có một loại mùi như thế, nhưng sẽ chẳng có điều gì xảy ra với bạn để gọi lại thứ mùi ấy. Nó chẳng giống mùi trung đoàn mà bất thành linh sống lại trong bạn lúc đi trên ô tô, bạn nhìn lại và phát hiện ra người đã mang mùi ấy đến cho bạn. Nhưng mùi vị kia sẽ biến mất hẳn khi bạn yêu; bạn nhớ nhiều điều đã xảy ra, nhưng còn cảm giác thì không thể nào nhớ lại được.

Ai đó hẳn sẽ hoài nghi trước những gì mà vị du khách nhân nại Mungo Park đã chứng kiến: cảnh chiến địa trong tiết trời nóng bức để củng cố lòng tin của mình. Vào độ cuối tháng sáu và cả tháng bảy, cây thuốc phiện thường mọc xen giữa đám lúa mì, cây dâu phủ đầy lá và bạn có thể nhìn thấy những lớp sóng nhiệt toả ra từ nòng máy khẩu súng khi bị mặt trời chiếu trúng qua đám lá; quanh mép

công sự mặt đất chuyển sang màu vàng choé chỗ mấy băng đạn nằm trù trui. Xem những ngôi nhà bình thường bị sụp đổ thì dễ chịu hơn xem những ngôi nhà bị đạn bom phá nát, nhưng một vài du khách sẽ khoan khoái hít đầy lồng ngực bầu không khí chớm hạ trong lành đó và có những suy nghĩ giống Mungo Park về những hình ảnh họ tưởng tượng trong đầu.

Điều đầu tiên bạn khám phá được ở các xác chết là đây: bị giã thẳng cánh, họ chết như loài súc vật. Nhiều kẻ chết rất nhanh bởi những vết thương mà bạn nghĩ rằng đến thỏ cũng không chết vì những vết thương như thế. Họ chết bởi những vết thương rất nhỏ như đôi lúc lữ thỏ chết vì ba bốn mảnh đạn ghém mà hầu như khó có thể xuyên được qua da. Những kẻ khác thì chết như mèo, sọ bị xuyên thủng, mảnh đạn găm vào não, họ ngã ngoài đống hai ngày giống như lữ mèo lúc lăn vào trong thùng than với một viên đạn trong đầu và sẽ không chết cho đến khi bạn cắt đầu chúng. Có lẽ lúc ấy cái giống mèo vẫn chưa chết, người ta bảo chúng có chín kiếp, tôi không rõ lắm nhưng hầu hết con người ta đều chết như lữ súc vật, chẳng phải chỉ riêng đàn ông. Tôi chưa bao giờ chứng kiến cái gọi là cái chết tự nhiên vậy nên tôi đổ lỗi tất cả cho chiến tranh và cũng giống như kẻ lữ hành kiên nhẫn Mungo Park kia, người nhận biết còn có một điều gì khác nữa, điều luôn ẩn sau một điều khác, và khi ấy tôi đã chứng kiến.

Một kiểu chết tự nhiên duy nhất mà tôi đã nhìn thấy chẳng hề chảy tí máu nào, chảy máu thì tệ lắm, kiểu chết vì chứng cảm cúm Tây Ban Nha. Mặc phải bệnh này, bệnh nhân sổ mũi, ngạt thở và chắc bạn biết người bệnh chết

như thế nào: vào giai đoạn cuối, bệnh nhân lại hoá thành trẻ nhỏ, mặc dù thể xác đã to đùng, nhưng hân ta vẫn bình ra khăn trải giường như đã từng bình ra tã và cuối cùng chất dịch màu vàng cứ rỉ ra, nhỏ giọt sau khi tim ngừng đập. Vậy nên bây giờ tôi muốn trông thấy cái chết của bất kỳ kẻ tự xưng là nhà nhân văn chủ nghĩa nào, bởi lẽ vị du khách nhằn nại như Mungo Park hay cả tôi vẫn đang sống và có lẽ sẽ sống để được thấy cái chết thực sự của những thành viên thuộc giới trí thức này và xem cái cách tồn tại cao thượng mà họ tạo ra. Trong lối suy nghĩ của một nhà nghiên cứu tự nhiên thì đối với tôi, hoá ra là trong lúc nghi lễ là tuyệt đối thì một ai đó cần phải không lịch sự nếu vấn đề chủng tộc được đặt ra. Bởi một khi những kẻ cầm quyền ra lệnh sinh đẻ thì thật là trái đạo lý, trái đạo lý quá mức và tôi cũng nghĩ rằng có lẽ đó là do nguồn gốc của những kẻ ấy, những người là, hoặc đã là con cái của những cuộc hôn phối hợp thức. Dẫu nhìn thấy cái kết cục của đôi người và hình dung cái cách lũ giun, bọ cố tồn tại trong môi trường khô cằn cố hữu; nơi những cuốn sách kỳ quặc của họ tan thành cát bụi và tham vọng của họ được chú thích đầy bên dưới trang sách.

Có lẽ trong lúc các công dân tự nguyện ấy có mối quan hệ hợp pháp với lịch sử tự nhiên của cái chết, mặc dù sự tự nguyện đó có thể chẳng còn ý nghĩa gì khi cuốn sách này được xuất bản. Nhưng nó lại bất công với những cái chết khác, những người không chết trong sự lựa chọn ở tuổi trẻ của họ, những người chẳng có lấy cuốn tạp chí nào, và nhiều người trong số đó thì ta chẳng còn nghi ngờ gì về việc họ chưa từng mớ đến một bài bình luận, nhưng lại được

tìm thấy trong cái oi nồng của thời tiết với nửa đầu giờ bọ đang đục khoét tại nơi trước đây là miệng họ. Với cái chết, không phải lúc nào tiết trời cũng nóng, nhiều lúc trời mưa, nước mưa rửa sạch khi họ nằm trong mưa, nước mưa làm đất mềm khi họ được vùi xuống và đôi khi trời cứ mưa cho đến lúc đất hoá bùn, họ lại trôi lên và người ta lại chôn họ. Hoặc trong mùa đông trên núi, bạn lại vùi họ xuống tuyết rồi mùa xuân, khi tuyết tan thì người khác lại phải chôn họ. Họ có những nghĩa địa đẹp trên núi, chiến tranh ở vùng núi là loại chiến tranh đẹp nhất trong tất cả các loại chiến tranh và một lần trong số ấy, tại nơi có tên gọi là Pocol, người ta chôn vị tướng bị một tay bắn tĩa nã xuyên qua đầu. Đây là nơi nhiều nhà văn nhâm lẫn, những người viết mấy cuốn sách có nhan đề *Những vị tướng chết trên giường*, bởi vị tướng ấy chết trong giao thông hào đào dưới tuyết, trên vùng núi cao; ngài đội chiếc mũ Alpini cắm lông chim ưng với một cái lỗ phía trước mà bạn không thể dứt lốt ngón tay út và một cái lỗ phía sau bạn có thể dứt lốt cả nắm tay vào nếu nắm tay ấy nhỏ và bạn muốn dứt nó vào, ở đó máu vương tràn trên tuyết. Vị tướng ấy rất cù và cả tướng Von Behr cũng thế, ông chỉ huy lực lượng Alpenkorps Bavaria tại mặt trận Caporetto và bị giết trong xe chỉ huy của mình bởi lực lượng tập hậu Italy khi ông đang dẫn đầu đội quân của mình tiến vào Udine, và nhan đề của tất cả những cuốn sách như thế hẳn sẽ là *Những vị tướng luôn luôn chết trên giường* nếu chúng ta muốn diễn đạt một cách chính xác những chuyện như thế.

Cũng ở miền núi, đôi khi tuyết rơi trên những người chết bên ngoài trạm cấp cứu nằm bên phía rặng núi bảo vệ

tránh đạn pháo. Người ta đưa họ vào cái hang khoét từ sườn núi, trước lúc mặt đất đóng băng. Trong hang có một người đầu bị vỡ như kiêu một lọ hoa có thể vỡ và được dính lại bằng màng nhầy và một lớp băng quăn rất kỹ thuật mà bây giờ đã thấm ướt và đông cứng, bộ não bị nhiều mảnh xương sọ làm xây xát nhưng người ấy vẫn còn thoi thóp suốt một ngày, một đêm rồi thêm một ngày nữa. Những người khênh cáng yêu cầu bác sĩ vào khám anh ta. Mỗi lần đưa cáng vào họ đều nhìn thấy anh ta và dẫu cho không nhìn thì họ vẫn nghe tiếng anh ta thở. Mắt bác sĩ đỏ quạch, mi mắt sưng phồng, gần như nhắm hẳn bởi hơi cay. Ông khám qua anh ta hai lần; một lần vào ban ngày và một lần với cây đèn pin. Cảnh tượng ấy hẳn là hình mẫu tốt cho một bức hoạ khắc bằng axit của Goya, ý tôi muốn nói là cái lần bác sĩ khám bằng đèn pin ấy. Sau lần khám thứ hai, bác sĩ mới tin lời mấy người khênh cáng khi họ bảo anh ta vẫn còn sống.

“Các cậu muốn tôi phải làm gì bây giờ?” Ông hỏi.

Chẳng có gì để họ muốn cả. Nhưng chỉ lát sau họ xin phép đưa anh ta ra đặt bên cạnh những người bị thương nặng.

“Đừng. Đừng. Đừng!” Bác sĩ đang bận rộn nói. “Chuyện gì vậy? Các cậu sợ hấn ta à?”

“Bọn tôi không thích nghe hấn ở đó bên những người chết”.

“Thì đừng có nghe. Nếu các cậu đưa hấn ra thì tôi sẽ phải đưa hấn vào”.

“Bọn tôi không bận tâm đến điều đó, thưa đại ury bác sĩ”.

“Đừng”, bác sĩ nói. “Đừng. Các cậu không nghe tôi bảo đừng sao?”

“Tại sao ông không tiêm cho hắn một liều morphine cực mạnh?” Viên sĩ quan pháo binh, người đang đợi băng vết thương trên cánh tay, hỏi.

“Anh nghĩ đây là trường hợp duy nhất tôi dùng morphine à? Anh có muốn tôi mổ mà không cần morphine sao? Anh có súng, hãy ra ngoài đó bắn chết hắn đi”.

“Hắn đã bị bắn rồi,” viên sĩ quan nói. “Nếu có ai trong số bác sĩ bọn anh bị thương thì hắn các anh đã đối xử khác”.

“Cám ơn anh rất nhiều”, bác sĩ nói trong lúc vẩy cái kẹp trong không khí.

“Ngần lẩn cảm ơn anh. Mắt bị sao vậy?” ông ta đưa kẹp chỉ vào. “Sao anh lại bị như thế?”

“Hơi cay. Nếu bị hơi cay, bọn tôi xem là may mắn”.

“Bởi các anh được rời khỏi tuyến đầu”, bác sĩ nói. “Bởi vì bọn anh có thể lợi dụng hơi cay để chuẩn đến đây. Anh xát hành vào mắt thì có”.

“Ông hơi quá rồi đấy. Tôi không chấp những lời sỉ nhục của ông. Ông bị điên”.

Mấy người khênh cáng bước vào.

“Thưa đại úy bác sĩ”, một trong số họ nói.

“Ra khỏi đây ngay!” bác sĩ quát.

Họ bước ra.

“Tôi sẽ bắn anh chàng đáng thương ấy”, viên sĩ quan pháo binh nói. “Tôi nhân đạo. Tôi sẽ không để anh ta phải chịu đựng”.

“Vậy thì bắn hắn đi”, bác sĩ nói. “Cứ bắn hắn đi. Nhớ chịu trách nhiệm. Tôi sẽ viết báo cáo. Bị thương, bị giết bởi trung úy pháo binh tại trạm sơ cứu tiền tiêu. Bắn hắn đi. Cứ đi mà bắn hắn”.

“Ông là đồ vô nhân đạo”.

“Nhiệm vụ của ta là cứu chữa thương binh, không phải giết họ. Việc ấy dành cho các quý ngài pháo binh”.

“Vậy thì tại sao ông không cứu chữa cho hắn?”

“Ta đã làm như thế rồi. Ta đã làm tất cả những gì có thể làm”.

“Sao ông không chuyển hắn xuống dưới bằng tàu điện?”

“Anh là hạng người nào mà sao cứ tra vấn mãi thế? Anh là sĩ quan cấp trên của tôi, chắc? Anh chỉ huy trạm sơ cứu này à? Trả lời tôi xem nào”.

Viên sĩ quan pháo binh nín thinh. Tất cả những người trong phòng là binh sĩ, chẳng có ai là sĩ quan.

“Trả lời tôi đi”, bác sĩ đang giữ cây kim trong kẹp. “Thử mở miệng ra đi”.

“Đ-mẹ mày”, viên sĩ quan pháo binh chửi.

“Thế đấy”, bác sĩ nói. “Thế đấy, mày nói như thế đấy. Được. Được. Mày sẽ biết”.

Viên sĩ quan pháo binh đứng dậy tiến về phía ông ta.

“Đ-mẹ mày, anh ta chửi. “Đ-mẹ mày. Đ-mẹ mày. Đ-cả đám chị em nhà mày nữa...!”

Bác sĩ tạt cả khay i ốt đầy vào mặt anh ta. Viên sĩ quan vừa rờ rẫm tiến về phía ông ta vừa đưa tay rút súng. Bác sĩ lách mình bước ra sau anh ta vừa đưa chân gạt rồi khi anh ta ngã xuống, bác sĩ tống cho anh ta mấy đá rồi đoạt khẩu súng cầm trong đôi tay đi găng. Viên sĩ quan ngồi trên sàn dùng bàn tay lành dụi mắt.

“Tao sẽ giết mày!” anh ta nói. “Tao sẽ giết mày ngay khi có thể nhìn thấy”.

“Tao là chỉ huy,” bác sĩ nói. “Mọi chuyện sẽ được bỏ qua nếu mày biết tao là chỉ huy. Mày không thể giết tao vì tao đã tước súng của mày. Trung sĩ. Phụ tá! Phụ tá!”

“Phụ tá đang đi theo tàu điện”, viên trung sĩ nói.

“Dùng cồn pha nước rửa mắt ngài sĩ quan này đi. Hắn bị trúng i ốt. Mang cho tôi cái chậu rửa tay. Tôi sẽ xem xét ngài sĩ quan này sau”.

“Mày đừng có hòng mà đụng vào người tao”.

“Giữ chặt lấy hắn. Hắn hơi khùng”.

Một trong mấy người khênh cáng bước vào.

“Thưa đại úy bác sĩ”.

“Cậu cần gì?”

“Cái người bị thương trong nhà xác...”.

“Ra khỏi đây ngay”.

“Đã chết rồi, thưa đại úy bác sĩ. Tôi nghĩ ông hẳn vui lòng khi biết tin này”.

“Thấy chưa, chàng trung úy tội nghiệp của tôi ời? Chúng ta gây gỗ nhau một cách ngớ ngẩn. Trong chiến tranh chúng ta cãi cọ nhau chẳng vì mục đích gì cả”.

“Đ-mẹ mày”, viên trung úy pháo binh nói. Anh ta vẫn chưa thể nhìn rõ. “Mày đã làm tao mù”.

“Chẳng sao đâu”, bác sĩ nói. “Mắt của anh sẽ ớn. Chẳng sao đâu. Đúng là rõ mới gây gỗ nhau”.

“Ái! Ái! Ái!” viên trung úy bỗng nhiên hét lên. “Mày đã làm tao mù. Mày làm tao mù!”

“Giữ chặt lấy hắn”, bác sĩ nói. “Hắn đang đau lắm đấy. Giữ hắn thật chặt vào”.

LÊ HUY BẮC dịch

MỘT NƠI SẠCH SẼ VÀ SÁNG SẼ

Đêm đã khuya, quán cà phê không còn ai trừ ông lão ngồi dưới bóng cây nơi ngọn đèn điện chiếu sáng. Ban ngày, đường phố bụi bặm, nhưng về đêm sương lắng bụi xuống, ông lão thích ngồi nán lại bởi lẽ lão điếc và bởi lẽ bây giờ, không gian đêm yên tĩnh, lão cảm nhận sự khác biệt. Hai người bồi trong quán biết lão đã khá say và cũng vì lão là khách quen nên họ biết nếu say quá, lão sẽ quên trả tiền lúc ra về, họ trông chừng lão.

“Tuần trước lão tự sát hụt”. Một người bồi nói.

“Tạo sao?”

“Lão tuyệt vọng”.

“Vì cái gì?”

“Chẳng vì gì cả”.

“Sao anh biết chẳng vì cái gì cả?”

“Lão có nhiều tiền”.

Họ ngồi bên chiếc bàn dựa sát tường, gần cửa ra vào và nhìn ra sân nơi các dãy bàn trống trơn trừ bàn của ông lão trong bóng lá khê đung đưa theo gió. Ngoài phố, một cô gái và anh lính bước qua quán cà phê. Đèn đường rọi sáng

số hiệu bằng đồng trên cổ áo anh ta. Cô gái để đầu trần, rảo bước trên cạnh anh lính.

“Đội tuần tra sẽ tóm hần”, một người bồi nói.

“Có nghĩa lý gì nếu hần đạt được ước muốn?”

“Tốt hơn hết hần nên rời khỏi phố. Đội tuần tra sẽ bắt gặp. Chúng vừa mới qua đây năm phút trước”.

Ông lão ngồi trong bóng cây dùng ly gỗ vào đĩa. Người bồi trẻ hơn đi về phía lão.

“Bác cần gì?”

Lão nhìn hần. “Cho ly nữa”, lão nói.

“Bác sẽ say đấy”, người bồi nói. Lão nhìn hần. Người bồi đã bước xa.

“Lão sẽ ngồi suốt cả đêm”, hần nói với tay đồng nghiệp. “Bây giờ em chưa buồn ngủ. Em chưa bao giờ đi ngủ trước ba giờ. Lẽ ra tuần trước lão chết quách đi cho rồi”.

Người bồi lấy chai rượu mạnh và chiếc đĩa trên quầy trong quán rồi bước về phía bàn ông lão. Hần đặt đĩa xuống, rót đầy ly rượu.

“Tuần trước ông chẳng chết quách cho rảnh nợ”, hần nói với người điếc. Lão đưa tay ra hiệu. “Thêm tí nữa”, lão nói. Người bồi tiếp tục rót cho đến lúc rượu tràn qua miệng chảy xuống thành ly vào chiếc đĩa trên cùng của chồng đĩa. “Cảm ơn”, lão nói. Người bồi mang chai rượu vào trong quán. Hần lại ngồi ở bàn, với tay đồng nghiệp.

“Giờ thì lão đã say”, hần nói.

“Tối nào lão cũng say”.

“Lão tự sát để làm gì nhỉ?”

“Tao làm sao biết được”.

“Lão tự tử bằng cách nào?”

“Dùng dây treo cổ”.

“Ai cắt lã xuống?”

“Cháu gái lã”.

“Tại sao họ cứu?”

“Lo cho linh hồn lã”.

“Lã có bao nhiêu tiền?”

“Rất nhiều”.

“Lã phải đến tám mươi tuổi rồi”.

“Dẫu sao thì tao nghĩ lã cũng đã tám mươi”.

“Em muốn lã về. Em chưa bao giờ ngủ trước ba giờ sáng. Kiểu giờ giấc gì kỳ lạ vậy?”

“Lã nán lại bởi lã thích ngồi”.

“Lã cô đơn. Em không cô đơn. Vợ em đang đợi trên giường”.

“Lã cũng đã từng có vợ”.

“Vợ việc bây giờ cũng chẳng có ý nghĩa gì với lã”.

“Mày không nên nói thế. Lã sẽ khá hơn khi sống với vợ”.

“Cô cháu chăm sóc lã. Ai bảo cô ta cứu lã”.

“Tao biết”.

“Em không muốn mình già như vậy. Người già là đồ tệ hại”.

“Đâu phải thường xuyên thế. Ông lã này sạch sẽ. Lã uống không để rớt một giọt ra ngoài. Thậm chí ngay cả bây giờ, lúc đang say. Nhìn lã xem”.

“Em không muốn nhìn lã. Em mong lã về. Lã chẳng thương gì những người phải làm việc cả”.

Đằng kia sân, ông lã rời mắt khỏi ly rượu, nhìn ra quảng trường rồi quay về phía hai người bồi.

“Cho ly nữa”, lão nói, tay chỉ vào cái ly. Người bồi đang sốt ruột, bước vội đến.

“Hết”. hấn đáp trông trông theo lối của những kẻ dốt ngữ pháp khi nói với một thằng say hay với người ngoại quốc. “Không còn tối nay. Đóng bây giờ”.

“Ly nữa”, lão nói.

“Không. Hết,” người bồi lấy khăn cọ cọ mép bàn và lắc đầu.

Lão đứng dậy, chậm rãi đếm chồng đĩa, lấy chiếc ví da trong túi ra trả tiền, không quên nửa peseta tiền phục vụ.

Người bồi nhìn lão bước xuống đường, một ông lão rất già, bước đi không vững nhưng vẫn có phong cách.

“Sao mà không để lão ngồi lại uống?” người bồi không vội về hỏi. Họ đang đóng cửa. “Chưa đến hai rưỡi”.

“Em muốn về nhà ngủ”.

“Sớm quá chẳng?”

“Với em hơn là với lão”.

“Giống nhau cả thôi”.

“Anh nói nghe như ông cụ. Lão có thể mua một chai uống ở nhà”.

“Chẳng giống đâu”.

“Vâng, không giống”, người bồi có vợ đồng ý. Hấn không thích bất công. Hấn chỉ vội về.

“Còn mà nữa? Mà không sợ về nhà sớm hơn thường lệ sao?”

“Anh đang sỉ nhục em đấy à?”

“Không anh bạn, chỉ đùa chút thôi”.

“Chẳng sợ”, người bồi đang vội, đứng lên khi đóng xong cánh cửa chớp bằng sắt, nói. “Em có niềm tin. Em tin tất cả”.

“Mày còn tuổi trẻ, niềm tin và công việc”. Người bồi lớn tuổi nói. “Mày có mọi thứ”.

“Còn anh thì thiếu gì?”

“Mọi thứ, trừ công việc”.

“Anh có mọi thứ em có”.

“Không. Tao không hề có niềm tin và tao cũng không còn trẻ”.

“Thôi nào. Đừng nói ngớ ngẩn nữa, khóa cửa thôi”.

“Tao cũng thuộc dạng người thích nán lại muộn trong quán cà phê”, người bồi lớn tuổi nói. “Với tất cả những ai không muốn đi ngủ. Với tất cả những ai cần một ngọn đèn trong đêm”.

“Em muốn về nhà đi ngủ”.

“Chúng ta là hai kiểu người khác biệt”, người bồi lớn tuổi hơn nói. Bây giờ gã mặc đồ để về nhà. “Vấn đề không chỉ là tuổi trẻ hay niềm tin mặc dù những thứ ấy nghe thật hấp dẫn. Mỗi tối tao lần lữa đóng cửa chỉ bởi luôn nghĩ có ai đó sẽ cần quán cà phê”.

“Này anh. Có nhiều tiệm rượu mở suốt đêm đấy”.

“Mày không hiểu. Đây là quán cà phê sạch sẽ và dễ chịu. Nó được thắp sáng. Ánh sáng rất hài hòa và lại có cả bóng lá nữa”.

“Tạm biệt”, người bồi trẻ hơn nói.

“Tạm biệt”, gã kia đáp. Tắt hết mấy ngọn đèn điện, gã tiếp tục đọc thoại một mình. Ánh sáng, dĩ nhiên, nhưng điều quan trọng là nơi này sạch sẽ và dễ chịu. Mày không muốn âm nhạc. Chắc chắn mày không cần nhạc. Và mày cũng chẳng hề hào hứng khi đứng trước một quán bar đầy ắp tiếng nhạc trong những lúc như thế này. Lão sợ gì?

Không phải nổi dấn vật hay mối đe dọa. Đây chính là hư vô, lão biết quá rõ. Tất cả đều hư vô, cả con người cũng hư vô nốt. Chỉ có nhận thức ấy cùng với ánh sáng và sự sạch sẽ ngăn nắp nào đó là thực sự cần thiết. Nhiều người sống trong hư vô nhưng chẳng hề cảm nhận được nó. Nhưng lão biết tất cả là *nada*⁽¹⁾ y pues *nada y nada y pues nada*⁽²⁾. *Nada* của chúng ta những người sống trong *nada*, *nada* là tên Người vương quốc Người *nada* Người sẽ là *nada* trong *nada* như nó trong *nada*. Ban cho chúng con *nada* này *nada* thường ngày của chúng con và *nada* cho chúng con *nada* của chúng con như chúng con *nada* những *nada* của chúng con và *nada* cho chúng con không ở trong *nada* nhưng cứu vớt chúng con khỏi *nada*, *pues nada*⁽³⁾. Chào hư vô áp ú hư vô, hư vô cùng người. Gã mỉm cười và đứng trước quán bar có mấy pha cà phê bằng áp suất hơi bóng loáng.

“Anh dùng gì?” chủ bar hỏi.

“*Nada*.”

“*Otro loco mas*⁽⁴⁾” chủ bar nói và quay đi.

“Một cốc nhỏ”, người bồi nói.

Chủ bar rót cho gã.

“Ánh sáng rực rỡ và dễ chịu nhưng bar không sạch”, người bồi nói.

Chủ bar nhìn gã nhưng không đáp. Đã quá khuya để bắt chuyện.

(1) Hư vô

(2) Chỉ là hư vô và hư vô thì là hư vô.

(3) Chỉ là hư vô.

(4) Lại một thằng điên.

“Anh có uống thêm nữa không?” chủ bar hỏi.

“Không cảm ơn”, người bồi nói rồi bước ra. Gã không thích quán bar lẫn tiệm rượu. Một quán cà phê sạch sẽ và sáng sủa là chuyện khác. Bây giờ, chẳng nghĩ ngợi gì nữa, gã sẽ về nhà rồi lên phòng mình. Gã sẽ nằm trên giường và cuối cùng, trong ánh sáng ban ngày, gã sẽ ngủ. Rốt cuộc, gã tự nhủ, có thể đây chỉ là chứng mất ngủ. Hẳn nhiều người mắc bệnh ấy.

LÊ HUY BẮC dịch

MẸ CỦA GÃ PÊ ĐÊ

Khi bố mất, hấn hãy còn nhỏ, người quản lý đã mai táng ông vĩnh viễn. Hóa ra ông là người biết tiên liệu việc mai sau. Nhưng khi mẹ mất, tay quản lý của hấn nghĩ hai đứa không còn làm bà phiền nữa. Bởi chúng yêu thương nhau lắm; hấn là kẻ Pê Đê, hấn bạn chưa biết điều ấy, nhưng dĩ nhiên hấn là thế đấy. Hấn chỉ chôn mẹ có năm năm thôi.

Rồi khi từ Tây Ban Nha về Mexico, hấn nhận được giấy báo lần thứ nhất. Người ta nói thời hạn năm năm đã hết và hấn cần phải thu xếp để giữ lại mồ của mẹ. Chỉ cần đóng hai mươi dollar là có được một nấm mồ vĩnh viễn. Đạo ấy do có tiền nên tôi bảo với hấn, Paco, để tôi lo liệu việc ấy. Nhưng hấn bảo đừng, cứ để mặc hấn. Hấn sẽ thu xếp ổn ngay. Đấy là việc của mẹ và hấn muốn tự mình thu xếp.

Độ tuần lễ sau, hấn nhận được tờ nhắc nhở lần hai. Tôi đọc cho hấn nghe rồi bảo tôi tưởng hấn đã làm việc ấy rồi.

“Chưa”, hấn đáp, hấn chưa làm.

“Để tao làm”, tôi nói. “Chỉ ngay đây, trong két bạc này”.

“Đừng”, hắn nói. Chẳng ai có thể lay chuyển được ý định của hắn. Tự hắn sẽ làm việc ấy một khi hắn muốn. “Phải biết nơi nào cần thiết để chi tiền chứ?”

“Thôi được”, tôi nói, “tùy mày”. Trong thời gian ấy, ngoài khoản thu nhập như thường lệ hắn ký một hợp đồng đấu sáu trận với bốn ngàn peso mỗi trận. Chỉ tính riêng ở thủ đô, hắn đã kiếm hơn mười lăm ngàn dollar. Hắn rất bận, chỉ có thế.

Tuần sau, thông báo thứ ba được gửi đến, tôi đọc cho hắn. Người ta bảo nếu tiền không được trả vào thứ bảy tới thì mộ của mẹ hắn sẽ bị đào và hài cốt sẽ được gom vào đồng xương công cộng. Lúc về thành phố vào chiều hôm ấy, hắn nói sẽ thu xếp việc đó.

“Sao không để tao làm?” tôi bảo hắn.

“Đừng dây vào việc của tao”, hắn nói. “Đấy là việc của tao, tao sẽ thu xếp”.

“Thôi được, nếu đó là điều mày muốn làm”, tôi nói. “Hãy làm lấy việc của mày đi”.

Hắn lấy tiền ở kết mạc dù lúc nào hắn cũng luôn mang theo một trăm peso hay nhiều hơn thế trong người, hắn nói hắn sẽ thu xếp. Hắn mang tiền đi và thế là, dĩ nhiên, tôi nghĩ hắn đã làm việc ấy.

Một tuần sau, tờ thông báo đến, họ bảo do không nhận được hồi âm từ lần báo cuối cùng nên xương cốt của mẹ hắn đã bị gom dồn vào đồng xương chung.

“Lạy Chúa”, tôi bảo hắn, “mày nói mày đã trả cho việc này và đã mang tiền đi nhưng bây giờ chuyện gì đã xảy ra với mẹ mày vậy? Lạy Chúa, thử nghĩ xem! Đồng xương chung và mẹ của chính mày. Tại sao mày không

lẽ tao làm việc đó? Tao sẽ nộp ngay khi thông báo đầu tiên đến”.

“Không phải việc của mày. Đây là mẹ tao”.

“Không phải việc của tao, đúng, nhưng là việc của mày. Dòng máu nào chảy trong huyết quản cái thằng người nõ đôi xử với mẹ mình như thế? Mày không xứng đáng có một bà mẹ”.

“Đây là mẹ tao”, hắn nói. “Giờ thì mẹ đã gắn gũi tao hơn. Giờ thì tao không buồn và không phải nghĩ về việc mẹ phải nằm dưới mồ. Bây giờ mẹ luôn ở bên tao trong không gian, tựa như đàn chim và những đóa hoa. Bây giờ mẹ luôn ở cùng tao”.

“Lạy Chúa”, tôi nói, “dẫu sao thì mày mang cái dòng máu nào trong người cơ chứ? Tao không muốn nghe mày nói nữa”.

“Mẹ là tất cả quanh tao”, hắn nói. “Giờ đây tao sẽ chẳng bao giờ buồn”.

Dạo ấy hắn đang vung hết tiền vào đám đàn bà, đang cố tỏ ra mình là một gã đàn ông và là một thằng ngố thực sự, những hành động đó chẳng tác động mảy may đến những người biết đôi điều về hắn. Hắn nợ tôi hơn sáu trăm peso mà vẫn chưa chịu trả.

“Sao mày lại cần nó ngay bây giờ cơ chứ?” hắn hỏi. “Mày không tin tao sao? Bọn mình không phải là bạn của nhau à?”

“Việc này chẳng liên quan gì đến tình bạn hay lòng tin. Sự thực là tao phải bỏ tiền thanh toán các khoản trong lúc mày đi vắng, bây giờ tao cần lấy lại và mày phải trả tao”.

“Tao không còn tiền”.

“Mày còn đây”, tôi nói, “ở trong két ấy, mày có thể trả tao”.

“Tao cần khoản ấy cho một việc”, hắn nói. “Mày không biết tao cần phải chi tiền cho bao nhiêu khoản cần thiết đâu”.

“Tao đã ở đây suốt thời gian mày đến Tây Ban Nha và mày đã nhờ tao trả những khoản ấy khi đến hạn, những thứ liên quan đến ngôi nhà, mà trong lúc đi xa mày chẳng gọi về một xu, tao phải rút tiền túi ra trả hơn sáu trăm peso, bây giờ tao cần tiền, mày phải trả lại tao.”

“Tao sẽ trả mày ngay”, hắn nói. “Nhưng giờ đây tao kẹt lắm”.

“Để làm gì”.

“Vì tí việc riêng”.

“Tại sao mày không trả tao một ít từ tài khoản?”

“Tao không thể”, hắn nói. “Tao rất cần số tiền đó. Nhưng tao sẽ trả mày”. Hắn chỉ đấu đến lần thứ hai ở Tây Ban Nha, khán giả không thể chịu đựng nổi, họ phát ngáy lên vì hắn, rồi hắn mua bảy bộ đồ thi đấu mới và đây là cách hắn làm: hắn buộc mấy bộ đồ cầu thủ đến độ bốn chiếc đã bị hỏng bởi nước biển trên hành trình quay về, hắn chẳng thể nào mặc được chúng.

“Lạy Chúa”, tôi bảo hắn, “mày đến Tây Ban Nha. Mày ở lại đó suốt cả mùa mà chỉ đấu có hai trận. Mày xài hết tiền kiếm được vào áo quần rồi làm hỏng chúng bởi nước muối đến nỗi không thể nào mặc được. Đây, mùa đấu của mày thế đấy và việc riêng của mày cũng là thế đấy. Tại sao mày không trả tao tiền mày nợ để tao có thể đi?”

“Tao muốn mày ở lại”, hắn nói, “rồi tao sẽ trả cho mày. Nhưng giờ thì tao đang cần tiền”.

“Mày rất cần tiền để trang trải cho năm mồ của chính mẹ mày để mẹ mày mồ yên mả đẹp. Phải thế không hả?” tôi hỏi.

“Tao hạnh phúc với những gì đã xảy ra với mẹ”, hắn nói. “Mày chẳng thể hiểu nổi”.

“Chúa ơi! Tao không thể hiểu à!” tôi nói. “Mày trả tao số tiền mày nợ hoặc tự tao sẽ lấy trong két”.

“Tao sẽ giữ kỹ két”, hắn nói.

Ngay chiều hôm ấy hắn đưa một thằng vô lại đến gặp tôi, cái gã đồng hương nào đó ở thị trấn của hắn, một kẻ chấy túi, rồi nói. “Đây là người anh em đang cần tiền để về nhà bởi mẹ cậu ấy ốm nặng”. Gã ấy chỉ là một thằng cha vớ vẩn, bạn biết đấy, một kẻ mà trước đây hắn chưa hề gặp, nhưng lại là đồng hương với hắn và hắn muốn tỏ ra mình là tay đấu bò hào phóng, vĩ đại trước người cùng quê ấy.

“Đưa cho cậu ta năm mươi peso ở trong két”, hắn bảo tôi.

“Mày vừa nói không còn tiền trả tao”, tôi nói. “Nhưng sao bây giờ mày lại muốn biếu năm mươi peso cho cậu này”.

“Cậu ấy là đồng hương đấy”, hắn nói, “và đang gặp khó khăn”.

“Đồ khốn nạn”, tôi nói. Tôi đưa hắn chìa khóa két. “Mày hãy giữ lấy. Tao sẽ về thành phố”.

“Đừng giận”, hắn nói. “Tao sẽ trả cho mày”.

Tôi lái ô tô về thành phố. Đây là xe của hắn nhưng hắn biết tôi lái tốt hơn hắn. Mọi thứ hắn làm, tôi có thể làm tốt hơn. Hắn biết điều đó. Thậm chí hắn chẳng hề biết đọc,

biết viết. Tôi sắp đi gặp vài người và tìm cách để buộc hắn trả tiền lại cho tôi. Hắn bước theo tôi. “Tao sẽ đi cùng mày rồi sẽ trả cho mày. Chúng mình là bạn tốt của nhau, chẳng cần phải cãi cọ”.

Chúng tôi về thành phố, tôi đang lái. Chỉ ngay trước lúc hai đứa vào thành phố, hắn rút ra hai mươi peso.

“Tiền đây”, hắn nói.

“Đồ lặt lọng không mẹ-kia”, tôi mắng hắn và chửi cho hắn biết hắn đã tiêu tiền như thế nào. “Mày cho cái đồ vô lại ấy năm mươi peso mà chỉ trả tao hai mươi peso trong lúc mày nợ tao sáu trăm. Tao sẽ không lấy của mày một xu nào nữa. Mày biết cách để xài nó”.

Tôi bước ra khỏi xe, không một xu dính túi và không biết tối nay sẽ ngủ ở đâu. Sau đó tôi đến chỗ hắn cùng với một người bạn để lấy đồ đạc. Tôi không hề nói chuyện với hắn mãi cho đến năm nay. Tối nọ, tôi gặp hắn đang đi cùng với ba người bạn trên đường đến rạp chiếu bóng Callao ở Gran Via, Madrid. Hắn chìa tay cho tôi.

“Chào Roger, anh bạn cũ”, hắn chào tôi. “Sức khỏe thế nào? Mọi người bảo mày đi nói xấu tao. Mày đã nói hoàn toàn không đúng về tao”.

“Những gì tao nói chỉ là mày chẳng hề có mẹ”, tôi bảo hắn. Đây là câu tệ hại nhất, được dùng để nhục mạ kẻ khác trong ngôn ngữ Tây Ban Nha.

“Đúng đấy”, hắn nói. “Người mẹ đáng thương của tao mất khi tao hãy còn rất nhỏ nên dường như tao chưa hề có mẹ. Chuyện này buồn lắm”.

Sẽ luôn có một kẻ thích chơi trội trước bạn. Bạn chẳng thể nào làm động lòng chúng. Chẳng người nào, vật nào lại

có thể làm chúng cảm động. Chúng xài tiền cho bản thân hoặc cho những chuyện phù phiếm, nhưng chúng chẳng bao giờ trả nợ mà cố kiếm một ai đó trả thay. Tôi nói với hấn những gì tôi nghĩ về hấn ngay lúc ấy, tại Gran Via trước mặt ba đứa bạn của hấn còn hấn thì trong lần gặp ấy đã nói với tôi như thể là bạn bè. Dòng máu nào đã sản sinh ra cái giống người như thế?

LÊ HUY BẮC dịch

THỤY SĨ TÔN KÍNH

PHẦN I

CHÂN DUNG NGÀI WHEELER Ở MONTREUX

Bên trong quán cà phê trên sân ga, không khí ấm áp và sáng sủa. Những chiếc bàn gỗ sáng bóng vì lau chùi; trên bàn, những bao bánh bích quy mận bọc giấy bóng được bày ở rã. Những chiếc ghế được chạm trổ, mặt ghế tuy đã mòn vẹt nhưng ngồi thì rất thoải mái. Một chiếc đồng hồ có vỏ bằng gỗ được chạm trổ, treo trên tường và một quầy rượu ở cuối phòng. Bên ngoài cửa sổ tuyết đang rơi.

Hai người phu khuân vác của ga đang ngồi uống rượu vang mới cất ở chiếc bàn bên dưới đồng hồ. Một người phu khác đi vào và nói tàu tốc hành Simplon – orient bị chậm một tiếng ở Saint Maurice. Anh ta ra ngoài. Một nữ tiếp viên đến bên bàn của ngài Wheeler.

“Tàu tốc hành bị chậm một tiếng, thưa ngài”, cô nói.
“Tôi mang cà phê cho ngài nhé?”

“Nếu cô nghĩ nó sẽ không làm tôi chong mắt ra”.

“Thưa?” Cô tiếp viên hỏi.

“Hãy mang cho tôi”, ngài Wheeler nói.

“Cảm ơn”.

Cô mang cà phê từ bếp ra, ngài Wheeler nhìn ra ngoài cửa sổ nơi tuyết đang rơi trong ánh sáng hắt ra từ phía sân ga.

“Cô có nói được ngoại ngữ nào khác ngoài tiếng Anh không?” ông ta hỏi cô tiếp viên.

“Ồ, có thưa ngài. Tôi nói được tiếng Đức, tiếng Pháp và mấy thổ ngữ”.

“Cô có muốn uống một chút gì không?”

“Ồ, không thưa ngài. Không được phép uống ở trong quán với khách ạ”.

“Cô có hút xì gà không?”

“Ồ, không, thưa ngài. Tôi không hút thuốc”.

“Được đấy”, ngài Wheeler nói. Ông ta lại nhìn ra ngoài cửa sổ, uống cà phê rồi châm một điếu thuốc.

“*Fraulein*”⁽¹⁾ ông ta gọi. Cô tiếp viên đi đến.

“Thưa ngài, ngài cần gì ạ?”

“Cần cô”, ông ta nói.

“Ngài không nên đùa với tôi như vậy”.

“Tôi không đùa đâu”.

“Vậy thì ngài đừng nói như thế nữa”.

“Tôi không có thời gian để tranh luận”, ngài Wheeler nói. “Tàu sẽ đến trong vòng bốn mươi phút nữa. Nếu cô chịu lên gác với tôi, tôi sẽ trả cô một trăm frăng”.

“Thưa ngài, ngài đừng nên nói như thế. Tôi sẽ gọi bảo vệ vào nói chuyện với ngài đấy”.

(1) Tiếng Đức: Cô.

“Tôi không cần bảo vệ”, ngài Wheeler nói, “và cũng không phải một tay cảnh sát hay một gã bán thuốc lá nào cả. Tôi cần cô”.

“Nếu ngài còn nói những điều như vậy thì ngài phải ra khỏi đây. Ngài không được ở đây mà nói năng như thế”.

“Tại sao tôi lại phải đi cơ chứ? Nếu cô đi khỏi đây thì tôi đã không nói chuyện được với cô”.

Cô tiếp viên đi ra ngoài. Ngài Wheeler nhìn để xem cô nói gì với mấy người bảo vệ không. Cô đã không nói.

“*Mademoiselle!*”⁽¹⁾. Ông ta gọi. Cô tiếp viên đi đến “Mang cho tôi một chai Sion”.

“Vâng, thưa ngài”.

Ngài Wheeler nhìn cô bước ra, lát sau đi vào với chai rượu rồi mang đến bàn ông ta. Ông ta nhìn lên đồng hồ.

“Tôi sẽ trả cô hai trăm frăng” ông ta nói.

“Xin đừng nói như thế nữa”.

“Hai trăm frăng là một khoản tiền lớn”.

“Ngài không được nói như vậy nữa!” Cô tiếp viên nói. Cô đã để lạc mất giọng tiếng Anh của mình. Ngài Wheeler chăm chú nhìn cô.

“Hai trăm frăng”

“Ông là kẻ đáng ghét”.

“Tại sao cô không đi đi? Tôi không thể nói với cô nếu như cô không ở đây”. Cô tiếp viên rời bàn, đi về phía quầy. Ngài Wheeler uống rượu và thỉnh thoảng mỉm cười một mình.

“*Mademoiselle*” ông ta gọi. Cô tiếp viên giả vờ không nghe thấy. “*Mademoiselle*” ông ta lại gọi. Cô tiếp viên đi đến.

(1) Tiếng Pháp: Cô.

“Ông muốn gì?”

“Rất nhiều. Tôi sẽ trả cô ba trăm frăng”.

“Ông là kẻ đáng nguyên rủa”.

“Ba trăm frăng Thụy Sĩ”.

Cô bỏ đi, ngài Wheeler nhìn theo cô. Một người phu khuân vác mở cửa. Anh ta là người trông hành lý cho ngài Wheeler.

“Tàu sắp đến, thưa ngài”. Anh ta nói bằng tiếng Pháp. Ngài Wheeler đứng lên.

“*Mademoiselle*” ông ta gọi. Cô tiếp viên đi về phía bàn. “Chỗ rượu này bao nhiêu đây?”

“Bảy frăng”.

Ngài Wheeler lấy tám frăng để lên bàn. Ông ta mặc áo khoác vào và theo sau người phu khuân vác ra sân ga, nơi tuyết đang rơi.

“*Aurevoir Mademoiselle*”,⁽¹⁾ ông ta nói. Cô tiếp viên nhìn ông ta đi. Ông ta quả là xấu xí, cô nghĩ, thật xấu xa và đáng ghét. Ba trăm frăng cho một việc như vậy là không đáng để làm. Đã bao nhiêu lần mình làm điều đó mà chẳng vì gì cả. Và lại ở đây không có chỗ để làm việc đó. Nếu ông ta thông minh hơn một tí thì đã biết ở đây không có chỗ nào. Không có thời gian và không có chỗ để làm chuyện ấy. Người Mỹ là thế đấy.

Đứng trên sân ga đúc bằng xi măng, bên cạnh những chiếc túi của mình, nhìn xuống đường ray theo hướng ánh đèn pha tàu hỏa quét xuyên qua tuyết, ngài Wheeler nghĩ rằng quả là quá rẻ khi giải trí như thế. Thật ra, ông ta chỉ

(1) Tiếng Pháp: “Tạm biệt cô”.

tiêu phí, trừ tiền ăn tối, bảy frăng cho chai rượu và một frăng tiền bước–boa. Bảy mươi lăm xu thì hẳn là tốt hơn. Bây giờ ông ta sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nếu như khoảng tiền bước–boa chỉ hết bảy lăm xu. Một frăng Thụy Sĩ bằng năm frăng Pháp. Ngài Wheeler phải về Paris. Ông ta là người rất cẩn thận về chuyện tiền nong và không quan tâm đến đàn bà.

Trước đây, ông ta đã từng đến ga ấy và đã biết là không có cái gác nào để lên cả. Ngài Wheeler không bao giờ làm gì ngẫu nhiên.

PHẦN II

NGÀI JOHNSON NÓI VỀ ĐIỀU ĐÓ Ở VEVEY

Bên trong quán cà phê trên sân ga, không khí ấm áp và sáng sủa; những chiếc bàn sáng bóng vì lau chùi; vài chiếc được trải khăn có sọc đỏ và trắng; những chiếc còn lại được trải khăn sọc xanh và trắng; bàn nào cũng có một cái rá đựng những bao bánh bích quy mặn bọc giấy bóng. Những chiếc ghế được chạm trổ, mặt ghế tuy cũ nhưng ngồi thì rất thoải mái. Một chiếc đồng hồ treo trên tường, một quây rượu viên kẽm ở cuối phòng; bên ngoài cửa sổ, tuyết đang rơi. Hai người phu khuân vác của ga đang ngồi uống rượu vang mới cất ở chiếc bàn bên dưới đồng hồ.

Một người phu khác đi vào và nói rằng tàu tốc hành Simplon – Orient bị chậm một tiếng ở Saint Maurice. Một nữ tiếp viên đi đến bên bàn của ngài Johnson.

“Tàu tốc hành bị chậm một tiếng thưa ngài”, cô tiếp viên nói. “Tôi mang cà phê cho ngài nhé?”

“Nếu điều đó không quá rắc rối”.

“Thưa?” cô tiếp viên hỏi.

“Tôi sẽ dùng một chút”.

“Cảm ơn”.

Cô mang cà phê từ trong bếp ra, ngài Johnson nhìn ra ngoài cửa sổ nơi tuyết đang rơi trong ánh sáng hắt ra từ phía sân ga.

“Cô nói được ngoại ngữ nào khác ngoài tiếng Anh không?”

“Ồ, có, tôi nói được tiếng Đức, tiếng Pháp, và vài thổ ngữ”.

“Tôi muốn mời cô uống một chút gì, được chứ?”

“Ồ, không, thưa ngài. Không được phép uống trong quán với khách ạ”.

“Thì một điếu xì gà vậy?”

“Ồi, không, thưa ngài”, cô cười to. “Tôi không hút thuốc, thưa ngài”.

“Tôi cũng không”, Johnson nói. “Đó là một thói quen xấu”.

Cô tiếp viên đi khỏi, Johnson châm một điếu thuốc và uống cà phê. Đồng hồ trên tường chỉ mười giờ kém mười lăm phút. Đồng hồ của ông ta hơi nhanh. Lẽ ra, tàu đã đến vào lúc mười giờ ba mươi – chậm một tiếng, nghĩa là mười một giờ ba mươi phút. Johnson gọi cô tiếp viên.

“*Signorina*”⁽¹⁾.

“Thưa, ngài cần gì ạ?”

“Cô không thích chơi với tôi à?” Johnson hỏi. Cô tiếp viên đỏ mặt.

(1) Tiếng Tây Ban Nha: Cô.

“Không phải đâu, thưa ngài”.

“Tôi không liên quan đến những chuyện bạo lực đâu. Cô không thích đi dự một bữa tiệc và tìm hiểu cuộc sống ban đêm ở Vevey sao? Hãy mang một cô bạn gái đi cùng nếu cô muốn”.

“Tôi phải làm việc”, cô tiếp viên trả lời. “Tôi phải làm bổn phận của mình ở đây”.

“Tôi biết”, Johnson nói. “Nhưng cô không thể đổi cho ai à? Người ta đã làm như thế trong thời Nội Chiến đấy”.

“Ồ, không, thưa ngài. Tôi phải làm công việc của mình ở đây”.

“Cô học tiếng Anh ở đâu vậy?”

“Ở trường Berlitz, thưa ngài”.

“Kể cho tôi nghe về ngôi trường đó đi”, Johnson nói. “Sinh viên Berlitz nồng cuồng lắm phải không? Thế còn những cái bá cổ và ôm hôn? ở đó có nhiều người dụ dăng không. Đã bao giờ cô gặp Scott Fitzgerald chưa?”

“Gì cơ ạ?”

“Ý tôi là thuở học ở trường Cao đẳng có phải là những ngày hạnh phúc nhất của đời cô? Mùa thu năm ngoái Berlitz đã lập được đội thể thao nào?”

“Ngài đang đùa đấy chứ, thưa ngài?”

“Chỉ một chút thôi”, Johnson nói. “Cô là một cô gái tốt lạ lùng. Nhưng cô không muốn chơi với tôi phải không?”

“Ồ, không phải thế đâu, thưa ngài”, cô tiếp viên trả lời. “Ngài có muốn tôi mang thêm một chút gì nữa không?”

“Phải đấy”, Johnson trả lời. “Cô có thể mang cho tôi cái “list” rượu được không?”

“Vâng thưa ngài”.

Cầm cái “list” rượu, Johnson đi đến bên bàn nơi ba người phụ đang ngồi. Họ ngẩng lên nhìn ông ta. Họ là những người đàn ông đứng tuổi.

“*Wollen Sie trinken?*”⁽¹⁾ ông ta hỏi. Một trong ba người gật đầu và mỉm cười.

“*Oui monsieur*”⁽²⁾.

“Các ông nói được tiếng Pháp chứ?”

“*Oui monsieur*”.

“Chúng ta uống gì nhé? *Connais vous des champagnes?*”⁽³⁾.

“*Non monsieur*”⁽⁴⁾.

“*Fault les connaitre*”,⁽⁵⁾ Johnson nói. “*Fraulein*”, ông ta gọi cô tiếp viên. “Chúng tôi cần rượu sâm banh”.

“Ngài thích loại sâm banh nào, thưa ngài?”

“Loại tốt nhất ấy”, Johnson đáp. “*Laquelle est le best?*”⁽⁶⁾ ông ta hỏi mấy người phụ khuôn vác.

“*Le meilleur?*”⁽⁷⁾ người phụ – nói đầu tiên – hỏi.

“Tất nhiên”.

Người phụ lấy từ trong túi áo khoác của anh ta ra cái kính, gọng mạ vàng đọc “list” rượu. Anh ta di ngón tay xuống bốn cái tên và giá rượu được đánh máy.

“Sportman” anh ta nói. “Loại Sportman là tốt nhất đấy”.

(1) Tiếng Đức: Các ông có muốn uống rượu không?

(2) Tiếp Pháp: Vâng thưa ngài.

(3) Các ông có thạo sâm banh không?

(4) Không, thưa ngài.

(5) Tôi không sành lắm.

(6) Loại nào là tốt nhất?

(7) Loại tốt nhất ư?

“Các ông đồng ý cả chứ, thưa quý ông?” Johnson hỏi mấy người phu khác. Một người gật đầu. Người kia nói bằng tiếng Pháp, “tôi không biết chất lượng của chúng nhưng tôi hay nghe nói về Sportman. Nó ngon đấy”.

“Cho một chai Sportman”, Johnson nói với cô tiếp viên. Ông ta nhìn vào bảng giá trên “list” rượu: mười một frăng Thụy Sĩ. “Thôi, cho cả ba chai Sportman. Ông có phiền gì không nếu tôi ngồi vào đây với ông?” ông ta hỏi người phu, người đã gợi ý chai Sportman.

“Mời ngồi. Xin cứ tự nhiên”. Người phu mỉm cười với ông ta. Anh ta gấp cái kính lại và để vào trong hộp của nó. “Có phải đây là dịp sinh nhật ông không?”

“Không”, Johnson trả lời. “Không phải lễ lạt gì đâu. Vợ tôi quyết định ly dị tôi”.

“Ra thế”, người phu nói. “Tôi hy vọng sẽ không”. Người phu khác lắc đầu. Người thứ ba dường như hơi bị diếc.

“Chuyện ấy thì phổ biến”, Johnson nói. “Như đi khám ở bác sĩ nha khoa ấy hay lần đầu tiên một cô gái có kinh nguyệt, nhưng tôi đã bối rối”.

“Điều đó cũng dễ hiểu thôi”, người phu già nhất nói. “Tôi hiểu chuyện ấy”.

“Không quý ông nào trong số các ngài bị ly dị, phải không?” Johnson hỏi. Ông ta ngừng làm hề với ngôn ngữ và nãy giờ đang nói bằng tiếng Pháp rất lưu loát.

“Không”, người phu đã gợi chai Sportman nói. “Ồ đây người ta không ly dị nhiều đâu. Cũng có người ly dị nhưng không nhiều”.

“Với chúng ta”, Johnson nói, “lại là chuyện khác. Trong thực tế, tất cả mọi người đều ly dị”.

“Chắc thế”, người phu khẳng định. “Tôi đã đọc được điều đó ở trên báo”.

“Bản thân tôi thì có lẽ cũng hơi dần”, Johnson tiếp tục. “Đây là lần đầu tiên tôi ly dị. Tôi ba lăm tuổi”.

“*Mais vous êtes encore jeune*”,⁽¹⁾ người phu nói. Anh ta giải thích cho hai người kia. “*Monsieur n’a que trente-cinq ans*”⁽²⁾. Hai người phu kia gật đầu.

“Ông ta còn rất trẻ”, một người nói.

“Và thật sự đây là lần đầu tiên ông ly dị chứ?” người phu hỏi.

“Thật sự”, Johnson trả lời. “Hãy mở rượu đi, *mademoiselle*”.

“Và nó rất đắt?”

“Mười ngàn frăng”.

“Tiền Thụy Sĩ?”

“Không tiền Pháp”.

“Ôi, vâng. Hai ngàn frăng Thụy Sĩ. Tất cả trị giá ngang nhau, chỗ đó không phải là rẻ”.

“Phải”

“Nhưng tại sao người ta lại làm thế?”

“Một người đề nghị”.

“Nhưng tại sao người ta lại đề nghị như vậy?”

“Để cưới một người khác”.

“Nhưng như vậy là ngu ngốc”.

“Tôi đồng ý với ông”, Johnson nói. Cô tiếp viên rót đầy rượu vào bốn chiếc ly. Tất cả cùng nâng cốc.

(1) Nhưng ông vẫn còn trẻ.

(2) Ông ta chỉ ba mươi lăm tuổi.

“Chúc sức khỏe”, Johnson nói.

“*A votre santé monsieur*”,⁽¹⁾ người phu nói. Hai người phu kia nói “*Salut*”⁽²⁾. Rượu sâm banh có vị như loại rượu táo ngọt, màu hồng.

“Có phải người Thụy Sĩ có thói quen phản xạ bằng một ngôn ngữ khác khi giao tiếp không?” Johnson hỏi.

“Không”, người phu nói. “Tiếng Pháp được xem là có văn hóa hơn. Ngoài ra, còn có thêm một lý do nữa là *Suisse Romande*”⁽³⁾.

“Nhưng ông nói được cả tiếng Đức nữa cơ mà?”

“Vâng. Tôi đến đây từ vùng nói tiếng Đức”.

“Tôi hiểu”, Johnson nói. “Và ông nói là ông chưa bao giờ ly dị?”

“Chưa. Nó quá đắt. Hơn nữa, tôi cũng chưa hề lấy vợ”.

“À,” Johnson nói. “Thế còn những quý ông khác?”

“Họ đã lập gia đình”.

“Ông có thích hôn nhân không?” Johnson hỏi một trong những người phu.

“Cái gì?”

“Ông có thích cuộc sống gia đình không?”

“*Oui. C'est normale*”⁽⁴⁾.

“Chính xác”, Johnson nói. “*Et vous, monsieur?*”⁽⁵⁾.

“*Cava*”,⁽⁶⁾ một người phu khác trả lời.

(1) Tiếng Pháp: Chúc sức khỏe ngài.

(2) Xin mời.

(3) Miền Thụy Sĩ nói tiếng Pháp.

(4) Vâng, chuyện thường tình ấy mà.

(5) Còn ngài thì sao?

(6) Cũng vậy.

“*Pour moi*”,⁽¹⁾ Johnson nói. “*Ca ne va pas*”⁽²⁾.

“Ông ấy sắp ly dị”, người phu đầu tiên giải thích.

“Ồ”, người phu thứ hai nói.

“À ha!” người phu thứ ba nói.

“Này”, Johnson nói, chủ đề này có vẻ hết hấp dẫn rồi. Ông không quan tâm tới việc rắc rối của tôi”, ông ta nói với người phu đầu tiên.

“Vâng. Đúng đấy”, người phu nói.

“Vậy thì hãy nói về chuyện khác đi”.

“Nếu ông muốn”.

“Chúng ta có thể nói về cái gì nhỉ?”

“Ông chơi thể thao à?”

“Không”, Johnson nói. “Nhưng vợ tôi chơi”

“Thế ông giải trí bằng cách nào?”

“Tôi là nhà văn”.

“Viết có được nhiều tiền không?”

“Không. Nhưng khi người ta nổi tiếng thì tiền sẽ đến”.

“Thú vị thật”.

“Không”, Johnson nói. “Không thú vị đâu. Tôi xin lỗi, thưa quý ngài, nhưng tôi phải đi đây. Xin các ông vui lòng uống nốt chai rượu kia đi nhé?”

“Nhưng tàu sẽ chưa đến trong vòng bốn lăm phút nữa cơ mà”.

“Tôi biết”, Johnson nói. Cô tiếp viên đi vào, ông ta trả tiền rượu và bữa tối của mình.

“Ngài đi sao, thưa ngài?” cô hỏi.

(1) Với tôi.

(2) Điều ấy không xảy ra.

“Ừ”, Johnson trả lời. “Tôi đi dạo một chút. Tôi sẽ để lại túi xách ở đây”. Ông ta quàng khăn, mặc áo khoác và đội mũ vào. Bên ngoài, tuyết rơi nhanh nhiều hơn. Ông nhìn qua cửa sổ vào nơi ba người phụ đang ngồi bên bàn. Cô tiếp viên đang rót chai rượu cuối cùng được mở nắp vào đầy mấy chiếc ly của họ. Cô mang cái chai chưa mở nắp quay lại quầy. Như vậy có nghĩa là mỗi người sẽ kiếm được ba frăng từ chỗ rượu đó, Johnson nghĩ. Ông ta quay lại và đi xuống sân ga. Lúc ở trong quán cà phê ông đã nghĩ rằng nói chuyện đó ra thì nó sẽ làm ông nguôi ngoai; nhưng thay vì nguôi ngoai, nó chỉ làm ông buồn nôn.

PHẦN III

CON TRAI CỦA ĐỒNG CHÍ HỘI VIÊN Ở TERRITET

Bên trong quán cà phê trên sân ga ở Territet, không khí thật ấm áp; ánh điện sáng, mặt bàn ánh lên vì được đánh bóng. Trên bàn, người ta bày những rá bánh bích quy mặn được bọc trong giấy bóng và những tám đệm bằng các tông dùng lót dưới những cốc bia để những chiếc cốc ướt đó sẽ không in dấu lên mặt bàn gỗ. Mấy chiếc ghế được chạm trổ, mặt ghế tuy đã mòn vẹt nhưng ngồi thì thoải mái. Một chiếc đồng hồ treo tường, một quầy rượu ở cuối phòng và bên ngoài cửa sổ tuyết đang rơi. Một ông già đang uống cà phê ở chiếc bàn bên dưới đồng hồ và đọc báo buổi tối. Một người phụ khuôn vác đi vào và nói rằng tàu tốc hành Simplon-orient bị chậm một tiếng ở Saint Maurice. Cô tiếp viên đến bên bàn ngài Harris. Ngài Harris vừa ăn xong bữa tối.

“Tàu tốc hành bị chậm một tiếng, thưa ngài. Tôi mang cho ngài một chút cà phê nhé?”

“Nếu cô muốn”.

“Thưa?” cô tiếp viên hỏi.

“Được”, ngài Harris nói.

“Cảm ơn ngài”, cô tiếp viên nói.

Cô mang cà phê từ trong bếp ra, ngài Harris bỏ đường vào, nghiền mấy miếng đường bằng thìa và nhìn tuyết rơi ngoài cửa sổ trong ánh sáng hắt ra từ phía sân ga.

“Cô có nói được thứ ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Anh không?” Ông ta hỏi cô tiếp viên.

“Ồ, có, thưa ngài. Tôi nói được tiếng Đức, tiếng Pháp và vài thổ ngữ”.

“Cô thích nói thứ tiếng nào nhất?”

“Tôi thích tất cả nhiều như nhau, thưa ngài. Tôi không thể nói tôi thích ngôn ngữ này hơn ngôn ngữ kia”.

“Cô muốn uống một chút gì hoặc cà phê không?”

“Ồ không, thưa ngài. Không được phép uống trong quán cà phê với khách ạ”.

“Cô không hút xì gà à?”

“Thưa ngài, không”, cô cười to. “Tôi không hút thuốc”.

“Tôi cũng không”, Harris nói. “Tôi không đồng ý với David Belasco”.

“Thưa?”

“Belasco. David Balesco. Cô có thể dễ dàng bắt chuyện với anh ta bởi vì anh ta là kiểu người luôn dỏng tai lên hóng chuyện. Nhưng tôi không đồng ý với anh ta. Sau đó cũng vậy, nhưng bây giờ thì anh ta đã chết”.

“Ngài sẽ bỏ qua cho tôi chứ, thưa ngài?”

“Chắc chắn rồi”, Harris nói. Ông ta ngồi cúi về phía trước ghế và nhìn ra ngoài cửa sổ. Phía bên kia căn phòng. Ông lão gấp tờ báo lại. Lão nhìn ngài Harris rồi cầm đĩa và tách cà phê của mình, đi đến bên bàn ngài Harris.

“Xin anh thứ lỗi nếu như tôi có gì không phải”, lão nói bằng tiếng Anh. “Nhưng tôi chợt nảy ra ý nghĩ hãn anh là thành viên của Hội Địa Lý Quốc Gia”.

“Mời ông ngồi”, Harris nói. Ông lão ngồi xuống.

“Ông dùng một ly cà phê khác hay rượu mùi nhé?”

“Cám ơn”, lão nói.

“Ông có vui lòng uống một chút rượu anh đào với tôi không?”

“Có thể. Nhưng anh phải uống với tôi”.

“Không. Tôi uống đủ rồi”. Harris gọi cô tiếp viên. Ông lão móc trong túi áo khoác của mình ra một chiếc sổ bỏ túi bìa da. Lão tháo sợi dây cao su, lấy ra vài tờ giấy, chọn một tờ đưa cho Harris.

“Đây là giấy chứng nhận hội viên của tôi”, lão nói. “Anh có biết Frederic J. Roussel ở Mỹ không?”

“Tôi e là mình không biết”.

“Tôi biết ông ấy là người rất nổi tiếng”.

“Ông ấy ở đâu vậy? Ông có biết cái phần đất ấy của nước Mỹ không?”

“Ở Washington, tất nhiên. Trụ sở của Hội không phải đóng ở đấy à?”

“Tôi nghĩ là ở đó”.

“Anh nghĩ như vậy. Anh có chắc không?”

“Tôi đã đi xa khá lâu”, Harris nói.

“Vậy thì anh không phải là thành viên của Hội à?”

“Không. Nhưng cha tôi là thành viên. Ông ấy đã từng là thành viên lâu năm”.

“Vậy thì ông nhà chắc biết Frederick J. Roussel. Ông ta là một trong những quan chức của hội. Ông sẽ nhận thấy điều đó bởi vì nhờ ngài Roussel mà tôi được bầu làm hội viên”.

“Tôi hết sức vui mừng”.

“Tôi thấy làm tiếc vì anh không là hội viên. Nhưng anh có thể giành được sự bổ nhiệm thông qua cha anh?”

“Tôi cũng nghĩ như thế”, Harris nói. “Tôi phải vào hội khi quay trở lại”.

“Tôi khuyên anh nên làm thế”, ông lão nói. “Chắc anh thường xem tạp chí chứ?”

“Chắc chắn rồi”.

“Anh đã thấy số liệu với những bảng màu của hệ động vật Bắc Mỹ chưa?”

“Có. Tôi đã thấy ở Paris”.

“Và cả số liệu toàn cảnh núi lửa ở Alaska”.

“Đó là một kỳ quan đấy”.

“Tôi rất thích, ngoài ra, còn những bức ảnh động vật hoang dã của George Shiras III”.

“Chúng đẹp tuyệt”.

“Xin anh vui lòng nói lại?”

“Chúng thật xuất sắc. Cái gã Shiras đó...”

“Anh gọi anh ta là gã à?”

“Chúng tôi đã từng chơi với nhau”, Harris nói.

“Tôi hiểu. Anh biết George Shiras III. Anh ta hẳn là rất thú vị”.

“Anh ta thú vị lắm. Anh ta gần như là người đàn ông thú vị nhất mà tôi biết”.

“Chắc anh biết cả George Shiras II. Anh ta cũng thú vị phải không?”

“Ồ, anh ta không thú vị lắm đâu”.

“Tôi hình dung anh ta hay lắm đấy”.

“Tôi biết, điều đó thật buồn cười. Anh ta không hay lắm đâu. Tôi thường xuyên lấy làm lạ là tại sao...”

“Hừm”, ông lão nói. “Tôi nghĩ bất kỳ người nào trong gia đình ấy cũng thú vị”.

“Ông có nhớ bức toàn cảnh của sa mạc Sahara không?” Harris hỏi.

“Sa mạc Sahara à? Đã gần mười lăm năm rồi”.

“Đúng đấy. Đó là một trong những bức tranh ưa thích của cha tôi”.

“Ông nhà không thích những bức mới hơn phải không?”

“Có lẽ cha tôi không thích. Nhưng ông ấy rất thích bức toàn cảnh Sahara”.

“Nó thật tuyệt vời. Nhưng đối với tôi giá trị nghệ thuật của nó còn lâu mới sánh kịp lợi ích của khoa học mà nó mang lại”.

“Tôi không biết”, Harris nói. “Gió cuốn tung tất cả cát và người Arab với chú lạc đà của ông ta đang khuyu gối hướng về Mecca”.

“Nếu tôi nhớ không nhầm thì người Arab ấy đang đứng giữa chú lạc đà”.

“Ông hoàn toàn đúng”, Harris nói. “Tôi đang nghĩ về quyển sách của đại tá Lawrence”.

“Sách của Lawrence thì có liên quan đến dân Arab, tôi chắc thế”.

“Đúng vậy”, Harris nói. “Cái người Arab ấy đã khiến tôi nhớ nhầm bức tranh. Tay ấy hẳn là một anh chàng rất thú vị”.

“Tôi nghĩ hẳn là vậy đấy”.

“Anh có biết bây giờ hẳn làm gì không?”

“Bây giờ hẳn ở Không Lực Hoàng Gia”.

“Tại sao hẳn lại làm ở đấy!”

“Hắn thích”.

“Anh có biết hẳn có phải là thành viên của Hội Địa Lý Quốc Gia hay không?”

“Tôi đang phân vân không biết hẳn có phải là thành viên hay không?”

“Hắn chắc sẽ trở thành một hội viên rất tốt. Hẳn là kiểu người mà họ muốn kết nạp làm hội viên. Tôi sẽ rất vui mừng được giới thiệu hẳn nếu anh nghĩ họ sẽ thích hẳn”.

“Tôi nghĩ họ sẽ thích đấy”.

“Tôi đã giới thiệu một nhà khoa học từ Vevey và một đồng nghiệp của tôi ở Lauzanne và cả hai đều đã được bầu. Tôi tin rằng họ sẽ hài lòng nếu tôi giới thiệu đại tá Lawrence”.

“Đó là một ý kiến tuyệt vời”, Harris nói. “Ông thường xuyên đến quán cà phê này phải không?”

“Tôi đến đây để uống cà phê sau khi ăn tối”.

“Ông công tác ở trường đại học à?”

“Tôi đã về hưu”.

“Tôi thì đợi tàu”, Harris nói. “Tôi sẽ lên Paris rồi đi thuyền từ Havre về Mỹ”.

“Tôi chưa bao giờ đến Mỹ cả. Nhưng tôi rất thích đi đến đó. Có lẽ tôi sẽ tham dự một buổi họp của hội vào lúc nào đó. Tôi sẽ rất vui mừng nếu được gặp cha anh”.

“Tôi chắc cha tôi cũng sẽ thích gặp ông đấy nhưng cha tôi đã mất vào năm ngoái. Tự sát, lạ thật”.

“Tôi thật sự xin lỗi. Tôi chắc rằng ông nhà mất đi là cả một sự mất mát lớn cho khoa học cũng như cho gia đình”.

“Khoa học thì bị mất nhiều hơn”.

“Đây là danh thiếp của tôi”, Harris nói. “Tên viết tắt của cha tôi là E. J chứ không phải là E.D. Tôi biết ông ấy hẳn sẽ vui mừng khi gặp ông đấy”.

“Cuộc tương kiến ấy hẳn sẽ vô cùng thú vị”. Người đàn ông lấy một tấm danh thiếp từ quyển sổ bỏ túi ra đưa cho Harris. Đọc là:

Dr. Sigismond Wyer,

Ph.D Thành viên của Hội địa lý Quốc gia Washington,
D.C, U.S.A.

Tôi sẽ giữ nó cẩn thận”, Harris nói.

ĐÀO THU HẰNG dịch

CON BẠC, BÀ XƠ VÀ RADIO

Khoảng nửa đêm, người ta đưa họ vào rồi suốt đêm tiếng rên của người Nga dội khắp hành lang.

– Anh ta bị bắn vào đâu? – ông Frazer hỏi cô y tá trực đêm.

– Tôi chắc là vào đùi.

– Thế còn người kia?

Ồ, tôi sợ là anh ta sẽ chết.

– Anh ta bị bắn vào đâu?

– Hai phát vào bụng. Nhưng họ chỉ tìm thấy một viên đạn.

Cả hai người là công nhân trồng củ cải đường, một là người Mexico và người kia là người Nga; khi họ đang ngồi uống cà phê trong một tiệm mở cửa suốt đêm thì một người bước vào, nã đạn vào người Mexico. Người Nga bò nấp dưới bàn cũng bị dính một phát đạn lạc từ người Mexico lúc anh này ngã lún xuống sàn bởi hai viên đạn đã ngăm vào bụng. Đây là những gì báo chí đưa tin.

Người Mexico khai với cảnh sát là anh ta không biết người bắn mình. Anh ta cho đó là một vụ rủi ro.

– Rủi ro gì mà hắn đã nã vào anh tám phát và hai trong số đó lại găm trúng anh?

– Đúng đấy, thưa ngài, – người Mexico nói, anh ta tên là Cayetano Ruiz.

– Tay ấy đã vô ý bắn trúng tôi thôi, cái đồ dê cụt, – anh ta nói với người phiên dịch.

– Anh ta nói gì vậy? – Thiếu úy cảnh sát điều tra nhìn qua giường hỏi người phiên dịch.

– Anh ta nói đấy chỉ là sự tình cờ.

– Bảo anh ta hãy nói thật đi, anh ta sắp chết rồi đấy, – người điều tra nói.

– Không, – Cayetano nói. – Nhưng hãy bảo ông ấy rằng tôi đau lắm và không muốn nói nhiều.

– Anh ta bảo anh ta đã nói sự thực, – người phiên dịch nói, rồi quả quyết nói với cảnh sát điều tra, – anh ta không biết hấn. Chúng bắn sau lưng anh ta.

– Ừ, – người điều tra nói. – Tôi biết điều ấy, nhưng tại sao mấy viên đạn lại găm vào người từ phía trước?

– Có lẽ vào lúc anh ta đang quay người lại, – người phiên dịch nói.

– Nghe này, – cảnh sát điều tra nói, ngón tay ông ta run run gần như dí sát cái mũi nhọn hoắt, trên khuôn mặt vàng như nghệ của người đàn ông sắp chết, trừ đôi mắt hầy còn tỉnh nhanh như mắt diều hâu. – Tôi cóc thêm bận tâm đến kẻ bắn anh, nhưng tôi có trách nhiệm phải làm rõ vụ này. Anh không muốn kẻ bắn anh bị trừng phạt ư? Dịch cho anh ta nghe, – ông ta bảo người phiên dịch.

– Ông ấy yêu cầu hãy nói kẻ bắn anh.

– *Mandarlo al carajo*⁽¹⁾, – Cayetano rất yếu, khẽ nói.

(1) Hãy bảo hấn xéo đi (tiếng Tây Ban Nha).

– Anh ta bảo chẳng nhìn thấy kẻ ấy, – người phiên dịch nói. – Tôi đã bảo ông là chúng bắn từ phía sau.

– Hỏi anh ta ai bắn người Nga kia vậy?

– Người Nga tội nghiệp, – Cayetano nói. – Cậu ấy đã ôm đầu lặn xuống sàn. Cậu ấy hét lên khi bị chúng bắn, đến giờ cậu ấy hãy còn gào thét. Người Nga tội nghiệp.

– Anh ta bảo mình không biết gã ấy. Có lẽ đấy cũng là gã đã bắn anh ta.

– Nghe này, – sĩ quan điều tra nói. – Đây không phải là Chicago. Và anh không phải là một tên gangster. Anh chẳng cần phải xử sự theo lối của phim ảnh. Chẳng hề gì khi nói ai là kẻ bắn anh. Mọi người đều có thể khai ai bắn mình. Họ có quyền làm thế. Nếu anh không nói ra kẻ bắn anh thì kẻ đó rất có thể sẽ bắn người khác. Giả dụ như hấn có thể bắn một phụ nữ hoặc một đứa trẻ. Anh không thể để mặc hấn hoành hoành như thế. Ông dịch hộ cho anh ta nghe đi, – viên cảnh sát nói với ông Frazer. – Tôi chẳng tin nổi tay phiên dịch này.

– Tôi là người rất đáng để tin cậy, – người phiên dịch nói. Cayetano ngược nhìn ông Frazer.

– Nghe đây, anh bạn, – ông Frazer nói. – Ngài cảnh sát bảo rằng chúng ta không phải ở Chicago mà đang ở Hailen, Montana. Anh không phải là kẻ cướp và chuyện này thì chẳng có chút liên quan gì đến phim ảnh đâu.

– Tôi tin ông ấy, – Cayetano phều phào nói, – *Ya lo creo*⁽¹⁾.

– Bất kỳ ai cũng có quyền vạch mặt kẻ tấn công mình. Ở đây ai cũng làm như thế, ông ấy nói. Ông ấy còn nói:

(1) Tôi tin.

chuyện gì sẽ xảy ra nếu sau khi bắn anh, gã ấy bắn một phụ nữ hoặc một đứa trẻ.

– Tôi chưa lập gia đình, – Cayetano nói.

– Ông ấy nói bất kỳ một phụ nữ hay một đứa trẻ nào đó.

– Hắn chẳng phải là thằng rồ, – Cayetano.

– Ông ấy bảo anh nên khai hắn ra, – ông Frazer kết thúc.

– Cám ơn ông, – Cayetano nói. – Ông là một trong những thông dịch viên vĩ đại. Tôi biết tiếng Anh, nhưng tôi. Song tôi hiểu hết. Sao chân ông bị gãy vậy?

– Bị ngã ngựa.

– Xúi thật. Tôi xin chia buồn. Có đau lắm không?

– Bây giờ thì không. Thoạt tiên thì có.

– Này, ông ơi, Cayetano nói. – Tôi rất đau. Ông bỏ quá cho tôi. Tôi đang đau, đau lắm. Rất có thể tôi sẽ chết. Hãy làm ơn tống khứ cái lão cảnh sát ấy ra khỏi đây bởi lẽ tôi kiệt sức lắm rồi. – Anh ta có vẻ muốn trở nghiêng người nhưng rồi vẫn nằm im.

– Tôi đã dịch chính xác từng lời ông nói, anh ta bảo tôi nói với ông rằng anh ta thật sự không thấy kẻ bắn mình và rằng anh ta rất yếu và tỏ ý muốn xin ông thăm vấn sau, – ông Frazer nói.

– Anh ta rất có thể chết.

– Điều này rất có khả năng.

– Đây là lý do tại sao tôi muốn hỏi anh ta ngay bây giờ.

– Kẻ ấy đã bắn vào lưng anh ta, tôi đã nói với ông rồi mà, – người phiên dịch nói.

– Ôi, thôi tùy Chúa, – thiếu úy điều tra thốt lên rồi dứt cuốn sổ vào túi.

Ra ngoài hành lang, thiếu úy điều tra đứng với người phiên dịch bên cạnh chiếc xe lăn của ông Frazer.

– Tôi chắc là ông cũng nghĩ rằng ai đó đã bắn từ phía sau lưng?

– Đúng đấy, – Frazer đáp. – Kẻ ấy bắn vào lưng anh ta. Còn ông thì nghĩ sao?

– Đừng có bực mình như thế, – thiếu úy nói. – Giá mà tôi có thể nói được tiếng Tây Ban Nha.

– Tại sao anh không học?

– Ông đừng nên bực bội quá vậy. Tôi cũng chẳng vui vẻ gì khi cứ căn vặn mãi thế đâu. Nếu tôi có thể trực tiếp thẩm vấn thì sự việc hẳn đã khác rồi.

– Ông không cần thiết phải nói tiếng Tây Ban Nha, – người phiên dịch nói. – Tôi là một thông dịch viên rất đáng tin cậy.

– Ôi, lạy Chúa, – thiếu úy nói. – Thôi, tạm biệt. Tôi sẽ đến gặp anh khi nào cần thiết.

– Cảm ơn ông. Tôi luôn sẵn sàng phục vụ.

– Tôi chắc là ông đã bình phục. Chuyện ấy hẳn cũng là do rủi ro. Có nhiều tai nạn rủi ro quá.

– Kể từ khi ông ấy nổi xương đến nay cái chân đã ổn.

– Phải, nhưng điều ấy xảy ra đã lâu, lâu lắm rồi

– Đừng để ai đó bắn ông từ phía sau lưng.

– Được rồi, – ông ta nói. – Được rồi. Chà, tôi lấy làm mừng vì ông không còn bực bội nữa.

– Tạm biệt, – ông Frazer nói.

Suốt khoảng thời gian dài, ông Frazer không gặp lại Cayetano, nhưng mỗi buổi sáng, xó Cecilia cung cấp tin tức

cho ông. Anh ta đã quá yếu, bà nói, bây giờ anh ta rất nguy kịch. Anh ta bị viêm màng bụng, các bác sĩ nghĩ anh ta chẳng thể nào sống nổi. Cayetano thật đáng thương, bà nói. Hai bàn tay anh ta mới đẹp làm sao, khuôn mặt thì rất dễ mến và chẳng bao giờ anh ta rên rỉ. Bây giờ, mùi hôi thối bốc lên thật khủng khiếp. Bà nói, anh ta đưa tay chỉ vào mũi, mỉm cười rồi lắc đầu. Anh ta cảm thấy khó chịu vì cái mùi ấy. Nó làm anh xấu hổ, xó Cecilia tiếp tục nói. Ô, anh ta là một bệnh nhân cực kỳ dễ thương. Anh ta luôn mỉm miệng cười. Dầu không đi xưng tội với Cha nhưng anh ta hứa sẽ cầu nguyện; kể từ lúc được đưa đến bệnh viện, chưa có người Mexico nào đến thăm anh ta cả. Cuối tuần này, anh người Nga sẽ ra viện. Tôi không bận lòng gì về người Nga ấy, xó Cecilia nói. Cái anh chàng đáng thương ấy, anh ta cũng chịu nỗi đau đớn. Viên đạn được bôi mỡ, nên chất bắn làm vết thương nhiễm trùng nhưng anh ta rên rỉ quá lắm, còn tôi thì luôn thương những người bị nặng hơn. Anh chàng Cayetano ấy mà, anh ta bị thương rất nặng. Ô, anh ta là người bị nặng thực sự, một người bị thương rất nặng, anh ta thật dễ thương và dịu dàng; anh ta không hề lao động tay chân. Anh ta chẳng phải là công nhân trông củ cải đường. Tôi biết anh ta không làm nghề ấy. Bàn tay anh ta mịn màng, không bị chai. Tôi biết anh ta bị thương rất nặng. Bây giờ tôi sẽ xuống dưới để cầu nguyện cho anh ta. Cayetano đáng thương, dầu cho nỗi đau đớn có lớn đến nhường nào chẳng nữa thì anh ta cũng không hé răng rên lấy một tiếng. Họ bắn anh ta vì lẽ gì cơ chứ? Ôi, Cayetano đáng thương! Tôi sẽ xuống và cầu nguyện cho anh ta.

Bà xuống và cầu nguyện ngay cho anh ta.

Trong bệnh viện, radio bắt sóng không rõ lắm cho đến lúc chạng vạng tối. Người ta bảo sở dĩ có hiện tượng ấy là do vùng đất có nhiều quặng hoặc do vấn đề gì đó liên quan đến dãy núi; nhưng dầu sao thì nó cũng không hoạt động tốt được cho đến lúc bên ngoài trời bắt đầu tối; rồi suốt đêm nó nói ra rả, khi một đài ngừng phát sóng thì bạn có thể dò bắt các sóng ở phía đông. Sóng cuối cùng mà bạn có thể bắt là Seattle của Washington; bởi vì các múi giờ không trùng nhau nên khi sóng ngừng phát vào lúc bốn giờ sáng thì ở bệnh viện đã năm giờ; rồi vào lúc sáu giờ sáng bạn có thể bắt được sóng phát bản nhạc báo thức bằng kèn vào lúc năm giờ ba mươi của Minneapolis. Hiện tượng ấy cũng do chênh múi giờ, ông Frazer thường thích nghĩ về những người thổi kèn buổi sáng đang trên đường đến đài phát thanh rồi hình dung ra dáng điệu của họ lúc bước ra khỏi chiếc xe đỗ trên đường, mang nhạc cụ đi trong bóng tối trước khi trời sáng. Có lẽ hình ảnh tưởng tượng đó không đúng bởi họ để nhạc cụ tại phòng phát thanh, nhưng ông luôn hình dung họ mang nhạc cụ. Ông chưa bao giờ đến Minneapolis và nghĩ mình sẽ chẳng bao giờ đến đó, nhưng ông biết đội kèn ấy hoạt động ra sao trước khi trời sáng.

Nhìn ra ngoài cửa sổ bệnh viện, bạn có thể thấy một cánh đồng đầy cỏ năn nhô lên dưới lớp tuyết và một ụ đất sét không cây cối. Sáng nọ, do muốn để ông Frazer nhìn được hai con gà lôi đang đi trên vùng tuyết ấy, bác sĩ đã kéo cái giường về phía cửa sổ, thế là cái đèn đọc sách rơi khỏi cái giá ở đầu giường trúng vào đầu ông. Bây giờ

chuyện này nghe chẳng còn buồn cười nữa nhưng lúc ấy thì rõ thật là buồn cười. Mọi người đang nhìn ra cửa sổ, trong lúc bác sĩ, một bác sĩ tài ba nhất, vừa chỉ mấy con gà lôi vừa kéo cái giường về phía cửa sổ và rồi, như trong một đoạn phim hài, ông Frazer bị cái đế đèn bằng chì đập xuống đầu, bất tỉnh. Chuyện này dường như tương phản với việc điều trị hay bất kỳ mục đích nào khi người ta đến bệnh viện, mọi người nghĩ sự việc thật khôi hài và dùng nó để trêu cả bác sĩ lẫn ông Frazer. Ở bệnh viện, mọi chuyện đơn giản hơn nhiều, kể cả những trò đùa.

Từ cửa sổ khác, nếu xoay giường lại, bạn có thể nhìn thấy thị trấn với những làn khói mỏng vươn lên, dãy núi Dawson trông sừng sững khi tuyết mùa đông phủ dày. Thị trấn và những ngọn núi là hai cảnh vật mà người ngồi trên xe lăn có thể chiêm ngưỡng vào lúc sáng sớm. Nhưng nếu ở bệnh viện, tốt hơn cả là bạn cứ nằm yên trên giường; dầu cho hai cảnh ấy nếu có thời gian quan sát từ một phòng có điều hòa nhiệt độ thì sẽ hấp dẫn hơn vô khối cảnh được ngắm trong vòng vài phút tại những căn phòng trống, nóng bức đang đợi một ai đó hoặc bỏ hoang mà bạn cứ phải lăn xe vào rồi lại lăn ra. Còn nếu bạn ngồi lâu trong phòng để ngắm thì bất kể là cảnh gì, cũng cuốn hút và sẽ khiến bạn ngất ngây đến độ bạn sẽ chẳng thể rời mắt khỏi nó, dầu chỉ để đổi góc nhìn. Vào lúc ấy, với chiếc radio bạn sẽ tìm thấy những chương trình lạ. Mùa đông ấy, những giai điệu hay nhất được phát trên đài là: “Hát về những điều đơn giản”, “Dàn đồng ca nữ” và “Lời nói dối vô hại”. Ông Frazer nghĩ, chẳng có giai điệu khác nào hấp dẫn bằng chúng. “Betty Co-ed” cũng hay đấy, nhưng lời nhạc khôi hài của nó chẳng

thể nào lọt được vào tai và được tăng mạnh đến nỗi chẳng một ai ở đó thích nghe nữa, cuối cùng ông chuyển sóng, không nghe ca nhạc mà chuyển sang bóng đá.

Khoảng chín giờ sáng, bệnh viện bắt đầu chiếu X-quang; nhưng vào lúc ấy, radio mới bắt đầu chương trình của Hailey và như thế thì chẳng thể nào lần được sóng. Nhiều người ở Hailey muốn nghe chương trình này đã phản đối những cỗ máy X-quang của bệnh viện bởi đã làm hỏng chương trình buổi sáng của họ, nhưng mọi việc vẫn cứ như cũ mặc dù nhiều người cảm thấy xấu hổ thay cho bệnh viện vì đã không chịu vận hành máy vào lúc bệnh nhân không nghe radio.

Vào thời điểm cần thiết để tắt radio, xơ Cecilia vào.

– Cayetano thế nào rồi hở xơ Cecilia? – ông Frazer hỏi.

– Ô, anh ta rất nguy kịch.

– Anh ta bất tỉnh rồi sao?

– Không, nhưng tôi sợ anh ta sắp chết.

– Còn bà thì thế nào?

– Tôi rất lo cho anh ta, ông có hay là tỉnh không có lấy một người nào đến thăm anh ta cả chứ? Bởi cách cư xử của cái đám Mexico ấy, anh ta chắc là chết như một con chó. Bọn chúng thật bỉ ổi.

– Bà có muốn lên đây nghe chương trình buổi chiều không?

– Ô, không, – bà nói. – Tôi quá buồn chồn. Tôi sẽ vào nhà nguyện để cầu kinh.

– Chúng ta vẫn còn nghe nó được cơ mà, – ông Frazer nói. – Họ đấu trên bãi biển và do khác nhau về múi giờ, trận đấu sẽ muộn lại như thế chúng ta có thể nghe được.

– Ô, không. Tôi không thể. Các môn thi đấu quốc tế này gần như vắt kiệt sức tôi. Khi các cầu thủ critkê chuẩn bị vụt bóng, tôi cầu lớn: “Ôi, lạy Chúa, hãy phù hộ cho họ! Ôi, lạy Chúa, đừng để họ vụt vào nhau! Ôi, lạy Chúa, cầu cho anh ta vụt an toàn!”. Rồi khi họ chuẩn bị thi đấu môn thứ ba, ông còn nhớ chứ, thật là quá sức đối với tôi. “Ôi, lạy Chúa! Anh ta húc phải chương ngại vật mất! Ôi, lạy Chúa, mong anh ta vượt qua được hàng rào!”. Rồi sau đó, như ông còn nhớ đấy, khi các tay đua Cardinal tăng tốc độ, cảnh tượng mới thật khủng khiếp. “Ôi, lạy Chúa, đừng để họ không thấy! Ôi, lạy Chúa, đừng để họ lóa mắt! Ôi, lạy Chúa, hãy ban phúc cho họ! Họ chỉ đùa chơi!” Nhưng môn thi đấu này thì tệ hơn nhiều. Đây là trận đấu của Notre Dame. Lạy Đức Mẹ. Không, tôi sẽ ở trong nhà nguyện. Lạy Mẹ. Họ sắp đấu, hãy vì Đức Mẹ. Vì Đức Mẹ, tôi ước lúc nào đó ông sẽ biết về Đức Mẹ. Ông có thể làm được điều đó. Tôi biết ông có thể, ông Frazer à.

– Tôi không biết gì về Đức Mẹ để viết cả. Mọi chuyện dường như đã được viết hết rồi, – ông Frazer nói. – Bà cũng sẽ không thích cách tôi viết. Và Đức Mẹ cũng chẳng quan tâm đến việc ấy đâu.

– Có lúc rồi ông sẽ viết về Mẹ, – xơ nói. – Tôi biết rồi ông sẽ. Ông phải viết về Đức Mẹ.

– Tốt hơn là bà nên lên đây nghe tường thuật trận đấu.

– Với tôi, nó đã quá đủ rồi. Không, tôi sẽ vào nhà nguyện để làm những gì sức mình có thể.

Chiều hôm ấy, lúc trận đấu đã được chừng năm phút thì một y tá tập sự vào phòng hỏi.

– Xơ Cecilia muốn biết cuộc chơi đang diễn ra như thế nào?

– Nói với bà ấy là họ đã ghi được một điểm.

Một lát sau, người tập sự ấy lại vào phòng.

– Bảo với bà ấy họ đang chơi một trận quyết liệt đây hấp dẫn, – ông Frazer nói.

Lát sau, ông rung chuông gọi cô y tá trực tầng.

– Nhờ chị xuống nhà nguyện hay nhắn ai hộ tôi đến xơ Cecilia rằng hết một phần tư hiệp rồi, Notre Dame được mười bốn không và trận đấu vẫn sôi nổi. Bà ấy có thể ngừng cầu nguyện.

Vài phút sau, xơ Cecilia vào phòng. Bà rất hồi hộp,

– Mười bốn không có nghĩa là gì. Tôi chẳng hiểu chút nào về môn thể thao này cả. Với môn bóng chày, đấy là tỉ số thắng an toàn. Nhưng tôi chẳng hiểu chút nào về bóng đá. Có lẽ nó chẳng quan trọng. Tôi sẽ quay xuống nhà nguyện và cầu nguyện cho đến khi trận đấu kết thúc.

– Họ sẽ thua đấy, – Frazer nói. – Tôi dám bảo đảm với bà như thế. Ở lại nghe với tôi đi.

– Không. Không. Không. Không. Không. Không. Không, – bà nói. – Tôi sẽ xuống nhà nguyện ngay bây giờ để cầu nguyện.

Ông Frazer nhắn tin xuống mỗi khi đội Notre Dame thắng, rốt cuộc khi trời đã tối một lúc lâu, kết quả trận đấu đã được công bố.

– Xơ Cecilia thế nào rồi?

– Vẫn cứ ở trong nhà nguyện, – cô nói.

Sáng hôm sau xơ Cecilia vào phòng. Bà rất hài lòng và tỏ vẻ tự tin.

– Tôi biết chúng chẳng thể nào thắng được Đức Mẹ, bà nói. – Chúng không thể. Cayetano cũng đỡ hơn. Anh ta đã khá hơn nhiều. Anh ta sắp có khách. Dẫu chưa gặp nhưng họ sẽ đến, điều này sẽ khiến anh ta cảm thấy vui hơn bởi biết mình không bị đồng bào bỏ rơi. Tôi đã đến gặp anh chàng O'Brien ở Sở Cảnh sát và đề nghị anh ta cử ngay mấy người Mexico đến thăm Cayetano đáng thương. Chiều nay anh ta sẽ bảo mấy người đến. Khi ấy, con người tội nghiệp đáng thương kia sẽ cảm thấy đỡ hơn. Thật là ác độc khi chẳng có ai đến thăm anh ta.

Khoảng năm giờ chiều hôm ấy, ba người Mexico bước vào phòng.

– Bọn tôi vào được chứ? – tay to con nhất hỏi, y khá béo và có đôi môi rất dày.

– Tại sao không? – ông Frazer đáp. – Mời các anh ngồi. Các anh uống tí gì chứ?

– Cảm ơn nhiều, – tay to con nói.

– Cảm ơn, – tay nhỏ choắt và đen nhất nói.

– Cảm ơn, không, – tay gầy nói. – Nó đã lên đến đầu tôi rồi. – Y vỗ vào đầu.

Cô y tá mang ra mấy cái cốc.

– Làm ơn lấy hộ tôi cái chai, – Frazer nói, – nhân Red Lodge ấy, – ông nhắc.

– Mác Red Lodge là tuyệt vời nhất, – tay to con nói.

– Radio có mấy kênh? – tay không uống hỏi.

– Bảy.

– Tuyệt nhỉ, – y nói. – Giá của nó là bao nhiêu vậy?

– Tôi không biết. – Ông Frazer đáp. – Tôi chỉ thuê nó.

– Các anh có phải là bạn của Cayetano không?

– Không, – tay to con đáp. – Bọn tôi là bạn của gã đã bắn anh ta.

– Bọn tôi được cảnh sát cử tới đây, – tay nhỏ nhất nói.

– Bọn tôi có một chút địa vị, – tay to con nói, – tôi và cậu ấy, – rồi đưa tay chỉ vào tay không uống. – Cậu kia cũng có một tí đấy, – y chỉ vào tay choắt người đen đui. – Cảnh sát bảo phải đến, thế là bọn tôi đến.

– Tôi rất mừng vì các anh đã đến.

– Tôi cũng vui khi được gặp ông.

– Các anh dùng thêm một ly nhỏ nữa chứ?

– Sao không nhỉ? – tay to con nói.

– Với sự cho phép của ông, – tay nhỏ con nhất nói.

– Trừ tôi, – tay gầy nhom nói. – Nó dội lên cả đầu tôi rồi.

– Rượu rất ngon, – tay nhỏ con nhất nói.

– Các anh không bảo bạn của Cayetano đến thăm anh ta à?

– Hắn không có bạn.

– Mọi người đều có bạn.

– Tay này thì không.

– Anh ta làm nghề gì?

– Hắn là một con bạc.

– Anh ta tử tế chứ?

– Tôi tin là thế.

– Từ túi tôi, – tay nhỏ con nhất nói, – hắn ăn một trăm tám mươi dollar. Bây giờ một trăm tám mươi dollar ấy đâu còn giá trị trên thế gian này nữa.

– Với tôi, – tay gầy nhom nói, – hắn thắng hai trăm mười lăm dollar. Thử hình dung món tiền ấy.

- Tôi chẳng bao giờ chơi với hắn, – tay to con nói.
- Anh ta chắc giàu lắm, – ông Frazer thử gợi.
- Hắn nghèo hơn chúng tôi, – tay Mexico nhỏ con nói.
- Hắn chẳng có gì ngoài chiếc sơ mi mặc trên người.
- Và bây giờ, chiếc sơ mi ấy lại bị mất giá thêm, – ông Frazer nói. – Đạn đã xuyên thủng nó.
- Rõ thế.
- Kể hẳn anh ta bị thương cũng là một con bạc chứ?
- Không, hắn là công nhân trông củ cải đường. Hắn đã chuồn khỏi thị trấn.
- Các anh phải nhớ điều này, – tay to con nhất nói. – Hắn là cây guitar giỏi nhất thị trấn. Hắn chơi cừ lắm.
- Thật là xấu hổ.
- Tôi cũng nghĩ thế, – tay to con nhất nói. – Hắn lại có thể đụng đến cả guitar nữa cơ chứ.
- Không còn người nào chơi giỏi nữa sao?
- Không, thậm chí chỉ là cái bóng của họ.
- Có một người chơi accordion, gã ấy khá đấy, – tay gầy nhom nói.
- Hiếm người có thể chơi được nhiều loại nhạc cụ, – tay to con nói. – Ông thích âm nhạc không?
- Hà có gì mà tôi lại không thích?
- Chúng ta sẽ tổ chức một tối hòa nhạc chứ? Ông có nghĩ bà xơ ấy sẽ cho phép? Bà ta có vẻ tốt bụng lắm.
- Tôi chắc bà ấy sẽ cho phép nếu Cayetano có thể nghe.
- Bà ta có hơi khùng không? – tay gầy nhom hỏi.
- Ai?
- Bà xơ ấy.

– Không, – ông Frazer nói. – Bà ấy là người phụ nữ rất thông minh và cực kỳ độ lượng.

– Tôi chẳng tin tưởng gì vào cái đám cha cố, thầy tu và các bà xơ ấy, – tay gậy nhôm nói.

– Hồi còn nhỏ, cậu ấy đã từng ở đấy, – tay nhỏ con nhất nói.

– Tôi đã từng là thầy tu cấp dưới, – tay gậy nhôm tự hào nói. – Giờ thì tôi chẳng còn tin gì nữa, kể cả cái thế giới nhôm nhoam này.

– Sao vậy? Điều ấy có làm anh đau đầu không?

– Không, – tay gậy nhôm đáp. – Chỉ có rượu mới làm tôi đau đầu. Tín ngưỡng là thuốc phiện của người nghèo.

– Tôi nghĩ cần sa mới là thuốc phiện của dân nghèo, – Frazer nói.

– Ông đã bao giờ hút thuốc phiện chưa? – tay to con hỏi.

– Chưa.

– Tôi cũng thế, – y nói. – Nó có vẻ rất tệ hại. Một ai đó dấy vào thì không thể nào dừng lại được. Thuốc phiện là tội lỗi.

– Giống như tôn giáo, – tay gậy nhôm nói.

– Cái thứ này, – tay Mexico nhỏ con nhất nói, – là đối thủ cực kỳ mạnh đối với tôn giáo.

– Chống lại cái gì đó thì sức mạnh là cần thiết, – ông Frazer lịch sự nói.

– Tôi kính trọng những người có đức tin dẫu cho họ tin chỉ vì thơ ngây, – tay gậy nhôm nói.

– Tốt, – ông Frazer nói.

– Ông cần thứ gì? – tay Mexico to con hỏi. – Ông có thiếu gì không?

- Nếu có bia ngon, phiên các anh mua hộ mấy chai.
- Chúng tôi sẽ mang bia đến.
- Uống thêm tí nữa trước lúc các anh đi?
- Tuyệt đấy.
- Bọn tôi đang ăn cướp của ông.
- Tôi không thể uống. Nó bốc lên đầu. Rồi tôi đau đầu lắm, cả dạ dày cũng đau.
- Tạm biệt các anh.
- Tạm biệt và cảm ơn ông.

Họ đi khỏi, ông ăn xong bữa khuya rồi vặn radio nhỏ đến mức còn có thể nghe được, các chương trình phát thanh kết thúc theo trật tự: Denver, Salt Lake City, Los Angeles và Seattle. Từ radio, ông Frazer không nghe được lời miêu tả nào về Denver. Ông chỉ có thể thấy Denver qua tờ Denver Post và hoàn thiện bức tranh trong trí tưởng tượng của mình qua tờ The Rocky Mountain News. Ông cũng không thể hình dung nổi Salt Lake City hay Los Angeles qua những gì nghe được từ radio. Salt Lake City trong trí tưởng tượng của ông là một nơi sạch sẽ, hơi tối, có nhiều phòng cá độ trong rất nhiều khách sạn, điều này gợi ông nhớ về Los Angeles. Nhưng cũng vì những phòng cá độ này mà ông chẳng thể hình dung nổi nó. Trong khi đó, ông biết rất rõ về Seattle, những chiếc taxi màu trắng to lớn (được trang bị mỗi chiếc một radio) thuộc công ty taxi, mỗi tối đều đưa ông đến quán rượu trong khu người Canada, nơi họ gọi điện mời ông đến dự các bữa tiệc có nhạc chọn lọc. Hằng đêm, từ hai giờ sáng, ông đã có mặt ở Seattle để thưởng thức nhiều nhạc phẩm khác nhau mà khách hàng yêu

cầu, khung cảnh ấy sống động như ở Minneapolis, nơi mỗi buổi sáng, các nhạc công rời khỏi giường để đi đến đài phát thanh. Ông Frazer bỗng trỗi lên cảm giác yêu quý Seattle ở Washington rất nhiều.

Mấy tay Mexico mang bia đến, nhưng bia không ngon. Ông Frazer tiếp họ song ông không có hứng trò chuyện, rồi khi họ đi khỏi, ông biết họ chẳng bao giờ đến nữa. Thần kinh của ông trở nên căng thẳng, ông không thích tiếp chuyện mọi người trong lúc ở trạng thái ấy. Thần kinh của ông trở nên căng thẳng vào cuối tuần thứ năm bởi trong lúc đang hài lòng trước cảm giác dễ chịu thì ông bực mình vì đã bị đẩy vào tình huống quen thuộc mà ông đã biết rõ câu trả lời. Trước đây, ông Frazer đã trải qua tất cả các tình huống này. Điều duy nhất mới đối với ông là radio. Ông mở nó suốt đêm, vặn thật bé chỉ đủ vừa nghe tiếng; ông đang luyện cách lắng nghe mà không phải suy nghĩ.

Khoảng mười giờ sáng hôm ấy, xó Cecilia mang bưu phẩm vào phòng. Trông bà rất tươi tỉnh, ông Frazer thích ngắm nhìn và nghe bà nói, nhưng còn thư từ, từ một thế giới khác đến, lại còn quan trọng hơn. Mặc dù, mớ thư từ ấy chẳng có gì hấp dẫn.

– Trông ông khỏe hơn nhiều lắm đấy, – bà nói. – Chẳng mấy nữa ông sẽ từ già chúng tôi.

– Vâng, – ông Frazer nói. – Sáng nay, trông bà rất hạnh phúc.

– Ô, đúng đấy. Sáng nay tôi cảm thấy mình như thể một vị thánh.

Ông Frazer hơi giật mình trước thông báo này.

– Đúng đấy, – xó Cecilia tiếp tục. – Đây là mục tiêu tôi muốn phấn đấu. Một vị thánh. Hồi hầy còn bé xít, tôi đã mơ ước trở thành một vị thánh. Khi đã là thiếu nữ tôi nghĩ nếu mình rũ bỏ cõi trần tục vào sống trong tu viện thì mình có thể thành thánh. Đây là ước nguyện của tôi và tôi nghĩ mình phải trở thành thánh. Tôi khát khao mình trở thành thánh. Tôi hoàn toàn tin chắc mình sẽ đạt được ước nguyện. Rồi trong khoảnh khắc ấy, tôi nghĩ mình đã là thánh. Tôi rất hạnh phúc bởi điều ấy quá đơn giản và dễ dàng. Khi thức giấc vào buổi sáng, tôi khao khát mình trở thành thánh, nhưng tôi vẫn chưa thể. Tôi chẳng thể nào thành thánh. Tôi rất muốn thành thánh. Tất cả những gì tôi muốn là hình ảnh của một vị thánh. Đây là ước vọng duy nhất mà tôi hằng nuôi dưỡng. Rồi sáng nay, tôi cảm thấy như thể mình đã thành thánh. Ôi, tôi mơ mình là một vị thánh thực sự.

– Bà sẽ thành thánh. Mọi người đều có những gì họ muốn. Đây là điều người ta luôn bảo tôi.

– Giờ thì tôi không biết. Khi tôi hầy còn bé, ước nguyện ấy dường như quá đơn giản. Tôi biết mình sẽ thành thánh. Nhưng tôi biết, việc ấy sẽ mất nhiều thời gian khi tôi nhận thấy nó không phải bỗng nhiên đến. Giờ đây, dường như không thể nào chịu đựng nổi.

– Thì tôi chẳng bảo là bà có cơ duyên tốt lành đó sao.

– Ông có thực sự nghĩ thế không? Đừng, tôi không muốn được động viên. Xin đừng động viên tôi. Tôi muốn trở thành thánh. Tôi khao khát được làm một vị thánh.

– Tất nhiên, bà sẽ là một vị thánh, – ông Frazer nói.

– Không hẳn, có lẽ tôi sẽ không. Nhưng, ồ, giá mà tôi là thánh nhĩ! Giá mà tôi là thánh nhĩ!.

– Anh bạn Cayetano của bà sao rồi?

– Anh ta sắp bình phục nhưng hãy còn bị liệt. Một viên đạn đã xuyên trúng dây thần kinh đùi nên làm cái chân ấy tê liệt. Họ sẽ phẫu thuật nó khi anh ta khỏe hơn để anh ta có thể đi lại.

– Có lẽ dây thần kinh ấy sẽ phục hồi.

– Tôi đang cầu nguyện để nó phục hồi, – xơ Cecilia nói. – Ông nên đến thăm anh ta.

– Tôi không có hứng thú gặp bất kỳ ai cả.

– Tôi tin là ông muốn gặp anh ta. Họ có thể đẩy anh ta vào đây.

– Thôi cũng được.

Anh ta được đẩy vào, người ốm nhách chỉ còn xương bọc da, tóc anh ta màu đen và cần phải cắt, cặp mắt vui nhộn, bộ răng rất xấu khi mỉm cười.

– *Hola, amigo! Que tal?*⁽¹⁾

– Như anh thấy đấy, – ông Frazer nói. – Thế còn anh?

– Hãy còn sống nhưng một chân bị liệt.

– Tệ thật nhĩ, – ông Frazer nói. – Nhưng dây thần kinh ấy sẽ hồi phục và cái chân lại khỏe như xưa.

– Họ cũng bảo tôi như thế.

– Có còn nhức không?

– Bây giờ thì không. Nhưng đôi lúc tôi suýt phát điên lên vì cơn đau trong bụng. Tôi nghĩ chỉ một cơn đau ấy thôi cũng đủ để giết chết tôi.

(1) Xin chào, ông bạn! Khỏe chứ.

Xơ Cecilia đang nhìn họ với vẻ hạnh phúc.

– Bà ấy đã kể cho tôi nghe rằng anh chẳng hề rên lấy một tiếng, – ông Frazer nói.

– Nhiều người cùng ở trong căn phòng ấy, – người Mexico khiêm tốn nói.

– Ông có đau lắm không?

– Đau lắm. Nhưng không đau bằng anh. Khi y tá ra khỏi, tôi hét suốt một, hai tiếng đồng hồ. Điều ấy làm tôi đỡ đau. Bây giờ thần kinh tôi tệ thật.

– Ông có radio. Nếu tôi có một phòng riêng và radio thì tôi sẽ gào thét suốt đêm.

– Tôi không tin điều đó.

– *Hombre, sí!*⁽¹⁾ Chuyện ấy rất lành mạnh. Nhưng người ta sẽ không làm thế khi có nhiều người chung phòng.

– Chỉ ít, – ông Frazer nói, – đôi tay vẫn nguyên vẹn. Họ nói với tôi anh kiếm sống bằng đôi tay.

– Và cả cái đầu nữa, – anh ta nói rồi đưa tay vỗ trán. – Nhưng cái đầu thì chẳng có giá trị cho lắm.

– Ba người đồng hương của anh đã đến đây.

– Cảnh sát cử đến thăm tôi.

– Họ mua đến ít bia.

– Chắc là đỡ lắm.

– Ừ, đỡ.

– Tối nay, cảnh sát bảo họ đến chơi bản xêrênát cho tôi nghe. – Anh ta cười rồi xoa bụng. – Tôi không thể không buồn cười. Bởi vì cái thứ nhạc công như họ thì chỉ tổ làm người ta chóng chết hơn.

(1) Thừa ông, thật đấy.

- Cả đũa bắn anh cũng vậy à?
- Lại một thằng ngốc nữa. Tôi đánh bài ăn hần ba mươi tám dollar. Món tiền này chẳng đáng để giết người.
- Ba tay ấy bảo với tôi là anh ăn rất nhiều tiền.
- Và nghèo hơn bọn ấy.
- Thế ư?
- Tôi là người theo chủ nghĩa lý tưởng, nghèo kiệt xác. Tôi là nạn nhân của ảo tưởng. – Anh ta cười, xoa bụng rồi lại cười. – Tôi là con bạc chuyên nghiệp nên tôi thích đánh bạc. Thích những canh bạc thực sự. Những canh bạc lẻ tẻ thì chỉ toàn là những ngón cờ bạc bịp. Trong một canh bạc thực sự, người chơi phải cần may mắn. Tôi chẳng gặp may.
- Chẳng bao giờ ư?
- Chẳng bao giờ. Tôi hoàn toàn không gặp may. Bằng chứng, bây giờ ta thử nghĩ về cái đồ dê cù đã bắn tôi. Hần có biết bắn súng không? Không. Phát đầu tiên hần bắn vào không khí. Phát thứ hai thì lại lạc vào anh bạn người Nga đáng thương. Với hai phát ấy, dường như vận may đã đến với tôi. Rồi chuyện gì xảy ra? Hần bắn trúng bụng tôi hai phát. Hần là kẻ may mắn. Tôi không gặp may. Người ta sẽ chẳng bắn trúng con ngựa nếu cứ giữ bàn đạp. Tất cả chỉ nhờ may mà thôi.
- Tôi tưởng hần bắn anh trước khi bắn người Nga.
- Không, người Nga trước, tôi sau. Báo chí đưa tin sai đấy.
- Tại sao ông không bắn lại hần?
- Tôi không bao giờ mang theo súng. Với vận hạn của tôi ấy mà, nếu mang theo súng thì một năm tôi đã bị treo cổ mười lần. Tôi là một con bạc quèn, chỉ thế thôi. – Anh ta

dùng một lát rồi tiếp tục. – Khi tôi kiếm được tiền thì tôi chơi bạc, nhưng khi chơi bạc thì tôi lại thua. Tôi đã từng đặt ba nghìn dollar. Một canh bạc tử tế. Mà không chỉ một canh đâu nhé.

– Sao không tiếp tục chơi?

– Nếu tôi sống lâu thì vận mạng sẽ thay đổi. Đã mười lăm năm nay, vận tôi đen lắm. Nếu gặp thời thì tôi sẽ giàu ngay. – Anh ta nở miệng cười. – tôi là một con bạc tử tế nếu không thì bây giờ tôi đang tận hưởng giàu sang.

– Anh cứ xui trong bất kỳ trò chơi nào hay sao?

– Với mọi thứ, kể cả đàn bà. – Anh ta lại mỉm cười, mấy cái răng hồng chìa ra.

– Thật chứ?

– Thật.

– Rồi anh sẽ làm gì?

– Cứ tiếp tục, từ từ, đợi số phận thay đổi.

– Nhưng còn với phụ nữ.

– Không có con bạc nào gặp may với đàn bà cả đâu. Hắn ta phải tập trung hết sức. Hắn phải hoạt động về đêm. Lúc lẽ ra hắn ta phải đang ôm ấp một mụ đàn bà. Chẳng có kẻ hoạt động về đêm nào mà lại có thể giữ được một người đàn bà nếu cô ta có một tí giá trị.

– Anh đúng là một triết gia.

– Không, *hombre*⁽¹⁾. Chỉ là con bạc của những thị trấn nhỏ. Một thị trấn nhỏ. Rồi một thị trấn nhỏ một thị trấn nhỏ nữa, sau đó là một thị trấn lớn, cứ thế mở rộng ra mãi.

– Rồi bị bắn thủng bụng.

(1) Thưa ông.

– Lần đầu tiên, – anh ta nói. – Và cũng sẽ là lần duy nhất.

– Nói chuyện với tôi có làm anh mệt không? – ông Frazer hỏi.

– Không, – anh ta đáp. – Có tôi làm mệt ông thì có.

– Cái chân thế nào?

– Nó chẳng giúp gì nhiều cho tôi. Còn chân hay liệt chân đối với tôi thì cũng thế. Tôi sẽ vẫn di chuyển được.

– Tôi cầu mong ông gặp nhiều may mắn, thật đấy, bằng cả tấm lòng tôi, – ông Frazer nói.

– Tôi cũng mong ông như thế, – anh ta nói. – Và mong cơn đau dừng lại.

– Chắc chắn nó sẽ chẳng kéo dài. Nó sắp hết. Đấy chỉ là chuyện vặt.

– Mong nó hết nhanh đi.

– Tôi cũng mong anh như thế.

Tối hôm ấy, mấy người Mexico chơi accordion và những nhạc cụ khác trong phòng, tiếng nhạc vui nhộn, xen giữa những âm thanh hít vào và thổi ra của accordion là tiếng chuông, tiếng nhạc đệm và tiếng trống; tất cả vang ngập ra cả hành lang. Trong phòng ấy, có một tay đã từng cỡi ngựa chưa thuần trong cuộc đua Midnight vượt cầu trượt vào buổi chiều bụi bặm, nóng bức, có đông đảo khán giả đứng xem; bây giờ, với cái lưng gầy, anh ta dự định, sau bình phục và rời khỏi bệnh viện, sẽ học nghề bọc da ghế. Có một người thợ mộc bị ngã khỏi giàn giáo, cả hai mắt cá và hai cổ tay đều bị vỡ. Anh ta nhẹ như một con mèo nhưng lại không có độ đàn hồi của loài vật ấy. Họ đang cố chữa để anh ta có thể đi làm trở lại nhưng việc điều trị sẽ mất thời

gian dài. Ngoài ra, phòng ấy còn có chàng trai mười sáu tuổi, được đưa nhập viện từ một trang trại, với một cái chân gãy được bó bột không đúng kỹ thuật đang dòi đập ra bó lại. Và Cayetano Ruiz, con bạc của một thị trấn nhỏ, có một chân bị liệt. Đứng cuối hành lang, ông Frazer có thể nghe bọn họ cười đùa vui vẻ trong tiếng nhạc của mấy tay Mexico được cảnh sát phái đến. Mấy người Mexico đang trải qua những giờ phút vui vẻ. Với tâm trạng rất hưng phấn, họ vào phòng hỏi xem ông muốn họ chơi bài gì và sau tối hôm ấy, họ còn đến đấy chơi thêm hai lần nữa.

Lần cuối cùng họ đến, ông Frazer nằm trong phòng mở cửa nghe thứ âm nhạc ồn ào thảm hại mà không thể nào ngăn được dòng tư duy lại. Khi họ muốn biết ông thích họ chơi bài gì, ông đề nghị bản Cucaracha, một bản nhạc đòi hỏi sự khéo léo, lối biểu diễn thanh thoát với nhiều giai điệu lắt léo đến độ người trình diễn sẽ kiệt sức vì nó. Họ chơi âm ỉ, đầy nhiệt tình. Bản nhạc này nghe hay hơn bất kỳ một nhạc phẩm nào khác có cùng giai điệu, ông Frazer cảm nhận được điều ấy nhưng không vì thế mà nó làm ông vui lên.

Bất chấp các giai điệu nóng bỏng đầy xúc cảm ấy, ông Frazer vẫn tiếp tục suy nghĩ. Thông thường, trừ lúc ông đang viết thì ông có thể kìm được dòng tư duy của mình về mọi chuyện, nhưng giờ thì ông đang nghĩ về những người đang chơi nhạc và nhớ lại những gì mà tay gãy nhom đã nói.

Tôn giáo là thuốc phiện của con người, ông Frazer tin điều ấy, cái thằng chủ ổ chích gây nhom có cái bụng khó tiêu ấy. Ừ, cả âm nhạc cũng là thuốc phiện của con người.

Cái đầu mít đặc già nua đã không nghĩ về điều ấy. Còn bây giờ, kinh tế học là thuốc phiện của người Italy và người Đức. Lại còn chuyện làm tình nữa chứ; nó có phải là thuốc phiện của con người ta không? Chỉ của vài người. Của những bậc ưu tú nhất của loài người. Nhưng bia rượu là thuốc phiện tuyệt diệu của con người, ồ, một loại thuốc phiện ngoại hạng. Mặc dù vài người thích radio, thì đấy cũng là một loại thuốc phiện khác của con người, một loại rẻ tiền mà ông đang sử dụng. Bầu bạn với những món trên là cờ bạc, lại là thuốc phiện của con người nhưng nếu đã từng có, từng có loại thuốc phiện cổ xưa nhất thì đấy chính là cờ bạc. Cả tham vọng nữa, cũng là một thứ thuốc phiện, khi kết hợp với niềm tin thơ ngây vào bất cứ thể chế chính trị bịp bợm nào. Những gì người ta cần là giảm sự cai trị xuống đến mức tối thiểu, thường xuyên phải ít. Tự do, thứ chúng ta từng tôn sùng bây giờ là tên một ấn phẩm của MacFadden. Chúng ta biết điều đó nhưng họ vẫn chưa tìm ra tên mới cho nó. Rồi cái gì mới là loại thuốc phiện thực sự? Cái gì là thuốc phiện thực sự, cụ thể của con người? Ông biết rất rõ. Nó chỉ vừa mới vượt qua vùng sáng trong đầu ông, cái vùng sáng xuất hiện vào buổi tối sau khi ông uống hết hai hay nhiều hơn nữa những cốc rượu; những gì ông biết là ở đó (dĩ nhiên nó không thực sự ở đó). Nó là gì nhỉ? Ông biết rất rõ. Nó là gì nhỉ? Tất nhiên; bánh mì là thuốc phiện của con người. Liệu ông có nhớ được điều này để tư duy vào ban ngày? Bánh mì là thuốc phiện của con người.

– Đây, – ông Frazer bảo cô y tá vừa vào. – Cô gọi hộ anh chàng Mexico gầy nhom ấy vào đây giúp tôi, được chứ?

– Ông có thích không? – người Mexico hỏi khi đứng ở ngưỡng cửa.

– Thích lắm.

– Đây là một giai điệu nổi tiếng trong lịch sử, – người Mexico nói. – Nó là giai điệu của một cuộc cách mạng thực sự.

– Này, – ông Frazer hỏi. – Tại sao người ta không thể không được gây mê khi phẫu thuật.

– Tôi không hiểu.

– Tại sao tất cả các loại thuốc phiện của con người đều không tốt? Anh muốn làm gì với con người đây?

– Họ nên được cứu thoát khỏi sự ngu dốt.

– Đừng có nói ngớ ngẩn thế. Giáo dục là thuốc phiện của con người. Anh nên biết điều ấy. Anh đã hơi ý thức được vấn đề rồi đấy.

– Ông không tin vào giáo dục ư?

– Không, – ông Frazer đáp. – Nhưng tin vào tri thức.

– Tôi không tán thành quan điểm của ông.

– Đã nhiều lần, tôi cũng không hài lòng khi tán thành quan điểm của chính bản thân mình.

– Ông có muốn nghe bản Cucaracha thêm một lần nữa không? – người Mexico có vẻ lo lắng hỏi.

– Được đấy, – ông Frazer đáp. – Hãy chơi bản Cucaracha thêm lần nữa. Nghe nó hay hơn nghe radio.

Một cuộc cách mạng, ông Frazer nghĩ, không phải là thuốc phiện. Cách mạng là một cuộc tẩy rửa; một trạng thái mê ly được duy trì bởi người khởi xướng. Thuốc phiện thì được sử dụng trước và sau đó. Ông đang tư duy mạch lạc, rất mạch lạc.

Lát nữa họ sẽ đi, ông nghĩ, và họ sẽ mang theo điệu Cucaracha theo cùng. Rồi nổi bật bội ghê gớm của ông sẽ giảm xuống, radio được mở lên, người ta có thể vặn radio để không phải nghe gì nữa.

LÊ HUY BẮC dịch

CUỘC ĐỜI HẠNH PHÚC NGẮN NGỦ CỦA FRANCIS MACOMBER

Đến giờ ăn trưa, bọn họ ngồi dưới mái kếp xanh của lều ăn, vờ như chẳng có chuyện gì xảy ra.

– Mọi người uống nước cam hay nước chanh? – Macomber hỏi.

– Tôi uống cốc tai⁽¹⁾ – Robert Wilson bảo hấn.

– Tôi cũng thế. Tôi muốn uống thứ gì đó, – vợ Macomber nói.

– Tôi nghĩ đấy là điều đáng làm. – Macomber tán thành. – Bảo hấn pha ba ly cốc tai.

Gã phục vụ tuân lệnh, lấy mấy cái chai ra khỏi túi lạnh bằng vải bạt tỏa hơi ẩm theo làn gió thổi xuyên qua rặng cây ngả bóng trên lều.

– Tôi nên trả chúng bao nhiêu? – Macomber hỏi,

– Một bảng Anh là đủ, – Wilson bảo hấn. – Ông đừng làm hư chúng.

(1) Nguyên văn *gimlet*: một loại thức uống phổ biến ở những vùng thuộc địa anh thuộc châu Mỹ, thành phần: hai phần ba rượu gin và một phần ba chanh, ướp lạnh.

– Trưởng nhóm sẽ chia chứ?

– Dĩ nhiên.

Nửa giờ trước, Francis Macomber được tay đầu bếp, mấy đứa trẻ giúp việc, gã lột da và đám phu khuân vác dùng tay và vai khênh từ rìa khu trại vào lều trong niềm hân hoan chiến thắng. Mấy người mang súng không dự đám rước ấy. Khi bọn người bản xứ đặt hân xuống trước cửa lều, hân nhận lời chúc tụng, bắt tay từng người một rồi đi ra lều, ngồi xuống giường cho đến lúc vợ hân bước vào. Khi vào lều nàng không nói gì với hân, ngay lập tức hân ra khỏi lều, rửa mặt và tay trong cái chậu nhỏ rồi đến lều ăn, ngồi xuống chiếc ghế bệt mềm mại, đón làn gió trong bóng mát.

– Ông có được con sư tử của mình rồi đó – Robert Wilson nói với hân, – một con sư tử đúng nghĩa.

Vợ Macomber liếc nhìn nhanh Wilson. Nàng đẹp tuyệt và là người đàn bà biết gìn giữ sắc đẹp, năm năm trước, sắc đẹp và địa vị xã hội đã mang lại cho nàng năm ngàn đô la trong việc xác nhận, có kèm theo ảnh, một loại mỹ phẩm mà nàng chưa hề dùng bao giờ. Nàng lấy Francis Macomber được mười một năm.

– Nó là con sư tử kiêu hùng, có phải không? – Macomber hỏi. Giờ thì cô vợ nhìn hân. Nàng nhìn hai người đàn ông như thể chưa từng gặp họ trước đây.

Một là Wilson, tay thợ săn người da trắng, nàng biết đúng là mình chưa từng gặp ông ta từ trước. Ông ta có vóc người trung bình, tóc hung vàng và bộ ria cứng, khuôn mặt đỏ au, đôi mắt màu xanh cực kỳ lạnh lùng với những nếp nhăn trắng mờ nơi đuôi mắt toát lên sự vui vẻ lúc mỉm

cười. Bây giờ ông cười với nàng, nàng chuyển ánh mắt từ mặt ông xuống đôi vai nhô lên trong chiếc áo cổ cao, rộng với bốn viên đạn lớn đeo ở nơi lẽ ra là túi ngực bên trái, nhìn vào đôi bàn tay vạm vỡ, sạm nắng; nhìn vào cái quần cũ lụng thụng, đôi boot vấy bẩn của ông rồi lại nhìn gương mặt đỏ. Nàng để ý nơi màu đỏ của da mặt chững lại trước vạch tròn trắng bởi chiếc mũ Stetson, bây giờ đang treo trên một trong những cái móc của cột lều.

– Nào, chúc mừng con sư tử – Robert Wilson nói. Ông lại mỉm cười với nàng, còn nàng thì không cười, lạ lẫm nhìn chồng.

Francis Macomber rất cao, thân hình chắc nịch và nếu bạn không bận tâm đến dáng xương hơi dài, mái tóc đen cắt ngắn như thể một gã chèo thuyền, môi hơi mỏng thì hẳn là người đẹp trai. Hắn vận cùng kiểu đồ đi săn như của Wilson nhưng còn mới, hắn ba lăm tuổi, giữ gìn cơ thể cường tráng, giỏi các môn thể thao trên sân, đoạt nhiều giải thưởng về câu cá nhưng lại vừa mới phô ra trước mặt bàn dân thiên hạ mình là kẻ hèn nhát.

– Mừng con sư tử, – hắn nói. – Tôi chẳng thể nào bày tỏ hết được lòng biết ơn trước những gì ông đã làm.

Margaret, vợ hắn, rời mắt khỏi hắn và lại nhìn Wilson.

– Chúng ta đừng nói chuyện về con sư tử nữa, – nàng nói.

Wilson nhìn nàng, không cười nhưng bây giờ thì nàng lại cười với ông.

– Một ngày thật kỳ lạ, – nàng nói. – Sao ông không đội mũ ngay cả lúc ngồi trong trại vào buổi trưa? Ông nhớ là ông đã bảo với tôi như thế mà.

– Đội cũng được thôi, – Wilson đáp.

– Ông biết mình có gương mặt rất đỏ, thưa ông Wilson, – nàng nói với ông ta rồi lại mỉm cười.

– Tại rượu đấy, – Wilson nói.

– Tôi không nghĩ thế, – nàng nói. Francis uống nhiều nhưng mặt anh ấy chẳng hề đỏ.

– Hôm nay nó đỏ rồi, – Macomber cố đùa.

– Không, – Margaret nói. – Mỗi tôi là đỏ mặt hôm nay. Nhưng mặt ông Wilson thì luôn đỏ.

– Chắc là do huyết tộc, – Wilson nói. – Xin bà vui lòng đừng đề cập đến mặt mũi của tôi nữa, có được chăng?

– Tôi chỉ vừa mới bắt đầu.

– Vậy thì chúng ta hãy quẳng nó đi, – Wilson nói.

– Chuyện trò cũng thật là quá khó, – Margaret nói.

– Đừng có ngốc, Margot, – chồng nàng bảo.

– Chẳng khó đâu, – Wilson nói. – Đã hạ được con sư tử dũng mãnh ấy.

Margot nhìn họ, cả hai thấy nàng sắp khóc. Wilson biết trước chuyện này từ lâu và ông sợ. Macomber đã qua nỗi sợ ấy.

– Giá mà chuyện đó không xảy ra. Ôi, giá mà chuyện ấy đừng xảy ra, – nàng nói rồi về lều mình. Nàng không bật tiếng khóc nhưng họ thấy vai nàng run run dưới làn áo màu hồng ánh lên dưới nắng trời.

– Đàn bà thật phức tạp, – Wilson nói với gã cao to. – Rõng tuếch. Dễ xúc động bởi những chuyện không đâu vào đâu.

– Không đúng, – Macomber nói. – Tôi nghĩ, kể từ bây giờ chuyện ấy sẽ ám ảnh cả quãng đời còn lại của tôi.

– Ngó ngẩn. Chúng ta đã hạ được kẻ giết thịt khổng lồ, – Wilson nói. – Quên hết mọi chuyện đi. Dầu sao thì nó cũng chẳng nghĩa lý gì.

– Có lẽ bọn tôi sẽ cố, – Macomber nói. – Nhưng tôi sẽ không bao giờ quên những gì ông đã làm cho tôi.

– Vô nghĩa, – Wilson nói. – Tất cả đều vô nghĩa.

Thế rồi họ ngồi đó trong bóng mát của khu trại; được cắm dưới tán keo xòe rộng với vách đá đầy cuội phía sau lưng và thảm cỏ trải dài đến bờ suối trước mặt, bên kia là rừng; và uống những ly nước mát lạnh, tránh nhìn vào mắt nhau trong lúc bọn giúp việc dọn bàn ăn trưa. Wilson hiểu bọn chúng đã biết mọi chuyện và khi ông thấy anh chàng phục vụ Macomber tò mò nhìn ông chủ lúc đang đặt đĩa lên bàn, ông đe bằng tiếng Swahili. Cậu ta lúng túng quay mặt đi.

– Ông nói gì với nó vậy? – Macomber hỏi.

– Không có gì. Chỉ bảo nó nhanh lên hoặc sẽ được nhận mười lăm phát.

– Phát gì vậy? Đánh nó hả?

– Hẳn là bất hợp pháp, – Wilson nói. – Lẽ ra ta chỉ phạt tiền chúng.

– Ông vẫn thường xuyên đánh chúng à?

– Ồ, vâng. Nếu chúng kiện thì sẽ lòi thối. Nhưng chúng không kiện. Chúng thích bị quất hơn là chịu phạt tiền.

– Lạ thật nhỉ? – Macomber nói.

– Chẳng lạ gì đâu, – Wilson nói. – Nếu là chúng, ông sẽ chọn gì? Một trận đòn ra trò hay chịu mất tiền công?

Rồi ông cảm thấy khó xử khi hỏi thế và trước lúc Macomber kịp trả lời, ông nói tiếp:

– Bọn ta đều phải nhận một trận đòn mỗi ngày, ông biết đấy, bằng cách này hay cách khác.

Tình thế chẳng tốt hơn – Lay Chúa, ông nghĩ – Mình ngoại giao theo kiểu gì đây?

– Vâng, bọn ta nhận một trận, – Macomber không nhìn ông, nói – Tôi rất lấy làm ân hận về chuyện con sư tử ấy. Nó không đi xa thêm tí nào nữa, có phải không? Ý tôi là sẽ chẳng ai nghe được chuyện đó, phải không?

– Ông muốn nói là tôi sẽ kể chuyện đó ở câu lạc bộ Mathaiga chắc? – bây giờ Wilson lạnh lùng nhìn hắn. Ông không lường trước được tình huống này. À thì ra hắn là thằng đàn ông đốn mạt như chính sự hèn nhát của hắn, ông nghĩ. Mãi đến hôm nay, mình vẫn mến hắn. Nhưng làm sao ta hiểu được một người Mỹ cơ chứ?

– Không, – Wilson nói, – tôi là thợ săn chuyên nghiệp. Bọn tôi chẳng bao giờ đi đàm tiếu về khách hàng của mình. Ông có thể yên tâm về chuyện đó. Nhưng lẽ ra thì không nên đề nghị bọn tôi đừng nói.

Bây giờ ông quyết định rằng việc cắt đứt quan hệ hắn dễ chịu hơn nhiều. Rồi thì ông có thể ăn một mình. Ông chỉ gặp họ trong các cuộc săn theo một nguyên tắc rất nghiêm túc. – Người Pháp gọi nó là gì nhỉ? Sự tôn trọng đặc biệt – và thà quan hệ có xấu đi thì còn hơn phải chịu đựng cái đồ cặn bã yếu đuối này. Ông đã sỉ nhục hắn và thực sự muốn cắt bỏ quan hệ tình cảm gần gũi. Rồi thì ông có thể đọc sách trong bữa ăn nhưng cũng phải uống Whisky của họ. Đấy là cách nói cho tình huống đó một khi cuộc săn trở nên xấu đi. Bạn gặp một tay thợ săn da trắng khác và hỏi: – Công việc thế nào? Và hắn

trả lời: – Ô, tao vẫn uống Whisky của họ, thì bạn hiểu mọi chuyện đã trở nên tồi tệ.

– Tôi xin lỗi, – Macomber nói rồi ngược khuôn mặt Mỹ của hắn nhìn ông, khuôn mặt sẽ vẫn giữ được vẻ trẻ trung đó cho đến tuổi trung niên; Wilson để ý cái đầu tóc húi cao, đôi mắt đẹp nhưng hơi xảo, mũi thẳng, môi mỏng và cái hàm xinh xắn của hắn. – Tôi tiếc là mình không biết điều đó. Còn rất nhiều thứ tôi không biết.

Đấy, hắn xử sự như thế đấy, Wilson nghĩ. Ông đã sẵn sàng cắt phăng quan hệ với hắn, nhưng đấy, cái thằng cha ấy lại đi xin lỗi sau khi bị ông sỉ nhục. Ông thử thêm lần nữa.

– Đừng sợ tôi rêu rao chuyện ấy, – ông nói. – Tôi phải kiếm sống. Anh biết đấy, ở châu Phi thì không có một phụ nữ nào bắn trượt con sư tử của mình và cũng chẳng có người đàn ông nào lại bỏ chạy cả.

– Tôi đã chạy như một con nhử, – Macomber nói.

Mày còn biết làm quái gì bây giờ với cái thằng cha nói năng theo kiểu đó, Wilson thâm nhủ.

Wilson nhìn Macomber bằng đôi mắt xanh dừng dừng của xạ thủ súng máy; còn kẻ kia thì mỉm cười với ông. Hắn có nụ cười dễ thương nếu bạn không chú ý đến cái gì đó vương trong mắt khi hắn bị tổn thương.

– Có lẽ tôi sẽ lấy lại can đảm trước đám trâu rừng, – hắn nói. – Ta sẽ săn chúng, có phải không?

– Ngay sáng mai, nếu ông muốn, – Wilson bảo hắn. Có lẽ ông đã sai. Nhưng hắn phải xử sự như thế. Chắc chắn người ta chẳng thể nào kể một câu chuyện ngu ngốc nào đó về một người Mỹ. Ông lại có thiện cảm với Macomber. Giá

mày có thể quên được sáng nay. Nhưng rõ ràng mày không thể. Buổi sáng hôm nay chẳng thể nào tồi tệ hơn chính sự tồi tệ của nó.

– Bà chủ đến đây, – ông nói. Đang bước từ lều sang, trông nàng tươi tắn, vui vẻ và thật đáng yêu. Nàng có khuôn mặt trái xoan rất hoàn hảo, hoàn hảo đến mức người nhìn sẽ ngỡ nàng hơi dần. Nhưng nàng chẳng dần tí nào, Wilson nghĩ, không, không dần.

– Ông thế nào rồi hả Wilson mặt đỏ đẹp trai? Anh cảm thấy khá hơn chứ Francis, cũng?

– Ồ dễ chịu vô cùng, – Macomber nói.

– Em đã quên hết mọi chuyện, – nàng nói lúc ngồi vào bàn. – Francis giỏi săn sư tử hay không thì có gì là quan trọng cơ chứ? Đây không phải là nghề của anh ấy. Đây là nghề của ông Wilson. Ông Wilson thật sự gây ấn tượng trong việc bắn giết. Ông giết mọi thứ có phải không?

– Ồ, mọi thứ, – Wilson nói, – đơn giản là bất cứ thứ gì.

Bọn họ, ông nghĩ, là những kẻ cay nghiệt nhất thế gian; cay nghiệt nhất, ác độc nhất, lì lợm nhất, hấp dẫn nhất, còn mấy thằng đàn ông của họ thì nhũn như con chi chi hoặc hồn phiêu phách tán khi họ ngoắt ngoa tru tréo. Hoặc chính vì thế mà họ mới lấy làm chồng để dễ bề sai khiến? Chúng chẳng suy tính nhiều như thế đâu vào lúc lấy chồng, ông nghĩ. Ông lấy làm tự hào rằng mình quá hiểu về đám đàn bà Mỹ ấy, trước vụ này, bởi lẽ đây là một ả cực kỳ hấp dẫn.

– Chúng ta sẽ săn trâu rừng vào sáng mai, – ông bảo nàng.

– Tôi cũng đi, – nàng nói.

– Không, bà đừng đi.

– Ô, tôi sẽ đi chứ. Em đi cùng nhé, Francis?

– Sao không ở lại trại?

– Các vàng cũng không, – nàng nói. – Các vàng tôi cũng không để phí những pha như sáng nay.

Lúc ả bỏ đi, Wilson nghĩ, lúc ả đi khỏi để khóc, ả thực là con mụ tuyệt diệu. Như thể ả thấu hiểu, nhận ra sự thương tổn với hắn, với ả và biết thế nào là bản chất của sự việc. Hai mươi phút ả bỏ đi rồi quay lại, lạnh lùng trong lớp men ác độc của đồ đàn bà Mỹ. Chúng là hạng đàn bà ác độc nhất. Thực sự độc ác nhất.

– Ngày mai bọn anh sẽ thu xếp cuộc săn khác cho em,
– Francis Macomber nói.

– Bà không nên đi, – Wilson nói.

– Ông quá nhảm, – nàng bảo ông, – Bởi tôi muốn như thế để xem ông biểu diễn một lần nữa. Sáng nay ông thật đáng yêu. Có nghĩa nếu bắn vỡ đầu một vật gì đó thì được xem là đáng yêu.

– Bữa trưa đây rồi, – Wilson nói. – Bà rất vui, có phải không?

– Tại sao không? Tôi không đến đây để mà ủ ê.

– Ủ, không ủ ê, – Wilson nói. Ông có thể nhìn thấy lớp cuội dưới lòng suối và rừng cây trên bờ cao phía bên kia rồi ông nhớ lại buổi sáng.

– Ô, không, – nàng nói. – Thật hấp dẫn. Còn ngày mai. Ông chẳng hiểu tôi khao khát cái ngày mai ấy ra làm sao đâu.

– Đây là món thịt nai mà ông đã bắn cho bà, – Wilson nói.

– Chúng là loại thú to bằng con bò và nhảy như thỏ phải không?

– Tôi nghĩ miêu tả như vậy là chính xác đó, – Wilson nói.

– Thịt ngon thật, – Macomber nói.

– Anh đã bắn nó há Francis? – Nàng hỏi.

– Ừ.

– Chúng không nguy hiểm phải không?

– Chỉ khi nào chúng ngã vào bà, – Wilson bảo nàng.

– Tôi rất thích.

– Bớt cái trò ồm ờ ấy một chút đi, Margot, – Macomber nói lúc cắt miếng bít tết nai, cắm nĩa vào miếng thịt, kèm thêm ít khoai tây nghiền, cà rốt và nước sốt.

– Em nghĩ mình có thể, – nàng đáp. – Nếu anh để nghị dụ dàng như thế.

– Tối nay chúng ta sẽ uống sâm banh mừng con sư tử.

– Wilson nói. – Buổi trưa trời quá nóng.

– Ô, con sư tử, – Margot nói. – Tôi quên bằng cái con sư tử!

Thế, Robert Wilson trầm nghĩ, ả đang cho hấn leo cột mỡ đây, có phải không nhỉ? Mà ả có nghĩ ả cố tạo ra vẻ tử tế bề ngoài như vậy? Một mụ đàn bà sẽ hành động như thế nào nếu ả phát hiện ra chồng mình là một thằng hèn dích thực? ả cực kỳ độc ác nhưng tất cả bọn chúng đều độc ác. Nhưng, ta đã chứng kiến quá đủ sự ác độc của bọn mày.

– Bà dùng thêm ít thịt nai nữa, – ông lịch sự mời nàng.

Xế chiều hôm ấy, Wilson và Macomber lên xe đi với tay lái xe người bản xứ và hai người mang súng. Bà Macomber ở lại trại. Trời quá nóng để ra ngoài, nàng nói,

nàng sẽ đi cùng họ vào sáng sớm mai. Lúc họ lái xe ra, Wilson thấy nàng đứng dưới hàng cây to, trông lộng lẫy hơn trong bộ kaki màu hồng nhạt, mái tóc đen của nàng chải ngược ra sau đầu, búi thành búi trễ xuống cổ, mặt nàng tươi tắn như, ông nghĩ, như thể nàng đang ở Anh. Nàng vẫy tay chào họ lúc chiếc xe lao qua đám cỏ, vòng qua rừng cây lên rặng đồi nhỏ có nhiều lùm cây ăn quả.

Trong lùm cây, phát hiện ra đàn sơn dương, họ rời xe, rón rén tiếp cận con đực già có bộ sừng dài, vượn rộng. Macomber hạ ngay nó bằng một phát đạn rất chính xác ở khoảng cách hai trăm mét rồi cả đàn hoảng sợ bỏ chạy, chồm lên lưng nhau bằng những bước nhảy cao và dài đến nỗi khó có thể tin được, uyển chuyển như những bước nhảy đầu đó ta gặp trong mơ.

– Phát đạn cừ đấy, – Wilson nói, – khó hạ chúng lắm.

– Cái đầu đáng giá chứ? – Macomber hỏi.

– Thật tuyệt, – Wilson trả lời hần. – Ông cứ bắn như thế thì chẳng có chuyện rắc rối nào xảy ra đâu.

– Ông nghĩ mai bọn ta sẽ tìm thấy trâu rừng chứ?

– Chắc chắn tìm thấy. Chúng đi ăn vào lúc sáng sớm và nếu gặp may thì ta có thể gặp chúng ở chỗ rừng trống.

– Tôi muốn xóa bỏ con sư tử ấy đi, – Macomber nói. – Thật chẳng hay hóm gì khi để vợ thấy chồng mình hành động theo kiểu đó.

Mình cho rằng như thế thì thật là quá sức tồi tệ, Wilson nghĩ, vợ hay không vợ, hay cứ nói mãi về chuyện đã xảy ra rồi. Nhưng ông nói, – Tôi chẳng nghĩ về chuyện ấy nữa. Bất kỳ ai cũng có thể hoảng sợ khi mới gặp con sư tử lần đầu. Chuyện đó đã chấm dứt.

Nhưng tối hôm ấy, sau bữa tối và châu Whisky pha soda cạnh đống lửa trước lúc đi ngủ, Francis Macomber nằm trên giường đã mắc màn, lắng nghe tiếng rì rầm của đêm, thì câu chuyện vẫn chưa chấm dứt. Nó cũng không chấm dứt mà cũng chẳng bắt đầu. Nó ở đó chính xác như nó xảy ra với vài phần của nó trở trở không thể gột rửa và hằn xấu hổ đến khổ sở vì nó. Nhưng còn hơn cả xấu hổ, hấn cảm nhận nỗi kinh hãi âm âm, lạnh lẽo trong lòng. Nỗi sợ hãi vẫn ở đó giống cái hố trống hoác nhót nhọt lạnh lẽo nơi một lần sự tự tin của hấn từng ngự trị và nó đã làm hấn phát ốm. Nó vẫn ở đó với hấn lúc này.

Nó bắt đầu từ tối hôm trước khi hấn thức giấc và nghe con sư tử gầm đầu đó ở phía trên, dọc dòng suối. Tiếng gầm sâu thẳm, kết thúc bằng những âm thanh gầm gừ khô khốc, nghe như thể nó ở ngay ngoài lều, rồi khi Francis Macomber choàng tỉnh trong bóng tối, tiếng gầm gừ làm hấn sợ. Chẳng ai biết hấn sợ, và cũng không có người nào sợ cùng hấn; cứ thế hấn nằm cô đơn, hấn không biết thành ngữ Somali có câu: Bất kỳ người đàn ông dũng cảm nào cũng luôn hoảng sợ trước con sư tử ba lần: lần đầu thấy dấu chân, lần đầu nghe tiếng nó gầm và lần đầu đối mặt với nó. Rồi trong lúc họ đang ăn sáng dưới ánh đèn lồng trong lều, trước lúc mặt trời mọc, con sư tử lại gầm và Francis nghĩ nó đang đứng ngay rìa khu trại.

– Tiếng gầm nghe như của con sư tử già, – Robert Wilson nói lúc nhìn lên khỏi đĩa cá hun khói và ly cà phê của mình. – Nghe tiếng khạc của nó kia.

– Nó ở gần đây không?

– Khoảng một dặm phía trên suối.

– Chúng ta sẽ thấy nó chứ?

– Chúng ta sẽ thấy.

– Tiếng rống vang xa đến thế cơ à? Nghe như thể nó ở ngay trong khu cắm trại.

– Vang xa lắm, – Robert Wilson nói. – Cách nó vang thật lạ. Hi vọng nó dễ hạ. Bọn kia bảo ở đây có một con rất to.

– Nếu bắn thì tôi sẽ nhắm vào đầu, – Macomber hỏi, – để chặn lại?

– Vào vai, – Wilson đáp. – Nếu có thể thì ông bắn vào cổ. Nã gãy xương. Quật nó xuống.

– Hi vọng là tôi bắn trúng, – Macomber nói.

– Ông bắn rất giỏi, – Wilson bảo hần. – Hãy bình tĩnh. Ngắm cho chắc. Phát đầu tiên là phát quyết định.

– Khoảng cách chừng nào là vừa?

– Không thể nói trước được. Con sư tử có ý kiến riêng về chuyện này. Đừng bắn nếu không đúng tâm, như thế ông mới chắc ăn được.

– Chừng dưới một trăm mét hả? – Macomber hỏi.

Wilson liếc nhanh hần.

– Một trăm là vừa. Nhưng có lẽ phải đến gần nó thêm một tí nữa. Đừng bắn nếu khoảng cách xa hơn thế. Một trăm là tâm bắn tốt đấy. Với khoảng cách ấy ông có thể bắn nó bất kỳ nơi nào ông muốn. Bà chủ đến rồi kìa.

– Chào ông, – nàng nói. – Chúng ta lần theo con sư tử ấy chứ?

– Ngay khi bà dùng xong bữa sáng, – Wilson đáp. – Bà cảm thấy thế nào?

– Tuyệt diệu, – nàng nói. – Tôi hồi hộp lắm.

– Tôi đi xem mọi thứ đã sẵn sàng chưa, – Wilson bước ra. Lúc ông đi, con sư tử lại gầm.

– Cái gã âm ỉ này, – Wilson nói. – Chúng ta sẽ bắt hấn câm miệng.

– Chuyện gì vậy, Francis? – vợ hấn hỏi.

– Chẳng có gì, – Macomber đáp.

– Không, có đấy, – nàng nói. – Anh khó chịu về cái gì vậy?

– Chẳng có gì đâu, – hấn đáp.

– Nói cho em biết đi, – nàng nhìn hấn. – Anh không được khỏe hay sao?

– Cái tiếng gầm chết tiệt ấy, – hấn nói. – Em biết đấy, nó cứ rền vang suốt đêm.

– Sao anh không thức em dậy, – nàng nói. – Em háo hức muốn nghe.

– Anh phải giết cái đồ thối tha ấy, – Macomber khổ sở nói.

– Đúng, đấy là lý do để anh đến đây, có phải không?

– Ừ. Nhưng anh căng thẳng. Nghe cái giọng ấy gầm, thần kinh anh căng hết cả lên.

– Vậy thì hãy giết nó và chặn tiếng gầm ấy lại như Wilson đã bảo.

– Đúng đấy, em yêu, – Francis Macomber nói. – Nói thì dễ, có phải không?

– Anh không sợ chứ, hả anh?

– Dĩ nhiên là không. Nhưng anh chỉ căng thẳng bởi tiếng gầm gừ suốt đêm của nó.

– Anh sẽ khử nó một cách ngoạn mục, – nàng nói. – Em biết anh làm được. Em rất háo hức xem điều đó.

– Ăn xong đi, rồi chúng ta sẽ lên đường.

– Trời vẫn chưa sáng, – nàng nói. – Giờ giấc thật kỳ quặc.

Chính ngay khi ấy, con sư tử cất giọng gầm bằng âm thanh rĩ rên trầm sâu trong lồng ngực, đột ngột những tiếng gừ trầm gia tăng như làm chuyển rung cả bầu không khí và kết thúc bằng tiếng thở dài và tiếng gừ trầm sâu trong lồng ngực.

– Nghe như thế nó ngay đây, – vợ Macomber nói.

– Lạy Chúa, – Macomber nói. – Anh căm thù cái tiếng gầm khốn khiếp đó.

– Đây ấn tượng đấy nhỉ.

– Ấn tượng gì. Đáng sợ thì có.

Lúc đó Robert Wilson bước vào; mang theo khẩu Gibbs 505 nòng lớn, ngắn, thô kệch, và nhoẻn miệng cười.

– Ta đi thôi, – ông nói. – Người mang súng của ông sẽ mang theo khẩu Springfield và khẩu súng lớn. Mọi thứ đã xếp cả lên xe rồi. Ông bà sẵn sàng cả chứ?

– Vâng.

– Tôi sẵn sàng, – bà Macomber nói.

– Phải bắt nó ngừng ngay tiếng ồn ấy, – Wilson nói. – Ông ngồi phía trước. Bà có thể ngồi sau này với tôi.

Họ lên ô tô rồi, trong ánh bình minh nhợt nhạt, đánh xe ngược dòng suối xuyên qua rừng cây. Macomber mở khóa nòng khẩu súng trường, kiểm tra mấy viên đạn vỏ kim loại, đóng chốt và để chế độ an toàn. Hắn thấy tay mình run run. Hắn sờ mấy viên đạn trong túi và lướt tay qua số đạn đeo trên ngực. Hắn quay lại hàng ghế phía sau của chiếc xe hình hộp, không có cửa, nơi Wilson ngồi cạnh

vợ hắn, cả hai cười với vẻ kích động, Wilson cúi người tới trước thì thầm.

– Nhìn xem chim đang sà xuống kia. Có nghĩa ông bạn già đã rời con mồi của mình.

Đằng kia bờ suối, trên rừng cây, Macomber có thể thấy đàn kền kền lượn vòng rồi lao thẳng xuống.

– Khả năng là con sư tử sẽ đến uống nước ở đây, – Wilson thì thảo. – Trước lúc nó đi ngủ. Hãy quan sát kỹ.

Họ đang lái chậm, dọc theo bờ suối cao dựng thẳng đứng xuống lòng suối đầy cuội rồi lái dích dắc qua những thân cây lớn. Lúc Macomber mãi quan sát bờ bên kia, hắn thấy Wilson nắm tay mình. Chiếc xe dừng lại.

– Nó kia kìa, hắn nghe tiếng thì thầm. – ở phía trước, bên phải. Xuống hạ nó đi. Một con sư tử kiêu hùng.

Bây giờ Macomber đã thấy con sư tử. Nó đứng quay sườn lại, cái đầu đồ sộ ngẩng cao ngoái nhìn họ. Làn gió nhẹ sớm mai ngược chiều họ đang khuấy tung cái bờm sẫm đen; con sư tử trông khổng lồ, đôi vai đồ sộ, thân hình tròn căng bóng nhẫy in bóng lên bờ dốc, trong ánh sáng ban mai trắng đục.

– Khoảng cách bao xa? – Macomber giương khẩu súng trường lên hỏi.

– Chừng bảy mươi lăm. Xuống hạ nó đi.

– Tại sao không bắn từ đây?

– Ông không được bắn trên xe, – hắn nghe Wilson nói vào tai – Xuống đi. Nó sẽ không đứng đó cả ngày đâu.

Macomber ra khỏi chỗ khoét cong trên thành xe bên cạnh chỗ ngồi phía trước, đặt chân lên bậc rồi bước xuống đất. Con sư tử vẫn đứng im kiêu hãnh và bình thản nhìn

vật ấy, vật mà mắt nó nom tựa một con tê giác đặc biệt nào đó. Hơi người không tạt về phía ấy nên nó quan sát cái vật lạ, cái đầu to tướng khê đưa qua đưa lại. Trong lúc quan sát cái vật kia, không hề sợ hãi, nhưng do dự trước khi đi xuống bờ uống nước với cái vật đối diện ở phía bên kia, nó thấy một bóng người tách khỏi vật ấy bèn quay cái đầu nặng nề, tiến nhanh về phía lùm cây, ngay khi đó nó nghe một tiếng nổ chói tai rồi cú đập mạnh của viên đạn cỡ 30 – 06 nặng 220 grain⁽¹⁾ vào sườn, nóng bỏng xuyên qua da dày gây cảm giác buồn nôn. Nó vùng chạy, nặng nề, những bước chân to lớn, đùng đưa cái bụng tròn căng đã bị thương, xuyên qua các thân cây về phía rừng cỏ cao và bụi rậm, rồi một tiếng nổ nữa, trượt qua nó, xé toang không khí ở phía trước. Rồi súng lại nổ và nó cảm thấy một cú thúc mạnh khi viên đạn cắm vào xương sườn phía dưới và xuyên qua, máu nóng hồi và bọt trào lên miệng, con sư tử phóng nhanh về vật cỏ cao nơi có thể giấu mình, không bị nhìn thấy, đợi họ mang vật phát ra tiếng nổ đến thật gần để có thể lao ra, vồ gã mang vật ấy.

Lúc ra khỏi xe, Macomber không suy xét được hành động của con sư tử. Hắn chỉ biết tay mình đang run và khi rời xa chiếc xe, hắn gần như không có khả năng buộc đôi chân cử động. Chúng như thể đã hóa đá, nhưng hắn có thể cảm thấy các bắp thịt đang giật giật. Hắn giương súng, nhắm vào điểm nối giữa đầu và vai con sư tử rồi bóp cò. Không có tiếng nổ mặc dù hắn bóp cho đến lúc hắn ngỡ ngón tay đã bị gãy. Rồi hắn nhận ra mình chưa tháo chốt

(1) 1 grain = 0,065 gam.

an toàn và lúc hạ thấp khẩu súng để mở chốt an toàn, hắn lê một bước chân hóa đá về phía trước, rồi con sư tử thấy rõ hình hắn bên cạnh chiếc xe, quay lại chạy chậm, rồi, khi Macomber bắn, hắn nghe một tiếng “bập”, có nghĩa viên đạn đã trúng nhưng con sư tử vẫn tiếp tục chạy. Macomber lại bắn, mọi người nhìn thấy viên đạn xối tung một đám bụi phía trước con sư tử đang chạy. Hắn lại bắn, nhô hạ thấp tầm ngắm và mọi người nghe tiếng viên đạn găm trúng vào con sư tử chuyển sang phi nước đại vào đám cỏ cao trước lúc hắn đóng xong khóa nòng.

Macomber đứng đó, cảm thấy quận đau trong bụng, hai bàn tay hắn, cầm khẩu Springfield vẫn lên cò, run rẩy, vợ hắn và Robert Wilson đang đứng cạnh hắn. Hai người mang súng cũng đứng gần đấy, liến thoắng nói bằng tiếng Wakamba.

– Tôi đã bắn trúng nó, – Macomber nói – Trúng nó hai lần.

– Ông bắn thùng bụng nó và đầu đó ở phía trước. – Wilson nói với vẻ chẳng hào hứng tí nào. Hai người mang súng trông rất ủ ê. Giờ thì chúng lặng im.

– Có lẽ ông đã giết nó, – Wilson tiếp tục. – Chúng ta phải đợi một lát trước khi vào tìm xem.

– Ông nói gì vậy?

– Để nó kiệt sức trước khi lần theo vết nó.

–Ồ, – Macomber nói.

– Quả đúng là con sư tử kiêu hùng, – Wilson vui vẻ nói. – Dẫu sao thì nó cũng đã lùi vào cái nơi tai hại quá.

– Sao lại tai hại?

– Không thể phát hiện cho đến lúc ông ở ngay cạnh nó.

– Ô, – Macomber nói.

– Ta đi thôi, – Wilson nói. – Bà có thể ở lại đây, trên xe. Chúng ta sẽ lần theo vết máu.

– Ở lại đây nghe Margot, – Macomber nói với vợ. Cái miệng khô khốc làm hần khó nói.

– Tại sao? – nàng hỏi.

– Wilson bảo thế.

– Chúng tôi sẽ đi xem, – Wilson nói. – Bà ở lại đây. Từ đây bà có thể nhìn rõ hơn.

– Thôi cũng được.

Wilson nói với gã tài xế bằng tiếng Swahili. Gã gật đầu đáp – Vâng, thưa ông.

Rồi họ đi xuống bờ dốc, nhảy và lách qua những tảng đá băng qua suối, bám vào đám rễ cây nhô ra, lần lên bờ bên kia, bước dọc theo cho đến lúc tìm thấy chỗ con sư tử quay mình bỏ chạy khi Macomber bắn phát đầu tiên. Mấy người mang súng tìm ra vết máu sẫm trên đám cỏ thấp, vết máu trải dài về phía rừng cây sau bờ suối.

– Chúng ta làm gì? – Macomber hỏi.

– Chẳng có cách nào khác, – Wilson nói. – Ta không thể mang ô tô sang. Bờ quá dốc. Đợi nó yếu thêm tí nữa rồi ông và tôi vào tìm.

– Chúng ta không thể đốt cỏ được sao? – Macomber hỏi.

– Xanh quá.

– Không thể sai bọn xua thú vào sao?

Wilson nhìn hần với vẻ đánh giá. – Dĩ nhiên chúng ta có thể, – ông nói. – Nhưng làm thế có khác chi giết người. Ông thấy đấy, ta biết con sư tử đã bị thương. Ông có thể

đuổi một con sư tử không bị thương – nó sẽ bỏ chạy bởi tiếng động – nhưng một con sư tử khi đã bị thương thì nó sẽ tấn công. Ông chẳng thể nào thấy nó cho đến khi ông ở ngay bên cạnh nó. Nó sẽ thu mình nằm bẹp gí ở nơi ẩnấp mà ông không nghĩ một con thỏ ẩn mình được. Ông không thể sai bọn chúng vào làm việc ấy. Vào đấy người ta rất dễ bị thương.

– Thế còn mấy đứa mang súng?

– À, chúng sẽ đi với ta. Đây là nhiệm vụ của chúng. Ông thấy đó, chúng được thuê để làm việc ấy. Nhưng trông chúng chẳng vui vẻ tí nào, có phải không?

– Tôi không muốn vào trong đó, – Macomber nói. Câu nói buột ra trước lúc hắn kịp hiểu mình đã nói gì.

– Tôi cũng thế, – Wilson vui vẻ nói. – Nhưng rõ ràng chẳng còn cách nào khác. – Rồi sau một thoáng suy nghĩ, ông liếc nhìn Macomber và lập tức phát hiện thấy hắn đang run rẩy và cái nhìn đầy thông cảm hiện lên trên nét mặt ông.

– Dĩ nhiên ông không cần phải vào, ông nói. – Đây là việc tôi được thuê làm, ông biết đó. Đây là lý do giá thuê tôi đắt đến thế.

– Có nghĩa ông sẽ vào một mình à? Sao không mặc xác nó ở đó?

Toàn bộ tâm trí của Robert Wilson này giờ tập trung vào con sư tử và tình thế hiện tại, ông không nghĩ về Macomber ngoại trừ đã lưu ý thấy hắn khá hoảng sợ, đột nhiên ông cảm nhận như thể mình mở nhầm cánh cửa của một khách sạn và chứng kiến cảnh tượng thật xấu hổ.

– Ông nói gì vậy?

– Sao không để mặc nó?
– Ý ông là ta vờ như nó chưa bị bắn trúng?
– Không, chỉ mặc nó.
– Không làm thế được.
– Tại sao không?
– Lý do là chắc chắn nó phải chịu đựng đau đớn, thêm nữa ai đó cũng có thể tình cờ đi qua chỗ nó.
– Tôi hiểu.
– Nhưng ông không phải bận tâm về chuyện đó.
– Tôi muốn đi, – Macomber nói. – Ông biết đó, tôi chỉ sợ thôi.

– Lúc ta vào, tôi sẽ đi trước, – Wilson nói. – Kongoni tìm vết. Ông hơi lùi về một bên, sau tôi. Rất có khả năng ta sẽ nghe tiếng nó gầm gừ. Nếu tìm thấy, ông và tôi cùng hấn. Đừng sợ gì cả, tôi sẽ ở bên ông. Có điều là, chắc ông hiểu lẽ ra ông không nên đi. Như thế sẽ tốt hơn nhiều. Sao ông không quay lại ngồi với bà trong lúc chờ tôi giải quyết xong việc này?

– Không, tôi muốn đi.
– Thôi được, – Wilson nói. – Nhưng chớ có vào nếu ông không muốn. Ông biết, bây giờ đây là trách nhiệm của tôi.
– Tôi muốn đi, – Macomber nói.
Họ ngồi hút thuốc dưới bóng cây.
– Có muốn quay lại nói chuyện với bà trong lúc ta đợi không? – Wilson hỏi.

– Không.
– Tôi sẽ quay lại bảo bà đợi.
– Ừ, – Macomber nói. Hấn ngồi đó, mồ hôi ướt đầm cánh tay, mồm khô đắng, dạ dày trống rỗng; muốn lấy hết

can đảm bảo một mình Wilson đi kết liễu con sư tử. Hắn không biết Wilson tức giận bởi đã không chú ý trạng thái của ông lúc ban đầu và câu ông bảo hắn quay lại với vợ. Lúc hắn ngồi đó, Wilson đến. – Tôi lấy khẩu súng lớn cho ông, – ông ta nói. – Cầm lấy. Tôi nghĩ ta đợi thế đủ rồi. Ta đi thôi.

Macomber cầm khẩu súng và Wilson nói:

– Lùi sau tôi chừng năm mét về phía bên phải và làm chính xác những gì tôi dặn. Rồi ông dùng tiếng Swahili nói với hai người mang súng, mặt chúng trông âm ảm.

– Ta đi thôi, ông nói.

– Cho tôi ngum nước? – Macomber đề nghị. Wilson nói với người mang súng lớn tuổi đang đeo cái bi đồng ở thắt lưng, gã tháo ra, mở nắp đưa cho Macomber, hắn cầm lấy, cảm nhận độ nặng của cái bình và lớp vỏ nỉ xù xì miết vào tay. Hắn nâng bình uống rồi nhìn vào đám cỏ cao phía trước với những tán cây tròn bên trên. Con gió nhẹ đang thổi về phía họ, đám cỏ dập dờn theo chiều gió. Hắn nhìn người mang súng và hiểu gã cũng đang chịu đựng cùng nỗi sợ.

Cách chừng ba mươi lăm mét trong đám cỏ, con sư tử lớn nằm dán mình xuống đất. Tai nó dựng ra sau, cử động duy nhất của nó là cái đuôi rậm màu đen khê ngoe nguẩy. Nó nằm dán xuống đất ngay khi vào đến chỗ nắp, vết thương xuyên qua cái bụng no tròn gây nhức nhối rồi nó kiệt sức dần bởi vết thương xuyên qua phổi cứ trào bọt máu trong mồm mỗi khi thở. Mình nó ẩm ướt và nóng, ruồi bâu vào miệng các vết thương nhỏ do mấy viên đạn răn xé rách trên lớp da màu hung; đôi mắt vàng to của nó, nhú

lại bởi hận thù, nhìn thẳng về phía trước, chỉ chớp lúc cơn đau kéo đến do hơi thở, vượt nó cắm ngập trong lớp đất màu nâu mềm. Cả cơ thể nó, sự khó chịu, nỗi đau đớn, lòng căm thù cùng với tất cả sức mạnh còn lại đều dồn căng trong sự tập trung cao độ cho cú nhảy vồ. Nó đã nghe tiếng họ nói chuyện và chờ đợi, tập trung hết tàn lực chuẩn bị cho cú tấn công ngay khi bọn người kia đặt chân vào vùng cỏ. Lúc nghe tiếng người, đuôi nó gồng cứng quật lên quật xuống, rồi, lúc họ bước vào rìa vùng cỏ, nó gầm một tiếng khô khốc và xông ra.

Kongoni, người mang súng già, đi đầu, lần theo vết máu, Wilson quan sát vùng cỏ để dò động tĩnh, khẩu súng lớn của ông đã sẵn sàng, người mang súng thứ hai nhìn về phía trước và lắng nghe, Macomber đi sát Wilson, khẩu súng trường của hắn đã lên đạn; lúc họ vừa mới đặt chân vào vùng cỏ, Macomber nghe tiếng gầm sặc máu rồi thấy cỏ dạt ra trong tiếng rít. Điều tiếp theo mà hắn biết là hắn đang chạy, chạy thực mạng trong cơn hoảng sợ ra vùng đất trống về phía suối.

Hắn nghe khẩu súng lớn của Wilson: ca-ra-wong! Thêm một phát nữa ca-ra-wong! Rồi quay lại nhìn, con sư tử bây giờ trông thật khủng khiếp, nửa cái đầu của nó như bị phạt bay đi, đang bò về phía Wilson bên rìa vùng cỏ cao trong lúc người mặt đỏ nạp đạn vào khẩu súng trường ngắn, xấu xí và cẩn thận ngắm rồi, ca-ra-wong vang lên từ họng súng, thân hình con sư tử màu vàng, nặng nề, đang trườn chững lại, cái đầu đồ sộ bị phạt mất đuôi dài về phía trước, rồi Macomber, đứng chết trân giữa khoảng trống nơi hắn chạy ra, tay cầm khẩu súng đã nạp đạn

trong lúc hai người da đen và gã da trắng quay nhìn hắn với vẻ khinh bỉ, biết con sư tử đã chết. Hắn bước về phía Wilson, cả khối cao lớn của hắn như thể hiện thân của sự diêm nhục thảm hại, Wilson nhìn hắn và nói:

– Muốn chụp ảnh không?– Không, – hắn đáp.

Cho tới lúc đến ô tô, họ chỉ nói bấy nhiêu thôi. Lát sau Wilson nói:

– Con sư tử cừ thật. Bọn chúng sẽ lột da nó. Ta cứ ở đây, trong bóng mát.

Vợ Macomber không nhìn hắn và hắn cũng chẳng nhìn nàng, hắn ngồi cạnh nàng ở ghế sau, Wilson ngồi ghế trước. Một lần, không nhìn vợ, hắn đưa tay nắm tay nàng nhưng nàng rút ra. Nhìn qua suối, đến nơi mấy người mang súng đang lột da con sư tử, hắn nhận ra rằng nàng đã thấy mọi chuyện. Trong lúc ngồi đó, vợ hắn đưa tay về phía trước đặt lên vai Wilson. Ông quay lại, nàng cúi người lên chiếc ghế thấp hôn lên miệng ông.

– Ô, tôi, – Wilson nói, mặt đỏ hơn sắc màu bình thường.

– Ông Robert Wilson, – nàng nói. – Ông Robert Wilson mặt đỏ tuyệt vời.

Rồi nàng lại ngồi xuống bên cạnh Macomber, nhìn qua suối nơi con sư tử đang nằm ngửa, những bắp cơ trắng, những cẳng chân trần trụi đầy gân, cái bụng phình lên trắng nhợt lúc mấy người da đen lột đi lớp da. Cuối cùng những người mang súng đưa bộ da ẩm ướt nặng nề đến, họ cuộn lại trước lúc đặt lên xe rồi xe nổ máy. Không ai nói câu nào cho đến lúc họ về tới trại.

Đấy là chuyện con sư tử. Macomber không hiểu con sư tử cảm nhận ra sao lúc nó lao ra, và cũng chẳng hiểu trong

suốt cả khoảng thời gian khi tiếng nổ đình tai của khẩu 505 với tốc độ nòng là hai tấn đã xé toạc mồm nó, lại càng không hiểu cái gì đã chặn nó lại sau đó, khi viên đạn thứ hai rít lên, tiện văng cái hông rồi nó cố bò, lết về vật tóe lửa, phát ra tiếng nổ hủy diệt nó. Wilson hiểu đôi điều về chuyện ấy và chỉ diễn đạt bằng mấy từ, “Con sư tử cừ thật” nhưng Macomber chẳng hiểu cách Wilson cảm nhận những thứ khác. Hắn cũng không hiểu những suy nghĩ của vợ ngoại trừ việc nàng đã phát ngáy hắn.

Trước đó, vợ hắn đã chán ngấy hắn nhưng không lâu. Hắn rất giàu và sẽ giàu hơn thế nữa, hắn biết ngay cả bây giờ nàng cũng không bỏ hắn. Đây là một trong số vài điều mà hắn thực sự thấu hiểu. Hắn biết điều đó, biết rõ về mô tô – cái này là trước hết – về ô tô, săn vịt trời, câu cá, cá hồi và các loại cá lớn của biển khơi, về tình dục trong sách, nhiều sách, quá nhiều sách, về tất cả các môn thể thao chơi trên sân, về chó, nhưng với ngựa thì không nhiều, về việc theo đuổi đồng tiền, về tất cả mọi thứ lưu tồn trong thế giới của hắn và về vợ hắn sẽ không bỏ hắn. Vợ hắn có một sắc đẹp mê hồn và nàng còn tuyệt đẹp ở Châu Phi, nhưng ở xứ hắn, nàng đã hết thời đối với mọi người và cả với nàng để có thể bỏ hắn, hắn biết điều đó. Nàng đã đánh mất cơ hội từ bỏ hắn và hắn biết điều đó. Nếu hắn đã khá hơn với phụ nữ thì hắn nàng sẽ phải bắt đầu lo sợ hắn kiếm cô vợ mới, trẻ đẹp hơn nhưng nàng quá hiểu hắn để khỏi lo lắng về điều đó. Dẫu sao thì hắn là người rất độ lượng, như thể đấy là đức tính tốt đẹp nhất ở hắn nếu không xem là điều tệ hại nhất.

Nhìn chung họ nổi tiếng như là một đôi vợ chồng tương đối hạnh phúc mà người đời thường khuyên đồn thổi

rằng sẽ rạn vỡ nhưng điều đó chẳng bao bao giờ xảy ra và, như tay bình luận viên xã hội đã viết, họ đang thêm gia vị cho cuộc phiêu lưu đã bị ghen tị quá đỗi và kéo dài cuộc tình lãng mạn của mình bằng một chuyến đi săn vào miền đất được giới thiệu dưới cái tên Châu Phi đen kịt cho đến lúc Martin Johnson thấp sáng nó lên trên vô số cuốn phim về nơi đang đuổi theo con sư tử Simba già, trâu rừng, voi Tembo cũng như thu thập mẫu vật cho Bảo tàng lịch sử tự nhiên. Cũng chính tay bình luận ấy đã đưa tin họ tối thiểu đã ba lần bên bờ vực tan vỡ trong quá khứ mà đúng thế thật. Nhưng họ luôn dần xếp ổn thỏa. Họ có một cơ sở liên kết vững chắc. Margot quá đẹp để Macomber không li dị nàng còn Macomber lại quá nhiều tiền để Margot không bỏ hắn.

Lúc ấy khoảng ba giờ sáng, vừa mới chớp mắt được một lát sau khi thôi không nghĩ về con sư tử, Francis Macomber thức giấc rồi lại chìm vào giấc ngủ, rồi đột nhiên thức giấc, hoảng sợ bởi giấc mơ về con sư tử với cái đầu đâm máu chồm lên người hắn, rồi lắng nghe trong lúc nhịp tim đập dồn dập, hắn nhận ra rằng vợ hắn không còn ở trong lều, trên chiếc giường ở đằng kia nữa. Hắn nằm thức cùng với phát hiện đó suốt hai tiếng đồng hồ.

Cuối khoảng thời gian ấy, vợ hắn vào lều, khoan khoái đỡ mừng chui vào giường.

- Cô ở đâu về đây? – Macomber hỏi trong bóng tối.
- Xin chào, – nàng nói. – Anh vẫn thức à?
- Cô ở đâu về đây?
- Em vừa ra ngoài thở một lát.
- Cô đã, đồ quỷ cái.

– Anh muốn em nói gì đây hở anh yêu?
 – Cô ở đâu về đấy?
 – Ra ngoài thở một tí.
 – Đấy là cách gọi mới cho nó hả. Đồ con đi.
 – Phải đấy, đồ hèn.
 – Cũng được, – hấn nói. – Thì đã sao?
 – Với em thì chẳng sao. Nhưng ta đừng nói nữa, anh yêu, bởi lẽ em rất buồn ngủ.
 – Cô nghĩ rằng tôi sẽ chịu đựng hết mọi chuyện.
 – Em sẽ biết anh sẽ, cứng.
 – Không, tôi sẽ không.
 – Nào anh yêu, ta đừng nói nữa. Em buồn ngủ quá.
 – Sẽ không có chuyện ấy nữa. Cô đã hứa sẽ không có.
 – Vâng, nhưng bây giờ thì có đấy, – nàng ngọt ngào nói.
 – Cô đã bảo nếu bọn ta đi chuyến này thì chuyện đó sẽ không tái diễn. Cô đã hứa.
 – Vâng thưa anh. Em đã rất muốn như thế. Nhưng chuyến đi đã hỏng bét từ hôm qua. Ta không cần phải nói chuyện đó nữa chứ?
 – Cô chẳng nhận nại một khi có cơ hội phải không?
 – Nào, anh yêu, ta đừng nói nữa. Em buồn ngủ lắm rồi.
 – Tôi cứ nói.
 – Vậy thì, xin lỗi, em ngủ đây. – Rồi nàng ngủ.
 Vào lúc ăn sáng, trước khi mặt trời mọc, cả ba ngồi vào bàn và Francis Macomber nhận ra rằng trong tất những thằng hấn không thích, Robert Wilson là đứa hấn ghét nhất.

– Ngủ ngon chứ? – Wilson hỏi bằng giọng khàn khàn lúc đang nhồi thuốc vào tẩu.

– Còn ông?

– Ngủ bí tỉ, – tay thợ săn da trắng đáp.

Đồ đều, Macomber nghĩ, mày thực đều cằng.

Thế là ả làm hấn thức giấc khi trở về, Wilson nghĩ, và hướng cái nhìn dừng dừng, lạnh lùng vào hai người. Ừ mà tại sao hấn không đặt cô vợ vào đúng cái nơi của ả? Hấn nghĩ mình là hạng gì cơ chứ? Một ông thánh bằng thạch cao phỏng? Hấn phải để ả vào đúng cái nơi của ả. Lỗi tại hấn.

– Ông có chắc chúng ta sẽ tìm thấy trâu rừng không?

– Macomber hỏi lúc đẩy đĩa mơ ra xa.

– Có khả năng, – Wilson đáp rồi mỉm cười với nàng. – Sao bà không ở lại trại?

– Đừng hòng.

– Sao không bảo bà ở lại trại? – Wilson nói với Macomber.

– Ông đi mà bảo cô ta, – Macomber lạnh lùng nói.

– Thôi, đừng có bảo với ban gì ở đây nữa, – quay sang Macomber; Margot nói rất dịu dàng, – đừng ngốc nữa, Francis.

– Các người đã sẵn sàng cả chưa? – Macomber hỏi.

– Bất cứ lúc nào, – Wilson bảo hấn. – Ông muốn bà đi cùng chăng?

– Với tôi đi hay không thì có khác gì cơ chứ?

Quái quỷ thật, Robert Wilson nghĩ. Cách nói năng hoàn toàn quái quỷ. Vậy thì cơ sự sẽ là thế. Đúng nó sẽ như thế.

– Chẳng gì khác đâu, – ông nói.

– Ông có chắc là mình không thích ở lại trại với cô ấy và để tôi đi săn trâu rừng một mình không? – Macomber hỏi.

– Đừng nói thế, – Wilson nói. – Nếu tôi là ông thì tôi sẽ không ăn nói vớ vẩn như vậy đâu.

– Tôi không nói năng vớ vẩn. Tôi kinh tởm.

– Kinh tởm, từ xấu đấy.

– Francis, anh có vui lòng ăn nói đàng hoàng được không? – vợ hắn nói.

– Tôi đang nói năng cực kỳ nghiêm túc, – Macomber nói. – Các người đã từng chén loại thức ăn nào đơ dáy như thế này chưa?

– Thức ăn có chuyện gì vậy? – Wilson điềm nhiên hỏi.

– Không tệ hơn những chuyện khác đâu.

– Tôi sẽ cố kiềm chế, anh bạn, nếu tôi là anh – Wilson nói rất bình thản. – Thằng nhỏ hầu bàn bên kia có thể biết một tí tiếng Anh đó.

– Kệ mẹ nó.

Wilson đứng dậy, bập vài hơi thuốc, bước ra nói với một trong mấy người mang súng đang đợi vài câu bằng tiếng Swahili. Macomber và vợ vẫn ngồi ở bàn. Hắn bắt đầu uống tách cà phê.

– Nếu anh làm ầm ĩ tôi sẽ bỏ anh đấy, anh yêu, – Margot lặng lẽ nói.

– Không, cô sẽ không.

– Anh cứ thử đi rồi biết.

– Cô sẽ không bỏ tôi.

– Được, – nàng nói. – Tôi sẽ không bỏ nếu anh cư xử đúng mực.

- Cư xử đúng mực ư? Nói nghe lạ nhỉ. Cư xử đúng mực.
- Vâng, cư xử đúng mực.
- Sao cô không tự mình cư xử đúng mực đi?
- Em đã cố xử sự như thế từ lâu rồi. Đã lâu lắm rồi.
- Tôi ghét cái con lợn mặt đỏ ấy, – Macomber nói. –
Tôi kinh tởm cái bản mặt hăn.
- Ông ta thực sự dễ thương.
- Này, cầm ngay cái miệng đi, – Macomber gằn như
thét lên. Ngay lúc đó, chiếc xe chạy đến dừng trước lều ăn,
gã tài xế và hai người mang súng bước ra. Wilson đến gặp
hai vợ chồng ngồi bên bàn.
- Đi săn chứ? – ông hỏi.
- Đi, – Macomber đứng lên nói. – Đi.
- Tốt hơn nên mang theo áo len. Ngồi trong xe sẽ lạnh
đấy, – Wilson nói.
- Tôi sẽ đi lấy cái áo jacket da, – Margot nói.
- Để thằng giúp việc lấy, – Wilson bảo nàng. Ông leo
lên phía trước với gã tài xế, Francis Macomber và vợ lặng
im ngồi phía sau.

Hì vọng cái thằng thộn ngớ ngẩn này không nảy ra ý định bắn vỡ đầu mình, Wilson thầm nghĩ. Mang theo đàn bà đi săn thật là phiền toái.

Trong ánh sáng đèn đục, chiếc xe lạng xuống đoạn suối cạn đầy cuội để băng qua dòng suối rồi bò thẳng lên bờ dốc nơi Wilson đã ra lệnh mở một con đường từ hôm trước để họ có thể chạy đến vùng rừng thưa tựa công viên trái dài tít đằng kia dọc bờ suối.

Một buổi sáng trong lành, Wilson nghĩ. Sương buông dày và, khi bánh xe lăn qua trắng cỏ và những bụi cây

thấp, ông có thể ngửi thấy mùi dương xỉ bị giày nát. Có mùi như mùi cỏ roi ngựa, ông thích mùi sương lúc mờ sáng, ông thích mùi cây cỏ bị nghiền nát, thích hình bóng của thân cây màu đen hiện ra sau màn sương sớm khi chiếc xe mở đường xuyên qua vùng đất tựa công viên chưa có lối đi. Ông chẳng nghĩ về hai người ngồi ở ghế sau nữa, bây giờ trong đầu ông là lũ trâu rừng. Những con trâu rừng ông săn thường lủi trong đầm lầy rậm rạp, vào ban ngày không thể bắn chúng nhưng đêm tối, chúng ra ăn ngoài vùng đất trống và nếu ông đưa được xe cắt ngang giữa chúng và đầm lầy thì Macomber sẽ có cơ hội hạ chúng. Ông không muốn đi săn trâu với Macomber trong đầm lầy rậm rạp. Thực ra ông chẳng muốn đi săn trâu hay bất kỳ một loại thú nào với Macomber, nhưng ông là một thợ săn chuyên nghiệp vả lại trong đời ông đã từng đi săn với đủ hạng người. Nếu hôm nay họ gặp trâu rừng thì chỉ còn đi tìm tê giác nữa mà thôi và cái anh chàng đáng thương kia sẽ kết thúc trò chơi nguy hiểm của mình rồi mọi thứ đâu sẽ vào đấy. Ông chẳng còn gì để làm với người đàn bà đó nữa. Macomber cũng sẽ quên vụ này. Với cái kiểu này hần hẩn đã phải ngậm ngùi quên đi bao nhiêu vụ trước đó. Anh chàng đáng thương. Hần có cách để quên đi chuyện ấy. Ừ, mà đó chính là lỗi của hần ta.

Ông, Robert Wilson, luôn mang theo chiếc giường đôi trong các chuyến đi săn để thỏa mãn những vận may bất ngờ mà ông có thể nhận. Ông đã từng săn với nhiều khách hàng, những người ngoại quốc, những kẻ phóng đảng, những người người mê thể thao, với những người đàn bà không cảm thấy đồng tiền của mình xứng đáng giá trị nếu

chưa được ngủ trên chiếc giường ấy với tay thợ săn da trắng. Khi xa họ, ông rất xem thường, mặc dù lúc ấy ông rất thích một vài trong số đó, nhưng ông sống dựa vào họ, và một khi họ còn thuê ông thì tiêu chuẩn của họ cũng là tiêu chuẩn của ông.

Tất cả chuẩn mực của họ là của ông ngoại trừ việc săn bắn. Ông có chuẩn mực riêng của mình về chuyện bán giết và họ hoặc sẽ phải tuân theo những chuẩn mực ấy hoặc sẽ phải thuê người khác. Ông cũng biết rằng bọn họ đều ngưỡng mộ ông về chuyện ấy. Nhưng tay Macomber này là một kẻ kỳ cục. Mẹ kiếp, già mà gã đừng. Giở lại cô vợ. Ừ, con vợ. Chà, vợ. Hừ, ả vợ. Thôi được, mình phớt tất. Ông quay lại nhìn họ. Macomber ngồi giận dữ và cau có. Margot mỉm cười với ông. Hôm nay trông nàng trẻ hơn, thơ ngây hơn, tươi tắn hơn và không đẹp một cách dần dần. Chỉ có Chúa mới biết tim ả chất chứa những gì, Wilson nghĩ. Tối qua nàng không nói nhiều. Điều đó mang lại cảm giác dễ chịu khi gặp lại.

Chiếc xe leo lên con dốc thoải thoải, chạy xuyên qua rừng cây đến trắng cỏ, men theo bóng của hàng cây nơi bìa rừng, tài xế đi chậm, Wilson chăm chú nhìn đồng cỏ trải dài tít tận đằng kia. Ông bảo dừng xe lại, dùng ống nhòm đã chiến quan sát vùng đất trống. Đoạn ông ra hiệu cho tài xế đi tiếp, chiếc xe từ từ di chuyển, gã tài xế tránh những hố do lợn rừng ủi và vòng qua các ổ kiến. Rồi lúc đang quan sát đồng cỏ, Wilson đột nhiên quay lại nói.

– Trời, chúng kia rồi!

Nhìn theo hướng chỉ, trong lúc chiếc xe nhảy chồm về phía trước và Wilson nói nhanh với gã tài xế bằng tiếng

Swahili, Macomber thấy ba con vật đen trũi, khổng lồ: thân hình đồ sộ, dài ngoằng của chúng trông như thể cả khối hình trụ hay loại xe bồn lớn màu đen; đang phi nước đại qua rìa đồng kia của đồng cỏ. Cổ và thân chúng căng cứng khi chạy và hắn có thể nhìn thấy những chiếc sừng màu đen rộng vươn cao trên đầu khi chúng phóng đi trong tư thế đầu ngẩng cao, không cử động.

– Chúng là ba con đực già, – Wilson nói. – Ta sẽ chặn lại trước lúc chúng kịp đến đầm lầy.

Chiếc xe đang lao với tốc độ bốn mươi lăm dặm một giờ, khi Macomber nhìn, con trâu lớn dần cho đến lúc hắn có thể thấy con vật khổng lồ móc thếch trụ lông vấy đầy bùn với cái cổ như gắn chặt vào vai và màu đen bóng của cặp sừng khi nó đang phi, hơi lùi lại so với mấy con kia, bằng những bước sải dài đều đặn, rồi chiếc xe tròn trành như thể vừa phóng lên mặt đường, họ tiến gần hơn và hắn có thể thấy tầm vóc đồ sộ của con trâu đang sải bước, bùn đóng trên lớp da thưa lông, cặp sừng trải rộng, cái miệng với lỗ mũi rộng hoác chĩa thẳng về phía trước, hắn từ từ giương súng lên và nghe tiếng quát của Wilson – Không được bắn trên xe, đừng có điên! Hắn không cảm thấy sợ mà chỉ thấy ghét Wilson, trong lúc phanh gấp, chiếc xe trượt mạnh cày thành những rãnh sâu khi chững lại, Wilson nhảy ra phía bên này, hắn lao xuống phía bên kia, trượt chân theo trớn khi chạm phải mặt đất đang chạy lùi lại rồi bắn vào con trâu đang phóng chạy, nghe những viên đạn cắm phập vào mình con vật, nã hết đạn vào con trâu đang phi đều đặn, cuối cùng sức nhớ phải bắn vào tai và lúc lóng ngóng lấp đạn, hắn thấy con vật quy xuống. Quý gôi, cái

đầu lớn lắc lắc rồi hắn nhìn hai con đang phi, ngắm con chạy trước và bắn trúng. Hắn bắn thêm phát nữa nhưng trượt rồi hắn nghe tiếng gầm ca-ra-wong từ khẩu súng của Wilson và thấy con trâu phía trước ngã chúi mũi xuống.

– Hạ nốt con kia đi, – Wilson nói. – Bắn thế mới là bắn!

Nhưng con trâu ấy vẫn đang đều đặn sải bước, hắn bắn trượt, bụi tung lên rồi Wilson bắn trượt, bụi tung thành đám mù và Wilson hét. – Đi thôi. Nó xa quá rồi! Và chộp cánh tay hắn rồi cả hai lại nhảy lên xe. Macomber và Wilson bám vào thành xe, chiếc xe tròng trành lao đi trên mặt đất mấp mô, đuổi theo con trâu to khỏe, cái đầu ngật ngưỡng đang lao thẳng về phía trước.

Họ đuổi kịp nó, Macomber đang lấp đạn, đánh rơi vài viên xuống đất, bị kẹt đạn, rồi gỡ được, lúc họ gần như đuổi sát con trâu. Wilson hét lớn – Đứng lại, – chiếc xe trượt mạnh đến nỗi sắp lật nhào, Macomber chúi người về phía trước song vẫn đứng được, gạt chốt an toàn, ngắm bắn vào cái lưng đen tròn đang phi trước mặt, ngắm bắn lần nữa, rồi lại bắn, bắn và những viên đạn hắn thấy đều cắm vào mình trâu nhưng chẳng làm nó hề hấn gì. Rồi Wilson bắn, một tiếng nổ đình tai, hắn thấy con trâu loạn choạng. Macomber bắn tiếp, lần này ngắm cẩn thận, hạ con vật khuyu gối xuống.

– Xong rồi. – Wilson nói. – Công việc hoàn hảo. Cả ba con. Macomber cảm thấy cực kỳ phấn chấn.

– Ông bắn mấy phát? – hắn hỏi.

– Chỉ ba phát, – Wilson đáp. – Ông giết con đầu tiên. Con lớn nhất. Tôi giúp ông kết liễu hai con kia. Sợ chúng

trốn vào bụi rậm. Ông đã hạ chúng. Tôi chỉ giúp một tay. Ông bắn cừ đấy.

– Ta lại xe đi, – Macomber nói. – Tôi muốn uống.

– Đến giết con kia đã, – Wilson bảo hấn. Con trâu quỳ gối, văng đầu giận dữ, trợn mắt, cuồng nộ rống vang khi họ đến gần.

– Nhìn kìa, nó không đứng dậy đâu, – Wilson nói. – Đi vòng qua một tí và bắn vào cổ, ngay phía sau tai.

Macomber cẩn thận ngắm vào chính giữa cái cổ đồ sộ đang hất lên hất xuống trong cơn điên khùng và bắn. Phát đạn nổ, cái đầu duỗi dài về phía trước.

– Thế là xong, – Wilson nói. – Trúng vào xương. Chúng đáng gờm đấy, phải không?

– Bọn ta uống đi, – Macomber nói. Trong đời, hấn chưa bao giờ cảm thấy vui như thế.

Vợ Macomber ngồi trong xe, khuôn mặt trắng bệch. – Anh thật tuyệt vời đấy, anh yêu, – nàng nói với Macomber. – Một cuộc săn đuổi ra trò.

– Có dữ dội không? – Wilson hỏi.

– Thật kinh hoàng. Trong đời, tôi chưa bao giờ kinh hoàng hơn thế.

– Bọn ta hãy uống một chầu đi, – Macomber nói.

– Dĩ nhiên rồi, – Wilson nói. – Mời bà uống trước. – Nàng hộp một ngum whisky nguyên chất từ cái chai đặt trong bao da và hơi rùng mình khi nuốt. Nàng trao cái chai cho Macomber, hấn đưa cho Wilson.

– Cực kỳ hồi hộp, – nàng nói. – Nó làm tôi đau đầu lắm. Dẫu sao thì tôi không biết các anh được phép bắn từ trên xe.

– Chẳng ai bắn từ trên xe cả, – Wilson lạnh lùng nói.

– Ý tôi là dùng xe đuổi theo chúng.

– Thật khác thường, – Wilson nói. – Đối với tôi nó như thể là môn thể thao thực sự khi chúng ta rượt theo bầy trâu. Dẫu sao thì việc truy đuổi theo cách ấy cho chúng ta nhiều cơ hội vượt qua con đường đầy ắp ổ gà hơn là săn đuổi bằng chân. Nếu muốn, lũ trâu có thể tấn công bọn ta bất cứ lúc nào ta bắn. Chúng có đủ cơ hội. Nhưng chỗ có kể chuyện này cho bất kỳ ai. Nó phạm pháp nếu đấy là điều bà muốn nói.

– Với tôi chuyện đó dường như thật bất công. – Margot nói. – Ngồi trong ô tô đuổi theo những con thú lớn không có khả năng chống trả.

– Thế là sao? – Wilson nói.

– Điều gì sẽ xảy ra nếu người ta nghe được chuyện này ở Nairobi?

– Tôi mất giấy phép là cái chắc. Với thêm nhiều điều phiền toái khác, – Wilson nói rồi uống một ngụm từ cái bình dẹt – Tôi sẽ bị mất việc.

– Thật chứ?

– Vâng, thật đấy.

– Nay, – Macomber nói, lần đầu tiên trong ngày hắn mỉm cười. – Bây giờ cô ta đang kiểm chuyện với ông đấy.

– Anh có cách diễn đạt mọi thứ hay gồm nhỉ, Francis, – Margot Macomber nói. Wilson nhìn họ. Nếu một thằng cha đón mặt lấy một con mụ khốn nạn, ông đang nghĩ, thì lũ con của chúng sẽ đều cẳng đến chừng nào? Rồi ông nói: – Chúng ta bỏ quên một đứa mang súng. Ông có để ý thấy không?

– Trời đất, không, – Macomber nói.

– Hẳn đến đây rồi, – Wilson nói. – Hẳn chẳng sao. Hẳn hẳn ngã nhào khi chúng ta rời con trâu đầu tiên.

Người mang súng đứng tuổi đội mũ len, mặc quần soóc, áo chèn kaki, mang dép cao su với vẻ mặt lăm lăm, khinh bỉ, tập tễnh bước về phía họ. Lúc đến nơi, gã nói với Wilson bằng tiếng Swahili, cả bọn thấy sự thay đổi trên nét mặt của tay thợ săn da trắng.

– Ông ta nói gì vậy? – Margot hỏi.

– Hẳn bảo con trâu đầu tiên đứng dậy đi vào bụi rậm,

– Wilson nói, không lộ chút sắc thái nào trong giọng điệu.

– Ô, – Macomber lơ đãng nói.

– Rồi sẽ giống như chuyện con sư tử chọi mà xem, – Margot nói đầy vẻ quả quyết.

– Sẽ chẳng giống tí nào với chuyện con sư tử đấu, – Wilson bảo nàng. – Ông muốn uống nữa chứ, Macomber?

– Vâng, cảm ơn, – Macomber đáp. Hẳn đợi cảm giác như đã từng xảy ra với con sư tử trở lại nhưng nó không đến. Lần đầu tiên trong đời, hẳn thực sự cảm thấy mình chẳng sợ hãi tí nào. Thay vì nỗi sợ, cảm giác hưng phấn kỳ lạ đang bao trùm hẳn.

– Chúng ta sẽ đi xem con trâu thứ hai, – Wilson nói. – Tôi sẽ bảo tài xế đưa xe vào bóng mát.

– Các anh định làm gì đấy? – Margaret Macomber hỏi.

– Đi xem con trâu, – Wilson nói.

– Tôi sẽ đi cùng.

– Thì đi.

Cả ba bước về phía con trâu thứ hai đang nằm thành đồng đen ngòm lù lù trên cỏ, cái đầu cúi về phía trước, cặp sừng đồ sộ vươn rộng.

– Cái đầu đẹp thật, – Wilson nói. – Sừng vươn dài hơn cả mét.

Macomber nhìn con vật với vẻ hài lòng.

– Trông nó thật đáng ghét, – Margot nói. – Chúng ta không thể vào trong bóng mát được sao?

– Dĩ nhiên, – Wilson nói. – Nhìn kia, ông nói với Macomber và chỉ tay. – Có thấy mảng cây bụi kia không?

– Thấy.

– Đây là nơi con trâu đầu tiên lủi vào. Gã mang súng bảo lúc hần ngã xuống, con trâu vẫn còn nằm. Hần quan sát chúng ta phóng theo hai con trâu đang phi nước đại. Nhưng khi hần nhìn lên, con vật đã đứng dậy nhìn hần. Gã mang súng bỏ chạy thục mạng, con trâu từ từ đi vào bụi cây ấy.

– Chúng ta có thể đi tìm nó ngay bây giờ được không?
– Macomber háo hức hỏi.

– Wilson nhìn hần với vẻ đánh giá. Mẹ kiếp, như thế đây là một người khác lạ, ông nghĩ. Hôm qua hần sợ đến phát ốm, còn hôm nay hần lại là một gã can đảm đến quái quỉ.

– Không, chúng ta sẽ mặc nó thêm một lát nữa.

– Làm ơn đi vào bóng râm đi, – Margot giục. Mặt nàng nhợt nhạt trông như thể bị ốm.

Họ rẽ lối đi đến chiếc xe đỗ dưới một thân cây đơn độc, tán xòe rộng và leo lên.

– Có nhiều khả năng là nó chết trong đó, – Wilson lên tiếng. – Lát nữa bọn ta sẽ vào xem.

Macomber cảm nhận được niềm hạnh phúc hoang sơ không thể nào cất nghĩa nổi mà trước đây hần chưa hề biết.

– Lạy Chúa, đúng là một cuộc săn đuổi ra trò, – hắn nói. – Tôi chưa bao giờ cảm nhận được cảm giác như thế. Thật diệu kỳ phải không Margot?

– Tôi cảm ghét nó.

– Sao vậy?

– Tôi căm thù nó, – nàng cay đắng nói. – Tôi ghét nó.

– Ông thấy đấy, tôi không nghĩ mình còn sợ bất kỳ thứ gì nữa, – Macomber nói với Wilson. – Điều đó đã xảy ra trong tôi ngay sau khi chúng ta mới nhìn thấy con trâu và rượt theo nó. Giống như con đập đang vỡ tung. Một niềm phấn khích vô tận.

– Tẩy sạch gan ông, – Wilson nói. – Những điều rất đổi buồn cười vẫn thường xảy ra với nhiều người.

Gương mặt Macomber rạng rỡ lên. – Ông hiểu điều gì đó đã xảy ra với tôi, hắn nói. – Tôi cảm thấy mình hoàn toàn đổi khác.

Vợ hắn chẳng nói gì mà chỉ nhìn hắn thật lạ. Nàng ngồi lùi sâu vào ghế. Macomber dịch về phía trước nói chuyện với Wilson đang xoay người lại.

– Ông biết không, tôi muốn đi săn lại sư tử, – Macomber nói. – Bây giờ, tôi hoàn toàn chẳng sợ chúng nữa. Rốt cuộc thì chúng có thể làm gì được cơ chứ?

– Đúng đấy, – Wilson nói. – Điều tệ nhất nó có thể làm là giết ông. Nói thế nào nhỉ? Shakespeare. Hay lắm. Xem thử tôi có thể nhớ được không.Ồ đoạn hay lắm. Trong những hoàn cảnh nào đó, tôi thường thầm nhắc. Ta nghe nhé. – “Bằng cả danh dự của mình, tôi chẳng quan tâm; con người ta chỉ có thể chết một lần, ta nợ Thượng đế cái chết thì hãy để cho nó diễn ra theo cách của nó, người chết

năm nay thì năm sau sẽ không còn chết nữa”. Tuyệt quá phải không?

Ông rất ngượng khi nói ra triết lý sống ấy của mình nhưng trước đây ông đã từng chứng kiến cảnh nhiều người bỗng chốc trở nên khôn lớn, điều đó luôn làm ông xúc động. Vấn đề không phải là lần sinh nhật thứ hai một của họ.

Khả năng kỳ lạ của sản bản, đột nhiên cuốn ta vào hành động mà không kịp suy nghĩ, đã mang lại cảm giác ấy cho Macomber và, đầu cho nó có xảy ra theo cách nào đi chăng nữa thì nó cũng đã xảy ra. Hãy nhìn anh chàng thộn kia ngay bây giờ đi, Wilson nghĩ. Rằng vài người trong số họ vẫn mãi là trẻ con, Wilson nghĩ. Đôi khi suốt cả cuộc đời. Hình dáng họ cứ trẻ trung cho đến khi họ năm mươi. Những gã đàn ông, – trẻ con Mỹ vĩ đại. Bọn người kỳ lạ thật. Nhưng bây giờ ông đã mến Macomber. Gã kỳ cục thật. Chắc rồi cũng sẽ chấm dứt cái trò bị cấm sừng. Ừ, như thế hẳn sẽ tốt đẹp đấy. Việc ấy cực kỳ tốt. Suốt cả đời mình, anh chàng đáng thương chắc luôn chìm trong cảm giác sợ hãi. Chẳng biết điều gì gây nên chuyện đó. Nhưng bây giờ đã chấm hết. Không còn thời gian để sợ con trâu nữa. Không sợ rồi bắt đầu can đảm. Cả ô tô cũng thế. Lòng can đảm để đến hơn khi có ô tô. Bây giờ đã là một gã kiêu hùng. Như cái cách ông đã từng chứng kiến trong thời gian chiến tranh. Hệ trọng hơn cả là chuyện mất trinh nữa. Nỗi sợ hãi ra đi tựa như một vết mổ. Cảm giác khác sẽ thế chân ngay vào đó. Phẩm chất cơ bản của một người đàn ông. Khiến hẳn trở thành đàn ông. Đàn bà cũng hiểu điều đó. Chẳng còn sợ cái cóc khô gì nữa.

Từ góc sâu của chỗ ngồi, Margaret Macomber nhìn hai người, Wilson thì chẳng có gì thay đổi. Nàng thấy Wilson vẫn là người nàng gặp hôm trước, lúc nàng nhận ra tài năng trác tuyệt của ông. Nhưng bây giờ nàng thấy sự thay đổi ở Macomber.

– Ông có cảm thấy hạnh phúc về những gì sắp xảy ra hay không? – Macomber hỏi, vẫn đang thăm dò khối tài sản mới của mình.

– Lẽ ra ông đừng bận tâm về chuyện đó. – Wilson nói trong lúc nhìn vào mặt người kia. – Hẳn phù hợp hơn nhiều khi nói anh hoảng sợ. Hãy ghi nhớ, ai rồi cũng có lúc sợ, nhiều lần trong đời.

– Nhưng ông có cảm giác hạnh phúc về hành động sắp đến không?

– Có, – Wilson đáp. – Có đấy. Nhưng đừng nói nhiều quá về tất cả chuyện này. Đừng nói nữa. Chẳng hay ho gì khi ông cứ nói mãi về nó.

– Cả hai người nói năng lẩn thẩn vừa vừa chứ, – Margot nói. – Giỏi giang gì khi các anh dùng xe đuổi theo mấy loài thú không có khả năng tự vệ mà nói năng như các bậc anh hùng.

– Xin lỗi, – Wilson nói. – Tôi hơi bối. Ắt thực lo lắng về chuyện đó, Wilson nghĩ.

– Nếu cô không hiểu bọn tôi đang nói chuyện gì thì tại sao không bịt tai lại? – Macomber bảo vợ hăn.

– Bỗng chốc anh trở nên can đảm gồm nhĩ, – vợ hăn nói với vẻ khinh khỉnh nhưng thái độ coi thường ấy không được tự tin cho lắm. Cô nàng rất sợ điều gì đó.

Macomber cười, tiếng cười thỏa mãn, khỏe khoắn.

– Cô có biết tôi có, – hắn nói. – Tôi thực sự có.

– Chưa muộn chẳng? – Margot cay đắng nói. Bởi trong nhiều năm trước nàng đã cố làm hết sức và cái cách họ đang sống bây giờ thì không phải lỗi của riêng ai.

– Với tôi thì chưa muộn, – Macomber nói.

Margot không nói gì mà chỉ ngồi lúi sâu vào góc ghế.

– Ông có nghĩ là chúng ta chờ nó đủ rồi chứ? – Macomber vui vẻ hỏi Wilson.

– Ta đi xem thôi, – Wilson nói. – Ông còn đạn đó không?

– Người mang súng còn một ít.

Wilson gọi bằng tiếng Swahili, người mang súng lớn tuổi hơn – đang lột da đầu của một trong mấy con trâu – đứng dậy, rút hộp đạn khỏi túi đưa cho Macomber, hắn lấp đầy ổ đạn rồi rút mấy viên còn lại vào túi.

– Có lẽ ông nên bắn khẩu Springfield, – Wilson nói. – Ông quen nó. Chúng ta để khẩu Mannlicher lại xe với bà. Người mang súng sẽ vác khẩu súng nặng của ông. Tôi dùng khẩu canon xấu xí này. Bây giờ để tôi nhắc ông đôi điều về chúng. – Ông giữ điều này cho đến giờ phút cuối bởi lẽ không muốn làm Macomber sợ. – Khi con trâu xông ra, đầu nó sẽ nghiêng cao và lao thẳng tới. Góc súng che kín hết các điểm bắn vào não. Đích duy nhất lúc này là bắn thẳng vào mũi. Điểm ngắm khác có thể sát thương là vào ngực hoặc nếu ông đứng một bên thì hãy bắn vào cổ hoặc vào vai. Một khi bị thương chúng rất điên cuồng. Chớ có làm điều gì phi lý. Hãy chọn điểm bắn dễ dàng nhất. Bọn chúng lột xong cái đầu rồi. Ta đi chứ?

Ông gọi mấy người mang súng, họ vừa đi vừa chùi tay, người lớn tuổi hơn leo lên ngồi phía sau.

– ‘Tôi chỉ cần Kongoni, – Wilson nói. – Tay kia ở lại canh chừng bầy chim.

Khi chiếc xe từ từ băng qua vùng đất trống tiến về phía hòn đảo rậm rạp cây bụi trải dài như chiếc lưỡi lá lượn theo lòng suối cạn cắt qua vùng đất thấp của miền đầm lầy. Macomber thấy tim mình đập mạnh, miệng lại khô khốc nhưng đấy là do trạng thái hưng phấn chứ không phải vì sợ hãi.

– Đây là nơi nó lủi vào, – Wilson nói. Rồi bảo người mang súng bằng tiếng Swahili. – Tìm vết máu đi.

Chiếc xe đỗ song song với vệt cây bụi. Macomber, Wilson và người mang súng bước xuống. Quay nhìn lại, Macomber thấy cô vợ đang nhìn hắn, khẩu súng đặt bên cạnh. Hắn vẫy tay với nàng nhưng nàng không đáp lại.

Trước mặt, bụi cây chằng chịt, nền đất khô ráo. Người mang súng đứng tuổi đang toát mồ hôi đầm đìa, Wilson kéo sụp mũ xuống tận mắt, cái cổ đỏ của ông thấp thoáng ngay trước mặt Macomber. Bất thành linh, người mang súng nói gì đó với Wilson bằng tiếng Swahili rồi vượt lên.

– Nó đã chết trong đó, – Wilson nói. – Săn khá đấy, – rồi quay sang nắm lấy tay của Macomber nhưng khi họ đang bắt tay và hôn hờ cười với nhau, người mang súng cất tiếng hét man dại rồi họ thấy gã chạy tạt ngang ra khỏi bụi cây, nhanh như một con cua và theo sau là con trâu mũi hếch lên, miệng ngậm chặt máu đang rỏ giọt, cái đầu đồ sộ chìa thẳng về phía trước, lao ra tấn công, đôi mắt lợn ti hí đỏ ngầu máu của nó dán vào họ. Wilson đi đầu quỳ xuống bắn và khi Macomber bóp cò, hắn không nghe được tiếng súng của mình do bị lấp trong

tiếng găm từ khẩu súng của Wilson mà chỉ thấy những mảnh vụn như ngôi đá đen bắn tung ra từ gốc sừng đồ sộ, cái đầu nảy lên, hấn lại nhăm nã vào cái mũi rộng và thấy cặp sừng nảy lên, mảnh sừng bay tung tóe; giờ thì hấn không còn thấy Wilson nữa, ông đang cẩn thận ngăm bắn vào thân hình khổng lồ của con trâu gần như chồm lên người hấn, khẩu súng của hấn giương cao ngang với cái đầu đang lao đến, cái mũi hếch rộng; hấn thấy đôi mắt ti hí hung tợn và cái đầu sắp sửa bổ xuống rồi hấn cảm thấy một cú đập mạnh, đầy máu, nóng hổi, ngọt ngạt bất thành linh nổ tung trong đầu; đấy là tất cả những gì hấn có thể cảm nhận được.

Wilson vừa mới lạng nhanh người sang bên để bắn vào vai. Macomber vẫn đứng nguyên bắn thẳng vào mũi, đạn đi hơi cao trúng cặp sừng rắn đặc, nghiền nát và bắn tung tóe như khi ta nã đạn vào một mái ngôi đá đen, còn bà Macomber thì từ trên xe dùng khẩu Mannlicher 6,5 bắn vào con trâu khi nó sắp sửa húc Macomber, viên đạn xuyên qua đầu chống cách gáy độ 5 cm và hơi lệch sang một bên sọ.

Giờ thì Macomber nằm úp mặt, cách nơi con trâu đang nằm nghiêng chưa đến hai mét, cô vợ quý chồm lên người hấn, Wilson đứng cạnh nàng.

– Tôi sẽ không lật ông ấy lại đâu, – Wilson nói.

Người đàn bà đang vật vã khóc.

– Tôi lại đằng xe đây, – Wilson nói. – Khẩu súng ở đâu?

Nàng lắc đầu, khuôn mặt nàng nhúm nhó. Người mang súng nhặt khẩu súng lên.

– Để yên nó như thế, – Wilson nói. – Đi gọi Abdulla để hắn có thể làm chứng cho hiện trường.

Ông quỳ xuống, rút khăn tay khỏi túi, trải lên cái đầu tóc cắt ngắn của Macomber. Máu thấm vào nền đất xốp, khô ráo.

Wilson đứng dậy, thấy con trâu nằm nghiêng, chân nó chìa ra, mấy con bét đang bò trên cái bụng thưa lông của nó. – Con trâu tuyệt thật, – đầu ông đang máy móc nhảm tính. – Chừng một mét hai, giỏi đấy hoặc khá hơn. Khá hơn. – ông gọi gã lái xe và bảo hắn đắp mền lên cái xác rồi đứng cạnh đó. Sau đấy ông bước lại xe nơi người đàn bà đang ngồi khóc trong góc.

– Làm thế được đấy, – ông lạnh lùng nói. – Ông ta chắc cũng sẽ bỏ bà.

– Đừng nói, – nàng nói.

– Dĩ nhiên đấy là tai nạn rủi ro, – ông nói. – Tôi biết thế.

– Đừng nói, – nàng nói.

– Đừng lo, – ông nói. – Sẽ có nhiều chuyện thật rắc rối đó nhưng tôi sẽ chụp vài bức ảnh, nó sẽ rất có ích cho cuộc điều tra. Ngoài ra còn có lời làm chứng của mấy người mang súng và của cả lái xe. Bà hoàn toàn yên tâm.

– Đừng nói, – nàng nói.

– Còn cả khối chuyện phải làm, – ông nói. – Tôi sẽ bảo lái xe đến hồ, đánh điện gọi máy bay đến đưa ba chúng ta về Nairobi. Tại sao bà không đầu độc ông ấy? Đấy là cách người ta làm ở Anh.

– Đừng nói. Đừng nói. Đừng nói nữa, – người đàn bà gào lên.

Wilson nhìn nàng bằng đôi mắt xanh dửng dưng của mình.

– Tôi dừng ngay đây, – ông nói. – Tôi hơi cáu. Tôi đã bắt đầu thấy mền chồng bà.

– Ôi, xin đừng nói nữa, – nàng nói. – Làm ơn, làm ơn đừng nói, – Thế thì tốt hơn đấy, – Wilson nói. – Cầu xin thì tốt hơn nhiều. Giờ thì tôi sẽ im lặng.

LÊ HUY BẮC dịch

TỔ GIÁC

Quán Chicote ngày trước ở Madrid là một nơi kiểu như quán The Stork, không có nhạc và những tiểu thư mới lớn, hoặc giống như câu lạc bộ Waldorf dành cho cánh đàn ông nếu họ cho phép các cô gái vào. Bạn biết đấy, các cô gái có thể vào nhưng bởi đó là nơi giành cho nam giới nên họ chẳng được quan tâm gì cả. Pedro Chicote là chủ quán và cá tính của ông đã tạo nên phong cách riêng cho quán. Ông là người đứng quầy giỏi, luôn thoải mái, dễ chịu và cực kỳ vui vẻ. Thời buổi bây giờ, nhiệt tình là thứ hiếm hoi và ít người giữ được nó lâu dài. Điều này không thể lẫn lộn với nghệ thuật quảng cáo của các cửa hàng. Sự nhiệt tình mà Chicote có được không phải là thứ giả dối hay được khoác vào. Ông cũng luôn khiêm tốn, giản dị và rất thân thiện. Ông thực sự dễ chịu, thoải mái và vẫn còn khả năng kỳ diệu như George, người phục vụ tại quán Ritz ở Pari. Đó là cách so sánh cao nhất mà bạn có thể dành cho bất kỳ ai trong nghề; ngoài ra ông còn điều hành khéo léo một quán rượu hấp dẫn nữa.

Hồi đó, bọn trưởng giả học làm sang trong đám thanh niên nhà giàu ở Madrid hay la cà ở nơi có tên gọi là Nuevo

club còn dân xịn thì đến Chicote. Tôi không có thiện cảm với nhiều người tối đó, cũng như với những người lớn tới The Stork nhưng tôi chưa bao giờ thấy không thoải mái khi ở Chicote. Một lý do là ở đây người ta không nói chuyện về chính trị. Có nhiều quán cà phê mà ở đó, bạn đến là để nói chuyện chính trị. Bạn có thể nói quanh nhiều chủ đề khác nhau rồi tới đến, tất cả những cô gái dễ thương nhất trong thành phố xuất hiện ở đây và bắt đầu một buổi tối vui vẻ, chúng tôi đã có nhiều buổi tối dễ chịu khởi nguồn ở đó.

Hồi ấy, quán còn là nơi bạn ghé vào để biết tin ai đã rời thành phố đi đâu hoặc ai mới tới. Và nếu mùa hè, không còn ai trong thành phố, thì lúc nào bạn cũng có thể ngồi thưởng thức một cốc gì đó vì tất cả những người phục vụ đều nhiệt tình.

Chicote giống như một câu lạc bộ mà bạn không phải trả một chút xíu phí tổn nào và có thể rủ một cô nàng ở đó đi chơi. Chắc chắn nó là quán rượu tốt nhất Tây Ban Nha và tôi nghĩ nó là một trong những quán tốt nhất thế giới; tất cả chúng tôi, những người thường lui tới đây, đều có tình cảm gắn bó với nó.

Một điều nữa là thức uống ở đây rất tuyệt. Nếu bạn gọi một ly Martini thì nó sẽ được pha bằng thứ rượu ngon nhất hợp túi tiền, Chicote có loại whisky nguyên thùng lấy từ Scotland tuyệt hơn những thứ rượu quảng cáo khác đến nỗi quả là thảm hại khi so sánh nó với những loại Scotch thông thường. Khi chiến tranh nổ ra, Chicote đến San Sebastian để điều hành quán rượu mùa hè của mình. Ông vẫn còn quản lý nó và người ta nói đây là quán rượu ngon

nhất trên đất Tây Ban Nha của Franco. Những người phục vụ tiếp quản rượu ở Madrid cho đến ngày nay, nhưng thứ rượu ngon ấy bây giờ không còn nữa.

Hầu hết khách quen của Chicote đều theo phái Franco nhưng vài người trong số đó lại về phe Cộng hoà. Bởi đó là một nơi rất vui nhộn và bởi vì những người thực sự vui nhộn thường là những người dũng cảm nhất lại là những người bị giết nhanh nhất nên phần lớn những khách cũ của Chicote bây giờ đã chết cả rồi. Loại whisky thùng đã hết được vài tháng nay và chúng tôi cũng đã uống hết chỗ rượu gin vàng cuối cùng vào tháng 5 năm 1938. Bây giờ, ở đó không còn nhiều thứ đáng để đến nên tôi cho rằng nếu Luis Delgado đến Madrid muộn hơn một chút, hẳn có lẽ đã không tới đó và đã không gặp rủi ro. Nhưng khi hắn tới Madrid vào tháng 11 năm 1937, họ vẫn còn rượu gin vàng và thứ rượu ký ninh của dân da đỏ. Những thứ đó chẳng đáng để người ta liều mạng tới uống, nên có lẽ hắn chỉ muốn uống một cốc ở nơi quen thuộc. Biết rõ hắn, biết rõ nơi đây trong những ngày trước thì ta có thể hiểu được sự việc.

Hôm ấy, ở Đại sứ quán người ta làm thịt một con bò và cậu giúp việc gọi đến khách sạn Florida cho chúng tôi biết rằng người ta đã để dành cho chúng tôi khoảng năm cân thịt tươi. Tôi đi tới đó nhận thịt lúc trời nhá nhem tối trong một ngày mùa đông Madrid. Hai vệ binh mang súng trường ngồi trên ghế, ngoài cổng toà Đại sứ, và thịt đã để sẵn ở trong phòng của cậu giúp việc.

Cậu ta bảo miếng thịt rất ngon tuy con bò hơi gầy. Tôi móc túi áo khoác mời cậu ta ăn ít hạt hướng dương

rang và vài củ đậu, chúng tôi đứng tán chuyện một lúc trên lối dành cho ô tô có rải sỏi của toà Đại sứ bên ngoài phòng cậu ta.

Tôi đi bộ về, băng qua thành phố với tảng thịt nặng xách trong tay. Chúng đang nã pháo xuống Gran Via, tôi rẽ vào Chicote chờ cho qua đợt pháo kích. Quán ồn và đông, tôi ngồi xuống chiếc bàn nhỏ trong góc, tựa vào cửa sổ chất đầy bao cát, còn miếng thịt thì để trên cái ghế dài bên cạnh và uống rượu gin pha nước khoáng. Không ai gọi thứ nước này từ khi chiến tranh nổ ra và nó vẫn được bán với giá cũ như từ trước chiến tranh. Chưa có báo buổi chiều nên tôi mua ba tờ tin Chính đảng của một bà già. Giá bán mỗi tờ mười cent, tôi đưa một đồng peseta và bảo bà ta không phải trả lại tiền thừa. Bà nói Chúa sẽ phù hộ cho tôi. Tôi không tin vào điều đó nhưng vẫn đọc ba tờ tin ấy và uống rượu gin pha nước khoáng.

Anh bồi, tôi biết từ trước, đến bên bàn nói vài câu với tôi.

“Không”, tôi nói. “Tôi không tin là như vậy”.

“Đúng đấy”, anh ta khẳng định lúc nghiêng đầu và cái khay cũng nghiêng theo cùng hướng. “Bây giờ đừng nhìn. Hắn đang ở đó”.

“Đấy chẳng phải là việc của tôi”, tôi bảo anh ta.

“Thì tôi cũng thế”.

Anh ta quay ra, tôi mua mấy tờ báo buổi chiều vừa được một bà già khác mang vào rồi đọc. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa về người đàn ông mà anh bồi vừa nói. Cả hai chúng tôi đều biết rõ hắn. Tất cả mọi điều mà tôi có thể nghĩ là: đồ ngốc. Thật là ngốc đến không chịu nổi.

Vừa lúc đó, một người bạn Hy Lạp đi vào và ngồi xuống bàn. Anh ta từng là đại đội trưởng thuộc Lữ đoàn mười lăm, và đã từng bị bom vùi trong lúc bốn người khác bị chết, anh được gửi về bệnh viện để theo dõi một thời gian rồi chuyển đến nhà an dưỡng hay một nơi đại loại như vậy.

“Anh khoẻ không, John?” tôi hỏi. “Uống thử cái này xem”.

“Anh gọi thức uống này là gì vậy hả Emmunds?”

“Gin pha nước khoáng”.

“Nước khoáng nào thế?”

“Ký ninh. Thử xem”.

“Chà. Tôi không muốn lắm nhưng ký ninh thì lại rất tốt cho bệnh sốt. Tôi sẽ ném một chút thôi”.

“Bác sĩ bảo anh thế nào hả John?”

“Đâu có cần thiết phải đi bác sĩ. Tôi có sao đâu. Chỉ có điều lúc nào đâu tôi cũng kêu o o”.

“Anh phải đi khám thôi, John ạ”.

“Tôi cũng có đi. Nhưng họ không hiểu. Họ bảo tôi không có đủ giấy tờ để nhập viện”.

“Để tôi gọi điện cho”, tôi nói. “Tôi biết mấy tay ở đó mà. Có phải tay bác sĩ người Đức không?”

“Phải đó”, John nói. “Tay người Đức, nói tiếng Anh tồi lắm”.

Vừa lúc đó, anh bồi đi tới. Anh ta đã già, hói đầu và vẫn giữ phong cách phục vụ theo kiểu cũ mà chiến tranh không thể làm thay đổi. Trông anh ta rất buồn chôn.

“Tôi có thằng con trai đang ở ngoài mặt trận”, anh ta nói. “Một đứa khác đã chết. Bây giờ lại là chuyện này”.

“Đó là chuyện của anh”.

“Thế còn ông? Tôi đã nói với ông rồi mà”.

“Tôi đến đây chỉ để uống một cốc trước khi ăn tối?”

“Còn tôi thì làm việc ở đây. Cứ cho tôi biết đi”.

“Đó là việc của anh”, tôi nói. “Tôi đâu phải là chính khách”.

“Anh có hiểu được tiếng Tây Ban Nha không John?”

Tôi hỏi anh bạn người Hy Lạp.

“Không. Tôi chỉ hiểu được vài từ nhưng tôi nói được tiếng Hy Lạp, tiếng Anh, tiếng Ả Rập. Một thời tôi nói tiếng Ả Rập rất tốt. Nay, anh có biết tôi bị chôn sống ra sao không?”

“Không. Tôi chỉ biết có lần anh bị bom vùi. Thế thôi”.

Anh ta có khuôn mặt đen để nhìn và hai bàn tay đen xỉn cứ hươ lên khi nói chuyện. Anh ta là người gốc đảo và ăn nói rất nghiêm túc.

“Ra thế, tôi sẽ kể cho anh nghe. Anh biết đấy, tôi có rất nhiều kinh nghiệm trong chiến tranh. Trước đây tôi đã từng là đại uý trong quân đội Hy Lạp. Tôi là một quân nhân từng trải. Nên khi thấy máy bay đến, lúc bọn tôi đang ở dưới chiến hào tại Fuentes del Ebro, tôi quan sát rất kỹ. Tôi thấy nó bay qua, nghiêng cánh rồi vòng trở lại”. (Anh ta dùng tay diễn tả máy bay nghiêng cánh và vòng trở lại), “huống xuống bọn tôi, tôi nói, A ha, nó tìm bộ tổng tham mưu. Nó đi do thám đấy, lát nữa thôi, những chiếc khác sẽ đến”.

“Đúng như lời tôi nói, những chiếc khác bay đến nên tôi đứng đấy quan sát. Tôi theo dõi rất kĩ. Tôi nhìn và chỉ cho cả đội thấy. Chúng bay qua, từng nhóm ba chiếc rồi tôi nói với cả đại đội, “Thấy chưa: Bây giờ chúng bay theo đội hình đấy?”

“Một đội ba chiếc nữa bay qua, tôi nói với đại đội, Bây giờ thì được rồi. Ổn rồi. Không có gì phải lo lắng nữa? Đó là những điều tôi nhớ được trong suốt tuần sau.

“Chuyện đó xảy ra khi nào?”

“Cách đây khoảng một tháng. Anh biết không nhờ có chiếc mũ sắt đã úp xuống mặt khi bom vùi nên tôi có không khí trong đó để thở cho đến khi người ta đào tôi lên nhưng tôi đã không biết gì nữa. Trong chút không khí tôi thở đó có cả khói bom, nó làm cho tôi phát ốm suốt cả khoảng thời gian dài. Bây giờ thì tôi khoẻ rồi, chỉ còn tiếng o o trong đầu nữa thôi. Anh gọi thứ đồ uống này là gì nhỉ?”

“Gin pha nước khoáng. Nước khoáng Schweppes của dân da đỏ. Trước chiến tranh đây là quán rượu rất thú vị, hồi đó một cốc như thế này giá tới năm pesseta trong khi một đô la chỉ ăn bảy pesseta. Gần đây chúng tôi mới biết họ vẫn còn nước khoáng mà giá thì không thay đổi. Cũng chỉ còn một thùng thôi.

“Thứ này uống tốt đấy. Mà này. Trước chiến tranh, thành phố trông ra sao?”

“Được lắm. Giống như bây giờ, chỉ có điều là có nhiều thứ để ăn hơn”.

Anh bồi tới và cúi xuống bàn.

“Nếu tôi không làm thì sao?” anh ta nói. Đó là trách nhiệm của tôi mà”.

“Nếu anh muốn thì hãy đến trạm điện thoại, gọi theo số này. Ghi đi”.

Anh ta ghi số. “Xin gặp Pepé”. Tôi bảo.

“Bản thân tôi chẳng thù ghét gì ông ta”, anh bồi nói. “Nhưng nó thuộc vấn đề chính nghĩa. Chắc chắn, một

người như thế sẽ gây nguy hiểm cho sự nghiệp của chúng ta”.

“Mấy người bồi kia không nhận ra hấn sao?”

“Tôi nghĩ là có. Nhưng chẳng ai nói gì cả. Hấn là khách quen mà”.

“Tôi cũng là khách quen”.

Có lẽ không chừng hấn đã đổi phe rồi cũng nên”.

“Không”, tôi nói. “Tôi biết hấn không đổi”.

“Tôi chưa hề tố giác một ai cả”.

“Đó là việc của anh. Có thể một trong những anh bồi khác sẽ tố cáo hấn”.

“Không, chỉ có những bồi cũ biết hấn mà bồi lâu năm thì có lẽ không tố giác”

“Mang cho tôi thêm ít gin vàng và bia đắng”, tôi nói. “Nước khoáng thì vẫn còn trong chai”.

“Hấn nói chuyện gì vậy?” John hỏi. “Tôi chỉ hiểu mang máng thôi”.

“Có một người đàn ông ở đây mà ngày xưa, chúng tôi biết hấn. Hấn là tay bắn chim cu tuyệt diệu, tôi thường gặp hấn trong những lần đi săn. Hấn theo phát xít nhưng bây giờ lại tới đây, bất kì vì lí do nào thì quả thật hấn là kẻ đại nghịch. Hấn thì vẫn luôn can đảm nhưng cực ngốc”.

“Chỉ hấn cho tôi xem đi”.

“Hấn ngồi ở cái bàn với mấy tay phi công đấy”.

“Đứa nào?”

“Đứa có khuôn mặt nâu sạm, mũi lưỡi trai sụp xuống mắt. Đứa đang cười đấy”.

“Hấn theo phát xít à?”

“Ừ”.

“Đây là dịp để tôi nhìn rõ nhất một tên phát xít kể từ hồi rời Fuentes del Ebro. Có nhiều phát xít ở đây không?”

“Thỉnh thoảng có mấy thằng”.

“Hắn cũng uống như anh”, John nói. “Chúng ta thì sao? Này, anh đã bao giờ ở Nam Mỹ, West Coast hay Magallanes chưa?”

“Chưa”.

“Không sao. Chỉ có điều là có quá nhiều bạch lu-uộc”.

“Quá nhiều cái gì?”

“Bạch lu-uộc”, anh ta kéo dài chữ “luộc”. Anh biết nó có tám cái vòi ấy mà”.

“Ồ,” tôi nói, “bạch tuộc”.

“Bạch lu-uộc”, John nói. “Anh biết đấy, tôi còn là thợ lặn nữa. Nơi đó làm việc tốt, kiếm được khá tiền chỉ có điều là khá nhiều bạch luộc”.

“Chúng nó quấy anh không?”

“Tôi không rõ nữa, lần đầu tiên lặn ở Magallanes, tôi thấy bạch luộc. Nó đứng chồm chồm như thế này này”. John chống mấy ngón tay lên bàn, mu bàn tay nhô cao, nhún lên nhún xuống đôi vai và nhướn lông mày lên. “Nó đứng cao hơn cả tôi và nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi vội vàng giật dây để người ta kéo lên”.

“Nó to bằng nào hả John?”

“Tôi không thể nói chính xác được bởi vì cái kính lặn làm cho hình ảnh méo đi chút ít. Nhưng cái đầu tròn đồ sộ cũng phải khoảng một mét hai. Rồi nó đứng chồm chồm trên đầu vòi mà nhìn tôi như thế này này (anh ta trừng trừng nhìn vào mặt tôi). Nên khi người ta kéo tôi lên khỏi mặt nước, gỡ kính lặn ra, tôi nói rằng sẽ không bao giờ lặn

xuống đáy nữa. Lão chủ hỏi “có việc gì vậy John, bọn bạch luộc sợ mày hơn mày sợ chúng cơ mà”. Tôi nói với lão “Không có chuyện ấy đâu!” Anh bảo bọn mình uống thêm chút rượu phát xít này nữa có phải không?”

“Đúng đó”, tôi nói.

Tôi nhìn người đàn ông ở bàn đằng kia. Hắn tên là Luis Delgado, lần cuối tôi nhìn thấy hắn là vào năm 1933, lúc đang bắn chim cu ở Saint Sebastian và tôi còn nhớ là đã đứng cùng với hắn trên đỉnh bệ bắn để xem, phát đạn chung kết. Chúng tôi đánh cá với nhau, số tiền cược nhiều hơn số tôi có và tôi tin rằng nó còn lớn hơn số tiền hắn đã mất cho cá cược trong cả năm; khi xuống cầu thang tôi còn nhớ hắn tỏ ra rất thoải mái và nhớ cả cái kiểu hắn tỏ ra rất vinh dự khi chung tiền cược. Tôi còn nhớ chúng tôi đứng ở quầy rượu, uống một ly Martini, tôi có cảm giác khá nhẹ nhõm và một người cá độ khi thoát khỏi khả năng thua cuộc rồi tự hỏi vụ cá cược này khiến hắn kiệt quệ tới mức nào. Cả tuần tôi bắn rất tệ còn hắn thì bắn tuyệt lắm tôi vững tin rằng mình sẽ thắng nhưng lại rút thăm phải những con chim không thể nào hạ được”.

“Bọn mình đấu bằng đồng duro đi?” hắn đề nghị.

“Ông muốn thế à?”

“Ừ, nếu ông thích”.

“Ăn bao nhiêu?”

Hắn lấy ví ra, nhìn vào rồi cười.

“Tôi nghĩ bao nhiêu là tùy ông”, hắn bảo. “Nhưng giả sử mình đấu tám nghìn peseta đi. Trong này hình như có đủ đấy”.

Hồi đó, chỗ tiền ấy gần bằng một nghìn đô la.

“Tốt thôi”, tôi bảo và tất cả cảm giác nhẹ nhõm đã hoàn toàn biến mất, thay vào đó là sự căng thẳng thường gặp khi bước vào trò cờ bạc. “Ai đấu với ai?”

“Tôi sẽ đấu với ông”.

Chúng tôi lắc đồng năm peseta nặng trong lòng hai bàn tay khum lại với nhau; rồi mỗi người dùng tay phải che kín đồng tiền trên mu bàn tay trái. “Của ông là gì?” hấn hỏi.

Tôi mở tay ra để thấy mặt đồng xu lớn hơn bằng bạc có hình vua Alfonso XIII nhìn nghiêng, trông như một đứa trẻ.

“Mặt ngựa”, tôi nói.

“Cầm lấy cả đi, chơi thoải mái nhé nhưng nhớ mua cho tôi một ly rượu”. Hấn trút sạch tiền trong ví ra. “Ông sẽ không mua một khẩu Purdey tốt chứ, phải không?”

“Không”, tôi nói. “Nhưng này, Luis nếu ông cần ít tiền”. Tôi đẩy mấy tờ giấy bạc một ngàn peseta hơi nặng, màu xanh sáng cuộn chặt còn mới cứng về phía hấn.

“Đừng vớ vẩn, Enrique”, hấn bảo. “Chúng ta cá cược đàn ông mà, phải không?”

“Phải. Nhưng bọn mình biết nhau khá rõ rồi mà”.

“Chưa hấn đâu”.

“Thôi được”, tôi nói. “Ông đã nói vậy thì thôi. Bây giờ ông thích uống gì?”

“Gin với nước khoáng được không? Ông ta biết thứ rượu tuyệt vời ấy”.

Thế là chúng tôi uống rượu gin pha nước khoáng rồi tôi cảm thấy rất áy náy đã làm hấn cháy túi nhưng cũng thấy hưng phấn vì được bạc; trong đời, tôi chưa bao giờ

thấy gin pha nước khoáng ngon đến thế. Chẳng lợi lộc gì ở đây khi đối trá về những điều ấy hoặc giả vờ không vui sướng khi được bạc; nhưng gã Luis Delgado này là một tay cờ bạc rất dễ thương.

“Tôi nghĩ nếu người ta chỉ cờ bạc những gì họ có được thì sẽ chẳng còn gì là thú vị. Đúng không, Enrique?”

“Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ có khả năng để thử điều ấy”.

“Đừng vờ nữa. Ông có cả đồng tiền”.

“Không, tôi không có”, tôi nói. “Thật đấy”.

“Ồ, ai cũng có tiền cả”, hắn nói. “Chỉ có điều là bán cái này hoặc cái khác để có thôi”.

“Tôi không có nhiều đâu. Thật đấy”.

“Thôi, đừng cố giả vờ nữa. Tôi chưa bao giờ thấy một người Mỹ nào nghèo cả”.

“Tôi nghĩ điều đó cũng đúng thôi. Hắn chưa bao giờ gặp những người như thế ở quán Ritz hay Chicote thì tất cả những người Mỹ hắn gặp ở đó lại là hạng mà hắn chưa từng thấy; trừ tôi mà tôi lại là một sai lầm. Nhưng tôi sẽ sẵn sàng chỉ ra bất cứ thứ gì để không phải gặp hắn ở đây.

Dẫu sao, nếu hắn muốn làm một việc vô cùng ngu ngốc như vậy thì đó là việc của hắn. Nhưng khi tôi nhìn về phía bàn ấy và nhớ lại ngày xưa tôi thấy ấy náy với hắn và tôi cũng rất áy náy vì đã cho anh bồi biết số điện thoại. Văn phòng phản gián của Bộ chỉ huy ở Seguridad. Kể ra, anh ta có thể dễ dàng gọi tổng đài để hỏi số của Seguridad. Nhưng tôi đã cho anh ta một cách nhanh nhất để Delgado bị tóm trong trạng thái quá vô tư, chính đáng, không can dự và, trong sự thèm muốn muôn đời bắt thiu để thấy người ta xử

sự ra sao thì đứng trước những xung đột tình cảm; vốn đã làm cho các nhà văn trở thành những người bạn hấp dẫn như thế”.

Anh bồi lại đến.

“Ông nghĩ sao?” anh ta hỏi.

“Nếu là tôi thì không đời nào tố giác hấn”, tôi nói, tôi đang cố gắng gỡ lại cho mình việc đã cho số điện thoại. “Nhưng tôi là người nước ngoài và cuộc chiến này là của các anh, là vấn đề vương mắc của các anh”.

“Nhưng ông đứng về phe chúng tôi mà”.

“Chắc chắn và luôn sẽ là như thế. Nhưng điều đó không bao gồm việc tôi phải đi tố giác một người bạn cũ”.

“Thế còn tôi?”

“Với anh thì lại là chuyện khác”.

Tôi biết đó là sự thật và không còn gì để nói nữa, có điều tôi chỉ mong giá mà mình không biết gì về vụ này.

Sự tò mò của tôi, bởi từ lâu muốn biết con người ta sẽ phản ứng như thế nào trong tình huống ấy, xấu hổ thay, đã được thỏa mãn. Tôi quay sang John và không nhìn về phía bàn Luis Delgado ngồi. Tôi biết, hấn đã bay với bọn phát xít được hơn một năm nay, vậy mà ở đây, trong bộ đồng phục của phe Cộng hoà, hấn đang nói chuyện với ba tay phi công Cộng hoà trẻ, thuộc lớp vừa mới được huấn luyện tại Pháp.

Không ai trong nhóm phi công trẻ ấy biết hấn và tôi tự hỏi có phải hấn tới đây để cố cuỗm một chiếc máy bay hay làm chuyện gì khác. Cho dù có làm gì ở đây chẳng nữa thì giờ đây hấn thật quá ngu xuẩn khi đến Chicote.

“Anh thấy thế nào, John?” tôi hỏi.

“Rất dễ chịu”, John đáp. “Thứ này uống được đấy. Có lẽ nó làm tôi hơn chệnh choáng. Nhưng nó lại hữu ích cho cái đầu o o của tôi”.

Anh bồi lại đến, có vẻ rất kích động.

“Tôi đã tố cáo hần”, anh ta nói.

“Được đấy”, tôi nói, “bây giờ anh chẳng còn day dứt gì nữa”.

“Đúng”, anh ta tự hào nói. “Tôi đã tố cáo hần. Bây giờ họ đang trên đường đến đây để bắt hần”.

“Ta đi thôi”, tôi bảo John. “Sắp có lộn xộn ở đây đấy”.

“Vậy thì đi là tốt nhất”, John nói. “Lúc nào cũng có vô số những vụ lộn xộn xảy ra ngay cả khi người ta cố tránh. Tính tiền đi chứ?”

“Các ông không ở lại sao?” anh bồi hỏi.

“Không”.

“Nhưng ông đã đưa tôi số điện thoại mà”.

“Tôi hiểu. Anh sẽ phải còn biết rất nhiều số điện thoại nếu anh còn quần quanh trong thành phố này”.

“Nhưng đó là nghĩa vụ của tôi”.

“Phải. Sao lại không chứ? Nghĩa vụ là thứ rất cao cả mà”.

“Còn bây giờ thì sao?”

“Ồ, bây giờ anh đã cảm thấy hài lòng về bốn phận công dân của mình rồi, phải không? Có thể anh cũng sẽ cảm thấy hài lòng như thế cả sau này nữa và không chùng lại còn cảm thấy sung sướng nữa cơ đấy”.

“Ông quên gói đồ kìa”, anh bồi nhắc. Anh ta đưa cho tôi miếng thịt gói trong hai cái phong bì lớn dùng để gói những tờ báo Spur, chất đống tại một trong số các văn phòng của Đại sứ quán.

“Tôi hiểu”, tôi nói với anh ta. “Thật đấy”.

“Hắn là khách quen xưa và lại là một khách hàng tử tế nữa. Trước đây tôi chưa từng tố giác một ai. Tôi không tố giác để giải trí đâu”.

“Đừng nghĩ rằng tôi nói với ý đùa chơi hay thù hận gì. Hãy bảo hắn rằng chính tôi đã tố cáo hắn. Dù gì đi nữa thì hắn cũng đã ghét tôi vì bất đồng quan điểm chính trị. Hắn sẽ thấy đau khổ lắm nếu biết anh là người tố cáo”.

“Không. Mỗi người phải biết nhận trách nhiệm của mình. Xin ông hiểu giùm cho?”

“Tôi hiểu”, tôi đáp, rồi nói dối. “Tôi hiểu và rất tán thành”. Người ta phải thường xuyên nói dối trong chiến tranh và khi nói dối thì họ phải tỉnh bơ và thành thật hết mức.

Chúng tôi bắt tay rồi tôi cùng John đi ra cửa. Tôi quay nhìn về phía Luis Delgado ngồi khi bước ra. Hắn gọi một ly gin pha nước khoáng nữa để trước mặt, mọi người trong bàn đang cười phá lên bởi câu nói gì đó của hắn. Hắn có khuôn mặt màu nâu hài hước cùng với đôi mắt của một xạ thủ và tôi thậm chí không biết hắn đang đóng vai gì.

Hắn quả là gốc khi tới Chicote. Nhưng thật ra đó là việc hắn có thể làm để khi trở về phía mình, hắn có thể có chuyện để mà khoắc lác.

Khi chúng tôi ra khỏi cửa, quay người bước lên đường phố, một chiếc xe lớn của Cục an ninh đỗ xích trước cửa quán Chicote, tám người trên xe nhảy xuống. Sáu người trang bị súng tiểu liên chia nhau trấn các vị trí ngoài cửa. Hai người mặc thường phục vào trong. Một người yêu cầu

chúng tôi cho xem giấy tờ và khi tôi nói, “người ngoại quốc”, hắn bảo hãy đi đi; không có chuyện gì đâu.

Lúc đi trong bóng tối về phía Gran Via, chúng tôi giẫm lên nhiều mảnh thủy tinh mới vỡ trên vỉa hè và nhiều gạch đá vụn bởi cuộc pháo kích. Không khí vẫn còn sặc mùi khói súng, trên suốt con đường mùi thuốc súng nồng nặc và mùi ‘gạch đá bị nghiền vụn giăng khắp nơi.

“Anh ăn ở đâu?” John hỏi.

“Tôi có một ít thịt đủ dùng cho cả bọn, chúng tôi có thể nấu trong phòng”.

“Để tôi nấu cho”, John nói. “Tôi nấu khá lắm. Tôi nhớ có hồi tôi từng là đầu bếp trên tàu”.

“Có lẽ thịt hơi dai”, tôi nói. “Vừa mổ đấy”.

“Ồ, không”, John nói. “Trong chiến tranh chẳng có thứ thịt nào là thịt dai cả”.

Trong bóng tối, nhiều người đang vội vã về nhà sau khi đã tạt vào các rạp chiếu bóng đợi cho hết đợt pháo kích.

“Việc gì mà thằng cha phát xít ấy lại vào cái quán nơi người ta biết rõ hắn?”

“Hắn khùng nên mới làm thế”.

“Đó là vấn đề nan giải của chiến tranh”, John nói. “Có quá nhiều kẻ phát điên”.

“John”, tôi bảo. “Tôi nghĩ anh đã hiểu được đôi điều ở đó”.

Đến khách sạn, chúng tôi đi vào cửa, vượt qua đồng bao cát chất cao để bảo vệ bàn làm việc của người trực, tôi hỏi lấy chìa khoá nhưng anh ta bảo có hai người bạn của tôi muốn lên phòng để tắm. Anh ta đã đưa họ chìa khoá.

“Ta lên đi, John”, tôi nói. “Tôi muốn gọi điện thoại”.

Tôi đến phòng điện thoại và gọi đúng số lúc này tôi đã cho anh bồi.

“Xin chào, Pepé đây phải không?”

Một giọng nói phát ra từ đôi môi mỏng vọng qua máy.
“*Qué tal Enrique?*”⁽¹⁾.

“Nghe này, Pepé, cậu vừa tóm được tay Luis Delgado ở Chicote phải không?”

“*Sí, hombre, si sin novedad*”⁽²⁾. Không gặp khó khăn gì”.

“Hắn không biết tí gì về anh bồi chứ?”

“Không, *hombre*”⁽³⁾, không biết đâu”.

“Vậy thì đừng cho hắn biết. Nói với hắn là mình tố cáo đấy, được chứ? Đừng đả động gì tới anh bồi cả”.

“Chẳng thay đổi được gì đâu. Hắn là gián điệp. Hắn sẽ bị xử bắn. Việc này chẳng có gì phải cân nhắc cả”.

“Minh biết”, tôi nói. “Nhưng như thế là có khác đấy”.

“Nếu bạn muốn, *hombre*. Nếu bạn muốn. Khi nào tôi gặp bạn đây?”

“Bữa trưa mai nhé. Bọn mình có một ít thịt”.

“Và whisky như trước chứ. Tuyệt lắm, *hombre*, tuyệt lắm”.

“*Salud*”⁽⁴⁾, Pepé, cảm ơn cậu”.

“*Salud*. Enrique. Không có gì. *Salud*”.

Đó là giọng nói kỳ dị và sắc mùi chết chóc mà chẳng bao giờ tôi nghe quen được, nhưng khi đi lên cầu thang, tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn nhiều.

(1) Enrique đây à, có khoẻ không (tiếng Tây Ban Nha)

(2) Phải, bạn à, phải. Chẳng có gì lạ cả.

(3) Có nghĩa là người. Trong trường hợp này tôi dịch là bạn.

(4) Chào nhé.

Tất cả chúng tôi – những khách quen của Chicote – đều có tình cảm với nơi ấy. Tôi biết đấy là lý do tại sao Luis Delgado lại ngu ngốc lần mò đến đó. Hắn có thể thực hiện công việc của mình tại một nơi nào khác. Nhưng nếu hắn đến Madrid thì hắn phải đến đó. Hắn đã từng là khách hàng tử tế như anh bồi nói và chúng tôi đã từng là bạn của nhau. Tuy nhiên bất kì hành vi tốt đẹp nào, dù nhỏ mà bạn có thể làm, thì đều đáng làm. Nên tôi vui vì đã gọi cho anh bạn Pepé ở Seguridad, bởi lẽ Luis Delgado là khách quen cũ của Chicote và tôi không muốn hắn vỡ mộng hay cay đắng về những người bồi ở đó trước khi chết.

ĐÀO THU HẰNG dịch

CON BƯỚM VÀ CỔ XE TÀNG

Tối hôm ấy, lúc đang đi từ văn phòng kiểm duyệt về khách sạn Florida, tôi gặp mưa. Cuộc bộ được khoảng nửa độ đường, phát ngấy với cơn mưa thế là tôi bèn tạt vào Chicote để làm một ly. Đây là mùa đông thứ hai của Madrid bị phong toả trong làn đạn pháo, mọi thứ đều thiếu thốn, kể cả thuốc lá lẫn sự bình tĩnh của con người, lúc nào người ta cũng cảm thấy hơi đói và rất dễ cáu một cách vô lí, bất chợt trước cả những việc họ chẳng thể làm gì được như thời tiết. Lẽ ra tôi đã về đến nhà. Khoảng đường chỉ còn có năm dãy nhà nữa thôi, nhưng khi thấy cửa quán Chicote, tôi nghĩ mình nên tạt vào uống nhanh một ly rồi đi liền một hơi qua những vũng bùn và gạch ngói đổ nát bởi bom đạn ngổn ngang trên phố, vượt qua sáu dãy nhà để về khu Gran Via.

Quán đông nghịt. Bạn chẳng thể nào đến gần quầy rượu, tất cả các bàn đều ngồi kín. Không gian tràn ngập khói thuốc lá, tiếng hát, những người vận đồng phục, mùi áo khoác da bị ướt, người ta đang chuyển những ly rượu qua đám đông đứng đến ba lớp quanh quầy.

Một anh bồi tôi quen tìm được cái ghế từ bàn kia rồi tôi ngồi xuống bên cạnh gã người Đức có khuôn mặt trắng, mỏng, yết hầu lộ ra; đang làm việc tại cục kiểm duyệt và hai người khác mà tôi không biết. Bàn tôi ngồi ở giữa phòng, hơi lệch về bên phải nếu nhìn từ cửa vào.

Bạn không thể nào nghe được giọng nói của mình bởi tiếng hát, tôi gọi một ly gin pha Angostura rồi ngồi nhâm nhi đợi mưa tạnh. Quả thực quán đông lắm, mọi người rất vui; có lẽ hơi quá hưng phấn bởi thứ rượu Catalan vừa mới cất mà họ đang uống. Hai người cùng bàn mà tôi không biết vỗ vào lưng tôi rồi một cô gái ở bàn chúng tôi nói điều gì đấy, tôi không nghe rõ nhưng vẫn đáp, “là cái chắc”.

Trông cô ta khá tợn, bây giờ tôi không nhìn quanh nữa mà nhìn vào bàn chúng tôi: thật khá dữ. Nhưng hoá ra là, khi anh bồi đến, tôi mới biết cô ta đề nghị tôi mời cô một ly rượu. Gã đi cùng cô trông không có ấn tượng lắm. Nhưng cô ta thì lại có đủ ấn tượng cho cả đôi. Cô ta có một khuôn mặt rắn rỏi, khá cổ điển; vóc dáng thì trông như thể một huấn luyện viên sư tử; còn gã đi cùng cô thì bộ dạng trông cứ như là một cậu học sinh bị buộc phải đeo chiếc cà vạt cũ. Dĩ nhiên gã đâu có đeo. Gã vận áo khoác da như tất cả bọn tôi. Chỉ có điều là nó không ướt bởi lẽ gã đã vào quán trước lúc trời mưa. Cô ta cũng vận áo khoác da, chiếc áo hợp với khuôn mặt của cô.

Đến lúc này, tôi thăm ước giá mình dừng tạt vào đây mà cứ đi thẳng một mạch về nhà để có thể thay đồ, lau khô người, nằm gác chân thoải mái lên giường và uống một ly gì đó; tôi thấy mệt mỗi khi mãi nhìn hai người trẻ tuổi này.

Cuộc đời thì ngắn ngủi nhưng đàn bà xấu thì lại sống lâu và cứ ngồi ì ra đó, phía bên kia bàn; tôi quyết định: mặc dù là một nhà văn và được xem là lúc nào cũng tò mò vô độ về đủ hạng người thì tôi thực sự chẳng cần biết hai người đã cưới nhau chưa, đã tìm thấy cái gì ở nhau, quan điểm chính trị của họ là gì, gã ta có xu nào, cô ta có xu nào không hay bất cứ điều gì có liên quan đến họ. Tôi nghĩ chắc họ ở đài phát thanh. Hễ khi nào bạn thấy một gương mặt thường dân lạ lẫm ở Madrid thì cứ như rằng người ấy là nhân viên của đài phát thanh. Rồi để nói cho có chuyện, tôi hét lớn hỏi qua mớ âm thanh lùng lùng, “các bạn làm ở đài phát thanh hả?”

“Chúng tôi làm ở đấy”, cô gái đáp. Vậy là đúng đấy, họ làm ở đài phát thanh.

“Còn đồng chí thì thế nào?” tôi hỏi tay người Đức.

“Khỏe. Còn anh?”

“Uớt sũng”, tôi đáp và hấn phả lên cười, đầu ngoẹo cả sang một bên”.

“Anh còn điều thuốc nào đấy không?” hấn hỏi. Tôi đưa hấn một trong hai gói thuốc cuối cùng của tôi, hấn rút hai điếu. Cô gái rần rồ rút hai điếu còn người đàn ông trẻ với vẻ mặt đeo cà vạt ở trường thuở bé, lấy một điếu.

“Lấy nữa đi”, tôi gào lớn.

“Đủ rồi, cảm ơn ông”, gã đáp và tay người Đức rút điếu thuốc.

“Không phiền anh chứ?” gã mỉm cười.

“Dĩ nhiên là không”, tôi đáp. Rõ ràng tôi có hơi bực, gã thấy điều đó. Nhưng cơn thèm thuốc của gã lớn đến nỗi gã bất chấp. Tiếng hát đã ngưng đi một lát hoặc giả có một

khoảng dừng trong bài hát tựa điều thường thấy xảy ra trong một cơn bão, chúng tôi có thể nghe rõ giọng của nhau.

“Ông ở đây lâu chưa?” cô gái rần rỏi hỏi tôi. Cô ta phát âm chữ “ở” nghe như chữ “ờ”.

“Thỉnh thoảng”, tôi đáp.

“Chúng ta phải có một cuộc nói chuyện nghiêm túc”, tay người Đức nói. “Tôi muốn nói chuyện với anh. Khi nào chúng ta có thể nào?”

“Tôi sẽ gọi cho anh sau”, tôi nói. Tay người Đức này thực là kẻ rất kì lạ, chẳng có người Đức tử tế nào lại thích hấn. Hấn sống với ảo tưởng rằng mình có thể chơi được piano, nhưng nếu bạn kéo hấn ra khỏi cái piano ấy thì hấn chẳng sao nếu không chúi mũi vào rượu hoặc tìm cơ hội tán gẫu và đến nay, chưa ai có thể kéo hấn ra khỏi hai ngón ấy.

Nói chuyện tầm phào là món hấn thạo nhất, hấn luôn nắm được những thông tin mới nhất, bất ngờ nhất về bất kì ai mà bạn muốn quan tâm ở Madrid, Valencia, Barcelona và những trung tâm chính trị khác.

Nhưng ngay khi ấy, tiếng hát lại rộ lên, bạn chẳng thể cứ hét lên mãi để tán gẫu, thế là buổi chiều ở Chicote đã nhuốm vẻ buồn tẻ, tôi quyết định sẽ ra về ngay sau khi đã xong những người quanh bàn một châu.

Chỉ khi ấy, sự việc bắt đầu. Một thường dân vận comlê màu nâu, sơ mi trắng, cà vạt đen, tóc chải hất ra sau để lộ vầng trán rộng, nãy giờ đã trêu chọc từ bàn này sang bàn khác, đang dùng khẩu súng nhỏ xịt nước vào một số các bồi bàn. Mọi người cười âm lên, trừ anh bồi lúc ấy đang bưng một khay rượu đầy. Anh ta tỏ ý bực bội.

“*No hay derecho*”, anh bồi nói. Câu ấy có nghĩa, “Anh không được phép làm như thế”, đây là câu phản đối đơn giản nhất nhưng mạnh mẽ nhất trong ngôn ngữ Tây ban Nha.

Người đàn ông cầm súng phun nước, hài lòng với thắng lợi của mình và dường như chẳng màng đến thực tế là cuộc chiến đã bước sang năm thứ hai, anh ta đang sống trong một thành phố bị phong tỏa, nơi mọi người đã quá căng thẳng và kể cả anh ta, trong quán chỉ có bốn người mặc thường phục, bây giờ lại xịt nước vào người bồi khác.

Tôi nhìn quanh tìm nơi để lẩn tránh. Anh bồi này cũng bực bội, còn người cầm súng thì cứ hồn nhiên xịt vào anh ta hai lần. Vẫn còn vài người nghĩ trò đùa ấy thật thú vị, kể cả cô gái rần rở. Nhưng anh bồi thì đứng lại, lắc đầu. Mối anh ta giần giật. Anh bồi này lớn tuổi, tôi biết anh ta đã phục vụ ở Chicote này suốt mười năm nay.

“*No hay derecho*” anh ta nghiêm mặt nói.

Dĩ nhiên mọi người cười vang, còn người đàn ông mang súng phun nước, không để ý tiếng hát đã tắt, lại cứ xịt nước vào gáy của anh bồi. Anh ta quay lại, tay vẫn giữ cái khay.

“*No hay derecho*”, anh ta nghiêm mặt nói. Lần này, câu nói không còn là lời phản đối. Đây là lời tuyên án, tôi thấy ba người vận quân phục rời bàn đứng dậy tiến về phía người mang súng phun nước, sau đó cả bốn người bước nhanh ra khỏi cánh cửa quay tròn rồi người ta có thể nghe tiếng đập mạnh khi ai đó đâm vào miệng người mang súng. Một người khác nhặt cây súng phun nước quăng ra cửa cho theo cùng chủ nó.

Ba người kia bước vào với vẻ mặt nóng nảy, giận dữ nhưng rất nghiêm nghị. Rồi cánh cửa xoay tiếp, người mang súng phun nước lại bước vào. Tóc anh ta rũ xuống tận mắt, mặt vấy đầy máu, cà vạt bị kéo xệch sang một bên, áo sơ mi bị xé rách. Tay cầm cây súng phun nước, đôi mắt trợn trừng, khuôn mặt trắng bệch, anh ta bước vào phòng xịt bừa một phát, không nhằm vào ai nhưng đây vẻ thách thức rồi rê mũi súng vào những người trong quán.

Tôi thấy một trong số ba người đàn ông lúc này bước về phía anh ta, tôi thấy rõ mặt người đàn ông này. Có thêm nhiều người nữa tiến tới, họ ép người mang súng lùi lại giữa hai cái bàn phía bên trái căn phòng, tính từ cửa vào, bây giờ người mang súng chống trả kịch liệt, rồi khi tiếng súng vang lên, tôi chộp lấy cánh tay của cô gái rần rồ chạy ra phía cửa bếp.

Cửa bếp bị khóa, tôi hích mạnh vai nhưng nó không nhúc nhích.

“Cúi xuống sau góc quầy rượu này”, tôi bảo, cô ta quỳ gối xuống.

“Nằm sát xuống”, tôi bảo rồi đẩy mạnh. Cô ta nổi cáu.

Tất cả những người trong quán, trừ gã người Đức đang chui dưới cái bàn và anh chàng trông như cậu học sinh nọ đang lùi vào góc, nép sát vào tường, đều rút súng cầm tay. Trên cái ghế dài dọc theo tường, ba cô gái tóc vàng chói – nhưng chân tóc lại đen – đang nhón chân đứng nhìn rồi gào lên thật khủng khiếp.

“Tôi không sợ”, cô gái rần rồ nói. “Chuyện này thật ngớ ngẩn”.

“Tôi chắc là cô không muốn ăn một phát đạn trong vụ chạm súng”, tôi nói. “Nếu cái tay cầm súng phun nước ấy có nhiều bẻ bạn trong quán này thì sự thể chắc sẽ nghiêm trọng lắm”.

Nhưng rõ ràng anh ta không có bạn đi cùng bởi lẽ mọi người bắt đầu lại đút súng vào bao, ai đó nhắc cô gái tóc vàng đang la hét xuống, còn những người đang tiến về phía người bị bắn vội bước lùi lại, người mang súng phun nước nằm ngửa lạng lẽ trên sàn nhà.

“Không ai được phép rời khỏi nơi này cho đến khi cảnh sát đến”, từ trên cửa, ai đó hét lên.

Hai viên cảnh sát mang súng trường đang tuần tra trên phố, rẽ vào đứng trấn ở cửa, nhưng ngay lúc lời tuyên bố ấy được phát ra, tôi thấy sáu người xếp thành hàng như một đội bóng đá, lách khỏi đám đông bước ra cửa. Ba trong số đó là những người đầu tiên quăng người mang súng nước ra cửa. Một trong số họ là người đã bắn anh ta. Họ đi xuyên qua hai người cảnh sát mang súng như một hàng rào chắn khi chơi bóng bầu dục nhưng lại thiếu mất phần sân và một hộ vệ. Ngay lúc đó họ ra khỏi, một viên cảnh sát chìa súng ngang cửa và hét, “Không ai được bước ra. Tuyệt đối không một ai”.

“Tại sao mấy tay ấy lại được? Sao lại giữ bọn tôi trong lúc có người được phép đi?”

“Họ là thợ máy, họ phải trở lại phi trường”, ai đó nói.

“Nhưng nếu có người đã đi thì thật là ngớ mớ giữ những người khác lại”

“Mọi người phải đợi Cục an ninh đến. Mọi việc phải được giải quyết hợp pháp và trật tự”.

“Nhưng các anh không hiểu là nếu có người đã đi thì thật là ngốc mới đi giữ những người khác lại sao?”

“Không ai được phép rời khỏi, mọi người phải chờ”.

“Thật khôi hài”, tôi nói với cô gái rần rở.

“Không, chẳng khôi hài tí nào. Thật khủng khiếp”.

Bây giờ chúng tôi đang đứng, còn cô ta thì đang phần nộ nhìn về phía người mang súng phun nước nằm. Tay anh ta dang rộng, một chân co lên.

“Tôi sẽ đến giúp anh chàng bị thương khốn khổ ấy. Tại sao chẳng có ai giúp đỡ hay làm cái gì đấy cho anh ta?”

“Tôi thì cứ để anh ta nằm một mình”, tôi nói. “Cô đâu muốn dây dưa tới chuyện này”.

“Nhưng làm thế thì chẳng nhân đạo tí nào. Tôi đã từng theo học lớp y tá. Tôi sẽ sơ cứu cho anh ta”.

“Còn tôi thì sẽ không”, tôi nói. “Đừng lại gần anh ta”.

“Tại sao đừng?” Cô ta rất bức bối và gần như là căm phẫn.

“Bởi vì anh ta đã chết”, tôi nói.

Khi cảnh sát đến, họ giữ mọi người ở lại đó suốt ba tiếng đồng hồ. Họ điều tra bằng cách ngửi tất cả các khẩu súng. Bằng cách này, họ sẽ nhận ra khẩu nào vừa mới được bắn. Sau khi ngửi chừng bốn mươi khẩu, họ dường như chán phương pháp điều tra này, và lại những gì họ có thể ngửi được chỉ là mùi áo khoác da bị ướt. Rồi họ ngồi xuống cái bàn đặt ngay sau xác của anh chàng phun súng nước, lúc này trông như thể một hình nhân biếm họa bằng sáp tái ngoét của chính anh ta đang nằm trên sàn với hai bàn tay sáp và khuôn mặt sáp xám ngắt, và bắt đầu kiểm tra giấy tờ của mọi người.

Nhìn qua chiếc sơ mi bị xé toạc, người ta có thể thấy người phun nước không mặc may ô, còn đế giày của anh ta cũng mòn vẹt. Lúc nằm đó, trên sàn nhà, trông anh ta bé nhỏ và thật đáng thương. Mọi người phải bước qua xác anh ta để đến cái bàn nơi hai cảnh sát viên mặc thường phục ngồi kiểm tra chứng minh thư của từng người. Anh chồng, do căng thẳng đã mấy lần đánh mất rồi lại tìm được giấy tờ của mình. Anh ta có giấy tờ thông hành an toàn để ra vào đâu đó nhưng lại đút nhầm vào một cái túi nào đấy rồi tiếp tục tìm, vã cả mồ hôi cho đến khi thấy nó. Rồi anh ta lại để vào một cái túi khác và phải lục lọi tìm kiếm lần nữa. Anh ta đổ mồ hôi đầm đìa khi tìm kiếm, đầu tóc rối tung, mặt đỏ bừng. Bây giờ trông anh ta không chỉ có dáng điệu của một cậu học sinh bị bắt đeo cà vạt cũ mà còn như thể mấy chú nhóc ở những lớp thấp hơn đội mũ lưỡi trai bé xíu. Hẳn bạn đã từng nghe cách các sự kiện quan trọng tác động đến tuổi tác của con người. Thế đấy, vụ bắn giết này đã làm anh ta trông trẻ hơn cả mười tuổi.

Trong lúc đứng đợi đến phiên mình, tôi bảo cô gái rắn rỏi rằng tôi nghĩ toàn bộ những sự kiện này sẽ kết nên một câu chuyện rất hay, và ngày nào đó tôi sẽ viết nó. Cái cách sáu người xếp hàng băng ra cửa gây ấn tượng mạnh. Cô ta sững sốt rồi bảo tôi đừng nên viết truyện ấy bởi vì nó sẽ ảnh hưởng đến sự nghiệp của nền Cộng hoà Tây Ban Nha. Tôi đáp rằng tôi đã ở Tây Ban Nha lâu lắm rồi, từ những ngày xưa, dưới thời quân chủ, người ta đã thường bắn giết nhau; và rằng hàng mấy trăm năm trước nền Cộng hoà người ta cũng luôn chặt đầu nhau bằng những con dao to bản có tên gọi là Navajas ở Andaliccia; và rằng nếu tôi

chúng kiến một vụ bắn người dõ dẫn tại quán Chicote trong thời gian chiến tranh thì tôi cũng có thể viết lại như thể các vụ nổ súng xảy ra ở New York, Chicago, Key West hoặc Marseilles. Nó chẳng liên quan tí nào đến chính trị cả. Cô ta bảo tôi không nên. Có lẽ rất nhiều người nữa cũng bảo tôi đừng nên. Tuy nhiên, gã người Đức nghĩ đây có vẻ là câu chuyện hay và tôi đưa cho gã điều Camel cuối cùng. Rốt cuộc thì, dẫu sao sau chừng ba tiếng đồng hồ, cảnh sát bảo bọn tôi có thể đi.

Ở khách sạn Florida, mọi người đang lo về tôi, bởi lẽ vào những ngày bom đạn ấy, nếu bạn thả bộ khỏi nhà mà chưa về sau khi những quán rượu đóng cửa vào lúc bảy giờ ba mươi, thì mọi người lo sợ. Tôi rất mừng vì đã về nhà, tôi kể lại câu chuyện trong lúc bọn tôi nấu bữa khuya trên cái bếp điện, món thịt thật ngon.

Rồi suốt đêm trời không mưa nữa, sáng hôm sau, thời tiết đã chuyển sang ngày đầu đông se lạnh, quang đãng, dễ chịu, vào lúc mười hai giờ bốn mươi lăm phút, tôi đẩy cánh cửa quay của quán Chicote để uống một ly gin pha nước khoáng trước bữa trưa. Vào giờ ấy, quán vắng khách, hai anh bồi và viên quản lý, bước lại bàn tôi. Cả ba đang mỉm cười.

“Họ đã bắt được kẻ giết người chưa?” tôi hỏi.

“Đừng có đùa sớm thế?” viên quản lý nói. “Anh có thấy anh ta bị bắn không?”

“Có”, tôi đáp.

“Tôi cũng thấy”, ông ta nói. “Tôi đứng ngay đây khi sự việc xảy ra”. Ông ta chỉ vào góc bàn. “Hắn chìa súng sát ngực anh ta rồi bóp cò”.

“Họ đến lấy *fiambre*”, anh bồi dùng tiếng lóng Tây Ban Nha để chỉ cái xác, từ này còn được dùng để chỉ món thịt đông lạnh trên thực đơn, “vào hồi mười một giờ sáng nay”.

“Nhưng anh chưa biết hết chuyện này”, viên quản lý nói.

“Đúng đấy. Ông ấy chưa biết đâu”, một anh bồi nói.

“Chuyện này thật hiếm thấy”, anh bồi khác nói. “Thật hiếm thấy”.

“Và cũng đáng buồn nữa”, viên quản lý nói. Ông ta lắc đầu.

“Đúng đấy, đáng buồn nhưng cũng rất lạ kì”, anh bồi nói. “Thật đáng buồn”.

“Kể cho tôi nghe đi”.

“Một chuyện thật hiếm có”, viên quản lý nói.

“Kể cho tôi nghe đi. Kể đi, kể cho tôi đi”.

Viên quản lý cúi người lên bàn, ra vẻ rất bí mật.

“Trong khẩu súng phun nước mà anh biết rồi đấy”, ông ta nói. “Anh ta đổ đầy nước hoa. Anh chàng đáng thương”.

“Như thế thì chẳng phải là trò đùa tai hại, ông đồng ý chứ?” anh bồi nói.

“Tĩnh thực, trò ấy chỉ làm không khí vui lên. Lẽ ra mọi người đừng nên tức giận”, viên quản lý nói. “Anh chàng thật đáng thương”.

“Tôi hiểu” tôi nói. “Anh ta chỉ muốn làm cho mọi người vui”.

“Đúng đấy”, viên quản lý nói. “Tĩnh thực, vụ này chỉ là một sự hiểu lầm tai hại”.

“Thế còn cây súng phun nước?”

“Cảnh sát đã thu nó. Họ gọi về lại cho gia đình anh ta”.

“Tôi nghĩ họ sẽ rất mừng khi nhận lại được khẩu súng”, tôi nói.

“Đúng đấy”, viên quản lý nói. “Chắc thế. Một khẩu súng phun nước thì luôn hữu dụng”.

“Anh ta là ai vậy?”

“Thợ đóng đồ gỗ mỹ thuật”.

“Đã lấy vợ chưa?”

“Rồi, sáng nay cô vợ đến đây với cảnh sát”.

“Cô ta lăn xuống cạnh anh ta và thỏn thức, “Pedro, chúng đã làm gì anh, Pedro? Ai đã nhấn tâm làm cho anh ra nông nổi này? Ồi Pedro!”

“Sau đó cảnh sát phải dìu cô ta lui bởi vì lúc ấy cô ta không còn tự chủ được nữa”, một anh bồi nói.

“Đường như phổi anh ta bị yếu”, viên quản lý nói. “Nhưng những ngày đầu của phong trào, anh ta đã tham chiến. Người ta bảo anh ta đã chiến đấu ở Sierra nhưng phổi quá yếu để có thể tiếp tục chiến đấu”.

“Rồi chiều hôm qua anh ta chỉ lang thang trong thành phố với mục đích trêu đùa để mọi người vui”, tôi tiếp lời.

“Không phải đâu”, viên quản lý nói. “Anh thấy đấy, vụ này thật hi hữu. Mọi việc rất khó ngờ. Chuyện này tôi nghe từ mấy tay cảnh sát, bọn họ cừ thật nếu có đủ thời gian. Họ đã điều tra những người cùng làm việc trong xưởng với anh ta. Sở dĩ họ biết được điều này là nhờ đã tìm ra tám thẻ nghiệp đoàn trong túi nạn nhân. Hôm qua, anh ta mua một khẩu súng phun nước và một lọ nước hoa định dùng để

đùa vui ở một đám cưới. Anh ta đã tuyên bố dự định này. Anh ta mua mấy thứ ấy ở bên kia đường. Cái nhãn dính trên lọ nước hoa có ghi địa chỉ. Cái lọ ấy được tìm thấy trong buồng vệ sinh. Anh ta vào đấy để trút nước hoa vào súng. Sau khi mua xong, chắc anh ta tạt vào đây vì trời mưa”.

“Tôi nhớ lúc anh ta bước vào”, một anh bồi nói.

“Trong bầu không khí vui vẻ, ngập tràn tiếng hát, anh ta cứ chạy hết chỗ này đến chỗ khác”.

Viên quản lý tiếp tục suy luận theo lô gích cố hữu của người Tây Ban Nha.

“Là do niềm phấn kích bởi men rượu cộng với cái phối yếu” ông ta nói.

“Tôi không thích câu chuyện này lắm”, tôi nói.

“Này”, viên quản lý nói. “Thật là hi hữu. Cơ bậc đồng của anh ta tiếp xúc với sự căng thẳng của chiến tranh giống như con bướm”.

“Ồ, rất giống một con bướm bướm” – tôi nói. “Thật quá giống con bướm bướm”.

“Tôi không đùa đâu”, viên quản lý nói. “Anh có hiểu điều ấy không? Giống như một con bướm và cỗ xe tăng”.

Ý tưởng ấy khiến ông ta cực kì hài lòng. Ông ta đang chìm vào mê cung của siêu hình học Tây Ban Nha.

“Ta hãy uống vì sự liên tưởng ấy”, ông ta nói. “Anh phải viết một câu chuyện về việc này”.

Tôi nhớ người đàn ông cầm cây súng phun nước với hai bàn tay và khuôn mặt như tạc bằng sáp, xám ngắt, cánh tay dang rộng, chân co lên, trông anh ta hơi giống con bướm bướm; không giống nhiều đâu, chắc bạn đã hình

dung ra rồi. Nhưng trông anh ta cũng chẳng giống con người. Anh ta gọi tôi nhớ về xác của một con én.

“Cho tôi một ly gin pha nước khoáng kí ninh Schweppers”, tôi gọi.

“Anh phải viết một câu chuyện về sự kiện này”, viên quản lý nói. “Ồ đây. Ở đây may lắm”.

“May ư?” tôi nói. “Này, tối qua một cô gái người Anh bảo tôi đừng nên viết. Bởi lẽ nó sẽ mang lại điều không tốt cho phe Cộng hoà”.

“Thật ngớ ngẩn”, viên quản lý nói. “Câu chuyện này rất hấp dẫn và thực sự quan trọng. Niềm vui bị hiểu lầm va chạm với sự căng thẳng chết người thường xảy ra ở đây. Đối với tôi sự kiện này cực kỳ hi hữu và hấp dẫn nhất mà tôi từng chứng kiến trong đời. Anh phải viết về nó”.

“Thôi được”, tôi nói. “Tôi sẽ viết. Anh ta có con cái gì không?”

“Không”, viên quản lý đáp. “Tôi đã hỏi cảnh sát. Nhưng mà anh phải viết chuyện ấy và đặt nhan đề là *Con bướm và cỗ xe tăng*”.

“Thôi được”, tôi nói. “Tôi hứa. Nhưng tôi không thích nhan đề này lắm”.

“Nhan đề này rất nhã”, viên quản lý nói. “Nghe thuần tuý văn chương”.

“Thôi được”, tôi nói. “Tôi đồng ý. Ta đặt nhan đề cho câu chuyện là *Con bướm và cỗ xe tăng*”.

Rồi tôi ngồi đó, trong buổi sáng quang đãng và dễ chịu, quán rượu toả mùi sạch sẽ do mới được quét dọn, bên cạnh là viên quản lý và cũng là bạn cũ, người bây giờ đang tỏ ra rất hài lòng trước thoả thuận văn chương mà hai đứa

vừa bàn bạc; tôi uống một ngụm gin pha nước khoáng rồi nhìn ra cửa sổ chất đầy bao cát và hình dung ra người vợ đang quì gối ở đấy thốn thức, “Pedro. Pedro. Ai đã làm anh ra nông nỗi này, hỡi Pedro”. Rồi tôi nghĩ cảnh sát cũng chẳng thể nào tìm cho cô được câu trả lời dẫu họ có sẵn trong tay tên của người đàn ông, kẻ siết cò.

LÊ HUY BẮC dịch

DƯỚI MỎM ĐẤT

Trong cái nóng oi ả của ngày cùng bụi bốc mù mịt, chúng tôi trở về, miệng khô đắng, mũi nghẹt thở và vai vác nặng, xuôi từ trận tuyến xuống mỏm đất dài bên bờ sông nơi quân dự bị Tây Ban Nha đang án ngữ.

Tôi ngồi tựa lưng vào vách giao thông hào nông choleh, đầu và vai tôi tì lên bờ đất, đã được dọn sạch kể cả những viên đạn lạc, và nhìn những thứ trong lòng chảo ở bên dưới. Có một đội xe tăng dự bị, chúng được ngụy trang bằng những cành ô liu. Bên trái chúng là xe của bộ tham mưu được trát bùn và phủ cành cây và, giữa hai dãy xe ấy là một đoàn dài những người khiêng cáng đổ xuống từ hẻm núi hướng về mấy chiếc xe cứu thương đang đỗ trên vùng đất phẳng ngay dưới chân mỏm đất. Đoàn lửa thồ những bao bánh mì, những thùng rượu vang, đạn dược, được dẫn nhích dần qua hẻm núi vào rẻo đất; nhóm người đã chuyển xong thương binh, mang mấy chiếc cáng nhẹ tênh chậm rãi bước lên lối mòn sau lưng đàn lừa.

Ở bên phải, phía dưới đoạn lượn vòng của mỏm đất, tôi có thể nhìn thấy lối vào hang, nơi bộ tham mưu lữ đoàn

đặt bản doanh, những sợi dây điện truyền tin của họ chạy từ đỉnh hang lượn qua mỏm đất nơi chúng tôi đang ẩn nấp.

Những người đi xe mô tô, mặc đồ da, đội mũ sắt phóng xe lên xuống con đường tắt, nếu gặp đoạn dốc quá thì họ xuống xe đẩy bộ hoặc để chúng lại bên cạnh đường rồi tiếp tục bước về phía cửa hang và đi khuất vào trong. Lúc tôi nhìn, một người Hungary đi mô tô to lớn mà tôi quen, ra khỏi hang, đút mấy tờ giấy vào trong ví da, bước đến chỗ để mô tô, đẩy nó đi xuyên qua dòng lửa thổ và những người khiêng cáng rồi vắt chân ngồi lên yên, rồi máy phóng qua mỏm đất, tung bụi mịt mù.

Phía dưới, cắt ngang vùng đất phẳng, nơi mấy chiếc xe cứu thương đang chạy đến chạy đi, là một rừng cây xanh đánh dấu bờ của dòng sông. Có một ngôi nhà lớn với mái ngói đỏ tươi, một xưởng cưa, tường xây bằng đá xám và từ trong cụm cây mọc quanh ngôi nhà lớn ở phía bên kia sông những tiếng súng của chúng tôi đang vọng lại. Họ đang bắn thẳng về phía chúng tôi, cứ hai phát một, sau tiếng đề - pa bùm - bùm của những viên đạn cỡ ba inch thì tiếng máy quá đạn rít lên, bay thẳng về phía chúng tôi, vòng qua đầu. Như thường lệ, chúng tôi thiếu pháo. Dưới ấy chỉ có bốn khẩu đội thay vì cần phải có đến bốn mươi, nên họ chỉ bắn mỗi lần hai khẩu. Cuộc tấn công đã thất bại trước lúc chúng tôi xuống đây.

— Anh là người Nga à? — một người lính Tây Ban Nha hỏi.

— Không, người Mỹ, — tôi đáp. — Anh có nước không?

— Có, — thưa đồng chí. — Anh ta đưa tôi một cái túi da lợn. Số quân dự bị này chỉ là lính trên danh nghĩa bởi thực

tế họ đang mặc quân phục. Nhưng người ta lại không định sử dụng họ để tấn công, họ án ngữ dọc theo tuyến chạy qua đỉnh mỏm đất này, họ tụ tập thành nhóm ăn, uống, chuyện trò hoặc đơn giản hơn là ngồi ngủ gật và chờ đợi. Cuộc tấn công được lũ đoàn Quốc tế đảm nhiệm.

Hai chúng tôi cùng uống. Nước có mùi nhựa đường và mùi lông lợn.

– Rượu vang thì tốt hơn, – anh lính nói. – Tôi sẽ đi lấy rượu vang.

– Đúng. Nhưng lúc khát thì cần có nước.

– Không có cái khát nào giống như cái khát của chiến trận. Ngay cả ở đây, trong lực lượng dự bị, tôi cũng khát rất nhiều.

– Đây là nỗi sợ hãi, – một người lính khác nói. – Khát là sợ hãi.

– Không, người khác nói. – Những cơn khát thường là do sợ hãi, Nhưng ở chiến tuyến, có nhiều cơn khát ập đến mà cũng chẳng phải vì sợ hãi gì cả.

– Nơi chiến địa thường xuyên có sự sợ hãi, – người lính thứ nhất nói.

– Chỉ với mây thôi, – người lính thứ hai nói.

– Chuyện ấy là bình thường, – người lính thứ nhất nói.

– Chỉ với mây thôi.

– Hãy cầm cái miệng thối của mây lại, – người lính thứ nhất nói.

– Đơn giản tao chỉ là người nói lên sự thật.

Hôm ấy là một ngày tháng tư quang đãng, gió thổi mạnh đến nỗi mỗi con lửa vượt qua hẻm núi đều khuấy tung lên một đám mây bụi, hai người khiêng hai đầu cáng

cũng sủi tung hai đám bụi, chúng quện vào nhau; và bên dưới, trên khoảng đất bằng, những vệt bụi dài cuộn lên từ sau mấy chiếc xe cứu thương theo làn gió cuốn bay đi.

Bấy giờ, tôi cảm thấy hoàn toàn an tâm rằng tôi sẽ không bị giết vào hôm ấy, bởi lẽ lúc sáng, chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình và đã hai lần trong suốt đợt tấn công vào lúc sáng sớm lẽ ra chúng tôi đã chết nhưng điều đó lại không xảy ra; vậy nên tôi lại càng tin tưởng. Lần chết hụt đầu tiên diễn ra khi chúng tôi bám theo đoàn xe tăng để chọn một nơi quay phim đợt tấn công. Lát sau, bỗng nhiên tôi không thích vị trí ấy và đã chuyển mấy chiếc camera sang bên trái chừng một trăm mét. Nhưng trước lúc rời đi, tôi đã đánh dấu nơi ấy theo cách cổ xưa nhất để nhớ vị trí, và chưa đầy mười phút sau, một quả đạn cỡ sáu inch rơi trúng ngay nơi tôi đã đứng và xóa sạch dấu vết của bất kỳ ai có mặt trên vùng đất ấy. Thay vào đó là một cái hố rộng, nổ tung, toang hoác.

Rồi hai tiếng đồng sau, một sĩ quan người Ba Lan, được biệt phái từ tiểu đoàn về bộ tham mưu đã đề nghị đưa chúng tôi đến các cứ điểm mà người Ba Lan vừa mới chiếm được; nhưng lúc vừa ra khỏi góc khuất của khe đồi, chúng tôi vấp phải làn đạn súng máy mạnh đến nỗi cả bọn phải toài người xuống bò lui, cầm rê sắt đất, mũi bám đầy bụi và ngay lúc ấy cả bọn phát hiện ra điều đáng buồn là suốt cả ngày hôm đó, người Ba Lan chẳng chiếm được cứ điểm nào cả mà lại còn bị đẩy lùi xa phòng tuyến ban đầu của mình. Và bây giờ, lúc đang nằm ẩn trong giao thông hào người tôi ướt đầm mồ hôi, đói, khát và cảm thấy trong lòng trống rỗng bởi mối hiểm nguy của cuộc tấn công đã chấm dứt.

– Anh có chắc mình không phải là người Nga không? – một người lính hỏi. – Hôm nay có mấy người Nga ở đây.

– Vâng. Nhưng chúng tôi không phải là người Nga.

– Anh có một khuôn mặt Nga.

– Không, – tôi nói. – Anh sai rồi, đồng chí à. Tôi có một khuôn mặt hơi buồn cười nhưng nó không phải là mặt của một người Nga.

– Anh kia mới có khuôn mặt Nga kìa, – người lính khác chỉ vào một người trong số chúng tôi, người đang hí hoáy với chiếc camera.

– Có lẽ. Nhưng anh ấy cũng chẳng phải là người Nga. Anh ở đâu vậy?

– Extremadura, – anh ta tự hào nói.

– Có người Nga nào ở Extremadura không? – tôi hỏi.

– Không, – anh ta đáp, thậm chí có vẻ tự hào hơn. – Không có người Nga nào ở Extremadura và cũng chẳng có người Extremadura nào ở Nga cả.

– Quan điểm chính trị của anh là gì?

– Tôi căm thù hết thảy những người nước ngoài, – anh ta nói.

– Đây là một cương lĩnh chính trị phổ quát.

– Tôi căm thù người Moor, người Anh, người Pháp, người Italy, người Đức, người Bắc Mỹ và cả người Nga.

– Anh ghét họ theo trật tự ấy à?

– Đúng vậy, nhưng có lẽ tôi ghét người Nga nhất.

– Bạn này, bạn có những quan điểm rất thú vị, – tôi nói. – Bạn có phải là một anh chàng phát xít không?

– Không. Tôi là người Extremadura và tôi căm ghét người ngoại quốc.

– Hấn có những quan điểm rất kỳ quặc, – người lính khác nói. – Anh đừng quá xem trọng những lời hấn nói. Tôi đây này, tôi thích người ngoại quốc. Tôi ở Valencia. Mời anh dùng thêm một ly rượu nữa.

Tôi đưa tay đón ly rượu, miệng tôi hãy còn vương vị rượu. Tôi nhìn anh chàng Extremadura. Anh ta cao và gầy. Khuôn mặt hốc hác, râu ria lởm chởm, hai má sưng vù. Anh ta đứng bật dậy trong cơn tức giận, tấm áo choàng bằng vải mềm vắt qua vai.

– Hãy cúi đầu xuống, – tôi bảo anh ta. – Có nhiều đạn lạc đang bay trên ấy đấy.

– Tôi chẳng sợ đạn lạc và tôi ghét tất cả bọn nước ngoài, – anh ta nói với vẻ hung tợn.

– Anh không cần phải sợ đạn, – tôi nói, – nhưng anh nên tránh chúng một khi còn ở trong lực lượng dự bị. Quả là chẳng khôn ngoan tí nào khi để bị thương trong lúc mình có thể tránh được.

– Tôi chẳng sợ bất kỳ thứ gì, – người Extremadura nói.

– Anh thật may mắn đấy, đồng chí à.

– Thật đấy, – người lính khác, đang cầm ly rượu nói, – hấn chẳng biết sợ là gì, ngay cả với cái lũ khốn ở trên trời ấy.

– Hấn bị điên, – một người lính nữa nói. – Mọi người ai cũng sợ máy bay. Chúng giết thì ít nhưng lại gieo nỗi kinh hoàng thì vô cùng tận.

– Tao không sợ. Cả máy bay lẫn mọi thứ trên đời, – người Extremadura nói. – Nhưng tao lại ghét bất cứ một thằng ngoại quốc nào.

Từ trên hẻm núi, bước đi bên cạnh hai người khiêng cáng và dường như chẳng chú ý chút nào đến việc mình

đang ở đâu. một người cao lớn vận quân phục của lữ đoàn Quốc tế đang lần xuống, cái mền quần quanh vai và được buộc vào ngang hông. Đầu ngẩng cao, trông anh ta như thể người đang đi trong cơn mộng du. Anh ta ở vào độ tuổi trung niên, không mang súng và, nhìn từ chỗ tôi nằm, trông anh ta chẳng bị thương tích gì.

Tôi nhìn anh ta một mình bước ra khỏi cuộc chiến. Trước lúc đến gần mấy chiếc xe của bộ tham mưu, anh rẽ sang trái, mái đầu vẫn ngẩng cao trong tư thế kỳ lạ ấy, anh vượt qua đỉnh mỏm đất rồi khuất khỏi tầm mắt.

Người đi cùng tôi, mãi bận thay phim cho camera xách tay nên đã không để ý đến anh ta.

Một quả đạn lẻ loi bay vòng qua mỏm đất, nổ tung bụi và khói đen ngòm ngay trước chiếc xe tăng dự bị.

Ai đó thò đầu ra khỏi hang của bộ tham mưu lữ đoàn rồi lại biến mất vào bên trong. Tôi nghĩ nơi ấy trông thật dễ chịu để đến nhưng rồi sực nhớ ra là chắc mọi người đang giận dữ bởi cuộc tấn công đã bị thất bại, như thế tôi không muốn gặp họ. Nếu một chiến dịch thành công thì họ vui vẻ cho quay phim. Nhưng nếu nó thất bại thì bất kỳ ai, trong môi trường cáu kỉnh ấy, cũng đều có nguy cơ bị áp tải lùi ra sau.

– Bây giờ, bọn chúng có khả năng bắn vào ta đây, – tôi nói.

– Việc ấy với tôi thì cũng chẳng có gì khác, – người Extremadura nói. Tôi đã bắt đầu hơi mệt mỏi với tay này.

– Các anh có nhiều rượu dự trữ không? – tôi hỏi. Miệng tôi vẫn khô đắng.

– Vâng, còn đầy bạn à. Còn mấy gallon nữa, – người lính thân thiện nhất trả lời. Anh ta thấp người, tròn quay

và rất bẩn, bộ râu lởm chồm dài gần bằng những sợi tóc trên cái đầu húi cua của anh ta. – Anh có nghĩ bây giờ chúng sẽ bắn ta không?

– Có thể lắm, – tôi đáp. – Nhưng trong cuộc chiến này ta chẳng thể nào nói trước được gì đâu.

– Cuộc chiến này thì có chuyện gì hả? – người Extremadura giận dữ hỏi. – Anh không thích cuộc chiến này sao?

– Câm mồm lại! – người lính thân thiện quát. – Tôi chỉ huy ở đây, còn những đồng chí này là khách của chúng ta.

– Vậy thì đừng để hấn nói xấu cuộc chiến của chúng ta. – người Extremadura nói. – Không một thằng ngoại quốc nào được phép đến đây nói xấu cuộc chiến của chúng ta.

– Thành phố nào là quê hương của đồng chí? – tôi hỏi người Extremadura.

– Badajoz, – anh ta đáp. – Tôi đến từ Badajoz. Tại Badajoz, chúng tôi bị cướp bóc, tước đoạt của cải: còn phụ nữ thì bọn Pháp, bọn Anh làm nhục, giờ thì đến lượt lũ người Moor. Những gì bọn Moor làm bây giờ thì chẳng tệ hơn điều bọn Anh làm dưới thời Wellington. Anh nên đọc lịch sử. Tổ tiên tôi đã bị giết bởi người Anh. Ngôi nhà gia đình tôi sinh sống cũng bị người Anh đốt.

– Tôi lấy làm tiếc về chuyện đó, – tôi nói. – Thế tại sao anh lại ghét người Bắc Mỹ?

– Cha tôi đã bị bọn chúng giết ở Cuba khi người bị cưỡng bức đi lính đến đấy.

– Tôi cũng buồn về việc ấy. Buồn thực sự. Xin chia buồn cùng gia đình. Thế tại sao anh lại ghét người Nga?

– Bởi vì chúng là hiện thân của sự độc tài, tôi ghét cái bản mặt chúng. Và anh lại có một khuôn mặt Nga.

– Có lẽ tốt hơn là ta nên rời khỏi đây, – tôi bảo người đi cùng, cậu ta không biết tiếng Pháp. – Tổ như thể mang một khuôn mặt Nga, điều ấy đang gây rắc rối cho tổ đây.

– Tổ sắp ngủ đây, – cậu ta nói. – Đây là nơi tốt lành. Đừng nói nhiều quá thì cậu sẽ không gặp rắc rối.

– Ở đây có một đồng chí không thích tổ. Tổ nghĩ hẳn là kẻ tôn thờ chủ nghĩa vô chính phủ.

– Chà, hãy dè chừng để khỏi bị hấn bắn. Tổ ngủ đây.

Ngay khi đó, hai gã vận áo khoác da; một gã lùn, béo ục ịch, gã kia có chiều cao trung bình; cả hai đội mũ lưỡi trai dân sự, gương mặt bèn bẹt, xương gò má nhô cao, mấy khẩu súng lục Mauser đút trong bao đeo ở quần; bước ra khỏi hẻm núi tiến về phía bọn tôi.

Gã cao nói với tôi bằng tiếng Pháp. – Anh có thấy một đồng chí người Pháp đi qua đây không? – gã hỏi. – Một đồng chí quần cái mền quanh vai như thể một cái bao đựng đạn? Một đồng chí khoảng chừng bốn lăm, năm mươi tuổi? Anh có thấy một đồng chí như thế rời mặt trận đi theo hướng nào không?

– Không, – tôi trả lời. – Tôi không thấy đồng chí nào như thế cả.

Gã nhìn tôi một lát, tôi để ý thấy mắt gã có màu vàng phớt xám, cứ nhìn trân trân không hề chớp.

– Cảm ơn đồng chí, – gã nói bằng cái thứ tiếng Pháp quê quê của gã rồi nói nhanh với gã đi cùng bằng thứ tiếng mà tôi chẳng thể nào hiểu nổi. Chúng bước đi rồi leo lên chỗ cao nhất của mỏm đất, từ đó chúng có thể nhìn thấy hết cả mọi góc ngách ở bên dưới.

– Đúng là một khuôn mặt Nga, – người Extremadura nói.

– Im đi! – tôi quát. Tôi đang nhìn hai gã vận áo khoác da. Chúng đang đứng đó, dưới làn mưa đạn, dãi mắt lưng sục khắp cả vùng đất vụn vỡ bên dưới mỏm đất và nhìn ra cả phía dòng sông.

Bất thành linh, một gã đã nhìn thấy cái chúng cần và đưa tay chỉ. Rồi cả hai băng mình chạy tới như mấy con chó săn mồi, một gã chạy thẳng xuống từ mỏm đất, gã kia cắt chéo góc như thể đón đầu. Trước lúc gã thứ hai chạy khỏi đỉnh mỏm đất, tôi thấy hắn rút súng chia về phía trước lúc đang chạy.

– Anh thích thế chứ? – người Extremadura hỏi.

– Cũng chẳng tốt lành gì hơn anh, – tôi nói.

Khuất sau đỉnh của một mỏm đất song song với mỏm đất bên này, tôi nghe những tiếng nổ đánh của mấy khẩu Mauser. Chúng tiếp tục bắn hơn mười phút. Tầm bắn của chúng hẳn là rất xa. Sau một loạt tiếng nổ, hai khẩu súng dừng lại một lát rồi chỉ độc một phát súng nửa vang lên.

Người Extremadura ảm đảm nhìn tôi, không nói. Tôi nghĩ tình thế sẽ dễ chịu hơn nếu tiếng súng lại rộ lên. Nhưng không còn tiếng súng nào nữa.

Hai gã vận áo da, đội mũ thường dân quay lại, vượt qua mỏm đất, rồi cùng nhau bước xuống hẻm núi với dáng đi khuỷu gối kỳ quặc của những sinh vật hai chân lúc đi xuống sườn đồi dốc. Chúng quay lên hẻm núi khi một chiếc xe tăng gầm rú bò xuống, và bước sang lề đường đợi chiếc xe chạy qua.

Hôm ấy, những cỗ xe tăng lại thất bại. Khi về đến chỗ nấp trên mỏm đất, tháp tăng bật tung lên, những người

lính lái xe, vừa từ tuyến trước lui về, đội mũ da bước ra, họ nhìn thẳng về phía trước như những cầu thủ bóng đá bị mời ra sân bởi khả năng chơi kém cỏi của mình.

Hai gã mặt bẹt vận áo khoác da đứng cạnh chúng tôi trên mồm đất đợi chiếc xe chạy qua.

– Các anh đã tìm thấy đồng chí các anh cần chưa? – tôi hỏi gã cao bằng tiếng Pháp.

– Được rồi, cảm ơn đồng chí, – gã đáp và nhìn tôi với vẻ dò xét.

– Hắn nói gì vậy? – người Extremadura hỏi.

– Hắn bảo đã tìm thấy người mà cả hai đang lùng kiếm, – tôi đáp. Người Extremadura không nói gì nữa.

Sáng hôm ấy, tất cả bọn tôi đã ở nơi mà người Pháp trung niên đã rời đi. Chúng tôi ở đó, ngập trong bụi bặm, khói súng, tiếng gầm đinh tai, thương tích, cái chết, nỗi sợ hãi cái chết, lòng dũng cảm, sự hèn nhát, sự rồ dại và cảm giác thất vọng bởi cuộc tấn công thất bại. Chúng tôi đã ở đó trên chiến trường bị đạn bom cày nát mà không một ai có thể vượt qua và có thể sống sót. Bạn toài người xuống nằm bẹp dí; tìm một mô đất che đầu, vùi sâu vào lớp bụi bẩn; đợi lệnh để xông lên sườn đồi kia nơi không một ai có thể lên đến mà còn sống sót.

Chúng tôi ở đó, cùng với những người nằm đợi đoàn tăng đã không đến; chờ đợi dưới tiếng rít khét lẹt, tiếng nổ rung trời của đạn pháo; đất lẫn với kim loại tung lên như những cục máu đông phun ra từ một đài phun bắn thủ; và phía trên đầu là lưới đạn vun vút bay tựa một tấm rèm lửa. Chúng tôi hiểu tâm trạng của những đang chờ đợi. Họ đã tiến lên phía trước xa đến mức khả năng họ cho phép. Con

người ta không thể đi xa hơn và không thể sống sót một khi mệnh lệnh cứ vượt quá tình thế thực tại.

Suốt cả buổi sáng, chúng tôi đã ở đó, tại nơi người Pháp trung niên đã bỏ đi. Tôi hiểu cái cách người Pháp trung niên đã bỏ đi. Tôi hiểu cái cách một người đột nhiên hiểu rõ sự ngu ngốc của cái chết trong một đợt tấn công không thành; hoặc bất thành linh thấy điều ấy hiện ra rõ ràng, như bạn có thể nhận thấy rõ ngay trước lúc chết; thấy sự vô vọng của nó, thấy sự cực kỳ ngu xuẩn của nó, thấy bản chất thực của nó, rồi đơn giản chỉ bước lùi lại và quay người bỏ đi như người Pháp kia đã làm. Anh ta rời khỏi cuộc chiến không phải vì hèn nhát. chỉ đơn giản là đã quá hiểu nó; và bỗng nhiên biết rằng mình phải già từ, biết rằng mình không còn con đường nào khác để lựa chọn.

Người Pháp ấy đã rời bỏ cuộc chiến bằng một phong thái hết sức trang nghiêm và tôi đã hiểu anh ta với tư cách là một con người. Nhưng, ở vị trí của một người lính, những gã vệ binh kia đã hạ anh ta và rồi cái chết mà anh ta lẩn tránh đã đuổi kịp khi anh ta vừa mới vượt qua mồm đất, nơi không còn đạn bay, pháo nổ, để đi về phía dòng sông.

– Vậy đấy, – người Extremadura nói rồi hát hàm về phía hai gã vệ binh.

– Chiến tranh, – tôi nói. – Trong chiến tranh, kỷ luật là điều cần thiết.

– Và sống với kiểu kỷ luật ấy thì chúng ta sẽ chết chẳng?

– Dẫu sao thì bất cứ ai cũng sẽ chết cho dù không có kỷ luật.

– Có thứ kỷ luật này và thứ kỷ luật nọ, – người Extremadura nói. – Xin hãy nghe tôi. Vào tháng hai, chúng

tôi đã đến đây, chỗ chúng ta đang đứng bây giờ, và bọn phát xít đã tấn công. Chúng hất bọn tôi rớt khỏi những ngọn đồi mà hôm nay lũ đoàn Quốc tế của các anh cố chiếm lại nhưng không thể. Chúng tôi bị đẩy lùi lại đây, tới mồm đất này. Rồi lũ đoàn Quốc tế tiến lên án ngữ phía trước.

– Tôi biết điều đó, – tôi nói.

– Nhưng anh chưa biết điều này, – anh ta cúi kính nói. – Có một đĩa đồng hương của tôi do hoảng sợ bởi trận ném bom đã tự bắn vào tay mình để có thể rời khỏi mặt trận.

Nhiều người trong số nhóm lính đang lắng nghe, gật gật đầu.

– Những người làm như thế thì sẽ được băng bó và bị gọi lại ngay chiến tuyến, – người Extremadura nói. – Làm thế là đúng.

– Phải, – tôi nói. – Đúng là nên làm như thế.

– Đúng là nên làm như thế, – Extremadura nói. – Nhưng thằng ấy lại làm hấn bị thương nặng đến nỗi xương đã vỡ vụn, vết thương bị nhiễm trùng nên tay hấn bị cắt bỏ.

Nhiều người lính gật đầu.

– Tiếp tục đi, kể cho anh ấy nghe nốt đoạn còn lại, – một người nói.

– Có lẽ tốt hơn là đừng kể nữa, – người tự xưng là chỉ huy, có khuôn mặt lõm chồm râu và đầu tóc húi cua, nói.

– Bốn phận của tao là phải kể, – người Extremadura nói.

Người chỉ huy nhún vai. – Tao không thích chuyện ấy, – anh ta nói. – Nhưng cứ tiếp tục đi. Tao thì thậm chí cũng chẳng muốn nghe kể về nó.

– Thằng ấy nằm bệnh viện ở dưới thung lũng từ tháng hai, – người Extremadura nói. – Vài người trong số bọn tôi đã đến thăm hấn tại bệnh viện. Tất cả đều nói hấn được mọi người ở bệnh viện yêu mến bởi đã cố làm một người có ích với bàn tay lành lặn. Hấn không bị bắt giữ. Hấn chẳng được chuẩn bị gì trước cả.

Người chỉ huy lẳng lặng đưa tôi ly rượu. Mọi người đang lắng nghe; như thể những người không biết đọc, biết viết lắng nghe một câu chuyện.

– Hôm qua, vào lúc xế chiều, trước lúc chúng tôi biết sắp có một đợt tấn công. Hôm qua, trước lúc mặt trời lặn, khi chúng tôi đã nghĩ hôm nay cũng giống như mọi ngày, thì họ đưa hấn từ vạt đất bằng theo lối mòn, qua hẻm núi lên đây. Chúng tôi đang nấu bữa tối thì họ đưa hấn đến. Chỉ có bốn người: hấn – Paco – cùng hai gã vận áo khoác da, đội mũ dân sự mà anh vừa nhìn thấy và một sĩ quan của lũ đoàn. Chúng tôi thấy cả bốn người leo lên hẻm núi, tay Paco không bị trói và cũng không bị nắm giữ.

– Khi thấy hấn, cả bọn chúng tôi vây quanh chào hỏi, – Chào Paco, mày khỏe chứ? Mọi chuyện thế nào hở Paco, anh bạn cũ? – Hấn đáp:

– Mọi chuyện tốt đẹp cả. Tất cả đều ổn, chỉ trừ cái này – hấn đưa cho bọn tôi thấy mẫu tay cụt. – Paco nói: – Đây là hành động ngu ngốc và hèn nhát. Tổ lấy làm xấu hổ vì mình đã hành động như thế. Nhưng tổ sẽ hoàn thành nhiệm vụ bằng một bàn tay. Tổ sẽ làm tốt những gì mình có thể với bàn tay này cho Sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

– Đúng đấy, – một người lính ngắt lời. – Cậu ấy đã nói như thế. Tôi nghe cậu ấy nói thế.

– Chúng tôi nói chuyện với hấn, – Extremadura tiếp tục kể. – Và hấn chuyện trò với chúng tôi. Nhưng một khi những người vận áo da và đeo súng lục đến thì đây luôn là dấu hiệu báo điềm gở trong chiến tranh tựa như khi họ mang băng đồ và ống dòm tác chiến đến. Nhưng chúng tôi chỉ nghĩ họ đưa hấn lên thăm và tất cả chúng tôi những người chưa có điều kiện đến thăm ở bệnh viện đều rất vui mừng khi gặp lại hấn, và như tôi đã nói, lúc ấy đã là giờ ăn tối, một buổi tối quang đãng và ấm áp.

– Làn gió này chỉ thổi suốt vào ban đêm, – một người lính nói.

– Lát sau, – giọng người Extremadura trở nên trầm xuống, – một người trong số họ nói với viên sĩ quan bằng tiếng Tây Ban Nha, – Chỗ ấy ở đâu?

– Thăng Paco này bị thương ở khu vực nào? – viên sĩ quan hỏi.

– Tôi trả lời hấn, – người chỉ huy nói. – Tôi chỉ chỗ ấy. Nó xa hơn nơi anh đang đứng một tí.

– Nó đây này, – một người lính nói. Anh ta chỉ tay, và tôi có thể nhìn thấy nơi ấy bởi còn dấu vết cho thấy đúng là ở đấy.

– Rồi thì một tên nắm tay Paco dẫn đến chỗ đó và giữ cánh tay hấn trong lúc tên kia nói bằng tiếng Tây Ban Nha. Hấn nói tiếng Tây Ban Nha với cơ man nào là lỗi. Thoạt tiên, chúng tôi muốn phì cười, cả Paco cũng bắt đầu mỉm cười. Tôi không thể hiểu hết cái bài diễn văn ấy, nhưng nội dung của nó chắc là: Paco phải bị trừng trị để làm gương, để không ai còn dám tự hủy hoại cơ thể mình và tất cả những người khác cũng sẽ nhận hình phạt tương tự nếu vi phạm kỷ luật.

– Rồi trong lúc một tên nắm giữ cánh tay Paco; lúc này trông Paco rất xấu hổ vì bị bêu riếu như thế trong lúc hấn thực sự ăn năn và hổ thẹn; thì một tên rút ngay súng bắn thẳng vào gáy Paco mà không một lời báo trước. Không một lời nào.

Tất cả những người lính đều gật đầu.

– Bởi thế, – một người nói. – Anh có thể nhìn thấy ở kia. Cậu ấy đã ngã đập miệng xuống đất. Anh có thể nhìn thấy dấu vết.

Từ nơi tôi nằm, tôi có thể thấy rõ chỗ ấy.

– Cậu ấy không được cảnh báo hay có cơ hội chuẩn bị, – người chỉ huy nói. – Việc làm đó thật ác độc.

– Đây là lý do tại sao bây giờ tôi căm thù người Nga cũng như tất cả những tên ngoại quốc khác, – người Extremadura nói. – Chúng tôi có thể tự nhủ với bản thân mình rằng sẽ không còn ảo tưởng về bọn ngoại quốc nữa. Tôi xin lỗi vì anh là người nước ngoài. Nhưng với tôi bây giờ thì không còn ngoại lệ gì nữa. Anh đã ăn bánh và uống rượu cùng chúng tôi. Bây giờ tôi nghĩ là anh nên đi đi.

– Đừng nói thế, – người chỉ huy bảo người Extremadura. – Lịch sự là điều thực sự cần thiết đấy.

– Tôi nghĩ tốt hơn là chúng tôi nên đi, – tôi nói.

– Anh không giận chứ? – người chỉ huy hỏi. – Các anh có thể ở lại trong hầm này bao lâu tùy thích. Anh có khát không? Anh có muốn uống thêm tí rượu nữa chứ?

– Cảm ơn anh rất nhiều, – tôi nói. – Tôi nghĩ chúng tôi nên đi thì tốt hơn.

– Anh hiểu nổi căm thù của tôi chứ? – người Extremadura hỏi.

– Tôi hiểu sự căm thù của anh, – tôi đáp.

– Tốt, – anh ta nói rồi chìa tay ra. – Tôi không từ chối một cái bắt tay. Riêng đối với anh, cá nhân tôi, xin chúc anh gặp nhiều may mắn.

– Tôi cũng chúc anh như thế, – tôi nói. – Với tư cách cá nhân và cả với tư cách của một người Tây Ban Nha.

Tôi đánh thức người quay camera rồi chúng tôi rời mỏm đất đi về phía tổng hành dinh lũ đoàn. Bây giờ cả đoàn tăng đang lùi lại, bạn chẳng thể nghe nổi giọng mình trong tiếng rú gầm ấy.

– Cậu nói chuyện suốt có phải không?

– Chỉ nghe thôi.

– Có gì thú vị không?

– Nhiều lắm.

– Bây giờ cậu định làm gì?

– Trở về Madrid.

– Chúng ta nên đến gặp vị tướng đã.

– Ừ, – tôi nói. – Chúng ta phải gặp.

Vị tướng rất giận dữ. Ông ta nhận lệnh mở một cuộc tấn công chớp nhoáng bằng cả một lũ đoàn, san phẳng các mục tiêu trước khi trời sáng. Lẽ ra cuộc tấn công được thực hiện tối thiểu bằng một sư đoàn. Nhưng ông chỉ sử dụng ba tiểu đoàn và để lại một tiểu đoàn dự bị. Tay chỉ huy lực lượng xe tăng người Pháp, để lấy can đảm cho trận đánh, đã nốc rượu nhiều đến nỗi rốt cuộc bị say túy lúy, không chỉ huy được nữa. Tay ấy sẽ bị bắn lúc tỉnh rượu.

Lực lượng tăng đã không tập kết đúng giờ và cuối cùng đã không chịu tấn công, hai tiểu đoàn kia không thể chiếm được cứ điểm. Tiểu đoàn thứ ba đã giành chiến

thắng nhưng đây chỉ là một cú điểm nhô ra trên tuyến phòng thủ của quân địch và sau đó không thể nào giữ được. Kết quả duy nhất của cuộc tấn công là mấy tù binh, số người này được chuyển cho lính tăng đưa về nhưng họ đã giết hết số tù binh ấy. Vị tướng chỉ còn mỗi sự thất bại để trưng bày bởi người ta đã giết hết tù binh của ông.

– Tôi có thể viết gì về cuộc tấn công này? – tôi hỏi.

– Những gì có trong thông báo chính thức. Anh có còn chút whisky nào trong cái chai dẹt kia không?

– Còn đây.

Ông ta uống một ngụm rồi cẩn thận liếm môi. Có đạo, ông ta đã từng là đại úy thuộc lực lượng khinh kỵ binh Hungary, và có hồi ông ta đã tóm gọn một đoàn tàu chở vàng ở Siberia khi đang chỉ huy một đội kỵ binh không chính quy của Hồng quân và gìn giữ số tài sản ấy suốt cả mùa đông khi nhiệt độ xuống đến âm bốn mươi độ. Chúng tôi là bạn tốt của nhau, ông ta thích whisky, nhưng bây giờ ông ta đã qua đời.

– Hãy rời khỏi đây ngay, – ông ta nói. – Anh có xe chưa?

– Có rồi.

– Anh đã quay được đoạn phim nào chưa?

– Một ít thôi. Những chiếc xe tăng.

– Xe tăng ư? – ông ta cay đắng nói. – Cái đồ con lợn. Đồ hèn nhát. Cẩn thận để đừng bị giết đấy, – ông ta nói – Lẽ ra anh nên làm một nhà văn.

– Bây giờ tôi chưa thể viết.

– Thì để sau này hãy viết. Anh có thể viết mọi thứ sau này. Nhưng đừng để bị giết. Đặc biệt hãy ghi nhớ là đừng để bị giết, – ông ta nói. – Giờ thì hãy đi khỏi nơi này.

Ông ta không thể tự khuyên bảo chính bản thân mình bởi chỉ hai tháng sau, ông đã bị giết. Nhưng điều quái đản nhất về cái ngày hôm ấy là những cỗ xe tăng chúng tôi quay được, chúng mới hùng dũng làm sao. Trên màn hình, chúng tiến phăng phăng lên ngọn đồi, chồm lên đỉnh tựa những con tàu chiến dũng mãnh rồi lạch xạch bò về phía ảo tưởng chiến thắng mà chúng tôi đã đưa vào phim.

Kể đến gần chiến thắng nhất trong ngày hôm ấy có lẽ là người Pháp kia, người ngẩng cao đầu rời bỏ chiến trận. Nhưng chiến thắng của anh ta chỉ được kéo dài theo bước chân của anh đến giữa quãng đường vắt qua mỏm đất. Chúng tôi thấy anh nằm đó, tay chân dang rộng trên triền dốc, cái mền vẫn quấn quanh người trong lúc chúng tôi theo lối tắt đi xuống, vào xe của bộ tham mưu đang đợi để đưa chúng tôi về Madrid.

LÊ HUY BẮC dịch

CHẲNG CÓ AI CHẾT

Bức tường vôi hồng của ngôi nhà bong ra, phai màu vì ẩm thấp; từ hiên nhà, bạn có thể nhìn thấy biển, rất xanh phía cuối đường. Những cây nguyệt quế mọc cao bên lề đường, toả bóng lên ban công thượng, trong bóng lá, không khí mát mẻ. Lồng chú chim mồi-kính treo trong góc hành lang, lúc này nó ngừng hót, thậm chí cũng không còn chim chíp nữa, bởi lẽ chàng trai chừng hai tám tuổi gầy, đen, mặt quầng thâm, râu bù xù vừa cởi áo pun đang mặc che lên lồng. Bây giờ anh đứng miệng hé mở, lắng nghe. Ai đó đang cố mở khoá cánh cửa phía trước.

Lúc lắng nghe, anh nhận ra tiếng gió đang luồn qua hàng nguyệt quế bên cạnh lan can, tiếng còi tắc xi chạy trên đường và tiếng trẻ con đang chơi đùa trên vạt đất trống. Rồi anh lại nghe tiếng chìa khoá xoay trong ổ khoá, anh nghe tiếng gậy bóng chày vụt trúng quả bóng và tiếng reo lạnh lạnh bằng tiếng Tây Ban Nha vang lên từ vạt đất trống. Anh đứng im, liếm ướt môi và lắng nghe ai đó đang cố mở cánh cửa phía sau.

Người đàn ông trẻ ấy, tên là Enrique, tháo giày, cẩn thận đặt xuống, nhẹ nhàng di chuyển trên lớp gạch lát

hiện cho đến lúc anh có thể cúi nhìn xuống cánh cửa phía sau. Không có ai ở đó. Anh khẽ bước về lại phía trước ngôi nhà, giấu kín mình, nhìn xuống đường.

Một người da đen đội mũ rơm hẹp vành, chóp bẹt, vận chiếc áo choàng len màu xám và quần dài màu đen đang bước trên lề đường, dưới tán nguyệt quế. Enrique dõi nhìn nhưng chẳng còn một ai nữa. Anh đứng yên một lúc quan sát và lắng nghe rồi nhấc chiếc áo khỏi lồng chim, mặc vào.

Mồ hôi tuôn đầm đìa trong lúc anh lắng nghe, bây giờ anh dụ đi trong bóng lá và làn gió đông bắc mát mẻ. Chiếc áo che bao súng da đeo qua vai, sợi dây đeo uốn vòng, ngả màu trắng muối do mồ hôi và cứ trĩu xuống bởi khẩu colt cỡ đạn 45; khẩu súng làm nách anh hơi cộm lên. Anh nằm xuống chiếc giường vải bạt kê sát tường. Anh vẫn lắng nghe.

Con chim trong lồng lại khẽ kêu rồi cất tiếng hót, người đàn ông trẻ nhìn nó. Rồi anh đứng dậy, tháo chốt cửa, mở lồng ra. Con chim thò đầu qua ô cửa mở, rụt vào rồi lại thò ra, đưa mỏ mổ vào góc cửa.

“Bay đi”, chàng trai khẽ nói. “Không có cạm bẫy nào đâu”.

Anh dứt tay vào lồng, con chim bay lùi lại, đập cánh loạn xạ vào nan lồng.

“Mày thật ngốc”, chàng trai nói. Anh rút tay ra khỏi lồng. “Mình sẽ mở cửa mở”.

Anh nằm úp mặt xuống giường, cầm tỳ lên cánh tay và vẫn lắng nghe. Anh nghe tiếng con chim bay khỏi lồng rồi anh nghe nó hót trên cây nguyệt quế.

“Nếu ngôi nhà này được xem là hoang vắng thì thật là ngốc mới giữ con chim ấy lại”, anh nghĩ “cứ ngốc như thế rồi sẽ gặp vô khối rắc rối. Mình làm sao có thể khiển trách được người khác trong khi lại đại dốt đến thế?”

Trên vạt đất trống, bọn trẻ vẫn mãi mê chơi bóng, bây giờ trời hơi mát. Chàng trai tháo dây đeo, đặt khẩu súng lục cạnh đùi. Lát sau anh chìm vào giấc ngủ.

Khi anh thức giấc, trời đã tối, ánh đèn đường trên góc phố chiếu xuyên qua đám lá nguyệt quế. Anh đứng dậy, đi ra phía trước ngôi nhà, ẩn mình trong bóng tối và chỗ khuất của bức tường, nhìn xuống đường. Một người đội mũ rơm bẹp vành, chóp bẹt đang đứng dưới cái cây trong góc phố. Enrique không nhìn rõ màu áo quần của hắn, nhưng hắn là người da đen.

Enrique bước nhanh ra hành lang sau nhưng không có ánh sáng phía ấy ngoại trừ luồng sáng từ phía cửa sổ sau của hai ngôi nhà bên cạnh hắt ra đồng cỏ. Sau ấy chắc có nhiều người. Anh biết điều đó, nhưng anh không thể nghe rõ như hồi chiều bởi radio ở ngôi nhà thứ hai đang mở.

Thình lình, một tiếng còi lạnh lạnh vang đến, người trẻ tuổi nổi da gà. Cơn sợ ập đến nhanh như khi người ta đổ bùng mặt, như thể luồng nhiệt quá mạnh và tan nhanh như khi nó đến. Tiếng còi phát ra từ radio; đây là phần chương trình quảng cáo và giọng của phát thanh viên nổi theo, “Kem đánh răng Gavis. Không thay thế được, hảo hạng, số một”.

Enrique mỉm cười trong bóng tối. Giờ là lúc ai đó chắc đang đến ngôi nhà.

Sau tiếng còi là tiếng trẻ khóc qua băng ghi âm và lời phát ngôn của phát ngôn viên bảo nó sẽ nín với Malta-Malta, tiếp đó là tiếng còi xe máy và tiếng khách hàng yêu cầu xăng xanh. “Chớ có đông dài gì nữa. Tôi cần xăng xanh. Tiết kiệm hơn, tiện dụng hơn, hảo hạng nhất”.

Enrique thuộc lòng tất cả các quảng cáo đó. Chúng đã không thay đổi suốt mười lăm tháng kể từ ngày anh ra trận; hẳn người ta sử dụng cùng đĩa ghi âm ở đài phát thanh, cùng tiếng còi đã đánh lừa anh, gây cho anh cảm giác ớn lạnh hết như phản ứng của con chó săn chim cồng người lại khi bắt rõ mùi cun cút.

Khi mới bắt đầu, anh không có cảm giác như bị kim châm đó. Mỗi nguy hiểm và nỗi sợ hãi chiến trận đã một lần khiến anh cảm thấy ruột gan trống rỗng. Chúng làm anh cảm thấy yếu ớt như khi người ta yếu vì sốt rét và anh biết mình không còn khả năng cử động như khi người ta phải buộc đôi chân lê tới trong lúc đôi chân ấy cứng đờ như thể chúng ta đã mất cảm giác. Giờ đây tất cả đã qua và anh chẳng còn gặp khó khăn trước bất cứ việc gì anh định làm. Cảm giác như bị kim châm ấy là tất cả những gì còn sót lại của nỗi kinh hoàng vô độ mà vài người dùng cảm thường gặp phải. Đây là phản ứng duy nhất của anh trước mối hiểm nguy, ngoại trừ việc đổ mồ hôi mà anh biết anh luôn mắc phải, nhưng giờ thì nó chỉ mang lại cảm giác ẩm áp và chẳng còn gì nữa.

Khi anh đứng nhìn ra cái cây nơi người đàn ông đội mũ rơm bây giờ đang ngồi bên lề đường thì một hòn đá rơi trên ban công lát gạch hoa. Enrique tìm nó cạnh bức tường nhưng không thấy. Anh quờ tay xuống dưới giường nhưng

vẫn không tìm thấy. Khi anh quỳ xuống một viên cuội nữa rơi trên nền gạch, nảy lên rồi lăn vào góc nhà cạnh đường. Enrique nhặt lên, xuống cầu thang, đi về phía cánh cửa đằng sau.

Anh đứng một bên cánh cửa, rút khẩu colt ra khỏi bao, khẩu súng nặng trĩu trong tay phải.

“Chiến thắng”, anh nói rất khê bằng tiếng Tây Ban Nha, miệng anh cảnh giác buông ra từ ấy trong lúc đôi chân trần nhẹ nhàng di chuyển qua phía bên kia cánh cửa.

“Cho những ai tìm kiếm”, ai đó nói bên ngoài cánh cửa. Đây là giọng phụ nữ, nói nốt nửa kia của mật khẩu, giọng ấy nhanh và hồi hộp.

Enrique kéo cái chốt đôi trên cánh cửa, tay trái mở cửa, tay phải vẫn cầm khẩu colt.

Một cô gái mang cái rổ đứng trong bóng tối. Đầu cô trùm chiếc khăn tay.

“Chào em”, anh nói rồi đóng cửa, chốt lại. Anh có thể nghe tiếng cô thở trong bóng tối. Anh bưng cái rổ và vỗ vào vai cô.

“Anh Enrique”, cô nói, anh không thể nhìn thấy ánh mắt lấp lánh và nét mặt của cô.

“Lên gác đi”, anh nói. “Có kẻ nào đó đang theo dõi phía trước ngôi nhà. Em có thấy hấn không?”

“Không”, cô đáp. Em đi tắt qua vạt đất trống”.

“Anh sẽ chỉ hấn cho em xem. Lên ban công đi”.

Họ lên cầu thang, Enrique mang cái rổ. Anh đặt nó xuống cạnh giường, rồi bước ra mé ban công nhìn xuống. Gã da đen đội mũ rơm hẹp vành, chóp bẹt đã đi.

“Rồi”, Enrique lặng lẽ nói.

“Rồi cái gì?” cô gái hỏi, lúc này cô đang vịn tay anh nhìn xuống.

“Hắn đi rồi. Có gì ăn đấy?”

“Em xin lỗi là để anh ở đây một mình suốt một ngày”, cô nói. “Em rõ quá là ngốc khi phải đợi trời tối mới đến đây. Suốt ngày lúc nào em cũng muốn đến.

“Cứ đến đây là ngu ngốc tất. Đang đêm, họ đưa anh đến đây bằng thuyền rồi để anh lại với mặt khẩu mà chẳng có gì để ăn trong ngôi nhà đang bị theo dõi. Người ta không thể ăn mặt khẩu. Lẽ ra họ đừng ấn anh vào cái nơi đang bị theo dõi vì một lý do khác. Nhưng dẫu sao thì ta cũng hãy ăn đi đã. Em thế nào hả Maria?”

Trong bóng tối, cô hôn lên miệng anh, thật lâu. Anh cảm nhận được đôi môi mọng mím chặt của cô và cơ thể run run của cô khi nép sát vào anh rồi cơn đau nhói từ lưng dưới anh dịu đến.

“Á! Cần thận”.

“Cái gì vậy?”

“Lưng”.

“Lưng làm sao? Bị thương à?”

“Em thử nhìn xem”, anh nói.

“Em có thể xem bây giờ chứ?”

“Để lát nữa. Chúng ta ăn rồi phải đi khỏi nơi này. Họ giấu thứ gì ở đây?”

“Rất nhiều thứ. Những thứ còn lại sau cuộc thất bại tháng tư. Những thứ để chuẩn bị cho tương lai”.

“Tương lai dài đằng dặc”, anh nói. “Họ có biết ngôi nhà bị theo dõi không?”

“Em không rõ”.

“Cái gì kia?”

“Mấy khẩu súng trường còn trong hộp. Có nhiều đạn lắm”.

“Mọi thứ nên chuyển đi ngay tối nay”, miệng anh đầy thức ăn. “Phải mất hàng năm nữa chúng ta mới cần lại những thứ này”.

“Anh có thích món *escabecche* không?”

“Rất ngon, ngồi gần lại đây”.

“Enrique”, cô nói và ngồi nép sát vào anh. Một tay cô đặt lên đùi anh còn tay kia thì vuốt ve cổ anh. “Enrique yêu thương”.

“Cẩn thận khi sờ vào người anh đấy”, anh nói lúc đang ăn. “Lưng đau lắm”.

“Anh có hạnh phúc khi được quay về từ chiến trận không?”

“Anh không nghĩ về điều đó”, anh nói.

“Enrique, Chucho thế nào rồi?”

“Chết ở Lérída”

“Felipe?”

“Chết. Cũng ở Lérída”

“Còn Arturo?”

“Chết ở Teruel”

“Còn Vicente?” cô hỏi bằng giọng đều đều, bây giờ hai tay cô đã đặt lên đùi anh.

“Chết. Trong đợt tấn công vượt đường ở Celadas”.

“Vicente là em trai em”. Lúc này cô ngồi im, côi cút, tay cô đã rời khỏi đùi anh.

“Anh biết”, Enrique nói. Anh tiếp tục ăn.

“Nó là đứa em duy nhất của em”.

“Anh nghĩ là em đã biết tin”, Enrique nói.

“Em không biết và nó là em trai em”.

“Anh xin lỗi, Maria. Lẽ ra anh không nên nói theo cách ấy”.

“Nó đã chết rồi ư? Anh biết nó chết à? Có thật không?”

“Em này. Rogello, Barilio, Esteban, Felo và anh là còn sống. Những người khác đã chết hết cả rồi”.

“Tất cả ư?”

“Tất cả”, Enrique đáp.

“Em không thể nào chịu đựng nỗi điều đó”, Maria nói.
“Trời ơi, em chẳng thể nào chịu đựng nỗi nữa”.

“Đừng đề cập đến việc này thì tốt hơn. Họ đều đã chết”.

“Nhưng đấy đâu chỉ là cái chết của em trai em, Vicente. Em có thể chịu đựng được mất mát đó. Những người đã khuất là những thành viên ưu tú của đảng chúng ta”.

“Đúng, những thành viên ưu tú của đảng”.

“Chiến tranh tệ hại quá. Nó huỷ diệt những người tài ba nhất”.

“Đúng. Nó cần phải thế”.

“Sao anh có thể nói như vậy. Nói như thế là tội lỗi đấy”.

“Không. Chiến tranh phải như thế”.

Bây giờ cô đang khóc còn Enrique tiếp tục ăn. “Đừng khóc”, anh nói. “Điều cần làm bây giờ là phải nghĩ cách lật đổ bọn chúng”.

“Nhưng nó là em trai em. Anh không hiểu sao? Em trai em”.

“Tất cả chúng ta là anh em. Một số đã hy sinh và vài người còn sống. Bây giờ cấp trên cử bọn anh về địa phương, vậy thì sẽ còn có hi sinh. Nhưng nếu không thì sẽ chẳng còn ai. Bây giờ chúng ta phải tiến hành công việc”.

“Nhưng tại sao tất cả bọn họ đều bị giết?”

“Bọn anh thuộc sư đoàn tiên phong. Mọi người hoặc là bị giết hoặc là bị thương. Những ai còn sống cũng đều bị thương cả”.

“Vicente bị giết như thế nào?”

“Nó đang băng qua đường thì bị dính phải làn đạn súng máy từ ngôi nhà trong trang trại bắn ra. Con đường bị phong toả bởi ngôi nhà ấy”.

“Anh cũng ở đó chứ?”

“Ừ. Anh ở đại đội một. Bọn anh ở bên phải cậu ấy. Bọn anh đã tấn công ngôi nhà nhưng phải mất nhiều thời gian. Ở đó bọn chúng có ba khẩu súng máy. Hai khẩu đặt trong nhà, một khẩu đặt ở chuồng ngựa. Việc tiếp cận mục tiêu thật là khó. Bọn anh phải dùng tăng nã đạn vào cửa sổ, trước lúc xông lên bịt miệng khẩu cuối cùng. Anh đã bị mất tám người. Chừng ấy là quá nhiều”.

“Trận ấy xảy ra ở đâu?”

“Ở Celadas”.

“Em chẳng hề nghe nói”.

“Đúng”, Enrique nói. “Cuộc tấn công ấy không thành công. Chẳng một ai nghe nói về nó cả. Đây là trận mà Vicente và Ignacio hy sinh”.

“Anh nói điều ấy là để biện hộ ư? Những con người như thế đáng chết trong cuộc tấn công thất bại tại một đất nước khác sao?”

“Chẳng có xứ sở nào khác cả, Maria, ở đó người ta nói tiếng Tây Ban Nha. Chết ở đâu thì cũng chẳng có vấn đề gì nếu người ta chết vì tự do. Dầu sao thì điều cần làm là sống chứ không phải chết”.

“Nhưng thử nghĩ về những người đã khuất – cách xa đây – trong thất bại”.

“Họ không phải đi để mà chết. Họ đi chiến đấu. Cái chết chỉ là tình cờ”.

“Nhưng còn thất bại. Em trai của em chết trong thất bại. Chucho trong thất bại, Ignacio cũng trong thất bại”.

“Họ chỉ là một phần mà thôi. Điều bọn anh phải làm là không thể. Bọn anh đã làm nhiều việc mà khả năng chưa cho phép. Đôi lúc, những người bên cạnh không chịu tấn công. Đôi lúc, bọn anh đâu có đủ pháo. Đôi lúc, bọn anh được lệnh xông lên nhưng đâu có đủ lực lượng – chẳng hạn như ở Celadas. Những điều đó dẫn đến thất bại. Nhưng kết cục, đấy không phải là thất bại”.

Cô không trả lời, anh đã ăn xong.

Bấy giờ gió mát rượi thổi qua tán cây; trên ban công, trời lạnh. Anh xếp mấy cái đĩa vào lại trong rổ rồi chùi lại miệng bằng khăn ăn, anh lau tay cẩn thận rồi quàng tay qua người cô gái. Cô đang khóc.

“Đừng khóc, Maria”, anh nói. “Chuyện xảy ra thì đã xảy ra rồi. Chúng ta phải nghĩ về công việc sắp tới. Còn nhiều việc phải làm”.

Cô không nói gì và anh có thể nhìn thấy mặt cô, trong ánh sáng của ngọn đèn đường, đang nhìn thẳng về phía trước.

“Ta phải kiểm điểm lại tất cả những gì thuộc về sự lãng mạn. Nơi này là một ví dụ của chủ nghĩa lãng mạn ấy.

Ta phải dùng khủng bố. Chúng ta phải tính toán cẩn thận để không bao giờ rơi lại vào cuộc phiêu lưu cách mạng nữa”.

Cô gái vẫn không nói gì, anh ngắm nhìn khuôn mặt cô, khuôn mặt mà lúc nào anh cũng nghĩ về khi đầu óc rảnh rang, không vướng bận công việc.

“Anh nói như một cuốn sách”, cô nói. “Không phải như một con người”.

“Anh xin lỗi”, anh nói. “Đấy là bài học duy nhất mà anh được học. Đấy là những việc anh biết mình phải làm. Với anh, điều ấy thực tế hơn bất kỳ thứ gì khác”.

“Với em điều thực tế nhất chính là những cái chết ấy”, cô nói.

“Điều đó làm ta kinh hãi. Nhưng nó không quan trọng”.

“Anh lại sách vở rồi”, cô giận dữ nói. “Tâm hồn anh là một cuốn sách”.

“Anh xin lỗi, Maria. Anh nghĩ là em sẽ hiểu”.

“Tất cả những gì tôi hiểu là cái chết”, cô nói.

Anh biết điều đó không đúng bởi vì cô không nhìn thấy họ chết như anh đã nhìn thấy trong khu rừng ôliu ở Jarama, trong cái nóng tại ngôi nhà đổ nát ở Quijorna và trong lớp tuyết ở Teruel. Nhưng anh biết cô trách anh vì đã còn sống trong khi Vicente lại chết và bỗng nhiên – chút tình cảm nhỏ nhoi, thẳng thắn còn lại trong anh mà anh không ý thức nó vẫn còn đó đã khiến anh cảm thấy bị tổn thương sâu sắc.

“Có một con chim”, anh nói. “Con mồi-king ở trong lồng”.

“Vâng”.

“Anh đã thả nó ra”.

“Anh tử tế nhỉ!” Cô nói với vẻ châm biếm. “Lính tráng đều đa cảm tất như vậy sao?”

“Anh là một quân nhân tốt”.

“Em tin điều ấy. Anh nói như một người hùng. Em trai em thuộc lính hạng gì?”

“Rất cừ. Cừ hơn cả anh. Anh không cừ. Đây là khiếm khuyết”.

“Nhưng anh biết tự phê bình và ăn nói rất sách vở”.

“Nếu anh cừ thì đã tốt hơn rồi”, anh nói. “Anh không học được điều đó”.

“Và những người dũng cảm thì đều đã chết”.

“Không”, anh nói. “Basilio là người dũng cảm”.

“Vậy thì anh ấy sẽ chết”, cô nói.

“Maria! Đừng nói như thế. Em nói nghe ảm đạm quá”.

“Còn anh thì nói cứ như là một cuốn sách”, cô đáp lời anh. “Xin đừng đụng vào tôi. Trái tim anh khô cằn, tôi cảm ghét anh”.

Bây giờ anh lại bị tổn thương, anh nghĩ về việc trái tim mình khô cằn và nghĩ về việc chẳng điều gì có thể làm anh tổn thương trở lại ngoại trừ vết thương, rồi đang ngồi trên giường anh cúi người tối trước.

“Kéo áo anh lên”, anh nói.

“Tôi không muốn”.

Anh kéo áo và nghiêng người qua. “Maria nhìn này”, anh nói. “Cái này thì chẳng có trong sách vở đâu”.

“Tôi không thể thấy”. Cô nói. “Và tôi không muốn nhìn”.

“Sờ tay em vào chỗ thắt lưng ấy”.

Anh cảm thấy mấy ngón tay cô chạm lên chỗ da căng phồng nơi một quả bóng chày có thể chui lọt; cái sẹo kỳ quặc ấy là do vết thương mà viên bác sĩ phẫu thuật đã đút nắm tay đeo găng cao su của mình vào để làm vệ sinh. Vết sẹo chạy từ hông bên này sang hông bên kia. Anh cảm nhận sự tiếp xúc của cô và rung mình. Rồi cô ôm chặt lấy anh và hôn; môi cô là hòn đảo trong biển đau đột ngột, trắng xoá với những con sóng mù cảm, dâng lên, quá mức chịu đựng, lấp lánh quét sạch người anh. Đôi môi ở đó, vẫn đứng yên rồi trào dâng, và nỗi đau tan đi khi anh ngửi đó, một mình, mồ hôi ướt đẫm, Maria đang thẫn thức và nói. “Ôi! Enrique. Hãy thứ lỗi cho em. Xin hãy tha lỗi cho em”.

“Không sao đâu”, Enrique nói. “Chẳng có lỗi lầm gì cả. Chỉ có điều đấy không phải là sách vở”.

“Nhưng nó thường nhức nhối phải không anh?”

“Chỉ khi anh bị chạm hay va phải cái gì đó”.

“Thế còn dây sống lưng?”

“Nó cũng bị chạm phải. Thận cũng thế, nhưng chúng đã ổn rồi. Mảnh đạn xuyên từ bên này sang bên kia. Còn nhiều vết thương ở dưới thấp và cả ở chân nữa”.

“Enrique, hãy tha lỗi cho em”.

“Chẳng có gì để tha thứ cả. Nhưng có điều bất tiện là anh không thể làm tình được nữa và anh lấy làm tiếc rằng anh không phải là người dũng cảm”.

“Chúng mình có thể làm tình sau khi vết thương bình phục”.

“Ừ”.

“Rồi em sẽ chăm sóc anh”.

“Không. Anh sẽ chăm sóc em. Anh chẳng bận tâm đến việc này tí nào cả. Duy chỉ có nỗi đau khi bị chạm phải hay vấp phải. Vết thương chẳng làm phiền anh. Bây giờ ta phải làm việc. Ta phải rời ngay chỗ này. Tối nay mọi thứ ở đây phải được rời đi. Chúng phải được giấu ở một nơi mới, không bị tình nghi; một nơi nào được bảo quản tốt. Phải mất một thời gian dài nữa chúng ta mới cần đến chúng. Còn nhiều việc phải làm trước khi chúng ta có thể trở lại giai đoạn ấy. Phải giác ngộ nhiều người. Chỗ lựu đạn này đến lúc ấy có thể không còn sử dụng được nữa. Khí hậu này sẽ làm hỏng kíp nổ. Nhưng bây giờ chúng ta phải đi. Anh thật là ngốc khi ở lại đây lâu đến thế và cái thằng ngốc đưa anh đến đây sẽ phải giải trình trước uỷ ban”.

“Tối nay em sẽ đưa anh đến đó. Họ nghi ngôi nhà này an toàn để anh ở lại hôm nay”.

“Ngôi nhà này không ổn”.

“Ta sẽ đi ngay bây giờ”.

“Lẽ ra ta nên đi lúc này”.

“Hôn em đi, Enrique”.

“Chúng ta sẽ làm việc ấy rất thận trọng”, anh nói.

Rồi, trong bóng tối trên giường, giữ tư thế thận trọng, mắt anh nhắm lại, môi họ chạm nhau, hạnh phúc hiện hữu không còn nỗi đau, bỗng chốc cảm giác gia đình hiện về đầy lùi cơn đau, sự sống lại quay về và không còn đau đớn, xúc cảm thoải mái của tâm trạng được yêu không kèm theo nỗi đau, đã từng thiếu vắng tình yêu, giờ đây được đáp đầy, môi chạm môi trong bóng tối, ép chặt để họ cảm nhận hạnh phúc, tình yêu, bóng tối và hơi ấm gia đình mà chẳng có chút đau đớn nào trong bóng tối bỗng nhiên tiếng còi vọng

đến, cắt ngang, vang rền như thể đã gom hết cả nỗi đau trên thế gian này lại. Đây là tiếng còi thật, không cần còi phát ra từ radio. Không phải một cái còi mà là hai. Chúng đang đến từ hai ngã đường.

Anh quay đầu rồi đứng dậy. Ý nghĩ đang ở nhà trong anh không còn nữa.

“Ra khỏi cửa và băng qua vạt đất”, anh nói. “Đi đi. Anh có thể bắn từ trên này để đánh lạc hướng”.

“Không, anh đi đi”, cô nói. “Đi đi, em ở lại trong này bắn ra và chúng sẽ nghĩ anh còn ở trong nhà”.

“Đi nào”, anh nói. “Cả hai chúng ta cùng đi. Ở đây chẳng có chỗ cố thủ. Số vũ khí này thật vô dụng. Tốt hơn là trốn đi”.

“Em muốn ở lại”, cô nói. “Em muốn bảo vệ anh”.

Cô đưa tay lấy khẩu súng trong bao dưới cánh tay anh, anh khế tát vào má cô. “Đi nào. Đừng có ngốc, cô bé đi nào!”

Bây giờ họ xuống cầu thang, anh cảm nhận sự gần gũi của cô kề bên anh. Anh đẩy mạnh cửa, hai người cùng bước ra, họ ra khỏi ngôi nhà. Anh đóng và khoá cửa lại. “Chạy đi, Maria”, anh nói. “Băng qua vạt đất theo hướng ấy. Chạy đi!”

“Em muốn đi cùng anh”.

Anh lại vỗ nhanh vào người cô. “Chạy đi. Rồi nhào xuống cỏ mà bò. Tha lỗi cho anh Maria. Nhưng hãy chạy đi. Anh chạy theo hướng khác. Chạy đi”, anh giục. “Quý à, chạy đi”.

Họ cùng chạy ra đồng cỏ. Anh chạy hai mươi bước và khi mấy chiếc xe của cảnh sát dừng lại phía trước ngôi nhà, tiếng còi tắt, anh dẫn người xuống đất và bắt đầu trườn.

Phấn hoa cỏ bám đầy mặt anh và khi anh vận người trườn mạnh tới, cát nhọn đâm vào người anh và đầu gối anh đau buốt; lát sau anh nghe tiếng chúng vòng quanh ngôi nhà. Ngôi nhà đã bị bao vây.

Anh bò điềm tĩnh, mãi suy nghĩ, không để ý đến cơn đau.

“Tiếng còi hú sao thế nhỉ?” anh nghĩ. Tại sao không có chiếc xe thứ ba bọc hậu? Tại sao không có đèn pha hay đèn quét trên cánh đồng nhỉ? Máy gã Cuba này”, anh nghĩ. “Chúng ngốc và sơ hở đến vậy sao? Chắc chúng nghĩ không có ai ở trong nhà. Chắc chúng đến chỉ để lấy vũ khí. Nhưng tại sao lại hú còi?”

Ở phía sau, anh nghe tiếng chúng phá cửa, chúng đã bao vây chặt ngôi nhà. Anh nghe hai tiếng còi phát ra từ chỗ gần ngôi nhà và anh tiếp tục trườn đi.

“Đồ bị thịt”, anh nghĩ. “Nhưng bây giờ chắc chúng thấy cái rổ và mấy chiếc đĩa. Đồ ngốc! Cứ đi mà tập kích ngôi nhà như thế!”

Lúc này anh gần chạm mép vạt đất trống, anh biết mình phải đứng dậy, chạy băng qua đường đến cụm nhà phía xa kia. Anh nhận thấy cứ lê người như thế vết thương hơi nhức. Anh có thể điều khiển từng động tác di chuyển. Chỉ tại những cử động mạnh gây ra nhức nhối, anh ngại phải nhom người đứng dậy.

Anh quỳ một chân lên đồng cỏ, cảm thấy nhức nhối, nghiêng rỗng chịu đựng rồi lại cố chịu đựng một lần nữa khi kéo chân kia tới, quỳ gối đứng dậy.

Anh dợm chân chạy về phía ngôi nhà bên kia đường, sau vạt đất trống bên cạnh; khi ánh đèn pha chiếu đến,

anh ở trong luồng sáng, đối mặt với nó, hai bên luồng sáng là những vùng tối đen.

Đèn pha chiếu từ chiếc xe cảnh sát, không hú còi, lặng lẽ đến án ngữ ở góc phía sau vạt đất.

Khi Enrique đứng dậy, gầy gò, hốc hác, hiện rõ môn một trong ánh đèn và đang rút khẩu súng lục lớn trong túi da đeo dưới nách thì từ chiếc xe đổ trong bóng tối, khẩu tiểu liên nã đạn vào anh.

Anh chỉ cảm nhận được loạt đầu tiên và có cảm giác như bị dùi cui quật ngang ngực. Những phát tiếp theo anh chỉ nghe tiếng vang.

Anh ngã úp mặt xuống cỏ; khi đang ngã hay có lẽ là giữa khoảng thời gian đèn pha bật sáng và khi viên đạn thứ nhất găm vào người, anh đã kịp nghĩ. “Chúng chẳng gốc thế đâu. Có lẽ chúng đã chuẩn bị trước”.

Nếu anh còn đủ thời gian để nghĩ tiếp thì chắc là hy vọng sẽ không có xe cảnh sát ở góc bên kia. Nhưng góc ấy cũng có xe và đèn pha của nó đang quét trên cánh đồng. Luồng sáng rộng đang nhấp nhô trên vạt cỏ nơi cô gái Maria nấu mình. Trong chiếc xe tối, mấy tay xạ thủ, lăm lăm hướng đầu ruồi mũi súng Thompson đáng sợ theo luồng đèn pha.

Trong bóng cây, đằng sau chiếc xe sẫm đen, nơi đặt ngọn đèn pha, có một người da đen đang đứng. Hắn đội chiếc mũ rơm hẹp vành, chớp bệt và chiếc áo khoác len. Bên trong sơ mi, hắn đeo chuỗi hạt bùa màu xanh. Hắn đứng lặng im quan sát ngọn đèn quét đi quét lại.

Ánh đèn chiếu trên vùng cỏ nơi cô gái nằm dán chặt xuống, cảm vùi trong đất. Cô không nhúc nhích từ khi

nghe tiếng súng. Cô có thể nhìn thấy nhịp tim mình đang dội vào đất.

“Mấy trông thấy nó chưa?” một người trong xe hỏi.

“Bảo chúng lòng đồng cỏ phía bên kia”, viên trung uý ngồi trước nói. “Này”, hắn gọi tay da đen đang đứng dưới bóng cây. “Đi đến ngôi nhà, truyền lệnh cho chúng lòng qua đồng cỏ về phía chúng ta. Chỉ có hai đứa thôi sao?”

“Chỉ hai đứa”, tên da đen nói bằng giọng khe khẽ. “Ta sẽ tóm được đứa kia”.

“Đi đi”.

“Vâng thưa ngài trung uý”, tên da đen nói.

Cầm chiếc mũ rơm bằng cả hai tay, hắn chạy dọc theo rìa cánh đồng về phía ngôi nhà, nơi bây giờ đèn toả sáng từ mọi cửa sổ.

Cô gái nằm trên cánh đồng, hai tay ôm chặt lấy đầu. “Hãy giúp ta chịu đựng lần này”, cô nói với đám cỏ chứ không phải với một ai khác bởi ở đó chẳng còn ai nữa. Rồi, bỗng nhiên, một mình, nức nở, “Giúp chị với, Vicente. Giúp tôi với, Felipe. Hãy cứu tôi, Chucho. Cứu tôi, Arturto. Hãy cứu em ngay Enrique. Cứu em”.

Có lúc cô cầu nguyện nhưng rồi cô quên bẵng, bây giờ cô cần điều gì đó. “Hãy giúp ta đừng khai nếu chúng bắt được ta”, cô nói, miệng kẻ sát cỏ. “Giúp em đừng khai, Enrique. Giúp chị đừng khai báo gì cả Vicente”.

Đằng sau qua lớp cỏ, cô có thể nghe tiếng chúng lòng sục như thể những kẻ đi xua thú đang dồn một con thỏ. Chúng dàn rộng, tiến lên như thể một toán lính sắp xung trận, tay vung những chiếc đèn điện trên cỏ.

“Ôi, Enrique” cô nói, “hãy cứu em”.

Cô buông tay khỏi đầu và ép chặt hai bên sườn. “Nhu thể thì tốt hơn”, cô nghĩ. “Nếu ta chạy, chúng sẽ bắn. Nhu thể sẽ đơn giản hơn”.

Cô từ từ đứng dậy chạy về phía chiếc xe. Ánh đèn chiếu thẳng vào cô, đôi mắt mù cảm, trắng xoá, có chạy trong luồng sáng ấy. Cô nghĩ đây là giải pháp tốt nhất cho mình.

Phía sau, bọn chúng hét toáng lên. Nhưng không có tiếng súng. Có ai đó quật cô rất mạnh và cô ngã xuống. Cô nghe hơi thở của hắn khi hắn giữ chặt cô.

Một đứa khác xốc nách nâng cô dậy. Giữ chặt hai cánh tay cô, chúng đưa cô về phía chiếc xe. Chúng không thô bạo mà cứ từ từ kéo cô về phía xe.

“Không”, cô nói. “Không. Không”.

“Nó là chị gái Vicente Irtube”, trung úy nói. “Con bé có ích đấy”.

“Nó đã được thẩm vấn trước đây rồi”, kẻ khác nói.

“Chưa đủ nghiêm túc đâu”.

“Không”, cô nói. “Không, không”, cô gào lớn, “Giúp chị, Vicente! Giúp em, giúp em, Enrique”.

“Chúng chết ráo cả rồi”, một kẻ nói. “Chúng chẳng giúp được gì cho mày đâu. Đừng có ngốc”.

“Đúng”, cô nói. “Họ sẽ giúp tao. Chính những người chết ấy sẽ giúp tao.Ồ, đúng, đúng, đúng! Những người đã hy sinh của chúng tao sẽ giúp tao”.

“Vậy thì cứ thử nhìn Enrique đi”, viên trung úy nói. “Xem thử hắn có giúp gì được cho mày không. Hắn ở trên thùng chiếc xe kia kìa”.

“Bây giờ anh ấy đang giúp tao”, cô Maria nói. “Bọn mày không hiểu anh ấy đang giúp tao sao? Cám ơn anh, Enrique. Ôi, cảm ơn anh”.

“Đi thôi”, viên trung úy nói. “Nó bị điên rồi. Để lại bốn người canh số vũ khí ấy, chúng ta sẽ điều một chiếc xe tải đến chỗ. Chúng ta đưa cái con điên này về trụ sở. Đến đó nó có thể khai ra”.

“Không”, Maria nói lúc đang giữ chặt tay áo hắn. “Mày không thể nhìn thấy lúc này mọi người đang giúp đỡ tao sao?”

“Không”, viên trung úy nói. “Mày điên rồi”.

“Chẳng có ai chết mà không vì mục đích gì đó”, Maria nói. “Lúc này mọi người đang giúp đỡ tao”.

“Độ một tiếng nữa, cứ để chúng giúp mày”, viên trung úy nói.

“Họ sẽ giúp”, Maria nói. “Đừng lo. Bây giờ đang có rất nhiều người giúp tao”.

Cô ngồi yên, giữ người bất động, tựa vào lưng ghế. Lúc này, dường như có một sự tự tin kỳ lạ. Lòng tự tin ấy tương tự như ở một cô gái khác, khá nổi tiếng ở thời cô ta cách đây hơn năm trăm năm tại khu chợ của thành phố có tên là Rouen.

Maria không nghĩ về điều này. Bất cứ một ai khác trên xe cũng không nghĩ về điều đó. Hai cô gái tên là Jeanne và Maria chẳng có điểm gì chung ngoại trừ lòng tự tin bột phát trào dâng khi họ cần nó. Nhưng tất cả nhóm cảnh sát trên xe lúc này cảm thấy khó chịu về Maria khi cô ngồi ngay ngắn, khuôn mặt bừng sáng trong ánh đèn cao áp.

Mấy chiếc xe khởi hành, trên hàng ghế sau của chiếc xe phía trước, bọn lính đang xếp mấy khẩu súng máy vào trong hộp vải bạt dày, báng súng được tháo ra xếp vào túi vải, nòng súng và tay nắm để trong túi có nắp, ổ đạn để trong những chiếc túi vải hẹp.

Tay da đen đội mũ rơm bước ra khỏi bóng ngôi nhà, chặn chiếc xe đi trước lại. Hắn leo lên ngồi ở ghế phía trước cùng với một người đang ngồi bên cạnh tài xế, bốn chiếc xe leo lên đường chính dẫn đến con đường men biển đổ về La Havana.

Ngồi chật chội trên ghế trước của chiếc xe, tay da đen thọc tay vào túi áo sơ mi và lần mấy ngón tay trên chuỗi hạt bùa màu xanh. Hắn ngồi chẳng nói câu nào, mấy ngón tay bấu chặt chuỗi hạt. Hắn từng làm công nhân ở cảng trước khi đi làm mật thám cho cảnh sát Havana, hắn sẽ được trả năm mươi đôla cho phi vụ tối nay. Năm mươi đôla lúc đó là khoản tiền lớn ở La Havana, nhưng tay da đen chẳng còn nghĩ đến chuyện tiền nong gì nữa. Hắn khẽ quay đầu, rất chậm khi chúng đi vào con đường cao tốc sáng rực ở Malecon, nhìn lại và thấy khuôn mặt cô gái rạng rỡ, kiêu hãnh, đầu vẫn ngẩng cao.

Tay da đen hoảng sợ, hắn lần mấy ngón tay khắp một vòng chuỗi hạt bùa màu xanh rồi giữ chặt. Nhưng chúng không thể giúp hắn xua đi nỗi sợ bởi lẽ lúc này hắn đang gặp một ma lực cao hơn.

LÊ HUY BẮC dịch

CHÚ BÒ THỦY CHUNG

Ngày ấy có một con bò, tên nó không phải là Ferdinand và chú chẳng quan tâm đến bất cứ thứ gì ngoại trừ những bông hoa. Chú thích đánh nhau, đấu đã từng so tài với hết thấy những con bò cùng tuổi hay đủ mọi lứa tuổi nhưng chú luôn là nhà vô địch.

Sừng chú rắn như loại gỗ quý và nhọn tựa lông nhím. Sau mỗi trận đấu, gốc sừng thường đau song chú không bận tâm. Cơ trên cổ chú dòn lên thành cục u lớn mà người Tây Ban Nha gọi là *morillo* ấy vồng lên như ngọn đồi nhỏ mỗi khi chú chuẩn bị giao đấu. Chú luôn sẵn sàng chiến đấu, lông, da chú đen bóng, mắt chú phát ra những tia sáng của lòng dũng cảm.

Ngoại diện ấy toát lên vẻ hiếu chiến và thái độ cao thượng trong cuộc đấu tựa như phong cách của ai đó lúc ăn, lúc đọc hoặc đi lễ nhà thờ. Mỗi độ lâm trận, chú đánh hết mình. Những con bò khác không sợ chú bởi chúng có cùng dòng máu kiêu hùng và ý chí bất khuất. Song chúng không thích khiêu chiến bởi lẽ chúng chẳng muốn đánh nhau với chú.

Chú không tự kiêu và cũng chẳng ác độc, nhưng chú mê đánh nhau như người ta thích hát, thích làm vua hay tổng

thống. Chú chẳng hề có tham vọng trong giao đấu. Đánh nhau, với chú chỉ là bốn phận, nghĩa vụ và niềm hứng khởi.

Chú giao chiến trên vùng đất sỏi gồ ghề, trong rừng bần và trên cả đồng cỏ ngọt ngào cạnh dòng sông. Chú chạy mười lăm dặm mỗi ngày, suốt từ bờ sông lên đến những vùng đất xấu. Chú đánh nhau với bất cứ con bò nào nhìn chú. Nhưng chẳng bao giờ chú nổi giận.

Nói điều ấy thực ra không chính xác lắm bởi lẽ cơn giận của chú chỉ âm ỉ trong lòng. Song chú chẳng rõ nguồn cơn vì không có thời giờ để suy xét. Chú rất cao thượng và say sưa chiến trận.

Rồi chuyện gì xảy ra? Chủ của chú, nếu bất kỳ ai sở hữu một con vật như thế thì sẽ biết ngay sự vô giá của nó song lại rất lo lắng bởi phải tốn rất nhiều tiền để bồi thường chiến phí do chú gây ra. Một con bò bình thường, trị giá hơn cả ngàn dollar song sau khi đánh nhau với chú bò siêu hạng này, giá của chúng chỉ còn hai trăm dollar và đôi lúc còn thấp hơn.

Thế nên ông chủ – một con người tốt bụng – quyết định sẽ giữ chú bò ấy lại để lấy giống, thay vì đưa chú đến đấu trường để làm vật hy sinh. Từ đó, chú thành nhà truyền giống.

Nhưng chú là con bò kỳ lạ. Ngay khi được thả vào đồng cỏ với đàn bò cái, chú đã bị hấp hồn bởi một cô nàng trẻ, đẹp, cân đối, cơ thể tròn lẳn, sáng sủa và đáng yêu hơn tất cả các ả bò cái khác. Thế là từ đây chú không mê đánh nhau nữa, chú yêu nàng đến nỗi chẳng đoái hoài đến bất kỳ một ai. Chú chỉ muốn ở bên cạnh nàng, những ả khác chẳng có nghĩa lý gì đối với chú.

Do vậy, người chủ đã bán chú cùng với năm con bò đực khác cho trường đấu. Cuối cùng, chú phải xung trận đấu cho con tim đang khắc khoải vì yêu. Bởi chú lâm trận thật kiêu hùng nên tất thấy người xem đều ngưỡng mộ. Tuy nhiên người thần phục chú nhất lại chính là kẻ giết chú. Cuối trận đấu, tấm áo jacket của người hại chú – được gọi là đấu sĩ – đã sũng nước, miệng anh ta khô khốc.

“Con bò cừ thật”, đấu sĩ nói trong khi trao thanh kiếm của mình cho người giữ. Thanh kiếm bị vấy máu đến tận chuôi và máu từ tim của chú bò kiêu hùng, chưa từng gặp hiểm nguy trong bất kỳ tình huống nào, đang rỏ xuống từ lưỡi kiếm. Xác chú được bốn con ngựa kéo ra khỏi đấu trường.

“Phải rồi, nó là con bò bị Marques ở Villamajor loại bỏ khỏi trại giống do bởi quá thủy chung”, tay giữ gươm hiểu biết mọi chuyện nói.

“Có lẽ tất cả chúng ta cũng nên chung thủy”, đấu sĩ nói.

LÊ HUY BẮC dịch

CON NGƯỜI CỦA THẾ GIỚI

Gã mù nhận rõ từng âm thanh của tất cả các loại máy khác nhau trong quán rượu. Tôi không biết gã phải mất bao nhiêu thời gian để phân biệt các âm thanh ấy nhưng chắc hẳn là không lâu bởi lẽ mỗi lúc gã chỉ kiếm ăn ở một quán. Gã kiếm sống ở hai khu phố và chỉ rời khỏi Flat vào lúc trời tối, mát mẻ để đi đến Jessup. Gã thường đứng cạnh lề đường khi nghe tiếng xe đang đến. Ánh đèn sáng sẽ soi thấy và dù chiếc xe có dừng lại để cho gã đi nhờ hay không thì rồi nó cũng tiếp tục lăn bánh trên mặt đường băng giá. Vận may của gã phụ thuộc vào xe của họ có chỗ nặng hay có phụ nữ mà đặc biệt là vào lúc này, trong mùa đông, khứu giác cực nhạy của gã mù sẽ nhận ra ngay lập tức. Song người ta thường đỗ lại để gã đi nhờ bởi vì gã là một người mù.

Mọi người đều biết gã và gọi gã là Blindy. Đây là tên gọi thân mật đối với gã mù ở miền ấy. Quán rượu, nơi gã làm việc là Pilot. Ngay cạnh nó, còn có một quán nữa, cũng với mấy cái máy đánh bạc và một phòng ăn tối. Quán rượu đó có tên là Index. Cả hai lấy tên từ những ngọn núi và đều là những quán hấp dẫn với các quầy hàng cũ kỹ, trò đỏ đen

và chẳng có chút gì khác biệt ngoại trừ thức ăn ở Pilot ngon hơn và món bít tết rán ở Index thì hấp dẫn hơn. Về sau Index mở cửa suốt đêm để có thể đón khách vào lúc sáng sớm và ngay từ lúc mặt trời mọc cho đến mười giờ sáng các bọm nhậu đã có mặt ở nhà hàng. Jessup chỉ có hai quán này và chúng không hoạt động theo kiểu quán rượu bình thường. Song đây là lý do để chúng tồn tại.

Blindy hẳn thích quán Pilot bởi vì khi bạn bước vào, những chiếc máy được đặt đối diện với quầy, dọc theo tường bên trái. Cách bày bố ở đây khiến gã kiểm soát tốt hơn so với khi kiểm ăn ở Index nơi các nhà máy được bố trí rải rác trong phạm vi rộng với nhiều phòng. Vào đêm nay, bên ngoài trời rất lạnh. Gã bước vào quán với những vụn băng trên chòm râu và mấy vết mủ nhỏ đã đóng băng trong hai hốc mắt. Trông gã không thực sự khỏe khoắn. Thậm chí cả mùi toát ra từ gã cũng đã bị đóng băng nhưng trạng thái ấy không kéo dài. Gã điềm tĩnh trở lại ngay khi cánh cửa được khép sau lưng. Thường ngày, tôi chẳng để ý nhiều đến gã song bây giờ tôi đang quan sát gã kỹ lưỡng bởi tôi biết gã luôn được cho đi nhờ và đã không hiểu tạo sao gã mù ấy lại bị công lạnh quá dồi. Cuối cùng tôi hỏi:

“Anh đã cuộc bộ từ đâu, Blindy?”

“Wille Sawyer thả tôi ở bên dưới cầu xe lửa. Chẳng còn xe nào cả nên tôi đi bộ đến đây”.

“Chuyện gì đã khiến y để bác đi bộ?” ai đó lên tiếng.

“Bảo tôi quá hời”.

Có người kéo tay cầm của chiếc máy, Blindy bắt đầu nghe tiếng quay. Nó khó xác định. “Quý ông nào chơi hả?” gã hỏi tôi.

“Anh không nghe thấy sao?”

“Không”.

“Chẳng ai chơi cả. Blindy, hôm nay là thứ tư”.

“Tôi biết tối nay là thứ mấy. Đừng nói với tôi về điều đó”.

Blindy đi dọc theo dãy máy, sờ vào máng của chúng thử xem có vật gì ai đó để quên. Rõ ràng, chẳng có gì, nhưng đó là việc đầu tiên của gã. Lát sau gã quay lại quầy rượu, nơi chúng tôi đang ngồi và Al Chaney mời gã uống.

“Không,” Blindy đáp. “Tôi phải thận trọng trên các con đường ấy”.

“Ông muốn nói đến những con đường nào?” một người hỏi gã. “ông chỉ đi trên một con đường. Nối nơi này và phố Flat”.

“Tôi đã đi trên rất nhiều tuyến đường”, Blindy nói. “Và cứ mỗi lần, tôi đều có thể bị đuổi ra khỏi xe mà đi bộ”.

Có người đụng vào máy nhưng không quá mạnh Blindy nhẹ nhàng bước về phía ấy. Đó là chiếc máy đánh mỗi lần 25 xu và tay thanh niên, người đang chơi, miễn cưỡng chìa cho gã một phần tư dollar. Blindy sờ qua trước khi dứt vào túi.

“Cảm ơn”, gã nói. “Bạn sẽ được”.

Tay thanh niên đáp “Thật dễ chịu khi nghe điều ấy”. Hắn dứt 25 xu vào máy rồi kéo tay quay lần nữa.

Hắn đánh tiếp và lần này vận may đã đến, hắn được rất nhiều tiền và đưa cho Blindy 25 xu.

“Cảm ơn”, Blindy nói. “Số anh đang đỏ”.

“Tối nay là của tôi”, tay đang chơi đáp.

“Vận may của anh cũng là vận may của tôi”, Blindy nói. Con bạc đánh tiếp rồi nhưng vận đỏ đã bỏ hẵn. Blindy kiên nhẫn đứng bên cạnh. Điều bộ hẵn không còn vẻ hứng khởi như trước. Cuối cùng hẵn ngừng chơi rồi đi đến quầy rượu. Blindy lạc mất hẵn nhưng mà gã chẳng còn cách nào nhận ra bởi tay thanh niên chẳng nói lời nào. Như thế, Blindy lại kiểm tra những chiếc máy lần nữa, rồi đứng đấy đợi xem có ai đến chơi.

Không có ai ở cạnh những cái máy cũng như ở bàn đánh xúc xắc. Còn bên gian chơi bài xì, mấy con bạc đang ngồi sát phạt nhau. Một buổi tối yên tĩnh trong tuần ở thị trấn. Chẳng huyên náo. Mọi góc lạng im không một tiếng động ngoại trừ ở quầy rượu. Nhưng ở đấy không khí rất dễ chịu. Tất cả suôn sẻ cho đến khi Blindy bước vào. Bấy giờ mọi người đang tính xem nên dời sang quán Index bên cạnh hay trở về nhà.

“Tôi mời anh một ly được chứ, Tom?”

Frank – người phục vụ – hỏi tôi. “Uống nhé?”

“Tôi đi tắm”.

“Vậy thì hãy nhấp một chút gì đã”.

“Như mọi khi”, tôi nói. Frank hỏi chàng trai, người vận bộ đồ Oregon Cities nặng nề, đội cái mũ màu đen, có khuôn mặt rám nắng và bộ râu được cạo sạch, rằng anh ta muốn dùng gì. Anh ta chọn loại rượu tương tự, một cốc Whisky Old Forester.

Tôi gật đầu với anh ta, nâng cốc. Cả hai cùng nhấp một ngụm. Blindy đi về phía xa tận cuối dãy bàn máy. Tôi đoán gã ý thức được rằng sẽ chẳng có ai vào quán khi gã đứng ở cửa. Gã làm điều ấy hoàn toàn có tính toán.

“Sao ông ta bị mù?” chàng trai hỏi.

“Tôi không biết?” tôi trả lời.

“Trong trận ẩu đả”, Frank đáp.

“Ông ta! Đánh nhau?” người lạ mặt ngạc nhiên. Y lắc đầu.

“Ừ”, Frank tiếp lời. “Giọng của gã cũng bắt đầu thê thê từ đó. Kể Cho anh ta nghe đi Tom”.

“Tôi chưa bao giờ được nghe vụ ấy”.

“Ừ, anh đã không nghe”. Frank lên tiếng. “Dĩ nhiên là không. Anh không có mặt ở đây”, Tôi biết. “Thưa ông, bữa ấy là một đêm tối trời, lạnh như hôm nay. Có thể lạnh hơn. Trận ẩu đả diễn ra rất nhanh. Tôi không chứng kiến được lúc bắt đầu. Khi thấy thì họ đã ở bên ngoài quán Index, Blackie, là Blindy bây giờ và một gã khác Willie Sawyer; đang quần lầy nhau, khuỵu xuống, cấu xé và cắn nhau; tôi thấy một con mắt của Blackie treo lủng lẳng trên gò má. Hai người quần nhau trên mặt đường phủ băng, tuyết dồn đóng lại trong ánh đèn của quán Index và quán này. Hollis Sands đứng ngay sau Willie Sawyer, người đang móc được một con mắt của đối thủ, và hét toáng lên “Cắn nó đi! Cắn nó nát như thể cắn một quả nho!” Blackie đang ngoạm vào mặt Willie Sawyer rồi với một cú giạt mạnh, tình địch của y bị một lỗ trên mặt, tiếp tục, Blackie đớp miếng khác, cả hai gã lăn trên mặt băng, rồi Willie Sawyer cấu vào con mắt còn lại để khiến Blackie chịu thua và rồi Blackie cất lên một tiếng thét mà cả đời, bạn có lẽ chưa bao giờ nghe thấy. Kinh hoàng hơn ngay cả khi ta cắt một tiết con lợn”.

Blindy đang đứng đối diện với chúng tôi. Chúng tôi vội quay đi khi ngửi phải mùi hôi toát ra từ gã.

“Cắn nát nó như thể cắn một trái nho”. gã nói bằng giọng the thé, rồi nhìn chúng tôi, gật gật đầu. “Đấy là con mắt trái. Hắn móc con mắt còn lại, không cần một lời khuyên nào. Sau đó hắn tiếp tục tấn khi tôi chẳng còn trông thấy gì nữa. Đó là hành vi tồi tệ”, gã tự nhận xét.

“Lúc ấy tôi vẫn còn có thể đánh nhau được”, gã nói. “Nhưng hắn đã tước đi đôi mắt trước lúc tôi kịp hiểu điều gì xảy ra. Hắn làm điều ấy với một cú móc điệu nghệ. Ừ, Blindy nói mà không có chút thù hận nào, “điều đó đã làm tiêu tan đi những tháng ngày oanh liệt của tôi”.

“Mang cho Blackie một cốc”, tôi bảo Frank.

“Tên tôi là Blindy, Tom. Tôi đã kiếm được cái tên đó. Anh biết rằng tôi đã kiếm được nó từ cái thằng mà tối nay đã thả tôi xuống dọc đường. Hắn cắn con mắt. Chúng tôi không phải không từng là bạn của nhau”.

“Ông đã làm gì với y?” người lạ mặt hỏi.

“Ồ, anh sẽ thấy ngay thôi mà”, Blindy nói. “Anh sẽ nhận ra ngay bất cứ lúc nào anh gặp hắn. Tôi sẽ để điều ấy đến bất ngờ”.

“Anh ấy không muốn miêu tả”, tôi nói với người lạ mặt.

“Anh biết đấy, đó là một trong những lý do mà thỉnh thoảng tôi muốn biết”, Blindy tiếp tục. “Tôi chỉ muốn nhìn hắn bằng chính đôi mắt của mình”.

“Anh đã biết hắn trông ra sao rồi”, Frank bảo gã. “Anh đã một lần sờ tay lên mặt hắn”.

“Đã lặp lại điều ấy một lần nữa vào tối nay”, Blindy hạnh phúc nói. “Đó là nguyên nhân tại sao hắn đuổi tôi ra khỏi xe. Hắn ta không phải là người không có khiếu khôi

hài tí nào. Tôi đã từng bảo hấn trong một đêm lạnh như đêm nay rằng hấn nên bịt kín lại toàn bộ như thế thì những gì bên trong khuôn mặt của hấn sẽ không bị lạnh. Hấn thậm chí đã không nghĩ rằng đấy là trò đùa. Anh biết đó, Wille Sawyer sẽ chẳng bao giờ là con người của thế giới”.

“Blackie, tôi đã đãi anh một châu rồi đó”, Frank nói. “Tôi không thể đưa anh về, bởi nhà tôi chỉ ở xế bên kia đường. Nhưng anh có thể ngủ lại phía sau quán”.

“Anh thật tốt, Frank. Duy chỉ đừng gọi tôi là Blackie. Tôi chẳng còn là Blackie nữa. Blindy là tên tôi”.

“Uống chứ, Blindy”.

“Vâng thưa ông”, Blindy đáp. Gã đưa tay ra tìm chiếc cốc rồi điềm tĩnh nâng lên, hướng về phía ba chúng tôi.

“Wille Sawyer ấy mà”, gã nói, “có lẽ bây giờ đang nằm chòng queo ở nhà. Wille Sawyer, hấn không biết thế nào là cuộc chơi”.

LÊ HUY BẮC dịch

LÀ CON CHÓ DẪN ĐƯỜNG

– Rồi sau đó chúng ta đã làm gì? – ông hỏi. Nàng đáp.

– Chỗ ấy thật kỳ lạ. Em không thể nhớ được gì cả.

– Thế em có nhớ lúc bắt đầu chuyến *safari* không?

– Em nhớ. Nhưng không rõ lắm. Em nhớ những người phụ nữ đội những chiếc lọ trên đầu, theo lối mòn xuống bờ nước, nhớ cả đàn ngỗng, tiếng địa phương gọi là *toto* bơi tới bơi lui trên mặt nước. Em nhớ cả đàn di chuyển rất chậm và chúng luôn di chuyển theo đàn đi xuống hoặc đi lên. Có cả một con nước thật lớn nữa, những ngôi nhà màu vàng và luồng nước chạy dọc bên cạnh hòn đảo ở ngoài khơi. Gió thổi không ngừng nên không có ruồi, muỗi. Có một mái nhà, một sàn nhà bằng bê tông và những cây cột chống mái ấy; suốt ngày đêm gió thổi qua chúng. Và dấu cho ngày hay đêm thì thời tiết cũng mát mẻ và thật dễ chịu.

– Em có còn nhớ khi thuyền độc buồm to lớn tiến vào và tròn tránh trên con sóng?

– Vâng, em nhớ con thuyền ấy và cả đám thủy thủ rời boong lên bờ đi trên lối mòn, bầy ngỗng sợ chúng và cả phụ nữ cũng sợ chúng.

– Đây là ngày chúng mình bắt được nhiều cá nhưng phải vào bờ bởi sóng lớn.

– Em nhớ chuyện ấy.

– Đến nay anh vẫn còn nhớ rõ, – nàng nói. – Đừng có nhớ nhiều quá.

– Anh lấy làm tiếc là không bay đến Zanzibar, – ông nói. – Bờ biển phía bên trên chỗ ta đứng là nơi đáp máy bay tuyệt vời. Người ta có thể đáp xuống và cất cánh ở đây rất dễ dàng.

– Chúng mình có thể thường xuyên đi đến Zanzibar. Hiện tại, đừng có cố mà nhớ nhiều nữa. Anh có thích nghe em đọc không? Có nhiều thứ trong những tờ *New Yorker* mà chúng mình chưa đọc.

– Đừng, đừng đọc, – ông nói. – Chỉ trò chuyện thôi. Hãy nói về những ngày tươi sáng.

– Anh có muốn biết thời tiết bên ngoài như thế nào không?

– Trời đang mưa, – ông nói. – Anh biết mà.

– Trời đang đổ cơn mưa lớn, – nàng bảo ông. – Không có du khách nào ra ngoài trong lúc thời tiết như thế này. Gió rất mạnh, chúng mình chỉ có thể ngồi yên bên lò sưởi này thôi.

– Dẫu sao chúng mình cũng có thể. Anh không quan tâm đến họ nữa. Anh chỉ thích nghe họ nói.

– Một đôi người tệ quá, – nàng nói. – Nhưng vài người lại rất tử tế. Em nghĩ rõ là những người tử tế nhất đi đến Torcello.

– Điều ấy hoàn toàn chính xác, – ông nói. – Anh đã không nghĩ về điều đó. Thực ra nơi này chẳng có gì để họ ngắm nếu bản thân họ không thật xinh đẹp để ngắm nhau.

– Em pha cho mình một ly nhé? – nàng đề nghị. – Mình biết đấy, em là một y tá rất tồi. Em đã không được

học và lại cũng chẳng có chút năng khiếu gì. Nhưng em có thể pha thức uống,

– Ta uống đi.

– Mình muốn uống gì?

– Gì cũng được, – ông đáp.

– Em sẽ khiến mình ngạc nhiên. Em xuống dưới nhà pha đây.

Ông nghe tiếng cánh cửa mở rồi đóng và bước chân nàng xuống cầu thang, ông nghĩ, mình phải buộc nàng đi chơi một chuyến. Mình phải nghĩ ra cách để thực hiện. Mình phải tính toán cái gì đó thực tế một chút. Giờ đây, mình phải chịu cảnh này cho đến cuối đời, mình phải nghĩ cách để không làm hại cuộc đời nàng, để không hủy hoại đời nàng. Nàng rất dịu dàng nhưng nàng được sinh ra không phải để làm việc này. Ý mình là cái kiểu tử tế này. Ý mình là cứ tử tế mỗi ngày rồi chôn vùi cả cuộc đời trong sự hy sinh ấy.

Ông nghe tiếng nàng lên cầu thang và để ý sự khác lạ của bước chân khi nàng đang mang hai chiếc cốc so với lúc đi không. Ông nghe tiếng mưa chạm vào kính cửa sổ và ông ngửi thấy mùi gỗ sồi đang cháy trong lò sưởi. Khi nàng vào phòng, ông chìa tay đón cốc rượu, nắm giữ nó rồi cảm thấy nàng đưa cốc của mình chạm cốc ông.

– Đây là thức uống cũ của chúng mình được pha nơi này, – nàng nói. – Campari, Gordon pha với đá.

– Anh lấy làm mừng rằng em không phải là hạng người luôn mở miệng than vãn “khổ quá”.

– Đúng – nàng nói. – Em chưa bao giờ nói như thế. Chúng mình đang ở trong vận bĩ mà.

– Hãy đứng vững trên đôi chân khi cơn khủng hoảng đã lên đến đỉnh điểm, – ông nói. – Em có còn nhớ lúc chúng ta bỏ thành ngữ này không?

– Đây là lúc xảy ra với con sư tử của em. Nó là con sư tử thật kiêu hùng đấy nhỉ? Em không thể đợi cho đến lúc chúng mình nhìn thấy nó.

– Anh cũng không thể, – ông nói.

– Em lấy làm tiếc.

– Em có nhớ ta bỏ thành ngữ ấy lúc nào không?

– Em gần như nhắc lại được nó.

– Anh biết, – ông bảo nàng, – chúng ta đã cực kỳ may mắn khi đến đây. Anh nhớ rõ nó đến nỗi có thể sờ được. Đây là một từ mới và chúng ta sẽ bỏ nó nhanh thôi. Nhưng nó thực sự tuyệt vời. Khi nghe tiếng mưa, anh có thể thấy nó rơi trên những phiến đá, trên dòng kênh và trên mặt phá rồi anh biết hình dáng cây cối cong theo từng đợt gió và cả hình bóng nhà thờ, tháp chuông hiện lên trong những luồng ánh sáng. Chúng ta sẽ không thể đi đến nơi nào tốt hơn nữa cho anh đâu. Nơi này thực sự lý tưởng. Chúng ta có radio, máy cát xét ghi âm thật tốt và anh sẽ viết tốt hơn những gì có thể. Nếu người ta có thời giờ nghe băng thì sẽ học được nhiều từ. Anh có thể làm việc chậm, có thể thấy được từ ngữ khi phát âm ra chúng. Nếu chúng sai thì anh nghe chúng sau, rồi anh có thể bỏ đi, làm việc trở lại cho đến khi tìm được từ đúng. Em yêu, nhưng bằng nhiều cách khác nhau chúng ta vẫn không thể tìm ra từ tốt hơn.

– Ô, Philip –

– Cút, – ông nói. – Bóng tối thì chỉ là bóng tối. Cái này thì thực sự chẳng giống như bóng tối. Anh có thể nhìn thấy

bên trong rất rõ và bây giờ đầu anh lại khá hơn lúc nào hết, anh có thể nhớ và hình dung rõ. Em cứ đợi xem. Hôm nay anh đã chẳng nhớ tốt hơn đó sao?

– Lúc nào anh cũng nhớ tốt cả. Và anh sắp khỏe.

– Anh khỏe, – ông nói. – Bây giờ nếu em –

– Nếu em cái gì?

– Nếu em đi xa một thời gian để nghỉ ngơi và thay đổi không khí.

– Anh không cần em nữa hay sao?

– Dĩ nhiên là anh cần em, em yêu.

– Vậy thì tại sao ta lại bàn chuyện em ra đi? Em biết mình chăm sóc anh không khéo nhưng em có thể làm nhiều thứ mà những người khác không thể, và lại chúng mình yêu nhau mà. Anh yêu em, anh biết điều đó và chúng mình biết những điều mà không một người nào khác biết.

– Chúng ta đã làm nhiều thứ tuyệt vời trong bóng tối, – ông nói.

– Và chúng mình cũng làm nhiều thứ tuyệt vời vào ban ngày.

– Em biết anh thích bóng tối. Bằng cách nào đó, nó là chất xúc tác.

– Đừng có lừa dối nhiều quá, – nàng nói. – Anh không cần phải tỏ ra quá kiêu hãnh đến thế đâu.

– Nghe trời mưa kia, – ông nói. – Bây giờ thủy triều thế nào rồi?

– Đã rút xuống và gió lại đẩy nước rút xuống xa bờ hơn. Người ta gần như có thể đi bộ đến Burano.

– Tất cả ngoại trừ một nơi, – ông nói. – Có nhiều chim không?

– Chủ yếu là nhận và mòng biển. Chúng đỗ trên dải đất và khi bay lên, gió cuốn chúng đi.

– Không có người nào trên bờ à?

– Có vài người đang làm gì đó trên phía dải đất mà chỉ lộ ra khi có gió và thủy triều như thế này.

– Em có nghĩ đã sang xuân chưa?

– Em không biết, – nàng nói. – Hẳn thời tiết chưa phải là mùa xuân đâu.

– Em đã uống hết cốc của mình rồi chứ?

– Sắp xong. Sao anh không uống đi?

– Anh đang để dành.

– Uống đi, – nàng nói. – Khi anh không thể uống thì nó không tệ hơn à?

– Không đâu, em biết đấy, – ông nói. – Những gì anh nghĩ khi em xuống dưới nhà là em có thể đi đến Paris, sang London, em sẽ gặp gỡ nhiều người, sẽ cảm thấy vui vẻ rồi khi em quay lại lúc ấy hẳn mùa xuân và, em có thể kể cho anh nghe mọi chuyện.

– Không, – nàng nói.

– Em nghĩ làm như thế mới là thông minh, – ông nói.
– Em biết đây là công việc kéo dài chán ngắt, chúng ta phải biết cách tự mình thu xếp. Anh không muốn làm em mệt mỏi. Em biết –

– Em ước sao anh đừng nói “em biết” quá nhiều.

– Em hiểu chứ? Đấy là một trong số những vấn đề. Anh đã học được cách nói mà không tỏ vẻ bực bội. Khi quay lại, hẳn em sẽ phát điên vì anh.

– Anh sẽ làm gì vào ban đêm?

– Ban đêm thì dễ thôi.

– Em chắc thế. Em nghĩ hẳn là anh cũng đã học được cách ngủ rồi.

– Anh sắp. – ông bảo nàng rồi uống hết nửa cốc. – Đây là một phần của kế hoạch. Em biết đây là cách nó diễn ra. Nếu em đi xa, xá hơi một thời gian thì lương tâm anh sẽ thanh thản. Rồi lần đầu tiên trong đời, với lương tâm thanh thản ấy, anh dễ dàng chìm vào giấc ngủ. Anh sẽ lấy một cái gối, hiện thân cho lương tâm trong sạch của mình, ôm choàng qua nó rồi buông chùng ra khi ngủ. Nếu anh thức giấc bởi bất kì một sự kiện kỳ lạ nào đó thì anh chỉ tư duy về những ý tưởng buồn thiu, hạnh phúc, quyến rũ mà thôi. Hoặc anh sẽ hồi tưởng lại mọi chuyện. Em biết anh muốn em được vui vẻ.

– Xin đừng nói “em biết” nữa.

– Anh đã cố tập trung để không nói. Nó đã bị ngăn lại nhưng rồi anh lại quên và hạ chấn ngăn xuống. Dầu sao thì anh cũng chẳng muốn em làm con chó dẫn đường.

– Em không phải và anh biết điều đó. Nếu có thì tự nguyện dẫn đường chứ không phải bị bắt dẫn đường.

– Anh biết điều ấy, – ông bảo nàng. – Đến ngồi đây, em có bức mình không?

– Nàng đến ngồi cạnh ông trên giường, cả hai nghe mưa nặng hạt rơi lên kính cửa sổ, ông cố không xoa đầu nàng và sờ khuôn mặt đáng yêu của nàng theo cách những người mù thường làm, nhưng chẳng còn cách nào khác để có thể chạm khuôn mặt ngoại trừ cách ấy. Ông ôm chặt nàng và hôn lên đỉnh đầu nàng. Hôm khác, mình sẽ phải cố thêm lần nữa, ông nghĩ. Mình không để là một kẻ quá ngốc về chuyện này. Thịt da nàng mới mịn màng làm sao, mình rất yêu nàng nhưng đã

làm nàng thiệt nhiều quá, mình phải học cách chăm sóc nàng tốt hơn bằng cách mà mình có thể. Nếu mình nghĩ về nàng và chỉ nghĩ về nàng thôi thì mọi chuyện sẽ ổn cả.

– Giờ thì anh không nói “em biết” nữa, ông bảo nàng.

– Chúng ta có thể bắt đầu từ đó.

Nàng lắc đầu và ông thấy nàng run rẩy.

– Anh cứ nói nếu anh muốn, – nàng nói rồi hôn ông.

– Đừng khóc, thiên thần của anh, – ông nói.

– Em không muốn anh ngủ với bất kì cái gối bẩn thỉu nào, – nàng nói.

– Anh sẽ không. Không với bất cứ một cái gối bẩn thỉu nào.

– Dừng lại đi, – ông thầm nhủ. – Dừng ngay lại đi.

– Ô kìa, này, – ông nói. – Bây giờ ta hãy xuống dưới và ăn trưa tại nơi thoải mái trước đây của chúng ta, bên cạnh lò sưởi rồi anh sẽ nói cho em biết em tuyệt vời đến nhường nào và cái gì là vận may thực sự của chúng ta.

– Chúng mình thực sự may mắn.

– Chúng ta sẽ khiến mọi thứ dễ chịu.

– Nhưng em chỉ không muốn bị đuổi đi.

– Không ai đuổi em cả.

Nhưng lúc cẩn thận bám tay vịn và lần bước xuống cầu thang, ông nghĩ mình phải tìm cách bảo nàng đi, bảo nàng đi trước lúc mình có thể làm tổn thương nàng. Bởi lẽ mình chẳng thể làm tốt việc ấy. Đây là những gì tao hứa với mày. Nhưng mày còn có thể làm được gì khác nữa? Chẳng thể, ông nghĩ. Mày chẳng thể nào làm bất cứ điều gì. Nhưng có lẽ, nếu mày cứ chịu đựng như thế thì mày sẽ thạo việc ấy.

LÊ HUY BẮC dịch

NGƯỜI MÙA HẠ

Khoảng giữa con đường rải sỏi từ thị trấn Hortons Bay đến hồ, có một dòng suối. Nước vỗ vào phiến đá chìm bên cạnh đường, tràn lên bề mặt rạn nứt của phiến đá rồi len qua cụm bạc hà rậm rạp chảy vào đầm lầy. Trong bóng tối, Nick nhúng tay xuống suối nhưng không thể để lâu bởi nước suối lạnh. Tay cậu chạm vào những gợn cát nhỏ lấp mô dưới đáy suối. Nick nghĩ giá mà mình có thể nằm dưới đáy suối. Chắc nó khiến mình thoải mái. Cậu rút tay lên rồi ngồi xuống rìa đường. Đêm ấy, trời nóng.

Phía dưới đường, nhìn qua rừng cậu có thể thấy màu trắng từ ngôi nhà Bean cất trên những chiếc cột nổi lên mặt nước. Cậu không muốn xuống bến. Mọi người đang bơi ở dưới ấy. Cậu chẳng muốn gặp Kate, đôi mắt Odgar có màu của mắt cá rán. Odgar chẳng biết chuyện gì chẳng? Kate sẽ chẳng bao giờ lấy anh ta. Nàng sẽ không lấy người mà nàng không thấy hấp dẫn. Và nếu bị ép thì nàng sẽ thu mình lại, khó gần rồi lãng đi. Nhưng cậu lại có thể hấp dẫn nàng. Thay vì giấu mình và lãng xa, nàng lại cởi mở hết tâm lòng, dịu dàng, mời gọi vòng tay ôm ấp. Odgar nghĩ

tình yêu là thế. Mắt anh ta lác và ửng đỏ quanh mí. Nàng không chịu để anh chạm vào người. Tất cả tình yêu của anh được biểu lộ bằng mắt. Rồi thì Odgar chỉ muốn quan hệ giữa hai người mãi mãi là tình bạn như cũ. Chơi đùa trên cát. Nặn hình bằng đất sét. Cùng nhau giong thuyền đi chơi suốt cả ngày. Kate luôn mặc đồ tắm. Odgar ngắm nàng.

Odgar ba mươi hai tuổi và đã hai lần chịu phẫu thuật vì chứng giãn tĩnh mạch. Dù xấu trai nhưng mọi người mến vẻ mặt của anh. Có lẽ, Odgar sẽ chẳng bao giờ có được điều đó và với anh nó lại là tất cả trên đời. Cứ mùa hè đến, anh lại khổ sở vì nó. Thực đáng thương. Odgar rất tử tế. Anh tử tế với Nick hơn bất kỳ một ai khác. Nếu muốn, Nick có thể đạt được điều đó ngay bây giờ. Odgar sẽ tự tử, Nick nghĩ, nếu anh biết chuyện ấy. Minh chẳng rõ anh ta sẽ tự sát như thế nào. Cậu không nghĩ về cái chết của Odgar nữa. Có lẽ anh ấy sẽ không tự tử. Nhưng nhiều người đã tự tử. Không phải chỉ vì thất tình. Nhưng Odgar nghĩ chỉ có thất tình mới gây nên chuyện đó. Chúa biết, Odgar yêu nàng lắm. Đây là nỗi khát khao, khát khao thể xác, khai trình, thuyết phục, chờ cơ hội, không hề hoảng sợ, dự đoán về những kẻ khác, chẳng bao giờ gợn hỏi, dịu dàng và khao khát, tạo niềm đam mê và hạnh phúc, vui đùa mà không làm ai lo sợ. Rồi đợi chờ mọi chuyện sẽ ổn thỏa sau đó. Đây không phải là tình yêu. Tình yêu là nỗi lo. Bản thân cậu, Nicholas Adams, có thể có những gì cậu muốn bởi chúng ở trong tầm tay cậu. Cậu có thể tặng cho Odgar hoặc bảo cho Odgar chuyện ấy. Nhưng không phải bất cứ chuyện gì người ta cũng có thể dạy bảo cho kẻ khác. Đặc

biệt là với Odgar. Đừng, thực sự đừng với Odgar. Với bất kỳ ai. Bất kỳ nơi nào. Nói, đấy luôn là lỗi lầm đầu tiên của cậu. Cậu đối thoại với bản thân quá nhiều. Dẫu sao còn nhiều việc mà cần làm để đến với các tiên nữ ở Princeton, Yale và Harvard. Tại sao không có thiếu nữ học tại những trường đại học của bang? Con trai và con gái có thể học chung. Chúng gặp gỡ, giúp đỡ rồi lấy nhau. Hà có gì mà phải trở thành những gã như Odgar, Harvey và Mike và đám còn lại? Cậu không biết. Cậu chưa hoàn toàn trưởng thành. Chúng ta là những người tốt nhất trái đất. Nhưng việc gì phải giống chúng? Cậu chẳng biết gì sất. Làm sao cậu có thể viết giống như Hardy và Hamsun một khi cậu chỉ ném mũi dùi mới được có mười năm. Cậu không thể. Hãy đợi đến lúc cậu năm mươi.

Trong bóng tối, cậu quỳ xuống dòng suối uống nước. Cậu cảm thấy dễ chịu. Cậu biết mình sẽ trở thành nhà văn vĩ đại. Cậu biết nhiều thứ và chúng sẽ chẳng bao giờ bằng cậu. Chẳng một ai có thể. Chỉ khi cậu chưa hiểu hết mọi thứ. Chuyện đó sẽ ổn thôi. Cậu biết. Nước lạnh làm mất cậu đau. Cậu nuốt một ngụm lớn lạnh như băng. Đấy là hậu quả của việc nhúng mũi xuống nước uống. Tốt hơn là cậu nên đi bơi. Suy nghĩ thì chẳng tốt lành gì. Nó bắt đầu rồi cứ thế tiếp tục. Cậu bước xuống đường, vượt qua chiếc xe và nhà kho lớn phía bên trái nơi táo, khoai tây được xếp lên thuyền vào mùa thu, vượt qua nhà Bean sơn trắng nơi họ thỉnh thoảng khiêu vũ dưới ánh sáng của ngọn đèn lồng trên sàn gỗ cứng, đi ra bến nơi mọi người đang bơi.

Cả bọn bơi phía cuối bến tàu. Khi đi trên sàn gỗ nhám nhô cao trên mặt nước, Nick nghe tiếng cọ của hai lớp ván

lát và tiếng sóng. Nước vỗ bên dưới bờ đá. Kia hẳn là Ghee, cậu nghĩ. Kate nhô lên khỏi mặt nước tựa con hải cẩu rồi trườn người lên bậc thang.

“Wemedge đây rồi”, nàng gào lên báo cho mấy người kia. “Xuống đi Wemedge. Kỳ diệu lắm”.

“Chào Wemedge”, Odgar nói. “Anh bạn, thú vị lắm”.

“Wemedge ở đâu?” đang bơi ngoài kia, Ghee hỏi.

“Có phải anh chàng Wemedge, người không bơi đấy không?” Giọng Bill trầm vang trên mặt nước.

Nick thấy dễ chịu. Thật buồn cười khi người ta gào với bạn như thế. Cậu tháo giày, kéo áo qua đầu rồi cởi quần dài. Đôi chân trần của cậu chạm vào lớp cát trên ván cầu tàu. Cậu chạy thật nhanh trên lớp ván kẻ kẻ, ngón chân dấn vào mép ván, cậu gồng mình lại nhảy xuống làn nước mềm mại và sâu thẳm mà không phải cố lặn. Cậu đã hít căng lồng ngực khi nhảy rồi bây giờ từ từ nhả không khí ra dòng nước, uốn cong lưng, đập thẳng chân, lao tới. Sau đó cậu trôi lên, bênh bồng, úp mặt xuống nước. Cậu lật người rồi mở mắt. Cậu không để ý đến bơi mà chỉ thích lặn, ngụp sâu dưới nước.

“Cậu thấy thế nào Wemedge?” Ghee bơi sát cậu.

“Ấm như nước đá”.

Cậu thở sâu, tay giữ ngang mắt cá chân, kéo đầu gối lên tận cằm rồi chậm rãi lặn xuống. Nước ấm trên bề mặt nhưng cậu nhanh chóng vượt qua khoảng nước ấm xuống chỗ nước lạnh. Khi cậu lặn đến đáy, nước thật lạnh. Nick nhẹ nhàng đập dềnh sát đáy. Đáy nước đầy macrô, chân cậu khó chịu khi giẫm phải lúc cậu đuổi người đập mạnh để ngoi lên mặt nước. Trong đêm tối. Cậu có cảm giác là lạ

khi chui từ dưới nước lên. Nick nằm nghỉ trong nước, khẽ bơi và thư giãn. Odgar đang nói chuyện với Kate trên cầu tàu.

“Anh đã từng bơi trên biển nơi phát ra ánh lân tinh chưa Carl?”

“Chưa”, giọng Odgar không tự nhiên khi nói với Kate.

Bọn mình hẳn như những đối thủ biết thông cảm cho nhau, Nick nghĩ. Cậu hít một hơi dài, co gối đập mạnh, lặn xuống; lần này cậu mở mắt. Cậu lặn nhẹ nhàng, thoát tiên cậu nghiêng người rồi chúi đầu xuống. Chẳng tác dụng gì. Cậu không thể nhìn dưới nước trong đêm tối. Khi lặn lần đầu, cậu đã nhắm mắt đúng lúc. Phản ứng như thế thực buồn cười. Dẫu sao thì cũng không đúng. Cậu không lặn xuống nữa mà trôi lên bơi trong vùng nước mát, giữ người chìm dưới mặt nước. Thực quá đối buồn cười khi bơi dưới nước và lại càng tức cười hơn khi phải giữ thăng bằng để bơi. Bơi trên biển rất khoái. Sức đẩy của nước ấy mà. Nhưng lại có vị muối và cách nó làm người ta khát. Nước ngọt vẫn tốt hơn. Như dòng nước này trong buổi tối nóng nực. Cậu nhô lên thở ngay dưới mép bảo vệ cầu tàu rồi leo lên bậc thang.

“Ồ, Wemedge, anh lặn à”. Kate nói. “Thật đúng là thợ lặn”. Họ đang ngồi bên nhau trên cầu tàu, lưng tựa vào cái cột lớn.

“Biểu diễn cú lặn không tiếng động đi Wemedge”, Odgar đề nghị.

“Được thôi”.

Nước trên người đang nhỏ giọt, Nick bước trên ván cầu, trong đầu nhắm lại cách lặn. Odgar và Kate quan sát

cậu, thân hình mờ mờ trong bóng tối, đứng cuối ván cầu, gập người nhào lặn theo cách học lỏm từ loài rái cá biển. Trong làn nước, khi xoay người lên thở, Nick nghĩ: Chứa ơi, giá mà mình có Kate ở dưới này. Cậu vội vã nhào người lên, cảm thấy nước vào đầy mắt và tai. Cậu cần phải thở.

“Thật hoàn hảo. Rất tuyệt”, từ trên bến, Kate reo lên.

Nick leo lên bậc thang.

“Bọn ấy đâu cả rồi”, cậu hỏi.

“Chúng đang bơi ngoài vịnh”, Odgar đáp.

Nick nằm xuống cầu tàu, bên cạnh Kate và Odgar. Cậu có thể nghe tiếng động của Ghee và Bill đang bơi ngoài xa, trong bóng tối.

“Anh là thợ lặn cừ nhất đấy, Wemedge”, Kate nói, chân cọ vào lưng cậu. Nick rút người bởi sự tiếp xúc ấy.

“Không”, Nick nói. Cậu đang nghĩ, nếu có khả năng sống với ai đó ở dưới nước thì cậu có thể nín thở ba phút, bám vào đáy cát rồi hai đứa cùng nhau ngoi lên, thở rồi lặn xuống, lặn thì rất dễ nếu người ta biết cách. Có dạo cậu đã uống một chai sữa, bóc vỏ và ăn một quả chuối dưới nước để biểu diễn, dĩ nhiên muốn làm nước như thế thì phải có trọng lượng để giữ cơ thể chìm xuống, nếu có một cái vòng ở đáy cát hoặc vật gì đó cho cậu quàng tay vào, thì cậu có thể thực hiện được điều ấy. Chà, chuyện đó sẽ thế nào nhỉ, dẫu sao thì mày cũng không thể kiếm được một cô gái như thế, con gái không thể nào chịu nổi, cô ta sẽ bị sặc nước; Kate sẽ bị chết đuối, Kate không giỏi lặn, cậu ước có một cô gái như thế, hẳn cậu sẽ kiếm được một cô như thế, hoặc giả là không bao giờ, chẳng có ai ngoài cậu có thể chịu đựng lâu

được dưới nước. Đám thợ bơi ư? Đồ chết tiệt, cánh bơi là những tay quý tộc rởm, chẳng một ai hiểu nước ngoài trừ cậu, có một gã ở Evanston có thể nín thở sáu phút nhưng hẳn là thằng điên. Cậu ước mình là cá, không, cậu không thể. Cậu cười.

“Có chuyện gì vui vậy, Wemedge?” Odgar nói khàn khàn, bắt chước giọng Kate.

“Tôi muốn mình là cá,” Nick đáp.

“Ý tưởng ngộ nhỉ”, Odgar nói.

“Đúng thế,” Nick nói.

“Đừng có ngốc, Wemedge”, Kate nói.

“Em có muốn mình là cá không hở Butstein?” Cậu hỏi lúc nằm gối đầu lên tấm ván, quay mặt khỏi họ.

“Không”, Kate đáp. “Không phải tôi này”.

Nick tì mạnh lưng vào chân nàng.

“Anh muốn mình trở thành loài nào, Odgar?” Nick hỏi.

“J. P. Morgan”, Odgar đáp.

“Anh dễ thương thật, Odgar”, Kate nói. Nick cảm thấy Odgar đỏ mặt.

“Em muốn mình là Wemedge”, Kate nói.

“Em rất có thể trở thành bà Wemedge”, Odgar nói.

“Chẳng có ai sẽ trở thành bà Wemedge, cả”, Nick nói. Cậu căng hết cơ lưng. Cả hai chân Kate duỗi ra đặt lên lưng cậu như thể nàng để chúng lên cây gỗ trước lò sưởi.

“Đừng quá khăng định”, Odgar nói.

“Tôi hoàn toàn chắc chắn”, Nick nói. “Tôi sẽ cưới một nàng tiên cá”.

“Cô ta sẽ là bà Wemedge”, Kate nói.

“Không, cô ta sẽ không”, Nick nói. “Anh sẽ không cho phép”.

“Làm sao anh ngăn được cô ta”.

“Anh sẽ cản được. Chỉ để cô ta thử thôi”.

“Người cá không lấy chồng”, Kate nói.

“Thánh Mann sẽ bỏ đói cậu”, Odgar nói.

“Chúng tôi sẽ ở ngoài giới hạn “bốn dặm”, Nick nói. “Chúng tôi sẽ mua thực phẩm từ những quái vật. Odgar, anh có thể vận đồ lặn xuống thăm bọn tôi. Nhớ cho Butstein đi cùng nếu cô ấy muốn. Bọn tôi sẽ ở nhà vào các chiều thứ năm”.

“Ngày mai chúng ta sẽ làm gì?” Odgar nói, giọng anh ta lại khàn khàn giống giọng Kate.

“Ồi, trời đất, ta hãy khoan nói về ngày mai đã”, Nick nói. “Ta hãy nói về nàng tiên cá của tôi”.

“Chúng tôi chán nàng tiên cá của anh rồi”.

“Thôi được”, Nick nói. “Em và Odgar cứ việc nói chuyện. Anh nghĩ về cô ta đây”.

“Anh thật đồi bại, Wemedge. Anh cực kỳ xấu xa”.

“Không, anh không. Anh chỉ thật lòng thôi”. Rồi nhắm mắt lại, Nick nói. “Đừng quấy rầy anh. Anh đang nghĩ về cô ta”.

Cậu nằm đó, nghĩ về nàng tiên cá của mình trong lúc lòng bàn chân của Kate ấn vào lưng, nàng nói chuyện với Odgar.

Odgar và Kate nói chuyện nhưng cậu không nghe họ. Không còn nghĩ ngợi gì nữa, cậu nằm đó, rất thanh thản.

Dưới kia, Bill và Ghee rời khỏi mặt nước, lên bờ đi về phía xe, rồi lùi nó lên cầu tàu. Nick đứng dậy mặc áo quần. Bill và Ghee ngồi ở ghế trước, mệt mỏi do bơi quá xa. Nick

ngồi phía sau với Kate và Odgar. Chúng dựa lưng ra ghế. Bill rồ ga leo lên đồi, ngoặt sang đường chính. Trên đường, Nick nhìn thấy đèn của mấy chiếc xe phía trước khuất khỏi tầm mắt, rồi không thấy gì khi xe leo lên đồi, chấp chờn lúc đến gần rồi lại mờ nhạt khi Bill vượt qua. Con đường được đắp cao dọc theo bờ hồ. Mấy chiếc xe lớn rời khỏi Charlevoix, đám trưởng giả giàu có ngồi bên cạnh lái xe của họ, rồ máy vượt lên, lấn đường và không bật đèn gầm. Chúng vượt qua như thể đoàn tàu lửa. Bill nháy đèn pha với những chiếc xe chạy ngược chiều, bên phía rừng cây, khiến những kẻ lấn đường dạt vào. Không có xe nào vượt Bill mặc dù đôi khi đèn xin đường ở xe họ nhấp nháy cho đến lúc Bill vượt bỏ họ. Bill chạy chậm trước lúc rẽ vào con đường cát, chạy qua vườn cây ăn quả về ngôi nhà trong nông trại. Chiếc xe, được hạ số, chậm rãi bò qua vườn cây. Kate ghé sát môi vào Nick.

“Khoảng một tiếng nữa, Wemedge”, nàng nói. Nick ép chặt đùi mình vào đùi nàng, Chiếc xe chạy vòng trên đỉnh đồi, trên vườn cây rồi dừng lại trước nhà.

“Cô đã ngủ. Bọn mình phải giữ yên lặng”, Kate nói.

“Tạm biệt các bạn”, Bill thì thào. “Sáng mai bọn tớ đến đón”.

“Tạm biệt, Smith”, Ghee khẽ chào. “Tạm biệt Butstein”.

“Tạm biệt Ghee”, Kate nói.

Odgar đang vào nhà.

“Tạm biệt các bạn”, Nick nói. “Hẹn gặp em, nàng tiên cá”.

“Tạm biệt Wemedge”, Odgar nói từ trên cửa.

Nick và Ghee xuống con đường chạy vào vườn cây. Nick với tay hái quả táo từ một trong những cây giống

Duchess. Nó hãy còn xanh nhưng cậu vẫn nhai miếng táo chát và nhả hạt.

“Cậu và Bill bơi xa đấy, Ghee”, cậu nói.

“Chẳng xa lắm đâu Wemedge”, Ghee đáp.

Chúng ra khỏi vườn cây, đi qua thùng thư, lên con đường cao tốc. Làn sương mù lạnh từ thung lũng lòng chảo nơi con đường cắt dòng suối đang toả lên. Nick dừng lại trên cầu.

“Đi thôi, Wemedge”, Ghee nói.

“Ừ”, Nick tán thành.

Chúng tiếp tục leo lên đồi đến nơi con đường chui vào rừng cây mọc quanh nhà thờ. Không có ngọn đèn nào trong những ngôi nhà chúng vượt qua. Thị trấn Hortons Bay đang chìm trong giấc ngủ. Chẳng còn chiếc xe nào vượt qua chúng.

“Mình chưa cảm thấy muốn về nhà”, Nick nói.

“Cậu có thích tớ đi cùng không”.

“Không, Ghee. Đừng bận tâm”.

“Thôi được”.

“Mình chỉ đi đến nhà với cậu”, Nick nói. Chúng mở chốt cánh cửa có rèm che và đi vào bếp. Nick mở nồi đựng thịt và nhìn quanh.

“Có dùng món này không hở Ghee?” Nick hỏi.

“Tớ chỉ cần miếng bánh”, Ghee đáp.

“Tớ cũng thế”, Nick nói. Cậu gói một ít thịt gà rán và hai miếng bánh nhân đào trong tờ giấy bóng đặt trên thùng đá.

“Tớ sẽ mang theo gói này”, cậu nói. Ghee nuốt miếng bánh kèm theo một ca nước đầy mức từ trong xô.

“Ghee à, nếu cậu muốn đọc thứ gì thì cứ lấy ở phòng mình”, Nick nói. Ghee đang nhìn bọc đồ ăn trưa Nick gói mang theo.

“Chớ làm chuyện gì ngu ngốc đó Wemedge”, nó nói.

“Chẳng sao đâu Ghee”.

“Cũng được. Duy chỉ đừng có ngốc”, nó mở cửa, bước qua sân cỏ về phía nhà.

Nick tắt đèn, cài cửa rồi bước ra. Cậu quán gói đồ ăn trưa trong tờ báo, băng qua đồng cỏ ướt, leo qua hàng rào, lên con đường vào thị trấn len dưới đám cây du rậm rạp, vượt qua chiếc thùng thư cuối cùng trong dãy R. F. D ở ngã tư rồi bước lên đại lộ hướng về phía Charlevoix. Vượt con lạch, cậu qua cánh đồng, đi vòng quanh bìa vườn cây ăn quả, men đến vùng đất trống, vượt qua hàng rào vào cụm cây. Ngay chính giữa cụm rừng, bốn cây độc cần mọc kề sát nhau. Mặt đất mềm trải đầy lá cây, khô ráo. Cụm rừng chưa hề bị chặt phá mấy may và cây bụi không thể mọc trên nền rừng khô, ẩm ầy. Nick đặt gói đồ ăn trưa cạnh gốc của một trong mấy cây độc cần rồi nằm xuống đợi. Cậu thấy Kate len qua rừng cây trong bóng tối nhưng vẫn nằm im. Nàng không thấy cậu bèn đứng lại một lát, tay ôm hai cái mền. Trong bóng tối, hình bóng đó nom tựa như một người khổng lồ mang thai. Nick giật mình rồi cảm thấy buồn cười.

“Chào Butstein”, cậu nói. Nàng đánh rơi mấy cái mền.

“Ôi Wemedge. Anh làm em sợ quá. Em đang lo là anh không đến.

“Em Butstein yêu thương”, Nick nói. Cậu kéo nàng vào lòng, cảm nhận thân hình nàng ép vào mình, cả cơ thể ngọt ngào ép sát. Nàng ôm chặt lấy cậu.

“Em yêu anh lắm, Wemedge”.

“Em Busttein yêu quý của anh”, Nick nói.

Chúng trải mền ra, Kate vuốt phẳng.

“Thực là mạo hiểm khi mang theo mền”, Kate nói.

“Anh biết”, Nick nói. “Ta cởi quần áo đi”.

“Ôi, Wemedge”.

“Càng khoái chứ sao”. Chúng cởi đồ rồi ngồi xuống chần. Nick hơi xấu hổ khi ngồi như thế.

“Anh có thích em trần truồng không hở Wemedge?”

“Tuyệt vời. Ta đắp chăn thôi”, Nick nói. Chúng nằm giữa hai lớp mền xù xì. Cơ thể cậu nóng bừng ép sát người nàng mát mẻ, khát khao tìm kiếm, rồi dịu trở lại.

“Hạnh phúc chứ?”

Kate riết chặt lấy cậu thay cho câu trả lời.

“Có buồn cười không?”

“Ôi Wemedge. Em muốn như thế. Em rất muốn”.

Họ nằm bên nhau trong mền. Wemedge rê đầu xuống, mũi cậu kéo dọc theo cổ, đến giữa ngực nàng. Chúng như thể phím đàn piano.

“Em mát thật”, cậu nói.

Môi cậu nhẹ nhàng đặt lên một trong hai bầu vú nhỏ nhỏ. Nó như sống dậy giữa đôi môi, lưỡi cậu ấn nhẹ xuống. Cậu cảm thấy toàn bộ cảm giác ham muốn đang quay lại rồi, lướt tay xuống dưới, cậu xóc Kate lên. Cậu vuốt nhẹ, nàng siết chặt cậu. Nàng ép chặt, khít vào đường cong của bụng cậu. Nàng cảm thấy diệu kỳ. Cậu sờ soạng, hơi lóng ngóng rồi tìm ra nó. Cậu đặt hai tay lên vú nàng rồi siết nàng vào lòng. Nick hôn điên cuồng vào lưng nàng. Đầu Kate ưỡn ra sau.

“Cách này thú vị chứ”, cậu hỏi.

“Em thích. Em rất thích. Em rất muốn. Ôi, yêu em đi Wemedge. Hãy yêu em đi. Yêu đi. Yêu đi. Nào, Wemedge. Nào, nào, Wemedge”.

“Rồi đấy”, Nick nói.

Đột nhiên cậu có cảm giác cái nền nhám đang miết vào thân hình trần truồng của mình.

“Em kém lắm sao hở Wemedge?” Kate hỏi.

“Không. Em thật tuyệt vời”, Nick nói. Tâm trí cậu đang quay cuồng rồi dịu đi. Cậu nhận thức được mọi thứ và rồi, “Anh dối”, cậu nói.

“Em ước giá mà chúng ta có thể ngủ lại đây suốt đêm”, Kate vuốt ve người cậu.

“Thú vị đấy”, Nick nói. “Nhưng chúng ta không thể. Em phải quay lại nhà”.

“Em không muốn về”, Kate nói.

Nick đứng dậy, làn gió như mơn man người cậu. Cậu mặc áo và có vẻ vui khi đã mặc xong. Cậu tiếp tục mặc quần dài và đi giày.

“Em mặc đồ đi, Stut”, cậu bảo.

“Em không muốn”, Kate đáp. “Tối nay em sẽ ngủ lại đây”. Nàng ngồi dậy trong mên. “Đưa hộ em mấy thứ ấy, Wemedge”.

Nick đưa quần áo cho nàng.

“Em vừa nảy ra ý nghĩ”, Kate nói. “Nếu em ngủ ngoài này, thì mọi người sẽ nghĩ em là đồ ngốc mới ôm chăn ra nằm đây rồi mọi việc sẽ ổn cả thôi”.

“Em sẽ không thoải mái đâu”, Nick nói.

“Nếu khó chịu, em sẽ vào nhà”.

“Ta ăn trước lúc anh phải đi”, Nick nói.

“Đợi em mặc xong đồ đã”, Kate đáp.

Họ cùng nhau ngồi ăn thịt gà rán và bánh nhân anh đào.

Nick đứng lên rồi quỳ xuống hôn Kate.

Cậu đi qua đồng cỏ ướt đến ngôi nhà tranh, cẩn thận không gây tiếng động khi lên phòng mình. Nằm trên giường với chăn đệm thật là thoải mái, cậu duỗi thẳng người, đầu gối lên gối. Nằm giường rất thú, thoải mái, hạnh phúc, ngày mai đi câu, cậu đang cầu nguyện như cậu luôn cầu nguyện mỗi khi chợt nhớ, nguyện cầu cho gia đình, cho bản thân, một nhà văn vĩ đại trong tương lai, cho Kate, cho mọi người, cho Odgar, cho chuyến câu cá được tốt lành, cho Odgar đáng thương, Odgar đáng thương, đang ngủ trong ngôi nhà ấy, có thể không đi câu cá, có thể không ngủ suốt đêm. Thế đấy, con người ta chẳng thể làm được gì, dẫu chỉ một điều.

LÊ HUY BẮC dịch

CON NGHĨ MỌI THỨ ĐỀU GỌI LẠI TRONG CHA ĐIỀU GÌ ĐÓ

Câu chuyện rất hay, – ba cậu bé nói. – Con có biết nó hay đến mức nào không?

– Con không muốn mẹ gọi nó cho cha, Papa à.

– Con có còn viết cái gì khác nữa không?

– Chỉ mỗi truyện đó. Thực sự con không muốn mẹ gọi nó cho cha. Nhưng nếu nó đoạt giải.

– Mẹ muốn cha giúp con. Nhưng nếu con có thể viết hay như thế thì con không cần ai giúp nữa. Những gì con cần là tiếp tục viết. Con mất bao nhiêu thời gian để viết truyện đó?

– Không lâu lắm, thưa cha.

– Con biết về loài mòng ấy ở đâu vậy?

– Con chắc là ở Bahamas.

– Con chưa hề đến Dog Rocks và Elbow Key. Và cả Cat Key lẫn Bimini cũng không có bóng một con mòng hay nhận biển nào làm tổ. May ra ở Key West con mới có thể thấy những con nhận cuối cùng làm tổ mà thôi.

– À, ở Killem Peters. Chắc chắn rồi. Chúng làm tổ trên đá san hô.

– Chính xác là trên các dải đất, – ba cậu nói. – Thế thì con làm sao biết được loài mòng như con mòng trong truyện ấy là ở đâu?

– Có lẽ Papa đã kể cho con nghe về chúng.

– Đây là truyện rất hay. Nó gọi lại câu chuyện mà cha đã đọc từ rất lâu.

– Con nghĩ mọi thứ đều gọi lại trong cha điều gì đó, – cậu bé nói.

Mùa hè ấy, cậu bé đọc cuốn sách mà ba cậu đã tìm cho cậu trong thư viện rồi khi đến ngôi nhà chính để ăn trưa, nếu không chơi bóng chày hoặc xuống cầu lạc bộ bắn súng, thì cậu thường nói là mình bận viết lách.

– Đưa nó cho cha khi nào con muốn hoặc có thể hỏi cha về bất kỳ vấn đề gì, – ba cậu bảo. – Hãy viết về những điều mà con đã biết.

– Con sẽ viết như thế, – cậu bé đáp.

– Cha không muốn can thiệp hoặc trực tiếp nhúng tay vào công việc của con, – ba cậu nói. – Nhưng nếu con muốn thì cha có thể giúp con giải quyết những vấn đề đơn giản mà cả cha và con đều biết. Đây là cách tập luyện hữu hiệu.

– Con nghĩ mình sẽ viết được.

– Đừng đưa nó cho cha cho đến khi con muốn. Con có thích cuốn *Xa xôi và cổ kính* không?

– Con thích lắm.

– Một trong những điều cha muốn nói là chúng ta có thể cùng nhau đi chợ hoặc đi xem chọi gà rồi sau đó mỗi người viết lại những gì mình thấy. Đây là những gì con

thực sự chứng kiến như lúc người nuôi gà chọi, sau khi trọng tài ra hiệu kết thúc hiệp đấu, vạch mỏ con gà, thổi không khí vào họng nó và chăm sóc trước lúc thả lại vào sới đấu. Những chuyện vặt vãnh đại loại như thế. Cứ thử xem cha con ta thấy được gì.

Cậu bé gật đầu rồi nhìn xuống đĩa của mình.

– Hoặc chúng ta có thể đến tiệm cà phê, lắc mấy ván xúc xắc rồi sau đó con có thể viết lại những câu đối thoại mà mình đã nghe. Đừng cố viết mọi thứ. Chỉ viết những gì con nghe mà nó có ý nghĩa gì đấy.

– Con nghĩ con chưa sẵn sàng để làm việc đó, Papa à. Con nghĩ con cứ tiếp tục theo cách con đã làm với câu chuyện vừa rồi thì tốt hơn.

– Vậy thì cứ làm đi. Cha không muốn can thiệp hay buộc con phải theo cha. Những điều cha vừa nói chỉ là những gợi ý để thực hành. Cha sẵn sàng làm những việc ấy cùng con. Chúng là những bài tập đơn giản, chưa phải là những ví dụ tốt đâu. Chúng ta có thể chọn những tình huống tốt hơn.

– Có lẽ con cứ tiếp tục theo cái cách của câu chuyện ấy thì tốt hơn.

– Đương nhiên, – ba cậu nói.

Mình không thể viết hay như thế lúc ở vào độ tuổi của nó, ba cậu nghĩ. Mình cũng chưa từng gặp một người nào khác lại có thể viết giỏi như thế. Nhưng mình biết chẳng ai có thể bắn tốt hơn thằng bé vào lúc mười tuổi này; không chỉ bắn biểu diễn mà còn bắn trong cuộc thi, với những người đã trưởng thành và các tay súng chuyên nghiệp. Lúc mười hai tuổi, nó vẫn bắn giỏi như thế khi đi

săn trên cánh đồng. Nó bắn như thể được ra-đa chỉ đường. Nó chẳng bao giờ bắn quá tầm hay để con chim đến gần quá, nó bắn với một phong cách đẹp đẽ, hoàn toàn tự tin và chính xác vào những con gà lôi trên cao hay bắn đuổi theo bầy vịt trời.

Trong cuộc thi bắn chim bồ câu sống, khi nó bước ra bệ xi măng, quay người tiến về phía bảng sắt đã đánh dấu vị trí đứng bắn của nó bằng vạch đen, các tay súng chuyên nghiệp lặng im quan sát. Nó là đấu thủ duy nhất mà cả khán đài lặng im theo dõi. Một vài xạ thủ mỉm cười như thể có điều gì bí mật khi cậu bé nâng súng đặt lên vai rồi quay lại nhìn điểm để ngắm súng tỉ xuống. Khi má nó áp vào ngắm súng, tay trái đưa về phía trước, trọng lượng cơ thể nó dồn lên chân trái. Mũi súng nhích lên, hạ xuống, rẽ sang trái, sang phải rồi quay lại trung điểm. Gót chân phải hơi nhướn lên khi tất cả tâm trí nó dồn vào hai viên đạn trong ổ súng.

– Sẵn sàng, – nó nói bằng giọng trầm vang nghe không giống giọng của một đứa bé.

– Sẵn sàng, – người canh lồng đáp.

– Kéo, – một giọng nói vang lên rồi từ một trong số năm lồng chim bất kỳ, một con bồ câu màu xám bay ra, và đầu có chao cánh theo kiểu gì đi nữa thì con chim cũng sà nhanh xuống đám cỏ màu xanh, bay về phía hàng rào thấp màu trắng, phát đạn thứ nhất xuyên qua mình nó, rồi viên đạn thứ hai nối theo găm trúng. Khi con chim rã cánh, đầu nó chúi xuống, chỉ những người tinh mắt mới nhìn thấy được phát đạn thứ hai găm vào con chim đã chết lúc hãy còn lơ lửng trong không trung.

Cậu bé hạ súng, rời khỏi bệ xi măng, đi về phía hành lang, mặt nó chẳng biểu lộ cảm xúc gì, mắt nó nhìn xuống và chẳng phác bất kỳ cử chỉ đáp lễ nào trước những tiếng vỗ tay hoan hô mà chỉ nói, – Cảm ơn, – bằng kiểu giọng âm vang lạ lẫm, khi một tay súng chuyên nghiệp nào đó khen.
– Bán giỏi đấy, Stevie.

Nó đặt súng vào giá rồi đợi xem ba nó bắn, xong rồi hai cha con đi đến quầy giải khát ngoài trời.

– Con có thể được phép uống Coca-cola chứ Papa?

– Nhưng đừng uống quá nửa lon đấy.

– Vâng. Con lấy làm tiếc vì mình đã chậm. Đáng lẽ con không nên hạ con chim kém như thế.

– Nó bay thấp và nhanh, Stevie à.

– Chẳng ai biết như thế nếu con không chậm.

– Con đang bắn tốt đấy.

– Con sẽ lấy lại tốc độ. Đừng lo, Papa à. Chỉ một ngụm Coke này thôi thì con cũng không còn chậm nữa.

Con chim thứ hai của nó đã chết trong không trung khi người giữ lồng lắc xua ra ngoài bằng đường bay được giấu kín. Mọi người có thể nhìn thấy phát đạn thứ hai xuyên trúng con chim trong không khí trước lúc nó rơi xuống đất, nó nằm cách cái lồng chưa đến một mét.

Khi cậu bé quay lại, một trong số những tay súng địa phương nói: – Chà, cháu đã hạ con chim dễ quá, Stevie.

Cậu bé gạt đầu và dựng súng vào giá. Nó nhìn bảng ghi điểm. Có ba tay súng đang dẫn điểm trước ba nó. Nó đi tìm ba.

– Con đã lấy lại được tốc độ rồi, – ba nó nói.

– Con nghe tiếng lồng mỗ, – cậu bé nói. – Con không muốn Papa thua đâu. Con biết cha có thể nghe rõ tiếng lồng. Nhưng bây giờ, cái lồng số hai tiếng lại lớn gấp hai lần bất kỳ cái lồng nào khác. Lẽ ra người ta phải tra mỗ cho nó. Con không nghĩ là không có ai biết đâu.

– Cha luôn rê súng theo tiếng lồng.

– Là cái chắc, nhưng nếu nó lớn quá thì nó ở phía bên trái cha. Phía bên trái lớn lắm.

Ba lượt đấu tiếp theo, ba nó không rút thăm trúng con chim ở lồng số hai. Khi rút trúng, ông không nghe tiếng lồng và đã phải hạ con chim bằng phát đạn thứ hai ở khoảng cách xa đến nỗi con chim chạm hàng rào rớt vào trong.

– Ô, Papa, con lấy làm tiếc, – cậu bé nói. – Họ đã tra dầu cho nó. Lẽ ra con nên im lặng mới phải.

Vào cái đêm sau trận chung kết cuộc thi bắn quốc tế mà hai cha con đã tham dự, họ đang chuyện trò và cậu bé nói, – Con chẳng thể nào hình dung nổi một ai đó lại có thể bắn trượt chim câu cơ chứ?

– Chớ có nói như thế này với bất kỳ một người nào khác, – ba nó bảo.

– Vâng, con chỉ nói với ba thôi. Nhưng chẳng có lý do gì để bắn trượt cả. Cái con mà con đã để mất điểm thì con cũng bắn trúng hai lần và nó rơi chết ở bên ngoài.

– Đây là cách con bị thua.

– Con hiểu. Đây là cách con thua. Nhưng con không hiểu làm thế nào mà một thiện xạ thực sự lại bắn trượt.

– Có lẽ hai mươi năm nữa con sẽ, – ba nó nói.

– Con không có ý khoác lác đâu, Papa.

– Thôi được, – ba nó nói. – Duy chỉ đừng nói như thế với người khác.

Ông nhớ lại chuyện ấy khi đang hồ nghi về câu chuyện và về lối viết của cậu bé. Với tài năng không thể nào tin được của nó, thằng nhóc đã không trở thành xạ thủ bắn chim mà bản thân nó đâu phải không được tập luyện và dạy bảo. Bây giờ nó đã quên hết những thao tác tập luyện. Nó đã quên cái cách mà mình đã dạy nó; khi nó bắn trượt lũ chim, mình đã cởi áo sơ mi của nó và chỉ cho nó thấy vết bầm trên cánh tay nơi khẩu súng được đặt không đúng vị trí. Mình đã dạy nó bằng cách luôn bắt nó phải quay mắt nhìn lên vai để xem khẩu súng đã được đặt đúng vị trí chưa trước lúc gọi thả chim.

Nó cũng đã quên nguyên tắc dồn trọng lượng lên bàn chân phía trước, cúi đầu và rê nòng. Làm thế nào mà con biết trọng lượng được dồn lên chân trước? Bằng cách nhón gót phải. Cúi đầu, chuyển động, lấy tốc độ. Bây giờ việc con đoạt mấy điểm thì không là vấn đề gì nữa. Cha muốn con hạ chúng ngay khi chúng ra khỏi lồng. Chớ nhìn vào bất kỳ phần nào của con chim, ngoại trừ cái mỏ. Rê súng theo mỏ nó. Nếu con không nhìn rõ cái mỏ thì hãy nhắm vào nơi có lẽ là nó. Những gì cha nói con làm bây giờ chỉ là tốc độ.

Cậu bé là một tay thiện xạ bẩm sinh và, ông đã dạy để khiến nó trở thành tay súng hoàn hảo rồi hàng năm, khi bước vào mùa tập luyện để tăng tốc độ, nó có thể hạ từ sáu đến tám trong số mười con. Rồi tiến tới chín con và dừng tại đó; còn nếu tiến tới mức hạ hai mươi trên hai mươi thì hoàn toàn nhờ vận may và đó là tiêu chuẩn để

phân biệt những tay súng hoàn hảo với những tay súng khác.

Nó chẳng bao giờ đưa cho ba xem truyện thứ hai. Vào cuối kỳ nghỉ ấy, nó vẫn chưa hài lòng với đoạn kết của câu chuyện. Nó bảo nó muốn chữa cho thật hay trước lúc đưa ba đọc. Ngay khi hoàn tất, nó sẽ gởi cho ba. Nó có một kỳ nghỉ rất tuyệt vời, nó nói, một trong những kỳ nghỉ đẹp nhất, nó rất mừng vì đã đọc được nhiều, nó cảm ơn ba vì đã không bắt nó viết quá sức bởi lẽ nếu không thì sau kỳ nghỉ này nó lại cần một kỳ nghỉ khác, kỳ nghỉ này thật tuyệt vời, có lẽ đó là kỳ nghỉ đẹp nhất và mọi người hẳn đã trải qua những khoảnh khắc diệu kỳ trong số những lần đáng nhớ mà mình đã có.

Bảy năm sau, người ba đọc lại câu chuyện đã đoạt giải. Nó nằm trong một quyển sách mà ông đã tìm thấy khi xem qua sổ sách trong phòng cũ của con trai. Ngay khi đọc, ông biết câu chuyện của con mình được viết lại từ đầu. Đầu đã lâu lắm rồi, nhưng ông vẫn nhớ những cảm giác quen thuộc. Ông lật mấy trang rồi thấy, câu chuyện ở đấy, nhan đề cũng không đổi, trong một cuốn sách bao gồm nhiều truyện ngắn nổi tiếng của một nhà văn Ailen. Cậu bé đã copy nó chính xác như trong sách, kể cả cái nhan đề.

Trong vòng năm năm cuối của bảy năm ấy, kể từ khi truyện đó đoạt giải trong mùa hè cho đến lúc người ba tình cờ tìm ra cuốn sách, cậu bé đã làm nhiều chuyện thật đáng ghét và ngu ngốc, ba nó nghĩ. Nhưng điều ấy có lý do bởi tại nó bực mình vì ba đã bắt nó làm. Lỗi lầm của nó xuất phát từ sự bực bội. Trước khi việc đó xảy ra, nó vẫn là cậu

bé tốt. Nhưng chỉ một vài năm sau mùa hè ấy, nó đã đổ đốn ra.

Giờ thì ông biết cậu bé chẳng thể nào tốt nữa. Ông thường nghĩ như thế khi hồi tưởng lại mọi việc. Và quả thật là buồn khi biết rằng môn bắn súng cũng chẳng có ý nghĩ gì.

LÊ HUY BẮC dịch

MỤC LỤC

	Trang
<i>* Lời giới thiệu</i>	5
1. <i>ÔNG GIÀ TÔI</i> (1923). Lê Huy Bắc dịch.	11
2. <i>TRAI NGƯỜI DA ĐỎ</i> (1924). Lê Huy Bắc dịch.	30
3. <i>BÁC SĨ VÀ VỢ BÁC SĨ</i> (1924). Lê Huy Bắc dịch.	36
4. <i>TRƯỢT TUYẾT VIỆT DÃ</i> (1924). Lê Huy Bắc dịch.	42
5. <i>KẾT THÚC MỘT VẤN ĐỀ</i> (1925). Lê Huy Bắc dịch.	50
6. <i>CƠN GIÓ BA NGÀY</i> (1925). Lê Huy Bắc dịch.	56
7. <i>ĐẤU SĨ</i> (1924). Lê Huy Bắc dịch.	70
8. <i>NHÀ CỦA LÍNH</i> (1924). Lê Huy Bắc dịch.	83
9. <i>CON MÈO TRONG MƯA</i> (1925). Lê Huy Bắc dịch.	94
10. <i>SÔNG LỚN HAI LÒNG: PHẦN I</i> (1925).	
Lê Huy Bắc dịch.	99

11. SÔNG LỚN HAI LÒNG: PHẦN II (1925).	
	Lê Huy Bắc dịch. 111
12. NGƯỜI BẤT KHẢ BẠI (1926).	Lê Huy Bắc dịch. 125
13. NƠI XỨ LẠ (1927).	Lê Huy Bắc dịch. 166
14. RẰNG ĐỐI TỰA ĐÀN VOI TRẮNG (1927).	
	Lê Huy Bắc dịch. 174
15. NHỮNG KẺ GIẾT NGƯỜI (1927).	
	Lê Huy Bắc dịch. 181
16. TỔ QUỐC NÓI GÌ VỚI MÀY (1927).	
	Lê Huy Bắc dịch. 195
17. NĂM MƯƠI NGÀN DOLLAR (1927).	
	Lê Huy Bắc dịch. 209
18. MƯỜI NGƯỜI DA ĐỎ (1927).	Lê Huy Bắc dịch. 242
19. CHIM BẠCH YẾN CHO AI (1927).	
	Đào Thu Hằng dịch. 250
20. HÔM NAY THỨ SÁU (1926).	Lê Huy Bắc dịch. 257
21. BÂY GIỜ TÔI NÀM NGHỈ (1927).	
	Đào Thu Hằng dịch. 263
22. SAU CƠN BÃO (1932).	Lê Huy Bắc dịch. 275
23. LỊCH SỬ TỰ NHIÊN CỦA CÁI CHẾT (1932).	
	Lê Huy Bắc dịch. 284

24. MỘT NƠI SẠCH SẼ VÀ SÁNG SỬA (1932).	
	Lê Huy Bắc dịch. 297
25. MẸ CỦA GÃ PÊ ĐÊ (1933). Lê Huy Bắc dịch.	304
26. THỤY SĨ TÔN KÍNH (1933). Đào Thu Hằng dịch.	311
27. CON BẠC, BÀ XƠ VÀ RADIO (1933).	
	Lê Huy Bắc dịch. 330
28. CUỘC ĐỜI HẠNH PHÚC NGẮN NGỦI CỦA FRANCIS MACOMBER (1936). Lê Huy Bắc dịch.	357
29. TỔ GIÁC (1938). Đào Thu Hằng dịch.	403
30. CON BƯỚM VÀ CỔ XE TĂNG (1938).	
	Lê Huy Bắc dịch. 421
31. DƯỚI MỎM ĐẤT (1939). Lê Huy Bắc dịch.	436
32. CHẴNG CÓ AI CHẾT (1939). Lê Huy Bắc dịch.	455
33. CHÚ BÒ THỦY CHUNG (1951). Lê Huy Bắc dịch.	476
34. CON NGƯỜI CỦA THẾ GIỚI (1957).	
	Lê Huy Bắc dịch. 479
35. LÀ CON CHÓ DẪN ĐƯỜNG (1957).	
	Lê Huy Bắc dịch. 486
36. NGƯỜI MÙA HẠ (1972). Lê Huy Bắc dịch.	494
37. CON NGHĨ MỌI CHUYỆN ĐỀU GỌI LẠI TRONG CHA ĐIỀU GÌ BÓ (1987). Lê Huy Bắc dịch.	508

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỘC ERNEST HEMINGWAY

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ – BA ĐÌNH – HÀ NỘI

Điện thoại: 04.7.161.518 – 04.7.161.190

Fax: 04.8294.781

E- mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

290/20 Nam kỳ khởi nghĩa – Quận 3

Điện thoại: 08 8469858, Fax: 08 8485481

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN CỪ

Biên tập: BAN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Vẽ bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in: THANH THANH

ERNEST HEMINGWAY

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC


NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NHÀ SÁCH
30 HÀN THUYỀN
QUẬN HAI BÀ TRUNG - HÀ NỘI
ĐT/FAX: (04) 8246272



GIÁ: 60.000Đ